

Sách ebook này dùng để phục vụ đối tượng sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh... và những độc giả chưa có điều kiện mua sách.

Vui lòng không sử dụng file vào mục đích thương mại.

Nếu có khả năng, mời quý độc giả đặt sách giấy để ủng hộ công tác của thư viện.

Chân thành cảm ơn!

THƯ VIỆN HUỆ QUANG

116 Hòa Bình, Hòa Thạnh, Tân Phú, TP. HCM

Website: thuvienhuequang.vn

PHONG TRÀO
CHẤN HÙNG PHẬT GIÁO
(Tư liệu báo chí Việt Nam từ 1927 - 1938)

NGUYỄN ĐẠI ĐỒNG - PH.D. NGUYỄN THỊ MINH

Sưu tầm và biên soạn

**PHONG TRÀO
CHẤN HƯNG PHẬT GIÁO**

(Tư liệu báo chí Việt Nam từ 1927 - 1938)

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

thuvienhuequang.vn

LỜI NÓI ĐẦU

Phong trào chấn hưng Phật giáo ở Việt Nam đã được các học giả trong và ngoài nước đề cập nhiều đến trong các ấn phẩm từ năm 1942 đến nay.

Có lẽ do điều kiện đất nước chia cắt, việc tiếp xúc tài liệu của các học giả hạn chế nên các tác phẩm trên chưa phản ánh đầy đủ phong trào chấn hưng Phật giáo ở nước ta từ năm 1923 - 1945.

Vì lẽ đó, từ năm 2005 - 2007 chúng tôi đã tiến hành sưu tầm các bài báo viết về chấn hưng Phật giáo ở ba miền, trước mắt là báo chí từ 1927 đến 1938 lưu giữ tại Thư viện Trung ương Hà Nội, Viện Thông tin Khoa học xã hội, Thư viện thành phố Hồ Chí Minh, tủ sách của một số trí thức... tập hợp thành cuốn sách *Chấn hưng Phật giáo* (tư liệu báo chí Việt Nam từ 1927 - 1938) để góp phần giúp bạn đọc gần xa có tài liệu nghiên cứu về phong trào chấn hưng Phật giáo trong thời kỳ này.

Trong cuốn sách, chúng tôi chỉ sửa các lỗi chính tả cho phù hợp với hiện nay (như cách viết hoa, gạch ngang tên người, tên địa phương, các từ ngữ Trung Bộ, Nam Bộ thường dùng được phiên theo tiếng Việt phổ thông ...) để bạn đọc dễ hiểu.

Đây là tập một trong bộ sách *Chấn hưng Phật giáo (tư liệu báo chí Việt Nam từ 1927 - 1938)*. Chúng tôi sẽ cố gắng trong thời gian ngắn nhất cho ra tiếp tập 2 để phục vụ độc giả gần xa.

Chúng tôi rất mong được sự chỉ giáo của quý vị độc giả.

NĐĐ - NTM

ĐÔI LỜI GIỚI THIỆU

Tìm về quá khứ một giai đoạn lịch sử bi hùng của dân tộc và cũng là sự chuyển mình của Phật giáo nước nhà, chúng ta cần phải có những tư liệu thực tế chính xác để minh chứng cho giai đoạn đó.

Giai đoạn Chấn hưng Phật giáo (1927 - 1951) với một kho tàng văn bút trên các báo chí, tạp chí thời bấy giờ thể hiện những tư tưởng mới mẻ, như là thổi bùng một làn gió mới vào tâm tư và hoài bão của các giới trí thức Phật học nước nhà. Những tư liệu báo chí này là thực tế sinh động nhất của giai đoạn ấy, giúp cho các nhà nghiên cứu lịch sử hiện tại hình dung được bối cảnh đã qua, nhất là các Giảng viên, các Tăng Ni sinh trẻ ở các Học viện Phật giáo làm tư liệu tham khảo cho những học trình này.

Nhà nghiên cứu Nguyễn Đại Đồng, hậu sinh của Nhà Phật học Thiều Chửu - Nguyễn Hữu Kha, cùng với Sư Cô Tiến sĩ Tịnh Quang - Nguyễn Thị Minh trên bước đường đi tìm tư liệu báo chí ở giai đoạn Chấn hưng, đã có công tập hợp và sắp xếp lại những gì đã tìm thấy được, tuy rằng chưa thực sự đầy đủ, nhưng giá trị của tập tư liệu báo chí đầu tiên này thật sự hữu ích cho những ai quan tâm nghiên cứu về một giai đoạn lịch sử cận đại, thật đáng trân trọng thay!

Xin được cảm ơn hai tác giả đã cho tôi được đọc qua tập tư liệu này, nhân đó tôi cũng có đôi lời giới thiệu công trình này đến quý thiện hữu tri thức gần xa, để chia sẻ những tư liệu quý giá và cũng mong quý vị hãy cung cấp thêm những tư liệu gì mà các tác giả còn chưa biết, còn thiếu sót, để cho những tập tư liệu kế tiếp được hoàn chỉnh hơn, góp phần gìn giữ những tài sản văn bút của giai đoạn Chấn hưng Phật giáo nước nhà.

Viết tại chùa Xá Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh,
Mùa An cư năm Đinh Hợi, PL 2551-DL 2007.
Tỳ khưu Tiến sĩ Thích Đồng Bổn

NHỮNG CHỮ VIẾT TẮT

- | | |
|-------------------------------------|-----------|
| 1. Bán nguyệt san Đuốc Tuệ: | ĐT; |
| 2. Báo Đông Pháp: | ĐP; |
| 3. Báo Công Luận: | CL; |
| 4. Báo Tràng An: | TA; |
| 5. Chấn hưng Phật giáo: | CHPG; |
| 6. Đông Pháp Thời Báo: | ĐPTB; |
| 7. Đuốc Nhà Nam: | ĐNN; |
| 8. Hội đồng Quản trị: | HĐQT; |
| 9. Khai Hoá Nhật Báo: | KHNB; |
| 10. Kỷ yếu Hội Phật giáo: | KY; |
| 11. Hòa thượng: | HT; |
| 12. Hội Phật giáo Bắc Kỳ: | Hội PGBK. |
| 13. Hội Phật học Trung Kỳ: | Hội PHTK; |
| 14. Lục Tỉnh Tân Văn: | LTTV; |
| 15. Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học Hội: | NKNCPH ; |
| 16. Phật giáo tổng hội: | PGTH; |
| 17. Phật gia công học hội: | PGCHH; |
| 18. Phật học đại từ điển: | PHĐTĐ; |
| 19. Phật học tu thư xã: | PHTTX; |
| 20. Phật học tổng yếu: | PHTY; |
| 21. Phật giáo vấn đáp: | PGVĐ; |
| 22. Thực Nghiệp Dân Báo: | TNDB; |
| 23. Trung Lập Nhật Báo: | TL; |

Năm 1927

AI BẢO NƯỚC TA KHÔNG CÓ QUỐC GIÁO

Trong các bạn thanh niên ta bây giờ, ngoài những người theo đạo Thiên chúa ra, thường có nhiều người tự cho mình là không tôn giáo, tự cho mình là chỉ có tấm lòng tín ngưỡng chân lý. Mới thoạt nghe, tưởng chừng như trình độ văn minh của mình đã đến bậc nào, cho nên mới sản ra được lắm người có tư tưởng vô thần như vậy. Song xét cho kỹ thì các bạn ấy nói thể chẳng qua là lấy cớ không đến thấp hương, không vào chùa lễ Phật thì tưởng mình không theo đạo nào đó mà thôi. Chứ kỳ thực ra quốc giáo của mình vẫn còn, các bạn dù có tiến hóa mau đến bậc nào nữa, đã có thể tự phụ và là vô tôn giáo thể nào được.

Tôi nói thể chắc có người hỏi lại: Nước ta làm gì có quốc giáo, dân ta làm gì có được một nền tôn giáo đứng đắn mà theo? Những người hỏi như thế, chắc là vì trong lòng không xét thấy đạo Phật, đạo Lão ở ta, thể lực yếu hèn, giáo đồ rời rạc, không công nhận là một nền quốc giáo của ta cho nên mới phát ra câu hỏi kia đó mà thôi.

Phải, nếu tôi cho đạo Phật, đạo Lão là quốc giáo của ta, thì quả có như lời người ta nói thật đạo Phật, ở nước ta tuy rằng lâu đời là mỗi làng có một ngôi chùa những tôn giáo đồ nào được mấy người. Trong bọn nam nhi chùa một số sư cụ, sư

ông, sư chú, sư bác ra chú bác ta, anh em ta, và chính mình ta trong số một trăm người, nào mấy ai là kẻ trong một năm được “đồng trâu hương về chùa cúng Phật?” Còn bọn phụ nữ, thì đệ tử Phật chỉ riêng có một số sư thầy, sư bà, vĩ già, vĩ trẻ, Thế mà trong số các sư thầy, sư bà, vĩ già, vĩ trẻ ấy thử hỏi trước khi thế phát đi tu, góp tiền ăn oản có biết Phật là thế nào không? có biết sự tích Phật là thế nào không. Mà có biết giáo nghĩa đạo Phật là thế nào không, ấy là không kể phần nhiều những người ấy chỉ là hạng biết mấy tiếng “Nam mô”, dăm khoa cúng oản nữa, cứ tinh thế ấy sao có thể cho đạo Phật là quốc giáo của ta được. Còn đạo Lão ta thường gọi là đạo “Chư vị” mà gọi đạo “chư vị” là phải. Ông Lão Tử là một nhà triết học chứ hà tăng có phải là một nhà tôn giáo. Trong các sách ông làm hà tăng có dạy ai tín ngưỡng một vị thần, vị thánh mà các nhà thờ chư vị, hà tăng có mấy nhà biết đến ông Lão Đam là ai? Cái đạo “Chư vị” ấy kể thực ra thì là một cái đạo đa thần. Kẻ đặt ra giáo ấy, vì có phù chú, vì có thần tiên nên mượn tiếng ông Lão Tử, để tự phụ vào thanh lưu đó mà thôi. Đành rằng đạo ấy ở dân ta chiếm được cái lòng tín ngưỡng rất sâu. Thế nhưng cái giáo đó ít ỏi thần thánh lại bất nhất sao có thể gọi là quốc giáo của ta được. Giáo đồ chỉ một số các bà, các cô “bò sữa” của tụi đồng cốt buôn thần, bán thánh kiếm ăn, phần nhiều thờ ông Trần Hưng Đạo, ông Quan Vân Trường dù thế nào nữa ta cũng chỉ cho một là cách của lũ lừa đời lợi dụng tấm lòng sùng bái anh hùng. Còn như bà Liễu Hạnh về đời Lê mạt, ông Tề Thiên trong truyện Tây Du cùng bao nhiêu các vị khác nữa có nhà thờ vị nọ không thờ vị kia, có nhà thờ thần này không thờ thần khác. Tình hình bên trong rời rạc như thế, hồ đồ như thế sao có đáng là một nền tôn giáo chính đáng cho một nước cùng theo.

Tuy nhiên ngoài hai đạo ấy ra, dân ta há lại quả không có một nền quốc giáo, một nền tôn giáo cả nước cùng theo đó sao? Loài người sinh ra ở đời tuy tiếng khôn hơn muôn vật, song lọt lòng ra là đem theo cái dốt vô cùng. “Thấy ít lại bảo nhiều, trông lạc đà bảo ngựa lưng bướu”. Cái dốt kia gây cho mọi người một cái tính ngờ sợ viễn vông. Đem cái trí tưởng tượng ném vào vòng “bất khả tri” tự nhiên là sinh ra cái lòng tin có cái sức thiêng liêng làm chủ trương cho các hiện trạng thần bí: ngờ sợ sinh ra lòng mê tín tôn giáo chính là ở đây mà ra. Cứ lẽ đó mà suy, phàm dân tộc ở thế gian to nhỏ tất có một tôn giáo ngay từ đời nguyên thủy, cả châu Âu thờ thượng đế thế là một tôn giáo, thì một chòm Mán ở nơi hoang đảo nọ thờ một cây cổ thụ trong xứ thế cũng là một tôn giáo. Dân tộc ta cũng như dân tộc khác há trước khi đạo Phật ở ngoài chưa tràn vào, đạo Chư vị ở trong chưa nhờ tiếng ông Lão Tử mà nổi, dân tộc ta lúc ấy chỉ là hạng vô thần cả sao. Tôi nói thế, là cốt nói rằng ngoài đạo Phật, đạo Lão ở ta, ta còn có một nền tôn giáo riêng, mà nền tôn giáo riêng ấy là quốc giáo của ta đó. Quốc giáo của ta là gì? Nay theo tiếng thường xin đáp rằng tức là “Nho giáo” vậy còn nữa.

Nam Hải:

(KHNBS số 1637, ngày 13.1.1927)

CÁI VẤN ĐỀ CHẤN HƯNG PHẬT GIÁO Ở NƯỚC NHÀ

Trước đây ông bạn đồng chí của bốn báo là Nguyễn Quân Mục Tiên có đem cái vấn đề “chấn hưng Phật giáo ở nước ta ngày nay” mà chất vấn cùng các nhà hữu tâm với xã hội. Đến nay chúng tôi tiếp được bài lai cải sau này của một

vị cao tăng, hưởng ứng với bài luận thuyết của ông Nguyễn, chúng tôi rất vui lòng mà đăng báo. Tiện đây tôi xin thưa cùng hải nội chư quân tử ngài nào có ý kiến gì hay đối với cái vấn đề “chấn hưng Phật giáo” này xin cứ viết bài gửi về cho chúng tôi, thì chúng tôi hoan nghênh vô hạn.

Biên Tập bộ

Phật giáo ở Ấn Độ truyền bá qua Trung Quốc đương đời Đông Hán Minh Đế, theo Tây lịch thì vào khoảng độ giữa thế kỷ sau kỷ nguyên là năm thứ 65. Sứ Tàu đem hai ông sư Ấn Độ là Già diệp Ma Đăng (Kasyapa) và ông Trúc Pháp Lan (Tchou ba lan) về ở chùa Bạch Mã tự dịch bộ “Tứ thập nhị chương kinh”. Trong khoảng hai ba trăm năm đó có nhiều ông sư Ấn Độ và sứ Tàu phiên dịch kinh Phật (chữ Phạn dịch ra chữ Hán) không biết bao nhiêu. Đời Tây Tấn Huệ Đế có ông sư người Đại Nguyệt Thị (Ta Yeu tche) ở đất Tây bá lợi á (Siberie) là ông Trúc Pháp Hộ (Tchou ba hon) mà nhất là đời Diêu Tần có ông người ở Kout Cha là ông Cưu ma la thập (Kumarajiva) là người dịch kinh Phật nổi tiếng hơn cả.

Trung Quốc đã nhờ cái đại hạnh ấy, lại có nhiều vị cao tăng kiến tôn lập luận, khiến cho ngọn đuốc từ bi muôn trùng chói lợi, tiếng chuông kinh tỉnh khắp chốn vang lừng, mà Trung Quốc cũng cơ hồ như là cái trung tâm điểm cho Phật giáo ở các nước miền Viễn Đông. Phật giáo từ Trung Quốc truyền bá qua nước ta, khởi thủy chẳng biết vào thế kỷ nào và ông sư nào truyền giáo, vì ta không có sách vở chép rõ lịch sử Phật giáo nên không thể giải bày cho đích thực được; song chủ ý bài này chẳng phải là một bài lược khảo, tưởng chẳng cần phải tìm tòi cho lắm, chẳng qua là tra xét những cái nguyên nhân nó làm cho Phật giáo ở nước ta ngày nay đều phải suy đồi ngổ ể tìm phương mà bổ cứu vậy thôi.

Nước ta từ thế kỷ thứ nhất trở đi đã nội thuộc Tàu luôn, chắc có lẽ từ khoảng thế kỷ thứ ba đến thế kỷ thứ sáu thì nước ta đã có Phật giáo rồi. Nước ta cũng có nhiều vị cao tăng như đời vua Đinh Tiên Hoàng có những ông sư như ông Ngô Chân Lưu, Trương Ma Ni. Đời vua Lê Đại Hành có hai ông sư là Lạc Thuận và Khuông Việt. Đời Lý có các ông sư như Bảo Tính, Minh Tâm, Vạn Hạnh, Minh Không, Đạo Hạnh, Giác Hải. Đời nhà Trần thời có các ông như Huyền Quang, Pháp Loa đều là những bậc vừa thâm Hán học vừa thâm Phật học. Chẳng biết vì tại tiếng ta nghèo thiếu, hay tại chữ Nôm cũng khó phổ thông được, nên các ngài không chịu dịch kinh Phật ra tiếng nước nhà.

Từ khi nước ta có Phật giáo cho đến cuối thế kỷ XIX, chẳng luận nước ta nội thuộc hay là được độc lập tự chủ, Phật giáo cũng cứ ở yên trong cảnh giới chân như, chẳng hề giảm sắc chút nào. Ấy cũng bởi một là nước ta đồng văn đồng giáo với Tàu, hai là lịch triều ta đều sùng thượng Phật giáo cả.

Cho nên kinh Phật tuy là không dịch ra tiếng ta mặc lòng, song Hán học được thịnh hành chừng nào, thời Phật giáo càng vững bền, càng bành trướng mãi ra chừng ấy. Vậy thời Hán học há chẳng phải đại công thần của Phật giáo nước ta trong suốt mười lăm mười sáu thế kỷ nay đó sao?

Từ khi nước Pháp sang bảo hộ nước ta, đem tân văn hóa, tân học thuật v.v... ban bố cho ta, quốc dân ta đều khuynh hướng về tân học, thì tự nhiên Hán học phải hồi hưu, ấy là thời kỳ Phật giáo nước ta suy đồi vậy.

Tăng đồ (Tăng bảo) là người để xiển dương kinh luật (Pháp bảo) ra cho mỗi người được biết cái chủ nghĩa của ông giáo chủ (Phật bảo). Trước phải am hiểu cái chân thuyên mâu

nhiệm, sau mới có thể biết cái trách nhiệm nặng nề, cái nghĩa vụ to tát. Chúng ngộ được cái lý thuyết “Ta bà là Tịnh độ, phiền não tức Bồ đề” mới có thể thực hành được cái chủ nghĩa “xả thân phổ cứu”. Cho nên nghĩa vụ và trách nhiệm của Tăng đồ chẳng những đối với cố hương Tổ quốc mà cả với thế giới, chẳng những đối với nhân loại mà cả với chúng sinh, chẳng những ở đời hiện tại mà cả với đời vị lai nữa vậy.

Xét lại Tăng giới hiện thời ở nước ta mà nhất là ở Nam Kỳ phần nhiều không chịu chuyên tâm về đường học vấn, kẻ hảo tâm thời lo độc thiện có khi lạc vào cái chủ nghĩa yếm thế nên không biết nghĩa vụ và trách nhiệm của mình; mình đã chẳng biết thời làm sao truyền bá ra cho người khác biết được? Phật lý đã không rõ rệt, nên những kẻ tại gia tín ngưỡng phần nhiều là mê tín, chỉ biết đốt hương cầu khẩn Phật, Thần phù hộ, cho cuộc đời của mình được sung sướng thoải mái mà thôi, chớ ít có ai tiêm nhiễm được chút từ bi bác ái, thành ra cái chùa Phật hình như là cái Bảo hiểm công ty, thời tránh sao cho khỏi những kẻ gian tà họ lợi dụng để mưu kế sinh nhai, khiến cho trong Tăng giới hằng diễn tấn bi kịch.

Bởi Phật lý không xương minh nên lưu lệ cho đến đôi kẻ tín ngưỡng không biết phổ tế mà chỉ vì mình không biết tự giác mà cứ ỷ lại như thế, thật rất ngăn trở cho đường tiến hóa nước nhà lắm thay. Vậy thời cái vấn đề CHPG muốn giải quyết được mà gây cho toàn thể quốc dân ta một cái nền tín ngưỡng chính đáng sau này, theo như cái thiển kiến của tôi thời có ba cách:

1. Lập Phật học Báo quán cho dễ truyền bá Phật lý ra, được văn hồi lấy tinh thần và trừ khử những điều mê tín.

2. Lập Phật gia Công học để đào tạo những bậc có tư cách đứng đầu để truyền giáo về sau.
3. Dịch Kinh Phật ra tiếng ta, để cho Phật giáo ở nước ta sau này khỏi sợ đến thất nguyên.

Hồ thẹn thay! Vẫn biết rằng cái trách nhiệm này chẳng phải là trách nhiệm của quốc dân, mà chính là cái trách nhiệm của Tăng giới, song mấy phen tôi đã đem vấn đề này yêu cầu những bậc lão thành trong Tăng giới Nam Kỳ, tiếc vì không có nhân tài đứng ra mà để xướng lại không ai có quyền quản lý giáo hội, vì thế mà tôi phải thất vọng. Vả lại trong nước những vấn đề quan trọng còn nhiều, nên tôi chưa có thể đem cái vấn đề này ra mà yêu cầu với những bậc trí thức trong nước được.

Nay tôi lấy làm hân hạnh được đọc bài của ông Nguyễn Mục Tiên đề xướng cái vấn đề CHPG nước nhà, tôi lấy làm cảm động lắm. Về phần riêng của tôi xin thăm tạ tấm lòng của ông, có lẽ tôi được thỏa vọng nên chí mới tỏ bày thiển kiến ra đây, để xin các ngài trí thức trong nước ta ai có lòng muốn CHPG nước nhà, đứng ra tổ chức một cái Hội CHPG, liên hiệp những người nào trong Tăng đồ mà có biết nghĩa vụ và trách nhiệm của mình đăng thi hành ba cách tôi vừa mới nói ra ở trên, thời cái vấn đề này cũng có thể mong giải quyết được vậy.

Hoặc giả lo rằng nếu nhất đán Phật giáo chấn hưng được rồi, quốc dân đều tín ngưỡng mà chan chứa tấm lòng từ bi bác ái, thì chi khỏi nhụt mất cái nhuệ khí cạnh tranh, mà thành ra khó sinh tồn được trong buổi đời ưu thắng liệt bại. Ta chỉ lo cho quốc dân ta không giàu tấm lòng bác ái từ bi, nên mới hằng thấy cái thảm (nồi da xáo thịt). Nếu quốc dân ta qua được giàu lòng bác ái thời không vì lợi nhỏ mà tương tàn không vì hiềm riêng mà chia rẽ.

Bâng khuâng tác dạ trung thành đối với quê cha đất tổ không bao giờ lãng xao đi được. Bao giờ cũng tận tâm kiệt lực lo cho tiền đồ nòi giống ta có một ngày vẻ vang cùng thế giới.

Huống chi trong sách Phật có những câu: “Chân như giới nội, tuyệt sinh Phật chi giả danh; bình đẳng tính trung, vô tự tha chi hình tướng”, nghĩa là: Chúng sinh cùng Phật đồng cảnh chân như, mình cùng người có một linh tính. “Nhất thiết chúng sinh vị lai chư Phật”, nghĩa là hết thấy chúng sinh là Phật vị lai. Tưởng cũng không trái với phong trào “dân chủ”. “Tự tính tự độ, danh vi chân độ” nghĩa là: Tự mình độ lấy mình, mới chân độ. Ấy là cái tính cách “tự lập”, há chẳng phải là cái phương thuốc để trị cái bệnh “ỷ lại” của ta sao? “nhược nhân dục liễu trí, tam thế nhất thiết Phật, ứng quan pháp giải tính, nhất thiết duy tâm tạo”. Nghĩa là nếu ai muốn biết rõ biết chư Phật ba đời, thì coi pháp giới tính đều bởi lòng tạo ra cả. ấy là làm nô lệ tự mình, làm chủ nhân tự mình, yếu hèn tự mình, giàu mạnh tự mình, há chẳng phải cái nghĩa “tự cường” sao? “Vô quái ngại cố vô hữu khủng phố” nghĩa là ta biết cái nghĩa vụ của ta rồi, thời không còn nghi ngại gì nữa, cho nên không khiếp sợ gì cả. “giã sử nhiệt thiết luân, ư ngã đành thượng truyền, chung bất vị thử khổ, nhi thối bồ đề tâm” nghĩa là: Dầu cho vừng sắt nóng lăn trên đầu ta đi nữa, cũng không vì khổ đó mà thôi đạo tâm. Thế thời đã thờ một cái chủ nghĩa cao thượng thời dầu cho gặp mỗi phú quý cũng không ham, gặp cảnh gian nguy cũng không đổi, thấy oai sấm sét búa rìu cũng không rúng.

Vậy thời Phật giáo đã không trở ngại con đường tiến hóa của ta, lại có thể bổ cứu được những điều khuyết điểm về tinh thần cho ta. Cầu xin các ngài trí thức trong nước muốn CHPG nước nhà có điều cao kiến vui lòng chỉ bảo cho, và phát đại từ

đại bi đại hùng đại lực đồng thể nguyện theo Phật rằng: “Như nhất chúng sinh vị thành Phật, ngã bất ư thử thử nê hoàn”, nghĩa là: Như có một chúng sinh nào còn trầm luân, thời ta chưa chịu thành Phật vội.

Thiện Chiếu

Linh Sơn tự

(ĐPTB số 532, ngày 14.1.1927)

VỀ VIỆC CHẤM HUNG PHẬT GIÁO

Bần tăng pháp hiệu là Tỉ khiêu tự Lai, trụ trì chùa Tiên Lữ, tục gọi chùa Hang, ở làng An Thái, đồn Đồng Bẩm, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, vì mới đến giữ chùa được vài ba năm nay mà chùa vốn là một chốn danh lam thắng tích đã bị hoang vu lâu rồi. Bần tăng xin phép quan trên quyên giáo thập phương để mở mang cảnh Phật cho được sáng khải, đã được quan trên cho phép, nay công việc đã hoàn thành. Nhân việc tu tạo chùa được mấy nhà thiện tín ở Hải Phòng mời về, trước là cúng vái đọc kinh cho người ta, sau là người ta đem tâm tán thành thêm vào việc phúc đức, bần tăng mới xuống Hải cảng.

Xuống Hải cảng được nghe thấy đến có hai nhà, một nhà giàu có ở đường Quần Ngựa, một nhà ở phố Tám Gian, đều được một đạo mới trong Nam Kỳ phát ra mấy quyển kinh, bây giờ hiện đã thành bàn thờ, tối đến đã có người đến hai nhà ấy phụ các tiên thánh giáng bút, mà có đâu cả hai cô giáo nào cũng đã vào làm tín đồ rồi! Những nghe nói đã ngại ngùng, thời buổi canh tân, xã hội ta thật nhiều đạo mới lạ. Riêng cũng đã than Phật giáo ngày suy, đối với xã hội nhường như không còn mấy thế lực, mà bụng tín ngưỡng của các nhà đi lễ chùa

ngày nay cũng đã nhạt nhẽo đi nhiều. Hoặc bởi phong hội mở mang hoặc tại sự môn trề nải, chức đương bản khoản suy nghĩ, chưa tìm ra phương không chỉnh lại đôi phong.

May được một ông đọc nghe từ ĐPTB ở Saigon có bài của ông Nguyễn Mục Tiên bàn về sự nên CHPG, thật bản tảng lấy làm phấn chấn trong lòng. Biết rằng các bậc trí thức trong nước Việt Nam ta cũng vẫn còn có người đoái tưởng đến Phật giáo, mong vì Phật giáo chấn hưng, lại nghĩ đến những ngày hội chùa Hương Tích thiên hạ đi cầu có hàng muôn ngàn ức, mà ngay như chùa Hang mà bản tảng trụ trì đây, ngày hội 20 tháng giêng trở đi suốt mùa xuân, thiện nam, tín nữ, thái ông, lão bà đi đến lễ Phật tham thuyền, tính cũng có muôn nghìn ức triệu thì Phật giáo ở lòng dân ta kể cũng vẫn là sùng tín biết bao!

Xem như thế Phật giáo mang tiếng suy đồi chính ở nơi thuyền gia thất sách vậy. Bản tảng nói ra đây cũng biết, nếu các bậc sư trưởng nghe thấy sẽ hiểu lầm mà trách bản tảng sao tự trong nhà chùa lại kể lỗi mình ra. Song, xin thể ý chính của Phật đạo mà rung hồi chuông cảnh tỉnh cho tất cả mọi người, cốt sao cho giáo nghĩa được hành, thiện được rộng, mà không kỳ quản chi ai trách móc vậy.

Trong giáo nghĩa nhà Phật ta có dạy người đi tu tức là các vị Bồ tát, phải đem lòng phả độ chúng sinh mới được. Phả độ chúng sinh là thấy chúng sinh mê muội chìm đắm trong bể tà dục, mải miết trong trường ác nghiệt, Phật là một bậc người tiên giác, phải đi đánh thức cho mọi người hồi tỉnh quy y. Đức Thích ca Mâu ni có nói rằng: “còn có một kẻ chúng sinh nào chưa thành Phật ta thề không thành Phật” nghĩa là “người” quyết độ cho kỳ hết thấy chúng sinh đều trở nên Phật là những

bạc tỉnh táo, không còn kẻ nào u mê ác nghiệp nữa, bấy giờ ai cũng là Phật cả “nhất thiết chúng sinh giai thành Phật” nghĩa là hết thấy mọi kẻ có đời ở trên mặt đất đều có thể không biết cả, ấy cái công nghiệp của Phật tổ to tát thay! Muốn đạt cái mục đích ấy thì: người” cùng những người đồ đảng “người” là các vị Bồ tát đều phải đăng đàn thuyết pháp nghĩa là đứng ra mà giảng thuyết cho mọi người biết cái phép mầu của “người”. Phàm người nào theo đạo Phật, đều phải có lòng từ bi bác ái như Phật, mong đi cứu khổ cứu nạn cho chúng sinh, ấy là nói qua cái nghĩa chính của Phật giáo là như thế.

Nay thử hỏi các nhà chùa, nào sơn môn nọ, nào sơn môn kia, đã ai thể được cái ý đăng đàn thuyết pháp mà làm ra ở các nơi chùa những đàn giảng để ngày ngày giảng thuyết giác ngộ cho các người lại đó lẽ Phật biết đến thâm ý Phật mà làm ăn cư sử các việc từ thiện như Phật tâm cùng Phật tính chưa? Trong kinh Phật có câu rằng: “Báng Phật nhiều hậu thành Phật, bất tri Phật nhi lễ Phật giả tội thậm ư báng Phật” nghĩa là chê Phật thì sau thành Phật không biết Phật mà lễ Phật thì tội nặng hơn chê Phật. Câu nói ấy sâu xa lắm. Ý Phật nói rằng “kẻ nào chê “người” tất phải dò xét “người” khi xét ra “người” mà theo “người” thì chắc là phục “người” đến nơi đến chốn, không khi nào theo càn theo bậy nữa, chứ đã không biết người là gì mà cứ lễ tràn đi thì ai mà chẳng theo được. Ôi! đức Phật, người có muốn cho những kẻ không biết “người” là gì mà cứ mù mắt đi lễ “người” đâu? Phải biết “người” mà quy y “người” thì “người” mới ban phúc cho vậy. Thế thì xưa nay ở nước ta biết bao nhiêu người không biết Phật là gì, cứ lễ Phật tràn đi, đeo tội với Phật? Cái tội ấy nào phải tự người ta phạm đâu, chính là bọn nhà chùa, các sư ta nhân tuần làm cho người ta tín ngưỡng vô tình

mà mang tội với Phật, song tội đó có lẽ thuyên gia ta phải gánh vác. Muốn cho ai ai cũng hiểu Phật thì phải lập ra giảng đàn mà phải đem kinh đem sách ra thuyết pháp cho người ta hiểu. Lại ngày nay nhờ có chữ quốc ngữ nhà chùa muốn cho ai ai cũng hiểu Phật giáo đến uyên vi, chi bằng ta đem ngày kinh sách dịch cả ra quốc ngữ, phổ tống cho thập phương thiện tín, cho đâu đâu cũng nhập điều phép mẫu mới phải. Hỏi việc đó xưa nay đã ai làm chưa?

Đến như việc giác thế, dạy khôn cho người đời, thì từ xưa đến nay nhà chùa ta đã dựng ra được nơi trường học nào cho dân gian tín ngưỡng cho con cái đến học chưa? lại cả việc “cứu khổ, cứu nạn” thì hỏi nhà chùa ta đã có đâu lập ra được Phúc đường để nuôi người tàn tật cứu trẻ con côی chưa?

Những việc ấy chưa có bao giờ cả. Cái nguyên nhân tại thế nào, nói ra thật là phức tạp. Nay tôi vì xem ĐPTB cảm động muốn phát phần, đem lòng Bồ đề ra làm việc CHPG cho hợp đương thời. Muốn xin các bạn thuyên gia cùng thiện nam tín nữ thái ông lão bà ở trong nước, khắp Trung, Nam, Bắc cùng nhau làm ba việc ở trên đã nói đó.

1. Ở trong chùa xin lập ra đàn giảng thiện, cứ tối tối giảng thuyết vài mươi phút đồng hồ cho thiện tín đến nghe, và mời các bậc thông nho biết chữ quốc ngữ hiệp với nhà chùa cùng dịch các kinh Phật chữ nho ra chữ quốc ngữ, lại cũng mời các nhà thông tiếng Pháp dịch các sách Phật bằng chữ Pháp ra quốc ngữ để phổ tống cho đồng nhân.

2. Mở ra bên cạnh các chùa những trường Sơ học yếu lược, trường Cao đẳng tiểu học đón các thầy giáo theo lệ luật nhà nước dạy học, chỉ thêm mỗi buổi học mười phút giảng kinh Phật;

3. Lập ra bên cạnh mỗi chùa một cái nhà nuôi kẻ khó, thu các người tàn tật đói khó vào nuôi, dạy cho nghề nghiệp sinh nhai, làm nhà bảo cô thu các trẻ con mồ côi vào nuôi cho ăn học.

Tự xưa đến nay chưa có, bây giờ Bản tăng ở một cảnh chùa mạn ngược hẻo lánh mà dám xướng xuất ra thực cũng có người cho làm vu khoái. Song sự đó cũng còn trông cậy vào trong bốn đạo các bậc sư trưởng cùng các nhà thiện tín vậy.

Thô xuất vài lời nhờ báo chương đề đạt, các ngài tán thành thời xin gửi thư đến cho Bản tăng được lĩnh ý. Mong lắm thay!

Pháp tăng: **Tử khiêu biệt tự Lai**
Trụ trì chùa *Tiên Lữ*, Thái Nguyên
(*KHNB* số 1640, ngày 16.1.1927)

VẤN ĐỀ TÔN GIÁO Ở NƯỚC TA

Chắc độc giả còn nhớ: Hôm nọ Hà thành mới có một trận hoả tai. Trận hoả tai ấy cháy mất 2 toà nhà ở trong chùa “Bà Đá” là một nơi cửa Phật có tiếng, thiện nam, tín nữ ở các nơi thường về đây lễ bái đông lắm.

Một trận hoả tai, mấy gian nhà tổ vốn không có giá trị đáng nhắc lại đây. Sở dĩ đáng nhắc lại đây là trong tòa chùa ấy đã có được một câu chuyện cũ, rất thú vị, rất đáng cho ta ngẫm nghĩ.

Câu chuyện ấy là câu chuyện gì? Về đời vua Minh Mạng dân ta có cái phong trào “Sát tả” tức là cái phong trào làm cỏ những người theo đạo Gia Tô.

Than ôi! cùng con Thượng đế, cùng cháu Hùng Vương, cùng chung giọt máu đỏ Hồng Bàng, cùng là lũ đen đầu Nam Việt cố chi lại có cái thủ đoạn dã man tương tàn tương sát lẫn nhau như vậy? Câu chuyện thương tâm ấy có phải là cũng bởi cái lòng kỳ thị tôn giáo như dân các nước khác, các đời khác đó không? Thưa rằng: Không!

Cái lệnh “sát tả” độ ấy không phải là tự dân chúng mà chính là tự triều đình, không phải là tự lòng kỳ thị tôn giáo mà chính là tự oai áp chế tàn bạo. Điều đó, chắc trên thế gian này mới thấy xuất hiện ở nước ta là một. Tuy vậy độc giả chớ nên lấy làm ngờ.

Nói đến đây, tôi mới tiện nói với câu chuyện cũ ở chùa Bà Đá: Trong lúc người trọng đạo Gia Tô, phải cái nạn tàn sát ấy nào giáo sĩ phương Tây, nào giáo đồ trong nước, phải tâm nã hành hạ rất khổ. May sao, mấy cố cụ, ít nhiều con chiên thuộc về nhà thờ Hà Nội này, lại có chùa Bà Đá là nơi lánh nạn. Chẳng nói thì ai cũng rõ rằng bọn thừa hành cái lệnh “sát tả” kia, không có lẽ lại vào nhà chùa mà tìm người đi đạo. Mà các sư chùa Bà Đá lại mở lòng từ bi, hết sức giấu diếm bảo hộ cho anh em “đồng nghiệp”. Bởi vậy tuy sau đấy phong trào diệt đạo đã tro tàn lửa tắt mà các người trong Giáo hội Cơ đốc đối với chùa Bà Đá vẫn còn giữ một cái thiện cảm mặn mà. Năm trước, trong chùa có sư cụ về “Tây phương” trong Giáo hội cũng có đư. tiền ra phúng viếng và cất mấy vị giáo sĩ ra đưa đám. Lấy trong đám tang một vị Hoà thượng đạo Phật, mà người đưa lại có vài ba giáo sĩ đạo Thiên Chúa, các bạn độc giả hoặc người có biết cái thảm hoạ về tôn giáo chiến tranh ở các nước hoặc người không biết đọc đến đây trong lòng có lấy làm cảm động không? Câu chuyện ấy tôi mạn phép dám cho là câu chuyện hay, hay cho cái óc thuần lý, hay cho con người

biết nghĩ, mà hay cho cái tiền đồ văn minh cái hạnh phúc nhân loại nữa cũng chưa biết chừng!

Cái tôn giáo chiến tranh tàn bạo bao nhiêu thì câu chuyện này đằm thắm bấy nhiêu. Cái tôn giáo chiến tranh thảm hại bao nhiêu thì câu chuyện này êm ái bấy nhiêu, cái tôn giáo chiến tranh dã man bấy nhiêu thì câu chuyện này cao thượng bấy nhiêu, cái tôn giáo chiến tranh làm hại giống hại nước, hại xã hội người ta bao nhiêu thì câu chuyện này vẻ vang cho giống cho nước cho xã hội chúng ta bấy nhiêu. Nhân một câu chuyện này tôi dám quả quyết nói rằng Tổ quốc ta dù ảm đạm vạn phần, suy yếu vạn phần theo chân nối gót, nấp bóng nương chân vạn phần cũng có được một phần đủ tự phụ, tự hào, tự cao tự quý tự treo một tấm gương sáng cho nhân loại soi chung được, ấy là cái tinh thần “tôn giáo liên hiệp”.

Một nhà Đại văn hào ở nước Tàu đời xưa là Tư Mã Thiên có nói rằng: “cái nọc thù oán ở lòng thù oán của loài người ghê lắm thay!” Câu nói ấy đến bây giờ mà càng ngày càng thấy nghiệm. Cái nọc thù oán ấy là gì? Lấy tiếng thường dùng bây giờ ta quen nói là tấm lòng kỳ thị! Than ôi! tấm lòng kỳ thị! tấm lòng kỳ thị! đã bao nhiêu tài sản hy sinh vì mà? đã bao nhiêu tính mạng thí bỏ vì mà? đã bao nhiêu mưa tên rừng đạn vì mà? đã bao nhiêu gò xương bể máu vì mà? Đã bao nhiêu chủng tộc tan hoang. Quốc gia đổ nát, văn minh tàn vạc, nhân loại đau đớn vì mà? Cái thế lực mày mạnh, cái tội ác mày to, cái cội gốc mày sâu, cái nọc độc mày ác, nào kỳ thị về chủng tộc, nào kỳ thị về quốc gia, nào kỳ thị về đảng phái, nào kỳ thị về tôn giáo, cho đến ngày nay. Cái văn minh vật chất đang lúc hết sức bành trướng, mà con một nhà người một nước cũng ngấm ngấm, cái mối kỳ thị giai cấp, kỳ thị nam nữ, làm cho mặt đất ngày nay mất hẳn cái không khí thân yêu,

loài người ngày nay mất hẳn cái hạnh phúc êm ái, năm năm chịu cực giết nhau, hại nhau, đâm nhau, chém nhau, đè đầu nhau, tranh quyền nhau, cướp lợi nhau, tìm nhau ở chỗ ốc cạn tìm mồn, xương khô máu kiệt ai không bảo là tự mà y.

Nam Hải

(KHNBSố 1643, ngày 20.1.1927)

NÊN CHẤM HUNG PHẬT GIÁO NƯỚC NHÀ

Tôi thiết tưởng ai cũng là nòi Hồng Lạc, ai cũng là giống Rồng tiên vì sao mà chia rẽ cái nhân tâm, không đặng hiệp quần cho nhất đặng, tại sao vậy? Bởi mỗi người mình theo mỗi tôn giáo riêng, thờ mỗi chủ nghĩa khác, cho nên người đồng loạt lúc đối phó cùng nhau, coi tựa hồ như người dị loại pha lẫn, coi mừng tượng như kẻ khác giống lộn vào, toan kiếm điều khích bác cùng nhau, rồi tể ra nôi da xáo thịt. Chớ chi nước nhà ta, toan lòng tín ngưỡng mà sùng bái một tôn giáo cho đặng hoàn toàn, thì cái nhân tâm của người mới đặng hợp nhất, cái cử chỉ hành vi thi thố mọi điều, mới mang kết quả có phải vậy chăng? Như vậy đương thời đại này, cũng nên hiệp cùng nhau mà thờ một cái chủ nghĩa, theo lời ông Mục Tiên nói. Tôi xin mấy ông có chí trong nước, có lòng nhớ đến Tổ quốc non sông Nam Việt, cũng nên phấn khởi đại Bồ đề tâm, cũng nên phát đại từ bi chí nguyện, mục đích của Phật giáo có câu “đại từ giả, giữ nhất thiết chúng sinh chi lạc, đại bi giả, bác nhất thiết chúng sinh chi khổ”, nghĩa là lòng bác ái của một đấng chí tôn, muốn cho mỗi người đều hưởng cái thú vui cả, muốn cho mọi loài đều tránh khỏi cái biển khổ cả, phàm như tiên bối mình sùng bái đạo nào. Phận con cháu cũng tín

ngưỡng theo đạo này, “khả vị hiền đã nhược như thử dã, khả dĩ đại biểu nhân quần, tiếp liên lạc tương thân tương ái, túc vĩ duy trì xã hội, kết đoàn thể khả mộ khả hơn”, dạng như thế thì cái vấn đề từ bi đúng đắn lắm rồi. còn như Tăng giới nước ta thì phải ráng mà khảo cứu sách Phật, cho tuyệt điểm cùng nguyện, trước là tu thân dưỡng tính của mình, sau phải cùng trần ban bố trong thiên hạ, muốn cho mỗi người đều hưởng cái ơn trách của tôn giáo cả, tôi ước mong rằng, theo mỗi chùa một tháng phải có hai ngày sóc vọng ông sư làm mô phạm trong chùa ấy, thì phải giảng đạo cho môn đệ nghe, thì cái mỗi cảm có lẽ thâm thúy vào trong trí não, nặn mà trong thân thì mới không ngã lòng mà thối chí. Chớ phần nhiều bên nữ giới trong nước ta, nhiều người tôn sùng Phật giáo, mà ít người hiểu hai chữ quy y là thế nào, niệm Phật ăn chay mà không biết nghĩa là là dưỡng bao, có phải là tại trong tăng giới ít người khảo cứu đâu có khảo cứu cũng ít kẻ diễn giải ra quốc văn, bởi thế nên có câu, thì cần chung giải, nghĩa là sùng bái lâu ngày, chỉ vọng thân này cho vinh vang một thuở, cầu chúc cho mạnh giỏi sống cả đời đời, ngờ đâu hễ gặp cảnh gian truân buộc lòng bứt rứt, coi không thấy cảm ứng, nguyện chẳng linh thiêng, túng phải xao lãng, đâu biết rằng tôn giáo rất nhiệm rất màu, phải chú ý chuyên tâm đổi lòng cho sạch, cho dạng nhiều kiếp nhiều đời, chừng ấy mới công viên thành tựu, lời tôn giáo rất hay, nên gia công làm rất khó, chớ như dễ thì mỗi người đều dạng, đâu có biển khổ sông mê toan nói làm chi cho bận, tuy nói như vậy nhưng mà bọn ta cũng nên gìn hai chữ từ bi là đủ, cũng nên giữ một câu niệm Phật là rồi. Đó chữ “Niệm Phật già, cảm Phật chi đức” có lẽ mô ma Phật không ứng độ cho hay, chữ cảm ứng đạo giáo, tựa trĩ từ đâu ư trĩ từ mẫu v.v.. vì vậy nên tôi đối với cảnh hồng trần chừng

nào, thì càng thêm chan chứa chừng nấy. Đau đớn thay, vì mối cảm tình trong tôn giáo, in sâu sắc trong trí não buộc phải thỏ thẻ đôi hàng nhắm cảnh từ bi mà ngậm ngùi vắng tai nghe chuông trống vang reo dường tỉnh thức chiêm bao trong giấc mộng. Khảo sử Phật thấy có ông Nguyễn Khôi Thiên sư, lúc nhập định tham thiền, vì chúc vọng thân đi du mộng, phải giáng trần làm vị để sáu mươi năm sau mới tu lại mới đắc đạo thành chính quả. Nghĩ đến thế nên có khi đổi cảnh phù vân, đục lòng bứt rứt, vì cảnh mê trần nên phải lụy, gián cõi trần chỉ cho khỏi kiếp tử tử sinh sinh phàm có thân bất cứ hạng người nào cũng có vẻ ưu sầu theo mỗi hạng, nên vậy có mấy chút vui chi, mà toan lòng mê đắm trong trường quyền lợi hư danh, kẻ vị tài người vị sắc dìu dắt nhau mà xuống xuống lên lên khổ thay cho linh hồn quá gắt, vì vậy nên đáng chí tôn giáo chủ ứng hiệu ra sau kiếp rốt thiên giáo mà để sách truyền kinh toán vượt loài người cho khỏi đắm chìm nơi bể khổ, như vậy thì bọn ta hậu phước lắm ru, có nhân duyên nhiều đời lắm nhỉ, chữ phỉ tặc “anh chi hữu hạnh, khởi đắc ngộ ư tư nhân” lẽ thì ta nên thực hành cái chủ nghĩa bất diệt bất sinh, về đặng chốn tịnh bang có phải là hưởng cực lạc an nhàn muôn thuở, linh hồn ta đặng phần linh hồn hoán khái khỏi cảnh khổ muôn kiếp ngàn năm, trực nhìn chân dung ông giáo chủ coi tựa hồ có vẻ lim dim hiu hắt mừng tượng như buồn bã chi đâu, hay là mĩa mai như đau đớn cho chúng sinh chưa tỉnh hồn trong giấc mộng. Tôi cũng biết cái phong trào này chuyên về đường hoạt động cạnh tranh dân trí, càng nhiệt tâm về con đường tiến bộ mà tôi đem giải cái vấn đề yếm thế này thì là trái ngược với phong trào, lại không thích hợp với thời thế, dường như đổ nước lã vào đóng lửa nóng, chẳng là nguội lạnh lắm ru. Tuy vậy, tôi thiết nghĩ có một điều rất thích hợp với phong trào là

cái chủ nghĩa đại đồng đạo nhất đức nhất tâm, thì cái tương lai giống nòi ta có lẽ cây nường đó mà vẻ vang mây mặt, tôi hổ mình thiếu học lễ đáng điềm nhiên, ngật bợn đồng song thúc dục buộc phải như thế, gương phải mon men, tỏ chút lòng tán thành trước để cho mau đạt, thô trần thiển kiến lược biểu đồng tâm, cách CHPH trước hết phải thiết học đường sau sẽ xin chính phủ rộng lòng cho phép lập báo quán Phật gia thời mới mong có kết quả vậy.

Thiện Tông

Chùa Trường Thạnh, Sài Gòn
(DPTB số 538, ra ngày 26.1.1927)

VẤN ĐỀ TÔN GIÁO Ở NƯỚC TA

Dữ kỳ chia rẽ nhau mà cùng chịu chung cái hại to như thế chi bằng liên hiệp nhau mà cùng theo một cái công nghiệp chung, cùng dạy cho loài người cùng biết thờ vị “ái thần” là ông thần chung của các tôn giáo?

Cái ý kiến liên hiệp tôn giáo, xin thú thực là ghi ý kiến của người khác, mà tôi mong đem thực hành ở nước ta.

Hồi đại chiến vừa rồi, một nhà danh sĩ Tàu có làm một bài “tức chiến luận”, bàn việc liên hiệp các tôn giáo để làm cái cơ sở hòa bình. Năm kia đây, ở Thiên Tân bên Tàu cũng có họp một cuộc tôn giáo liên hiệp hội nghị, có hàng mấy trăm đại biểu là tín đồ các đạo Nho, đạo Phật, đạo Lạt Ma, đạo Thiên Chúa đến dự hội, Có cả ông Giáo hoàng đạo Lạt Ma là Hoạt Phật cũng đến. Coi đó thì sự liên hiệp tôn giáo ở thế giới ngày nay đã được nhiều người biểu đồng tình. Ý tưởng là mẹ đẻ ra sự thực, có ý tưởng chắc sẽ có ngày có sự thực.

Tuy nhiên, sự liên hiệp tôn giáo ở nước khác thì khó, chứ ở nước ta thì dễ. Ở nước khác, ví dụ như Ấn Độ, như ở Philippines cái lòng kỳ thị tôn giáo đến bây giờ còn gây ra bao nhiêu là kết quả xấu. Ngoài hai nước ấy ra, các nước khác trong lúc này, cái chủ nghĩa dân tộc đế quốc đương bành trướng. Do cái lòng ô di bài ngoại, mà cái kỳ thị tôn giáo vẫn còn cố để thâm căn ở trong hồn tính người ta. Bàn đến sự liên hiệp tôn giáo ở các nước ấy là một việc rất khó.

Duy ở nước ta thì tình thế có dễ hơn chút. Cái lòng ái quốc chưa lên đến trình độ dân tộc. Mà các tôn giáo xưa nay cũng không có cái đặc trưng gì là kỳ thị nhau đến mức nông nân. Hiện thời dân ta có ba tôn giáo: đạo Nho, đạo Phật và đạo Gia tô. Xin bỏ đạo Chư vị (tức đạo Lão) ra ngoài, vì nó không thành ra là một nền tôn giáo đứng đắn được. Trong ba đạo ấy thì đạo Phật, đạo Nho đã hoàn toàn liên hiệp, như trong bài "*Ai bảo nước ta không có quốc giáo*" tôi đã nói, một nhà dân ta, bên cái bàn thờ ông vải có thể đặt được cái bàn thờ ông vải có thể đặt được cái bàn thờ Phật, một người nước ta có thể vừa là tín đồ đạo Nho, vừa là tín đồ đạo Phật được cái bàn thờ. Thế mà người trong Nho giáo, Phật giáo đối với người trong đạo Thiên chúa, ngoài cái tấm lòng thương yêu nhau trong lúc tai nạn như câu chuyện cũ ở chùa Bà Đá kể trên đầu bài, còn bao nhiêu những duyên cớ khác, có thể lợi đạo cho sự liên hiệp được. Trong các duyên cớ đó thì có một cái duyên cớ to nhất là các giáo dân đạo Thiên chúa vẫn còn trọng thị cái chế độ gia tộc. Các lương dân, giáo dân vẫn còn nhận họ với nhau. Tuy rằng sự kỳ thị chưa chắc là đã hẳn không có, không phải không có cách giải quyết.

Nhân cái tình thế dễ dàng ấy, ta liệu mà chủ tính cái kế

liên hiệp cả ba đạo Nho giáo, Phật giáo, Thiên chúa giáo lại, nếu có chí thực hành thì khó gì chẳng có lúc thành công.

Nếu việc đó mà thành công, nếu việc đó ở nước ta mà mở đường tốt cho các nước khác cùng theo, thì không phải là không vẻ vang cho Tổ quốc. Cái nước theo người này, bỗng chốc mà phát được lá cờ hướng đạo cho người theo, còn gì vinh dự cho bằng. Vinh dự chẳng kể chi, ngay cái công thể lượng từ bi mà cứu loài người ra khỏi nơi khổ ải là cái thế giới cạnh tranh này. Tưởng là việc phận sự của các nhà tôn giáo, nước ta phải nên cố gắng. Có công với tôn giáo, có công với Tổ quốc, có công với loài người, còn việc gì hơn việc ấy. Ta chắc rằng dù vì cái thế lực cho tôn giáo nữa, các nhà tôn giáo cũng phải hoan nghênh cái thuyết ấy. Vì rằng nếu tôn giáo mà liên hiệp được, người giáo này có thể vừa theo giáo khác được, thì số giáo dân sẽ tăng nhiều biết mấy, mà có hại gì đâu. Như đạo Thiên chúa giáo và đạo Phật, cái giáo nghĩa đã cùng giống nhau mà cái thuyết thiên đường địa ngục cũng không khác. Dưới chúa trời là vị Ngọc Hoàng, tưởng ông Gia Tô cùng ông Thích Ca có ngôi sánh vai nhau nữa, tưởng cũng không có chi là động chạm đến lòng tự ái của các giáo dân. Ta chắc nếu các sư, các cố ở đất này mà trù tính với nhau việc ấy cũng chẳng có chi là khó. Còn như đạo Nho, điều cốt yếu là sùng bái anh hùng, thờ cúng tiên tổ. Hai điều đó đối với đạo Phật, đạo Thiên Chúa, chẳng những không có gì là trái ngược, mà có một đôi phần là chỗ giống nhau. Cái lòng nhớ ơn là cái lòng chung của loài người, tôn giáo nào chẳng dạy cho người ta phải hiếu với tổ tiên, phải kính các bậc đã làm ơn cho nhân loại? Tôi dám tin rằng việc liên hiệp tôn giáo ở nước ta là việc rất dễ. Tuy nhiên, phương pháp liên lạc thế nào, quy củ liên lạc ra sao, thì còn mong ở các nhà tôn giáo, các nhà có lòng

với nhân tâm thế đạo, cùng nhau bàn luận thật nhiều cho rõ ràng xác đáng. Chỉ cốt ở cái chí hướng ta muốn liên hiệp là được rồi. Còn như về phần kẻ cầm bút này, trong một bài tổng luận như bài đương hầu độc giả đây, hạn về thiên chức, hạn về thời giờ, xin hãy nhân đây mà bàn góp về vấn đề chấn hưng Phật giáo là một vấn đề có quan hệ lớn đến vấn đề tôn giáo liên hiệp.

Nam Hải

(*KHNB* số 1650, ngày 28.1.1927)

LẠI VIỆC CHẤN HUNG PHẬT GIÁO

A di đà Phật! Tôi mới tự đem thân ra khởi xướng việc CHPG ở Bắc Kỳ này trong *KHNB* số 1640 ra ngày 16.1.1927, được mấy ngày thì tiếp một nhà thiện tín ở Hải Phòng lại mới gửi lên cho tờ *DPTB* số 533 ra ngày thứ sáu 14.1.1927, mở tờ đầu thấy có một bài của một đạo hữu pháp danh Thiện Chiếu trụ trì *Linh Sơn* tự trong Nam Kỳ cũng đồng ý với tôi về việc CHPG. Quý hóa thay!

Chấn hưng thì một ý, có cái thủ tục thì hơi khác, tôi thì muốn làm những việc sau này:

1. Lập ra ở trong chùa một nơi giảng đàn, đóng ghế ngồi từng hàng trước Tam bảo, để cho mỗi buổi chiều các già ra lễ Phật xong, tụng niệm ít lâu thì ngồi dẽ ra trên các ghế để nghe các sư giảng diễn sự tích và giáo lý nhà Phật. Ý muốn cho các già hiểu đến thâm ý đạo Phật, không đến nỗi mê tín ù lòa như trước. Rồi sẽ bảo các già cho con trai con gái, các cháu, các chất thời thường theo các già ra chùa mà nghe giảng cho khôn lên tỉnh ra. Lại mời cả các bậc kỳ hào các nhà trí thức đến

nghe nữa. Vì có làm như thế thì người theo đạo mới biết rõ đến cội rễ cái hay cái phải của Như Lai Phật tổ vậy.

2. Mượn các nhà văn sĩ thông chữ Nho về các chùa hiệp đồng với chư tăng dịch kinh Phật ra quốc ngữ để cao dân gian ai theo đạo Phật không năng đến chùa được, đều có sách và kinh Phật mà đọc, để hiểu rõ nghĩa lý nhà Phật. Bởi vì bây giờ các sư còn nhiều người còn chưa hiểu chữ quốc ngữ, cũng đã nhiều chùa có đón thầy về cho các sư học chữ quốc ngữ, song viết được, xem được mà làm văn quốc ngữ chưa được hay, bởi vậy cần phải có các nhà thông nho biết làm văn quốc ngữ, đến ở với các sư, trước là dạy các sư học chữ quốc ngữ, lại dạy làm văn quốc ngữ cho hay nữa, để các sư sau này có thể dịch được kinh Phật sách Phật ra quốc ngữ. Nhưng bây giờ cấp tốc thi hành, muốn có kinh sách nhà Phật bằng chữ quốc ngữ ngay thì phải do tay các nhà văn sĩ có tài làm văn đến ở nhà chùa. Nhà chùa cung phụng cơm nước và xin phát lương hàng tháng cho xứng với tài năng và sự cần dùng để cùng các nhà sư dịch kinh dịch sách Phật. Cứ nhà sư giảng nghĩa thì nhà văn dịch thuật, nhà văn dịch xong đọc lên cho nhà sư nghe hễ phải nghĩa thì để không thì chữa lại, như thế thì chóng có công hiệu lắm.

3. Mượn các nhà Pháp học dịch các kinh Phật mà người Âu châu đã làm bằng chữ Tây ra chữ quốc ngữ, hoặc là sách họ nói dẫn đến đạo lý hay sự tích Phật, nhất nhất đều nên đem dịch thuật ra cả, để các nhà sư được rộng xét xem thế giới đối với đạo Phật mỗi nơi một ý kiến thế nào, châm chước mà sửa đổi cho hợp tình thế nước Nam.

4. Lập ra trong chùa một cái thư viện, mua hết các sách vở Đông Tây, không những là kinh Phật, sách Phật bằng Hán văn hay Pháp văn, có cả các sách giáo khoa hay các sách văn chương bằng chữ quốc ngữ cùng các báo quốc ngữ để cho các

sư xem cho biết tình hình thế giới và quốc sự dân sự mà giảng thuyết đạo Phật và thao luyện văn chương, diễn giải kinh sách nhà Phật.

5. Lập ra bên cạnh mỗi chùa một nhà nuôi kẻ khó, để thu nhặt lấy những người ăn mày nghèo khổ, nuôi cho ăn, cho mặc, tìm những nghề thủ công cho chúng làm ăn, giảng dụ cho chúng quay về chăm chỉ chức nghiệp không đến nỗi táng thất lương tâm làm điều vô sỉ là đi lạy lục người ta mà xin ăn.

6. Lập ra ở trong nhà nuôi kẻ khó một chỗ nuôi trẻ con cô, để thu lấy những đứa trẻ con không cha không mẹ về nuôi, lớn lên cho học đạo Phật để làm thầy tu cùng cai quản mọi việc nhà chùa.

7. Cạnh nhà nuôi kẻ khó và nhà nuôi trẻ con cô lập ra một nhà phát thuốc làm phúc và nuôi các người tàn tật, cho các nhà sư đi học thuốc để trông nom kẻ ốm sau này.

Công việc tôi tính có bảy điều mà thứ tự trước sau là như thế. Tôi chắc hẳn mà các bạn thuyền gia tán thành thì sẽ liên lạc các sơn môn lại, lập làm một nơi “*Phật giáo tổng hội*” nhờ nhà báo làm cơ quan. Nhà chùa và thiện tín trong chùa đều mua những tờ báo nào làm cơ quan cho Phật giáo. Trong những tờ báo ấy sẽ nói với nhà báo thuê lấy hai trang phụ trương, nhà chùa sẽ gửi bài cổ động tuyên truyền hay diễn giảng đến, nhà báo nhận được là cứ đăng, như thế thì tiện lắm và chóng nên việc. Bởi vậy nên tôi không nghĩ đến điều lập ra “*Phật học báo quán*” như đạo hữu tôi là Thiện Chiếu đăng trong *DPTB*. Còn những điều như “*dựng ra PHGCHH*” để đào tạo lấy người đi “*truyền giáo*” thì tôi không nói đến, là vì các sơn môn nào cũng có mấy tháng Hạ là mấy tháng để chư sư đi học, học là học kinh Phật, vốn có

rồi, nay chỉ học thêm chữ quốc ngữ, đem sách đem kinh ra dịch là đủ. Đến sự truyền giáo thì đạo Phật ở nước Nam ta không phải truyền nữa, chỉ nên chấn chỉnh lại thôi, hễ bọn thuyền gia ta chấn chỉnh được thì tự khắc những người theo vào tà đạo sẽ có ngày phải xám hối quy y. Vì đạo Phật là đi giác thế, dạy cho người ta tỉnh ngộ, chứ không phải đi truyền cho người ta, giắt người ta vào vòng mê tín. Các sư ta là Bồ tát đi thuyết pháp cho chúng sinh nghe, chứ không hề được đi rử rê làm mê ai cả. Các sư với tín đồ là bình đẳng “Nhất thiết chúng sinh giai thành Phật” chứ không có được bắt tín đồ phải hạ mình xuống dưới mình. Vậy cho nên tôi không nghĩ đến hai điều ấy mà chỉ nghĩ đến điều dịch kinh Phật. Nhưng nói tóm lại thì đạo hữu Thiện Chiếu nghĩ ba điều thật là chí lý cả ba, tôi cũng xin biểu đồng tình. Song, nếu nói mà không làm, thà rằng đừng nói. Không biết sư huynh tôi có định thực hành những lời cổ động đó không?

Nếu định thực hành thì xin sư huynh liên lạc các sư từ Nam ra Trung, tôi sẽ xin liên lạc các sư từ Bắc vào Trung, ta tổ chức lại Phật giáo hội của ta trước, bỏ sơn môn mà làm ra giáo hội, họp tất cả các sơn môn trong nước lại làm ra một Hội gọi là “*Việt Nam Phật giáo hội*” chia ra ba chi, mỗi chi có một ông Chi hội tổng trưởng, đặt ra ba chi hội quán ở ba nơi chùa to nhất trong ba thành phố Hà Nội, Huế, Sài Gòn. Cùng nhau ta cùng hợp sức lại mà làm các công việc đã định, ấy là lời tôi thưa riêng với Thiện Chiếu pháp huynh.

Tôi lại xin có lời thưa cùng các ngài trí thức trong nước về bên Pháp học hay Hán học, các ngài là những bậc có tài hoa học lực, chắc bà con thân thích các ngài đi lễ chùa cũng nhiều, thật đã thấy chan chan những nỗi mê tín thì nhiều, tín ngưỡng thì ít, chắc các ngài cũng sẵn lòng cứu tế. Xin các ngài

khi nào rồi, bái Phật hay thăm thuyền, cũng nên đem cái ý kiến hay này mà thúc dục các nhà chùa, chúng tôi cũng biết nói thế thì các ngài sẽ chê, song xin thú thực rằng các nhà sư bây giờ phần nhiều là hủ lậu câu nệ, lại nhút nhát sợ hãi, hay lợi dụng sự mê tín của đàn bà con trẻ mà bày ra những nơi điện mẫu bóng bà, để sinh ra đồng bóng lôi thôi, tưởng thế là đông khách, chứ có biết đâu trái đạo lý của Phật tổ. Chúng tôi bất đắc dĩ phải hô hào xin làm một tôn giáo cải cách trong đạo Phật nước Nam thế kỷ thứ hai mươi này, đem nhà chùa giúp vào các việc công ích trong xã hội được mới cam tâm. Vậy xin các ngài trí thức trong học giới, tán thành hiệp lực giúp vào với nhà chùa chúng tôi một tay.

Tôi lại xin thập phương thiện tín cùng đem tâm vào làm việc CHPG này với chúng tôi.

Hết thấy Nam Trung Bắc ba kỳ ai có ý kiến gì hay có thể giúp được tôi trong việc này, xin cứ gửi thư đến cho chúng tôi, thật chúng tôi rất lấy làm thâm tạ.

Bài này tôi chỉ nói việc làm mà không nói giáo nghĩa, không dẫn kinh sách, là bài văn bản nói công việc thực hành, chứ không phải là một bài thuyết pháp hay giảng đạo xin các ngài biết cho. A di đà Phật!

Pháp tăng: **Tử khiêu biệt tự Lai**
Trụ trì *Tiên Lữ động tự*, Thái Nguyên
(*KHNB* số 1650, ngày 28.1.1927)

PHẬT GIÁO NÊN CHẤM HƯNG THẾ NÀO

Cải phong trào CHPG ít bữa nay từ trong Nam chí ngoài Bắc, ở các nơi tịch mịch sơn môn, các Phật tăng có ý giục dịch

muốn đem truyền bá Phật giáo cho nhiều người biết tới, mục đích là dạy cho người ta tỉnh ngộ chứ không truyền cho người ta rồi dắt người ta vào vòng mê tín.

Muốn thế không gì bằng dịch các kinh sách nhà Phật cho phổ thông, ai nấy cũng đọc được, ai nấy cũng hiểu được đạo Phật là thế nào, rồi tự lấy đấy tu thân sửa tính.

Pháp tăng chùa Hang ở làng An Thái, tỉnh Thái Nguyên có đăng cái chương trình phải CHPG thế nào cho hợp thời. Cái chương trình ấy Pháp tăng trù tính bảy điều:

1. Lập ra trong chùa một nơi giảng đàn, đóng ghế ngồi từng hàng trước Tam bảo, để cho mỗi buổi chiều các già lễ Phật xong, tụng niệm ít lâu thì ngồi dẽ ra trên các ghế để nghe giảng diễn sự tích và giáo lý nhà Phật. Ý muốn cho các già hiểu đến thâm ý nhà Phật, không đến nỗi mê tín ù lòa như trước. Rồi sẽ bảo các già cho con trai, con gái, các cháu các chất thời thường theo các già ra chùa mà nghe giảng cho khôn lên, tỉnh ra. Lại mời các bậc kỳ hào các nhà trí thức đến nghe nữa. Vì có làm như thế thì người theo đạo mới biết rõ đến cõi rã cái hay cái phải của Như Lai Phật tổ vậy.
2. Mượn các nhà văn sĩ thông chữ Nho về các chùa hiệp đồng với chư tăng dịch kinh Phật ra quốc ngữ để cho dân gian ai theo đạo Phật không nãng đến chùa được, đều cứ sách và kinh Phật mà đọc, để hiểu rõ nghĩa lý nhà Phật. Bây giờ các sư còn nhiều người còn chưa hiểu chữ quốc ngữ, cũng đã có nhiều chùa có đón thầy cho các sư học chữ quốc ngữ, song viết được, xem được mà làm văn quốc ngữ chưa được hay, bởi vậy phải cần có các nhà thông Nho biết làm văn

quốc ngữ, đến ở với các sư trước là dạy các sư học chữ quốc ngữ, lại dạy làm văn quốc ngữ cho hay nữa, để các sư sau này có thể dịch được kinh Phật sách Phật ra quốc ngữ. Nhưng bây giờ cấp tốc thi hành, muốn có kinh sách nhà Phật bằng chữ quốc ngữ ngay thì phải do tay các nhà văn sĩ có tài làm văn đến ở nhà chùa, nhà chùa cung phụng cơm nước và xin phát lương tháng cho xứng với tài năng và sự cần dùng để cùng các sư cùng dịch sách kinh Phật, cứ nhà sư giảng nghĩa thì nhà văn dịch thuật, nhà văn dịch xong thì đọc cho nhà sư nghe, hề phải nghĩa thì để, không thì chữa lại, như thế thì chóng có công hiệu lắm.

3. Mượn các nhà Pháp học dịch các kinh Phật mà người Âu châu đã làm bằng chữ Tây ra chữ quốc ngữ, hoặc là sách họ nói đến đạo lý hay sự tích Phật, nhất nhất đều nên đem dịch thuật ra chữ, để các nhà sư được rộng xét xem thế giới đối với đạo Phật mỗi nơi một ý kiến thế nào, châm chước mà sửa đổi cho hợp tình thế nước Nam.
4. Lập ra trong chùa một cái thư viện, mua hết các sách vở Đông Tây, không những là kinh Phật, sách Phật bằng Hán văn hay Pháp văn, lại có cả sách giáo khoa hay các sách văn chương bằng chữ quốc ngữ cùng các báo quốc ngữ để cho các nhà sư xem cho biết tình hình thế giới và quốc sự dân sự mà giảng thuyết đạo Phật và thao luyện văn chương, diễn giải kinh sách nhà Phật.
5. Lập ra bên cạnh mỗi chùa một nhà nuôi kẻ khó, để thu nhặt lấy những người ăn mày nghèo khổ, nuôi cho ăn, cho mặc, tìm những nghề thủ công cho chúng

làm ăn, giảng dụ cho chúng quay về chăm chỉ chức nghiệp, không đến nỗi táng thất lương tâm làm điều vô sỉ, là đi lay lục người ta mà xin ăn.

6. Lập ra ở trong nhà nuôi kẻ khó một chỗ nuôi trẻ con cô, để thu lấy những đứa trẻ con không cha không mẹ về nuôi, lớn lên cho học đạo Phật để làm thầy tu cùng cai quản mọi việc nhà chùa.
7. Cảnh nhà nuôi kẻ khó và nhà nuôi trẻ con cô, lập ra một nhà phát thuốc làm phúc và nuôi các người tàn tật, cho các sư đi học thuốc để trông nom kẻ yếu sau này.

Mục đích rất hay, nếu các đạo hữu mà đồng tâm hiệp lực thi hành cho được thì lo gì Phật giáo không có qui củ, không có thể thống như các đạo giáo khác, mà lo gì Phật giáo không truyền bá khắp mọi nơi. Đã gọi là đạo thì đạo nào cũng khuyên điều hay cũng ngăn điều dở, cái tôn chỉ, cái chí hướng đạo nào cũng là cảnh tỉnh cho người đời mê giấc Nam Kha cho thoát khỏi vòng bể khổ mà bước chân vào bồng lai tiên cảnh.

Đạo Phật cũng là một đạo, bao người sùng bái, song ít lâu nay hình như có bề suy đồi, mà chính như lời Pháp tăng chùa Hang đã thú nhận, thì các sư bây giờ phần nhiều là hủ lậu câu nệ lại nhút nhát sợ hãi, hay lợi dụng sự mê tín của đàn bà con trẻ mà bày ra những nơi điện mẫu bóng bà, để sinh ra đồng bóng lôi thôi, tưởng thế là đông khách, chứ có biết đâu trái đạo lý của Phật tổ.

Pháp tăng tự nghĩ rằng: sự truyền giáo thì đạo Phật ở nước Nam ta không phải truyền nữa, chỉ nên chấn chỉnh lại thôi. Hễ bọn thuyên gia chấn chỉnh được, thì tự khắc những

người theo vào tà đạo sẽ có ngày phải xám hối quy y. Các sư là Bồ tát đi thuyết pháp cho chúng sinh nghe, chứ không hề được đi rủ rê làm mê ai cả. các sư với tín đồ là bình đẳng. “Nhất thiết chúng sinh giai thành Phật” chứ không có bất tín đồ phải hạ mình xuống dưới mình. Vậy cho nên điều dịch kinh Phật là thiết thực.

Phật tăng định rằng các đạo hữu nên liên lạc với nhau khắp từ Nam chí Bắc mà họp cả các sơn môn lại làm một hội gọi là “Việt Nam Phật giáo hội” chia ra ba chi, mỗi chi có một ông Chi hội Tổng trưởng, đặt ra ba chi hội quán ở ba nơi chùa to nhất trong ba thành phố Hanoi, Huế, Saigon. Cùng nhau hợp sức lại mà làm các công việc đã định để cải cách trong đạo Phật nước Nam thế kỷ thứ hai mươi này, đem nhà chùa giúp vào các việc công ích trong xã hội.

Thật là một việc tối tân phát hiện ra tự một vị tu hành xưa nay người vẫn chê là chỉ biết tụng kinh niệm Phật. Ngờ đâu một vị Pháp tăng mà còn ngưỡng vọng cải cách Phật giáo, rồi đem nhà chùa giúp vào việc công ích trong xã hội, huống chi là ta nay đã có người khởi xướng, ta lại nỡ thờ ơ một việc có ảnh hưởng to cho hậu vận toàn quốc ta ư?

Tiệm Hồng

(ĐP số 317, ngày 1.2.1927)

PHẬT GIÁO CÓ NÊN CHẤN HƯNG KHÔNG

Số báo ngày 1 tháng giêng vừa rồi Bản báo có bình phẩm về việc Chấn hưng Phật giáo.

Nay tiếp được bài này xin đăng toàn văn để độc giả nhàn lãm trong xuân nhật này.

Trong báo *ĐP* hồi năm ngoài có đăng mấy bài xã thuyết về việc Phật giáo ở Á Đông chắc độc giả chư tôn vẫn còn lưu ý đến.

Gần đây có nhóm lên một cái phong trào CHPG khởi từ Nam Kỳ, tôi đã lấy cái tư cách một vị sư trong Phật đạo mà phụ họa khởi xướng lên việc này trong báo chương, ý tôi muốn cùng các sư trong thuyền gia Nam Trung Bắc liên lạc lập lên “Phật giáo tổng hội” để làm những việc sau này:

1. Lập giảng đàn trong các chùa để giảng kinh, giảng sách Phật cho các nhà thiện tín.
2. Mượn các nhà văn sĩ thông Hán học dịch kinh sách Phật bằng chữ Hán ra quốc văn.
3. Mượn các nhà Pháp học, dịch các kinh sách Phật bằng chữ Pháp ra quốc ngữ.
4. Lập ra trong mỗi chùa một cái thư viện.
5. Lập ra bên cạnh mỗi chùa một nhà nuôi kẻ khó cho làm các công việc.
6. Lập ra bên cạnh mỗi chùa một nhà nuôi người tàn tật và nhà cho thuốc cho kẻ đau ốm.
7. Lập ra ở bên cạnh mỗi chùa một nhà nuôi trẻ con mồ côi.

Vậy tôi kính xin thập phương thiện tín và quốc dân Nam Việt ta thử xét xem cái chương trình CHPG của tôi ấy có nên thi hành không? Phật giáo ở nước ta có nên chấn hưng không?

Chắc các nhà trí thức nước ta, ai có lòng nghĩ đến tiền đồ nước Nam muốn cho Phật giáo cũng được dự gánh vác một vai công ích giúp vào cuộc tiến hóa của xã hội, thời hết thấy trả lời rằng: cái chương trình của tôi nên thi hành lắm! Phật giáo nước ta nên chấn hưng lắm.

Bởi vì rằng, có lập ra giảng đàn mà thời thường giảng dụ đạo lý cho thập phương thiện tín nghe, thời người đi lễ chùa mới được hưởng thụ mọi cái hay cái phải của Phật tổ dạy mà không xa vào vòng mê tín; có dịch kinh sách Phật bằng chữ Hán ra chữ quốc ngữ thời thường người đi theo đạo Phật mới giác ngộ được chân lý của đạo Phật mà các nhà Tây học mới có thể khảo cứu được sách Phật của nước ta; có dịch kinh sách Phật bằng chữ Pháp ra quốc ngữ thời các nhà sư và các thiện tín mới biết được người Âu châu đối với đạo Phật thế nào? Có lập nhà thư viện trong mỗi chùa thời các sư cùng thập phương thiện tín mới có nhiều sách nhiều báo mà xem cho rộng đường kiến thức và bền lòng theo đạo, vả nhân thư viện đặt ở chùa đủ các sách vở hay và hợp đường luân lý, hợp đường đạo đức học thuật, thời các nhà trí thức mới hay đến chùa để xem sách đọc báo, các sư thời thường được gia thiệp với những người tài tử thượng lưu, thời cái cảm tình dễ nên thân mật, ảnh hưởng dễ nên to lớn; có lập được nhà nuôi kẻ khó thời mới cứu vớt được những người hành khất khuyển chúng bỏ nghề ăn mày mà làm ăn, dạy chúng lấy nghề nghiệp sinh lý để chúng được giác ngộ quy y vào đường thiện; có lập được bệnh viện thời mới có chỗ cứu kẻ ốm đau thực hành cái nghĩa cứu khổ của nhà Phật; có lập ra nhà nuôi trẻ con cô thời mới vớt được các đứa cô nhi vô thừa nhận. Làm được đủ các điều như vậy mới là phúc đẳng hà sa!

Vậy thời thiết tưởng phàm những nhà có lòng lo việc nước, muốn cho con Hồng cháu Lạc ta có một cái đạo hay mà theo, lại nhờ có một cái đạo ấy được thêm ra lắm cơ quan công ích.

Ngoài những cơ quan công ích và tôn giáo tôi kể trong 7 khoản trên ra, nhà chùa có thể lập ra các trường học từ Sơ

đảng yếu lược cho đến Trung học, Đại học để theo chương trình nhà nước dạy con cái các nhà thiện tín chỉ thêm mấy phút đồng hồ giảng kinh sách Phật trong mọi buổi học tập và lập ra Cuộc tu thư làm sách, dịch sách giáo khoa cùng sách thực dụng, sách đạo đức để giúp đường trí thức cho quốc dân nữa..

Cái nguyện vọng của tôi to tát thay! Chắc các người thiện kiến sẽ cho tôi là vu khoát đại ngôn. Song đức Phật tổ có lòng cứu vớt cho hết thảy chúng sinh thành Phật cả, Ngài mong phả độ cho cả loài người. Thời mới biết những người hậu bối Ngài như các sư chúng tôi phải biết noi gương sáng của Ngài, cố hết sức làm cho đạt cái nguyện vọng cứu nhân độ thế của Phật tổ chúng tôi vậy.

Than ôi! Thuyền gia chúng tôi thật là đoảng quá trong thời buổi này bây giờ mới xướng ra làm những việc ấy thật cũng là quá chậm mất rồi! Các đạo khác trong các nước văn minh thật đã làm trước mà đã đạt đến thời kỳ cỗi rồi vậy. Thế mà đạo Phật ở nước ta bây giờ mới nhó đầu ra trong trướng dư luận “*chấn hưng*” thực mới ở trong thời kỳ phôi thai vậy. Tôi rất mong sao cho cái thai này sinh ra được vuông tròn trong đất Nam Việt để có ngày thành đông, có ngày trưởng tráng. Cho nên tôi phải hô hào ai thỉnh như vậy, xin các nhà chùa cùng khách thập phương biết cho tấm lòng vì đạo vì dân của tôi mà tán thành cho tôi.

Cái sự nghiệp này tôi phát khởi nên thật, bởi tấm lòng tôi yêu nước Nam, tôi mến đạo Phật mà tôi tu hành này, quyết chí thực hành, cho nên tôi xin nhờ cậy các báo quán đề đạt cho khắp cả quốc dân biết cho tấm lòng từ bi của tôi mà giúp sức vào với tôi.

Đến hai mươi tháng giêng An Nam ta này, tôi nhân sự tu bổ chùa xong có mở hội trong năm hôm, để mời thập phương thiện tín đến bái Phật thăm thuyên, (hội này hàng năm năm nào cũng có), vậy tôi xin kính mời các nhà hảo tâm thập phương đến chùa tôi tức chùa Tiên Lữ, biệt hiệu là chùa Hang ở làng An Thái đồn Đông Bẩm huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, khách thập phương ở các mạn tới, xin cứ đi đến ga Đông Khê (Đông Anh), xe lửa đường Lào Kai, đáp ô tô lên Thái Nguyên, đi độ non một giờ đồng hồ thời tới tỉnh lỵ, hỏi vào chùa. Đi đò mười phút nữa thì tới chùa *Hang* là một cái động thiên nhiên chẳng khác nào động Hương Tích, Hà Đông vốn là một nơi danh thắng ở xứ Bắc Kỳ, nguyên xưa vì đường xá xa xôi mạn xuôi ta ít người đi tới, nay nhờ có ô tô tiện lắm, đi về chỉ trong một ngày là tới nơi, lại về đến Hà Nội thông dong thỏa thích không phải ngủ đõ vất vả chi cả. Các quan ở Thái Nguyên và các nơi thường đến chùa tôi chơi và nghỉ mát. Vừa rồi quan Công sứ Thái Nguyên lại cho phép tôi đi khuyến giáo thập phương về tu bổ những lớp chùa nhân tạo ở ngoài, nay công xá hoàn thành, nhân ngày hội thường niên tôi lại mở hội to lên để thêm trọng sự thể? Vì việc CHPG nay tôi muốn nói qua ngày hội ấy để các nhà có lòng muốn giúp tôi trong việc này, xin cứ đến hôm 20 tháng giêng ta này quá bộ đến chơi, có ý kiến gì hay thời chỉ bảo cho tôi được rõ để tôi nhờ các nhà trí thức mà làm nên công quả vậy.

Tôi định sẽ đi các chùa mà rủ các đạo hữu các sơn môn cùng tôi thi hành việc này.

Song tôi thiết tưởng tôi ở một nơi chùa hẻo lánh bản bạc trên mạn ngược này không sao một mình tự động được. Tôi ước áo các bậc sư trưởng ở các chùa Hà Nội, Hải Phòng, Nan

Định v.v... hết thấy những chùa ở gần các thành phố lớn, nên nỗ lực thực hành thời mới mong có nên công quả được. Thế nhưng việc này mà chùa chúng tôi ở vào cái địa vị “thụ động” nhiều hơn là “tự động” có làm ra cũng phải nhờ cậy ở các nhà trí thức làm quan sư, làm cố vấn mới nên công. Vậy mà các nhà sư trong đạo Phật chúng tôi ít người xem báo lắm, tôi dám xin các ngài đem tờ báo có đăng bài này đến đọc cho các sư ở gần thành thị nghe mà giảng giải cho các sư nghe, đó cũng là việc phúc đức. Tôi lại xin các nhà thiện tín ai có hảo tâm nên lấy những bài đăng báo của tôi mà in ra từng tập mà phát đi các nhà hay đi lễ chùa để các thiện nam tín nữ thái ông lão bà cùng hiểu cái ý kiến hay này để thúc dục các nhà sư cũng nhiệt thành cùng tôi cùng làm việc thời phúc đức thật là vô biên vô lượng vậy. A di đà Phật.

Pháp tăng: **Tử khiêu tự Lai**

Trụ trì chùa *Tiên Lữ*, Thái Nguyên

(ĐP số 318, ngày 3.2.1927)

CHẤN HƯNG PHẬT GIÁO

Trong quý báo ĐP số 317 ra ngày 1.1.1927, có bài “Phật giáo nên chấn hưng thế nào?” của ông Tiệm Hồng phụ họa bài khởi xướng của Pháp huynh tự Lai ở chùa Hang, Thái Nguyên, chúng tôi xem rất lấy làm cảm động. Muốn được gặp ông Tiệm Hồng để nhờ ông giúp vào một tay trong việc phúc đức này, mà không được quen biết ông dám mong ở tấm lòng Bồ đề quảng đại của ông hết sức làm cho công việc của chúng tôi được phát hiện ra sự thực thời ông sẽ được lên chốn Niết bàn sau này vậy.

Nay tôi hổ chút phận hèn, hiện còn tông sự học đạo ở Hải Phòng, kinh sách cũng còn thô thiển, nhưng nhờ khi chưa xuất gia, năm 11 tuổi có học được ít nhiều chữ quốc ngữ, đến mấy năm sau đầu Phật xuất gia, trong khi học kinh sách Phật làm việc nhà chùa, rồi lúc nào cũng có được xem các sách quốc ngữ và nhật trình nhật báo quốc ngữ. Đối với việc “chấn hưng Phật giáo” này trong hoài bão đã lâu. Nhưng *chỉ hiềm còn ở dưới quyền ông thầy chưa ra tự lập, trong luật phép nhà chùa rất nghiêm nhặt, phạm làm việc gì cũng phải trình trọng lẫm.*

Nhân ngày nay từ trong Nam Kỳ có sư cụ Thiện Chiếu (*Linh Sơn tự*) và sư cụ Thiện Tông (*Trường Thạnh tự*) khởi xướng ra mà sư ông chùa Hang tôi ứng, cái chương trình những công việc định làm để CHPG ấy. Các bậc huynh trưởng chúng tôi và đồng bối chúng tôi thực lấy làm hoan nghênh lẫm. Song ngày nay hạ thủ chưa biết làm việc gì đầu, cho nên xin hãy tạm góp vài lời vào dư luận để trong thuyền gia và ngoài các ngài hữu tâm bàn giúp vào nữa tính việc thi hành sao cho được ổn kiện.

Cứ như ý tôi thời thời kỳ này mới là thời kỳ thứ nhất trong việc chấn hưng Phật giáo, thì thuyền gia cho đến tư gia chưa được phổ cập cái ý kiến quý báu ấy, nói đến những việc làm ngay e chưa mấy người am hiểu. Cận Nho có câu “Hành dị tri nan” nghĩa là làm thì dễ biết làm mới khó. Nay muốn cho làm được việc trước hết phải làm sao cho người ta giác ngộ cả mới được. Muốn cho người ta giác ngộ thời ngày nay các người đứng khởi xướng lên việc CHPG như ông Nguyễn Mục Tiên, sư cụ Thiện Chiếu, sư ông Tâm Lai (chùa Hang), ông Tiệm Hồng nên làm ra nhiều bài đăng báo hay in thành sách trong đó chia ra từng chương từng mục, mỗi chương nói một

việc làm, mỗi mục kể một ý kiến. Viết văn không cần gì thâm thúy chỉ cốt giản dị dễ hiểu, bảo cho mọi người cách làm thế nào cho đúng phép luật nhà nước và hợp trình độ quốc dân. Những quyển sách ấy làm thế nào cho người đọc đến không cần phải hỏi ai hay cậy ai, cứ xem những lời dặn trong sách, cứ thế mà làm ra thì được việc, hễ có một quyển sách chỉ nam như thế, hay có những bài đăng báo dẫn đường như thế thì việc CHPG mới mong có hiệu quả được.

Cho được thành một quyển sách ấy thì trước hết những ngài tại gia như ông Mục Tiên, ông Tiệm Hồng nên hợp sức với chư tăng cùng phát Bồ đề tâm khởi Bồ đề nguyện, cùng nhau đem hết cái giác ngộ của mình ra mở đường phương tiện mà đánh thức người ta trong làng mộng tử túy sinh mới được.

Sau khi có bài đăng báo, sách xuất bản rồi, phàm những nhà có lòng CHPG nên đem các báo ấy, sách ấy đến các chùa và các nhà thiện tín đọc và giảng dụ cho hết thấy đều biết. Nếu ai cũng biết, ai biết theo đấy mà cũng có thể làm được thời việc ta khởi xướng lên đây mới mong có kết quả được vậy.

Chúng tôi thiết tưởng rằng, phàm làm một việc gì cũng phải tuyên truyền cổ động cho thành một cái phong trào dư luận trước đã, khi phong trào dư luận đã bàn bạc đi mọi nơi rồi, thời trong lòng những người cảm hóa dư luận ấy thật là nóng nảy muốn làm lắm. Thế mà không có những sách hay bài chỉ dẫn cho người ta biết đường làm thôi. Kẻ nọ làm một đường, người kia làm một lối, công việc không được nhất trí, thời sao cho thành ra cái quy mô viên mãn được. Ấy là nói đến người biết mà tự làm ra thời có một cái nguy cơ bất nhất như thế. Chứ người nghe nóng lòng muốn làm mà không biết đường làm, không dám làm, rồi lâu dần nguội lạnh đi thế là

việc nói xong là hết, vô bổ cho sự thực thời thật là đáng tiếc thay! (còn nữa)

Pháp tăng tự **Tâm Ứng**
Môn thuộc *Dư Hàng*, Hải Phòng
(ĐP số 320, ngày 8.2.1927)

CÁI CHƯƠNG TRÌNH CHẤN HUNG PHẬT GIÁO CỦA TÔI

Báo *KHNB* số 1650 ra ngày thứ sáu 28.1.1927 đã phát Bồ đề tâm mà đăng bài hưởng ứng của tôi đối với việc CHPG của pháp huynh Thiện Chiếu tôi ở *Linh Sơn* tự trong Nam Kỳ, chắc độc giả chư tôn cũng đã từng thưởng thức.

Ôi! lời ai cầu của tôi mà được trong thuyền gia cùng ngoài thiện tín chiếu cố đến thì Phật giáo nước ta thật có thể giúp được một phần công ích lớn cho xã hội. Nhưng *người đọc những bài cổ động của tôi thì nhiều, người đồng chí với tôi sao mà ít vậy*. Kể đến hơn tháng trời nay vẫn chưa có tin xa gần gửi lại ngỏ ý giúp tôi hay đồng ý với tôi!

Dẫu thế nào đi nữa, Phật tổ có câu “Ngã bất nhập địa ngục, thùy năng cứu chúng sinh” nghĩa là “Ta không vào địa ngục thì ai là người cứu chúng sinh”. Bởi vậy tôi xin đem hy sinh thân thế tôi trước để làm cho được việc này.

Phàm làm một việc gì tất phải công bố cho công chúng biết cái chương trình hành động của mình đã, vậy tôi lại xin đem bày giải ra với đồng nhân cái chương trình hành động của tôi để các ngài xét mà chỉ giáo cùng là tán thành vào cho tròn quả phúc vậy.

I

Việc lập ra Phật giáo tổng hội

Nay xin bộc bạch với các bạn thuyên gia rằng “Tín giáo truyền giáo tự do” là công lý trong thế giới. Phần nhiều các giáo trong hoàn cầu ngay như Phật giáo ta ở Ấn Độ, Nhật Bản hay Tàu đều phải kinh qua biết bao nhiêu thời kỳ cải lương chấn chỉnh, vậy việc ta chấn chỉnh giáo hội ta, chính phủ đều không có sự can thiệp chi đến, việc đó là thuộc về tín ngưỡng của nhân dân, chính phủ nào cũng phải tôn trọng các tôn giáo tức là tôn trọng cái quyền “Tự do tín giáo” của nhân dân. Tôi thấy nhiều sư cụ, sư ông hủ lậu đến mức sợ Nhà nước cấm. Muốn chỉnh đốn giáo hội cứ bảo rồi chính phủ biết thì bắt tù bắt tội. Chán quá!

Nay phá cái án vô nghĩa ấy, xin bạch cùng các bạn thuyên gia biết cho rằng: xưa nay các chùa vẫn có sơn môn, sơn môn tức là hội đó, song sơn môn phạm vi chật hẹp, chỉ có một ông sư tổ dạy học trò, rồi sau học trò may được chùa nào ở thì quy thuận vào chốn tổ, như hội đồng môn của nhà Nho vậy. Nay ta biến đổi cái phạm vi chật hẹp ấy ra, phá bỏ cái lối sơn môn mà lập ra “Phật giáo tổng hội”. PGTH là một cái hội họp tất cả các sư trong ba kỳ Nam, Trung, Bắc lại có một điều lệ chung có một cái quy tắc chung, đâu đâu cũng quy về một chỗ cả. Đến như sự tổ chức việc trị sự trong PGTH thì chia ra ba khu Hà Nội, Sài Gòn, Huế, để mỗi nơi một ông chi giáo hội trưởng để thống nhất công việc trong toàn kỳ. Rồi cùng nhau thông báo tin tức và giao hoan công quỹ hộ nhau cùng là phân các chùa chiêu nhau cho ra trông coi công việc giáo hội.

Đến như sự học thì không có câu nệ chốn tổ, tức là câu nệ sơn môn, mà chỉ phân làm ba nơi thống hạt, dựng ra nhà

“Phật gia công học hội” như ý Thiện Chiếu pháp huynh tôi đã bàn trong ĐPTB phạm các sư ai đã già rồi thì thôi, chưa già còn có thể học được thì đều phải vào qua những nhà PGCHH ấy mà học. Nên hạn học định là mấy năm, ví dụ bốn năm thi khảo một lần, tinh thông thì cho làm sư ông hay sư thầy bỏ đi trông nom các chùa, vừa làm việc tôn giáo vừa phải tự học, ba năm sau thì về thi đủ tài thì lên sư cụ, trong ba năm học lấy và giữ việc tôn giáo ấy thì là vừa cúng bái, giảng thiện cùng phiên dịch kinh sách làm các việc công ích mà phải ở dưới quyền một ông sư cụ, vừa xem kinh, xem sách thêm vào khi về khảo, được làm sư cụ thì danh dự có tiếng, nếu có chùa nào chưa có sư cụ thì được bỏ đi, nếu không thì lại cứ ở chùa cũ làm việc với ông sư cụ đã thâm niên kia vẫn tùy tùng mệnh lệnh. Song muốn cho các nhà tu lên đến bậc hoàn toàn nữa thì các sư cụ lại phải học thêm các môn học xã hội, như luật lệ nhà nước, địa dư, lịch sử, toán pháp, thiên văn, hóa học, lý học v.v... cần nhất là những khoa siêu hình học, thần bí học, tâm lý học, triết học, tinh thông các khoa học ấy khảo được trúng thời sẽ lên Hòa thượng, đến bậc Hòa thượng là toàn trí toàn năng, đến bậc chân giác, gần thành Phật rồi vậy. Những bậc ấy lại được cai quản các bậc sư cụ trở xuống.

Vậy thì PGTH thì nhà chùa ta liên lạc nhau trước lập thành PGTH rồi thì sẽ lập PGCHH thời kỳ này mới là thời kỳ sơ chỉnh thôi thì hãy kíp đón các nhà tinh thông Hán học và Pháp học về dạy các nhà sư và tiểu nam nữ nhất luật học chữ quốc ngữ cùng các môn phổ thông học thức của Nhà nước dạy trong các trường học đã, vì các sư có học khá rồi mới đủ cai quản và thi hành được các công việc cải lương của mình.

Đoạn này ý tôi chỉ muốn nói về việc phá sơn môn đi để lập PGTH e có người hỏi: “thế thì không có chốn tổ thì không

đi Hạ và lấy ai dạy sư học?" Nếu tôi phải nói đến cả cái chốn học là PGCHH mà học là học như thế, chứ không phải học mấy khoa dâng hoa cúng quả, mấy bài kệ mấy câu kinh đã là đủ rồi đâu.

II

Việc lập giảng đàn

Hễ lập xong PGTH thì cần nhất là việc mưu tính lấy sự dạy các sư học chữ quốc ngữ và đón các bậc Hán học, Pháp học về hiệp đồng với các nhà sư, lấy các kinh sách ra làm bài giảng, để cứ tối đến thì đem giảng cho thiện tín đến cùng nghe. Khi đã có các bài giảng này rồi thì bắt các sư học trước đi trong một thời kỳ tập đứng giảng trong hạn nhà chùa cho quen đã, sau này mới sẽ tính đến việc sửa sang nhà chùa lại, đóng ghế ngồi để hai ba bốn năm lượt trước Tam bảo, để các thiện tín sáng sớm ra đi lễ và chiều tối đến đi lễ, lễ Phật xong thì ngồi cả trên ghế ấy, nam nữ phân ra đôi bên rồi làm một chỗ cho nhà sư lên giảng đứng, sẽ đem những bài giảng để giảng cho tất cả mọi người nghe. Giảng xong các thiện tín niệm Phật rồi lễ tạ ra về. Những bài niệm cũng phải kịp đem thi hành dịch ra quốc ngữ phát cho thiện tín đọc, để niệm cho giác tỉnh dần ra.

III

Việc dịch kinh sách nhà Phật

Việc này trước tôi đã nói kỹ, nay vì lễ giảng thuyết muốn cho tốc thành trên kia, tôi đã nói rằng khi lập xong PGTH thì ba chốn tổng chi Hà Nội, Sài Gòn, Huế phải có ngay

ba tòa dịch kinh làm sách dạy, các chùa phải góp nhau lại một số tiền khá to để có thể trả lương được cho các nhà văn học bỏ công việc khác đi theo đuổi vào các công việc dạy các sư học, làm các bài giảng và các bài niệm gửi đi các chùa cho các sư giảng cùng dạy các thiện tín niệm.

Trong công việc CHPG thì chỗ này là cơ quan trọng yếu nhất, vậy xin phải nói hơi kỹ.

Nói cho phải ra thì chính tôi đây, xin thú thực rằng những ý kiến của tôi đều là nhờ được sự giao thiệp với các nhà thâm nho đại sĩ mà giác ngộ ra vậy. Thế thì việc CHPG ngày nay không nhờ đến tay các bậc thâm nho đại sĩ giúp sức vào thì không xong. Cho nên tôi chú ý nhất đến vấn đề lập ra PGTH để các chùa quyên tiền vào mà kíp đón lấy mỗi xứ ít ra cũng là ba nhà Pháp học, năm sáu nhà Nho học trả lương cho rất hậu như làm việc với nhà nước, đến chùa mỗi ngày hai buổi như đi làm việc ở các sở vậy. Những nhà ấy vừa làm bạn giúp việc vừa làm thầy dạy các sư học quốc ngữ, vừa là những viên cố vấn để mách bảo các phương pháp tân thời cho các sự tiến hành các công việc chấn chỉnh cho khỏi lầm sai, vì các sư ta chỉ biết kinh kệ, còn ra luật pháp cùng các cách đối đãi ở ngoài thì phần nhiều mang nhiên. những nhà giúp việc ấy ngoài việc dạy các sư học chữ quốc ngữ và các nhà khoa học phổ thông đương thời cũng là dịch kinh sách làm bài giảng, bài niệm ra còn phải giúp việc cổ động cho thập phương thiện tín tán thành cho được vững công quả nữa.

Muốn cho chóng phong thành thì phải nhờ vào mấy tay nhà báo hảo tâm. Một là nhờ cái số người đọc có sẵn, hai là đỡ tốn tiền về sự lập nên nhà báo, các nhà chùa xin thuê mỗi nhà báo mỗi kỳ lấy hai trang phụ trương như trước tôi đã nói

để các nhà cổ động làm báo cho đầy hai trang ấy đăng vào hai tờ phụ trương ấy để truyền bá đi cho chóng.

Tổng kết

Trong kỳ trước tôi nói bảy khoản, đến kỳ này trong chương trình tôi nói có ba. Vậy tôi xin nói các ngài biết rằng bảy khoản ấy là cái chương trình vĩnh viễn làm cho đến bậc hoàn toàn, chứ việc khởi thủy chỉ có ba khoản ở trên là cốt yếu. Vì ba khoản này bây giờ mà thi hành được ngay thì việc gì sau này cũng làm được

Dù là ba khoản thật đó. Song tôi rút lại ban đầu này chỉ có hai việc, một là hãy tạm liên lạc vài vị sư đồng chí lại rồi đi tìm lấy những nhà thiện tâm giúp việc đã, hai là các vị sư đồng chí hãy liên lạc lấy một vài nhà báo thiện tâm nhờ làm phúc mà đăng các bài cổ động cho gây lên thành dư luận đã. Dư luận đã thành, chương trình đã sẵn, sau này chỉ theo đó mà làm cũng đủ nên việc mà thôi¹.

Tử khiêu tự Lai

Trụ trì chùa *Tiên Lữ*, Thái Nguyên
(*KHNB* số 1654, ngày 9.2.1927)

CHẤN HƯNG PHẬT GIÁO

(tiếp theo)

Trong một bài trước tôi đã phân giải về cái phương pháp chấn hưng Phật giáo của tôi là hai việc:

1. Việc này thập phương ai tán thành xin cứ từ rằm đến 25 tháng giêng ta chùa tôi mở hội, các ngài tham thuyên cùng tới diện tự thì phúc đức lắm.

Một là nhà chùa cần phải liên lạc với một vài tòa báo, hai là phải tổ chức lấy vài cuộc tu thư trong một vài chùa để làm việc chế phương lập pháp trong việc chấn hưng Phật giáo, nay tôi xin lấy ý riêng tôi mà ngỏ cùng các nhà chùa, những bậc sư trưởng cùng các bạn đồng đạo trong hai việc ấy nên làm thế nào cho phải và được tiện lợi thành công như sau này;

1) Việc liên lạc với các nhà báo

Bài trước tôi đã nói kỹ về sự nhà chùa với nhà báo mà có liên lạc được thời mới mong làm việc chấn hưng Phật giáo. Nay xin ngỏ cùng các nhà chùa ta nên mua lấy những thứ báo cổ động việc CHPG. Sự mua báo thời đã theo giá tiền đồng niên của các nhà báo định, viết thư và mua mandat giấy thép gửi về cho các nhà báo ấy. Nhà chùa nào có các vị sư xem được quốc ngữ, thời đọc cho tất cả chùa nghe những bài nói về việc CHPG. Nhà chùa nào chưa có vị sư nào biết chữ quốc ngữ thời nên đón lấy một ông thầy biết chữ quốc ngữ dạy các tiểu và các sư ai muốn học thời cùng học chữ quốc ngữ, ông thầy ấy đón về cơm nuôi chỉ độ mười đồng bạc lương một tháng, trong khi ông ấy dạy học thời ông ấy sẽ lại phải kiêm chức đọc báo quốc ngữ cho các sư nghe. Ngoài việc dạy học đọc báo sẽ kiêm giúp việc thư trát. Ông thầy này chỉ cốt viết và đọc giỏi chữ quốc ngữ thôi, không cần giỏi Hán học hay Pháp học lắm, có được cái bằng Sơ học yếu lược hay tuyển sinh là dùng được, cốt dùng người nhanh nhẹn, đọc quốc ngữ viết quốc ngữ nhanh được mà thôi. Ngày nay dân xã nào cũng có người biết quốc ngữ, các nhà chùa dù tăng hay ni muốn thi hành việc CHPG muốn mở mang trí thức mà cần người dạy chữ quốc ngữ, đọc báo chương và giúp việc từ trát như thế cũng dễ được. Các nơi chùa ở gần thành phố thường thấy có

những người cung văn hay những thầy cúng đi lại trong chùa có biết quốc ngữ, nếu nhà chùa nào có trí muốn dùng họ để dạy các tiểu hay chư sư học chữ quốc ngữ kiêm việc hàng ngày đọc báo quốc ngữ giúp việc thư trát, thời họ có thể đương được. Bởi vì không cần người học giỏi vội, hãy cần người biết quốc ngữ để dạy văn quốc ngữ và đọc quốc ngữ cho nhà chùa nghe mà thôi, kéo mua báo về mà chẳng xem được thời ai mua báo làm gì, thế nhưng bây giờ dù các chùa mua báo về không ai là người biết xem, cũng nên mua về mà cấp tốc đón thầy dạy chữ quốc ngữ như tôi đã nói, để người ta đọc cho mà nghe những việc nên làm. Vả có mua báo thời mới tỏ được lòng tin cậy ở nhà báo làm cơ quan. Nhà báo có thấy đông các nhà chùa mua báo mới hết sức cố động việc CHPG cho thành công, chứ nếu nhà báo đã dụng công cố động mà nhà chùa vô tình với nhà báo, kẻ gọi không có người thưa, khách đến mà chủ không tiếp thời sao cho nên thân thiện được.

Về việc các nhà chùa mua báo này, tôi xin các bậc huynh trưởng có lòng CHPG sẽ hiệp lực với tôi, đi nói các chùa để mua mấy thứ báo cố động việc CHPG này. Rồi sẽ họp nhau lại đến yết kiến các ông chủ báo để cam kết cùng nhau trong việc cố động sau này.

2) Việc tổ chức cuộc tu thư

Bài trước về việc này tôi nói còn sơ lược, nay xin nói kỹ ra từng phần.

Mục đích - Mục đích cuộc tu thư ấy là để làm ra những bài văn giảng thuyết về đạo Phật và dịch kinh sách Phật ra quốc ngữ, điều đó thời các nhà xướng ra việc CHPG ai cũng đã nói đến rồi. Song đó là mục đích chính đáng vĩnh viễn, ở bước đầu này thời còn dùng để làm bài cố động CHPG để đăng các báo và làm ra các sách chỉ nam dẫn cho mọi người

biết các phương pháp làm các công việc CHPG như tôi đã nói kỳ trước.

Tổ chức - Không cứ chùa nào cũng nên đón thầy về dạy quốc ngữ và đọc báo, cái đó là cố nhiên rồi, trên kia tôi đã nói. Song việc tu thư thời phải dùng những người học giỏi chữ Pháp và giỏi chữ Hán vào giúp việc, lương những người ấy ít ra cũng phải từ 40 - 50 p trở lên, có nhiều người phải trả đến 80 p hay 100 p mới đáng. Vậy ban đầu hãy họp mỗi tỉnh lại hay hai ba tỉnh lại làm một đoàn, các chùa, chùa nào cũng phải đóng góp vào cuộc đó, hãy trừ lấy số tiền mỗi tháng tự vào cục đó là 300 p để trả công người giúp việc và sắm sửa sách vở bút giấy cùng chi phí vật. Hãy dùng lấy vài ba ông, Hán học cần hơn Pháp học. Nếu bây giờ chưa có thể liên lạc các chùa được thời mấy vị sư có lòng CHPG tạm đi nhờ các nhà có hảo tâm giỏi văn chương và có học thức giúp sức, đến sau này thành công thời sẽ tìm cách báo đền.

Kinh phí - Nếu các nhà chùa không mua báo, không lập ra thư viện, dựng ra thư xã, không làm sách, không thuê mượn người dịch kinh Phật sách Phật, nói tóm lại một câu không làm việc CHPG cái đó không nói làm gì, chứ có làm những việc đã nói ở trên kia thời thập phương thiện tín chắc sẽ vui lòng đóng góp giúp đỡ cho nên công quả. Khi thư xã đã thành, sách vở đã xuất bản hồi là cứ bán những sách những kinh cũng đủ chi phí vào thư xã.

Ấy công việc bước đầu tôi có mấy phương pháp này là cần thiết xin đem giải tỏ ra với đồng bào. Chúng tôi cũng mong sao cho Phật giáo cũng có công đức trực tiếp ngay kim thể với dân tộc ta. Vì chúng tôi nghĩ rằng các kiếp vị lai hãy còn xa lắc, huyền diệu cao xa lắm, đã mang lấy cái chức trách giác thế độ nhân thời cũng muốn cho tôn giáo mình phải theo

trình độ tiến hóa của quốc dân mà cải cách, không sao để nó hủ lậu rồi đào thải đi, đem một sự tủi hổ với thế giới rằng tôn giáo nước mình hèn kém. Chúng tôi rất muốn rằng trong thời liên lạc các sơn môn lại rồi cải ra làm “Phật giáo hội” lập ra luật lệ mới, đem kinh Phật, sách Phật ra chọn lựa lấy những điều thích hợp với trình độ tiến hóa của quốc dân mà chăm chú, làm sao cho bồi thực được dân khí, bổ chính được dân tâm, làm cho quốc dân này trở nên thuần phong mỹ tục. Chúng tôi đã là một bọn người hi sinh thân thế gia đình không có tư vương đến mọi sự vui thú gì ở trong trần thế, chỉ còn lấy có sự đi giác thế cứu dân làm lòng há chúng tôi lại không mong làm cho cái tôn giáo của chúng tôi được chấn hưng sao?

Song xin các ngài biết cho rằng Phật giáo ở nước ta cũng như Nho giáo và muôn vàn điều khác thuộc về chính trị, kinh tế, phong tục đều do ở cái tập quán lưu truyền đã thâm căn cố đế từ xưa đến nay, chẳng cái gì là không hủ lậu liệt bại. Quốc dân ta mới tỉnh ngộ ra được có vài năm nay, mới lưu tâm đến muôn việc cải cách, đến bây giờ mới có người xướng lên việc cải lương Phật giáo mà trong thuyền gia chúng tôi xin thú thực rằng: bụng muốn làm mà tài không đủ. Chúng tôi muốn mở báo quán, lập học đường dựng nhà y tế, xây nhà báo cô v.v... Nhưng, chỉ vì Pháp học chẳng ai hiểu, luật phép của chính phủ ít người tường, các sư ở vùng nhà quê thời hay bị những bọn kỳ hào tổng lý sách nhiễu, bọn tham quan ô lại đe dọa làm cho những người sợ hãi mà chẳng dám rở trò. Bởi vậy những người biết như chúng tôi nhiều phen lấy làm cực lắm.

Nay xin các ngài trong làng học vấn trí thức nếu có muốn lợi dụng Phật giáo tìm các công việc có ích cho quốc dân như lập các trường học, mở nhà thư viện, dựng ra thư xã, xây nhà báo cô v.v.. thời xin đem tài đem trí mà hợp sức với

chúng tôi thời mới mong chóng thành công được. Ví phỏng các ngài chỉ nói và cổ động trong báo mà thôi thì nói xong bỏ đấy không bao giờ nên việc được. Vậy muốn đạt được cái kỳ vọng của bọn ta thì trước hết phải gây nên một đoàn thể cả người học thức tại gia lẫn các sư cùng họp nhau cùng tiến hành công việc này thời mới có kết quả được vậy.

Pháp tăng tự **Tâm Ứng**
Môn thuộc *Dư Hàng*, Hải Phòng
(ĐP số 321, ra ngày 10.2.1927)

VẤN ĐỀ CHẤN HUNG PHẬT GIÁO

Nay muốn CHPG phải làm những việc gì tôi cũng đã lược bày ý kiến trong mấy số báo trước rồi. Cho được đạt tới mục đích, tôi xin đem lịch tự từng việc và các phương pháp tôi trù định, chia ra từng mục mà bàn như sau này, để thuyên gia cùng thập phương thiện tín xem đó mà hiểu thấu cùng tôi cùng làm cho thành sự vậy.

I

Nói về việc lập ra Phật giáo hội

Suốt nước Nam ta, trong mỗi làng thì có một cái chùa, trong mỗi nơi thành thị có đến năm bảy cái chùa. Trong những chùa ấy, chùa thì sư nam giữ, chùa thì sư nữ coi, lại có những tiểu phụ thuộc ở dưới, kể ra thật cũng nhiều sư và tiểu ở trong nước ta vậy

Song, cũng là đi tu, cũng là giữ chùa, thế mà lại chia ra lắm ngành nhiều phái, không có thông thuộc với nhau. Kể do

sơn môn này bỏ ra, kẻ bởi sự cụ khác để lại, không có lấy công việc của nhau làm quan ngại. Ông sư ở Nam Kỳ không biết ông sư ở Bắc Kỳ, ông sư ở Bắc Kỳ không biết ông sư ở Trung Kỳ, cái đó đã là không phải đạo, thế mà còn đến ông sư ở chùa làng nọ không biết ông sư ở chùa làng kia, thậm chí trong thành phố Hà Nội cũng vậy, ông sư chùa phố nọ thường không biết ông sư chùa phố kia. Ấy cái cảnh chia lìa xé lẻ nhau ra không thành đoàn thể ấy thực làm ngăn trở cho việc CHPG nhiều lắm.

Đã thế, lại trong các nhà sư trí thức bất tề, có ông thì hủ lậu thái quá, trừ việc ăn chay niệm Phật phải mơ tưởng những sự độc giác, mong mỗi cái thú Nát bàn, lấy việc thế gian làm hư không phiền muộn mà không muốn rây vào việc gì, có ông thì ngu ngơ thái quá, khoác áo cà sa, tay lần tràng hạt thế mà thật ra kinh sách mập mờ, đạo lý mù tịt, may vợ được ngôi chùa đông khách cũng là sư tổ sư cụ, đã chẳng biết gì lại còn bướng bỉnh thì còn bảo sao làm được những việc hay. Không kể chi đến các sư mượn chùa chiền làm nơi sinh kế, lấy thập phương làm thú giải phiền, phạm vào cấm giới để thế gian chê cười, hãy cứ nói đến những người hủ lậu, những người ngu ngơ cũng đã chiếm phần đông trong tăng giới rồi. Thế mà nay muốn CHPG kể cũng khó thay!

Cái số các sư biết chữ quốc ngữ bây giờ lại là số ít, cái số các sư biết chữ quốc ngữ mà lại biết thời sự quốc tình, biết ngữ châu năm giống lại là số ít nữa, thế thì đem đuốc tuệ soi vào hang tối, soi sao cho hết được những ngách hẻm khe sâu! Việc CHPG lại càng khó nói thay!

Nay muốn vượt qua cái bước khó khăn ấy mà làm cho nên được công việc tốt thì tất phải có một bọn chư tăng, đem một tấm lòng hào kiệt lấy một khí phách anh hùng quả quyết

mà quật cường đứng lên làm việc cải cách. Trước hết hãy đề làn dư luận tâm thường trong tầng giới đi gỡ mình ra thoát vòng áp chế của những bậc cổ hủ cùng nhau lập ra “Tân giáo hội” không kể chi sơn môn, không quản gì giai cấp, trong thuyên gia chỉ cốt lấy tài trí và tâm địa làm chuẩn. Nghĩa là họp tất cả chư tăng ai có lòng giác ngộ về sự CHPG thì cùng kết liên với nhau lại để lựa tìm phương kế mà thuyết pháp cho bọn hủ lậu và bọn ngu ngoan kia tỉnh ngộ ra để cùng mình làm việc lớn.

Thoạt tiên một người xướng, đã có một người họa thì Phật giáo hội ta thế là có hai người, khi được thêm người nữa là ba người, rồi dần lên đến bốn năm người, năm sáu người cho đến mười người trở lên, Hội dần dần to mãi lên. Khi có một người thì công việc còn nặng nề, khi có hai người đã đỡ được một chút, dần dần có đến 5,10 người thì công việc đã nhẹ nhàng đi nhiều.

Phật giáo hội là một hội liên lạc các sư ở suốt một nước lại, lập thành ra một quyển điều lệ chung, trong hội làm ra một hội đồng quản trị, có một ông Phật giáo tổng hội trưởng, hai ông phó hội trưởng, để trông nom các công việc trong hội, đối đãi với người trong giáo hội và các người thiện tín cùng chính phủ, dưới quyền các ông chánh phó hội trưởng thì HĐQT có những viên chức trị sự như viên tổng thư ký và vài viên phó thư ký để làm biên bản trong kỳ ĐHĐ hay trong những kỳ tiểu hội đồng, viên tổng thủ quỹ giữ những tiền các chùa đóng góp để chi phí các công việc quản trị, còn thì cũng có những viên cố vấn nhiệm cắt những sư già sung vào đó để hỏi han công việc làm, các vị sư ấy sẽ đem cái tư cách lão thành ra mà chỉ bảo, có những viên kiểm sát tài chính để kiểm sát tiền công quỹ, những viên vấn tán ủy viên để đi

thăm nom các chi hội và các chùa, những viên trụ sự khác để trông coi các việc khác trong giáo hội - HĐQT là một hội đồng họp tất cả các vị sư Nam, Bắc, Trung ba kỳ lại để làm việc thống cả ba xứ. Dưới HĐQT sẽ chia ra ba chi hội lớn đặt ở Hà Nội, Huế và Sài Gòn cũng có đủ các viên chức trụ sự như hội đồng quản trị để làm việc trong kỳ hạn thống công việc các chùa trong toàn kỳ lại. Mỗi chi hội thường thường phải đệ biên bản và làm tờ trình về hội đồng quản trị, HĐQT sẽ họp tại Huế là trung độ, các vị sư nào được bầu vào HĐQT sẽ về cả ở trong HĐQT ở các vùng đó mà tu luyện, vì ở đây đến kỳ đại hội đồng thì các sư ở chi hội Nam Kỳ ra hay các sư ở Bắc Kỳ vào cũng tiện lợi cả? Ngoài những chi hội Hà Nội, Sài Gòn, Huế thì mỗi tỉnh lập ra những chi hội nhỏ để họp các sư trong các phủ, huyện, xã, thôn lại mà làm việc trong các chùa hàng tỉnh, cũng có một HĐQT đủ các viên chức mà phải đệ biên bản và làm tờ trình về chi hội chính. Phàm các sư ai không ở trong Phật giáo Hội không được giáo hội công nhận và bảo hộ cho, như thế dù hủ lậu dù ngu ngơ, dù giả đạo đức hết thấy rồi cũng phải theo pháp lệnh của giáo hội cả.

Trong việc cải cách sơn môn ra giáo hội này cũng thế, vì là ngày nay ta chỉ nên lấy những quyền điều lệ của các Hội Ái hữu đem về châm chước với những quyền thể lệ trong sơn môn mà họp chư tăng lại thành ra một quyển "*Việt Nam Phật giáo thể lệ*" viết ra một bản để các chư sư ký nhận vào ở dưới rồi cứ thế mà thi hành. Phàm sự hành động gì trong giáo hội, nên lấy cái thể thức cộng hòa với nhau mà làm, nghĩa là không có một vị sư nào trong giáo hội có quyền độc đoán cả, nhất cử nhất động phải họp ĐHĐ làm chuẩn đích. Việc gì trong ĐHĐ phần nhiều người thuận hay phần nhiều người

không thuận thì đã lập thành biên bản cứ theo biên bản ấy mà làm. Sẽ lập ra mỗi xứ một hội đồng kỷ luật để trừng phạt các sư trái kỷ luật, lệnh trừng phạt mỗi khi tuyên bố ra phải có ĐHĐ của hàng hội duyệt y bấy giờ mới được thi hành.

Còn như các chức sự và giai cấp thì cứ y nguyên như thể lệ học hành xưa mà định, chỉ duy sau này đã bỏ sơn môn đi rồi, sẽ lập ra PGCHH thì chương trình học của các sư cũng phải sửa đổi cho hợp thời thế, việc ấy tôi xin bàn ở mục PGCHH.

Nói tóm lại, việc CHPG ngày nay phải cần nhất là việc lập ra Phật giáo tổng hội vì có hợp sức nhiều sư, nhiều chùa lại thì mới đủ người làm các công việc và có đủ được tiền kinh phí mà làm các công việc. Song, cho được thành PGTH thì phải do các nhà sư có chí ta đi liên lạc nhau lại, rồi nhờ các nhà Pháp học hay Nho học có lòng tốt muốn CHPG giúp vào một vài tay để làm ra những quyển điều lệ cho hội. Các nhà sư sẽ mang tình hình nhà chùa, thể lệ các sơn môn đưa ra cho các nhà Hán học hay Pháp học giúp việc xem và họp cùng những nhà trí thức ấy đem tâm chước mà làm ra thể lệ PGTH. Làm xong quyển thể lệ ấy ta sẽ làm ra những quyển sách giải nghĩa quyển thể lệ ấy thế nào, chức việc gì là hệ trọng như thế nào, nghĩa vụ những người hội đồng ra làm sao? Giảng giải thật là tỉ mỉ, như quyển “Dân quyền sơ bộ” của ông Tôn Trung Sơn dạy người ta lập hội đồng ấy, để cho các sư xem đều biết ngay mà làm không lầm lẫn nữa. Đó cũng là một cái phương pháp tốt thành vậy. Những sách ấy soạn xong, sẽ in ra hàng nghìn quyển, đem phát đi các chùa, những chùa có sư biết chữ quốc ngữ thì tự các sư lại đọc đi đọc lại cho mọi người nghe. Những chùa các sư tổ có dạy học trò biết quốc ngữ thì bắt học trò học thuộc lòng, những chùa không ai biết

chữ quốc ngữ bây giờ mới đón thầy về dạy thì nhờ thầy giáo đọc cho mà nghe. Không cứ tăng hay ni, hễ ai ai cũng thuộc lòng cũng hiểu biết cả rồi thì ai ai cũng thuận lòng theo, khi theo đã biết làm rồi thì làm không đến sai làm mà được viên mãn vậy.

Tử khiêu tự Lai

Trụ trì chùa *Tiên Lữ*, Thái Nguyên
(*KHNB* số 1655, ngày 10.2.1927)

VẤN ĐỀ TÔN GIÁO Ở NƯỚC TA

(*tiếp theo số 1650 ra ngày 25.1.1927*)

B. Đến việc lập trường học thì hơi khó. Nhà chùa này tiền đâu mà xây được trường, đón được thầy. Tất phải mong ở của các thiện tín giúp vào, mà học trò tất phải lấy học phí thì mới duy trì được. Việc ấy là trách nhiệm của các thiện tín thập phương, tôi không rõ rằng rồi ra kết quả tốt hay xấu, tuy tôi nghĩ có một cách tiện nhất là thế này: mới đây quan thống sứ có kiến nghị lên cho các làng được tự lập lấy trường, trường ấy cho các làng đảm nhiệm mà do chính phủ giám đốc, tôi chắc rằng các làng nếu có lập trường thì đến bây giờ cũng chưa có tiền đâu mà làm trường được. Học trò tất phải ngồi học ở các đình chùa trong làng. Nếu làng có sư mà sư muốn dạy đạo Phật cho học trò, thì xin phép với làng, cứ ngày chủ nhật, ngày thứ 5 là ra trường dạy cho các học trò học. Những bài vở dạy về môn ấy viết lại cẩn thận, khi có các quan hữu tư về khám trường thì cũng đưa trình như các bài dạy của thầy giáo trong trường. Như thế thì nhất cử lưỡng tiện, thực hành dễ lắm.

C. Còn việc dựng nhà nuôi người tàn tật, mồ côi thì hay lắm. Song hay về lý thuyết mà khó về thực hành. Việc ấy tôi chỉ trông mong ở tâm hăng tâm của các thiện tín cùng bầu nhiệt thành của các nhà chùa chứ không dám bàn vì không có ý kiến gì mà bàn được nữa.

Cái công việc CHPG của vị sư chùa Tiên Lữ định làm đó tôi rất biểu đồng tình, tôi rất vui lòng hô hào cổ động. Duy có một điều tôi muốn bàn lại cùng vị sư đó và hết thảy các nhà có lòng với đạo Phật là làm thế nào cho đạo Phật ở nước ta được thống nhất bây giờ? Trên kia tôi có nói *đạo Phật ở ta ngày càng sa sút là vì cứ không thống nhất*. Công việc trong các nhà chùa, tôi chẳng được sành cho lắm, song tôi cũng biết qua rằng, tuy không thống nhất, nhưng sơn môn này, sơn môn khác cũng họp thành đoàn thể khá to. Nếu vậy thì cái vấn đề kia không đáng lo chỉ cầu sao các “con em Phật”, biết khéo chấn chỉnh lại là đủ. Tôi mong rằng trong chư sư ở nước ta bây giờ, được nhiều người ra tay cổ động về việc thống nhất đó. Trong một tổng, ta cổ động cho sư các làng cùng họp nhau lại, bầu lấy một vị thuyên học uyên thâm, pháp lực quảng đại, để làm vị trưởng lão, trong chỉ đạo hạt mình, ngoài đại biểu cho hạt mình với hạt khác, các trưởng lão, các tổng, các huyện lại họp lấy vị trưởng lão trong một phủ, huyện. Các trưởng lão các phủ huyện lại họp lại bầu lấy một vị trưởng lão trong một tỉnh, các tỉnh lại họp bầu lấy một vị trưởng lão trong một kỳ. Trong 3 kỳ có ba vị trưởng lão đứng đầu hoặc cùng hợp tác với nhau, bầu lấy một vị đứng lên làm giáo chủ, các nhà chùa trong nước thống nhất như thế rồi thì việc gì làm cũng dễ. Như 3 việc kể trên kia nên có người đứng chủ trương thì có phải dễ dàng biết bao nhiêu. Sự thống nhất đó tuy khó, song khó nhưng mà làm được, chỉ cần ở có mấy vị sư nhiệt tâm với việc

CHPG có công cố động thì trong vài ba năm chắc là sẽ được thành công.

Đạo Phật đã thống nhất rồi, thì chẳng những chấn hưng ở trong được dễ tiến hành, mà liên hiệp ở bên ngoài, kim chỉ có đầu lại cũng tiện cho việc xử sự nữa.

Nói tóm lại thì việc CHPG, việc liên hiệp tôn giáo ở nước ta quyết có thể làm được. Mà làm được thì có công với văn minh, với nhân loại có phải là bé đâu, có ích cho nòi giống cho nước nhà, có phải là ít đâu. Nghe nói một tờ báo Tây xuất bản năm 1926 có chép lời một nhà tiên tri nói rằng các ngài đừng khinh nước Nam Việt, nước Nam Việt 10 năm nữa sẽ làm gương cho các nước Á Đông lời tiên tri đó tuy chẳng có chi là cái lý đáng tin, song nếu các nhà nhiệt thành của ta có công theo đuổi việc này trong 10 năm nữa nước Việt Nam ta có thể không thẹn với lời tiên tri kia được. Các nhà có lòng với Phật giáo cố lên!

Tôi viết bài này đến đây kể đã quá dài dòng, song vấn đề là một vấn đề to tát và quan hệ tôi tự cho nói như thế cũng còn sơ lược quá. Dám mong các bạn cao minh, các nhà có lòng với nhân tâm phải đạo cùng nhau ta đem ý kiến, đem bút mực để bàn luận vấn đề này cho thật xác tạc, cố động công việc này cho thật náo nức để các nhà thực hành nhân đó mà phấn khởi trong lòng, vui vẻ cho có lúc đạt được tới mục đích thì hân hạnh và an ủy cho tôi biết bao.

Nam Hải

(KHNBS số 1656, ngày 11.2.1927)

VẤN ĐỀ CHẤN HƯNG PHẬT GIÁO

II

Nói về sự lập ra Phật gia công học hội

Trong bài nói về việc lập ra PGTH tôi đã bàn phá sơn môn đi mà lập ra giáo hội thì tôi đã dự nói ở bài *Cái chương trình CHPG của tôi* đăng ở *KHNB* số 1654 ra ngày thứ tư 5.2.1927 rằng khi đã phá được sơn môn đổi ra làm giáo hội rồi thì sẽ lập ra các nơi PHGCHH tức là trường học riêng của các sư. Cứ như bài ấy tôi đã nói tiêm đủ cái thể cách các sư học hành nên thế nào, song chưa được chu đáo lắm. Nay tôi lại xin bàn kỹ lại một lần này nữa.

Bây giờ cấp tốc không thể nào chờ đợi những kẻ vị lai được thì trong sơn môn nào cũng hãy cứ đón thầy về dạy các sư các tiểu học chữ quốc ngữ đi đã. Việc học chữ quốc ngữ không cứ sơn môn, hãy chùa nào chùa ấy hết thầy các chùa đều phải đón các nhà Hán học hay Pháp học về mà học ngay đi để lấy chữ cần dùng việc Phật giáo sau này. Vì *sự các sư biết chữ quốc ngữ chính là trụ cột cho sự CHPG sau này*. Hễ không biết chữ quốc ngữ thì không đọc được báo, không xem được văn, không thư trát giao thiệp được, không dịch được kinh sách Phật ra tiếng nước ta. Người An Nam phải lấy tiếng An Nam là trụ cột, tiếng An Nam phải lấy chữ quốc ngữ mà phiên dịch. Thời buổi này Hán học ít người biết, kinh sách Phật bằng chữ Hán đem ra tụng niệm phỏng còn ai biết là gì nữa. Cho nên vấn đề học chữ quốc ngữ là cần thiết vô cùng. Không thể nào bỏ nhãng được vậy.

Đợi khi nào đã phá được sơn môn mà lập ra PGTH như tôi đã nói ở mấy kỳ trước thì trong nhà chùa phải cải lương sự

học của các sư trước đã. Cái chương trình học của các sư phải phá bỏ cái lối đi “Hạ” như bây giờ nghĩa là phải chia ra từng giai cấp, phải họp tất cả các sư trong giáo hội lại họp cùng các nhà Hán học hay Pháp học giỏi làm cố vấn nhân cùng ấn định một cái chương trình như trước tôi đã nói.

Nếu đặt ra ba bậc học ở trong ba nơi PGCHH Hà Nội, Huế, Sài Gòn. Ví dụ Sơ cấp thì để ở Hà Nội, Trung cấp thì để ở Huế, Cao cấp thì để ở Sài Gòn. Phạm các tiểu hầy còn là sư chú thì ở chùa nào học chùa ấy, gọi là học khai tâm thì hầy học cho biết chữ quốc ngữ và các kinh sách bằng chữ quốc ngữ, nghĩa là từ sau đã dịch được hết kinh sách Phật ra chữ quốc ngữ rồi thì chư sư chỉ học bằng chữ quốc ngữ cả, chữ Hán đến Trung cấp trở lên mới phải học đến. Bây giờ học là để khảo cổ mà thôi. Khi bậc sư chú đã học hết các sách gọi là khai tâm rồi thì sẽ cho ra trường Sơ cấp. Những sách khai tâm thì trong chương trình cũng đã dự định sẵn rồi, tất phải biết được đủ các sách ấy mới có thể ra trường Sơ cấp được. Và khi mới khai tâm tuy cốt yếu vẫn lấy kinh sách Phật làm đầu mà cũng cần phải cho học ít nhiều môn phổ thông như cai trị, lễ pháp, phong tục tạp vật, địa dư, toán pháp v.v... cái cần mà các chú tiểu học khai tâm cũng như các cậu học sinh học các trường Sơ học kiêm bị, hễ ra trường Sơ cấp cũng như Cao đẳng tiểu học bên nhà nước thì có trúng tuyển mới được lưu học trong 4 năm; trong khi lưu học được gọi là sư bác rồi. Trong 4 năm ấy tôi đã nói ở kỳ trước cũng học các kinh sách bằng chữ quốc ngữ cả. Ngoài Phật học và các lối cúng quả dâng hoa trong việc kinh kệ ra thì phải học đến lý hóa, kỹ hà học, toán học, địa dư vạn quốc, lịch sử hoàn cầu, nhân chủng thế giới, chính trị quốc tế, văn chương Nam Việt, luận lý học và ít nhiều điều về siêu hình học, thôi miên học v.v... phạm các

món học thuật gì có ở trong hoàn cầu đều đem dịch cả ra chữ quốc ngữ mà bắt các sư bác học thuộc lòng cả. Học suốt 4 năm trời từ đầu năm chí cuối không nghỉ lúc nào cả, thật là khổ hạnh, chứ không dùng cái lối chỉ học có ba tháng Hạ mà thôi. Vả học là học cả Phật lý lẫn nhân sự để biết cho đủ mọi điều mà truyền giáo cho đắc lực chứ không chỉ khư khư trong kinh sách nhà Phật mà thôi. Học xong bốn năm khảo thí được trúng cách thì lên sư ông.

Trước tôi nói rằng khi lên đến sư ông thì phải về phụ thuộc với một ông sư cụ, vừa làm việc nhà chùa vừa học, như thế cũng là một cách tự tu, song tôi bây giờ lại e có người về phục dịch nhà chùa nhãng bỏ mất lòng học, cho nên lại xin định lại rằng lập ra trường PGCH trung cấp ở Huế, niên hạn định là 3 năm, bấy giờ từ Phật lý cho đến các môn nhân sự học cũng đã thêm lên được nhiều bậc Cao đẳng rồi, mãn hạn 3 năm ra thi lên đến bậc sư cụ. Khi đã đỗ sư cụ thì vào học trường *Cao cấp* trong Sài Gòn 3 năm nữa, khi đã đến trường Cao cấp rồi thì chỉ cứ lần lượt cắt nhau làm bài giảng thuyết về các Phật lý và nhân sự có các vị đã lên Hòa thượng rồi ngồi tọa chứng, cùng nhau chia khoa ra mà thuyên luận, trong ba năm ông nào cũng làm đủ được các bài luận về hết thấy mọi môn học và các kinh sách thông thạo rồi thì được lên Hòa thượng.

Đến như sự khảo thí cũng do hội đồng các chư sư họp lại để chứng kiến, cũng theo như các quan trường chấm thi ở các kỳ thi nhà nước, lấy điểm số làm bằng, ai có đủ được điểm số thì mới là trúng cách. Nhưng điểm số thi lại phải hợp với cả điểm số trong khi học và hạnh kiểm trong ngày thường, có được đủ các điểm số ấy nhiều thì ở trên, còn kém thì phải ở dưới.

Vì thao luyện như thế không những là lấy nhân tài truyền giáo, nhân tài phụng Phật mà còn lấy nhân tài để giao thiệp với chính phủ với thiện tín, lại lấy nhân tài để dạy học các trường học mà các nhà chùa lập ra. Bởi vậy từ Trung cấp trở lên phải học Hán học mà cũng phải học cả Pháp học nữa mới đủ tư cách vậy. Các sư đã xuất gia không có tư vương chi đến việc gia đình lại có thập phương nuôi cho mà ăn học sao không học cho đến cùng căn triệt để được? Thế nhưng Hán học và Pháp học chỉ là môn học phụ thuộc mà thôi, phải lấy quốc ngữ làm trụ cột. Nhưng sách quốc ngữ các sư bây giờ cần dùng học thì từ tiểu học trở lên còn thiếu cả, vậy nên phải lập ngay Tu thư cục để soạn dịch kinh sách Phật và phiên dịch các sách giáo khoa về các môn triết học, luân lý, siêu hình học, kỹ hà học, vật lý học v.v... ra cả quốc ngữ để lấy sách dạy các sư học, việc này kỳ sau tôi sẽ nói một bài kỹ để các sư coi đó có thể làm được.

Song, những việc tôi tính đây là những việc vị lai cả. Tuy vị lai nhưng hễ các chùa định làm, đã lập giáo hội rồi, muốn lập nên một cái đoàn thể lớn chấn chỉnh cả việc học nữa thì lại phải họp các nhà Hán học và Pháp học lại mà nhờ các ông ấy làm cố vấn để soạn ra các chương trình sẵn đó rồi sau chấn chỉnh đến đâu thì thi hành đến đó.

Nhưng đó là nói về sư nam, chứ sư nữ thì vì khí chất mà giáo dục cũng có hơi khác, nghĩa là bên Phật học cũng phải dạy cao thâm, bên nhân sự thì dạy cho đúng cái phạm vi phụ nữ trong xã hội ta để sau này *sư nam thì coi giữ chùa chiền làm lễ chư Phật, sư nữ thì trông coi vào việc dục anh cho thuốc nuôi người ốm, dạy con gái nghề thủ công v.v...* mà thôi.

Sư nam có nhà riêng học, sư nữ cũng phân biệt ra học ở một nhà riêng, đến lúc công việc thi hành thì sư nam sư nữ cũng chia đôi đường mà quản lý các công việc.

Các sư phải học hành cao thâm như thế là để chinh phục tấm lòng kính ngưỡng của mọi người tại gia, chứ nếu một vài người học thức cao thâm đến chùa mà các sư không đủ tài ứng đối, người ta đã yên chí là ngu dốt chỉ biết dăm ba khoa cúng một vài câu kinh, không đủ đối đáp với người ta thì người ta khinh rẻ. Các sư bị người ta khinh rẻ thì còn có thể nào giảng dụ cho người ta nghe theo được. Vả lại các sư ở nước ta đều là con nhà Nam Việt cả, không muốn làm nên danh giá cho nước Nam thì chớ, chứ đã muốn dẫu tu hành nhưng cũng trí tuệ cũng kiến thức cũng đáng để cho người các nước khác trọng vọng thì các sư tất phải lo tìm phương pháp mà tu luyện lấy sự học của mình để cho người ta đến nước mình vào thăm nơi chùa chiền, tiếp chuyện nhà sư cũng đủ phục ngay nước mình là một nước nhân tài nhiều, đâu đâu cũng là giỏi giang cả. Như thế dẫu xuất gia đầu Phật mà cũng báo đáp được quốc gia vậy.

Tử khiêu tự Lai

Trụ trì chùa Hang (Thái Nguyên)
(*KHNB số 1657*, ngày 12.2.1927)

CHẤN HUNG PHẬT GIÁO

Gần đây phong trào CHPG ngày một bành trướng, không có lẽ tôi đây cũng là một người trong chốn thuyền gia lại không góp một câu vào trường dư luận hay sao.

Đối với các vấn đề này tuy rằng bây giờ mới có người khởi xướng, song thực chúng tôi lưu ý đến đã lâu. Song chúng tôi sợ dĩ ngày nay mới góp lời vào trường dư luận cũng vì cứ xét thấy quốc dân mấy năm trở về trước, trăm việc về phương

diện xã hội, phương diện kinh tế, phương diện học thuật, phương diện chính trị, chẳng phương diện nào là không ở vào trong cái thời kỳ còn ấu trĩ mà tình thế trong nước còn phân vân chưa đâu ra đâu. Cho nên tôn giáo Phật cũng đành cùng chung một số phận với quốc dân, cùng chịu ở vào cái địa vị bất động đó mà chờ đợi quốc dân vậy.

Đến độ vài ba năm nay, xem chừng quốc dân đã có bề tiến bộ, phương diện nào cũng thấy có vẻ phấn khởi, có vẻ đẹp đẽ, cho nên tôn giáo Phật là một cái tôn giáo cố hữu của quốc dân ta mới cùng theo cái vận mệnh của quốc dân mà bỗng bật cao thẳng từ đây vậy.

Nếu nhà chùa ta chấn hưng được Phật giáo, làm được những việc như sư ông Tỷ khiêu tự Lai chùa Hang đã hi vọng là lập ra Phật giáo Hội, mở ra PHBQ, dựng nên Nhà báo cô để nuôi trẻ con cô, dựng nên Nhà dưỡng tế để cứu người tàn tật, lập ra Cục Y tế để chữa bệnh cho người, làm ra Thư xã để soạn sách vở nhà Phật, lập trường Sơ học, Tiểu học, Trung học cho các dân xã, v.v... như vậy nhà chùa ta tu hành độ cả cho kim thế mà độ được cả lai sinh vậy. Như vậy thời nhà chùa giúp quốc dân về phương diện tinh thần là tôn giáo tín ngưỡng mà cũng giúp cho quốc dân về các phương diện trí thức học vấn, tật bệnh, cứu bản, tuất cô nữa vậy. Như thế tức là nhà chùa giúp nước đó. Giúp nước về việc khuyên dân ở thiện, có lòng từ bi, có bụng bác ái, xa bốn cái thói xấu *tham lam, thù ghét, gắt bản, đại dột* đi mà trở nên giác ngộ trí tuệ, lại giúp nước cho kẻ nghèo có chỗ nương thân, kẻ ốm có nơi chữa chạy, trẻ con cô có mã có cơm, người tàn tật có nhà có sữa, con trẻ có nơi ăn học, bà già có chốn quy y. Ôi! cái công đức nhà chùa to tát ở trong nước này thay! Tôi thật đốt hương mà cầu nguyện đức Như Lai là Ngài phù hộ cho chúng tăng chúng

tôi gây thành thiện quả. Chúng tôi từ đây xin cố hết sức hết lòng cùng đự dịch nhau để cùng thi hành cái chương trình tốt lành ấy.

Song le, chùa chiền ví như là một cái bàn thờ, dân trong xã hay trong thành phố có một vài ngôi chùa thực cũng như trong gia đình có một vài cái bàn thờ vậy. Nếu trong gia đình kia con cái cho chí cha ông đều là những người học thức, đều là những người cao thượng, đều là những người có tâm có lực cả, thời cái chốn bàn thờ trong nhà tất được sáng khải trang nghiêm, thanh cao rực rỡ. Nếu trong cái gia đình đã đến đổ nát, con cái ngu hèn, cha ông hủ bại thời cửa nhà còn chẳng ra chi, huống chi là nơi bàn thờ bàn tự. Vậy thời trong dân xã kia hay trong thành phố kia nếu nhất ban quốc dân đều có một tấm lòng cao thượng, đều có một cái xu hướng văn minh, thời những nơi chùa chiền tự khắc cũng phải chấn chỉnh cho thành ra văn minh, cho thành ra cao thượng vậy.

Sự CHPG ngày nay thật là nghĩa vụ hợp với trình độ tiến hóa của quốc dân thế nhưng mà chính là công việc của quốc dân phải săn sóc với nhà chùa vậy.

Ví khiến bây giờ quốc dân đều muốn rằng ở bên cạnh mỗi chùa phải có một cái trường hoặc Tiểu học hoặc Trung học, thiện tín đến thúc dục nhà chùa, kẻ này hứa cúng tiền, kẻ kia tìm phép luật chỉ dẫn cho các sư tưởng.

Lại ví như các bà các ông đi lễ Phật ai ai cũng đến bạch cùng các sư rằng: tôi muốn xin nhà chùa cho quyển kinh nọ hay, muốn nhà chùa dịch cho quyển kinh kia ra quốc ngữ, kẻ nọ đến giục làm, kẻ kia đến giúp việc, kẻ này nhận in tống, kẻ kia dẫn người đến giúp việc. Chúng khẩu đồng thanh thúc giục các sư phải làm như thế này, phải làm như thế khác thời mới

vừa lòng, như vậy thời nhà chùa đâu không muốn làm mà cũng phải làm.

Xin các ngài chớ trách nhà chùa chúng tôi sao mà ngu ngơ và hủ lậu đến ngày nay mới khởi xướng ra những việc làm ích quốc lợi dân mà chẳng như ngoại đạo. Song, xin các ngài xét lại cho rằng, nhà chùa tự cổ dĩ lai chưa hề có những việc làm như thế mà quốc dân cũng chưa hề có yêu cầu nhà chùa phải làm như thế bao giờ. Trách nào nhà chùa chúng tôi chẳng cứ yển nhiên ở trong cảnh tượng chân như mà không dám cử động làm việc gì mới. Vì biết đâu rở ròi ra quốc dân có hoan nghênh không, hay lại bị báng bổ rằng trục lợi, hay bị công kích là xuất kỳ?

Than ôi! vài ba mươi năm nay, đạo Phật càng ngày càng suy, những thức giả thật ít ai nhìn tới, chùa chiền chẳng qua chỉ để cho các đàn bà con trẻ bói thẻ châm hương, thậm chí các bà giàu có đến đòi đặt bát hương bát khói, phụ bóng lên đồng, kể thật lắm cảnh thương tâm thảm mục. Như vậy, còn trách chi nhà chùa chúng tôi không phải đeo một khối uất trong lòng cam chịu ở vòng hắc ám.

Gần đây không biết rằng thời buổi quốc dân tỉnh ngộ rồi đấy ư? Hay cũng lại ở tấm lòng sốt sắng suông của một vài ông già tại gia mà các sư chúng tôi hưởng ứng cũng là hão cả đấy? Điều đó thực chưa biết đâu!

Nhưng chúng tôi xin ví Phật giáo là cái hồn mà quốc dân là cái thể vậy. Nếu thân thể có kiêu khang thời linh hồn mới sáng suốt, chưa có bao giờ thân thể ốm mà tinh thần không ứ đọng được. Nếu quốc dân đã tỉnh táo thời Phật giáo sẽ được xướng minh, nếu quốc dân còn u mê thời đức tuệ cũng khó soi được lòng, chuông kinh cũng khó khua cho tỉnh được. Các

sư số ít, thiện tín là số nhiều. Thiện tín không muốn làm các sư giống giả cũng là vô ích!

Kể từ ngày ông Nguyễn Mục Tiên khởi xướng ra ở trong Nam, sư ông Tỷ khiêu tự Lai phụ họa từ ngoài Bắc, cho đến ngày nay trên báo chương mới thấy một ông Tiệm Hồng các báo mới thấy có *KHNB* cùng là *ĐP* với *DPTB* trong Nam Kỳ, phong trào dư luận hã y còn yếu ớt lắm. Công chúng chưa thấy náo nức yêu cầu mà thuyên gia cũng chưa được trông thấy toàn dân tỏ lòng tán thưởng. Người thức giả nước ta không biết rằng bụng dạ đã tối đen hay là tâm điền đã sai lạc, dường như mặc cho bọn đàn bà trẻ con, lũ ngu phụ phoan phu lễ đâu cũng là, vái đâu cũng là; cần gì phải *CHPG* nữa mà bán khoán. Có phải thế không? - Sao chưa thấy một ai ra cùng các nhà chùa mà hiệp lực?

Ôi! Không nguy cái gì cho bằng một dân không có tín ngưỡng. Nếu cứu quốc ta không cứu tấm lòng sai lạc của quốc dân vào một cái tín ngưỡng thâm trầm thời không sao mà cứu quốc được. Nay ở cho được cứu quốc dân ta khỏi cảnh lông bông càn bậy, đem tâm chí người ta ra khỏi cái thói “vô ác bất vi, vô xú bất tác” giắt vào cái cảnh tín thiện hối quá, bác ái, từ tâm thời tất phải xướng minh Phật giáo thời xin các ngài mau mau tỏ ý để nhà chùa biết, thúc giục nhà chùa, yêu cầu nhà chùa, giúp đỡ nhà chùa để nhà chùa theo quốc dân mà cùng nhau giúp vào việc tiến hóa của quốc dân vậy. (còn nữa)

Pháp tăng tự **Tâm Thái**
Môn thuộc *Dư Hàng*, Hải Phòng
(*ĐP* số 322, ngày 13.2.1927)

VẤN ĐỀ CHẤN HUNG PHẬT GIÁO

III

Nói về sự lập ra Phật học tu thư xã

Cứ như ý kiến của tôi về việc lập ra Phật gia công học hội là như thế, không biết pháp huynh Thiện Chiếu ở Nam Kỳ định thế nào?

Nếu mà cái ý kiến ấy mà hết thấy chư tăng trong nước theo cả thì việc lập ra PHTT xã như tôi đã nói ở *KHNB* số ra ngày 6.2.1927 đoạn việc dịch kinh sách nhà Phật, nay phải mở ra làm mấy quy mô to lớn mà chia ra nhiều chi nhiều bộ như sau này:

Ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn là ba nơi thư xã chính, trong các thư xã ấy không những là phải làm ra những việc tạp như là:

1. Làm bài cổ động vào các báo;
2. Làm bài giảng thuyết để các sư sau này cứ theo đấy mà giảng cho công chúng đến chùa nghe.
3. Làm bài tụng niệm cho thiện tín học để từ trẻ đến già, từ trai đến gái học để khi đến chùa thì tụng niệm.

Đều là những việc bá cáo và tuyên truyền cho thập phương biết đến những thủ tục của nhà chùa làm với lại làm cho bền lòng tín ngưỡng của thập phương, khiến cho ai đi chùa cũng được giác ngộ về Phật lý.

Còn phải làm ra những việc sau này nữa:

1. Dịch kinh sách Phật theo đúng chữ Hán ra quốc ngữ và chú thích cho ai nấy cũng hiểu.

2. Dịch kinh sách Phật theo đúng chữ Pháp ra quốc ngữ và chú thích mọi nơi âm nghĩa cho rõ ràng.

Những kinh sách này thì lấy ở các chùa còn để lại, mua ở các hàng sách cũng vào trường Bác Cổ sao về dịch ra, nên dịch cả kinh sách ở Tàu, ở Nhật đã làm bằng chữ Nho ra cả quốc ngữ cho rộng và thâm trang đạo lý. Ấy, phàm những bài cổ động về đạo lý, bài tụng niệm, bài giảng thuyết đều phải y kinh sách Phật mà làm ra không được trái nguyên ý của đạo Phật mới được.

Hai chi ấy để ra hai nơi, mỗi chi đều phải dùng thật nhiều các nhà Nho học và Pháp học trả lương cho hậu để chuyên làm những việc ấy. Đó là phần Phật học, còn về phần nhân sự sẽ chia làm ba chi nữa:

Chi A chuyên soạn dịch các sách địa dư, toán pháp, lịch sử, phong tục v.v..., để các tiểu khai tâm học, chi này kiêm cả việc soạn các sách như thế đến bậc sơ cấp để các sư Bác học.

Chi B chuyên soạn dịch các sách thanh, quang, lý, hóa, luận lý, lễ pháp, động vật học, Hán học, Pháp học v.v..., để dạy các sư về trung cấp học.

Chi C chuyên soạn dịch các sách triết học, siêu hình học, xã hội học, nhân chủng học, chính trị học, thần bí học, thời miên học v.v..., để cho các sư lên cao cấp dùng.

Những sách này thì dịch sách Tàu, sách Tây ra, cứ dịch đến đâu in đến đấy, in được quyển nào xuất bản thì báo cáo lên báo chương và gửi các hàng sách bán cùng nhờ các nhà thiện tín bán lấy tiền để làm những việc trước thuật này.

Trong ba nơi thành thị ấy có ba chốn PHTTX thì nên lập ra ba cái nhà in, nhà in ấy hoặc do tiền quyên giáo thập phương hoặc do các chùa quyên giáo thập phương, hoặc đem

đến hay nhà chùa vay tư gia trả dần để chuyên in những sách của cuộc tu thư mình xuất bản ra.

Chỉ có sự dịch kinh dịch sách Phật thì các nhà chùa mới hợp cùng các nhà học thức cùng làm, còn đến sự dịch các sách về nhân sự thì nhà chùa giám thị mà nhờ các nhà học thức đáng tin cậy, lựa theo trình độ và yêu cầu của các nhà sư mà soạn giúp. Sau này đến khi các sư giỏi giảng lại tùy tình thế riêng của mình mà sửa đổi lại sau.

Khi đã có nhà in và đã thành thư xã thì nhà chùa sẽ xin phép mở ra một tờ Phật học báo đặt tên là *Cảnh thế chúng* hay *Minh kính đài* để tuyên truyền Phật giáo và bảo vệ quyền lợi cho giáo hội. Bây giờ có thể mỗi xứ Nam, Trung, Bắc lập một tờ báo riêng, bao nhiêu người giúp việc trong thư xã là những người giúp việc trong báo quán cả. Những người thiện tín đều là những người mua báo mua sách cho thư xã, nhà chùa có lấy tiền của thập phương để làm gì đâu, chẳng qua lấy của thập phương để làm việc cho thập phương vậy.

Những người chủ trương thư xã ấn cục, báo quán, tuy là các sư, song quyền quản lý hành động nên giao cho các nhà học thức hết lòng giúp việc cho nhà chùa.

Tôi nói thuận là những việc tương lai cả. Song, nếu CHPG mà không lập PHTTX thì không nên công. Vậy ngay bây giờ PGTH chưa liên lạc xong, PGCHH chưa kiến thiết được, những PHTTX phải gây nên trước hết.

Cái quy mô PHTTX bây giờ chưa to tát được như tấm lòng kỳ vọng cao xa kia, song, kiến tha lâu cũng đầy tổ, nếu bước đầu không đi ngay thì bao giờ cho đến đích. Vậy thì trước nhỏ sau to, trước từ cá nhân sau đến đoàn thể, trước từ tiểu đoàn thể sau đến đại đoàn thể, bây giờ hãy do một vài nơi

giàu có như chùa Hương Tích là sơn môn Bà đá chúng tôi mà ra đó. Giá sư ông Thanh Tích là Giám tự chùa Hương Tích đem ngay tiền tài ra xin với sư tổ Bà Đá chúng tôi lập ngay ở Hà Nội một tòa tu thư nhỏ để hãy làm những việc tạp mà tôi kể trên đã. Rồi sư cụ chùa Dư Hàng Hải Phòng cũng lên liên lạc với trên chùa Bà Đá mà nhận một phần công việc. Hai sơn môn ấy kể đã to, chúng tôi đây cũng là người trong sơn môn ấy hợp lại cũng đủ chiêu tập được thập phương thiện tín. Rồi những nơi gần Nam Định, Ninh Bình, Bắc Ninh, Hải Dương nói tóm lại là các tỉnh được gần tỉnh thì phong khí dễ khai thông mở mang rõ lắm. Đến đâu cũng làm được cả, nếu cùng nhau ta làm đi thì làm gì chẳng xong được.

Dù ngày nay chưa thành giáo hội, chưa thành PGCHH song muốn cho thành phải cố động, thế thì phải nhờ các nhà báo *DPTB* trong Sài Gòn, *KHNB* ở Hà Nội, cả đến báo Tây như *Augus* cũng đều đã có đăng hay trích đăng những bài cổ động về việc CHPG cả. Ấy là nhà chùa chưa làm ra sự thực mà đã được các báo hoan nghênh cổ động cho như thế. Huống chi các chùa đâu đâu cũng đã có tu thư cục đã có người CHPG cả thì các nhà báo sẵn lòng hoan nghênh đến đâu, xin thuyên gia ta cố đi. Chúng ta phải mau lên không có chậm trễ quá mất rồi!

Tôi bi lý các chùa nên làm không phải là tôi xướng lên rồi lại bỏ lãng đâu.

Tôi đã nói tôi ở một nơi chùa hẻo lánh trên mạn ngược, nghèo hèn bần bạc không đủ tài lực, song tôi cũng cố vận động để cho các chùa cùng tôi cùng làm. “Nhất mộc nan chi đại hạ” (một cây làm chẳng nên non) vậy. Tôi nói đây may ra ai làm thời tôi cũng xin làm, nếu chẳng ai làm thì tôi cũng xin

cổ, chắc thập phương thiện tín đoái đến lòng từ mẫn của tôi thì tôi cũng có ngày thành được công to vậy. Nhưng than ôi! thập phương thiện tín biết có ai chứng dám cho tôi đấy không?

Tử khiêu tự Lai

Trụ trì chùa *Hang*, Thái Nguyên
(*KHNB* số 1658, ngày 13.2.1927)

PHẬT GIÁO VỚI XÃ HỘI VIỆT NAM

Gần đây trong Nam ngoài Bắc đã thấy nhóm lên dư luận CHPG; cái dư luận ấy tuy mới nhóm lên nhưng thấy trong truyền gia Nam Bắc đã có một đôi sư ông sư cụ ra hô hào, chẳng biết nói trăm voi sau này có được một bát nước xáo vào đấy không?

Ký giả vốn ưa chủ nghĩa thực hành, phàm việc nước việc gì cũng vậy, nói ít mà làm nhiều thời mới mong có công hiệu được, cho nên nhân có phong trào dư luận xin cũng góp một cái chương trình đem Phật giáo thi hành các việc công ích trong xã hội Việt Nam này để biểu các nhà có tâm CHPG.

Bởi vì ký giả cho rằng phàm phương diện gì cũng vậy, ta nên lấy sự lợi ích cho xã hội mà bàn, chứ thuần lý cả cũng vị tất đã không phải là không vô ích.

Cứ thực tế mà xét ra thời Phật giáo hiện tại ở nước Nam ta, trừ việc cúng lễ ra không có một chút chi là ích lợi cho xã hội cả nhà chùa, gần đây, lại thi nhau bày thêm ở trong các nơi thờ Phật, bàn thờ Mẫu thoải, quan Lớn chi chi, gây nên một cái va đồng bóng làm hại đàn bà con gái. Lượng xét đến bản nguyên cũng biết là sư mô bày ra để lấy tiền thập phương thiện tín vậy.

Thôi, ký giả gác giáo lý nhà Phật sang một bên, chỉ lấy con mắt tục mà xét, thời nếu ngày nay quả thực rằng đa số các bậc chân tu ra định vì cái đạo mà mình làm tín độ vớt vát lại, chấn chỉnh lên, thời xin thực hành ngay một cái chương trình có ích lợi cho xã hội Việt Nam, đừng có nên như lời người ta bảo “buôn thần bán Phật” hay là lợi dụng tôn giáo mà đi chiếm đất của người, xoay tiền thiên hạ, như thế mới thực là chân chính vậy.

Như ý tôi, các sư ngày nay CHPG thì phải những điều sau:

1) *Chiêu mộ nhân tài*

Phàm nhỏ từ việc làm ăn, nhớn từ việc gia quốc đều phải lấy nhân tài làm cốt yếu. Nếu không có nhân tài thời dẫu có chương trình hay, ý chí tốt cũng không sao nên việc được. Các sư mô nước ta thời phần nhiều là những người ít học, hay là những kẻ cổ hủ cố chấp, lấy đâu được nhân tài ra mà CHPG. Thảng hoặc cũng có một đôi ông sư có học thức, có tư tưởng am hiểu đạo Phật đó; nhưng chỉ biết cũ mà không biết mới tưởng cũng không hợp thời vả lại một số rất ít thời thấm vào đâu.

Thế nhưng nếu *muốn là có thể được* chỉ sợ các nhà sư không thực muốn mà thôi, chứ thực muốn ra thời xin chiêu mộ lấy nhân tài. Nhân tài ấy đã không thể chỉ trông mong được vào ở trong vòng nhà chùa, tất phải trông mong rộng ra các nhà thiện tín. Vậy thời các nhà sư nên tìm ở trong các nhà thiện tín lấy những người trong vòng Nho học hay Pháp học, cầu xin người ta giúp giập cho mình, làm người ta cố vấn để hỏi han mọi lẽ phải chăng, mọi đường hành động, sao cho không sai lạc nhờ mất dịp hay. Được như thế mới là khôn khéo.

2) Mộ tập kinh phí

Ở đời này làm gì cũng vậy, phải có tiền để chi phí mới thành công được. Nếu muốn CHPG, không có tiền mà thuê những người Hán học, Pháp học làm văn cổ động hay làm giấy phổ cáo hay là mượn thầy về dạy các sư học chữ quốc ngữ; trả tiền lương cho các người dịch kinh, dịch sách Phật ra chữ quốc ngữ cũng trả tiền in kinh sách, giấy má thì sao cho nên việc được.

Vậy nên nhà chùa cần phải mộ tập lấy tiền kinh phí để chi vào các việc ở trên và làm tiền hành lý để cho các người đi cổ động.

Cho được có tiền kinh phí để làm việc CHPG thời các nhà sư nên liên lạc cùng nhau, lập nên PGTH họp hết các sư ở trong nước lại làm một hội, cùng nhau cùng hiệp với các nhà thiện tín để trừ lấy tiền mà thi hành các công việc cho đạt đến cái mục đích đem tôn giáo làm lợi ích cho xã hội.

3) Khắc chí thực hành

Khi đã mộ được nhân tài, lập được tư bản rồi, thời phải cùng nhau khắc chí học hành các công việc chấn chỉnh, trong từ việc dạy sư tiểu học chữ quốc ngữ, làm các bài giảng để giảng dụ cho thiện tín biết đến thâm ý đạo Phật, làm những bài niệm cho thiện tín lễ Phật có câu mà cầu Phật cho phải lễ, làm ra giảng đường để cất người đứng giảng giáo nghĩa cho chúng nhân nghe, ngoài đến những việc lập thư viện ở các chùa để sưu tập các sách quốc ngữ để với kinh Phật đã dịch ra chữ quốc ngữ chọn những sách có ích cho đường trí dục, đức dục của quốc dân để các thiện tín đến xem đọc, nhờ đó mà mở mang trí khôn và trở nên người lương thiện; lập ra bên cạnh mỗi chùa một trường học để giúp đường giáo dục cho

quốc dân, lập nên nhà y tế phát thuốc chữa bệnh để giúp vào việc vệ sinh cho xã hội; lập ra nhà bảo cô để cứu lấy trẻ con mồ côi; lập nhà tàn tật để nuôi người què quặt, mù lòa, v.v...

Trong lúc tu hành, ngoài việc nghiên cứu giáo nghĩa ra, nếu các sư có khắc chí thực hành được những điều như vừa nói đó mới thực là làm nên được ích lợi cho xã hội nhân quần vậy.

4) *Cải lương nhân cách*

Nhân cách các nhà sư ta nhu nhược lắm, chỉ biết gõ mõ tụng kinh, giờ đầu chịu báng là phần nhiều; quá ra lại có những tay bất đắc chí ở gia đình, hương đảng, khoác áo cà sa lợi dụng làm xằng như vậy, trách nào chẳng không làm nên công việc chi là có ích lợi cho xã hội.

Nay muốn làm những việc công ích thời cần phải cho có đủ tư cách, muốn đủ tư cách phải cần bảo nhau cải lương cái nhân cách mình đi đã, muốn cải lương được nhân cách trừ phi đón các bậc hiền nhân đại sĩ trong làng Hán học, hay Nho học về ở chùa làm thầy học, làm bạn hiền, làm người giúp việc để người ta thường đem sách vở báo chí, đọc giảng cho mình nghe để mình nhân đó mà tỉnh ngộ dần dần ra, hấp thụ lấy những điều hay điều phải ở buổi tân thời, lựa đưa tôn giáo mình vào một cái địa vị có giá trị về đường công ích công lợi cho nhân quần xã hội.

Nói tóm lại muốn CHPG để có ích lợi cho xã hội Việt Nam ta, thời xin có mấy lời chung cáo các nhà sư ta trong bốn điều kê trên này phải lưu tâm đến luôn thời mới mong thành công được. Bằng không thời chẳng qua nói lắm cũng không nên trò gì, mà có làm ra, thiết tưởng cũng không được nên việc. Nếu có được đủ bốn điều trên đó, khi làm ra, trước nhỏ, sau to, mới vụng sau khéo, dần dần tiến lên con đường thịnh

đạt, không ai còn phàn nàn sự mô nước ta mà báng bổ đạo Phật nữa vậy.

Nguyễn Mạnh Bổng

(TNDB số 1875, ngày 14 và 15.2.1927)

CHẤN HƯNG PHẬT GIÁO

(tiếp theo)

Do nghĩ như thế, nên tôi ý trước nhất bây giờ phải làm ngay hai việc sau đây: Một là phải liên kết với một vài tòa báo. Hai là phải tổ chức Cuộc tu thư.

Tại sao lại cần liên kết với các tòa báo? - Là vì phải cần cho các phong trào dư luận không bao giờ tắt. Muốn cho quốc dân cùng các nhà chùa cùng lưu tâm gắng sức làm việc CHPG cho đến cùng, cho đến được thời phải có các nhà báo nói đến luôn, nay báo này đăng bài giải bày ý kiến của người này, mai báo khác đăng bài chỉ dẫn phương pháp của người khác, kẻ nói đi người bàn lại, kẻ này bảo người kia, luôn luôn dạy dỗ lẫn nhau thì không còn ai quên ai nhãng hay kém không biết đường làm nữa.

Nay muốn liên lạc với các nhà báo thời phải làm thế nào? Điều này thời các nhà báo đã tự nhận lấy việc khởi xướng dư luận CHPG rồi, chắc không phải đợi đến những nhà chùa và các nhà hữu tâm đến nói, đến cầu nữa. Nhưng nếu cứ các nhà báo nói hay thỉnh thoảng mới có người gửi bài về đăng thời e rằng các nhà báo không tỏ rõ được cái tấm nhiệt thành của mình mà giúp đáp cho được nên việc. Vậy cho được tỏ bụng mình thời trước hết các bậc có trí trong các chùa, nên viết thư cho những nhà báo nào hay đăng bài CHPG để cảm ơn nhà báo

và nên rủ nhau mua báo đồng niên để xem, rồi lại đi rủ các nhà thiện tín nghe theo mình mua những báo ấy xem để trước là tỏ lòng cảm ơn nhà báo, sau là lấy đấy mà tiêm nhiễm vào óc người ta về việc CHPG và dạy người ta làm việc CHPG cho thành. Rồi khi nào có dịp nên cử một vài vị sư đại biểu đến các nhà báo vẫn đăng bài về việc CHPG này để cảm ơn và tỏ lòng ủy thác, như thế thời cái cơ quan truyền bá không gì mạnh cho bằng, mà không gì chắc chắn cho bằng. Bất cứ việc gì, không nhờ cậy vào các nhà báo thời không nên việc được. Thế cho nên cần phải cậy vào các nhà báo đã xuất bản rồi, chứ việc nhà chùa lập ra PHBQ bây giờ chưa nên tính vội.

Tại sao lại cần phải tổ chức cuộc tu thư? - Là vì muốn cho Phật giáo được chấn hưng thời phải có những sách dạy người ta làm thế nào cho được CHPG. Muốn có sách dạy người ta CHPG thế nào cho được thành công thời phải nên tổ chức Cuộc tu thư. Trong Cuộc tu thư ấy hãy xếp việc dịch kinh dịch sách Phật lại để sau này sẽ làm, bây giờ chỉ cần họp các nhà hữu tâm như ông Nguyễn Mục Tiên và ông Tiệm Hồng lại với các nhà sư để làm ra những quyển sách mà tôi nói ở trên đầu bài kia làm được đến đâu chép ra nhiều bản gửi ra các nhà báo đăng cho mọi người xem đến đấy, rồi lại in ra từng bài từng tờ một phổ tống đi các chùa và các nhà thiện tín đến lúc được nhiều bài thời in ra thành sách, mỗi việc in thành một quyển.

Những nhà Pháp học hay Hán học ở trong cuộc tu thư ấy sẽ là những ông thầy giáo dạy các sư học chữ quốc ngữ và làm văn quốc ngữ. Cuộc tu thư ấy sau này làm xong, những quyển sách chỉ đường dẫn lối về việc CHPG ấy thôi sẽ chuyển việc dịch kinh dịch sách Phật, ấy cứ như ý tôi thời ngày nay mà chư sư cùng các ngài muốn được đạt nguyện vọng hãy làm

hai việc ấy trước. Hai việc ấy mà thành thời sau này liên lạc các sơn môn làm giáo hội, mở trường học dạy con cái thiện tín, dựng phúc đường, gây nhà báo cô, lập đàn giảng thiện việc gì rồi cũng đến xong.

Vạn sự khởi đầu nan, những hễ cố công thời việc gì cũng xong được cả. Ngày nay nhà chùa hay các ngài hữu tâm ta chỉ nên tìm nhau liên lạc cho đoàn thể, kết cho chặt mối đồng tâm, trong nhờ thế lực báo quán, ngoài nhờ tín ngưỡng thập phương, một hai ba năm hay bốn năm sáu năm bao giờ thành cũng là, xin cùng nhau cố gắng thời có công mài sắt có ngày nên kim vậy. Tôi cũng xin ghé vai vào gánh vác với các ngài cái trách nhiệm này. A di đà Phật!

Pháp tăng tự **Tâm Ứng**
Môn thuộc *Dư Hàng*, Hải Phòng
(ĐP số 323, ngày 15.2.1927)

VỀ CHẤN HƯNG PHẬT GIÁO

IV

Nói về việc lập giảng đàn

Giảng đàn tức là một nơi tụ họp các tín đồ lại để một vị sư đứng lên giảng thuyết những lịch sử đức Phật tổ tu hành khổ hạnh như thế nào? Lịch sử các đức Bồ tát hay các nhà thiện tín khi xưa hay giới từ bi bác ái như thế nào? Để cho mọi người nghe theo. Lại giảng cho người ta biết những điều cấm giới, nghĩa lý làm người phải giữ cho hợp đường đạo đức. Những bài giảng thuyết đều là ở trong kinh Phật sách Phật lấy ra làm thành bài để các sư học thuộc lòng, cứ sáng tối hai buổi

lễ có người đến lễ thì đứng giảng thuyết cho nghe, rằm mồng một đông đảo hay kỳ hội lại càng cần phải giảng lắm.

Bởi vì rằng có giảng như thế thì người đi đến lễ Phật, ngoài sự niệm Phật cầu Phật phù hộ cho ở chỗ nó mình ra lại được hưởng cái lợi ích được nghe một bài học về luân lý về đạo đức. Sau khi ở chùa bước chân ra thì bao nhiêu tà tâm tà niệm sẽ tiêu tan đi, mà muốn quay đầu về việc làm lành. Chứ nếu thiện tín đến chùa chỉ biết xì xà xì xụp lễ Phật khẩn vái kêu cầu, châm hương xóc thẻ mà thôi thì thiết tưởng chỉ có lòng mê tín lễ Phật cũng như lễ con ma gốc thị, con quỷ gốc đa mà không có chi là phân biệt.

Thế cho nên tôi mới bàn ra sự lập ở trong mỗi chùa một chôn giảng đàn là do cái ý ấy, cho được lập giảng đàn thì cái lối chùa cổ của ta nên chữa đi mà làm rộng bề ngang ra. Song chùa ta bây giờ làm kể cũng đã rộng, chữa chùa thời nhân công vật liệu lại sinh tốn kém vô ích ra, chi bằng hãy cứ giữ nguyên như vậy, chỉ cứ trước tam bảo đặt ra hai ba dãy ghế hay năm bảy dãy ghế, hễ nhiều người thì đặt ra nhiều, cái đó không lệ chi, phân ra đôi bên, nam tả nữ hữu hễ các người lễ Phật xong ra nghe thỉnh mấy câu kinh là ngồi yên nghe giảng. Khi niệm ấy thời vị sư đứng trên giảng đàn niệm với tín đồ niệm dứt thỉnh mấy tiếng mõ là vị sư đứng ra giảng, giảng dứt lời lại cùng nhau tụng niệm, rồi lễ Phật bước ra.

Hễ có làm như thế thì người ta đi lễ chùa mới được ích lợi, có làm như thế thì người đi lễ chùa chưa biết được Phật phù hộ cho điều gì, nhưng bước chân ở chùa ra hãy còn phảng phất được những câu chân ngôn cấm giới của chân giáo, lòng gian tà bỏ bớt đi dần, nguồn đạo đức ngày tăng lên mãi, có làm như thế Phật giáo mới có thể khiến được nhân tâm phong tục được thuần chính, dân trí tư tưởng được khai minh, có làm

như thế mới cứu vớt được người ra khỏi bến mê, đem được người sang bờ giác.

Muốn cho quốc dân giàu lòng tín ngưỡng Phật giáo thì sự giảng thuyết là cần nhất, rồi sự dịch kinh, giảng thuyết để cho người tới đó nghe, dịch kinh để người đem về nhà đọc. Rút lại để cho tín đồ thời thường được tâm niệm đến Phật giáo vậy.

Tôi xướng ra thế, có ông sư bảo tôi rằng: “Tây người ta sinh nghi thì phải bắt phải tội” ấy thế là làm to mà đại lớn. Người Pháp ở đây, cũng nhiều người theo đạo Phật mến đạo Phật, có lòng bênh vực đạo Phật, không phải hết thấy Tây là ghét đạo Phật đâu! Tôi không biết chữ Tây song vừa rồi có người cắt nghĩa cho nghe một bài văn trong báo *Augus Indochineig* số 464 ra ngày thứ tư 9.2.1927 có một bài đề là “Tối nền quốc giáo” “Làm sao mà đạo Phật suốt cả người Á Đông nên sùng phụng” của ông Robert Đốc học trưởng Trung học Pháp Hoa ở chợ Quán (Sài Gòn) thì biết rằng ông Đốc kính mến đạo Phật biết chừng nào! Có người lại bảo tôi rằng: bài ấy ông Robert lại có in ra một quyển sách có ba thứ chữ, chữ Tây, chữ Nho và chữ quốc ngữ bán mỗi hào một quyển, mà tôi chưa được xem. Ông Robert là người Pháp, mà còn mong cho Phật giáo nước ta được chấn hưng. Vậy Phật giáo đáng để cho cả thế giới sùng phụng chứ có phải là một cái giáo bá láp nào đâu! Như vậy đều chứng rằng người Pháp ở đây quý mến Phật giáo ta biết ngần nào. Ông chủ “*Augus*” cũng là một người Pháp còn trích bài chấn hưng đạo Phật của ông Robert đăng báo ông, thì ta không nên buộc cho người Pháp cái điều ghét Phật giáo.

Người Pháp đã có người yêu Phật giáo mà người Pháp lại là một dân biết kính trọng cái lòng tín ngưỡng của kẻ khác, ai theo đạo nào tùy ý không ai báng bĩ ai. Bởi vì nước Pháp đã

qua mấy thế kỷ trải sự xung đột nhau về tín ngưỡng rồi biết cái việc kỳ thị ngoại giáo là vô ích, cho nên chính phủ tới đây cũng theo cái tôn chỉ “tín giáo tự do” mà không hề xâm phạm đến lòng tín ngưỡng của nhân dân. Chính phủ đã không hề cấm đoán nhân dân theo đạo nào cũng chẳng khi nào dám bênh vực đạo nào mà làm hại hay ăn hiếp đạo nào cả. Vì chính phủ chỉ mong cho trong nước được yên ổn, quan lại thừa hành không khi nào lại dám gây sự mà cấm đoán nhân dân tín giáo, hay cấm đoán các sư ta giảng thiện bao giờ.

Vì nếu chính phủ có cấm thì sau gốc đa có cửa, rước sách đốt mã, cùng quan ôn hay đồng bóng chập choạng làm rối rít có thể gọi là nhiễu loạn trật tự được mà chẳng thấy cấm. Đó là kính trọng cái lòng tín ngưỡng của nhân dân. Dầu cái lòng tín ngưỡng ấy cao thượng hay đê hèn, văn minh hay dã man cũng mặc, miễn là cho dân được thỏa lòng tín ngưỡng, có mối yên ủi được mà vui cái kiếp sống của mình mà làm ăn sưu thuế đóng góp cho chính phủ mà thôi. Thế thì xin các nơi nhà chùa ta chỉ sợ thuyên gia ta không chín mà thôi, cứ việc mà làm bài giảng thuyết, lập chốn giảng đàn, chính phủ cũng không ngăn trở đâu, không việc gì mà sợ bóng sợ vía làm vậy, “ngã bất nhập địa ngục thủy năng cứu chúng sinh” xin nhờ lời Phật dạy, dù vì việc cứu chúng sinh mà đến phải sa vào địa ngục nữa cũng nên vui lòng. Lên đàn hỏa cũng không sợ, chẳng là lên giảng đàn?

Vả lại những bài giảng thuyết ấy làm ra bài trước rồi, đã in ra ở sách rồi, lấy ở các kinh Phật sách Phật ra mà giảng thuyết, những kinh sách ấy vốn đã có xưa nay mấy nghìn năm để lại rồi thì chính phủ còn cấm đoán gì nữa. Chính phủ chỉ có cấm đoán những người đi cố động diễn thuyết phiến loạn, bọn thuyên gia ta theo về đạo từ bi bác ái không có can thiệp vào

việc chính trị của nhà nước. Trong chùa đừng chứa người phản đối, đừng cho ai để súng để bom, đừng cho ai để thuốc phiện lậu, rượu lậu hay đồ ăn cấp thì không sợ gì, không có lý nào một vị sư lên đọc kinh giảng thiện đều bị chính phủ cấm được. Không, chính phủ sẵn lòng bênh vực ta, đôi ba khi nhà chùa ta có mở hội mở đám gì phải khuyến đi quyên tiền các quan công sứ cùng các quan tỉnh, phủ, huyện đều cho phép cả. Sự đi quyên tiền cũng còn không ngăn trở chẳng là việc giảng thiện việc gì mà ngại.

Ngại có phải là sự tụ họp đông người không? thế các ngày hội tết chùa chiền nào cũng có hàng ức triệu người đã thấy chính phủ bắt bố chưa? vì chùa chiền là một nơi người ta đi đến tự do cúng lễ không có khi nào có một chính phủ văn minh lại đi cấm dân và sư không cho lễ Phật hay nói đến sự tích ông Phật là quyển sách Phật phát cho nhau.

Nếu mà chùa nào làm như thế mà sợ, nghe lời tôi nói chưa tin thì xin chịu khó về Hà Nội, Tourane, Sài Gòn hỏi mấy ông trạng sư xem có cái luật nào nhà nước đặt ra để cấm các ông cố đạo giảng kinh trong nhà thờ hay các ông sư giảng thiện trong các chùa không? Chắc sẽ được ông trạng sư trả lời rằng: “không”. Vậy thẳng hoặc có kẻ nào dọa nạt ta tưởng ta non hèn hay ngu dốt toan sự áp hách ta để chực ăn tiền hối lộ thì ta nên làm đơn thưa kiện kẻ ấy ở quan công sứ, quan thống sứ hay quan tòa án, lấy đủ chứng cứ mà các nhà sư nên xúm nhau lại mà lo trạng sư trị cho những loài ác quỷ yêu nghiệt ấy phải chữa ngón làm càn đi, không ngại! Xin cứ yên tâm mà sửa soạn lấy giảng đàn đi cho thập phương thiện tín được nhờ.

Tử khiêu tự Lai

Trụ trì chùa *Hang*, Thái Nguyên
(*KHNB* số 1659, ngày 15.2.1927)

Về việc CHPG, bản báo lại nhận được hai bài sau:

Từ mồng mười tết giở đi đã thấy có người đi lễ chùa Hương Tích, tấm lòng quốc dân ta hâm mộ chùa Hương Tích thật là nhiệt thành thay! Rồi ra từ giờ cho hết tháng ba người đi lễ chùa Hương Tích kể có muôn nghìn ức triệu, chùa Hương Tích thật là một ngôi chùa lăm tiền nhiều của nhất nước Nam vậy.

Từ ngày sư ông chùa *Hang*, Thái Nguyên khởi xướng ra chương trình CHPG đến nay, nghe thấy chư tăng trong chùa Hương Tích cũng đã nao nức lắm. Bởi vì chư tăng ở chùa có nhiều người biết chữ quốc ngữ.

Nếu chư tăng đã nao nức chắc sư ông Thanh Tích - Giám tự chùa Hương Tích cũng sẽ nghĩ đến Phật giáo mà thi hành ngay cái chương trình của sư ông chùa *Hang* vậy. Vì ông Thanh Tích là sơn môn Bà Đá cũng là một cái chùa to ở Hà Nội, phạm sự gì có thể liên lạc được với nhau. Sơn môn Bà Đá to lắm, ngay như sư ông Tâm Lai chùa *Hang*, Thái Nguyên cũng ở sơn môn ấy.

Nếu vậy thì những nhà thiện tín vận động CHPG nên nhân dịp lễ hội chùa Hương này mà đến thúc dục yêu cầu sư ông Thanh Tích, nếu sư ông Thanh Tích nghe theo thì việc chóng xong lắm.

Song, ta chưa biết rằng ở trong cái dư luận CHPG kịch liệt này, sư ông Giám tự có hợp với sư ông Tâm Lai sẽ lấy chùa Bà Đá làm nơi trụ cốt để làm việc CHPG của mình đó không?

Th. lai cáo

Từ ngày phong trào dư luận CHPG nổi lên ở tỉnh Kiến An có những bọn thanh niên nam nữ cùng những người có kiến

thức không ước mà thành ra nhiều đoàn thể cứ đi các chùa đem những tờ báo có các bài CHPG đọc cho chư tăng nghe.

VỀ VIỆC CHẤM HUNG PHẬT GIÁO

V

Nói về việc lập trường học cho các con cái thiện tín học

Bốn việc trước như lập PGTH, lập PGCHH, PHTTX, lập ra giảng đàn đều là những việc truyền giáo và thao luyện lấy nhân tài truyền giáo cùng giảng thuyết giáo lý cho thiện tín nghe. Từ đây trở đi tôi xin lần lượt kể các cơ quan công ích mà Phật giáo hội đặt ra để độ cho tín đồ trong kim thế.

Việc thứ nhất bây giờ cho quốc dân ta là việc mở trường học, hiện nay số trường học cần phải mở ra thì nhiều mà số công quỹ thì ít, nhà nước cũng mong cho dân tự mở lấy trường học để đỡ cho nhà nước. Xem như bản nghị định ngày 27.12.1926 của quan thống sứ Bắc Kỳ ký cho các làng lập trường Yếu lược thì đủ rõ.

Ngày nay mỗi làng trong Bắc Kỳ làng nào cũng có một ngôi chùa. Làng nào cũng cần phải có một trường Yếu lược, vậy ngay bây giờ, nhà chùa không phải chờ đến lúc Phật giáo hội thành cũng có thể đem sức của mình mà dùm giúp các dân xã được. Nghĩa là nhân cái nghị định ấy, sư ở các chùa nhà quê, xem làng nào không có trường học thì nên kíp mời các bậc kỳ hào và bà vãi ở trong chùa lại, nhà chùa xin đem tâm vào lập giúp làng một nơi trường học. Hiện nhà chùa có thể trừ được bao nhiêu, còn thì kỳ hào tổng lý các thiện nam tín

nữ, thái ông lão bà mỗi người nhận cúng bao nhiêu, còn bao nhiêu nữa nhà chùa sẽ xin dân làng hợp với sư lập phủ khuyến xin phép đi quyên giáo thập phương, cũng có thể lập được cho dân một cái trường học. Tùy theo đình số trong làng và số trẻ con đi học định mở là mấy lớp, phải cần bao nhiêu thầy giáo, lương thầy giáo sẽ trừ vào những khoản gì. Làng định mỗi năm cấp cho bao nhiêu do công quỹ cấp ra, còn thiện tín mỗi năm quyên bao nhiêu, số ban đầu nhà chùa đi quyên về trừ bị lại bằng tiền hay đem tiền tậu ra ruộng đất để nhà chùa cấy cấy lấy hoa lợi mà chi lương thầy giáo sau này thế nào cũng tính trước cả.

Nhà trường thì trước hãy làm sát cạnh chùa, có nhiều tiền thì làm to biệt ra một nơi, có ít tiền thì làm nhỏ. Nay mới trừ được đủ lương thầy giáo và đóng bàn ghế mua sách vở thôi hãy tạm để ngay trong chùa, hai dãy hành lang chùa nào cũng dài cũng rộng. Nhà chùa nên lập ra những nhà chứa đồ đạc và làm ăn riêng, còn dọn dẹp hai dãy hành lang đi, đóng bàn ghế để tủ sách bảng đen các thức cho đủ, sửa sang hành lang cho sáng khải, đặt thành mấy lớp ở trong chùa cốt hợp cách vệ sinh là thoáng hơi thoáng khí trẻ ngồi thở được tốt thì là được. Xem đúng những điều trong đạo nghị định ngày 27.12.1926 của quan thống : ứ Bắc Kỳ đã nói ở trên mà đệ đơn trình quan trên, phép xin dễ lắm, vì chỉ cốt chọn được ông giáo nhà nước bằng lòng nghĩa là đủ văn bằng hạnh kiểm dạy học là được phép. Còn như sự lương soạn thầy giáo trừ những khoản đã nói ở trên để trừ kia, nếu chưa đủ, có thể đặt ra lệ thu tiền học phí học trò đóng cho nhà trường, giao cho các thầy giáo thu nộp lại nhà chùa, rồi nhà chùa sẽ lại phát lương cho thầy giáo sau. Hễ thừa thì để lại tháng sau, thiếu thì nhà chùa xoay bù vào đó. Nên chia ra một hạng con nhà có thì phải trả tiền, còn con

nhà nào nghèo túng cả làng ai cũng biết thì cho miễn học phí, có khi lại được nhà chùa cấp cả bút sách giấy mực cho học nữa.

Đến như chùa ở các chốn tỉnh thành ngày nay muốn lập ra các trường Yếu lược cho đến cả Cao đẳng tiểu học cũng được. Miễn là các nhà sư ta có chí đi tìm lấy mấy ông giáo tư hay mấy ông giáo công hỏi cho biết thể lệ, thoát tiên hãy mở ra ngay trong chùa một vài lớp học thấp cũng thu tiền học trò trả lương thầy giáo, chắc chư sư không định mở, chứ định thì hé miệng một câu là có người giúp bàn ghế giúp tiền nong, có thầy giáo về dạy học trò ngay. Không có cứ đem ngay ý kiến ấy nói với các nhà báo đăng lên các báo, thì tự khắc vô số người đem tiền đến giúp. Trong các chùa thành phố nhiều chùa rộng cứ đem chia ra từng gian cho thuê để lấy lợi, sao không mở trường dạy học trò có phải nghĩa lợi lưỡng toàn không? Khi mở được một vài lớp rồi thì tính việc tìm đất lập trường, chắc có người sẽ cho nhà chùa cả đất cả vôi gạch nữa. Ví ai cho nhiều thì nhà chùa sẽ ghi tên vào tấm bia đá lớn ở trong trường, có khi tạc tượng hay treo hình ảnh kỷ niệm ở trong trường, chắc vô số người muốn giúp vừa được danh thơm vừa được trọn nghĩa với đồng bào, vừa được phúc đức chẳng ai cho. Nhà chùa cứ thi nhau mở mãi trường ra cho nhiều từ Sơ học yếu lược đến Cao đẳng tiểu học có thể mở đâu cứ mở, đón thầy giáo cho giỏi, dạy học cho tốt, dẫu lấy học phí đắt cũng có học trò.

Ngoài học trò trả tiền cũng sẽ mở ra lớp “nghĩa học” để dạy con nhà nghèo, lớp học tối để dạy thợ thuyền như vậy thì con nhà giàu với con nhà nghèo sẽ cùng san sẻ chịu học phí cho nhau, nghĩa là kẻ giàu giả tiền mà kẻ khó được học không lại lại được phát thêm sách giấy bút vở nữa vậy!

Trong những trường học ấy, nhà chùa cũng có thể buôn các thứ sách vở bút mực về bán cho học trò lấy lãi ra để chi lương thầy giáo được!

Rồi lại mở ra trường lưu trú cho trẻ con học trò có thể ăn ở trong trường đi học tính giá cơm ăn và học phí để cho kẻ xa gần gửi con vào đó học cho tiện.

Phàm những việc này bây giờ các chùa có thể cứ theo lời chỉ dẫn của tôi trong bài này, nhờ lấy mấy tay Pháp học, Hán học hay mấy ông giáo giúp việc xin phép và bày kiêu lập trường, tùy tình thế từng chùa mà lập ngay lập tức. Dẫu bây giờ mới mở ra, chưa có sư đến giảng thiện cho học trò, song cũng có thể phát những tờ giấy in hay tờ báo phổ cáo về việc Phật giáo cho học trò xem cùng đem những câu cách ngôn của đức Phật tổ kể ở trên tường cho trẻ ngày ngày ra vào xem đọc, trẻ con lại được thời thường thăm chùa vui cảnh thì cũng thêm niềm được nhiều.

Lúc đầu này hãy phải một độ dăm bảy năm, mười năm phải nhờ đến các thầy giáo ngoài vào dạy, sau này PGCHH thành rồi, các sư học đã giỏi có thể thay chân các thầy giáo mà dạy được, bấy giờ lại đỡ tốn phí và tiện việc truyền giáo.

Song, bây giờ chùa nào muốn được tay quân sư khá, cố vấn giỏi chi bằng ta nhân việc ở các chùa các sư các tiểu cũng cần phải biết chữ quốc ngữ và các môn học phổ thông ta cũng phải đón thầy về dạy học, đón người về làm cố vấn thì ta xin phép mở ngay các trường Phật gia tư thực ở trong các chùa để dạy cả người nhà chùa lẫn con cái thập phương, há chẳng phải là nhất cử lưỡng tiện đó ư? Hiện bây giờ muốn CHPG thì nhà chùa phải làm ngay những công đức với dân gian đi đã. Công đức với dân gian ngày nay gì cho bằng mở

trường dạy học? và ngày nay nước nào cũng phải trồng cây vào đám thanh niên học sinh, nếu trong các chùa lập ra được nhiều trường học thì tất được nhiều bọn thanh niên học sinh cảm nhiệm ân đức bọn đó sẽ vì nhà chùa mà làm cho Phật giáo được chấn hưng.

Vả cha anh nào cũng mong cho con cháu khá giả sau này, bà đi lễ Phật, mẹ đi lễ Phật, trông thấy con học ở trường học của nhà chùa dựng ra tấn tới, trong lòng cảm động về đạo Phật biết bao? ấy những bậc cha anh, những bà cụ bà mẹ trẻ con ấy là những tay tư bản, một tấm cảm tình có thể khuynh gia phá sản giúp nhà chùa giúp quốc dân trong sự mở mang học đường được. Đến sau bọn trẻ con kia ra đời, kiếm được ngôi cao lộc cả chắc cũng nhớ đến ơn nhà chùa gây dựng ra chùa cho mình học sẽ vun trồng vào cái nền học đường kia cho to cho vững mãi ra. Thế lực càng ngày càng vững biết bao?

Không biết các bạn thuyên gia ta nghe đã vỡ nghĩa chưa? Đã ai quyết làm chưa? Làm đi, chúng ta chậm chân lắm rồi! Việc này dễ xin, làm đi thôi!

Nhưng, việc này có quan hệ đến việc giáo dục của quốc dân mà dễ làm, xin các ông ưa sự mở mang việc học xin đem tờ báo có bài văn này đến đọc cho các chùa ở chỗ mình nghe, bảo cho các sư nghe ra và xin giúp vào cho các sư làm nên công quả. Tôi tiếc rằng tôi không được một vài ngôi chùa ở trong mấy thành phố lớn hay ở ngay mấy làng trong trung châu, ở trong một cái chùa hang núi này muốn làm không có chỗ làm. Buồn thay!

Song, xin làm một tiếng chuông kêu từ hang núi để giác tỉnh tất cả mọi nơi, may ra có ai nghe tiếng chuông trong hang

này mà tỉnh, theo vang động mà làm, thì quốc dân may lắm!
Phật giáo may lắm! Hậu sinh may lắm! Tăng giới may lắm!

Tử khiêu tự Lai

Chùa *Hang*, Thái Nguyên
(*KHNB* số 1660, ngày 16.2.1927)

Ý KIẾN VỀ CHẤM HƯNG PHẬT GIÁO

Tôi xem *TNDB* ra hai kỳ vừa rồi có trích lục về cái vấn đề CHPG của sư Thiện Chiếu mà tôi cũng muốn ngỏ ít ý kiến về sự đó. Nhưng mà tôi xin chung cáo một câu rằng: CHPG mà lập đạo phái, đạo đồ bây giờ thì thực không nên. Tôi nói như thế có nhiều người bảo tôi là dở hơi chẳng. Không, không, muốn CHPG mà không gây lấy đạo phái, đạo đồ thì Phật giáo sao cho có phục hưng được. Điều đó tôi cũng biết lắm. Tôi xin phân một điều này: Tuy rằng đạo Phật là một đạo mầu nhiệm, đạo lý uyên thâm, nhưng vào cái xã hội mê lợi nhãn tiền của người Việt Nam ta ngày nay đã được nhiều người tỉnh đâu mà hiểu cho được, để bênh vực lấy đạo giáo; đã thế không khéo lại còn ra tay phá đổ nữa cũng nên. Thế thì lại gây một sự hiềm nghi trong nước với nhau, nôi da nấu thịt, thân đậu ninh đậu mà thôi, hoặc có ai bảo lo thế là lo xa quá. Không, ta nên xét kỹ, nên mở rộng con mắt, nên xem nhiều việc trước, nên nhớ chuyện xa gần thì sẽ bảo tôi là người lo gần vậy.

Ý kiến tôi chỉ muốn các nhà có lòng với Phật giáo *không nên lập giáo hội, giáo tràng vội*, chỉ xin dịch lấy những cái mầu nhiệm trong kinh Phật, chọn những câu cách ngôn cho thích hợp với nhân tình thế thái trong xã trong ta, hoặc cước chú thêm, hoặc phê bình cho xác đáng, đăng lên các báo để

vừa diễn giải vừa cổ động như mấy năm trước hô hào cổ động cho việc làm văn chương bằng quốc ngữ đó.

Nói tóm lại, bất cứ các bậc trong tầng giới, mà có chân tâm, các ngài trong văn gia có lòng đến với Phật đạo, đều cùng nhau hãy lấy Phật giáo làm một khoa triết học đã, để cho mọi người được nếm mùi đạo là thế nào đã, thì bây giờ óc mê tỉnh ngộ, chẳng lập giáo phái, giáo đồ tức khắc giữ được lòng tín ngưỡng, biết xả thân cứu vớt lấy nhân tộc mà đồng thời sẽ cùng nhau thoát khỏi khổ ách ở trên cõi tục và mọi đường sinh hoạt sẽ được thanh thoi.

Kẻ nhiệt tâm này thường vẫn đêm ngày mong sao cho dân tộc ta chóng khỏi lúc khốn cực này, nay thấy có người cổ động CHPG cũng biết ông có lòng tế độ cho chúng sinh mà phải vội vàng ngỏ ít lời vừa rồi, nếu các ngài trong ba kỳ nghĩ kỹ mà đồng tình cho thì kẻ này lấy làm thỏa vọng vô cùng.

Thanh Tú

(TNDB số 1879, ngày 16.2.1927)

MUỐN CHẤN HƯNG PHẬT GIÁO NGÀY NAY LÀM THẾ NÀO CHO CÓ HIỆU QUẢ

Tôi vốn là một người trong phái cấp tiến ở quốc dân ta, dẫu là con nhà nho học song thuở nhỏ đọc sách Ấm Băng đến bài “Phật giáo có quan hệ với quốc dân”, thấy ông Lương Khải Siêu cực lực tán dương chủ nghĩa “giác thế cứu dân” của Như Lai Phật tổ, tôi rất đổi cảm xúc vô cùng. Đến khi tôi thành nhân, ra tranh tri bộ xậu trong rừng danh biển lợi, thường đem cái tâm thành của đức Phật, lấy cái tư cách “ngã bất nhập địa ngục thùi năng cứu chúng sinh” ra mà làm việc

đời, thiệt thấy có thành công nhiều lắm. Do thế, cho nên nghiên cứu Phật học nhiều đều hiểu thấu đoan nghề, lấy làm thú vị lắm.

Tôi yêu đạo Phật, tôi mến đạo Phật, tôi thích cái chữ nghĩa “bác ái” tôi mộ cái tâm địa “từ bi” tôi tuy khổ ở trong “khổ hải” mà tôi cũng vẫn mơ màng cái sự nghiệp “cứu khổ cứu nạn” cho đời của đức Phật. Bởi vậy thấy Phật giáo đào tạo ra cái “đại hòa hân” của nước Nhật khiến cho mấy trăm triệu người ủy nô hùng bá trong ngũ châu mà tôi thường luống than cho đạo Phật ở nước ta suy đồi không người chấn chỉnh. Cái hi vọng ra tay vì Phật giáo chấn chỉnh đã nung nấu tâm can tôi trong bảy tám năm nay, đến ngày được đọc bài của ông Nguyễn Mục Tiên đăng ở *DPTB* số 529 ra ngày thứ 5.1.1927, tôi đã muốn thảo một bài cùng ông hưởng ứng. Song tôi nghĩ rằng, CHPG là nơi truyền gia, các vị cao tăng mới có quyền hành động, mình nói mà không làm được, bàn mà các nhà chùa không nghe, thời chẳng qua lại thêm câu chuyện uổng lời. Đương phân vân thời được đọc. *KHNB* số 1640 ra ngày 16.1.1927 của một vị cao tăng pháp hiệu Tỉ Khiêu biệt tự Lai chủ trì chùa *Tiên Lữ*, Thái Nguyên, Bắc Kỳ, hưởng ứng bài ông Nguyễn Mục Tiên, kể lại được đọc bài của vị cao tăng Thiện Chiếu *Linh Sơn* tự ở *DPTB* số 538 ra ngày thứ sáu 14.1.1927. Mấy bài của hai vị cao tăng Nam Bắc khiến cho một người tin rên đạo Phật như tôi phấn khởi trong lòng, vậy vội vã viết ra mấy giòng để hiến kế các ngài cao đạo.

Tôi không nói giáo lý, tôi không dùng lời thuyết lý dài, vì tôi xin thú nhận tôi là một người cấp tiến. Tôi tính rằng nói một trăm lời không bằng đi một bước, ngôn luận phiếm chi bằng ta thực hành ngay thì hơn, ở nước ta trăm việc, việc gì cũng nên cải lương chấn chỉnh cả, báo nào cũng bàn nói mà

không thấy có ai nghe, chỉ vì rằng nói xong bỏ đấy, không làm đó mà thôi. Nói mà không làm thì nói làm gì. Làm mà không có chương trình phương pháp thì làm không để thành hiệu được.

Cứ như sư ông Tỉ khiêu Bắc Kỳ bàn, thì ông định làm những việc sau:

1. Lập ra ở trong chùa nhà diển đàn để thường thường đem giáo lý ra thuyết pháp cho thiện tín nghe;
2. Mượn các nhà văn am hiểu chữ nho về các chùa hiệp đồng chư tăng, dịch kinh Phật ra chữ quốc ngữ;
3. Mượn các nhà thông chữ Pháp dịch các kinh Phật người Âu châu đã dịch ra chữ Tây ra chữ quốc ngữ;

Ba điều đó là về phần thuyết pháp để giác thể cho chúng sinh tỉnh ngộ phát bồ đề tâm “mà quy y chân đạo”.

4. Mở những trường Sơ đẳng tiểu học bên cạnh các chùa và đón các thầy giáo theo lệ chính phủ mà chỉ xin để riêng mấy phút đồng hồ được giảng ít nhiều kinh Phật trong hai buổi sớm chiều. Điều ấy cũng là về phần tuyên truyền Phật đạo như ba điều trên kia;

5. Lập ra bên cạnh mỗi chùa một nhà để nuôi kẻ khó;
6. Trong nhà để nuôi kẻ khó có chỗ nuôi trẻ con mồ côi;
7. Bên cạnh nhà nuôi kẻ khó và nhà nuôi trẻ con mồ côi chắc có một nơi bệnh viện. Ba điều này là phần cứu thế, cứu khổ, cứu nạn.

Điều thứ 5 và điều thứ 6 là ý sư ông, điều thứ 7 là tôi dự đoán thêm vào. Mấy việc sư ông Tỉ khiêu cho vào ba điều mà tôi phân tách ra bảy. Còn sư ông Thiện Chiếu thời tính như sau:

1. Lập Phật học báo quán;
2. Dựng Phật gia công học hội;
3. Dịch kinh Phật ra tiếng ta.

Ba việc đều ở trong vòng truyền giáo cả. Sư ông Tỉ Khiêu thì không tính việc lập báo quán mà chỉ tính việc dịch kinh, ý chừng sư ông chưa biết rằng nếu có xin phép lập “Phật học báo” chính phủ cũng sẵn lòng cho, vì ngoài Bắc Kỳ chính phủ cho phép các cố bên đạo Gia tô lập ra báo “Trung Hoa” để cổ động cho giáo mình thời tất phải lấy lẽ công bằng mà cho các sư bên đạo Phật mở ra một tòa báo không có tây vị bên nào cả. Và “tín giáo tự do” chính phủ không khi nào lại ngăn cấm sự tín ngưỡng của nhân dân được. Vậy muốn tuyên truyền cho chóng được thành hiệu thời chi cho bằng dùng báo chí làm cơ quan. Sự lập báo đầu tiên là phải lắm.

Nguyễn Mạnh Bổng

Tự Mân Châu

(DPTB số 544, ngày 16.2.1927)

CHẤN HUNG PHẬT GIÁO

Ở trên hoàn cầu, dân tộc nào cũng có tôn giáo, nhờ tôn giáo làm sức cạnh tranh, nhờ tôn giáo làm dây đoàn thể; ngoài việc luân lý đạo đức, khuyến khích lành dữ ra, tôn giáo lại có cái mãnh lực vô hình giúp cho những người yêu nòi thương nước làm được nhiều công việc vĩ đại xưa nay. Nhưng xét ra thì dân tộc ấy vẫn có cái lòng tín ngưỡng rất nồng rất thâm, mà sinh ra một cái cảm tình đối với tôn giáo rất nhiệm rất mầu; tấm lòng chí thành có thể động được trời đất, cảm được quỷ thần, chuyển di được thế giới, các nhà đạo học cũ cùng

các nhà tâm lý học mới đều công nhận như vậy, hợp nghìn muôn ức triệu người đều có tấm lòng chí thành như nhau thì sức mạnh to biết chừng nào? Cái thế lực tôn giáo ở các nước chẳng ngoài có một chữ “thành” đó mà thôi. Ở nước ta bây giờ cũng cho rằng có ba thứ giáo: Nho giáo, Phật giáo, Gia tô giáo. Nho giáo thì giống như không phải là giáo, vì không có giảng đường, không có đồ đệ như các giáo khác; giáo này chỉ tự người biết dùng thì bằng lẽ tự nhiên, không có cách riêng gì để cổ võ lòng người ta cho lắm, nên người trong nước chẳng qua cũng chỉ mấy người học thức lấy làm quan hệ mà thôi. Cứ như hiện tình nước ta mà nói thì Nho giáo cũng không gọi là thịnh được, điều đó là chức trách của người có gánh nhân tâm thế đạo phải lo, người viết bài này chỉ xin nói qua để biết cái trình độ Nho giáo ở trong nước mà thôi.

Đối với Nho giáo cái quan niệm của người mình bây giờ đã lạt lẽo như vậy, còn đối với Phật giáo, Gia tô giáo thì sao? Xin thưa rằng: người mình đối với Phật giáo cũng không mật thiết gì, xin xem những việc này thì biết. Những người ngoại quốc đến du lịch nước mình, thấy mỗi làng có một cái chùa (có làng 2) thờ Phật, một vài cái nghề thờ thần, thì ai cũng ngỡ người mình sùng Phật lắm. Nhưng những đình chùa làm ra đó, có phải làm để khuếch trương Phật giáo đâu, hợp đông người lại thành một làng, làng thì có kẻ trên người dưới, kẻ làm thịt, người ăn phần, kẻ bưng mâm, người đi tế, để mà phân biệt người có danh vị, người không danh vị trong làng, vì thế mà sinh ra cúng tế; muốn cúng tế phải có đền chùa, mà có đền chùa, không nhẽ mà không có Phật. thế là vì danh vị trong làng mà thờ phụng Phật chớ có phải là tín ngưỡng đâu? Lại có kẻ mượn tiếng đứng lên làm đình làm chùa để lấy lòng những mục trọc phú làm oai với bọn thôn phu, thì cái tín ngưỡng lại ít

oai nữa. Đó là nói những bọn đàn ông đối với Phật giáo. những bọn đàn bà đối với Phật giáo tuy có chút lòng tin ngưỡng, nhưng cũng không phải là mục đích tôn giáo. Mục đích tôn giáo, là tin giáo ấy mà làm điều lành. Những bọn đàn bà nước ta thì không phải kính Phật mà làm điều lành, nhưng kính Phật lễ Phật, oản chuỗi cho Phật, miêng Nam mô, lằn tràng hạt cũng chả qua cầu cho Phật thương mình, phù hộ cho mình giàu, cho sang, cho đông con nhiều cái; thậm chí lại có người cầu thần, Phật làm cho kẻ có nợ mình phải yếu phải đau, để sợ mà phải đem trả nợ cho mình, thế thì còn dính dấp gì đến tinh thần tôn giáo? Những bọn này họ nghĩ rằng: dương gian làm sao, âm phủ làm vậy; ở dương gian mất tiền mất lễ, còn chuộc tội được, còn lập công được, thần Phật có khác gì quan mà không đem xôi thịt oản chuỗi, để mà lấy thần lấy thế. Họ nghĩ như vậy mà họ làm chùa cho sang, đúc chuông cho to, dâng lễ cho hậu (đó là chưa kể những nhà làm chay, đọc canh v.v...) thì tôn giáo nào mà lạ vậy? Tôn giáo như vậy gọi là “vô tôn giáo” có quá đáng gì?

Một điều đáng buồn là những nhà đi chùa siêng lại phần nhiều là những mục bất nhân bạc ác, đong đầy bán vợ, tệ với chồng, nghiệt với dâu, nói đến việc cứu tế kẻ tai nạn, giúp góp kẻ nghèo hèn, thì chối là túng là chưa sẵn tiền, mà nói đến tô tượng đúc chuông thì tha hồ mà cúng, lại còn xuất thân ra mà đi khuyến giáo những nhà giàu có khác nữa, đó không những sai hẳn với Phật giáo mà lại hại cho xã hội cho nhân quần về đường kinh tế nữa, còn trông ngóng gì về cái thế lực ấy nữa không? Người mình đối với Gia tô giáo thì lòng tin ngưỡng hình như thuần khiết hơn lòng tin ngưỡng đối với Phật giáo. Nhưng xét ra cũng chỉ những người tu hành và những bọn phụ nữ thôi, còn thì cũng nhiều người hoặc vì thế lực mà đi đạo.

Tức như: một người ở phủ Thừa Thiên vì thua kiện, định đi đạo để mà kiện lại; lại có một Phó đội hầu ở trong bộ, một mình đi đạo, mà lại bảo con đừng đi để phụng sự gia tiên. Những chuyện này kể ra mấy cũng không hết. Nhưng coi thế cũng đủ biết cái lòng tin ngưỡng của người mình không được mạnh, nên tôn giáo ở nước người ta thì là một cái sức mạnh trong nước, mà nước mình thì là một cái thang để mà vùi danh, cái nơm để mà úp lợi, nghĩ cũng đáng ngán thật!

Ôi! Nho giáo đã không còn thế lực gì nữa, lòng tin ngưỡng của người mình đối với Gia tô giáo, Phật giáo như vậy, thì người có trách nhiệm truyền giáo nên làm thế nào cho người Việt Nam hiểu được mục đích tôn giáo thế nào thì một ngày kia mới lợi dụng được cái thế lực lớn lao ấy.

NĐQ

(TNDB, số 1880, ngày 17.2.1927)

THƯ GÓP Ý VỀ CHẤM HƯNG PHẬT GIÁO

Vì việc CHPG tôi cổ động trong các báo chương, có tiếp một phong thư của một nhà thiện tín Nhật Bản gửi đến, vậy xin cứ sao y nguyên văn gửi đăng bài để rộng đường công luận. Trong một báo sau tôi sẽ có bài bàn cùng bậc thiện tín ấy.

Tử khiêu tự Lai

Trụ trì chùa *Hang*, Thái Nguyên

Năm Chiêu Hòa Nguyên niên Hà Nội, Kính bạch sư phụ

Tôi họ Phục Bộ người Nhật Bản sang kiều cư bên An Nam này đã hơn mười năm, nhà lại dốc niềm cùng Phật giáo,

thường cảnh chiều lưu liên thăm viếng. Nên cũng am tường ít nhiều về Phật giáo ở đây, nào giáo đồ rời rạc, nào kẻ thiện tín không đủ lòng thành tôi con. Ôi! tôi là người ngoại quốc mà chưa làm tăng làm tiểu, tài hèn học ít, cũng biết rằng đem lời bàn bạc cùng bậc giáo sư là đường đột trái lẽ. Song Phật giáo chung cho cả 100 dân Đông Á, thập phương nhất gia, người Nhật tôi thấy quốc giáo An Nam suy nhược, há lại chả chia sẻ nỗi ngậm ngùi? Vì Phật giáo nước tôi mà hay, thời đường giáo hóa nước Nam cũng được tốt thêm ra, Phật giáo An Nam thịnh vượng, Nhật Bản tôi cũng lợi dụng được nền luân lý tốt đẹp. Tôi trông thấy đạo giáo cõi Nam này ngày một suy tàn, không người tài cao nâng đỡ, lòng tôi đêm ngày vẫn buồn rầu về nơi tôn giáo nghiêng thành trên mặt đất Á châu.

Tôi cũng biết ít nhiều chữ quốc ngữ, thỉnh thoảng cũng có mua nhật báo. Một người bạn nhà Nho thường đi lại mua bán hàng hiệu tôi, có đưa xem mấy bài CHPG của sư phụ, mới biết rằng còn có người đoái đến công lao Phật tổ, thương đến thiện tín mờ ám trong vòng phạm tục. Tôi phấn chấn trong lòng, dẫn đo mới viết nên tờ này, lời lẽ rất quê kệch, nên ông bạn nhà nho theo ý nghĩa mà sửa đổi câu văn, ý sở cầu kẻ thiện nam này thế nào còn nhờ lượng sư phụ nghĩ đến.

Phật giáo ta, từ đức Thích Ca Phật tổ, lịch sử và giáo nghĩa vẻ vang kém gì ông Cơ đốc Gia Tô. Nhờ sức thần thông của các môn đồ dốc tâm truyền bá, nên không mấy lúc dựng thành hai phái lớn. Phái Đại thừa truyền sang Trung Quốc vào đời Hán. Trải mấy trăm năm giáo đồ vẻ vang, thế đạo mạnh mẽ. Kịp đến đời vua Thái Tôn nhà Đường, thầy Đường Tăng đi sang Ấn Độ lấy toàn bộ Tam Tạng về, bấy giờ nước Nhật Bản mới bắt đầu đem Phật giáo về nước nhà. Song hết đời Đường, giáo đồ đã kém cõi mờ ám, lòng kính Phật mền tăng

cũng phai nhạt đi. Nguyên, Thanh vốn giống nòi Mông Cổ, nên chỉ chuyên mặt tuyên truyền giáo nghĩa bản quốc. Cho đến bây giờ, Phật giáo bên nước Tàu tuy đến quá 9/10 tin theo, nhưng thực ra tôn giáo hầu như còn có xác ngoài thôi. Còn như Nhật Bản nhờ Thánh đức Thái tử một niềm sùng tín, khiến cho ngày nay các tôn các phái thịnh hành nhiều lắm, xem như một đất Tây Kinh mà có được 900 ngôi chùa thời rõ, biết Phật giáo có thế lực ở Nhật Bản mạnh hơn ở Tàu nhiều. Tuy vậy mà cái lòng vị đạo vẫn thua bên đạo Gia tô lắm.

Cớ đó là vì đâu? Là vì tăng đồ không có đạo học cao thâm, đức hạnh lớn lao như Giáo đồ bên “Đạo”, thiện tín không có lòng nhiệt thành chính đáng, tôn giáo còn mê man những tà đạo như thần tiên phù thủy và các đạo sĩ. Ta chẳng kể các nước về tiểu phái là quốc gia của người ta, dẫu suy nhược đến đâu, cũng còn thịnh hành tốt đẹp hơn ta. Tôi còn nhớ độ 15 năm nay có vị Thái Hư thượng nhân người Tàu sang Nhật cổ động sự liên lạc hai giáo đồ Hoa - Nhật, song từ lúc tôi sang bên này, không thấy nói đến sự đó nữa. Ôi! CHPG, thống nhất tăng đồ có phải sự dễ đâu? Tôn giáo đã suy tàn quá đổi, phải đứng thánh sư không dựng nổi nền nếp truyền am. Và gây dựng nên giáo hội là cốt mong ở chư sư là thầy đạo chúng sinh, chớ để nhờ ở chúng sinh hô hào thực sự then cho hàng phái tu hành. Vì xưa nay chúng sinh là phận tôi con Phật gia, cứ lấy lời sư làm trọng, làm phải không phép thảo luận báng nhạo lời thuyết pháp xem như bên “đạo” và các dân lấy Phật giáo làm quốc giáo, đã tin Phật thời dốc niềm cúi quỳ theo sư. Lẽ nào lại bình đẳng cùng nhau mà để cho phái “uốn lưỡi” ngồi rồi nói tự do, đối với ngoại giao chẳng là mai một thể diện bậc tu hành và chúng sinh phải nhờ đến lũ ấy mới biết đường theo chân đạo. Tóm lại, đạo đức vẻ vang thịnh

hành là nhờ sức chấn chỉnh hô hào của tăng đồ, chư sư mà kém tài đức thời nền giáo lý phải lui dần.

Bach sư, kẻ thiện nam này trộm nghĩ Phật giáo An Nam sau này rạn vỡ, là trông mong ở tài năng sư phụ xả thân ra truyền bá tư tưởng đạo, lại liên lạc tăng ni trong nước thừa mệnh trời Phật mà khuyên nhủ dỗ bảo chúng sinh dốc tâm cùng đạo. Ý sư đã cho phép tôi con Phật gia được rộng tỏ ý kiến cùng cái chủ nghĩa chấn hưng của người, vì vậy tôi cũng am hiểu ít nhiều về tình hình giáo nghĩa, viết thư lên bày thiếu kiến, còn tùy bụng sư cùng các tăng đồ xét sự trái hợp với thời. Xin sư rộng ơn riêng cho tôi được phép bình luận dở hay cái chương trình của người.

Kể cái chủ nghĩa phục hưng Phật giáo, sư thực suy nghĩ đã thâm lắm, sự hưng giáo sau này cũng ở trong cái ý kiến ấy mà thôi; song bề bộn to tát quá, e chưa thi hành được. Mà trong đó cũng có một hai điều nhỏ nhặt mà sư lại cho là quan hệ nhất.

1. Về việc dịch Phật kinh, cái danh giá phải để dành chư tăng và có đi tu học đạo thời nghĩa lý mới thấu hiểu hết được. Cho chúng sinh, không phải cần văn hay lắm, cốt nghĩa lý bày ra rõ rệt, người niệm đọc hiểu hết tinh thần Phật giáo. Văn nhà Phật một lối riêng khác các văn chương kể tục, mà nghĩa đạo tựa: uyên thâm khó hiểu, sao có nên để cho kẻ ngoài xuất gia phiên dịch. Nhưng bây giờ cấp bách phải có kinh cho thiện tín như sư dạy cũng phải tạm nhờ ngoài dịch. Đến sau này các thầy tu thông quốc văn thời chẳng nên để sự phiên dịch cho người ngoài. Cứ ngu ý tôi, xin yêu cầu tăng đồ lấy kinh chữ Hán làm quốc kinh chớ đừng nên gây cái loạn to trong tôn giáo là thay kinh quốc ngữ vào Hán kinh. Giảng giải bằng quốc văn thời được, chứ tụng niệm dùng như thế là không chính thể.

2. Về việc mỗi chùa lập một thư viện là việc ai cũng nên tán thành. Song tăng đồ đã bán thế xuất gia thời chỉ nên xem kinh điển cùng các sách Á - Âu có quan hệ đến Phật giáo, chớ sao nên xem những sách kể trần tục, như sách triết học và nhất là sách văn chương, vì xem lắm rồi nhiễm mùi vô thần mà quên nhãng đường tu. Trừ các sách luật toàn cầu thời phải xem cho biết đường đối phó với chính phủ và mọi người, và khoa luật Phật tổ rất hay truyền dạy.

3. Đến việc lập trường học dạy thêm kinh kệ là việc không có ảnh hưởng lớn cho thiện tín, xin hãy hoãn lại về sau.

Còn các điều khác sư định sáng lập là hợp thời thế Phật gia và đại phúc cho chúng sinh. Tôi xin chấp tay thâm phục cái ý kiến lớn về:

1. Phật giáo tổng hội.
2. Sự dựng nên giảng đàn.
3. Nhà nuôi trẻ mồ côi nghèo đói để sau cho đi làm thầy tu.
4. Nhất là PGCHH mà sư Thiện Chiếu dốc tâm hô hào.

Ôi! Tôn giáo suy kém, là bởi không đi truyền giảng! Phật giáo muốn thịnh hành như bên Gia giáo, thời các bậc pháp sư phải xả thân đi truyền đạo mười phương thế giới ... Bạch sư! tôi là người ngoại quốc không tiện đường bàn bạc trong báo chương, chỉ vì đạo nghĩa mà phải viết mấy lời lên tình tự cùng sư. Cũng chẳng biết mình học đạo còn hèn, giở hay còn nhờ ở lượng sư suy xét. Tôi lại muốn sư làm ơn đăng hộ bài bàn luận lên báo và người tỏ ý trái trái với bài này thế nào, xin viết lên báo cho tôi tỉnh ngộ cơn mê mộng thời vạn phúc cho kẻ tôi con của Phật này lắm. Tôi trông đợi vô cùng, xin kính chúc sư phụ bình an.

Tôi cũng chẳng phải người quan hệ trong quốc gia nên dù có viết cả danh hiệu cũng là sự vô ích.

Nay kính bạch

Phục bộ

(ĐP số 324, ra ngày 17.2.1927)

VỀ VIỆC CHẤM HƯNG PHẬT GIÁO

VI

Nói về lập ra thư viện trong các chùa

Thư viện là cái gì? Tức là một nơi để chứa các sách vở cho công chúng đến xem. Việc ấy thật giúp cho đường mở mang trí thức của quốc dân được nhiều lắm vậy.

Trong nước ta làng nào cũng có chùa, thành phố thì vài phố lại có một chùa. Chùa chiền nào chẳng để ở nơi đất rộng rãi, làm thành những ngôi nhà to lớn. Nếu mà các sư biết lập ra ở trong mỗi chùa một cái thư viện thì thật là tiện lợi đủ mọi đường cho thiện tín và quốc dân lại cả nhà chùa nữa vậy. Tôi đã nói rằng có lập ra được thư viện thì những người có học thức mới nǎng đến chùa chơi xem sách, đọc báo, nhà chùa mới được giao tiếp với những bậc thượng lưu, những nhà trí thức thì thêm rộng thấy xa nghe mà lại được cái cảm tình thân mật. Ở đâu cũng vậy, “sĩ phong duy thượng sở cổ”, một người học thức hay một nhà thượng lưu nói ra một tiếng, làm ra một việc gì, chúng nhân theo rǎm rǎp. Nhà chùa đã thấy được lòng bọn thượng lưu, bọn học thức rồi thì muốn làm việc gì cũng dễ, không bị ai xiết trừu. Thế là một sự ích cho các nhà chùa mà nhà chùa cần phải có thư viện.

Vả chẳng nước nào cũng vậy, hễ mà học thức kiến văn rộng thì mới mạnh mẽ phú cường, nếu nhà chùa có một nơi thư viện, chứa đủ các thứ tân văn tạp chí, sách Phật sách thường, thiện tín đi lại được nhờ đó mà giác ngộ mọi điều khôn ngoan thành ra một người hay trong nước, đó chẳng phải là một cái công đức to tát lắm sao?

Nay ta biết rõ thế thì sự lập thư viện là một việc dễ nhất trong các việc CHPG ngày nay, mà có lẽ là một việc bắt đầu ta nên làm ngay lập tức đi. Bởi vì ta chỉ cần phải xét xem địa thế chùa ta ở, để vào gian nhà nào, hễ lượng được đông người xem thì để ra hai ba gian liên tiếp nhau. Trong mỗi gian đóng một dãy bàn thật rộng, hai bên bàn để hai dãy ghế ngồi. Sắm vào mỗi bàn dăm bảy cái đĩa mực, dăm bảy cái quản bút để đầy cho ai muốn đến đó sao chép hay viết lách gì cũng sẵn, rồi đóng lấy vài ba cái tủ đựng sách thiết dụng, sách đạo đức, sách Phật giáo, tùy từng địa phương, tùy từng xứ sở một mà tìm sách; hoặc sách Nho, sách Tây, sách quốc ngữ mua mỗi thứ lấy vài bốn quyển.

Ngoài những sách ra thì mua lấy vài thứ nhật báo, đôi ba thứ tạp chí để đầy cho công chúng đến xem và cho người đến mượn đem về nhà xem, ấy công việc dễ dàng như vậy, xin các chùa ta làm ngay đi. Gần đây có những nhà trí thức cổ động các hương hào chức dịch ở các xã thôn nên lập ra ở trong mỗi làng một thư viện, vậy xin các hương hào chức dịch ở các xã thôn giùm giúp vào các nhà chùa mà lập cho thành đi, thực cũng là một việc đang làm mà làm được thật là ích lợi lắm.

Nếu trong việc CHPG bước đầu này hãy thi hành ngay việc lập thư viện là một việc rất dễ mà không xong thì không làm nên trò trống được.

Vậy tôi dám có lời xin với tổ chùa Bà Đá tôi, các sư cụ chùa Vũ Thạch, chùa Kim Sơn, Kim Cổ? Chùa Đông Quang, chùa Hòa Mã, chùa Hòe Giai v.v... các chùa về mạn thành phố Hà Nội; chùa Dư Hàng, chùa Hàng Kênh, chùa An Biên v.v... các chùa về mạn Hải Phòng, cho chí các chùa trong nước Nam này, xin kíp kíp tiếp số báo này thời lập ngay trong mỗi chùa một cái thư viện, tức là mua lấy tủ và sắm lấy sách để cho thập phương thiện tín đến xem vậy!

Việc lập thư viện này, nếu mà còn có nhà chùa nào chưa kịp thời xin cứ chịu khó đi tìm lấy một nhà Tây học hay Nho học, hỏi người ta, nhờ người ta giúp mình một tay trong việc gây dựng ra ấy, chắc người ta sẽ chỉ dẫn cho mình biết đường làm. Thôi, xin nói vắn tắt rằng, các chùa nào muốn lập ra thư viện mà sẵn tiền rồi thì làm như thế, nếu chưa thời cứ đăng lên các báo nói rằng chùa mõ, trụ trì tăng, nay muốn lập ra một thư viện ở trong chùa, vì chùa tiện chỗ cho mọi người đến xem sách báo lắm, xin nhờ thập phương thiện tín ai muốn cúng tủ đựng sách hay quyển sách gì hay và có ích thời xin cho lại nhà chùa. Khi đăng báo cho thập phương biết rồi, sẽ lại in giấy đặt đưa đến khắp mọi nhà thiện tín, xin ai có sách vở thời cúng vào cho, các chẳng mấy mà thành được một nơi thư viện.

Gần đây phần nhiều các nơi đô hội có nhiều nhà muốn được có những nơi tĩnh mịch để xem sách đọc báo, vậy xin các ngài nên lợi dụng lấy những nơi chùa chiền mà đến nói với chư tăng để cho một chỗ trong chùa để giúp chư tăng mà gây nên cho nhà chùa một cái thư viện như vậy.

Thật là thỏa lòng cầu trí của các ngài mà giúp nên được một cái công đức cho nhà chùa. Một bên những người hiếu

học thời dựa vào nhà chùa là một cái cơ quan để quyên được tiền thập phương mà sắm sách mua báo hàng năm cho ngày thêm to tát các thư viện ra được. một bên nhà chùa thời nhờ vào những nhà thiện tín hiếu học đến chùa làm người giữ thư viện giúp việc nhà chùa. Những người trông coi thư viện cho nhà chùa ấy tất phải là con nhà thiện tín, có nết na chăm học, có thể tin cậy được, phải làm sổ các sách, phải xếp đặt cho có thứ tự, phải giữ gìn tủ sách cho được sạch sẽ v.v... Song những nơi làm việc ấy chỉ để cho những nhà thiện tín sẽ qui y nhà chùa ấy, cùng con cái họ hàng có quen biết những người chức vụ ở trong chùa mới được đến xem. Phải lập ra một thể lệ rằng những người nào muốn vào xem sách ở trong chùa phải đến xin giấy sự cụ chùa trước, trong tờ giấy xin đến xem sách ấy phải có hai người trong thiện tín qui y chùa ấy ký nhận thì sự cụ mới cấp giấy cho vào mượn, giấy cấp cho vào xem và cho đến mượn chỉ cấp một lần, ai đánh mất lại phải làm đơn xin giấy khác cũng phải đủ thủ tục như vậy. Khi đánh mất sách cũng phải đền sách khác, nếu không mua đúng được quyển sách như thế thì phải đền tiền gấp đôi để nhà chùa lấy tiền mua sách khác làm cho thư viện thêm sách lên. Nói cho giản tiện thì muốn lập nên thể lệ xem sách mượn sách thế nào cho phải, chi bằng ta học theo ngay thể lệ của Trung ương thư viện ở phố Tràng Thi, Hà Nội cũng đủ việc rồi vậy.

Những thư viện ấy tùy từng tình thế các địa phương mà định giờ cho người qua lại xem sách đọc báo. Còn như tiền chi phí đèn lửa nước mát, diêm thuốc cho các người đến đó xem sách đọc báo thì để cho những người tới đó phải chịu gánh vác. Nếu như chùa giàu có còn có thể làm được việc khác thì cái tiền đóng góp ấy cứ để cho người tới xem sách báo phải đóng, mỗi người mỗi tháng là đôi ba hào hay những người

mượn sách đem về nhà thì trả tiền mỗi quyển là mấy xu, hạn cho mượn cứ mỗi tuần lễ một lần phải giả, xem chưa hết thời phải đến khai và nộp tiền lệ, không thì người trông nom việc sách vở phải đi đòi ngay. Vậy thì phỏng có thứ gì mà chẳng gây nên được những nơi thư viện tốt và tiện lợi cho thiện tín?

Nhưng mà phải là những nơi dân xã hiếu học hay những thành phố có những con nhà thiện tín hay xem sách mới lập ra, chứ lập ra mà chẳng ai đến xem thì sách nhiều cũng vô ích. Song ta cũng nên làm thư viện riêng để nhà chùa ta xem cho mở trí khôn và thâm cứu Phật học Phật giáo của ta. Thư viện ấy không phải như thư viện tôi nói trên kia.

Tử khiêu tự Lai

Trụ trì chùa *Hang*, Thái Nguyên
(*KHNB* số 1662, ngày 18.2.1927)

VỀ CHẤM HƯNG PHẬT GIÁO

VII

Nói về việc lập ra Cuộc y tế trong các chùa

Trong các chùa cũng nên có những thuốc viên thuốc tán, những thuốc gia truyền kinh nghiệm bán ở các hiệu, thiên hạ dùng đã trứ danh, chứa sẵn đề phòng khi có ai nghèo khổ yếu đau thì cấp cứu cho người ta, ấy là cứu nhân độ thế, các bậc sư trưởng đời xưa thường đã làm như thế. Tiếc thay! Sao mà tới ngày nay ít chùa làm theo cổ nhân, thật là đáng ân hận vậy.

Nay tôi xin nhắc ý kiến ấy để chư tăng nhớ lại mà nên bắt chước cổ nhân. Trong mỗi chùa ta cũng nên xem kỹ một vài quyển sách thuốc cho biết phân âm dương hàn nhiệt, rồi ta

tìm lấy những thứ thuốc cao, đơn, hoàn, tán, đã nổi danh ở đời cùng các thứ dầu xoa thuốc bách giải v.v... chứa ở chùa để đôi khi cấp cứu, cho những người thiện tín nghèo nàn. Nhà chùa tuy không chữa thuốc song cũng là những lúc cấp bách của những người túng bấn nghèo khổ hay xa chùa đón kịp thầy thuốc tới thì mình đem những thuốc đã hiệu nghiệm và mình có thể phán được âm dương hàn nhiệt, bệnh đáng uống thuốc gì thì mình cho thuốc ấy, đã có đơn của người ta dặn. Thuốc Nam thuốc Bắc ta nhiều vị hay lắm, ta chớ lấy làm khinh thường.

Ấy những khi người ta bị đau ốm nguy đến tính mạng mà nhà chùa ta làm được những cái ơn cải tử hoàn sinh cho người ta thì người ta báo đáp biết bao giờ cho cùng, ơn báo nghĩa đền chắc chắn người ta phải hết lòng với chư tăng mà không phù Phật pháp. Nhà chùa ta đối với tín đồ là bình đẳng, nhất thiết chúng sinh giai thành Phật cả. Ta phải tâm thành cứu khổ. Vậy xin thi hành ngay cái nghĩa sinh khổ trước đã.

Việc này cũng dễ, xin nhà chùa ta cũng khởi hành đi. Trước tiên sắm một cái tủ cho kín đáo sạch sẽ sắm mấy cái lọ đựng thuốc, rồi xem các báo hay dò xem những thuốc, kinh nghiệm như đã nói ở trên, mua về xếp đó, loan báo cho các thập phương thiện tín biết để ai nghèo túng cơ nhỡ đến đấy mà xin thì nhà chùa làm phúc cho. nếu nhà chùa có nghèo túng thì cứ việc đăng việc này lên báo, chắc cũng không thiếu gì thập phương thiện tín từ tâm người ta cúng vào chùa tiền hay thuốc để nhà chùa làm phúc cho người khác lo gì.

Song tôi nói trên đó là kể tạm thôi để các chùa làm ngay gọi là có một việc mới trong những việc khác ở cái chương trình CHPG vĩ đại của bọn ta đó thôi. Chứ việc làm cầu thả ấy

cũng không thể mãi thế được. Hễ làm như thế trong một vài năm rồi nếu PGCHH chưa lập nên thì ít ra trong một sơn môn cũng nên cứ năm ông sư thì một ông sư phải học kỹ sách thuốc ta. Học thuốc ta để chữa cho các người trong chốn nhà quê không gần thành thị không có nhà thương, lại hay bị những phường đông y làm hại. Nhà chùa vì sự cứu nhân độ thế mà đón thầy lang nào biết thuốc thật khá về dạy các chư tăng học thuốc. Chư tăng đã biết chữ quốc ngữ rồi thì sự học được bộ sách nào nói nhau dịch bộ sách thuốc ấy ra chữ quốc ngữ. Hay nhân đã có những viên giúp việc trong PHTTX xin các ông ấy hiệp đồng với chư tăng cùng ông lang mà dịch những sách thuốc ấy ra quốc ngữ, dịch được bộ nào rồi thì lại phổ khuyến thập phương lấy tiền in bán đi cho thập phương để ai cũng biết, khỏi bị lũ đông y làm chửa hoàn thiện, đến thời kỳ PGCHH thành thì ngành y học cũng nên lập ngay lên mới được. lúc bấy giờ sẽ lấy đông y làm trụ mà tham bác Tây y để chư tăng chư sư học cho thật giỏi khoa học hoạt mệnh ấy mà chữa bệnh cho chúng sinh. Khi bấy giờ thì bên cạnh các chùa mỗi chùa đã nên được một cái bệnh viện to lớn để chữa bệnh cho người ốm, hộ sinh cho đàn bà rồi vậy.

Song bước tương lai cũng tự giờ, nếu chư tăng ta lưu tâm đến vấn đề y tế để cứu mệnh cho chúng sinh thì trong mọi chùa ta cũng nên làm ra lấy một nơi nho nhỏ để làm những việc ấy ngay từ ngày nay mà đi, rồi dần dần ta khuếch trương mãi lên, một vài năm sẽ trở nên to lớn vật.

Ta phải biết rằng: người đau ốm tâm thần hoảng hốt, trong khi ấy muôn trùng nỗi lo sầu thất vọng, lại muôn nghìn nỗi hối hận oán thán những lúc bấy giờ thì sức mình không còn chút nào, chỉ còn trông vào ông Giới, ông Phật âm phù

mặc tướng cho tai qua nạn khỏi mà thôi. Cho đến nhà có người ốm thường thường cũng có một cái tâm lý tiêu cực như vậy. Nên chi phần nhiều hay vừa chữa thuốc vừa cúng bái mà có khi tin cúng bái hơn tin thuốc thang. Trong khi ấy họ nhìn thấy ông sư có lẽ vững hơn ông lang, nhưng việc họ phải uống thuốc thì họ lại vẫn phải cần có ông lang. Nay ông sư lại kiêm được việc ông lang nghĩa là kiêm việc kêu cầu Giới, Phật phù hộ cho họ, lại kiêm việc cho họ thuốc men thì trong tâm thần họ vững vàng mà bệnh họ dễ khỏi đến đâu! khỏi ở chỗ họ tin rằng thuốc Phật thang Giới vậy. Nhất là họ lại được những lời an ủi của ông sư nói những việc từ bi giải thoát làm cho họ không còn buồn sầu muộn được mơ màng cõi thiện nước vui, thì họ được nhẹ nhàng thân thể biết dường nào.

Trong khi kẻ ốm đau kia đương ăn năn buồn bực, ta lại có thể đem những câu khuyến thiện giới ác mà giảng giải cho hắn nghe, lợi dụng cái tâm lý yếu đuối ấy mà làm cho hắn có tội phải chữa, có lỗi phải đổi, có lẽ từ đấy mà đi kẻ bạo ngược cũng sẽ sám hối quy y vậy.

Than ôi! đức Phật tổ ta bách ức hóa thân, lúc thì làm người địa ngục, lúc lại làm khách trần gian, lăn mình vào đám này để thuyết pháp, chen chân vào tụi kia để giảng đạo, có phải là khổ tâm lắm về việc sửa đời không? Vậy thì chi bằng ta cũng phải lúc cúng quả, lúc dâng hoa, lúc bách ức hóa thân để vì chúng sinh mà làm cho giác ngộ mới phải đạo Bồ tát vậy.

Tử khiêu tự Lai

Trụ trì chùa *Hang*, Thái Nguyên
(*KHNB* số 1663, ngày 19.2.1927)

VỀ CHẤN HUNG PHẬT GIÁO

VIII

Nói về việc lập nhà bảo cô

Bảo cô đương tức là nhà nhận nuôi những trẻ con mồ côi, hoặc chẳng may cha chết, mẹ chết, cô bác không có, không biết nương tựa vào đâu cả. Những kẻ chúng sinh ấy vô tội mà chịu khổ, vô cô mà chịu diết hay sao? Có những môn đồ ông Phật là các sư nam sư nữ ở đó mà không nghĩ phương tính kế cứu vớt lấy chúng hay sao?

Gần đây, phong hóa một ngày một suy, nhân tâm một ngày một tệ, dâm dăng vô chừng, biết bao kẻ vứt bỏ con bên đường. Nhìn cái cảnh vô nhân đạo ấy há chẳng nên nghĩ cách cứu vớt những đứa trẻ vô tội mà bị tử hình kia sao? Ôi! cứu một người phúc đặng hà sa, cái kẻ sát nhân kia tu không biết đời nào cho chuộc được tội lỗi ấy. Song, những bậc tu hành thấy những cảnh ấy không nghĩ cách cứu thì tu hành mà làm gì! Nam mô Bồ tát!

Bởi vậy nhà bảo cô chúng ta nên lập ngay đi. Năm bảy chùa trong một tổng hay trong một thành phố nên xúm nhau lại, quyên tiền thập phương xây dựng nên một ngôi nhà cho hợp vệ sinh ở trong một khu vườn tược tốt xinh. Chiêu mộ lấy những bà gái góa không có con cái cảnh đáng thương để ở trong nhà ấy cùng với những người đứng bóng gặp cảnh éo le thí phát cũng toan tu hành mà chưa được, hợp cùng các ni sư đem nhân lực ra mà nuôi những đứa bé kia, cho đến lúc lên năm lên bảy thì cho ra thụ giáo trong các chùa để Phật đạo được tinh thông thuần khiết, chẳng cũng là quý hóa lắm ru?

Sự gây dựng nên nhà như thế thật là dễ dàng thay! Tôi chỉ sợ các chùa không làm, chứ làm ra mộ người trông coi cũng dễ, quyên giáo thập phương cũng không khó. Cứ đăng lên báo chí ít ngày tự khắc là vô số người cho tiền cúng của cho ta và cúng vào chùa được ích lợi như vậy, ai chẳng vui lòng?

IX

Nói về lập ra nhà nuôi kẻ khó

Nhà nuôi kẻ khó tức là nuôi những người mù lòa tàn tật, già nua tuổi tác không ai cấp dưỡng, phải đi ăn mày ăn nhặt, trông rất thảm thương. Cùng là những gia tộc ăn mày, cha mẹ con đàn con đống, không có kế sinh nhai, phải đi ăn xin khổ sở. Vậy ta thu nhập lấy, cha mẹ thì cho việc làm, con cái thì cho ăn học, sau này cha mẹ chúng sẽ sung vào các việc trong chùa, con cái chúng sẽ học được đạo mẫu Phật tổ mà cùng trở lên hiền lành lương thiện cả. Ấy cái công cuộc rất từ thiện vào nhân loại này, phàm người nước văn minh nước nào cũng tán thành cả. Ngoại đạo họ cũng đã thi hành, thế mà nhà chùa ta thật vô vị quá! sao không nghĩ đến mà làm đi, còn đáng gọi là phả độ chúng sinh nữa không? Than ôi! nay mua rổ cua về phóng sinh, mai mua lông chim về phóng sinh, những chuyện để đui cho ròi ăn, để đầu cho chim làm tổ, phúc đức đến chim muông, đọc luôn ở miệng, nói luôn ở mồm, mà những điều thảm mục thương tâm trước mắt, cùng chung loài người với nhau, cùng con cháu Lạc Hồng với nhau, sao ta có thể nương tựa vào Phật tổ mà cứu vớt được đồng bào ta mà ta chẳng cứu vớt là cố làm sao? “Nhất thiết chúng sinh giai thành Phật” há bọn kia không có ngày thành Phật được hay sao?

Có khó gì! nay ta rủ nhau lại, mỗi huyện lập nên một nhà nuôi những người ấy, những người tàn tật thì dành nuôi báo cô, là nghĩa loài người đối đãi với nhau. Còn như những kẻ khỏe mạnh thì ta bắt phải làm việc ích lợi cho nhà chùa, tức là chúng làm cái nghĩa vụ làm người của chúng, góp vào nhân loại một phần việc của chúng. Thật là vẹn cả đôi bên. Khi chư tăng ta đã rủ được nhau trong một huyện nghe theo mà định làm thì tất cả định xem lấy chỗ nào mà dựng nên nhà phúc đường ấy. Đến nói với kỳ lý sở tại lựa định đất cát, rồi cùng nhau thương thuyết với kỳ lý cả hàng huyện xin quan huyện tư giấy lên tỉnh cho phép phải khuyến thập phương. Những việc như thế này thập phương nào là chẳng vui lòng cúng.

Song, khốn nạn, nói đến đây mà tôi luống những chau mày sa lệ! Nào sư mô có bảo được nhau đâu! Mỗi người một chùa thì mỗi người một bụng. Tu hành chẳng qua mõ chuông oản chuỗi! A di đà Phật. Phật bất cầu nhân! Hư vô tịch duyệt! Sắc sắc không không! Ấy cái tình cảnh ấy, hỡi quốc dân Việt Nam! hỡi các nhà trí thức. Thật cái tiếng gọi của tôi cũng đến là tiếng kêu gào trong bãi cát mà thôi! Tôi ở trong một cái Hang núi này, ai là người đoái đến mà cùng làm với tôi đây? Song, tôi thử xin cố sức xem sao!

X

Nói về sự dạy nữ công cho con gái thiện tín

Gần đây nhiều người phàn nàn với tôi rằng: gái giang hồ một ngày một lăm, xướng ca kỹ nữ một ngày một đông. Há không phải rằng, tội ở các nhà chùa gây nên đó ư? Ôi! tôn giáo đã chẳng có kinh sách để phòng tội phạm nổi được nhân

tâm người ta, lại không tìm phương giáo dục cho đám nữ nhi non nớt lấy nghề thủ công để làm kế sinh nhai. Thành ra đến khi đói làm liều, trách chi chẳng phải xa vào vòng địa ngục tối đen.

Bây giờ muốn cứu cái tệ ấy, các sư bà tiểu nữ, nên ngoài cái thời giờ hương đăng cúng Phật, giảng kinh khuyến thiện, cũng nên đón những tay thợ may, thợ thêu, thợ làm bánh cùng các nghề tạp, dạy cho những con gái nhà nghèo để sau này có phương tự lập, ấy là việc tối cần cho đám vô sản nữ nhi.

Việc này thật dễ, xin các sư bà lưu ý đến.

Tổng kết

Tôi nói trong mười mục kể cũng đã dài lắm rồi. Giá những người thông minh đọc đến cũng đủ nhân đó mà thi hành mọi việc rồi! Song le, nói thì nói chứ chắc ai đã nghe. Tôi chỉ xin nguyện rằng mười điều mong ước của tôi trong năm nay tôi vận động được một điều như ý thì cũng đã đủ yên ủi cho tôi rồi vậy. Nếu vận nhất mà mười điều tôi mong hão cả mười, âu tôi cũng xin đành lại đợi đến sang năm này năm khác. Chứ biết làm thế nào? Chư tăng là chư tăng Nam Việt! Quốc dân là quốc dân Nam Việt! Nhân tâm chia xé, bè đảng tứ tung, ai tin ai, ai hợp với ai. Tôi xướng đó nào ai đã họa! Tôi cần đó nào ai đã cho, từ nay giở đi hãy xin gác bút. Trên cái diễn đàn CHPG trong *KHNB*, kể sự thời chỉ có mình tôi nói mãi, nào các sư trong Hà Nội này đã có ai nghe tôi gọi mà thưa đâu!

Nay tôi xin cảm ơn *KHNB* đã vì Phật giáo mà để cho tôi được kéo dài lời gọi của tôi; và xin muôn đội ơn ông Nam Hải đã ban cho tôi một cái chương trình CHPG rất là đáng phục

đáng theo. Tôi xin theo ông, tôi cúi xin các bạn thuyền gia tôi theo ông. Nếu chư tăng cũng theo ông cả thời Phật giáo may mắn lắm! Chư tăng may lắm! A Di đà Phật!

Tử khiêu tự Lai

Trụ trì chùa *Hang*, Thái Nguyên
(*KHNB* số 1664, ngày 20.2.1927)

MUỐN CHẤM HƯNG PHẬT GIÁO NGÀY NAY NÊN LÀM THẾ NÀO CHO CÓ HIỆU QUẢ (tiếp theo)

Bắt đầu tổ chức như thế cũng hơi khó, vì tri thức các sư cao thấp chênh nhau thời sư ông Tử Khiêu và sư ông Thiện Chiếu khi khởi hành mỗi vị nên cố tìm lấy một người thông chữ quốc ngữ đọc báo phân được mạch lạc và giảng giải thêm vào ra nghĩa ở ý ngoại được thời đem người ta đi theo mình hoặc là bạn, hoặc là tín đồ, đem theo hai sư ông các tờ *KHNB* và *DPTB* có những bài cổ động đã đăng ở hai báo ấy rồi, hễ đi đến chùa nào cũng tụ các sư lại đọc cho họ nghe, đọc xong đem điều lệ đã in sẵn ra đọc một lượt cho các sư nghe rồi nói chuyện phân trần mọi lẽ phải chãng rủ vào Hội. Nhất là sư ông Tử Khiêu hay sư ông Thiện Chiếu trước khi đi nên lượm nhặt các bài đã đăng trong các báo in ra thành sách đem đi. Đến khi đã bảo được bạn đồng chí nghe theo hay không được người đồng chí cũng nên để lại các chùa ấy các thứ sách cổ động và điều lệ Hội Phật giáo để cho người ta ngẫm nghĩ lần lần tất người đã theo thì lại thêm hết sức tán thành cho chóng xong, người chưa hiểu sau này sẽ hiểu mãi ra rồi cũng đều phải theo. Sau rủ lại một lượt là phải nhập hội.

Bài trước, tôi đã nói nhà chùa nên xin hai tòa báo *KHNB* và *DPTB* giúp sức cổ động thời trong lúc sư ông Tỷ Khiêu và sư ông Thiện Chiếu khởi hành nên gửi bài tuyên bố lên hai báo ấy trước kể rõ hành trình của mình cho chúng nhân biết, gây nên một cái dư luận cho mọi người chú ý đến. Đến khi đi, đến đâu thì cũng đánh giầy thép cho hai tòa báo ấy biết để họ đăng trong mục thời sự cho mọi người hay. Khi đi đường nghỉ lại chùa nào, nói chuyện với sư ông trụ trì chùa ấy hay sư cụ hay sư nữ nữa thế nào, hành trình đi đường làm sao, người ta đón rước thế nào, phong cảnh đường sá và chùa chiền thế nào, kết quả việc đi liên lạc thế nào, đều làm thành bài gửi về cho hai tòa báo ấy, xin hai tòa báo ấy cứ lần lượt đăng cho. Bài hành trình hoặc do hai sư ông tự mình làm ra hoặc do tay người văn sĩ tùy từng làm ra gửi về tòa báo cũng được, miễn là để tuyên truyền và cổ động, gây nên một cái dư luận cho thiên hạ hiểu biết việc mình làm, đồn đãi đi đến những chùa mà mình chưa đi đến, để lúc mình đến đâu không phải nói nhiều cũng đã có người nói cho mình từ trước rồi, đến cả Điều lệ Phật giáo hội cũng in cả vào hai tờ nhật trình ấy. Trong khi đi thời hai sư ông nên cổ động cả các sư mua hai thứ báo ấy để xem cho biết công việc của giáo hội, lại báo các vị sư đi rủ nhiều nhà thiện tín mua hai thứ báo ấy cho thật nhiều để cho thế lực, ảnh hưởng sự tuyên truyền của giáo hội mình bành trướng mãi ra.

Lúc đầu làm việc này cũng phải phí tổn về những tiền in điều lệ, in sách cùng mua báo thời hai sư ông hãy xuất của chùa ra làm trước, nếu của chùa không có hãy đi quyên ở những người quen biết và những người tín ngưỡng như chúng tôi để lấy tiền làm việc. Còn sự đăng thời hãy đến xin các nhà báo đăng làm phúc cho trước, bao giờ thành giáo hội to bấy

giờ sẽ xin mở phụ trương thời các nhà báo mới mất phí tổn tiền in tiền giấy, mới sẽ tính tiền cho nhà chùa, chớ lúc đầu tán thành chắc chẳng nhà báo nào lấy tiền của mình đâu. Bởi vì sự ấy cũng là một việc mà các nhà báo lấy làm bằng lòng giúp mình trong cuộc CHPG vậy.

Khi kết xong PGTH rồi thời tổ chức ngay việc dịch kinh và liên lạc ngay với các nhà báo. Cứ thật tình mà nói thời các nhà sư ngày nay chưa dịch ngay kinh được, vì ít người biết chữ quốc ngữ, ít người biết làm văn quốc ngữ. Vậy sự dạy quốc ngữ, học quốc ngữ, nhà chùa ngày nay cần hơn hết. Cho được nhất cử lưỡng tiện nhà chùa hãy nên đi đón ngay mỗi chùa một người dạy chữ quốc ngữ. Phải lập ngay trong mỗi chùa một cái thư viện, trong cái thư viện ấy nên góp nhặt đủ các kinh Phật, sách nho của Nhật Bản nói về đạo Phật, và sách Tây của Pháp bàn nói về đạo Phật rồi nhờ những bậc danh nho đạt sĩ kén chọn các sách ấy cho, lại mua đủ các thứ sách văn chương đúng đắn thiết thật bằng chữ quốc ngữ nữa. (còn nữa)

Nguyễn Mạnh Bông

Tự Mân Châu

(DPTB số 546, ngày 21.2.1927)

MUỐN CHPG NGÀY NAY NÊN LÀM THẾ NÀO CHO CÓ HIỆU QUẢ (tiếp theo)

Các sách Tây sách Nho nói về đạo Phật kia là để dịch, kinh Phật cũng là để tụng niệm và dịch, còn những sách quốc ngữ thời để cho các sư các tiểu xem đọc cho quen chữ và

luyện lấy giọng văn quốc ngữ để tập làm văn quốc-ngữ cho đúng phép. Khi nào các sư các tiểu xem được sách quốc ngữ, làm được văn quốc ngữ, trong chùa lại có hai thứ báo cơ quan sẵn rồi thời các sư các tiểu sẽ tự làm những việc dịch kinh Phật và làm bài cổ động tuyên truyền về Phật giáo được. Nhưng cấp tốc bây giờ thời ông thầy mà các nơi nhà chùa đón về dạy chữ quốc ngữ cho các nhà sư các tiểu ấy bảo nhau đón lấy những nhà cao nhân đạt sĩ, có học vấn, có văn chương mà sẵn lòng tốt giúp mình, thời ưu đãi người ta, nuôi cơm đã vậy, phải trả lương tháng cho người ta tiền nuôi vợ con để người ta yên tâm theo đuổi công việc giúp mình. Những người giúp việc ấy vừa là ông giáo dạy chữ quốc ngữ và làm quốc văn, vừa hiệp cùng mình dịch kinh sách Phật. Cứ nhà sư giảng nghĩa thời nhà Nho dịch ra văn xuôi, lời nói dễ dãi cho ai nấy cũng đều hiểu. Ngoài sự dịch nên giảng nghĩa bàn rộng giáo lý ra cho chúng nhân đọc đến đâu nghe hiểu lẽ huyền vi của Phật tổ.

Trong khi ta đã dịch được ít nhiều rồi, nên đem đọc cho các bà già nghe, nên bảo họ khi lễ Phật đem các con cái, con trai, con gái đến chùa để nghe đọc kinh và cho mời cả các ông già, các kỳ hào trong làng xóm hay phố phường lại đọc cho tất cả nghe. Hễ thấy còn có kẻ mập mờ chỗ nào thì nên dịch lại hay chú thích cho minh bạch dẫn giải cho tinh tường kỳ cho ai ai đọc cũng phải hiểu thấu mới là dịch giỏi. Dịch được tinh vi rồi thời viết tinh tã ra mỗi tờ giấy một mặt, để giành đó, thành quyển sách để đem in.

Những ông thầy dạy quốc ngữ và giúp việc dịch kinh dịch sách cho nhà chùa, tức là những tay cố vấn cho các nhà sư để giúp việc chỉ bảo mọi đường yếu cần trong các công việc. Vì mới bắt đầu vào chấn chỉnh thời các nhà sư còn bỡ

ngờ công việc nên cần có người đã giỏi công việc văn minh ở ngoài để giúp đỡ mình cho chóng thành công. Vậy thời một mình các chư sư cũng không xong được, phải có các nhà chí sĩ hiệp sức với thiên gia mới được. Chắc các nhà chí sĩ sẽ vui lòng mà giúp các sư vậy.

Khi đã dịch được kinh sách Phật ra quốc ngữ rồi hãy đem mượn các nhà in xuất bản, rồi sau kinh sách quốc ngữ truyền bá rồi. PGTH chấn chỉnh xong thời các nhà sư nên gọi vốn thành lập một cái nhà in ở Sài Gòn hay Hà Nội. Vốn ấy gọi trong nhà chùa và trong các nhà thiện tín, cũng làm ra một cái hội theo Thương luật chính phủ mà lập, chùa nào hay tư gia nào vào Hội sẽ cùng lỗ lãi cùng chia. Mục đích hội nhà in, ấy cũng in mượn các công việc ngoài và in các kinh sách nhà chùa rồi bán vốn cho các nhà thiện tín. Hoặc các nhà chùa lập ra nhà in bỏ trong giáo hội ra mỗi chùa khuyến giáo một ít mà làm ngay trong các chùa, chỉ chuyên việc in kinh sách trong Phật giáo mà thôi, nhân thế lại càng thuận toàn lắm.

Khi đã có báo cổ động giúp, Phật giáo hội đã thống nhất, các sư nam sư nữ đều đã biết chữ quốc ngữ rồi bên cạnh lại có những nhà văn - nhân học sĩ thông hiểu Pháp học, Hán học thời thường giúp việc, các thiện nam tín nữ đã hiểu thấu giáo nghĩa rồi si cổ động những sự lập trường học và dựng nhà bảo cô v.v...

Ấy cái chương trình bây giờ bắt đầu làm, tôi thiết nghĩ như thế là phải. Vậy tôi xin nói, tôi không phải có ý gì cầu cạnh mà nói, thiệt là nhiệt thành về việc CHTG mà phải nói. Tôi nói thời nói, chẳng biết các nhà sư có nghe mà làm hay có biết đường làm hay không? các nhà sư muốn làm nhưng chẳng biết có những người nào tại gia giúp vào công việc ấy không? Tôi rất lấy làm mong mỏi lắm. Tôi cũng biết phạm việc gì

cũng có người phản đối, nhưng ai làm cứ làm, thấy người nào khác ý thời dừng chơi với, chớ thấy người ta công kích mà ngã lòng.

Tôi cũng lại mong ông Lê Sĩ Tố và ông Nguyễn Kim Đính là chủ hai tờ *KHNB* và *DPTB* đã đăng bài của sư ông Tỷ khiêu và sư ông Thiện Chiếu thời xin các ông cũng cố hết sức tán thành vào cho tròn quả phúc.

Tôi lại cũng mong ông Nguyễn Mục Tiên sẽ cùng tôi liên lạc và sư ông Tỷ khiêu sẽ cùng sư ông Thiện Chiếu cũng sẽ liên lạc với nhau, kể Nam người Bắc ta nhất thời cử sự, quyết tìm hết phương pháp mà làm cho nên được việc này.

Tôi gần đây hay chủ trương cái lý thuyết “Ngôn cố hành”, đã nói thời làm, chớ nói mà không làm thời “không ngôn, vô bổ”. Tôi nói tôi xin làm, các sư cùng các ngài có làm với tôi thời tôi xin hiến mình tôi để các ngài dịch sử. Tôi chỉ sợ các sư cùng các ngài cứ nói xong bỏ đấy thời chẳng bao giờ nên cơm nên cháo gì đâu.

Vậy thời đã khởi xướng ra thời cứ làm đi, một chùa làm một chút thời chùa kia thấy hay rồi cũng phải theo, một người làm một chút thời người khác thấy vui cũng phải họa, đừng ngại rằng làm không có ai theo đâu, cứ làm đi rồi có người theo.

Ấy vì lòng quả quyết muốn CHPG như thế nên tôi xin biên rõ cả chức nghiệp và chỗ ở của tôi trong mấy bài xin các nhà sư, các nhà báo, các nhà thiện tín ai có lòng cùng tôi cùng đề huề trong việc phúc đức này xin cứ gửi thư cho tôi tường ý kiến, lại phương sách CHPG còn nhiều, tôi sẽ xin bàn cùng các ngài sau.

Ôi! xã hội ta ngày nay nhân tâm đen tối, đạo đức suy đồi, không còn có thể nào lấy giáo dục mà khuông chánh

được, chỉ bởi vì tôn giáo không được xương minh, dân gian không có lòng dày tín ngưỡng. Đàn bà nước ta tin đi lễ bái, mà không phải là đi để được nghe giảng dạy lẽ phải điều hay, chỉ đi để phô quần phô áo, đi để cầu của cầu con!... Những người ấy là mẹ là vợ đàn ông đấy, nếu bọn ấy mà được tôn giáo chỉ bảo cho đường thiện nên theo, đường tà nên tránh thì sẽ làm mẹ hiền vợ giỏi, gây nên con thảo chồng lành được. Cái gốc tốt thời cành nhánh phải hay, ta phải nên kíp kíp mà xương minh Phật giáo mới phải.

Vài lời lạo thảo, muôn nỗi vấn vương!

Nguyễn Mạnh Bổng

Chủ nhiệm nhà Hương Hát Thư điểm
92, Boulevard Bonnal, Hải Phòng
(DPTB số 547, ngày 23 2.1927)

Bản báo tiếp được bài lai cáo nhờ cứ nguyên văn đăng báo

Chắc các ngài đọc báo *Đông Pháp* mấy kỳ vừa rồi (số 320, 321, 322, 323) cũng còn nhớ đến bài CHPG dưới bài tác giả có ký tên là sư chùa *Dư Hàng* (pháp tăng tự Tâm Thái, Tâm Ứng, Hải Phòng vậy xin cô lời kính cáo cùng các độc giả biết cho rằng: nguyên bài dư luận ấy của mấy chú tiểu ở chùa làm ra không bạch lại cùng sư trưởng hay, cứ tự nhiên đem đăng lên báo chương, *hiện nay hai chú tiểu ấy đã bị tác trách phải xuất viện ra ở ngoài trong thời kỳ một tháng và không được tham dự đến việc chùa nữa.*

Vậy nguyên ủy là thế, xin các chư tôn độc giả biết cho.

Dư Hàng Phúc Lâm tự Đương gia
(KHNB, số 1894, ngày 27.2.1927)

CÁI CHƯƠNG TRÌNH NÊN THỰC HÀNH NGAY

Đạo Phật cao thâm, có bổ ích cho nhân tâm thế đạo nhường nào, CHPG có ảnh hưởng đến dân tâm quốc vận nhường nào, tôi không cần nói nữa, độc giả chư tôn đã từng rõ dư luận gần đây về vấn đề ấy thế nào rồi. Nay tôi chỉ xin tạm bàn một cái chương trình chấn hưng có thể và cần nên thực hành ngay trong lúc phong trào chấn hưng bành trướng, vì nghĩ rằng, nếu cứ lần lữa để mãi kẻ nói ra người nói vào, trống đánh xuôi kèn thổi ngược, e khí sức nhiệt thành của thuyền gia cùng thiện tín theo cả thời gian mà kém đó lại hóa ra câu chuyện “không đâu”, tổ mọt lòng cho những người hữu tâm, mang tiếng cho những nhà khởi xướng, chỉ biết nói miệng mà không biết bắt tay vào làm. Cái chương trình này ngắn ngủi không có gì, chỉ đủ để thực hành ngay buổi mới đầu, chứ không được kỹ càng như cái chương trình của sư ông ở chùa Hang, phần nhiều bàn về việc tương lai nghĩa là việc hành động khi PGTH đã thành lập.

1. Cơ quan cổ động

Như Bắc Kỳ tổng cơ quan phải ở Hà Nội, lấy chùa Bà Đá làm tổng cơ quan, vì chùa ấy vừa to, vừa là nơi thủ phủ. Người chủ trương cơ quan này tất phải là vị sư có kiến thức, sẵn nhiệt thành như vị sư chùa Hang. Nhất là vị sư chùa Hang về chủ trương lại càng hay lắm. Việc hành động trước hết là phải liên lạc với các bạn đồng đạo, cùng các nhà hữu tâm để gây lấy thế lực mà cổ động. Chúng tôi cùng mấy anh em đồng tri, dẫu bất tài, cũng xin gia công góp vào, thân hành đi cổ động. Ngoài việc cổ động miệng, ta lại yêu cầu các nhà báo giúp không, mà cổ động cho ta bước đầu này, chắc các nhà báo cũng vui lòng giúp cho ta lắm.

Không những đăng bài ta cổ động mà đăng cả công việc ta hành động hàng tuần hàng tháng lên báo để nhắc luôn đến tấm lòng tín ngưỡng thập phương. Sau khi đăng báo bài cổ động nào có giá trị việc hành động nào có quan hệ, nhất thiết in thành sách mà phổ thông đi mọi nơi. Trên báo hay trong sách hằng có lời kính cáo các bạn thuyền gia, các nhà trí thức các tỉnh để cần lấy người có nhiệt tâm đứng lên đảm đương công việc cổ động cho rộng. Nếu trong vòng một tháng mà chưa có ai gửi thư lại nhận thời cổ động, thời tổng cơ quan phải phái người đi đến tận nơi liên lạc với các bạn thuyền gia, các nhà trí thức mà tổ chức cơ quan ở tỉnh ấy.

Cơ quan ở các tỉnh tổ chức cũng y như cơ quan ở Hà Nội. Duy có khác một điều là ở các tỉnh nhỏ có phủ, huyện, tổng, làng thời cơ quan, tỉnh lý phải phái người đi cổ động các nơi ấy.

2. Cơ quan tiến hành.

Đồng thời với cơ quan cổ động, có cơ quan tiến hành. Cơ quan này lấy việc tu thư làm trọng, và xin ra tuần báo cùng thảo điều lệ.

Tu thư.- Mục đích việc tu thư là soạn bài giảng thuyết, định các kinh sách về đạo Phật, đề bàn cho thập phương phát cho hội viên trong tăng giới. Bây giờ trước hết hãy soạn những bài giảng thuyết ngắn và biên dịch những kinh nhật tụng cùng sách nghiên cứu hay bình phẩm về đạo Phật của người Âu Tây soạn thuật được chừng nào đăng lên báo chừng ấy, đăng báo sắp hết thì bắt đầu đem in thành sách; sách in xong thì Hội lập thành.

Xin Tuần báo.- Xin Tuần báo là xin sẵn để đến khi Hội thành lập mà đăng ngay những bài nghị luận, cùng những sách dịch chưa in, những công việc hội, những tin tức các chùa.

Kinh phí về tờ báo này cũng không tốn kém mấy, mà dầu tốn kém thì bấy giờ Hội đã thành, tiền cũng sẵn chẳng ngại gì.

Thảo Điều lệ.- cổ động đã có hiệu quả thời vị sư chủ trương phải thảo điều lệ. Điều lệ ấy phải đưa ra hội đồng, có các nhà hữu tâm và bạn đồng đạo xét xem, điều thừa thì bỏ, điều thiếu thì thêm cho hoàn toàn mọi cách và thỏa thuận thì đem trình tòa.

Tòa duyệt y, đem thi hành ngay. Như thế là Hội đã tạm thành.

Như ý kiến tôi bày tỏ ở trên, hoặc giả có người hỏi: trong khi Hội chưa thành, tiền đâu mà chi dùng mọi việc công đâu mà người ta giúp đỡ lôi thôi? Xin đáp: tiền chi dụng, người giúp có hay không là ở như mình làm hay không làm, sao lại thế? Vì rằng việc CHPG có thể nói là một việc từ bi bác ái thì từ các thiện nam tín nữ cho đến các bậc mẫn thế ưu thời xưa nay ai là người không thích không vui lòng, kẻ ít người nhiều, hăng tâm hăng sản đỡ đần, cho nên công quả cho xương minh cái đạo từ bi bác ái giữa buổi đời khó khăn này.

Vả chẳng ở trên tôi đã nói “liên lạc các bạn đồng đạo các nhà hữu tâm để gây lấy thế lực mà cổ động” thời tiền ở đây chứ ở đâu, người giúp đỡ ở đây chứ ở đâu. Xin chớ tưởng giàu như ông sư Tích (sư Thanh Tích, chùa Hương) mới làm được việc, nghèo như ông sư Lai không làm được việc. Làm được tốt, ai cũng làm được, miễn là sẵn tâm nhiệt thành với chút nghị lực mà thôi.

Còn một điều mà tôi thường nghe thấy thiên hạ bàn tán là “Sợ chính phủ cấm không cho làm lại thành ra công cốc.”

Chao ôi! ta không cần nói đến sự “tự do tín ngưỡng” là công lý của loài người, ta hãy nói cái đạo từ bi bác ái cứu khổ

cứu nạn kia phỏng có hại gì đến ai mà chính phủ cấm. Ta lại nghe ông Robert Đốc học trường Pháp Hoa Chợ Quán, Sài Gòn là người quý quốc gần đây có nói trong bài CHPG rằng: “việc chấn hưng tuyệt nhiên không có gì là trái với lợi quyền của chính phủ Pháp ở Đông Dương. Ở Bắc Phi, chính phủ Pháp có khích lệ những người dân Hồi giáo ở Paris có dựng một lớp chùa Hồi giáo. Thế mà Hồi giáo lại là một giáo hay phân phe đảng ..., hướng chi Phật giáo là một giáo từ bi bác ái, mà có lẽ là một giáo có cái đặc sắc nhất thế giới là không phạm vào tội hà hiếp bắt bớ làm khổ những kẻ ngoại đạo bao giờ”.

Ấy đấy, các vị sư cụ, sư ông, sư bác, sư chú, vị nào muốn vì Phật tổ đem giáo lý mà thỉnh chuông gõ mõ cho đồng bào tỉnh cơn mê mộng thì xốc áo đứng dậy, ra tay mà làm. Làm đi, sẽ thành công, không e ngại gì.

Bất Tài Tử

(ĐP, số 330, ngày 3.3.1927)

VẤN ĐỀ CHẤN HƯNG PHẬT GIÁO

**Về bài ý kiến người Nhật bản đối với việc
chấn hưng Phật giáo ở nước Nam ta**

Đáp nhà Thiện nam Phục Bộ

Tháng trước tôi tiếp bức thư của một nhà thiện nam Nhật Bản họ Phục Bộ đã đem công bố lên các báo, chắc từ đấy đến nay, Thiện nam cũng mong tôi dãi bày ý kiến. Song vì từ khi tiếp thư Thiện nam đến nay thì tháng Xuân người đi lễ Phật

rất đông, chùa tôi nay ở vào một nơi hẻo lánh tỉnh Thái Nguyên này cũng được nhiều người mộ đạo, vãng-lai tham thuyên báí Phật khiến cho tôi những muốn trọn vẹn công việc tụng kinh niệm Phật, cúng quả dâng hoa chẳng mấy lúc được lưu tâm mà trả lời cho người mến đạo. Gia dĩ chùa *Tiên Lữ* này trước kia là một nơi danh lam cổ tích về sau thành ra một chốn tối hoang vu, hùm dữ heo tham, cáo già, khỉ độc lẫn quất trong đám cỏ cây rậm rạp, người thường nhân cơ hồ không dám tới gần. *Tôi đây bán thế xuất gia nghĩ chán nơi thị thành đô hội. Dem mình nên tìm chốn tịnh mịch, thanh u, kẻ học đòi các bậc Phật xưa tu hành học đạo lúc mới đến chùa, cách 4 năm nay thì cảnh tượng tiêu điều tôi cuốc lấy đất, vạc lấy cỏ, tự mình sửa sang lấy cảnh động, tự thầy tớ không ai bạn bầu chẳng có, ngày ăn một bữa rau, ngày ăn một bữa cỏ, tới ngày nay Thiện tín tỉnh Thái Nguyên, cảm cách lòng thành đem tâm giúp tôi tu tạo nên một nơi thắng cảnh hiện còn đương tô tượng làm nhà thực không lúc nào là được đổi công đổi việc. Vả lại từ khi qua Hải Phòng, được biết có đạo Cao Đài lại được thấy người hô hào chấn hưng Phật giáo tôi hưởng ứng mà thêm lưỡng lo âu. Hiện lúc tiếp thư Thiện nam thì được sửa soạn mấy bài dịch sách “Thích Ca đồ” để công bố lên báo, cho nên càng không được rảnh.*

Ấy đó là kể ra đấy cho nên ngày nay mới có mấy lời giải tỏ với Thiện nam. Tôi thấy Thiện nam là con nhà mộ đạo, lấy cái tư cách một nước tin Phật nhất, coi Á Đông này mà cùng tới bàn bạc chấn hưng Phật giáo, cho nước Nam thật tôi rất lấy làm cảm lắm. Ôi! pháp môn nhà Phật rất rộng rãi, há riêng gì một giống người nào, một dân nước nào, thật là trăm dân Đông Á trong mắt Phật đều phận tôi con, cái vẻ đại đồng đã phô bày ra trước mắt chúng nhân.

Đạo phật ở nước Nam này từ Đinh Lê cho đến Lý Trần vẫn là tôn sùng thịnh vượng mãi đến lúc Lê Mạt, các chúa phân tranh, vua Tây Sơn cùng chúa Nguyễn đẩy việc can qua mà nhân dân bị lầm than trong loạn lạc, từ đấy đã suy dần. Kịp khi nước Pháp sang đây phong trào đổi mới nhân dân đương hăm hở cầu tân khứ cựu, lại thêm đạo nọ đạo kia thành ra Phật giáo cơ hồ chỉ còn có cái vỏ ngoài mà không còn chi là vẻ hưng thịnh như đời Trần đời Lý nữa. Cái đó tưởng cũng là kiếp vận chung của các dân tộc trên mặt đất Á châu chứ không riêng gì Phật giáo ở nước Nam này.

Một cái dân tộc đương hăm hở lên đường tiến hoá về vật chất để mong giải thoát, còn có rồi đâu mà nghĩ đến Phật giáo nữa? Ấy là cái tâm sự của trí thức Việt Nam, những người ấy làm cho Phật giáo Việt Nam mà đưa dắt cái lòng tín ngưỡng của người dân vào đường sai lạc, nào họ có biết đâu? Bởi vậy tôi mới phải hô hào tăng giới cùng tín đồ chấn chỉnh hưng tu. Song, Tăng giới Việt Nam, tín đồ Việt Nam, đã bị một hội mấy trăm năm đổ lại đây làm hỏng, đổi phong ác làm tập sửa sang bao giờ cho được hoàn toàn? Thật tôi cũng biết là một việc rất khó! Song, không có lẽ ngại khó mà nín tiếng lặng hơi, lo đường độc giác, bất đắc dĩ ở cái khổ tâm mà phải hô hào, thực cũng biết là tính việc quá to phận mình không tới, tài mình khó đương. Ôi! CHPG thì cần phải thống nhất tăng đồ, mà tăng đồ Việt Nam thì rời rạc như cát bụi sông Hằng Hà, về sao cho thành được thiện quả. Không những thế, Tăng đồ Việt Nam đã tự giam mình vào cái địa vị kém hèn, khiến cho bọn chúng sinh khôn biết hơn mình thúc dục kêu hò mà vẫn chửa chịu làm thì còn biết chi là thẹn mặt tu hành cực lời nhạo báng. Tôi nói ra như thế, cứ phép Phật ra tôi đã phạm vào một tội “phá hoà hợp tăng” trong ngũ nghịch chẳng? Song, than ôi!

tăng đồ Việt Nam có hòa hợp ở đâu! Hay tôi phạm một tội trong thập ác là “ác khẩu” chăng? Song, lời nói của tôi là nói thực, chẳng phải đặt ra đâu! thế thì dù cho có đấng “thánh sư” ra cũng khó lòng “dựng dĩa thuyền am”.

Nhưng, không có lẽ thấy thế mà chán, mà nản hay sao? Người Tỷ khiêu mong độ thế không khi nào thấy thế mà ngã lòng. Bởi vậy cho nên tôi phải đứng ra hô hào chấn chỉnh. Tôi vạch ra một cái chương trình tự Thiện nam coi ra thì cho là bề bộn to tát quá. Song, đó là một cái chương trình thi hành dần dần, mỗi ngày mỗi tí, mỗi năm mỗi việc đó. Phạm việc thì việc gì chẳng quan hệ, có việc chi là khinh thường được. Nay tôi xin trả lời mấy câu về cái chương trình của tôi mà Thiện nam đã đem ra bình phẩm.

Điều thứ nhất: - Về việc dịch Phật kinh - Thiện nam nói cái giá trị ấy nên để phần chư tăng thì rất là phải lắm. Song, ý tôi nói người ngoài không xuất gia dịch kinh là mượn người biết chữ Quốc ngữ thông chữ Hán, ngồi cạnh chư tăng để chư tăng giảng nghĩa mà dịch, hễ đọc lên chư tăng lại tùy sửa đổi cho đúng nghĩa kinh. Như vậy thì cũng là chư tăng dịch lấy kinh, người kia chẳng qua là người thư ký mà thôi vậy. Đến như dịch sách Phật bằng chữ Tây ra là để chư tăng khảo cứu xem ngoại quốc họ đối với đạo ta thế nào và có đúng với Hán kinh không? cái đó tưởng cũng không nên nệ. Đến như văn dịch tuy không cần văn hoa như văn tục, song cũng phải cần cho chải chuốt tinh tường dễ nghe mới được. Chứ nếu câu văn quốc âm nói chẳng được gãy gọn thì người đọc đã đem bụng khinh bỉ câu nói bất thông rồi còn khiến người ta tin sao được, cho nên cần phải có văn chương. Song văn chương ấy là văn chương đạo lý vậy. Đến như Quốc kinh mà Thiện nam muốn dùng Hán kinh thì cái đó cũng là một ý kiến. Song cũng quá ư

nệ. Như ý tôi diễn giải bằng Quốc văn đã đành, mà tụng niệm cũng nên dùng quốc văn mới là phải. Vì tụng câu kinh lên, niệm câu kệ lên tất khiến cho tín đồ cảm cách ý nghĩa cao thâm của đạo mầu mới có phần bổ ích, chứ lên cứ nệ ở Hán kinh thì niệm chẳng hiểu chi, niệm mà làm gì? Tụng không biết nghĩa tụng cũng vô ích! Nếu người Việt Nam tụng niệm phật phải cần lấy Hán kinh làm chính thể thì sao người Tàu không dùng Phạm kinh làm chính thể? Sao không lấy tiếng Ấn Độ mà tụng niệm mà lại còn dịch chữ Hán làm gì? chi bằng tên Phật hay câu thần chú thì chữ Hán mà nghĩa lý hay nguyện cầu thì nên dịch ra quốc văn cả. Như thế mới phải là cách giác thế.

Điều thứ hai: - Về việc lập thư viện, tôi nói là dùng cả cho thiện tín chứ không riêng gì cho tăng đồ.

Điều thứ ba: - Về việc lập trường học tôi nói là dụng ý giúp vào công ích chứ không phải là chuyên về sự truyền giáo.

Hai điều cuối này là việc mà chúng tôi theo trình độ dân Việt Nam muốn đem Giáo hội giúp ít phần cho công ích để lấy công đức cho chúng sinh. Đó là lối “Hạ thừa thuyết pháp” Nếu Thiện nam có là người Việt Nam mới biết được cái chương trình của tôi là đã sách tạc thích hợp cho Phật giáo và cho dân tộc này. Cái ý của tôi là muốn lợi dụng Phật giáo mà giúp vào một phần tiến hoá của cái dân tộc yếu hèn này chứ cũng không chủ ở sự mê tín.

Đó là ba điều mà ý kiến Thiện nam đối với tôi có chỗ bất hợp.

Còn thì đều hợp cả, nên không cần phải trả lời.

Ôi! Thiện nam có thở ra lời than rằng: “tôn giáo nghiêng thành trên mặt đất Á châu” lời than ấy thật là lời tâm huyết.

Lấy một chốn Tây Kinh (Kyodo) có đến 900 ngôi chùa, lấy một nước tôn sùng Phật giáo trứ danh trong thế giới là nước Nhật Bản mà Thiên nam còn phải than rằng: “Phật giáo chẳng được nhiều tín đồ thành thực” thì biết lòng mộ đạo của Thiên nam thật là thâm trầm, quý hơn thay! Giả sử nước Nhật Bản có tôn sùng Phật mà theo Phật cả thì chắc rằng chẳng phải để cho nước Cao Ly phải chịu trong lòng áp chế, mà hai mươi một điều yêu cầu cũng không khiến cho người Tàu phải làm ngày kỷ niệm quốc sĩ, giống da vàng sẽ biết đem lòng từ bi hỉ xả cứu khổ cứu nạn lẫn nhau, khiến cho Phật giáo truyền qua được sang cả châu Âu mà gây nên cái cảnh Đại đồng lạc quốc trong khắp cõi Diêm phù vậy.

Tỷ khiêu tự Lai

Trụ trì chùa *Hang*, Thái Nguyên
(*KHNB* số 1688, ngày 20.3.1927)

PHỔ CÁO THẬP PHƯƠNG VỀ CHẤN HƯNG PHẬT GIÁO

Về việc CHPG tôi khởi xướng lên đã được bốn tháng nay.

Mới rồi các nhà thiện tín ở Hà Nội đã phát Bồ đề tâm, mà in cho tôi một quyển sách, trong có đủ tất cả những bài dư luận về việc hưng đạo của chư tăng và các thiện tín đăng trong báo quốc ngữ ở Nam Kỳ và Bắc Kỳ để cho tôi đem bán cho thập phương, được bao nhiêu tiền thời để in các kinh sách về Phật giáo, cùng là đem phổ tống cho các chùa để cổ động việc thực hành. Một nghìn quyển sách, kể ra thì nhiều, nhưng thật ra cũng không đủ phát cho các chùa. Song tôi cũng tiếm đem phổ tống dân vài nơi để tuyên truyền công việc. Mới rồi tôi có

gửi về chùa Vĩnh Bảo ở làng Phương Lãng, huyện Thủy Nguyên, tỉnh Kiến An năm mươi quyển sách ấy, để người đem đi tuyên truyền trong các chùa khác ở mạn xuôi, vì ngài là bậc tiền bối tôi, ở Sơn môn Yên Tử, năm nay đã ngoài 50 gần 60 tuổi, là một bậc tu hành có trí tuệ và thao lược xưa nay, trong tay đồ đệ và hàng bối rất nhiều để ngài lấy cái tư cách lão thành mà chủ trương công việc cho. Bởi vì lấy việc người làm phúc cho làng Phương Lãng thời đủ rõ. Chùa Vĩnh Bảo ở làng Phương Lãng, vốn là một làng bạc đạo, đã bỏ hủy hoại tồi tàn, chùa xiêu tượng nát, đến khi cúng vào tay người, thời người sửa sang ngay nên một cảnh chùa nguy nga rực rỡ, tu sửa chùa xong, thời phàm dân làng có những đứa trẻ con mồ côi, ốm yếu đã gần nguy thời mạng cúng cho sư cụ, người đều thu nhận, thuốc thang trông nom cứu cho sống cả. Hiện nay ở trong chùa cũng còn vài đứa mà sư cụ giao cho bà vải Hộ trông nom, làng Phương Lãng ai cũng lấy làm cảm công đức cụ.

Đối với việc CHPG này, dẫu sư cụ Phương Lãng người chưa hề cổ động lên các báo, mà tự người đã hợp đồng với chư tăng đồng chí, dịch được bốn bộ kinh rất có giá trị trong đạo Phật: 1) *Báo Ân kinh*. 2) *Hiền Ngu kinh*. 3) *Pháp Hoa kinh*; 4) *Hoa Nghiêm kinh* ra chữ quốc ngữ cả rồi. Ngày nay chỉ còn chỉnh đốn và sửa sang cho kỹ, rồi lựa quyền góp tiền thập phương xuất bản phổ tống, rồi lần lượt cứ dịch mãi cho hết các kinh, các lục, các luận cho kỳ hết mới là. Vậy thời công việc dịch kinh Phật tôi xin cùng sư cụ chùa Phương Lãng hợp tác xin trừ liệu sao cho đạt được mục đích mới thôi.

Hiện nay đối với vấn đề CHPG này, sư cụ Phương Lãng với tôi xin chủ trương hai việc: một là tuyên truyền, hai là thực hành.

Về phương diện tuyên truyền, thì thời kỳ này mới là thời kỳ bùng nổ, nghĩa là cái thời kỳ người ta đương nằm mê ngủ trong thuyền gia cùng với thập phương thiện tín hãy còn u mê ám chướng, phải đem cái gậy đến mà đập vào đầu, quát to lên để cho tỉnh dậy, vậy thời chúng tôi hãy đem những quyển sách CHPG mà bán cho thập phương, và phát cho các nhà chùa để cho người ta hãy tỉnh dậy đã. Thế thì cái quyển sách CHPG ấy, chúng tôi còn phải in ra thật nhiều nữa, để phổ tống cho khắp cả trong nước, rồi mới mong có thể thuyết lý lập phương và định đích cho người ta theo được. Thế nhưng đồng thời có nơi bùng nổ nghĩa là còn phải để cho xem quyển sách CHPG cho giác ngộ dần ra, có nơi thì phải thuyết lý cho nghe.

Về phương diện thực hành, thì mới rồi tôi có tiếp thư sư cụ chùa Phương Lãng, người dạy rằng: “Ngày nay nếu cứ nói không, mà không làm việc gì để làm gương cho các chùa khác, cùng cố động thiện tín cho được náo nức, thì e rằng nói lảm thêm nhảm, mà chung quy vô bổ cho sự thực, cho nên cứ theo công đức nhà chùa, thời sự bố thí độ nhân là đầu hết cả.” Thời sư cụ chùa Phương Lãng định cố động lập ngay bên cạnh chùa một nhà Tuất bản nhỏ nhỏ, có thể thu được một trăm con nhà nghèo, để dạy các nghề thủ công. Cái số tiền ấy kinh doanh chỉ độ vài chục nghìn bạc, quy mô làm chỉ trong vài tháng là thành, nếu thiện tín đem tâm vào thời thật là lợi ích và phúc đức vô hạn.

Cái ý kiến ấy thực là quý hóa thay! Tôi cũng xin chủ trương việc ấy, vậy có lời thanh minh lên báo để thập phương thiện tín cùng tán thành vào cái công quả của chúng tôi.

Làm nhà Tuất bản ở chùa Phương Lãng thời thật tiện, vì làng Phương Lãng tuy ở huyện Thủy Nguyên thuộc tỉnh Kiến

An, nhưng chỉ cách Hải Phòng có hơn một ki lô mét. Từ Hải Phòng đến chùa Phương Lãng thì qua đò Bính, thuê xe đến chợ Lỗi Dương, rẽ vào làng Phương Lãng, trời nắng có thể đi xe được đến cửa chùa, trời mưa đi bộ độ mười phút đồng hồ thì đến. Nếu nhà Tuất bản này lập xong, về sau ngày càng mở rộng mãi ra, có thể thành một “Bản dân công nghệ học đường”, chung cho cả các chùa về vùng Hải Phòng, Hải Dương, Kiến An, Quảng Yên được. Tôi mong rằng quan Tuần, quan Án tỉnh Kiến An và quan huyện Thủy Nguyên, cùng các nhà thiện tín ở vùng Hải Phòng, Hải Dương, Kiến An, Quảng Yên, kíp đem tâm giúp đập cho sự cụ chùa Phương Lãng được viên thành thiện quả. Chẳng những người trong tỉnh phần đây nên giúp, mà suốt cả Trung, Nam, Bắc ba kỳ cũng đều nên đem tâm mà giúp chúng tôi vậy.

Tỷ khiêu tự Lai

Trụ trì chùa *Hang*, Thái Nguyên
(ĐP số 345, ngày 7.4.1927)

LỜI PHỔ CÁO VỀ VIỆC LẬP ĐOÀN THỂ “CHẤN HUNG PHẬT GIÁO” VÀ LÀM CÁC VIỆC CHO CÔNG ÍCH

Vì có Phật giáo suốt nước ta đâu đâu cũng sùng bái mà tới nay bỏ suy đồi, cơ hồ vô ích cho dân nước ta:

Vì có muốn cho Phật giáo cũng như Gia giáo vì tín đồ mà gây ra những cơ quan công ích như cái chương trình của sư ông Lai chùa *Hang* tỉnh Thái Nguyên.

Cho nên tôi muốn đứng lên tổ chức một đoàn thể CHPG.

Mục đích:

1. Đem thực hành mười khoản chủ định trong chương trình của sư ông Lai chùa Hang đã tuyên bố trong các báo và in thành sách Chấn hưng Phật giáo.

2. Giúp cho các sư hiểu biết mọi việc tổ chức và luật lệ nhà nước để các sư làm cho chóng xong công việc.

3. Trù mưu cho mọi phương thế cho các sư lập được cho dân xã ở thôn quê ít ra là một tổng cũng có một trường học, một Nhà Bảo cô, một Nhà nuôi kẻ khó, một Cuộc Y tế, một Cuộc dịch kinh sách Phật và soạn các sách về đạo đức trí thức; mỗi làng một Thư viện, mỗi chùa một nơi giảng đàn.

Công việc làm:

Giúp các chùa sự tuyên truyền để cho nên việc hưng giáo và cổ động lập các cơ quan công ích.

Giám đốc các công việc ở trên đây làm cho được hoàn toàn.

A. Giữ gìn sao cho CHPG được ra khỏi việc làm mê hoặc nhân tâm mà được thuận tùy chân chính để bài trừ những việc làm sai tôn giáo Phật bấy lâu nay.

B. Vậy ai có đồng ý với tôi việc này, xin lại nhà tôi hay viết thư cho tôi thì đề phong bì như sau đây:

Nguyễn Đức Thắng

Nghị viên Dân biểu Bắc kỳ

(ĐP số 345, ngày 7.4.1927)

CHẤN HUNG PHẬT GIÁO

Tổ chức một nhà Tuất bản ở chùa Phương Lăng

Vì việc CHPG của sư ông Lai trụ trì chùa Hang khởi xướng lên, tôi đây dẫu tuổi đã tới gần hoa giáp (60 tuổi) mà cũng xin lên thống nhất tặng đồ để trừ mưu chấn chỉnh.

Ông Lai đã dụng công in ra một quyển sách đủ các bài CHPG để đem đi tuyên truyền, điều đó rất là chính đáng.

Trong khi đi tuyên truyền liên lạc tăng giới, muốn cho thành hiệu, tôi vẫn đương sưu tập một quyển đủ các bài về cái chương trình hành động để thập phương cùng các chùa xem cho biết đường làm, đó là việc thứ nhất hiện tôi đương hành động.

Đến như cổ động cho lòng tin đồ cải tà quy chính thời tôi đương chỉnh lại mấy bộ kinh mà một bọn tặng đồ tôi mười mấy vị đã họp lại diễn ra Nôm đương cho người phiên ra quốc ngữ để nay mai in dần. Những bộ kinh hay cả, như Báo Ân, Hiền Ngu, Pháp Hoa và Hoa Nghiêm.

Những việc này tôi đều có liên lạc với sư ông Lai chùa Hang Thái Nguyên. Tôi lại còn đương chiêu mộ các tăng ai vô trụ hay ai thông minh mà ở những nơi khó hành động hưng giáo thì về tôi chỉ phương pháp cho mà làm việc. Rồi tôi vận động dần dần cho các tỉnh lập ngay nên một vài cái cơ quan công ích như thư viện, học đường, nhà tuất bản, nhà y tế v.v...

Song cho được náo nức ngay và làm gương cho các chùa khác, thời tôi liên lạc với ông Lai rồi sẽ giao cho ông việc trông nom về sự in sách tống kinh mà trừ phí tổn thời ông Lai cùng tôi cùng các chùa có lòng CHPG, sẽ hợp nhau với các nhà thiện tín cùng tính.

Đến như các cơ quan công ích thời mỗi nơi một vài cơ quan, sẽ do các chùa đồng ý với tôi cùng mưu dân. Song muốn thí nghiệm xem lòng người ta có thể trông cậy được không và làm gương cho các chùa khác, tôi xin lấy việc công đức thứ nhất trong nhà chùa là bố thí và cứu khổ, dự định lập một nhà tuất bản tức là một nhà “Bần nhi công nghệ học đường” ở ngay chùa Phương Lãng tôi để xin thập phương đem tâm vào giúp cho như sau này:

1. Cơ sở nhà tuất bản

Cơ sở nhà tuất bản ấy xin lập ngay trong đất chùa Phương Lãng một nơi rộng rãi thoáng chí, lên hai ngôi nhà, một nhà làm việc và một nhà ăn ngủ.

2. Mục đích nhà tuất bản

Mục đích để thu lấy những con nhà nghèo khổ đi ăn xin ăn mày ở các nơi, hay những đứa trẻ cha mẹ nghèo đói không thể nuôi cho đi học được, thời cho vào đây để dạy cho nghề thủ công làm những đồ thiết dụng bán lấy tiền chi phí.

Hễ sau này có người tán thành đem tâm vào cúng nhiều tiền sẽ mở ra to mãi lên, rồi thu nhặt cả trẻ con tàn tật hay những người già nua đi ăn mày đem về nuôi.

3. Quy mô nhà tuất bản

Lúc mới hãy làm hai lớp nhà nhỏ có thể chứa được một trăm trẻ. Một nhà cho chúng ăn ngủ, một nhà cho chúng làm việc như đã nói ở trên.

Sau này các chùa đem tâm vào và thập phương thiện tín giúp giập vào sẽ mở to mãi ra, rồi tậu thêm đất quanh chùa mà khoáng trương mãi ra cho thật to, có thể làm cơ quan bố thí và cứu bần cho các chùa trong các hạt miền Đông này, như Kiến An, Quảng Yên, Hòn Gay, Móng Cáy, Hải Phòng, Hải Dương.

4. Sự đối đãi bản nhi trong chùa này

Phàm đứa trẻ nào cũng nuôi cho ăn cho mặc, dạy cho mỗi đứa một nghề thủ công, đứa nào sau có thể làm ngoài được sẽ cho ra, đứa nào muốn ở lại thì cứ làm việc cho chùa bán lấy tiền chi phí.

Sau có được nhiều tiền, sẽ nuôi nấng những kẻ tàn tật già nua không làm được việc gì, kỳ cho đến lúc vãng sinh.

5. Sự cai quản trong nhà tuất bản

Về nghề thủ công thường nhật thời dễ, ban đầu sẽ đón mấy người đàn ông dạy con trai, đàn bà dạy con gái, trả lương ít nhiều, sau trẻ con nhớn lên sẽ dạy lẫn nhau là một phương diện. Còn thời các già các vãi hay các sư ông sư bà trông nom dạy bảo lũ trẻ thơ khốn nạn ấy đã sẵn có người rồi.

6. Phương sách duy trì nhà ấy cho được vĩnh viễn

Ban đầu thời do tiền của thập phương đem tâm cúng, được tiền làm xong nhà thời lại quyên tiền tậu ruộng, nhà chùa cho cấy lấy rẽ lấy hoa lợi mà duy trì hay nhà chùa sẽ dùng bọn bản nhi lớn lên rồi làm ruộng và làm các việc đấm say, v.v...

Sau khi thành, sẽ lập nên một cái đoàn thể thiện tín, để hằng năm đem tâm tìm phương cứu giúp bọn trẻ thơ ấy.

Rồi sẽ liên lạc các chùa trong mấy nơi lại, mỗi chùa cung cấp một ít không ngại rằng lập nên duy trì không vững đâu.

7. Lời phổ cáo thập phương

Trong hai việc in kinh và làm nhà tuất bản này, ai muốn giúp chúng tôi xin bạch cùng ông Lai chùa *Hang*, Thái nguyên hay Bản tăng ở chùa *Phương Lăng*, huyện *Thủy Nguyên*, tỉnh *Kiến An*. Các phương sách giúp nhà chùa tùy nghi liệu định.

Tôi chắc một việc in kinh và một việc cứu khổ là hai cái nghĩa vụ đáng phải làm của các chùa và thiện tín thập phương suốt trong Trung, Nam, Bắc ba kỳ ai cũng sẵn lòng tán thành. Vậy ai có lòng giúp tôi, xin đến Phương Lãng để cùng tôi diện tự và gửi thư cho.

8. Hành trình đến chùa Phương Lãng

Chư tăng và thập phương thiện tín ai tán thành cho chúng tôi việc dựng nhà tuất bản này, muốn đến chùa Vĩnh Bảo, thì tới thành phố Hải Phòng, ra bến đò Bính đi sang ngang bến đò mất ba xu (0p.03), thuê xe đến chợ Lỗi Dương mất một hào (0p.10) đường sang núi Giẹo, rẽ vào chùa Phương Lãng hỏi thăm vào chùa. Từ Hải Phòng đến chùa đi độ hơn một kilômét, cũng bằng từ bến tàu điện Bờ Hồ đến sau miếu Giám Hà Nội.

9. Mộ tập người tuyên truyền

Công việc này là việc phúc đức và công ích, muốn cho chóng thông hành và mau kết quả, chúng tôi muốn mỗi tỉnh có được một vài người tuyên truyền đi bán sách bán kinh, đem những tờ báo có việc CHPG đến các chùa đọc cho chư tăng và các già các vãi nghe, cùng đem công việc này cổ động các nhà thiện tín tán thành.

Ai muốn giúp việc, xin gửi thư hay đến chùa diện tự.

10. Cách kỷ niệm công đức

Phàm ai tán thành việc phúc đức này, cúng từ một xu cho đến một trăm một nghìn bạc đều có kỷ niệm công đức ở khắp các chùa về đoàn thể CHPG ở trong nước. Từ một đồng trở xuống thì sẽ biên tên vào dưới bìa những quyển sách để lưu truyền bất hủ. Từ một đồng lên đến 100 đồng, không những biên tên vào các kinh sách, lại có tên ở những bia để

trong các chùa. Ai giúp cho được số nghìn trở lên thời sẽ in ảnh để vào trong “công đức phả” để lưu truyền cho thập phương và lúc tịch duyệt đi sẽ được tạc tượng để ở trong các chùa cho đời sau chiêm bái. Nói tóm lại thời từ người cúng một xu cho đến hàng nghìn trở lên và những người giúp việc tuyên truyền đều là những bậc hộ pháp có công trong thời kỳ CHPG, thời sau này khắp trong nước phàm chùa nào đã ở vào trong giáo hội thời cũng cùng là một thể thống, thời đều cũng cùng kỷ niệm chung, những người có công đức với Phật giáo và công ích đến tuần tiết thời đều đem những người có tên trong công đức phả mà cúng bái và tụng niệm kinh sách Phật cho được siêu sinh tịnh độ cả. Chứ không riêng gì chùa nào và không riêng gì những người mua hậu mới được cúng bái. Nghĩa là phàm ai có công ích cho việc CHPG này là công đức chung với cả Phật giáo, chứ không phải công đức riêng với một chùa nào, thế cho nên những chùa nào mà đã CHPG, đã vào giáo hội rồi, thì cùng hưởng công đức chung của thập phương và cùng nhau kỷ niệm chung những người có công với Phật giáo cả.

Pháp tăng tự **Nguyễn Ân**
Trụ trì chùa *Phương Lãng*
Huyện Thủy Nguyên, tỉnh Kiến An
(ĐP số 346, ngày 9.4.1927)

VIỆC LẬP PHÁP ĐƯỜNG Ở CÁC CHÙA CÓ QUAN HỆ ĐẾN VIỆC CHẤN HƯNG Y THUẬT

Mới rồi tôi đọc báo ĐP số 351 ra ngày 28.4.1927, thấy bài “Chấn hưng Y thuật” của ông Nghiêm Xuân Thọ họa bài

khởi xướng ở báo *ĐP* số 351 ra ngày 21.4.1927 của ông Tam Thiên Đường, có nói đến việc lập phúc đường để cứu độ những người túng nghèo đau ốm và làm nơi thực nghiệm cho các y sinh. Ông Thọ có kỳ vọng đến khi “Phật giáo chấn hưng” lên thời lấy những nhà phúc đường ấy làm căn cứ cho các y sinh.

Tấm lòng kỳ vọng của ông thực là chính đáng! Nhưng nếu mà chỉ kỳ vọng thôi thời chắc chẳng bao giờ thành được. Phàm mọi việc công ích trong xã hội, nếu cứ phương diện nọ mà trông mong vào phương diện kia mà không đem thực tâm thực lực giúp lẫn nhau thời rút lại cũng vẫn không lại hoàn không.

Sự các nhà chùa nên lập ra các phúc đường thời trong các chương trình của sư ông Lai chùa Hang, Thái Nguyên đã kể rõ. Song thực hành thời chưa có đâu cả. Nếu ngày nay các nhà lương y muốn cho rồi có phúc đường để thực nghiệm y thuật thời thiết tưởng các ngài nên mua lấy quyển sách *CHPG* của sư ông Lai đã xuất bản rồi đem đến các chùa mưu cùng với chư tăng mà thi hành ngay việc lập phúc đường ấy đi.

Nhất là hiện nay chúng tôi đương thực hành việc *CHPG* sư ông Lai thời chuyên việc mộ khoản in sách Phật, chùa Phương Lãng tôi đương tổ chức một nhà “Bản nhi công nghệ học đường”, mà ông bạn tôi tự là Thông Thanh ở chùa *Lâm Động*, tổng Hoàng Pha, Thủy Nguyên, Kiến An thời chúng tôi đương để dựng một nhà phúc đường để thi hành việc cứu bệnh nhân sau này. Nếu các ngài có chí ấy thời xin hãy viết thư về cho sư cụ Thông Thanh bàn bạc mọi sự hành động cho được viên mãn. Vì hễ khi chùa *Lâm Động* đã làm xong được một nhà phúc đường rồi thì sau này các chùa khác cũng thứ tự mà

làm sau, chẳng bao lâu phúc đường sẽ lập ngày một thêm nhiều thời việc “chấn hưng y thuật” cũng có bề tiện lợi được.

Xin các ngài cố lưu tâm “chấn hưng y thuật” đi mà nên cùng liên lạc với các nhà trong việc phúc đường thời y giới có ích mà những người nghèo túng đau ốm cũng được nhờ công cứu khổ cứu nạn của những bậc người tế thế độ nhân vậy.

Pháp tăng tự **Nguyên Ân**
Trụ trì chùa *Phương Lãng*, Kiến An
(ĐP số 357, ra ngày 3.5.1927)

TƯỜNG TRÌNH VỀ VIỆC CHPG Ở BẮC KỲ

Từ khi ông Nguyễn Mục Tiên khởi xướng ra ở trong *DPTB* việc CHPG thì ngoài Bắc này hưởng ứng rất là náo nhiệt. Hiện nay ông Nguyễn Đức Thắng Nghị viên Dân biểu Bắc Kỳ nhà ở 61 Cife Tân Hưng Hà Nội đứng chủ trương thành lập một đoàn thể CHPG và làm việc công ích đương cổ động mọi người giúp sư ông Lai trụ trì chùa Hang, Thái Nguyên và chư tăng trong các chùa xứ Bắc Kỳ những việc sau này:

1. Làm Phật giáo hội;
2. Lập Phật gia công học hội;
3. Lập Phật học tu thư xã;
4. Lập giảng đàn trong các chùa;
5. Lập các trường học;
6. Lập cuộc y tế;
7. Lập nhà bảo cô;
8. Dựng nhà tuất bản;

9. Dựn trường công nghệ dạy con gái;

10. Dựn thư viện cho thiện tín xem

Công việc làm định khởi từ hai chùa:

1. Chùa Hang (Thái Nguyên) chuyên việc dịch kinh sách Phật;

2. Chùa Phương Lãng (Kiến An) chuyên dựn nhà tuất bản.

Bởi muốn cho Nam Trung Bắc cùng bắt chước nhau mà làm việc này cho chóng có kết quả, tôi xin gửi đăng cái chương trình mới của sự cụ chùa Phương Lãng để đồng bào Nam Kỳ tán thành vào cho nên công đức lớn.

Nguyễn Mạnh Bổng

(ĐPTB số 577, ngày 9.5.1927)

Sau đó đăng lại bài Tổ chức một nhà tuất bản ở chùa Phương Lãng đăng trên báo Vấn đề chấn hưng Phật giáo

Bây giờ, tôi hãy nói đến người đứng ra chủ trương về sự nghiên cứu, và chủ trương việc giáo dục Nghiên cứu cách làm sao? Nghiên cứu Phật học không phải dễ. Không phải như một nhà kia tự xưng là bác học viết ra một tập “Phật học lược khảo”, kể sự tích Phật Thích Ca sinh năm nào, chết năm nào, tôn giáo lưu truyền Nam tông, Bắc tông hồi nào, hai phái xung đột nhau hồi nào ấy gọi là nghiên cứu đó. Tôi tưởng nếu nghiên cứu như vậy chẳng qua sưu tầm cổ tích trong sách mà thôi, chớ về bổ ích sự chấn hưng tưởng không có công hiệu gì hết. Còn về cách giáo dục lại càng khó hơn nữa. Trước kia tôi đã nói: Phật học không phải như mấy ông sư, mù vãi, đánh mỗ ăn chay, thuộc lòng mấy thiên kinh kệ là gọi rằng giáo dục đâu.

D

Hôm qua lại có hai nhà sư ở chùa Yên Tử, hiện ở chùa Bà Đá đến bản quán nhờ đăng bài sau này:

MẤY LỜI BÀN VỀ VIỆC CHẤN HƯNG PHẬT GIÁO

Ít lâu nay tôi thường nghe thấy mấy câu CHPG phảng phất bên tai, tôi lấy làm hoan nghênh lắm, nào là sư ông Lai chùa Hang, Thái nguyên, sư cụ chùa Phương Lãng, Kiến An, cùng các nhà thiện tín Hải Phòng đã xướng khởi ra, người cách này, kẻ cách khác, như thế cũng là sự ít thấy xưa nay thực, nhưng tôi thiết tưởng cũng chưa thể chấn hưng được, là vì đạo Phật cốt lấy bố thí làm đầu thực, nhưng Phật là đạo bố thí ba la mật, chỉ Phật cao thượng mới làm được thôi. Chứ còn như các nhà xướng ra kia là tiền bố thí, thời dẫu ai ai có lòng thiện tâm cũng đã làm được cả, không cứ đạo Phật; vả chăng cái ấy là chỉ ngoại trị, chứ chưa phải là căn bản, nên muốn cho ngoại trị xanh tốt thời phải trước làm cho căn bản, vững bền đã. Ngoại trị là thập phương chúng sinh, căn bản là truyền môn Thích tử, muốn cho việc chấn hưng kết quả, thời phải sao cho trong bọn căn bản nhiều người học rộng trí cao mà hết thấy ai ai cùng phải tuân theo một luật cả; nếu xướng ra đấy rồi ai theo thì theo, chứ không cần ai, thời việc khó lắm. Mà việc này không phải là dễ, một người không thể làm nên, nếu muốn cho Phật đạo chấn hưng thời trên phải có chính phủ tán thành, dưới có quan hộ trợ thời mới mong thành công được. Bởi vậy tôi ước ao rằng: có ai là người truyền môn vật lực nên mau mau đi cổ động cùng các sư sơn môn Bắc Kỳ này để ai ai đều biết mà vui theo cả. Khi làm thời sơn môn kẻ ít người nhiều, gom vào một món tiền, rồi bá cáo cùng thập phương cúng vào nữa. khi đó phải có các quan nhiệt thành về Phật

giáo giúp việc, để yêu cầu chính phủ cho phép mua một khu đất độ mấy trăm mẫu, ở giữa dựng một tùng lâm là một ngôi chùa to thờ Phật, với một tòa thư viện, ba trường học thực to, còn thời làm các tầng phòng trú táo, nhà thương, nhà tuất bần, nhà dục anh, trong ấy sở nào đặt ra có người giám đốc sở ấy ngoài ra thời để cấy lúa lấy lương cho nhân chúng trong tùng lâm thụ dụng. Bắt đầu đặt ra một bộ luật gọi là Tùng lâm qui ước, rồi suy tôn một ngôi giáo chủ để làm cương lĩnh, và thu thập hết thầy các sư thiếu niên vào tùng lâm để học, như ba trường thời dạy ba thứ chữ, một trường thời dạy toàn kinh, luật nhà chùa, một trường đón thầy dạy thuần Pháp tự quốc ngữ, nếu ai không vào tùng lâm học được, nhưng ở các chùa ngoài cũng phải có danh sách ghi trong tùng lâm, mà tùng lâm phát cho mỗi người một cái căn cước, cũng như phiếu chỉ tùy thân của nhà nước, nếu ai không có cái ấy tức là giả sư. Những học trò học trong tùng lâm đã tiến bộ thi đỗ được bằng rồi, không muốn giúp việc trong tùng lâm nữa, thời xin phép tùng lâm thôi bỏ đi ở chùa khác mới được đi, mà các chùa ngoài là thuộc quyền tùng lâm trông nom cả, nếu có sửa sang việc gì thời phải xin phép tùng lâm, chứ không quyền dân làng với một ông sư chùa ấy được, nếu ông nào ở chùa riêng có sự gì không tốt, thời dân làng sẽ trình tùng lâm trị phạt thay đổi. Còn như trong tùng lâm thời dựng lên một sở nhật trình, để công luận về Phật giáo cùng tăng đồ và đem kinh sách dịch ra quốc ngữ để lưu hành cùng thập phương như thế thời đạo mới dễ hiểu, mà mới bổ cứu được nhân tâm, duy trì được Phật giáo, thế mới gọi là Phật pháp, giữ dòng vương pháp.

Tôi mỗi mãng mấy câu đây còn là vấn tắt, chứ công việc này khởi xướng ra thời có lắm việc không thể một năm hai năm mà hoàn toàn được, mà không thể một người hai người

làm được, phải cần nhờ ở công chúng mới được. Nhưng than ôi! Vạn sự khởi đầu nan, người đứng lên thật khó lắm, vì rằng những bậc thượng lưu thì trí thức cao siêu lắm, chi đôn thiên kỳ thân, mong siêu thoát một mình, chứ không chịu nghĩ đến chúng sinh mà xu hướng về phong hội mới, còn những bậc trung lưu thời những mang bách về việc sửa sang, chứ không có thời giờ nào lưu tâm về việc công chúng; còn những bậc hạ lưu thời có lòng mong mỏi vì việc học, không có ai đề tiếp cho mà theo, thành ra công việc vẫn chậm trễ từ bấy đến nay, không chấn hưng được.

An Sơn tự Chân Bảo

(TNDB số 1954, ngày 10.5.1927)

PHẬT GIÁO CÓ NÊN CHẤN HƯNG KHÔNG?

Vấn đề này từ khi ông sư Lai ở chùa Hang (Thái Nguyên) phát nghị đến nay, kẻ hoan nghênh cũng nhiều mà người không hoan nghênh cũng lắm. Xem ý quốc dân phần nhiều hãy còn mơ màng phân vân như kẻ đi trong đám sương mù, không biết hướng nào cho phải. Thiết tưởng quốc dân có muốn phân biệt sự đó là phải hay trái, cũng không khó gì. Muốn biết Phật giáo có nên chấn hưng không trước hết ta thử xét xem CHPG có ích gì không? Phật giáo ở nước ta có thể chấn hưng được không? Cái việc chấn hưng đó, ở xã hội ta ngày nay, có phải việc cần kíp không? ấy ta xét đoán được ba điều đó, thì vấn đề “Phật giáo có nên chấn hưng không” không cần phải biện luận mà tự khắc giải quyết.

CHPG có ích gì không? Có ích lắm. Ông Lương Khải Siêu đã nói: Tín ngưỡng đạo Phật có 6 điều hay:

1. Phá được thói mê tín

Đã biết rằng thế giới mà văn minh đến cực điểm, thì cũng không cần phải có tôn giáo, song văn minh mà chưa đến cực điểm, nếu không có sự tín ngưỡng thì đạo đức tất phải trụy lạc, mà giáo dục cũng không luyện được, pháp luật cũng không giữ được. Vì thế, mục đích của các tôn giáo, đều cốt gây lấy tấm lòng tín ngưỡng. Song biết mà tin là cái tin khôn (trí tin), không biết mà cũng tin là cái tin dại (mê tín). Thường thấy các tín đồ của đạo khác, hãy hỏi đến lẽ cao thâm huyền bí thì tất họ đáp rằng: “Điều đó, có thánh thì mới biết, chúng ta biết đâu được”, thế thì có khác gì luật phép của bọn chuyên chế, bịt mắt dân mà bắt họ theo không? Đạo Phật thì không thế. Tôn chỉ của đạo Phật là tu cả từ bi và trí tuệ, nên từ lúc mới tu tới lúc thành Phật đều lấy sự “hóa lamm ra biết” làm công việc hệ trọng hơn hết. Mà chữ “biết” đó, lại không phải chỉ biết có Phật mà nhắm mắt theo hoài đâu. Trong kinh có nói: “Không biết Phật mà tin Phật, thì tội lại nặng hơn kẻ nhạo báng Phật.” Vì sao? Vì kẻ nhạo báng kia là họ còn hoài nghi, trước ngờ mà sau tin, mới là cái tin Phật. Đức Phật tổ đi thuyết Pháp 49 năm, những lời Ngài nói, trong mười câu có đến chín câu là nghĩa triết học, mà thường giảng đi giảng lại đến thật rõ mới thôi; cũng là cốt muốn cho mọi người đều hiểu thật mà tin thật đó, Nói tóm lại, các tôn giáo khác đều cho là trí tuệ của giáo đồ không bao giờ theo được như giáo chủ, nên bắt họ nhắm mắt mà theo hoài; đạo Phật thì muốn cho ai cũng có đủ trí tuệ như giáo chủ, để họ biết thật mà tin thật. Vậy đạo Phật có phải là mê tín đâu.

2. Gây được cái lòng bác ái

Đã hay tôn giáo nào cũng lấy sự “cứu đời” làm mục đích, song từ bi quảng đại thì không đạo nào bằng đạo Phật.

Phật nói: “chúng sinh, còn có một kẻ chưa thành Phật, ta thề không thành Phật”. Lại nói: “chỉ ai thực hành đạo Bồ tát (cứu cả chúng sinh) thì mới thành Phật, những kẻ tu đạo độc giác (độ lấy một mình) thì không bao giờ được thành Phật, lại nói: “mình độ được mình rồi, quay lại độ cho người là lòng Phật; mình chưa độ được mình mà đi độ cho người, là lòng Bồ tát. Tư cách các vị Bồ tát khi mới phát nguyện độ cho chúng sinh thật rất tâm thương, không thối đầu những kẻ tu đạo độc giác, song vì có cái lòng từ bi quảng đại đó, sẽ có một ngày thành Phật.

Tuy vậy, các vị Bồ tát đến nay cũng chưa thành Phật. Vì sao? Vì họ thề rằng: chúng sinh còn có một người chưa thành Phật thì họ quyết không thành Phật. Ông Lương Khải Siêu nói rằng: “cái hy vọng của người đạo Phật, lấy sự “thành Phật làm cực điểm” nay vì chúng sinh mà họ đành hy sinh cái hy vọng lớn nhất của mình. Ôi! cái hy vọng lớn nhất mà còn chịu hy sinh, thì cái khác đủ biết. Song họ làm như thế, cũng không phải là kiểu đâu. họ biết rằng: tính của chúng sinh với của Phật cũng chẳng khác gì nhau. Nếu chúng sinh mê mà một mình ta tỉnh, chúng sinh khổ mà một mình ta sướng thì còn thú gì. Ví như ta sinh ở một nước kia, quốc dân ngu mà một mình ta khôn, quốc dân nguy mà một mình ta yên, thử hỏi: ta khôn được chăng? ư yên được chăng?

3. Trừ được thói chán đời

Nhiều người cứ bảo đạo Phật là hư vô tịch diệt, nhưng không biết rằng hư vô tịch diệt là trung thừa (bậc giữa) chứ không phải thượng thừa (bậc trên). Xem ngay thuyết “Bồ tát và độc giác” vừa nói trên đó, thì đạo Phật có phải là chán đời đâu. Phật nói: Không ghét sự sống chết, không thích cõi Niết Bàn (tịch diệt). Lại có nói: Địa ngục, thiên đường đều là tỉnh

độ (nơi thanh tịnh). Vì sao thế: vì lòng Bồ tát phải nghĩ như thế. Nghĩa là trong khi thế giới chưa được, hết thấy chúng sinh đều thành Phật, thì trên mặt quả đất này còn có chỗ nào là nơi cực lạc nữa; kẻ ngu mê đã cần phải có người cứu vớt, nếu kẻ trí tuệ lại chán đời mà mơ tưởng một cái thế giới khác, thì cái trách nhiệm cứu thế còn trông cậy vào ai. Nên học trò Phật có hỏi Phật rằng: “Ai đáng sa địa ngục?” Phật đáp rằng: “Phật đáng sa địa ngục. Chẳng những đáng sa địa ngục, lại đáng thường ở địa ngục. Chẳng những đáng ở địa ngục, lại thường thích địa ngục. Chẳng những thích địa ngục, lại cố làm cho địa ngục nên một cảnh trang nghiêm”. Ôi, đi tu mà đến làm cho địa ngục nên cảnh trang nghiêm thì chí to biết mấy! Công to biết mấy!

4. Trừ được cái lòng sợ chết

Trọng phần xác thì hi vọng có hạn, mà thường hay thất vọng. Trọng về phần hồn thì hi vọng vô cùng mà không bao giờ tuyệt vọng. Đạo Phật chuyên trọng về phần hồn, nên đến kẻ ngu muộn cũng biết rằng, sau khi chết đi còn nhiều công việc, còn nhiều sự khổ sự sướng, mà đã biết thế thì tất không vì những cái vui, cái sướng tạm thời mà sinh lòng quyến luyến, họ biết địa ngục, thiên đường ở ngay trước mắt, thì tất không dám ở bậy làm càn, họ biết thân mình là vật không chết, dầu bị giết cũng không chết, vả kiếp này không được hưởng thì kiếp sau tất được đền, thì tất không tham sống sợ chết.

5. Nuôi được thói bình đẳng

Các tôn giáo khác, đều bắt chúng sinh chịu quyền thống trị của một người, đạo Phật thì không thế. Trong kinh có nói: “Hết thấy các chúng sinh đều có tính cách Phật” lại nói: “Hết thấy chúng sinh đều có một ngày thành Phật; sự sống, chết,

tịch diệt, đều như giấc mộng hôm qua”. Cái mục đích của Phật là coi hết thấy chúng sinh đều bình đẳng với Phật vậy.

6. Gây được lòng tự cường

Đạo Phật trọng nhất là thuyết “nhân quả”. Phật nói: “Quả ngày nay, tức là nhân ngày trước để lại. Nhân ngày nay, tu ước là quả sẽ có ngày sau này. Đã tạo ra nhân xấu, không tài gì tránh khỏi quả xấu, đã tạo ra nhân hay, không lo gì không có quả hay. Vả mình đã tạo ra nhân xấu, không ai tiêu diệt hộ được, mình đã tạo ra nhân hay không ai hủy hoại đi được; mà mình tạo chưa thành, cũng không ai tạo thay cho được. Nên kẻ tu hành phải cẩn về sự tạo nhân”. Xem thế thì biết người ta không nên ỷ lại vào ai, mà thực cũng không thể ỷ lại vào ai được cả; nếu không cố mà tự lập, tự cứu, chả nguy lắm ru? - Xét mấy điều như trên đã nói, đủ biết đạo Phật rộng rãi vô cùng, cao thâm vô cùng; nếu chấn hưng lên được, thì có ích cho xã hội, nhân quần, không phải là ít.

Mộng Hoa

(ĐP số 386, ngày 16.7.1927)

ĐẠO PHẬT NƯỚC TA CÓ THỂ CHẤN HƯNG ĐƯỢC KHÔNG?

Đạo Phật ở nước ta có thể chấn hưng được không? Người ta sờ dĩ ngờ rằng đạo Phật ở nước ta không thể chấn hưng được, là vì có những lẽ sau này:

1. Không có người đứng đầu. Vì người đứng đầu, tất phải có một người đạo đức, có nghị lực, có óc khai thông, có tài biện luận; mới có thể thu phục được lòng người và làm nên

công việc. Mà chư sư ở nước ta ngày nay, bọn già thì phần nhiều còn giữ cái óc cũ, trừ những sự đèn hương, oản chuối, chay tiếu và thờ phụng bọn quyền quý, thì không có tư tưởng gì khác; bọn ít tuổi, dù có đạo đức, có tri thức chẳng nữa, song còn ở dưới quyền một vị sư già thì cũng chưa đủ thế lực mà làm việc. Bọn già đã không muốn làm, không dám làm mà bọn trẻ lại không đủ quyền, đủ sức mà làm, thì còn trông mong gì nữa.

2. Người vốn ít tính đoàn thể. Xem như bọn chính khách, bọn học sinh, bọn thợ thuyền, là những phái rất dễ đoàn kết mà đoàn kết với nhau cũng không hại gì đến quyền lợi riêng của mọi người; thế mà chính đảng lập mãi cũng chưa thành, hội liên hiệp của học sinh và thợ thuyền thì chưa ai nói đến. Huống chi là bọn tăng đồ, vốn tản mát như cát đang bay, rời rạc như sao về sáng, đã là một cố dễ phân là khó hợp. Mà những kẻ tham bĩ lại thường coi cảnh Phật như một vũ trụ riêng, chiếm lộc Phật để làm của riêng; họ muốn giữ quyền riêng, lợi riêng, tất chỉ muốn đứng một mình, chứ không thích liên hiệp với chúng.

3. Lòng tín ngưỡng của quốc dân đối với đạo Phật không được nồng nàn, cố kết như các đạo khác. Tín đồ của đạo Thiên Chúa, tôn kính cố, cụ, chăm chỉ cầu nguyện, hoặc thiết đến tính mệnh mà không từ; hoặc dâng cả gia tài mà không tiếc đã là sự muôn mắt đều trông. Đến những kẻ thờ ông thành quan, thờ ông thánh Trần, thờ bà chúa Liễu, thờ Chư vị, thờ ma Mương, mà quanh năm suốt đời cũng không trẽ nải, hết cơ hết nghiệp cũng chẳng phân nản, cũng không phải là sự hiếm thấy. Duy có đạo Phật, thì bọn đàn ông đã tiêm nhiễm cái thói “Tịch Phật” của bọn hủ nho nước Tàu ngày trước, mà thường hay báng bổ; bọn đàn bà lại cho sự “tụng kinh, lễ Phật”

chì là một cách tiêu khiển cảnh già, nên những hạng trẻ trung cũng ít đi lễ bái. Mà đến những bọn năng đi chùa thì lại bất ngoại có mấy cái mục đích là: hội hè, ăn uống, đốt mã, làm chay, và dạo xem phong cảnh; chứ hỏi đến sự tích Phật tổ ra sao, nghĩa lý kinh kệ ra sao, thì thật không ai biết cả. Xem thế thì lòng dân đối với đạo Phật lãnh đạm biết dường nào!

4. Sợ chính phủ ngăn cấm - Đã hay rằng: “Tín giáo tự do” là luật chung của các nước văn minh, mà CHPG lại là một việc gây nuôi đạo đức cho quốc dân, chẳng những là không có gì phạm vào pháp luật mà lại lợi cho chính phủ là sau này dễ cai trị; vậy chính phủ vốn không có quyền ngăn cấm, mà có lẽ cũng không thích ngăn cấm. Song biết chính phủ có hiểu thế cho không? Hay lại vì xưa kia có một vài kẻ giả danh ở chùa mà làm sự phi pháp, sinh lòng ngờ vực, mà dùng thủ đoạn áp chế thì sao.

5. Sợ đạo khác đem lòng ghen ghét tìm cách phá hoại. Các tôn giáo có thế lực ở nước ta ngày nay, cũ thì có đạo Thiên Chúa, mới thì có đạo Cao Đài, đạo Thiên chúa như nước đang lên, một ngày một thịnh; đạo Cao Đài cũng như măng mới mọc, có vẻ đang hăng. Vậy họ thấy đạo Phật thịnh lên, sao khỏi có cái tư tưởng “hàng thịt nguýt hàng cá”

Ấy khối ngờ của dân ta ngày nay, bất ngoại 5 điều đó. Song ngờ thế là lắm, nếu xét cho kỹ thì không có gì đáng ngờ cả. Nay lại xin theo thứ tự mà giải thích 5 điều đó, để phá khối ngờ cho quốc dân:

1. Nay đang là thời kỳ cổ động, giả sử có người thật đủ tư cách ra đứng đầu cũng là sự hay, nhưng không thì cứ được một vài người có chí khí, có kiến thức đôi chút, mà sẵn lòng làm việc cũng là đủ. Vì sao? Trong khi cổ động cũng chưa cần gì phải người giỏi lắm, mà sau khi cổ động thành công là khi

bắt đầu tổ chức, thì theo như cách ông Nam Hải đã bàn ở *KHNB* độ trước (mỗi huyện hợp lại cử một vị làm trưởng lão hàng huyện, các trưởng lão hàng huyện hợp lại cử một vị làm trưởng lão hàng tỉnh, các trưởng lão hàng tỉnh hợp lại cử một vị làm trưởng lão hàng kỳ. Trong mấy vị trưởng lão hàng kỳ lại do công chúng bỏ phiếu cử lấy một vị đứng đầu cả toàn quốc), thì lo gì không có người giỏi.

2. Nước mình ít có những đoàn thể chắc chắn, lỗi đó vị tất đã toàn ở quốc dân, không cần phải bàn đến. Đến vì xa cách mà sinh chia rẽ cũng là sự thường, song muốn liên hợp lại cũng không phải là sự khó, xem như đạo Thiên chúa thì biết. Còn vì quyền riêng, lợi riêng mà không muốn liên hợp với chúng là thói rất tham, rất si, nếu là kẻ dốc chí tu hành thì không khi nào như thế. Mà những kẻ đã như thế thì ta chẳng đủ họ làm chi, cứ để đấy, cứ tổ chức cho xong, rồi tự khắc có cách xử trí.

3. Lòng tín ngưỡng của quốc dân đối với đạo Phật không nồng nàn kiên cố như các đạo khác, không phải là lỗi ở quốc dân, mà chính là lỗi của những kẻ truyền giáo. Vì có hai lẽ: Một là, bọn truyền giáo của đạo Phật nước ta, chỉ vụ ăn mà y lộc Phật, chứ về việc truyền giáo không hết sức, hết lòng như giáo đồ đạo khác. Hai là, đạo Phật là trí tín mà quốc dân lại chưa hiểu đạo Phật ra sao, thì không tín ngưỡng thì cũng là phải. Song như thế mà bảo quốc dân không tín ngưỡng đạo Phật, chả oan đạo Phật lắm ru!

4. Đã là một sự không phạm vào pháp luật mà lại có ích cho chính phủ về việc dễ cai trị, mà lại ngăn cấm một cách vô lý, là cái chính sách rất dã man. Chính phủ không khi nào dùng thủ đoạn dã man như thế. Vả lại những kẻ làm sự phi pháp, thì tín đồ các giáo phái khác cũng thường có, chứ cứ gì

đạo Phật. Chính phủ quyết không có những sự ngờ vực trẻ con thế đâu.

5. Đạo Cao Đài tuy có thế lực song quốc dân không hoan nghênh, không cần phải bàn đến. Còn đạo Thiên Chúa thì xưa nay vốn giữ cái chủ nghĩa “bình đẳng, bác ái” đã bình đẳng thì coi đạo khác cũng như đạo mình, khi nào thấy người khác mà ghen ghét. Vả lại đạo Thiên Chúa với đạo Phật vốn có cảm tình với nhau, xem như câu chuyện chùa Bà Đá thì biết. Vậy chắc rằng: đạo Phật mà chấn hưng lên được, giáo đồ đạo Thiên Chúa cũng lấy làm vui lòng; xét thế, có điều gì đáng ngờ đâu.

Mộng Hoa

(ĐP số 387, ngày 18.7.1927)

CHẤN HƯNG PHẬT GIÁO CÓ PHẢI LÀ VIỆC CẦN KÍP KHÔNG?

Sự CHPG ở xã hội ta ngày nay, có phải là việc cần kíp không? - cần lắm. Giả sử nước ta ngày nay mà đã văn minh đến cực điểm, hết thấy mọi người đều có đủ đạo đức và trí tuệ nghĩa là cả nước đều là Thánh hiền, thì không chấn hưng cũng được. Song đã được thế đâu! Chưa được như thế, mà không có tôn giáo để làm cái phần thưởng và cái pháp luật vô hình, thì dù phép nước nghiêm đến đâu, giáo dục tốt đến đâu, cũng không đủ trấn át nhân tâm, giữ gìn thế đạo. Ví dụ như người đã hơi lớn, đã hơi có trí thức, đã biết trọng danh nghĩa, sợ pháp luật thì cũng không phải cần đem ông Ngôáo, ông Ủ mà dọa nạt chi; song đang khi bé dại, chưa biết trọng danh nghĩa, chưa biết sợ pháp luật, dạy dỗ cũng không hiểu, đòn vọt cũng

không kinh, nếu không nhờ thanh thế của ông Ngoáo, ông Û thì tài Thánh cũng không làm được cho hấn nghe lời, cho hấn nín khóc. Ôi! ông Ngoáo là gì? là cái không có; kẻ làm cha mẹ, có phải chỉ thích đem những cái không có để lừa dối trẻ con đâu, chẳng qua mượn những danh từ đó để làm cái cầu sang ngang mà dẫn hấn lên con đường tiến hóa vậy. Ấy cái tinh thần tôn giáo là thế, cái mục đích tôn giáo là thế. Xã hội ta ngày nay há lại không cần phải có tôn giáo lắm ru? Hoặc có kẻ nói: nếu cần phải có tôn giáo, thì nước ta tiêm nhiễm đạo Nho đã ngót hai nghìn năm, đến năm văn hiến hãy còn đôi chút; đạo Thiên Chúa thịnh hành cũng đã ngót trăm năm, truyền bá một ngày một rộng; vậy khôi phục được đạo Nho thì theo quách cả đạo Thiên Chúa, hà tất chán hưng đạo Phật cho thêm khó lòng. Nói thế cũng không phải. Đạo Nho là phái đạo đức, là phái chính trị, là phái triết học, chứ không phải là nhà tôn giáo, không cần bàn đến chí. Còn như đạo Thiên Chúa, truyền bá ở nước ta đã gần một trăm năm, mà tín đồ chưa được một phần trăm số dân trong nước, đủ biết tính chất người mình đối với giáo nghĩa đạo ấy cũng không lấy gì làm thích hợp lắm, vả lại truyền bá non một trăm năm mà họ chưa theo cả, nay nhất đán bắt ép họ theo e có điều không thỏa chăng! Vậy thì muốn chấn chỉnh một nền tôn giáo khác cho nước nhà để liên lạc với đạo Thiên Chúa mà kèm dắt quốc dân lên đường tiến hóa; thiết tưởng trừ đạo Phật ra, cũng không còn đạo nào nữa.

Đã nói qua về nguyên lý, lại xin nói rõ về từng việc: - xã hội ta ngày nay đạo đức suy đồi đã hầu đến cực điểm. Nào là tham, dâm, gian trá, nào là hung tàn, ác nghiệt, đều là những sự phát hiện hàng ngày. Những tệ ấy, chỉ có đạo từ bi quảng đại là có thể hóa được, chỉ có oai mũi gươm, vạc dầu là

có thể đe được. Vậy muốn cho quốc dân đổi lỗi làm lành thì cần phải CHPG. Người mình sợ dĩ không hay làm công to nghiệp lớn, phần nhiều là vì giàu lòng “tham sống sợ chết”. Đạo Phật đã có thuyết “nhân quả” để giảng cái lẽ sống chết, lại có những thuyết “rất mạnh” (đại hùng) “không sợ” (vô úy) “Không ngần ngại, không kinh sợ” (vô khuể ngại, vô khủng bố) để gây cái tính bạo dạn cho người ta. Vậy muốn quốc dân có can đảm, có nghị lực, không tham sống, không sợ chết, thì cần phải CHPG - Người mình hay có tính “tự tư, tự lợi” không hay liên lạc với nhau, không chịu giúp đỡ lẫn nhau. Đạo Phật dạy người phải từ bi bác ái, cứu khổ cứu nạn, phổ độ chúng sinh; tức là những phương thuốc chữa các bệnh đó. Vậy muốn cho quốc dân có đức bác ái, có lòng từ thiện, thì cần phải CHPG. Vả lại không những là thế muốn quốc dân biết đạo bình đẳng cũng cần phải CHPG. Muốn quốc dân biết tự cường tự lực, cũng cần phải CHPG. Muốn quốc dân khỏi mắc phải bệnh mê tín cũng cần phải CHPG. Muốn quốc dân khỏi mắc phải bệnh chán đời, cũng cần phải chấn hưng Phật giáo.

Xét như thế, đủ biết: CHPG là sự rất có ích Phật giáo ở nước ta cũng có thể chấn hưng được mà địa vị nước ta ngày nay cũng cần phải CHPG. Vậy xin hỏi các độc giả như thế Phật giáo đã có nên chấn hưng chưa?

Mộng Hoa

(ĐP số 388, ngày 20.7.1927)

Kiến An: Từ thiện chí thành

Bản tặng vừa tiếp được một cái mandat 50 p (đồng bạc Đông Dương) và một bức thư như sau:

“Nguyên Ân sư cụ tôn giám, nay ngu nữ gửi số tiền nhỏ mọn này sang kính dâng cụ để góp vào mà làm nhà “tuất bản” Vậy hệ cụ cứ đem cái mandat ra nhà giây thép (tức Bưu điện) mà lĩnh 50 p về.

Bạch cụ, kẻ tín nữ lòng này hằng muốn đến hầu chuyện cụ để được nghe lời chỉ giáo cao minh. Nhưng ngặt vì đường trường muôn dặm, chưa thể đến được. Vậy xin tạm gác tất lòng hâm mộ, để đến năm Bính Ngọ thì ngu nữ sẽ sang hầu cụ. Nếu năm ấy mà ngu nữ cũng không thể sang được thì ngu nữ sẽ có thơ sang kính bạch họ tên rõ ràng để cụ biết.

Nay ngu nữ tạm ẩn danh, xin cụ tâm khoan xa chấp cho ngu nữ. Ngu nữ xin thành tâm kính chúc cụ được thành thọ mà tế độ cho dân Nam Việt khỏi nỗi u mê thoát vòng lầm than hắc ám, đứng được trên con đường “Minh Cựờng” thì ngu nữ lấy làm hả lòng nhiệt thành.

Bạch cụ, khi cụ lĩnh đủ 50p rồi xin cụ trả lời lên trang báo “Khai Hoá” cho ngu nữ được rõ khỏi áy náy”.

ẩn danh tín nữ bái thư

Đinh Mão niên, lục nguyệt, nhị thập bát nhật.

Tây lịch 26.7.1927

Người tín nữ gửi cho tôi số tiền không đề chỗ ở, chỉ xem trong mandat và phong bì biết rằng ở Thái Nguyên gửi lại.

Thật tín nữ là một vị Phật bà giáng thế, làm phúc một cách không cần danh cũng không cho nhà chùa biết tên để kêu cầu trời Phật độ trì cho nữa. Tín nữ thấy sư cụ tổ Nguyên Ân chúng tôi khi chưa tịch duyệt có xướng lên dựng nhà phúc đường để cứu kẻ con cô mà tín nữ gửi tiền để làm việc. Vậy xin nhờ quý báo là một tờ báo tín nữ yêu đọc lại chỉ dẫn cho tôi rằng nhờ ở quý báo thì tín nữ biết tin, xin quý báo đăng

cho rằng sư cụ Nguyễn Ân tôi thị Phật đi rồi. Nay tôi Dương gia lên thay cụ xin kế chi làm việc CHPG cho thành công quả.

Hiện nay chùa Phương Lãng tôi đã nuôi được ba bốn trẻ bồ côi. Vụ dịch tả năm nay chùa chúng tôi phát thuốc cứu được gần hai nghìn người khỏi. Đến 12 tháng 7 này mà đi tôi sẽ làm lễ tán Hạ tạ cho nhà đã thoát nạn. Trong khi tán Hạ tôi có phát một quyển “*kinh Huyết Hồ*” dịch ra chữ Quốc ngữ để cho con hiếu biết yêu thương mẹ đẻ. Qua sang tháng tám mà “Long Quang” ở Hà Nội in xong kinh “Sự tích Phật tổ” tôi sẽ lại phổ tống cho thập phương, rồi dần dần xin in hết các kinh mà chúng tôi đã dịch. Việc làm nhà tuất bản tôi được nhờ vẽ kiểu nhà, khi kiểu nhà xong tôi sẽ tuyên bố để thập phương trợ niệm quyết xin làm cho nên việc nhỏ, phụ lòng tín nữ cùng thập phương mong mỏi.

A di đà Phật
Pháp tăng Tâm Nhạ
Trụ trì chùa *Vĩnh Bảo*, Kiến An
(*KHNB* số 1732, ngày 5.8.1927)

Chấn hưng Phật giáo

Vì việc CHPG mà một vị sư ở Sài Gòn là Thiện Chiếu ra chùa Bà Đá, sư cụ Tổ tôi khi còn sinh thời có viết thư mời sư ông xuống chùa Phương Lãng bàn chuyện, không biết vì lẽ gì mà sư ông không xuống chơi, về đến Sài Gòn người có gửi ra cho sư Tổ tôi một bức thư, xin đăng y nguyên văn sau này:

Saigon, le 16 Juin (16.6) 1927

Hoa Lãng tự, sư cụ nhā giám

Tôi tiếp được thư sư cụ ngày 24.5 mà không đến hầu sư cụ được là tôi đã định sáng lại tôi trở về Nam Kỳ. Sư cụ đã có lòng huệ cố đến, tôi xin có lời thành thật để kính phúc cùng sư cụ vậy.

Muốn CHPG cần phải lấy lòng thành thật làm đầu mà tôi thấy báo *Đông Pháp* Hà Nội sư ông Lai nói sư cụ đã dịch được bốn bộ kinh ra quốc ngữ cả rồi, tôi lấy làm ngạc nhiên lắm và sư ông Lai nói hiệp tác với sư cụ mà xét lại sư ông Lai hành giải không có gì thì còn mong kết quả sao được?

Xướng CHPG mà cả ba kỳ không được mấy người hưởng ứng, đó cũng đủ chứng cho tăng đồ trình độ thấp lắm; nếu không lo đường giáo dục cho tăng đồ trước mà để lo làm những sự nghiệp mà cứ đi quỵên tối, thì sau này tăng đồ cứ học chuyên môn về nghề “quỵên tối” hỡi ơi! nguy lắm!

Sư cụ muốn CHPG, vậy xin mời sư cụ vận thần túc quang giang xứ Nam Kỳ chúng tôi đặng cùng bàn một cái chương trình cho đặng thập phần chu chí để cho dễ thi hành và khỏi những nỗi khó khăn vậy.

Nay kính

Thiện Chiếu

Chùa *Linh Sơn*, Rue Donaumgoi à Saigon

Xem thư sư ông Thiện Chiếu gửi cho sư cụ Tổ tôi khi người còn tại thế như vậy. Nhẽ ra đến nay tôi sẽ đặng thư cụ tôi thì tôi gửi thư riêng cho sư ông để bạch lại sư ông những điều lỗ mãng của sư ông. Song, việc CHPG là việc công cả nước cho nên tôi đem thư ấy đặng lên đây để sư ông cùng thập phương biết cho rằng chúng tôi đã nhận được thư của sư ông rồi. Sư cụ Tổ tôi thị Phật rồi. Nay tôi kế đặng làm Giám tự

chùa Phương Lãng, ông Lai chùa Hang về làm Đương gia giúp việc cho tôi, công việc chúng tôi làm sẽ xin cứ y như lời đã đăng ở *KHNB* này và báo *ĐP* không nói dối ai câu nào cả.

Pháp tăng Tâm Nhạ

Trụ trì chùa *Phương Lãng*, Kiến An
(*KHNB* số 1733, ngày 6.8.1927)

LẠI BÀN VỀ VIỆC CHẤM HƯNG PHẬT GIÁO

KHNB là một tờ báo khởi xướng ra việc CHPG nay lại tái sinh tôi xin có lời tỏ dạ vui mừng và chúc cho quý báo trường sinh bất diệt.

Kể từ ngày pháp huynh Tâm Lai tôi trụ trì chùa Hang (Thái Nguyên) khởi xướng lên việc đem sức Phật giáo giúp vào các việc công ích cho xã hội đến nay. Thoi đưa thấm thoát, tháng Bụt ngày trời, ngôi đàn chỉ ra cũng đã quá nửa năm rồi! Trong thuyền gia ngoài thiện tín thi hành được những gì hãy tạm kể ra đây để chép lại cái lịch sử của một thời kỳ đầu về việc CHPG để hỏi cùng những nhà có lòng cứu vớt chúng sinh!

Sau khi có những bài nghị luận của sư ông Lai thì có một số thiện tín Hà thành gom tiền in thành một quyển *Chấm hưng Phật giáo* góp những bài dư luận của mọi nhà vào để tiện việc tuyên truyền. Ai trông thấy quyển sách ấy chẳng cho rằng rồi đây thuyền gia cùng thiện tín thực hành công việc hay đến thế nào!

Dè đâu lại chỉ thấy nói chẳng thấy ai làm. Thậm chí những người nói ở trong nhật báo cũng chẳng ai tìm đến ai mà cùng nhau liên lạc cả. Than ôi! Đó có phải là hiếu danh đấy

không? Danh mà không có thực thì danh kia phỏng có vinh gì mà danh.

Pháp huynh Lai tôi, tức là đồ đệ cụ Tổ Nguyên Ân tôi, ở một nơi chùa Hang núi của một dân sáu xuất đình ở đồn điền Đồng Bẩm. Chí muốn đem sức tăng đồ mà giúp vào công ích của quốc dân, đem cái ý hay tuyên bố ra công chúng. Lòng kia khổ biết bao! Sư cụ Tổ Nguyên Ân chúng tôi thấy như vậy cũng phải tán thành, bèn đề khởi lên việc lập một nhà phúc đường cho xã Phương Lãng ngay chùa Vĩnh Bảo. Dem chương trình ấy tuyên bố lên báo này cùng báo *ĐP*, thiết tưởng việc nuôi trẻ con nhà nghèo cho học nghệ là một việc bố thí mà tăng đồ cùng thiện tín đều phải tán thành. Ngờ đâu! Lời tuyên ngôn nói đi nói lại mà nào tăng giới nào tín đồ thật chẳng có lấy một người đồng chí.

Xuân qua hè tới, bệnh dịch tả nguy kịch hại người, sư cụ Tổ Nguyên Ân chúng tôi liền phát vô thương tâm đi hành khất lấy thuốc về bố thí cứu cho kẻ ốm đau. Hiện sổ phát thuốc còn biên đây, độ có đến hàng nghìn con nhà thiện tín.

Đương trong lúc thầy trò chúng tôi đang thi hành các công việc xảy ra ấy thì không biết thiện tín vì ghen ghét riêng nhau, ai với lại ai, nỡ đem lòng bỏ giấy vu cáo thuyên gia với quan trên để pháp huynh Lai tôi bị tình nghi mà sinh ra lòng e lệ.

Nay sư cụ Tổ Nguyên Ân tôi tịch một đi rồi. Công việc chùa Phương Lãng về tay tôi kế chí. Việc dựng *Bản nhi công nghệ học đường* tôi xin theo đuổi! Việc in kinh sách hiện đã làm rồi. Ngẫm bước đường đi lấm nổi chông gai, xin lại đem ra bàn nói mấy bài mà vẫn thế.

Than ôi! bể khổ mênh mang, bè từ nghiêng ngửa! Chúng sinh mê mết! Bồ tát thần thơ!

Ngán cho cả cái kiếp tu hành, nào cho công việc đời trắc trở. Ấy ai khách đồng tâm?

Pháp tăng Tâm Nhạ

Trụ trì chùa *Vĩnh Bảo*, Kiến An
(KHNB số 1733, ngày 6.8.1927)

Câu chuyện nhà sư

Hôm 10.8.1927, bản quán có được cái hân hạnh tiếp kiến Thanh Quán Thượng nhân là vị cao tăng trụ trì chùa Trường Tín ở Ngõ Hàng Chuối (général Ràael) N^o33 đi qua đường Hàm Long thì đến chùa.

Thượng nhân có đưa cho bản quán một bộ “*Kinh Hiền Ngụ*” đã dịch xong để đăng vào bản báo. Hiềm vì một nỗi rằng Bản báo chật hẹp quá, nên chúng tôi xin với Thượng nhân đem xuất bản như kinh Địa Tạng trước.

Nói đến chuyện CHPG thì Thượng nhân rất lấy làm khâm phục cái chương trình của Tỷ khiêu tự Lai người đã bày giải. Thượng nhân nói rằng: Nay mai Thượng nhân xuất bản xong mấy bộ kinh sẽ khởi sự cổ động vào báo cùng sư ông Tâm Nhạ ở Phương Lãng và sư ông Lai ở Thái Nguyên hợp tác lại cho nên công quả, rồi sẽ cùng vào Sài Gòn tìm ông Thiện Chiếu. Song còn phải in kinh in sách để cho thập phương tăng chúng tín đồ biết đến tấm lòng cao cả của Thượng nhân đã. Ý kiến ấy khả ái thay!

Vậy xin giới thiệu Thượng nhân để các nhà có lòng CHPG cùng biết mà tới chùa Trường Tín yết kiến Thượng nhân để cùng bàn phương pháp làm việc cho chóng thành công khởi phụ lòng của Bản báo mong mỏi.

(KHNB số 1739, ngày 13.8.1927)

CHẤN HUNG PHẬT GIÁO

Ngó mắt ra các nước văn minh ở thế giới thấy nước nào cũng mỗi ngày sửa đổi phong hóa cải lương chính trị, bất luận việc gì mà không thích hợp với thời vận với phong trào, thời nhất thiết đều bài trừ hết. Tự khi cơn gió Âu lớp sóng Á tràn vào khắp đất Việt Nam này, thắm thoát đã hồ non một thế kỷ, quốc dân cũng đã thấy cải lương muôn một, thiết tưởng như thế thì cũng đã muộn lắm rồi. Phật giáo hiện tại vào dân tộc Việt Nam cũng phải theo cái trình độ của quốc dân mà đến nỗi suy vi, nay nếu có CHPG được nữa, noi gương như các nước văn minh thì cũng muộn lại quá muộn.

Ôi! Thế giới ngày nay mạnh được hèn thua, tuồng thiên diễn đã bày ra trước mắt, nên khắp năm châu đâu đâu không tranh sức phú cường, đua tài sáng kiến, thế mà hằng hà sa số bọn tăng gia thiện tín không biết chịu sám hối, chịu quy y, chịu phát nguyện cho đạt được cứu kính. Kể tự xưa chí nay có vị thì mượn cửa Khổng để ly nạn thân oan cho qua ngày đoạn tháng; có khác chi những bọn sâu rau một gạo không biết nghĩa vụ mình là gì, chỉ chực ăn quít nợ xã hội thôi. Có vị thì miệng đọc những Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, giải thoát chi kiếp, mà trong tâm chỉ những tham, sân, si và phạm trai phá giới. Có khác chi những bọn hủ nho miệng thì đọc nham nhảm những chính tâm, tu thân, tề gia, trị quốc bình thiên hạ, đến lúc gặp bước được danh chiếm bằng rộng, tên đề tháp nhận, thì chỉ những nghĩ cách tham quan ô lại hút máu hút mủ của đồng bào, đục khoét của dân đen? Có vị thì bỏ thầy cấp khăn gói cà sa đi rong thập phương, đến đâu trụ sứ người ta cũng nghĩ rằng: thôi thì thượng cung giáng hạ bố thí cho xong, ấy như thế có khác chi gái giang hồ giai tứ chiếng không? Có vị thì nhân

ngã kiêu ngạo cũng như bọn Âu học khinh bỉ bọn hủ Nho. Có vị thì mưu y mưu thực, cũng như bọn trong thì lòng chim dạ cá, ngoài thì ra dáng ông to quan lớn. Có vị thì ân cần, tinh tiến, hãn lao nhần khổ, kiên trì giới hạnh, xảy có một điều thất trực với dân làng, thời bọn kỳ mục thú kia họ trực xuất. Có vị thì vô hạnh mà đặc chí với dân làng. Có vị thì cao tăng đại đức thì bọn tổng lý họ sinh sự chuyện này nhẽ khác thành ra ngọc đá cháy lây. Có vị có đạo đức thì lại phải bọn phàm phu đàn bà trẻ con phỉ báng đến nỗi quả tu không trót. Có vị thì thấy điều hay sự lạ thì kiểng chân nghểnh cổ mà ngong ngóng đua nhau theo cái chủ nghĩa ấy. Có người thì phóng hạ đồ đạo tự nhiên thành Phật. Còn như những bậc làm mày mặt cho Nhân Thiên, giường cột cho Phật pháp, làm phương châm cho hiện tại, gương sáng cho hậu lai kể cũng hàng hà sa số chứ không nói vát vô nhân quả như những bọn ở trên kia. Mà những bọn nam nhân muội quả kể cũng hàng hà sa số.

Ôi! Thói đời điều bạc kể cho đúng ra đến mấy mươi cột báo cũng không hết, giả tăng tạm lược ra đây xin chư tăng thập phương từ mẫn cho, thập phương quốc dân lượng thứ cho. Vậy thì trong tăng hội ngoài quốc dân nên chấn hưng một tôn giáo tối cổ của nước nhà cứu kính để cho những kẻ tu hành chính quả khỏi mang tiếng lây mà giữ được quyền lợi cho chư tăng thời tôn giáo nước nhà mới có phẩm giá, chư tăng mới có trật tự; không ai dám hé răng cạy lưỡi vào đâu mà nhất thiết quốc dân cũng nhờ tôn giáo được phú cường, được hưng thịnh.

Giả tăng viết bài này kể cũng đã khổ tâm lắm, song cực chẳng đã nên phải nói, nói ra chắc méch lòng nhiều bạn sơn môn. Đương thời đại này bất luận trong Phật pháp xưa nay có sám hối có phát nguyện đến quốc dân ngày nay cũng phải bài bác những sự xấu điều dở, mong đến điều hay lẽ phải để xả

ngụy quy chân. Lại thấy sư huynh Trường Tín xuất bản bộ kinh *Địa Tạng*, xong lại dịch kinh *Hiền Ngụ*, kinh *Thập bát la hán* và *Mục Liên hồi quả* xong rồi, lại còn đang dịch kinh *Dược Sư* và *Sự tích Thiện hữu thái tử*, *Ác hữu thái tử* ở kinh *Báo Ân* ra biệt truyện. Giả tăng hết lòng tùy hỷ nguyện sao cho nơi nơi chốn chốn đâu cũng hưởng ứng như thế thì Phật giáo lo gì chả có ngày đến cực điểm cứu kính ư? Giả tăng xin đốt hương phát nguyện cho đâu đâu cũng đều như vậy.

Tỷ khiêu Thanh Chuyên

Trụ trì chùa *Phù Quang*
xã Đông Dư (làng Hàng Gỏi), Bắc Ninh
(ĐP số 404, ngày 16.8.1927)

CHẤN HÙNG, PHẬT GIÁO

Các nhân loại ở trên hoàn cầu trừ Khương, Hồ, Di, Dịch (4 nước chư hầu kém văn minh) ra, còn nước nào còn tư tưởng có văn hóa, không nước nào không có tín ngưỡng một tôn giáo riêng. Như ở Á Đông ta đây đức Phật Thích Ca sinh ở Thiên Trúc chứ có phải ở phía trời Nam này đâu mà ta lễ bái, ông thánh Khổng Tử sinh ở Trung Hoa (nước Lỗ bên Tàu) chứ có phải ở mảnh đất Việt này đâu mà ta khâm sùng; bái, là bái cái đạo đức tinh thần; sùng là sùng cái cương thường cái luân lý chứ không phải bái cái khu tượng sơn son cho nhoáng, sùng cái bức tranh vẽ thuốc cho bóng đâu. Nhưng Khổng giáo không thể gọi là tôn giáo được, vì không có đại đa số tín đồ. Còn như Phật giáo gọi là tôn giáo, tự xưa chí nay biết bao nhiêu người xả thân cầu đạo, biết bao nhiêu là người vị pháp vong khu. Nay gặp cái phong trào Âu - Á này, khi xác đã gầy còm, tinh thần lại khô kiệt, vậy nên phải tìm thuốc mà điều trị cho tinh

thần tráng kiện, thể phách điều hòa, vì thế nên cái vấn đề CHPG đã lan khắp cả ba kỳ.

Bần Tăng đây cũng dự phần muôn một trong tôn giáo, không nhẽ sức sự diện tường đi được, nên phải bày giải tâm can mấy lời, không biết các cụ với thập phương chư tăng có nên chấn hưng hay không? Xưa nay Bồ tát gọi hồn chúng sinh, chứ chưa từng thấy chúng sinh phục hồn cho Bồ tát bao giờ, nay đã thấy đó. Thử thân bất độ, độ hà thân thể mới biết học Phật giả đa, thành Phật thiếu, như vậy thì thập phương chư tăng nên chấn hưng là phải. Sư là khuôn phép cho người đời, chớ để cho người đời cho người đời thất vọng. Bần tăng xin tác bạch với các cụ thập phương chư tăng tạm lược như sau này, chứ bài này không phải là bày khoán ước: kiểm duyệt mỗi một tập chuyện tập một từng làm để dung nạp tăng chúng, các chùa cả huyện thuộc vào một từng lâm ấy; bên sư ny cũng lập một từng lâm như vậy, nguyên xưa nay mỗi huyện thường hai ba bốn tổ, mà có huyện không có chốn tổ nào các chùa phải thuộc về môn phái chốn tổ huyện khác, cho nên Phật pháp tuy đồng, quy củ các dị, từng lâm huyện nào cũng cất đặt chức sự như Hòa thượng, Giám tự, hương đăng, phòng trà, chỉ sự chỉ khách, cấp thủy, sao soạn, phu đan, hành giả v.v.. Cũng như trong giới luật đã nói mà các chốn tổ đã thi hành cũ sẵn. Các chùa ở các làng nuôi tiểu học đã thông thì lên từng lâm ở huyện mà thụ giới học lớp thứ nhì. Lại đặt ra từng lâm hàng tỉnh trông coi các từng lâm huyện trong tỉnh, các sư học từng lâm huyện đã thông lên thụ giới từng lâm tỉnh học lớp thứ ba. Các tỉnh trong ba kỳ mỗi kỳ lập một từng lâm, để từng lâm kỳ nào nhận trị suốt các từng lâm các tỉnh trong kỳ ấy. Từng lâm này có thể thi lên chức Hòa thượng được kiểm duyệt.....

Đây là tạm thảo lược, sau này bản tăng xin thảo một điều lệ để phổ cáo thập phương.

Chư tăng, chư tăng nên chấn hưng một tôn giáo cho chính đáng kiểm duyệt
 Chư tăng đã vậy, còn quốc dân thì sao? Làng nào không có phụ huynh đi xuất gia đầu Phật, nhà nào không có mẫu tử tới chùa thiêu hương tán hoa ấy thế thì nhân vật của quốc dân, tài sản của quốc dân mượn tôn giáo làm người thống xuất, nhờ tôn giáo lấy kẻ chủ trương. Lập nhà dịch kinh để pháp bảo lưu thông, lập nhà giảng đàn cho quốc dân rộng đường kiến văn, lập xưởng kỹ nghệ thì những kẻ vô nghệ nghiệp có việc làm mà quốc dân cũng được phú cường, lại giúp được cuộc trị an cho chính phủ, lập nhà bảo cô cốt giữ cho nòi giống được tăng tiến lại thiệu long Phật chủng, lập nhà tuất bản để đùm bọc cho đồng bào biết thương yêu trọng đãi nhau, lập trường học để rèn đúc trí khôn cho quốc dân, lập cuộc y tế để giúp đỡ cho những kẻ đau người ốm, lại giúp cho quốc dân khỏi yếu hèn. Như thế mới là cứu kính. Như vậy quốc dân nên chấn hưng...

Quốc dân đã vậy còn yêu cầu chính phủ thì sao? Cái đó cũng không khó, nếu thành tựu được thì chính phủ cũng có nể cho phép. Những lời nói trên kia nếu vẽ cọp mà không thành thì những lời lẽ đó theo giòng nước thủy triều cuộn chảy tuột xuống Nam minh, nếu đâu đâu cũng dị khẩu đồng âm tán thành cái vấn đề nay thì những lời nói đó lên đến muôn dặm Bích hán.

Bản tăng đây xin hết sức vận động trong tăng chúng, hô hào ngoài quốc dân, nguyện thập phương hằng hà sa số nhất thiết chư Phật hóa thân ra thiên vạn ức mà chuyển pháp luân độ cho hết thập phương hằng hà sa số nhất thiết chúng sinh.

Vậy thập phương chư tăng vị nào có tâm Bồ đề với bản đạo ở thời gian xin phi tích vân lai tới chùa Tràng Tín để thi thiết phương kế. Ngoài quốc dân cùng thiện tín, ngài nào có tâm với tôn giáo ở xã hội này, thì xin tạm rời gót ngược tới chùa để bàn hoặc cho bài nhờ các quý báo đăng để cổ động hoặc cho thư...

Thanh Quán

Trụ trì chùa *Tràng Tín*
Ngõ Hàng Chuối, Hà Nội
(ĐP số 405, ngày 18.8.1927)

CHẤN HƯNG PHẬT GIÁO Ở THÁI BÌNH

Cái tiếng CHPG đã vang dậy một trời Nam, tự khi ngu tăng đây nghe được cái tiếng ấy muốn điếc đi cũng không sao điếc cho được. Cái trách nhiệm ấy là của ngu tăng, vậy phải xuất đầu lộ diện ra đây để thổ tận can tràng, để vận động trong thuyền gia, ai có kiến thức gì, có tài năng gì đem giúp vào việc công ích công lợi này cũng là hạnh phúc cho đồng bào ta lắm. Chứ chư tăng xưa nay chỉ quen việc tụng kinh lễ bái với cốt sao cho chùa chiền sạch cỏ đổ hương, còn ngoài ra không biết đến quốc dân là gì, không biết chính trị là gì, nay mà cổ động cũng còn hơi khó một đôi chút.

Cái khó ấy một phần phải nhờ các báo chương hô hào thì có lẽ mới văn hồi được, một phần phải nhờ vào các quan địa phương quen dân thì cổ động cho các sư ở các nơi có chốn tổ thôn quê lâu dần rồi mới hiểu được, một phần trong nhà chùa ai biết thì phải lân chuyển đi để tác bạch cho các nhà sư hay thì mới chóng thành tựu công quả được. Ngu tăng này xin

Sách ebook này dùng để phục vụ đối tượng sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh... và những độc giả chưa có điều kiện mua sách.

Vui lòng không sử dụng file vào mục đích thương mại.

Nếu có khả năng, mời quý độc giả đặt sách giấy để ủng hộ công tác của thư viện.

Chân thành cảm ơn!

THƯ VIỆN HUỆ QUANG

116 Hòa Bình, Hòa Thạnh, Tân Phú, TP. HCM

Website: thuvienhuequang.vn

sám hối cho sạch tội quá khứ, lại phát nguyện để sỡ phúc tương lai.

Kính xin đức Thế Tôn duỗi cánh tay kim sắc xoa đầu cho chúng sinh Bách Việt mau mau xả sa bà khổ não này được lên cõi cực lạc thế giới kia, thì phúc đức biết bao, quý hóa biết bao!

Thanh Quang

Trụ trì chùa Kỳ Bá, tỉnh Thái Bình
(KHNBS số 1748, ngày 25.8.1927)

CHẤN HƯNG PHẬT GIÁO

Phật giáo lưu bá vào dân tộc An Nam ta đã hơn hai nghìn năm. Tự khi quân chủ độc lập được đến đâu thì đạo Giáo lại càng bành trướng đến đấy. Đời Lý, đời Trần, tự thiên tử cho chí quốc dân nhất loạt đều lấy Phật giáo làm cội gốc.

Như vậy thì biết rằng: nước ở Á Đông mình, quân chủ xu hướng về phương diện nào thì quốc dân cũng phải xu hướng về phương diện ấy. Quân chủ theo chủ nghĩa nào thì quốc dân cũng phải theo cái chủ nghĩa ấy.

Nay tiếng trống tự do, hồi chuông bình đẳng đã vang dậy khắp hoàn cầu, mà cái thuyết “oán thân bình đẳng từ bi hỷ xả chi tâm” của nhà Phật tự xưa chí nay sao chưa thấy thấm sâu vào óc hết thấy quốc dân? Ấy cũng bởi vì xưa nay ta không có chữ quốc ngữ làm phổ thông mà các cụ chư tăng không chịu đi thuyết pháp cho quốc dân đều hiểu mà tăng ni ai học đến đâu thì được, cứ bảo là lúc học thì rộng như bể, đến lúc dụng thì dụng nhỏ như kim. Thành ra học cũng chán nản, thiện tín học những câu nhăng nhít quàng xiên chư tăng không chịu sửa đổi cho, không đính chính cho, thành ra nhắm mắt nói càn.

Một tôn giáo có giá trị như thế mà này đến nỗi sái thù như thế thì sao gọi là đạo sư cho người đời đáng kính đáng trọng được. Độ 20 năm nay tăng chúng lại trọng mộ về môn “ứng phó” (đi cúng bái) đọc canh đọc kệ “ý, ý” làm pháp chủ đi đàn “múa may quay cuông”. Những hạng người như thế bao giờ chấn hưng được, có chăng nữa là những người am hiểu thời vận, tùy thuận phong trào như sư ông Lai (Thái Nguyên) sư ông Thanh Quán chùa Tràng Tín (Hà Nội) mới nhiệt thành về vấn đề CHPG xuất hiện trên báo chương để vận động thuyền gia chúng ta đâu đâu cũng hưởng ứng như vậy. Bần đạo cũng xin tùy hỷ một phần mà phải phát nộ, những tội nói vừa rồi cho quốc dân biết, chứ không có phú tàng điều gì. Đã làm đạo sư cho đời thì có điều gì vi nghịch với giới luật phải sám hối với Phật điều, phát nộ cho đồng nhân biết, can chi mà phải phú tàng; có phát nộ sám hối thì tội từ trước tới nay mới tiêu diệt, có chuyển tú thuyên kinh thì nghiệp chướng báo chướng tự kim sinh chi lai sinh mới giải trừ, quốc dân cũng nên mau mau mà hồi đầu chấn hưng lấy một tôn giáo rất cao xa của nước nhà, ấy cái hồn nước ở đó, mà cái óc xấu cũng ở đó, thiên hạ thái bình cũng ở đó, gương đạo đức từ bi cũng ở đó, há cũng không nên ư?

Tỷ khiêu Thanh Vinh

Chùa *Tứ Kỳ*, Hà Đông

(*KHNB* số 1760, ngày 8.9.1927)

VIỆC CHẤN HƯNG PHẬT GIÁO Ở TRUNG KỲ

Trong một số báo trước bản báo đăng tin rằng ở chùa *Từ Vân* (Tourane) có lập một trường Phật học do HT Trang

Quảng Hưng chủ trương. Nay HT Trang Quảng Hưng có vô Sài Gòn, bạn đồng nghiệp báo *ĐP* chất vấn thì “nhà sư” trả lời như sau:

Từ ngày tôi xin phép quan Đốc lý và quan Tổng đốc Quảng Nam mở ra trường ấy, mục đích định thi hành ba việc sau:

1) Làm trường học tại chùa, rước thầy giáo đến dạy các đạo nhỏ, trước phải học hai buổi công phu, hôm khuya, và bốn cuốn luật của nhà chùa. Sự học này toàn bằng chữ Quốc ngữ cả.

2) Nuôi kẻ nghèo khổ ăn học cho biết hai thứ chữ Tàu và chữ Quốc ngữ.

3) Dịch kinh Phật ra Quốc ngữ. Trước đây phải tìm kiếm các thơ ca truyện giảng trong nhà Phật của các bậc tiền bối để lại, đem dịch ra quốc văn, cho bá tánh biết tích lớp mà tu hành. Sau sẽ thỉnh các vị cao tăng bác học để dịch *Đại Tạng chư kinh*, để truyền bá cho kẻ hữu tâm, rõ nghĩa “Từ bi vô thượng” của đức Phật Như Lai. Mục đích của trường tôi thiết lập ra như vậy, xin các ngài mở lòng bác ái xin phép chính phủ đảng CHPG, ngõ hầu được từ bi chiếu sáng, nên Phúc quả lâu dài, thấy cả chúng sinh, đều nên chính giác. Nhân dịp tôi đến Sài Gòn muốn in kinh vội vã ít lời, xin các ngài cao minh mộ đạo, phát đại bồ đề tâm, trợ từ bi nguyện, vậy thì việc phúc quả bằng hà, công đức ấy lâu dài quả phúc.

Trang Quảng Hưng
(*ĐP* số 455 ngày 17.12.1927)

LTS: ước mong rằng ngoài Bắc cũng được các vị sự thi hành cái mục đích của “nhà sư” Trang Quảng Hưng thì hay biết nhường nào.

Năm 1928

LẠI BÀN VỀ VẤN ĐỀ CHẤN HUNG PHẬT GIÁO

Trên các báo chương nhiều ngài bàn về việc CHPG, khắp Nam, Bắc âm âm như trào tuôn sấm dậy, tưởng chừng như đã chấn hưng đến nơi, *song xét lại cũng còn là thời kỳ dư luận mà thôi chứ chưa từng thấy ai bàn cho đúng cả*. Ông Nguyễn Mục Tiên ở Sài Gòn biết ưu thời mẫn thế mới phát minh ra cái vấn đề “nên CHPG ở nước nhà” thực là tại gia tâm địa Bồ tát, thân xử trần lao, tâm thường thanh tịnh mà khởi xướng làm tiên phong để sách tiến thập phương chư tăng và thiện tín trong nước đều ứng họa.

Vì vậy sư ông Lai (Thái Nguyên ngoài Bắc) ứng, song le bàn ngược nói xuôi chưa cốt yếu đến đạo lý nhà Phật, tự nhiên trong Nam trở ra Thiệן Chiếu phá đám, mới biết sư Lai giả danh. Nhưng thập phương nhân dân cũng nên biết rằng: trên trời thì có nhật nguyệt, có tinh thần, dưới đất cũng có núi sông, có gò suối, thời nhân gian cũng có người hiền, người bất tiến mà những bọn mê hoặc chúng sinh há với ta mà cùng ngày nói chuyện được ru?

Bần đạo không phải mộ Trang, Lão mà sớm xem Nam hòa lối bên đạo đức, bỏ phí mất thời gian tu hành chính đạo đâu, cũng vì cái nhẽ xử nhiên đó mà thôi. Sư ông Lai bàn mỗi chùa lập một thư viện cũng có nhẽ, nhưng làm như thế thời lấy tiền đâu mà làm được, chùa giàu đã vậy còn những nơi am cỏ

lều gianh ở dân nhỏ xã mọn thời trích vào món tiền nào tất kính được việc, ví dù có thành tựu được chẳng nữa, trừ tỉnh thành ra còn nơi thôn quê lại rất phiền cho thuyền gia lấm nữa, nào phục dịch quan viên be bét, nào cung đốn kỳ mục đồ đen, vị tất đã có ai chịu xem kinh xem sách. Đó là một sự trở ngại công việc nhà chùa, hai là sức nã đến chính niệm khách tu hành nếu có người tham thiền học đạo thời mười phần cũng được một hai mà thôi. Như vậy thời chưa thể chấn hưng được.

Niên thiếu Tử khiêu như sư ông Thanh Quán chùa Tràng Tín ở Hà thành, lại đứng lên tập tễng để Yết ma về việc “Chấn hưng” đàm luận đạo lý thật là chính đáng bởi vì người nho học uẩn súc, thiền học cũng thúy áo, lại lịch duyệt các sách tân trào đương thời cũng là tái lai Bồ tát; vì đó mới phát quảng đại Bồ đề tâm như vậy. Bản đạo thấy báo *DP* ra ngày thứ ba mồng 6 tháng 9 năm 1927, có bài người đăng tuy rằng cách trở quan san chưa khi nào thừa nhân đến chiêm bái Phật tổ để tùy hỷ trụ sứ văn minh người được, nhưng những khi nguyệt xế đầu giường, mây tối cây giờ xuân vẫn phảng phất thần giao với hành trạng một vị cao tăng ở nơi Kinh triệu.

Bản đạo cũng bàn góp với người rằng: cũng nên lập báo quán, xuất bản báo chương để trước nhất biểu dương Phật giáo, khiến cho nhân dân đều hiểu thấu một đạo giáo đức Thích Ca Như Lai giảng đàn, tính năm Mậu Thìn này đã 2955 năm ở Á Đông ta, tự đấy đến nay vẫn sùng bái, sau nữa là để hoan nghênh các vấn đề có quan hệ với quốc dân cho rộng đường kiến văn thì không phải là không có ích.

Nhiều người bị nghiệp vô minh phú tế mất chân khí nên bảo rằng Phật vẫn chấn, tổ vẫn hưng, hà tất phải bày trò.

Nhân phong trào này bản đạo xin thập phương chư tăng có bàn việc chấn hưng thời bàn cho rất chính đáng, rất quan

thiết, mới là môn phái pháp tử đức Phật Thích Ca. Lại phát nguyện cho trường tuyển Phật chùa Trường Tín một ngày kia sẽ giảng lâm đến thuyết pháp đạo tràng, để thập phương thính pháp mà tỉnh ngộ tinh thần, quang minh tâm địa khiến cho nhất thiết quốc dân tự thờ ngậy cho chí tuổi tác, ai cũng ảnh hưởng dưới bóng phướn từ bi hồi chuông công đức, thời Phật tổ phẩy gió từ, tuôn nước pháp, biến thế giới sa bà khổ não này thành thế giới cực lạc phương Tây như hoa như gấm kia.

Tâm Trọng, thụ Thanh Văn giới
Cựu trụ chùa *Phả Quang*, Văn Lâm, Hưng Yên
(ĐP số 479, ngày 28.2.1928)

CHẤN HƯNG PHẬT GIÁO

Trong một kỳ báo trước kia, bản tăng cũng đã thuyết qua về việc lập tụng lâm và việc dịch kinh điển, nay lại xin thuật thêm những nguyên ủy đại cương ra đây để hiến thập phương tăng ni và thập phương thiện tín nhân dân đều rõ.

Bàn về việc lập Tinh xá để thờ Phật

a. Lập Tinh xá để cúng Phật và làm nơi thuyết pháp khởi thủy tự ông Cấp Cô Độc nước Thiên Trúc mua vườn của ông Kỳ Đà thái tử. Kỳ Đà thái tử nói: Nếu mà đem vàng rải khắp đầy vườn này thì mới bán vườn cho. Cấp Cô Độc vốn là người hay cấp đỡ những người mồ côi và nuôi những kẻ nghèo khó cho nên nhân dân đều gọi rằng ông Cấp Cô Độc, Cấp Cô Độc y như lời Kỳ Đà thái tử xe vàng về rải đầy khắp vườn để lập Tinh xá cúng Phật. Kỳ Đà thái tử thấy vậy, liền nghĩ rằng: người ta còn có hảo tâm như vậy huống chi mình lại không có nhân duyên gì với Phật ư? Nghĩ đoạn nhân còn một hàng cây

chưa rải vàng đến tận gốc, mới nói với Cấp Cô Độc rằng ông cúng vườn còn để tôi cúng cây, không phải xe vàng vào nữa. Vì vậy Cấp Cô Độc lập Tinh xá cúng Phật cho nên Phật thuyết pháp trong đầu kinh nào cũng thường có chữ “Kỳ thụ Cấp Cô Độc viên” hoặc có người nói rằng “kỳ viên” là nơi Phật thuyết pháp bởi tự sự đó.

b. Đến thời kỳ Phật giáo truyền sang Tàu, đại thịnh hành tự Hán Minh Đế mới khởi lập chùa Bạch Mã và dịch kinh Tứ thập nhị chương, cho đến đời đời về sau cũng lập từng lâm để an cư tăng chúng. Trong Từng lâm lại lập ra Tinh xá thờ Phật. Hiện tại Phật giáo khi ấy bên Tàu sùng phụng cẩn mật lắm. Lại có một điều rằng: Bên Tàu lập Từng lâm, lập Tinh xá không cứ huyện nào tỉnh nào, hoặc một vùng, một huyện, một tỉnh thời hai ba từng lâm, Tinh xá hoặc chư sư tinh thông phong thủy thấy những nơi long địa lại lập Tinh xá thờ Phật.

Nói như thế này thì các ngài tại gia mới dễ hiểu: Cũng như bên Tàu lập hội quán, hoặc một huyện một tỉnh lập một hội quán mà nhân dân trong hạt tỉnh huyện ấy có cúng tế hay kiện cáo thời phải đến hội quán làm nơi tỉnh lý, huyện lý, lại làm nơi cầu thần bái thánh, chứ không như bên An Nam mà làng nào thôn nào cũng có đình có chùa, mà tỉnh lý huyện lý phân biệt ra một nơi khác. Bên Tàu ngày nay lại còn cái nguy cơ đại thảm ác cũng nên phải nói, vì rằng: Bên Tàu ngày nay noi gương các nước bên Âu, đã cách mệnh cường quyền quân chủ, cho nên nhà Mãn Thanh thất thủ mà Dân quốc thành lập. Tự khi Dân quốc thành lập thì chiến tranh luôn luôn, hao binh tổn tướng, tan tác non sông, thì những bọn dư đảng tàn quân thừa cơ hội ấy mà vào chốn đông lấy của giết người, phá tan từng lâm, phá hoại Phật pháp, hoặc vì trốn tránh vào đó khiến cho cháy thành vạ lây đến cá dưới ao, nếu dụng võ lực như

Mã Tổ tỉnh Giang Tây cũng không thể nào một người mà đối địch với hàng nghìn vạn mũi tên hòn đạn cối xay trái phá ác nghiệp được!

Đem gương hiện đại mà phán đoán quá khứ, mà liệu lượng vị lai, nghĩ làm sao cho Phật giáo cùng với núi Thái sông Hoàng ở Á Đông ngày càng tràng cửu, Phật đạo cùng với non Tản sông Lô ở Việt Nam ngày càng vĩnh viễn, thời có nhẽ nào mà không bàn tư cách chấn hưng hay sao?

c. Kể đến bên nước ta cũng truyền tự bên Tàu sang, tự khi quận Giao Chỉ này có quân chủ độc lập, thời quốc vương cho chí nhân dân ai cũng khâm sùng Phật hóa, lại sắc lệnh cho nhất thiết nhân dân đâu cũng tô tượng đúc chuông làm chùa thờ Phật, khiến cho thiện nam tín nữ, làng nào, thôn nào cũng bầu được nơi lễ bái cầu Phật tụng kinh, việc công đức ấy ai chả nên làm.

Về trung gian, hoặc thôn nào có độ vài mươi người đi khai khẩn điền thổ, lại lập thành một ấp một làng, sau rồi đông đúc lại lập đình thờ, rồi bảo nhau có đình thì tất phải có chùa thờ dân gian mới thịnh vượng, vậy mới lan khắp cả mọi nơi; đến nay làng nào cũng có đình có chùa; cũng có đôi ba người biết mộ Phật, xuất tài lực một mình dựng một ngôi chùa, về sau con cháu lửa hương dõi truyền được mãi.

Nay lấy tuệ nhãn mà chiếu giám, thời chốn đình chung điểm chạ ngày nay đã làm nơi chiếu dưới ngời trên, tranh xôi cướp thịt cho những bọn quan viên nhiều mua xã bán, bè nọ cánh kia, mà nơi chùa chiền lại là mả tổ bỏ hoang của dân thôn, có chãng mỗi năm được vài lần đến chiêm bái. Nay hãy kể một tòa chùa mới hoàn thành nguy nga rực rỡ, ai coi đến cũng khen rằng cứu kính, rằng trang nghiêm; lại đua nhau bài thơ đề, bài kệ tán những câu “thông phủ tán trúc bông mảnh,

nước non Thiên Trúc cung đình Bông Lai, và non nhân, nước trí, cảnh Phật, non tiên v.v... về sau lâu đời bất hạnh gặp cơn vật đổi sao rời, mưa sa gió táp thời một cảnh sơn thủy lâu đài Di Đà đó, biến ra tổ cướp hang hầm, vườn hoang bụi rậm, người mến cảnh không ai dám bén gót bước chân, ví dù gần gũi mà có khách đặng lâm người ngoạn cảnh, coi thấy cái cảnh tượng phẫn lữ sơn long, khói mờ rêu phủ, kim ô chiếu Phật, ngọc thỏ xem kinh thì ai chả thương tâm thảm mục. Vậy các chùa nơi dân thôn thủ cựu hay tông tân bản tăng không dám tự quyết nhưng nay bản tăng xin hiến tư cách trực tiếp, chiêm chước cả quá khứ, hiện tại, vị lai, Thái Tây, Á Đông, Việt Nam như sau này cho thập phương công luận.

Mỗi huyện lập một Tùng lâm để an quy tăng chúng, trong Tùng lâm ấy dựng Tinh xá thờ Phật, tỉnh cũng lập Tùng lâm, đến toàn kỳ và cả xứ Đông Pháp, lại lập Việt Nam Tùng lâm làm nơi để thờ Phật là chốn tổ cho cứu kính để thập phương lễ bái. Còn như những nơi am mây hẻo lánh nội cỏ quanh không, bản tăng không phải khuyên các ngài đừng làm lều đất cho tốn đâu, nhưng nên biết rằng: Mai hậu không có ai truyền đăng, tục diệm rồi công đức ai cũng đến hoại. Các chùa bên ta chỉ đem những sự tích trong kinh Phật ra mà tô tượng cho thập phương chiêm bái dễ hiểu, cũng như thiện hữu thái tử, ác hữu thái tử trong kinh Báo Ân đem tạc tượng thờ, ta vẫn gọi là ông Thiện, ông Ác đó. Về đời sau thấy chùa nhiều tượng đổ nát không tiền đâu tu bổ lại được, rồi đến nỗi phải bỏ suy đồi. Vậy mới bàn lập Tinh xá ở các Tùng lâm, dù huyện, tỉnh, kỳ, Tùng lâm nào cũng vậy, chỉ tô một pho tượng đức Phật Thích Ca thân trường tượng lục cho cứu kính mà thôi, không nên nhiều như người Tàu làm chùa thờ đức Địa Tạng Bồ tát, thì gọi là “Địa Tạng”, thờ đức Quan Thế Âm Bồ

tát thì gọi là chùa “Quán Âm”. Nay bên ta chấn hưng thì chính tên Tùng lâm đã mượn tên huyện, tỉnh, kỳ mà đặt, không phải đặt tên chùa nữa; nhưng nhất loạt Tùng lâm nào cũng phải thờ một đức Phật Thích Ca là người giáo chủ đời hiện tại, đem truyền giáo cho chúng sinh ta mà bây giờ ta vẫn tôn là Ngã Phật là bản sư đó.

Đây nói Tinh xá thờ Phật chung cả đoàn thể quốc dân hết thấy đều hưởng thụ bái đảo đức Như Lai ở nơi cứu phẩm liên đài nguy nga tráng lệ, nếu mà có thành tựu được thì thập phương nhất thiết cũng nên tùy hỷ công đức.

Thanh Quán Thượng nhân
Trụ trì chùa *Trường Tín*, Hà Nội
(ĐP số 491, ngày 27.3.1928)

BÀN VỀ VIỆC TÔ VẼ PHẬT TƯỢNG ĐỂ THỜ

a. Tạo tượng Phật

Khởi thủy tự vua nước Ưu Điền (thuộc Thiên Trúc) vì đức Như Lai đi thuyết pháp ở Thiên cung, mà lòng vua nước Ưu Điền mến mộ đức Như Lai quá chừng, vậy mới đem gỗ Chiên đàn tạc tượng đức Như Lai cúng dàng, tưởng tượng như người còn trước mặt. Về sau đức Như Lai diệt độ vào cõi Vô dư Niết Bàn thời môn phái khắp trong Ấn Độ cũng bắt chước tô tượng để thờ, lại đua nhau đem xá lợi để xây tháp làm kỷ niệm, lại đến đời sau vua A Dục cũng thuộc Trung Ấn Độ lại dựng tám vạn bốn nghìn bảo tháp khắp năm phương Ấn Độ, đó là nói lược về nước Thiên Trúc tô tượng xây tháp.

b. Đến khi Phật giáo truyền sang Trung Hoa, thì lại tìm những kinh điển có sự tích đem ra tô tượng, như ông Thiện,

ông Ác cũng là tiền thân đức Phật Thích Ca, lại như tượng Cửu Long là tự khi người sơ sinh có chín con rồng xuống phun nước để mục dục (tắm); trên đầu chín con rồng ấy cũng là tiền thân đức Phật Thích Ca cả, hoặc có nơi lại đem tạc tượng thờ một ban riêng, như tượng đức Thích Ca tu ở Tuyết Sơn khổ hạnh sáu năm mới thành đạo quả, thân thể gầy còm mà ta không biết vẫn thường nói rằng: “*Ông nhin ăn mà mặc*”, lại như đức Di Lạc là giáo chủ đời vị lai, cứ như trong Kinh nói ai có duyên mai sau gặp được người thời người đời ấy sung sướng vô lượng. Vậy cũng tượng đức Di Lạc mà bây giờ người ta vẫn thường gọi là ông “*nhin mặc mà ăn*”. Lại còn như sự tích thuộc Trung Hoa như Quan Âm Thị Kính thờ có tượng Thị Mâu, như Quán Âm Hương Sơn thờ có thiện tài long nữ, như Phật Thích Ca khi diệt độ nằm xuống giường Niết Bàn, nay thường gọi “*ông tai nghe trên trời, tai nghe dưới đất*”, nói rút lại cũng là sự tích tìm trong Kinh điển mà tô vẽ để thập phương xem cho vui mắt, người đời nói mỗi ngày một sai, thành thử ta dĩ ngoa truyền ngoa.

Thuyết nhà Phật có phép thuật báo thân hóa thân, cũng tô tượng gọi là “tam thân” hoặc lấy một đức giáo chủ đời quá khứ, đời hiện tại, đời vị lai mà tô tượng gọi là tượng “tam thế” cứ trong Kinh Phật: *báo thân* cũng như người đời phải chịu làm thân người thế gian này tu thành đạo. *Pháp thân* là đã thành đạo rồi, tức là bất sinh bất diệt đó. *Hóa thân* là thần thông biến hóa một thân hóa ra nghìn vạn thân, song xét lại ở đời tu cho viên mãn báo thân rồi được thanh tịnh pháp thân, sau cũng thiên bách ức hóa thân, cũng như đức Phật Thích Ca vậy, nhưng xét lại hóa thân nhiều cho sự hoang đường, cũng không mô tả được những hành trang chư Phật, huống chi vàng thế gian cũng như ngói gạch.

c. Kể đến Việt Nam cũng theo phong trào Trung Hoa tô tượng, nào quỳ, ngồi, nằm, đứng, đá, gỗ, đồng, keo, nhựa; vàng, đất, hoặc vẽ tranh cũng tùy lý tài mà tô vẽ cho tiện làm nơi lễ bái. Nay xét lại đã gọi là tượng thờ là để tưởng tượng cũng như Phật tại thế, để thờ mà biết tôn kính khuyên nhau tu luyện cũng được như Phật, để mai sau chứng quả vô sinh. Vậy các chùa nước ta các ngài cũng biết rằng: khi mới hoàn thành một tòa tượng, thí dụ như tượng Cửu Long thờ đua nhau cúng dàng, đua nhau lễ bái rất lấy làm hoan hỷ, độ vài ba mươi năm sau buổi đời thay đổi, hương lạnh khói tàn, vàng phai thắm nhạt, nhện chằng bệ ngọc, bụi bám tòa sen, ai coi thấy cũng ngậm ngùi áy náy, ngạt vì không có tiền sửa sang trang sức lại được, thế thì càng nhiều lại càng không được vĩnh viễn đời đời. Bây giờ muốn chấn hưng thờ lập Tùng lâm, tịnh xá, tô một tòa tượng Phật Thích Ca (hoặc Cửu Long) cho cứu kính thờ kế truyền được mãi mãi, còn như các chùa cổ thờ đủ rồi chứ đừng đem hủy hoại, nhưng cũng phải biết rằng có cổ thờ mới có kim, các nơi danh lam thắng cảnh đã nhiều sự tích Phật tượng, vậy ta bàn đây là riêng một cách cho kiếp kiếp đời đời nghìn muôn năm về sau có thể truyền kế mãi mãi không bao giờ đến nỗi suy tàn. (còn nữa)

Thanh Quán Thượng nhân
Chùa Tràng Tín, Hà Nội
(ĐP số 492, ngày 29.3.1928)

CHẤN HUNG PHẬT GIÁO

(tiếp theo)

d. Hoặc có kẻ hỏi: Như vậy những nhà hiếu sự, hiếu cổ và các nhà phú quý vẫn mua tượng tạc tượng để bày chơi, thì ông tượng ấy có thiêng hay không? Xin trả lời: phàm việc gì thập phương chú ý đến cả tinh thần vào đấy thì cũng có khác, mà khi tạc tượng vẽ tượng xong thì trước nhất thỉnh sự lập đàn trường cùng yếm tâm yếm nhãn, hô thần nhập định, khai quang yên vị, để thập phương sâm la lễ bái coi đó làm tôn nghiêm oai vệ.

Hoặc lại hỏi: cũng một khu tượng vàng, đồng, đất, đá, sơn thuốc mà tượng để bày chơi lại là những nơi lịch sự, tượng để thờ thời lại là những chốn chùa nghèo cảnh khó, vách đất kèo tre, thế thì tượng để thờ thiêng, hay là tượng để bày chơi thiêng? Thưa rằng: Những nhà mua tượng tạc tượng, vẽ tượng để bày chơi toàn là những nhà giàu có sang trọng để riêng cho bọn thân bằng cố cựu đến chơi mà phóng nhãn quang biết rằng nhà ấy là nhà trang hoàng lịch sự, chứ sao bằng được những nơi chùa nghèo cảnh khó là nơi thập phương để cả tinh thần vào đó đều công nhận rằng: anh linh hách dịch dăng dăng nguy nguy.

Hoặc lại hỏi: Giả sử có nơi chùa đồ Bụt nát, hay tượng đã cổ, mà có người đem bán cho những nhà giàu có sang trọng thì người bán có phải tội không? Người mua có phải tội không? là khi tượng ấy đã yếm tâm yếm nhãn hô thần nhập định rồi, thì có thiêng hay không? Xin trả lời một câu nữa: Kinh *Hoa Nghiêm* nói: “nhất thiết duy tân tạo” vậy coi đó là ông Phật thì là ông Phật, coi đó là ông đất, thì là ông đất, dù phải tội hay không phải tội chưa ai đã chắc, song lưới trời

khôn lợt, đã manh tâm ác thời địa ngục ở ngay trước mắt, đã khởi nhất niệm thiện thời thiên đường ở giữa đỉnh đầu. Nói rút lại Phật tổ ngày xưa cũng là người thế gian khéo biết tu luyện lâu đời, nên mới chứng thành pháp thân bất sinh bất diệt. Vậy ta ngày nay tô vẽ tượng để kỷ niệm tưởng tượng mà khuyên nhủ nhau tu trì rồi cùng noi tới cũng được như người. Thế thì biết, *tâm tức Phật, Phật tức tâm, có hình mới có bóng, có không mới có sắc, sắc tức là không, không tức là sắc, sắc không khác gì không, mà không cũng chẳng khác chi sắc*; vậy không có thời lấy gì mà tưởng tượng, như những bọn diễn kịch kịch rộn rịp trên sân khấu, nếu ngày xưa không có Gia Cát Khổng Minh, Tôn Quyền, Tào Tháo, thời sao lại vẽ voi bôi nhọ mà tả rõ kẻ trung người nịnh cho khán quan coi? Tự ngày xưa mà bây giờ đem diễn kịch, đó không tức là sắc vậy; trên ca đài hí viện chưa đầy mấy tiếng đồng hồ đã tả rõ hết biết bao cảnh huống hỷ, nộ, ai, lạc suốt mấy tấn tuồng đời, phút chốc đã lau voi xoa phấn, hạ màn buông phông, coi đến lại không còn chi cả, đó sắc tức là không vậy. Sắc là không, không là sắc, nội thế gian sắc sắc không không, nói khôn cùng thuyết không không. Kinh điển ví như đầu ngón tay, đạo ví như mặt trăng có phải chỗ ngón tay mới trông thấy được mặt trăng, nếu không chỗ ngón tay thời bao giờ trông thấy mặt trăng được; vậy đã theo đầu ngón tay ấy mà trông thấy mặt trăng, lúc đã trông thấy được mặt trăng rồi thời bỏ quên hẳn cái đầu ngón tay ấy đi, ấy thế mượn kinh điển làm đầu ngón tay để chỗ mới biết đến được đạo Phật; như mặt trăng bao giờ tỏ rõ đạo Phật thời quên cả kinh điển vậy. Tượng Phật cũng thế, có mượn vọng tưởng để tưởng tượng pháp thân, khi đã chứng thành pháp thân rồi thì còn cần nói chi tượng đất, vàng đá sơn nữa.

Vậy nhân câu hỏi đó ta lại nghĩ ngay ra rằng các nơi khi thịnh vượng thì hương đàn đèn hạnh, lâu đời chửa may gặp khi khói lạnh hương tàn, chùa đổ nát cũng nhiều, chỉ vì những người ở bản cảnh địa phương ấy không lấy tiền đâu mà tu bổ lại được, thắng hoặc có người thập phương nào có hăng tâm hăng sản, song lại ngặt vì không có nhân duyên gì mà đến đây hưng công tác phúc trùng tu, cho nên ta phải bàn mỗi huyện, tỉnh lập một tùng lâm làm trung tâm điểm cho các sư trong hạt huyện tỉnh đến có nơi học tập sở chủ, mà bao nhiêu các chùa trong hạt huyện tỉnh ấy phải thuộc vào tùng lâm huyện tỉnh để khi nào đổ nát thì đã có tùng lâm huyện tỉnh phái người về quản lý việc trùng tu. Song tùng lâm các huyện tỉnh cũng đều tô tượng đức Ngã Phật (hoặc là tượng Cửu Long) mà thôi, đừng để như lời tục ngữ có câu rằng: “Còn duyên như tượng tô vàng...” lại câu: “còn duyên như tượng mới tô, Hết duyên vắng ngắt như chùa Bà Đanh” thời phong cảnh già lam nước ta có pháp tử pháp tôn, niên đăng tục diệm mãi mãi muôn thu. (còn nữa)

Thanh Quán Thượng nhân

Chùa Tràng Tín, Hà Nội

(DP số 495, ngày 5.4.1928)

KHẢO CỨU VÀ BÌNH PHẨM VỀ VIỆC PHIÊN DỊCH TAM TẠNG

(tiếp theo)

Kỳ báo trước bàn về Phật bảo, nay lại thuật về Pháp bảo. Khảo cứu và bình phẩm về việc phiên dịch Tam tạng (Kinh tạng, Luật tạng, Luận tạng).

A) Kinh tạng - Đại thừa - Trung thừa - Tiểu thừa

Nay nói gồm cả Đại thừa, Trung thừa, Tiểu thừa cho vắn tắt lời văn.

Tự khi Phật giáo truyền sang Tàu thời chư tăng Ấn Độ và các sư Đông Độ hiệp lực với các quan đại thần hàng hai ba nghìn người nghiên cứu khảo hạch hai ba lượt mới thành sách đem ấn hành ở thế gian, song khi dịch cũng lấy làm nguy nan lắm, chưa chắc đã gẽ gọt cho đúng hết tinh thần trong bản thể những lời Phật thuyết tiếng Phạn, huống hồ chữ quốc ngữ ta quê kịch, mà các nhà cựu học vẫn coi làm thường để lang tạ không có lân thứ, vậy nên phải tổ chức một cách đặc biệt như kinh chữ Nho cho chùa xưa nay vẫn để có tạng cẩn thận.

Dịch kinh Phật không những làm tài liệu cho văn hào, môi giới cho độc giả mà thôi; trước nhất phải cho đúng nghĩa lý trong kinh, mà phải theo như lời Phật “trường hành trực thuyết” nghĩa là thẳng băng không vướng dong tý gì, dù dài giòng đến đâu thì dài, nhiều lời đến đâu thì nhiều, cho hết được tinh thần nghĩa lý thì mới thôi, song kinh nào cũng phải đóng sách đem ấn hành tống tán phát cho thiện tín và các chùa nơi dân xã, không nên đăng vào báo chương, e những kẻ lợi dụng bất cẩn.

Dịch kinh Phật lại rất khó, vì rằng một nửa tiếng Phạn (Thiên Trúc) một nửa tiếng Tàu, hoặc có chữ người Tàu để nguyên tiếng Phạn không dịch, hoặc dịch mượn tiếng thổ âm Tàu; vậy ta cũng phải theo tiếng Phạn, gặp chữ nào người Tàu dịch Phạn thành Hoa thì ta cũng theo tiếng Hoa. Nguyên lai nước Việt Nam ta đã hô hấp văn hóa Hán học hơn hai nghìn năm, đã in sâu vào óc não hết thấy mọi người, không thể nào dụng toàn thổ âm được, có dùng chữ Hoa thời câu văn mới cứng cáp, lời lẽ mới thanh tao, mà dịch kinh Phật lại vừa tiếng

Phạn, tiếng Hoa, tiếng Nôm thì nền quốc văn sau này tham bán chẳng giàu thịnh lắm ru? Như tiếng Phật đà gia, thời người Tàu dịch tắt ra chữ Hoa là Phật. Tiếng Đạt ma gia thì Tàu vẫn theo tiếng Phạn dịch ra Hoa tắt là Pháp. Tiếng Tăng già gia, thời dịch là Tăng. Bây giờ ta đem dịch ra tiếng Nôm thì không được hay cho lắm, nếu có dịch thì chữ Phật nói là Bụt, chữ Pháp, dịch nghĩa là Phép, nói vào chỗ này thì không đúng, chữ Tăng, dịch nghĩa là Sư, thì được, như chữ chư tăng dịch là các sư, thì có nhẽ đúng.

Lại còn có tiếng này không dịch ra Nôm được, song cũng nhiều người thuận miệng rồi, như tiếng Tu đa la, Tàu dịch là kinh, tiếng tì ni gia, Tàu dịch là luật, tiếng A tỳ đàm, Tàu dịch là luận, song tiếng kinh, luật, luận, thì nhà chùa đã nói luôn, thập phương vị tất đã biết.

Còn những tiếng này người Tàu dịch cũng nhiều nghĩa, như tiếng Tỷ khiêu, Tỷ khiêu ny, Sa di ny, Thức soa ma la, Ưu bà tắc, Ưu bà di, đó là thất chúng trong Phật giáo, tiếng Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A la hàm, Á la hán, đó là tứ quả trong Phật đạo, những tiếng ấy người Tàu mỗi câu dịch đến bốn năm nghĩa, song tiếng Tàu ấy ít khi dùng mà tiếng Phạn trong kinh thường có luôn, tiếng Tỷ khiêu, có chỗ Tàu dịch là *Khất sĩ*, có chỗ dịch là *Thượng nhân*... còn hai ba tiếng nữa nhưng trong kinh ít dùng, chỉ tiếng Phạn Tỷ khiêu, thì dùng nhiều.

Tàu lại dịch nhiều tiếng tắt quá, như tiếng “bồ đề tát đỏa”, Tàu dịch tắt là Bồ tát, lại như tiếng a lốc đa na, tam điều tam bồ đề, Tàu dịch tắt là Bồ đề, tiếng ấy trong kinh thường có luôn mà chữ Tàu dịch “a” là “vô:”, “lốc đa la”, chữ Tàu dịch là thượng mà tiếng tam điều tam Bồ đề, chữ Tàu dịch là chính đẳng Bồ đề, nói rút cả Tàu dịch bằng ấy chữ vô thượng chính đẳng bồ đề, nghĩa là đạo Bồ đề trên hết thấy, không còn có gì hơn được nữa. Nay

xét cho kỹ thì tiếng Phạn “Bồ đề” vẫn còn nguyên không dịch đổi ra chữ khác, mà tiếng Phạn Bồ đề, nước ta nói cũng đã quen như: phát Bồ đề tâm, mãn Bồ đề nguyện v.v...

Tiếng Phạn lại còn tiếng gọi hai ba câu cũng được, như tiếng A Tu La, mà gọi là A Tố Lạc, cũng được, gọi là A Tu Luân cũng được, chữ Tàu dịch là Phi Thiên, nghĩa chữ Tàu là cung điện vườn trại đều tự nhiên hết thấy tựa như trời mà lại không phải trời. Song xét lại rằng tiếng ấy cũng như An Nam ta trong Nam ngoài Bắc mỗi nơi một khác, nước Thiên Trúc năm phương to bao nhiêu thời cũng chắc rằng có nơi nói nặng, có nơi nói nhẹ lại có tiếng Phạn mà người Tàu để nguyên không dịch, song cũng có đọc nghĩa, như chữ Tát bạc trong kinh *Hiền Ngụ* đọc nghĩa là “chúa Tàu” muốn nói cho rộng nghe dễ hiểu thời nói là “ông chủ tàu buôn ngoài bể”, thời đúng, song cũng có nghĩa nước nói lại dài lời. Cũng có tiếng Phạn những việc tầm thường mà người Tàu dịch hai ba nghĩa, như tiếng “chiên đà la” chữ Tàu dịch là “nghiêm sí” song Tàu lại nói thêm là “đồ sát” sao không nói là “đồ tế” cho dễ nghe, ta nói nôm là “hàng thịt” nói “chiên đà la” tiếng Tây Trúc ít người hiểu. Còn có chữ không biết sai tự đâu, mà chữ ấy lại là chữ Nho chứ không phải tiếng Phạn, như chữ “thượng cúng dàng, hạ bố thí” mà ta có người đọc là “cúng dưỡng”, vậy hay là chư sư ngày xưa học truyền khẩu mới đến nổi sai. Lại có người đọc “cúng dàng” phụ mẫu thì đọc “cúng dưỡng” như cúng dàng tam bảo, cúng dưỡng phụ mẫu thì có nhẽ phải. Chữ “sam thuyên” mà nhà Nho đọc là “tham thiên” cũng là chữ Nho mà nhà chùa đọc khác, nhà Nho đọc khác, vậy thuật ra đây để chư tăng đều tra. Chữ “Thích Ca” mà có người đọc là “Thích già” không biết tra tự vị Tây hay tự điển Tàu? Song đọc là “Thích Ca” thì mới phải, nếu ai mà cố chấp thời xin trả

lời rằng: Chữ Thiên Trúc sang Tàu phiên dịch đã biến thành thổ âm Tàu rồi, ngay như bên Tàu chữ tiếng mỗi nơi nói một khác thiện nam, tín nữ và nhất thiết quốc dân ta ai cũng đọc là “Thích Ca” bây giờ đọc là “Thích Già” thời ải cho làm phải. Chữ “Nam mô” tiếng Tàu dịch là “lăng mô”. Tàu dịch nghĩa là chữ “nam mô” là “kính lễ” ai nói là “nam vô” thì vô lý.

Tiếng Phạn dịch ra tiếng Hoa còn có hai chữ đọc hợp là một “úm ma ny bát nạp minh hồng” chỉ đọc có sáu chữ “úm ma ny bát minh hồng” chữ “nạp minh” thời phải tùy khẩu vẫn đọc hợp làm một tiếng, song chữ Phạn ấy duy có in dấu hải hội hay dấu chấn chạch thời mới dùng, còn chữ Tàu dịch các kinh nhật tụng vẫn thường có, mà sáu chữ ấy là thần chú nên không có nghĩa. Có chữ người Tàu để nguyên không dịch như chữ (nhà in không có chữ nhà Phật), trong điệp Kim tiên một chữ đọc ra hai tiếng là “hạt dị”. Câu thần chú trong kinh Hoa nghiêm đọc như vần quốc ngữ mà Tàu dịch cũng có chữ không có phải khuyên một cái cốt lấy vần khẩu vẫn mà đọc. Như câu: a, ương, ăng, ông, ô, ao, ai, ê, ân, yên, âm, am, an, đó là bốn mươi hai chữ thần chú mà là một vần 14 chữ cộng bốn mươi hai vần, vần nào bắt vần chữ đầu rồi cuối cùng cũng có chữ ấy, như vần thứ hai “đá dương đặng đông đô đao đai đề diên đâm đăm đầu đa” vần thứ ba “ba bương băng bông bao bai bê biên bâm bam bầu ba”. Song đọc mỗi một vần lại phải đọc câu dưới nữa.. Đây tạm lược những tiếng Phạn trong kinh Phật để cho dịch giả sau này có ai sẽ nghiên cứu cho chính đáng mới đem ấn hành, đừng làm sai tiếng Phạn, tiếng Nôm, tiếng Hoa. Còn luật, luận, lục về chữ Nho sau sẽ bàn.

Thanh Quán thượng nhân

Trụ trì chùa *Trường Tín*, Hà Nội
(ĐP số 496, ngày 7.4.1928)

KHẢO CỨU VÀ BÌNH PHẨM VỀ VIỆC PHIÊN DỊCH TAM TẠNG, KINH TẠNG, LUẬT TẠNG, LUẬN TẠNG (tiếp theo)

B) Luật tạng: Sa di giới luật, Tỷ khiêu giới luật, Bồ tát giới luật

Phiên dịch kinh phải cứ dùng bản tiếng Phạn mới cùng vì cực diệu như kinh *Pháp hoa* Tàu dịch ba lần, kinh *Đại Di Đà* Tàu dịch bốn lượt mới thành. Thần chú chữ Tàu dịch theo tiếng Phạn không có nghĩa, như “Đại phật đỉnh thủ lãng nghiêm chú và Hoa nghiêm tự mẫu, đại bi tâm đà la ny. Phật đỉnh tôn thắng đại đà la ny, bát nhã vô tận tạng chân ngôn, uế tích kim cương thần chú...” nhưng câu thần chú ấy Tàu dịch chỉ cốt lấy tiếng Phạn mà thôi.

Nay nói lược gồm cả tạng ni, sa di, tỷ khiêu, bồ tát, giới luật nước ta cũng vì chữ sớ sang thỉnh tự bên Tàu mà chữ sớ xưa nay vẫn đều công nhận rằng: “cho người tại gia xem luật nhà Phật thì phải tội”, nay xét cho kỹ cũng là một luật riêng chữ sớ để cảnh giác cùng nhau tu hành có uy nghi quy củ, người tại gia xem đến sợ có câu gì khác lại đem lòng phỉ báng chãng, nên mới có câu như thế, luật thỉnh thoảng cũng có tiếng Phạn, như tội “Bát giặt đê, sả đọa...” nhà chùa xem chú thích chỗ khác mới hiểu được.

Vậy bây giờ Hoàng triều cũng ban bố công luật cho quốc dân đều hiểu, nhà chùa muốn chỉnh đốn lại thì xin thập phương, chữ tạng dịch ra quốc ngữ đóng sách để cho những người ít chữ xem, mới biết đường tới trại thủ giới, rồi lại sửa soạn những việc đương banh trì phải cần đến luôn luôn như bạch nguyện, “ngày rằm”, hắc nguyệt “ngày ba mươi”, hai ngày “bá tát” ấy nên đối Phật tiền tụng giới kinh và dịch văn

bạch “yên cư” văn “khất” cùng bài thụ giới sa di, tử khiêu, bỏ tất thì nhật các luật đóng riêng vào một bộ để lưu thông các chùa nơi dân xã, đâu đâu cũng có, luật gì xưa nay chưa có phải cần dùng đến thời thịnh thập phương chư tăng đến tập tăng để yết ma chế luật cho hậu học cứ đây mà hành trì. Bản tăng, giới sơ đức bực không dám tự chế, làm bài này để môi giới cho mai hậu chư tăng định điều ước.

c) Luận tạng Lục văn sâm, thủy lục, khoa nghị - luận tạng tức là những nhời chư tổ luận thuyết trong kinh điển và bình phẩm các sách Nho châm chước các tôn giáo bên Ấn độ, chép nhật những việc Phật, những tích việc đời, bình điểm nhẹ phải điều trái, chữ thư lập ngôn, làm gương soi cho hậu học; vậy cũng nên dịch ra quốc ngữ cho thập phương nhất thiết ai cũng đều hiểu. *Luận với lục* cũng là một, song văn sám là để sám hối trừ tội, thủy khoa nghị tức là các khoa cúng; vậy bản tăng cũng nói phụ vào luận tạng, *Lục* - Lục người Tàu chép những sự tích tiền nhân, hoặc làm văn lục, như “Khóa Hư Lục” của Trần Thái Tôn, “Hồi dương nhân quả lục” của Tàu có thể dịch đem đăng báo, tạp chí để cống hiến thập phương trong khi an nhàn bình tĩnh.

Văn sám - Văn sám nguyên các sư bên Tàu soạn để sám hối đối với Phật tiền cho thành nghiệp chương, Lương Hoàng Sám khởi thủy tự Lương Vũ Đế, Thủy Sám khởi thủy tự Ngô Đạt Quốc sư triều Đường, nay mà đem dịch thời phải dịch bốn chữ hay tám chữ làm một câu cho thập phương dễ đọc tụng cũng như chư sư bên Tàu dịch kinh Phạn.

Thủy lục Khoa nghị - Thủy lục khoa nghị tự Bảo chí thượng nhân đời nhà Lương, vì Hy Thị mắc phải oan khiến tội ác, cho nên Lương Vũ Đế thỉnh người chép nhật những cách ngôn điển tích của Phật tổ soạn thành “Thủy lục khóa nghị”

lập đàn tràng để làm chay siêu độ truy tiến cho Hy Thị. Khi soạn xong thỉnh Phật truyền chú tuyên kinh bái sám, tâm tưởng khẩu niệm chân ấn tay quyết thì chư Phật chứng minh công đức, Phật Di Lặc xuống đề danh hiệu. Vậy nay những bọn học môn ứng phó, đọc canh đọc kệ “ý a ý a” làm pháp sư đi đàn “múa may quay cuồng” hiển mật viên thông đã chuyển thành sai lạc. Bên Tàu soạn những khoa “thỉnh Phật, thỉnh kinh, thỉnh sá, phóng sinh, phóng đấng, tịnh chù, cấp thủy và khai phương, phá ngục, huyết hồ giải oan thích kết v.v...” Về sau môn phái ứng phó đến nước ta thì các cụ tổ thấy những việc gì bên ta mà Tàu chưa làm khoa thì soạn thêm như khoa “Khổng Lộ và Liễu Hạnh công chúa v.v..” đóng thành tập gọi rằng Tập tiến chư khoa. Vậy nay nếu tổ chức dịch và chữ Nôm thì cũng có thể được.

Thanh Quán Thượng nhân
Chứng cảnh chùa *Trường Tín*, Hà Nội
(ĐP số 497, ngày 10.4.1928)

Năm 1929

VẤN ĐỀ CHẤN HƯNG PHẬT GIÁO

I

Vấn đề này tưởng các báo quốc âm ta bàn đến đã lâu, và anh em hải nội cũng đã có nhiều bài tán thành ý kiến ấy. Nhưng rốt lại chuyện đâu cứ để đó, không thấy thực hành gì cả.

Có người nói: Đó là tại trong nước ta hiện nay nhiều tôn giáo, sự tín ngưỡng phần nhiều người không thể thay đổi cái lòng tín ngưỡng của họ được. Bây giờ muốn CHPG, ít nữa cũng phải một đôi mươi năm mới có hiệu quả được.

Có người lại nói: Phật giáo là một thứ tôn giáo không thích hợp với trình độ quốc dân ta ngày nay, nên dầu muốn chấn hưng cách nào tưởng cũng vô ích. Hai cái thuyết ấy, xem qua hình như có lý, mà xét kỹ lại thì đều là lời ỨC ĐẠO ĐÓ mà thôi.

Nếu bảo rằng trong nước có nhiều tôn giáo, người ta tín ngưỡng nhiều. Vậy thì Phật giáo lại không phải là một tôn giáo đáng tín ngưỡng sao? Huống chi Phật giáo truyền bá sang nước ta từ hồi đời Lý đến nay đã gần hai ngàn năm, thì sự tín ngưỡng in sâu vào óc người mình biết đến đâu mà nói. Mà cái số tín ngưỡng Phật giáo của người mình xưa nay có phải số ít đâu?

Còn nói rằng Phật giáo không thích hợp với trình độ quốc dân hiện thời, thì thử xem như các tôn giáo khác lại có tôn giáo nào gọi rằng thích hợp với trình độ quốc dân?

(Đó là vấn đề thuộc về tôn giáo, tự do tín ngưỡng, không phải bốn ý trong bài này).

Nay tôi chỉ xin bàn một cái vấn đề, vì sao mà sự chấn hưng Phật học, nghe xướng đã lâu, và nghe cũng đã có nơi lập trường Phật học giáo dục như chùa Từ Vân ở Đà Nẵng, sau xét ra không có thiệt hiệu gì gọi là chấn hưng hết, là bởi tại sao?

Tôi chắc rằng, không phải vì các sự tín ngưỡng khác nó xung đột, cũng không phải tại Phật giáo không thích hợp với trình độ quốc dân hiện thời. *Chỉ tại không có người xứng đáng đứng ra chủ trương việc ấy đó thôi.*

Nếu có một hai người xứng đáng đứng ra mà chủ trương thì tưởng không bao giờ việc chấn hưng không thành tựu được.

Tôi xin nói thật rằng: nước ta mà lâu nay gọi là sùng thượng Phật giáo đó, là chẳng qua mấy ông thầy chùa, bà vãi đọc thuộc lòng ba cuốn kinh Di Đà, Phổ Môn, Lăng Nghiêm, rồi ăn chay, cạo đầu, mặc áo dà v.v... Họ cho vậy là Phật giáo đó, họ tin vậy là trọn bốn phận tu hành theo đạo Phật đó.

Ấy là một hạng người sai lầm. Còn một hạng người nữa: đi chùa quy y v.v... họ cho vậy là theo đạo Phật.

Đó, theo đạo Phật như vậy, mà bảo rằng Phật giáo là Phật giáo gì?

Phật có bao giờ như mấy ông quan An Nam mà chịu ăn hối lộ, thọ lễ cúng của ta mà giúp cho kẻ ấy cầu chi đặng nấy. Mà theo đạo Phật đâu có như mấy ông sư, mục vãi chấp tay niệm Phật, ăn chay cầu phước đâu.

Cứ in trí sự tín ngưỡng mê muội như vậy, mà bảo rằng phát minh, thì chẳng khác nào kéo nhau vào trong hang tối, rồi bảo rằng không có mặt trời mặt trăng!

Ngày năm ngoái, có HT Trang Quảng Hưng vào Nam Kỳ đi cổ động CHPG, vì ông ta có lập một trường Phật học ở Đà Nẵng. Lúc bấy giờ ai nghe nói đến CHPG thì cũng hoan nghênh. Chừng sau xét ra hành động của ông ta chẳng qua đi phổ khuyến kiếm tiền mà thôi. Còn hỏi ông chấn hưng bằng cách nào thì ông nói rằng: lập trường đặng nuôi mấy đứa trẻ tụng kinh, học kinh Phật.

Ôi! CHPG mà dạy tụng kinh thì sao rằng chấn hưng? ít nữa cũng phải dạy cho người ta biết cái tôn chỉ của đạo Phật, biết lẽ mầu nhiệm của đạo Phật, biết cái ý nghĩa cao thượng của đạo Phật, mới là có bổ ích tinh thần tâm trí cho con người. Còn như chấn hưng mà dạy đánh chuông mõ, đọc kệ kinh thì hà tất phải chấn hưng làm gì.

Hôm mới rồi, ông Tagore vào viếng quan Toàn quyền Pasquier, trong lúc chuyện vãn, quan Toàn quyền có nói rằng, ngài mới ký một lời nghị sẽ lập một Viện Khảo cứu Phật học ở Đông Dương, và ngài sẽ cho trong xứ được tự do lập trường giảng đạo Phật.

Cái mỹ ý ấy, chúng tôi xin biểu đồng tình và chúng tôi tán dương phụ họa theo.

Nhưng chưa biết rồi đây viện nghiên cứu ấy có tất tâm mà khảo cứu chẳng? và người khảo cứu đó có phải đúng tư cách nhà khảo cứu chẳng?

Còn trong xứ lập trường Phật học, có được những người chủ trương giáo dục cho xứng đáng không hay là lại những

người chủ trương như Hòa thượng Trang Quảng Hưng nữa? ấy là hai điều quan hệ đáng lo cho sự CHPG.

Lão Tùng

(CL số 1525, ngày 13.7.1929)

II

Bây giờ tôi hãy nói đến người đứng ra chủ trương về sự nghiên cứu, và chủ trương việc giáo dục:

Nghiên cứu cách làm sao? Nghiên cứu Phật học không phải dễ. Không phải như một nhà kia tự xưng là bác học viết ra một tập Phật học lược khảo kể sự tích Phật Thích Ca sinh năm nào, chết năm nào, tôn giáo lưu truyền ra Nam tông, Bắc tông nơi nào, hai phái xung đột nhau hồi nào, ấy gọi là nghiên cứu đó. Tôi tưởng nếu nghiên cứu như vậy chẳng qua sưu tầm cổ tích trong sách mà thôi, chớ về bổ ích sự chấn hưng, tưởng không có công hiệu gì hết.

Còn về cách giáo dục lại càng khó hơn nữa. Trước kia tôi đã nói: Phật học không phải như mấy ông sư, mù vãi, đánh mõ ăn chay, thuộc lòng mấy thiên kinh kệ là gọi rằng là giáo dục đâu.

Đã có nhiều người tưởng lầm Phật giáo ăn chay niệm Phật, hay là ngày đêm cầu nguyện siêu thăng về cõi Cực lạc thế là đắc đạo rồi, nên không cần biết chân lý đạo Phật là sao, cũng không cần lý hội đến câu pháp ngữ là ý nghĩa làm sao nữa. Miệng đọc lầm nhảm sáu chữ “Nam mô A di đà Phật” ấy là đủ.

Một cái tôn giáo lớn lao lưu truyền trên đất Á Đông đã mấy ngàn năm, mà chả thấy một ai xứng đáng một vị giáo

chủ, chẳng thấy một ai phát minh ra được chân lý, trách gì mà không lu mờ, không khuất lấp, không bị cái mãnh lực khác nó phá hoại đi.

Bây giờ thử hỏi các vị lâu nay thường được gọi rằng cao tăng đại đức đó có hiểu cái chỗ chân lý cao thượng của Phật ở chỗ nào không? Chắc chỉ họ cũng trả lời rằng: chân lý Phật ở nơi chỗ từ bi vô lượng, cứu thế; hay là họ trả lời rằng: Phật tức tâm, tâm tức Phật, miềng lòng mình giữ tu hành, tức thị Phật độ cho.

Cứu thế làm sao? Tu hành làm sao? Phải giải nghĩa ấy cho tinh tường, chớ nói một cách lù mù như vậy ai mà hiểu?

Bởi vậy cho nên, ai cũng hiểu lầm hai chữ cứu thế, hai chữ tu hành, rồi làm ra nhiều sự quái gở như là: tụng kinh cầu siêu, ăn chay cầu phúc, bố thí cầu tài v.v... thậm chí có nhiều ông sư, mục vải còn bày đặt ra những điều bùa, câu chú, nước lạnh, đàn hương đặng mê hoặc chúng, thành ra một cái xã hội mê tín dị đoan, chớ không có một tí gì là Phật giáo tất cả.

Cũng có nhiều người biết Phật giáo nguyên ở nước Ấn Độ truyền sang; nhưng mấy ông giáo chủ ta có ai chịu tìm kiếm trong kinh Phật những chữ thường đọc đó là nghĩa gì đâu.

Đại để như chữ “Tu lý, tu lý đa, ta bà ha” là nghĩa gì? “Bát nhã ba la mật đa” là nghĩa gì? Nếu hỏi họ thì họ chỉ trả lời qua loa rằng, đó là “chữ Phạn” là chữ Phật, ủa, đã gọi rằng chữ Phật, sao người thọ giáo của Phật mà không hiểu, vậy thì truyền giáo cái gì?

Đã không hiểu lý Phật, lại không hiểu chữ Phật, mà dám cả gan tự xưng mình là Hòa thượng này, Kiết ma nọ, thật không khác nào anh mù mà dắt mấy anh mù vậy. Thiết tưởng, muốn CHPG, trước hết phải nghiên cứu Phật học ít nữa phải

tìm cái nguyên nhân của chân lý, lựa những kinh điển cổ tích và các chữ phạm chữ Phạn ngữ, Phạn âm, diễn thích ra, chia ra từng giáo khoa, có sơ đẳng cao đẳng, dạy cho chúng sinh hiểu thấu các nẻo tà đường chính, sao gọi là cứu thế từ bi, sao gọi là nhân duyên, chứng quả, còn như cái thuyết xuyên tạc của các nhà hậu Nho bịa đặt ra, làm cho người đời mê tín đó thì nhất thiết cự tuyệt, vậy mới mong một ngày kia phát minh được đạo Phật ở giữa lúc tối tăm, để cho các nhà học giả đời sau biết được một tôn giáo, triết lý không tầm thường, phạm vi không phải chật hẹp, mà sức hoạt động nó có thể làm cho người đời sùng bái một chủ nghĩa bác ái, đánh đổ được bao nhiêu tà tâm dục vọng của loài người. Thế thì công đức của Phật giáo càng vô lượng, mà công đức của kẻ CHPG chẳng phải là công đức độ chúng sinh đó ư?

Lão Tùng

(CL số 1527, ngày 16.7.1929)

III

Đây xin nói về nguyên nhân của Phật học: Tại làm sao có đạo Phật ở Ấn Độ? Phật Thích Ca là Thái tử của Tịnh Phạn Vương giáng sinh đến nay đã 2494 năm. Năm Thích Ca 12 tuổi, cùng phụ vương ra ngoài đồng nội xem người nông dân cày ruộng; Thích Ca thấy người ta cuốc nhâm con trùng, chết nằm ngã lặn trên mặt đất, các loài chim đứng chung quanh đánh nhau mổ xé ăn thịt con trùng ấy. Thích Ca động lòng thương xót, bèn sinh lòng chán đời, lúc bấy giờ ngồi sụp xuống dưới gốc cây. Tịnh Phạn Vương hỏi, Thích Ca trả lời rằng, vì thấy chúng sinh ăn lẫn nhau, nên trong lòng thương xót chán ngán không muốn về nữa. Vương phụ sợ Thích Ca chán đời,

nên tìm đủ cách làm cho Thích Ca chơi bởi khuây lãng. Thích Ca cũng chẳng hề ham thích chút nào. Sau Thích Ca chơi ngoài dân gian, thấy những nhà có đám ma, Thích Ca lại tưởng đến nỗi khổ: sinh, lão, bệnh, tử của người đời, nên toan muốn giải thoát. Đến 19 tuổi, Thích Ca thừa lúc ban đêm trốn ra ngoài thành, rồi tìm đường vào núi Tuyết Sơn, chịu khổ hạnh tu hành 6 năm, không tưởng đến việc thế gian nữa.

Một ngày kia Thích Ca ngồi dưới cây Bồ đề, nghe trong mình khoan khoái, bèn nói cùng đệ tử rằng, ta đã ngộ đạo rồi. Từ đó Thích Ca đi xứ này sang xứ nọ, thuyết pháp 49 năm. Chỉ một mực phổ độ chúng sinh, muốn cho thế gian nhất thiết trừ phiền não, ấy là tôn chỉ của Phật Thích Ca đó.

Sau tín đồ càng theo càng đông, có người học đặc đạo cũng đi truyền bá Phật giáo như Thích Ca vậy.

Còn như kinh kệ luật pháp bây giờ lưu truyền lại cũng là do đệ tử Thích Ca sau khi Thích Ca qua đời rồi, họ sợ lâu ngày Phật giáo lu lấp đi, nên họ ghi chép những lời thuyết pháp của Thích Ca một ít, họ phô diễn ra một ít. Càng lưu truyền mãi nước này sang nước nọ, đời này đến đời kia, bây giờ thì cái bản lãnh tuy vẫn hãy còn, nhưng cái chi tiết thì xem ra phiền tạp lắm.

Nếu muốn chấn chỉnh lại, ắt phải phí một khoảng thời gian khá lâu, tìm cho ra cái bản lãnh, nghĩa là cái chính tông, cái triết lý mà giác ngộ cho người đời, còn như bao nhiêu những quy luật phiền tạp, những lý thuyết mơ hồ, hãy giảm bỏ bớt đi, khiến cho người mến đạo Phật không đến nỗi lầm lạc theo những cách tu hành của mấy ông sư, bà vãi lâu nay, mà cùng nhau trở về với thứ đạo chính đại quang minh rất cao thượng, rất từ bi bác ái vậy.

Nay bàn sơ qua sự thật của sự nghiên cứu: trong các kinh tạng ta bây giờ có xen vào một ít thơ Phạn ... ta thì vẫn nói chữ ấy là chữ Phạn, không cần phải giải thích làm gì, nói bướng như vậy là sai, mà lại đắc tội với tôn giáo lắm. Nếu có công mà nghiên cứu ra thì những chữ ấy tương tự với tiếng đọc kinh của đạo Balamôn ở Ấn Độ. Ta hãy tìm thầy Balamôn mà dò xét, có chỗ nào tương tự thì ta nhân theo nghĩa của kinh họ mà phiên dịch ra coi thử ý nghĩa ra làm sao, ấy là một điều cần phải biết.

Ta lại nên biết đạo Phật từ ngày truyền sang Trung Quốc, có nhiều nhà danh Nho, lấy theo nguyên ý chính kinh, rồi trước thuật thêm nhiều bộ kinh khác. Tuy đối với Phật giáo vẫn có công, nhưng chưa ắt đối với người sau đã là không tội. Như những cái thuyết Địa ngục luân hồi, Vãng sinh Tịnh độ v.v... đều là cái thuyết phụ hội của người đời sau, chớ không phải cái nguyên lý của đạo Phật như Thích Ca vậy.

Một lẽ cao thượng của Phật Thích Ca là muốn lấy sự chứng ngộ mà giác chúng sinh, chớ không muốn dùng văn tự, cho nên Thích Ca đi thuyết pháp đã 49 năm mà Ngài vẫn nói rằng: “Ta không hề nói chữ nào hết” ấy là Ngài muốn truyền bằng tinh thần cảm giác, chớ không muốn truyền bằng sự có hình tích.

Những nhà muốn khảo cứu Phật học, nên chú ý chỗ ấy, mà cự tuyệt mấy ý kiến vụn vặt của kẻ hậu Nho, và những điều luật tầm thường của mấy ông truyền đạo, ấy mới là có bổ ích cho sự nghiên cứu, và có thiệt hiệu cho sự chấn hưng.

Lão Tùng

(CL số 1528, ngày 17.7.1929)

IV

Phật giáo truyền sang nước ta từ đời Tiền Lê nhưng thịnh hành thì từ đời Lý. Đời ấy có bày ra khoa thi về Phật giáo. Vẫn cũng có mỹ ý muốn chấn hưng, nhưng vì không phát minh Phật học, mà cứ khư khư theo việc tu hành, từ trên chí dưới, xú xự lập chùa, chùa chùa đúc tượng, miễn thuế cho thầy chùa, ban tiền bạc và phẩm tước cho các Hòa thượng; làm như vậy thì càng tăng số thầy chùa, Hòa thượng chớ có ích gì cho thế đạo nhân tâm đâu.

Vả lại nước ta chịu ảnh hưởng của Trung Quốc, thấy người Tàu làm gì thì bắt chước làm theo chớ không xét nghiệm phải quấy gì hết.

Lúc bấy giờ bên Tàu thuộc về đời nhà Nguyên, chính là thời sùng thượng Phật, nên ta cứ do theo mấy bộ kinh của người Tàu mang sang, rồi ban hành cho các nhà sư các chùa theo đó mà tụng. Rồi do mấy ông sư ta còn bịa đặt vẽ vời ra nhiều cái thuyết pháp quái gở, không ăn nhập gì với tôn chỉ Phật cả.

Đời càng xuống, người truyền đạo càng sai xa, theo như các nhà gọi rằng giáo chủ hiện thời đây, thiết tưởng ngoài mấy cuốn kinh Địa Tạng, Phổ Môn, Hoa Nghiêm thuộc lòng, tưởng không còn biết ý nghĩa gì khác nữa.

Đôi khi ngồi giảng cho các tín đồ thì thấy giảng mấy cuốn luật trước hết, cho rằng mấy cuốn luật ấy là của Phật, chớ cũng chẳng hiểu luật ấy của Trương Đạo Lăng đời nhà Hán đặt ra, trong ấy cũng có nhiều chỗ nghiêm khắc sai lầm nhiều, sai hẳn với lý của Phật.

Ngoài ra còn có những chi tiết rất tầm thường mà hình như họ lấy làm quan trọng lắm. Như là nhuộm áo dà, áo mực,

ăn chay, lẩn chuỗi hột v.v... Đến như cái đại tôn chỉ của triết học Phật thì không thấy một ai lý hội đến và phát minh ra.

Tôi đã nói nước ta chịu ảnh hưởng của Tàu nên phạm chính trị, giáo dục, phong tục, là nhất thiết theo Tàu cả.

Cái chỗ sai của đạo Phật nước ta, cũng như Khổng giáo vậy. - Nguyên Khổng Tử thiết giáo ra thì chỉ có *tam cương, ngũ thường*, tôn chỉ tại luân lý mà thôi. Thế mà càng truyền xuống mỗi đời càng sai xa lác. Đến đời Hán, Đường, Tống bèn thiết ra cái học khoa cử; rồi cũng lưu truyền ra nước ta, nước ta cũng cho sự học khoa cử làm thơ làm phú là Khổng giáo.

Coi đó thì biết Phật giáo ở nước ta bây giờ, cái chỗ sai lầm còn gấp hai đạo Khổng nữa. Vì sao? Vì rằng đạo Phật ở nước Tàu truyền bá sang ta là trực tiếp mà còn sai như thế. Huống cho đạo Phật Thích Ca truyền sang ta là gián tiếp. Ban đầu khởi từ Ấn Độ, rồi truyền sang Tàu một lượt, Tàu truyền sang ta một lượt nữa. Trải qua thời gian hơn một ngàn mấy trăm năm nay, không ai phát minh ra, thì còn gì là chân tướng Phật giáo!

Mục đích của Phật chỉ có hai chữ “*Tâm tính*” hễ minh tâm thì kiến tính. Tâm có hai nẻo, một nẻo tà, một nẻo chính, cứ theo nẻo chính mà nghĩ, nghĩ rằng ta ở thế giới này là thế giới tạm, thế giới biến huyễn, mình ta không sinh không diệt, không siêu thoát ra ngoài cõi sống chết, cùng là giải thoát cho chúng sinh.

Ngoài cái lòng nghĩ ấy ra, thì nhất thiết là phiền não cả. Phiền não sinh ra bởi chỗ dục vọng. Dục vọng tức là nẻo tà.

Bấy nhiêu đó là Bồ tát.

Bồ tát là tiếng Ấn Độ, đạo Bà la môn gọi Bồ nghĩa là giác, tức là chúng sinh, tát là chúng sinh. Thế là giác chúng sinh.

Muốn cho trong nước có Phật học, thì như lời tôi nói trước kia, phải có người chủ trương, mà người ấy phải là hạng người có nhiệt tâm, có cái tư tưởng cao thượng mới được. Chớ nếu như đem mấy cuốn kinh luật cũ ra rồi diễn ra quốc âm, không sửa bỏ thay đổi gì, không nghiên cứu ra cái bản lãnh làm sao, thì thật không ích gì cho thế đạo nhân tâm, mà sự lầm lạc càng thấy hiển hiện thêm nữa.

Tôi thú thật rằng, tôi không phải người tín đồ của Phật giáo, nên chỗ sở kiến còn hẹp hòi, biết tới đâu, nói tới đó. Về sự CHPG là sự rất quan hệ, xin chất chính lại các nhà cao kiến hải nội có ý tưởng gì nữa bàn bạc thêm.

Lão Tùng

(CL số 1530, ngày 19.7.1929)

Năm 1932

CUỘC TRANH LUẬN GIỮA SƯ THIÊN CHIẾU VỚI ÔNG HOÀNG TÂM

Phê bình SÁCH PHẬT HỌC VẤN ĐÁP

Từ ngày Phật giáo du nhập vào nước ta thì nó đã mang theo cái bản sắc của một thứ Phật giáo đã biến thiên ở Trung Quốc đem qua: trong cái buổi ấy nước ta đã vẫn lấy Nho học làm nền học thuật, các sĩ phu trong nước quan tâm về Nho học hơn của Phật học, bởi thế cho nên đầu Phật giáo có mất đôi ít cái bản sắc của đạo gốc đi nữa cũng không có ai khảo sát đến, vì vậy mà trong cuốn lịch sử Việt Nam chưa có chương nào mà Phật giáo tô điểm cho vẻ vang.

Chỉ thấy phô bày trước mắt nhà thức giả một cái chế độ Tăng già rất xấu xa, nhà thức giả càng trông thấy lại càng xa Phật giáo, duy cc đôi nhà học vấn uyên nguyên, vì thời thế phải thất vọng mà bước chân nhà Phật để tìm cái thú an nhàn đó thôi; nhân cái cơ hội ấy các ngài mới để mắt đến mấy quyển sách nói về Phật giáo, nhờ đấy mà các ngài càng hăm mộ học Phật, càng hăm mộ lại càng đem tinh thần tâm lực mà gây dựng cho mình một cái đời giải thoát.

Chỉ có vậy đó thôi, chớ chưa có người gia công khảo cứu cho thông suốt Phật giáo hòng đem truyền bá trong quần

chúng để gây dựng lại cái chế độ bất lương của xã hội, xem thế thì Phật giáo ở nước ta từ trước chỉ thấy ngã về phương diện tiêu cực mà thôi, duy chỉ gần đây, người mình được tiếp xúc với cái trào lưu học vấn tư tưởng của toàn thế giới, nhân đó các nhà học giả ở nước ta mới để tâm đến Phật giáo, mới xướng lên việc CHPG, vì vậy mà số người khuynh hướng về Phật giáo ở nước ta càng ngày càng tăng thêm mãi.

Giữa cái thời kỳ ấy mà có nhà sư đứng lên gióng trống khua chuông, một mặt để cổ võ cho Phật giáo, một mặt để cách mạng cho Phật giáo, tưởng ai có chút hữu tâm với Phật giáo thì đều hớn hở vui mừng, qui hương sùng tin nhà sư ấy.

Thật vậy, giữa một đám rừng tối tăm bỗng nhiên nổi lên một ngọn đuốc chói lòa rực rỡ, ai mà không hoan hỉ, không sùng thượng.

Bởi thế cho nên khi quyển “*Phật học tổng yếu*” (PHTY) ra đời, chẳng những được một nhà học giả uyên thâm phê bình mà đã có lắm người tin mộ cho đến nay lại có quyển “*Phật giáo vấn đáp*” (PGVĐ) nổi chân ra đời.

PGVĐ! Một quyển sách mới vừa ra đời thì đã thấy mấy tờ báo sẵn lòng dành để một đôi cột báo mà giới thiệu, thấy thế ai lại không hoan nghênh quyển PGVĐ ấy?

Người ta hoan nghênh là phải, là đương nghe thiên hạ đua nhau ca tụng một cái rừng kia có nhiều cây lạ, có nhiều thứ xinh, có nhiều trái ngon, hoa đẹp, ta từ nơi đồng nội mà tìm đến cái rừng ấy để xem cho biết, đến nơi thời may ta lại gặp một người suốt đời chỉ sinh tồn trong khoảnh rừng ấy, người mới vừa gặp ta đã biết sở ý của ta, người đem ta vào trong rừng, cắt nghĩa với ta về thứ cây này, về loài thú nọ, dấu người có gọi sai một đôi thứ hoa nọ, có nhận nhầm một ít con

thứ kia ta đâu có hiểu, ta cũng cho những lời chỉ về giảng giải của người là đúng cả. Có một sự hại là sự hại ở trong đó.

Nay tôi phê bình quyển PGVĐ cũng vì cái lẽ ấy mà thôi.

Theo như lời của Sư nói trong bài tựa thì Sư lấy tài liệu trong một quyển sách và quyển PGVĐ như thế thì công việc của Sư phần nhiều đều thuộc về việc biên dịch vậy thì trong bài phê bình này tôi phải chú tâm trước hết về việc dịch sách Phật.

Dịch sách Phật không phải là dễ như việc dịch tiểu thuyết dịch thơ phong tình, nó là một việc rất khó, mà dịch giả nếu trong khi làm cái việc lớn lao khó khăn ấy mà khinh suất thì hại cho Phật pháp nhiều lắm, vì hễ dịch sai thì làm cho kẻ đọc phải rối trí điên đầu mà có khi cũng có thể làm sai mất cái diện lý của Phật giáo nữa.

Điều cần nhất trong việc dịch sách Phật là phải chú trọng ở tiếng Phạn; xem như ông Thái Hư Pháp sư là một nhà sư trứ danh bên Tàu, rất có công trong việc nghiên cứu Phật học thế mà chỉ vì Sư không chú trọng ở nơi tiếng Phạn, cho nên có kẻ cho sách của Sư có đôi điều sai xiềng.

Quyển PHTY thì Sư Thiện Chiếu dịch ở sách Tàu, Sư dịch không đúng từ chữ nguyên văn, xê xít nguyên văn v.v ... ông Phan Khôi đã chỉ trích rành rẽ rồi, nên nay Sư ra quyển PGVĐ Sư không còn lấy sách Tàu dịch ra nữa, có lẽ Sư sợ để chân lằm vào dấu đường cũ mà ở Phan tiên sinh chỉ trích lần thứ hai chằng?

Cho nên nay Sư bỏ quách sách Tàu đi, Sư lấy tài liệu trong sách Tây - chớ Sư không dám nói dịch theo sách Tây ý là Sư muốn theo việc ý dịch theo sách Tây ý là Sư muốn theo việc ý dịch dạng cho việc dịch nó dễ dàng hơn, cho nó khỏi

phạm vào những điều chỉ trích của Phan Tiên sinh, thế mà sư giữ cũng không chọn để hờ hững cho phạm vào điều thứ sáu là điều “đọc chữ không đúng” nghĩa mà thương cho Sư thật! Đã tránh hết sức mà còn vẫn nhầm!

Than ôi!

Nhất là những cái tên riêng Sư để lộn xộn quá, có khi Sư đọc theo chữ Phạn bằng tiếng Pháp, có khi Sư đọc theo chữ Hán bằng điệu quốc âm.

Theo ý tôi thì những tên riêng ấy phải đọc theo chữ Hán bằng điệu quốc âm vì xưa nay ở nước ta ai cũng đọc theo kiểu ấy, mà đọc theo kiểu ấy thì nó phổ thông hơn, vì xưa nay các nhà thâm hiểu Phật giáo đều là người giỏi Hán văn, đều là người xem sách Phật bằng Hán văn, cho nên những tên như Siddhartha độ Tất đạt đa thì ai cũng dễ nghe mà Sư lại đọc Si đạt ta, như tên Kapilavastu - thường đọc Già li la, sư lại đọc Ca bi la, v.v... làm cho lạ tai độc giả quá.

Hoàng Tâm

(Đuốc Nhà Nam)

(CL số 2406, ngày 8.7.1932)

BỨC THƠ CỦA SƯ THIỆN CHIẾU

Bài phê bình sách Phật Giáo Vấn Đáp của ông Hoàng Tâm đã đăng ở tờ phụ trương văn chương báo ĐNN là một tờ báo tôi vẫn yêu quý ra ngày 18 và 25.6. Ông Hoàng Tâm là người giữ trách nhiệm phần “Phụ trương văn chương” trong báo ấy, xin giới thiệu cùng độc giả Công Luận.

Trong bài phê bình của ông, có nhiều khoản mà tôi cần phải biện bạch, nên tôi đã đưa cho ông luôn hai bài, mới biện

về khoản “dịch tên lộn xộn” của ông chiết tôi mà chưa rồi, còn đến ba bài nữa.

Ông đã nhận lời yêu cầu của tôi. Nhưng đến ngày 2.7 trong phụ trương văn chương Đ.N.N thì trên bài trả lời của tôi, thấy “lời nói đầu” của ông: “... tôi xin ông Thiện Chiếu rút lời lẽ làm sao chỉ việc hai bài cho đủ trả lời hai bài phê bình của tôi mà thôi, chứ Toà soạn không đăng thêm nữa...” Hoàng Tâm.

Thôi, tôi bị kiểm duyệt rồi: Tôi không dám nghi cho ông Hoàng Tâm hẹp lượng, song có lẽ phạm vi tờ phụ trương văn chương hữu hạn chăng?

Dẫu thế nào mặc lòng, ai cũng có cái “hiếu” nấy. Cái “hiếu” không thể làm thinh đi được.

Vậy trước khi nhờ báo “Công Luận” đăng mấy bài trả lời của tôi, xin ông Hoàng Tâm cho phép trích đăng hai bài phê bình của ông trước, cho độc giả Công Luận được nghe hai tiếng chuông.

Ai phải? Ai quấy? điều đó không dám biết. Tôi chỉ biết một điều là: tôi sẵn lòng hầu chuyện cùng ông.

(CL số 2406, ngày 8.7.1932)

NÊN PHÊ BÌNH SÁCH PHẬT NHƯNG PHẢI ĐỦ TƯ CÁCH PHÊ BÌNH

Kính đáp cùng ông Hoàng Tâm!

Một xã hội mà trình độ học thức còn kém như xã hội ta, thì chẳng những người viết sách cần phải có kẻ phê bình đặng biết chỗ sai mà chữa, mà người đọc sách cũng nhờ có kẻ phê

bình mới thấy chỗ lầm mà tránh. Nhất là kẻ viết sách Phật lại còn muốn cho có người phê bình hơn nữa.

Bởi người viết sách Phật, trừ kẻ lợi dụng, có lẽ biết rằng Phật pháp là một phương thuốc cứu khổ, nên chép ra là muốn lưu truyền lại để giúp ích cho đời. Cái bản tâm là “thương đời” muốn nói “thương mình” theo nghĩa rộng cũng được mới chép sai kia, có người chữa lại giùm cho, nhờ đó mới khỏi thiệt mạng người, như vậy há chẳng hợp với bản tâm của mình lắm?

Nhưng, ít nữa phải là một nhà lương y lịch trị, có kinh nghiệm lâu năm, thì mới biết chỗ sai trong toa thuốc ấy mà chữa lại chớ. Cái này mấy anh thầy thuốc gia truyền, hay học “lỏm” được một vài phương thuốc mà cũng dám dứt tay vào sửa lại toa thuốc của người ta, thật là to gan quá!

Ông Hoàng Tâm, xin ông đừng giận, tôi mới dám nói thiệt: Ông chưa đủ tư cách làm một nhà phê bình, nhất là nhà phê bình sách Phật.

Xem kỹ, tôi xem thật kỹ bài “Phê bình” của ông, thì té ra ông coi ba chớp ba nhân (ý nói xem lướt qua), nên không thấy được “chỗ sai” (chỗ sai) trong sách P.G.V.Đ của tôi mà phê bình, lại nhè “chỗ không sai” mà chỉ trích; ra ngoài giới thuyết mà đá động đến cái người của người ta (như chỉ trích tôi là tự phụ, là lợi dụng v.v...) đứng trong địa vị phê bình văn học lại còn nhảy ra làm một nhà đoán tâm lý (như nói tôi sợ phê bình nên không dám dịch sách Phật bằng chữ Hán, bị kinh tế khủng hoảng nên tâm hồn bất định vân vân).

Thưa ông, thật bài “Phê bình” của ông không có chút gì bổ ích cho tôi hết. Nhưng nhờ bài “phê bình” ấy mà chỗ “sai” trong sách P.G.V.Đ của tôi cải chánh được sớm hơn, thế cũng là có ích, có ích một cách gián tiếp.

Trang 3, lời đáp câu hỏi 14: ‘ở Ấn Độ... cách phía Đông Bắc Be na rét (Bernarres) một trăm ngày ước chừng bốn chục ngàn thước...

Hai chữ “ngàn” trong lời đáp ấy do chữ “mille” trong sách “LaBouddhisme) của Olcotlt mà dịch ra, nhưng dịch ra là “ngàn” thì không đúng, mà phải dịch là “dặm Anh” (mỗi dặm Anh: 1.609 thước).

So với “Lời chú” trong quyển “Le Bouddhisme” của Soubhadra Bhikshou, trang 9, thì: “Kinh đô nước Ca bi la ở phía Bắc Bê na rét trong ngoài 150 ki lo mét, trên sông Rô hi ni”

Như vậy chữ mille trong sách ấy phải dịch là “dặm Anh” mới đúng.

Cái lầm ấy, mille là dặm Anh mà dịch là ngàn, nhờ ông Huỳnh Mộc Hưng ở Bạc Liêu viết thư chỉ giùm trong khi sách mới phát hành, tôi có hứa đến chừng tái bản sẽ đính chính lại. Nếu phê bình mà biết được chỗ “sái” như vậy đó, thì có ích cho người viết mà cũng có ích cho người đọc biết bao!

Theo trong bài “Phê bình” tóm lại thì ông chỉ trách tôi có hai khoản: 1. *Dịch tên lộn xộn*; 2. *Luận thuyết mâu thuẫn*

Có gì là lộn xộn, mà mâu thuẫn? Tại mắt ông mang kiếng xanh và kiếng đỏ vậy thôi.

Trong bài trước, ngày 18.6 ông nói: “Điều cần nhất trong việc dịch sách Phật là phải chú trọng ở tiếng Phạn”. Vâng, dịch sách Phật mà không chú trọng tiếng Phạn sao được? Phật giáo là gốc ở Ấn Độ mà. Cũng bài ấy, ông nói: “... Sư lấy tài liệu trong một quyển Pháp văn... phần nhiều đều thuộc về việc biên dịch”.

Phải dẫn cho tôi có đem chỗ hiểu biết kinh nghiệm của mình mà thêm bớt đi nữa, cũng có thể nói được là “biên dịch” dịch ở sách Tây.

Bởi vậy tôi phải dịch theo giọng Tây cho trúng tiếng Phạn, tôi chú trọng tiếng Phạn cũng như ông vậy, cho nên những tên riêng như Siddhartha tôi dịch là Si đát la, Kapilavastu tôi dịch là Ca bi la, Benares tôi dịch là Bê na rét, Kantaka tôi dịch là Căn ta ca .v.v...

Vậy mà, cũng bài ấy, ông lại nói vu cho tôi: “Sư giữ cũng không trọn, để hờ hững cho phạm vào điều đọc chữ không đúng”.

Bớ người ta! Ai biết đọc chữ Tây nên vi công lý chịu khó chạy làm chứng giùm cái! Ông Hoàng Tâm biểu tôi: Siddhartha phải đọc Tất đạt đa, Kapilavas ta phải đọc là Già tỉ la, Kan taka phải đọc là Kiên trắc v.v.. thì mới đúng tiếng Phạn. Thật tôi không biết đường nào mà rờ!

Thiện Chiếu

(CL số 2407, ngày 9.7.1932)

PHÊ BÌNH SÁCH “PHẬT GIÁO VẤN ĐÁP”

(tiếp theo)

1. Về khoản dịch tên lộn xộn

Đại phạm một quyển sách biên tập ra là cốt để cho kẻ đọc thấu thập tứ tướng ý nghĩa trong sách ấy, muốn vậy thì đừng dùng thứ văn nghịch ngợm mà làm cho kẻ đọc phải rối óc điên đầu không thể điều dắc vào thần trí được.

Lâu nay tôi có đọc nhiều sách đạo lý của người mình viết bằng quốc văn, tôi thấy nhiều cuốn viết bằng một thứ văn hủ liệt quê kịch, càng đọc lại càng chán, có đôi lại viết bằng thứ văn rất nghịch ngợm càng đọc bao nhiêu lại càng nhức đầu bấy nhiêu, nếu kẻ nào không có chí thì không thể nào cầm

những thứ sách ấy trong tay cho lâu được. Tôi rất phục Phạm Thượng Chi tiên sinh về việc viết sách triết học và đạo lý.

Những vấn đề triết học, đạo lý khoa học là những vấn đề khó khăn, rắc rối, nếu muốn viết sách bàn về những vấn đề thì phải dùng thứ văn nào cho xuôi suốt điệu dạng thì kẻ đọc mới thông thả trong tâm trí mà đọc, mà nghe những lý tưởng ở trong sách.

Có lẽ Sư Thiện Chiếu cũng dư hiểu lẽ ấy nên Sư mới chải chuốt câu văn có vẻ mới mẻ và êm ái, nhưng tôi lấy làm tiếc cho Sư quá hờ hững mà để cho đến nỗi những tên riêng phải dịch lộn xộn. Xin Sư hãy dừng cách mạng văn tự làm chi, vì văn tự không khi nào ai dám cách mạng - ý tôi muốn nói những cái tên riêng xưa nay những người mình hiểu Phật lý thì đều đọc một kiểu như nhau, còn nay Sư muốn cách mạng văn tự chẳng?

Nếu không cách mạng sao: tên Thích già (Sakyas) Sư lại học Sa ki da ? tên Ba nai la (Benares) sao sư lại đọc Bê na rét? Tên Lâm tĩ ni (Lambini) Sư lại đọc Lâm bi ni? Tên Tịnh Phạn vương (Sudhodhana) sao Sư lại đọc Su đô na na ? tên La hâu la Rahula) sao Sư lại đọc Ra hu la ? Tên Xa nặc (chana) Sao Sư lại đọc Sa na? Tên Bà la môn (Brahmane) sao Sư lại đọc Bờ ramăn? Tên Kiên trác (chandaka) sao Sư lại đọc Cấn ta ca? Tên A la la (Alâra) Sư lại đọc A la ra? Tên Bồ đề (Bodhi) sao Sư lại đọc Bô đi? vân vân.....

Sư đọc những tên sao khác xa quá thì thật Sư làm cho kẻ nào có học biết những tên ấy rồi đi nữa cũng không nhìn ra được, có nhìn ra được cũng chỉ nhờ ở mấy chữ Hán mà Sư chua một bên.

Nhưng sự viết sách mà đảo ngược như thế thì thật Sư khinh xuất quá, hay là Sư tưởng rằng ở trên giải đất Việt Nam

này chỉ có mình là người thông suốt Phật học, ngoài ra không còn ai bằng, nên Sư không cần thận làm chi phải không sư Thiện Chiếu?

Những tên tôi mới vừa trích lục trên kia chỉ bắt ở trang đầu đến trang 11, chớ nếu bắt từ trang đầu đến trang chót thì không sao trích lục cho hết được. Tôi có nhớ như một lúc nào đây *Phụ Nữ Tân Văn* có đăng một bài của một bạn học sinh bên Pháp, trong bài ấy bạn học sinh ta trách sao mấy anh em trong làng văn hoá quá ư nô lệ cho Hán tự cho nên mấy cái tên riêng cũng đọc theo Hán văn, như tên Mạnh đức tư cư (Montesquieu) sao không đọc Mông tặc ki ơ, như tên Lư Thoa (Rousseau) sao không đọc Rút xô, như tên Nã phá luân (Napoleon) sao không đọc Na bô lê ông, như tên Nự Ước (New Youk) sao không đọc Nết Do vân vân, nhưng sao lại phần đông anh em trong làng văn không chịu biểu đồng tình với chủ trương của ông bạn học sinh.

Nay Sư Thiện Chiếu nếu muốn thuận theo thuyết của ông bạn học sinh ấy thì biết bao nhiêu cái tên riêng mà Sư phô bày trong sách Phật giáo vấn đáp Sư phải dịch theo một kiểu như những tên tôi đã trích lục ở khoản trên, sao lại có một số tên khác Sư bắt chước theo ông Phạm Quỳnh mà dịch kiểu khác. Tên là những tiếng vẫn phải nhớ và lại là những tiếng khó nhớ hơn hết, nhờ Sư cẩn thận giùm một chút kéo tăng chúng phải điên đầu với quyển sách của sư đó!

Hay là đạo này cái tâm hồn của Sư cũng bị làn sóng thế giới hữu hình kích thích mà Sư phải trải qua cơn khủng hoảng chẳng?

Hồi trước lúc Phật thuyết pháp ngài bình tĩnh lắm, cho nên một lời nói, Ngài thường lập đi lập lại hai ba lần, huống

chi Sư là môn đồ của Phật, thế nào Sư cũng học đòi theo thái độ bình tĩnh của Phật mới phải, dầu khi nói, hay khi viết cũng phải bình tĩnh, có bình tĩnh sự luận thuyết mới khỏi vũ hoặc được. Tôi xin trích lục dưới đây những tên riêng mà Sư đảo ngược cách đọc theo kiểu khác, ôi, trong một quyển sách mà chỉ mấy cái tên mà đọc hai kiểu, nghĩ có quái lạ không?

Những tên như Sakyamouni sao Sư không đọc Sa ky mu ni mà sư lại đọc Thích ca Mâu ni (trang 16 hàng 19), như tên Rajagriha sao Sư không đọc Radagõriha mà Sư lại đọc Vương Xá thành, như tên Bõdhisattva sao Sư không đọc Bõdixachva Sư lại đọc Bồ tát (tr 27 hg 24) như tên Tripitaka, mà sư lại đọc Tam Tạng (tr 28 hg 13) v.v...? Xem chỗ dịch những tên riêng cũng thấy rằng Sư vẫn còn bõi rồi, đã bõi rồi thì tốt hơn Sư nán chờ khi nào được an tĩnh trí sẽ viết, chớ nên viết sách làm chi cho đến nỗi làm lộn xò như thế, hay là sư thấy nhân tâm người mình xu hướng về Phật giáo mà Sư sớm lo lợi dụng chỗ ấy ư?

2. Trong chỗ luận thuyết của điều mâu thuẫn

Trong các học thuyết, các chủ nghĩa quyết rằng không được để chỗ chủ trương này mâu thuẫn với chỗ chủ trương khác, điều ấy là một điều tối kỵ các nhà học giả, các nhà tư tưởng không bao giờ mà dám phạm vào điều ấy, ngu phạm vào thì cái chủ nghĩa của mình không thể đứng được.

Trong trang 35 Sư nói “Người tin có Thiên đường đều là nương theo cảnh, cũng đều là người ích kỷ tham sinh. Trang 35 sư lại nói: ‘Những kẻ chấp có muốn được về cõi Phật phương Tây thì phải niệm Phật...’ và trang 36 sư nói: “Kẻ trí vì Niết Bàn mà niệm Phật, kẻ ngu vì Tây Phương mà niệm Phật, niệm cho nhất tâm bất loạn, trong lòng không còn một mảy vọng

tâm nào, thì Tây Phương là Niết Bàn, Niết Bàn là Tây Phương có trái nhau chỗ nào đâu?”

Đã nói rằng Niết Bàn là Tây phương. Tây phương là Niết Bàn thì người ta cũng có thể nói: Thiên đường là Niết Bàn, Thiên đường là Tây phương vậy, miễn sao chúng sinh vì Niết Bàn hay vì Thiên đường hay vì Tây phương, mà diệt tận lòng tham dục ích kỷ để tìm đường đi về cõi không sống không chết, không vui, không buồn, không sướng, không khổ. Sư không thể nào muốn ông Phật ở Ấn Độ nói tiếng Thiên đường của ông Gia Tô ở Do Thái được thật Sư nói Sư không chấp cổ mà Sư chấp cổ quá lẽ.

Sư nói, hễ kẻ nào tin có Thiên đường đều có nương theo cảnh, vậy tôi cũng có thể nói, những kẻ nào tin có Tây phương, Niết bàn cũng đều nương theo cảnh vậy, rồi Sư mới có tính sao với tôi?

Chữ Niết Bàn, chữ Thiên đường, chữ Tây phương chẳng qua là những cái tên tạm đó thôi, hễ ai đi đến chỗ ấy thì không còn biết kêu là cái gì nữa.

Sư nói: “kẻ trí vì Niết Bàn mà niệm Phật, kẻ ngu vì Tây phương mà niệm Phật”, thì người ta cũng có thể nói, “kẻ trí vì Niết Bàn mà niệm Phật, kẻ ngu vì Thiên đường có tướng trời, tướng cho đến khi nào hết vọng tâm thì Niết Bàn là Thiên đường, Thiên đường là Niết Bàn không có chỗ nào trái nhau cả: nói như thế cũng được vậy, nói như thế rồi Sư mới tính sao với người ta? Sư hãy đừng chấp ở danh từ làm chi.

Danh từ cũng như ngón tay người ta mượn để chỉ mặt trăng, hễ thấy mặt trăng rồi thì ai cần gì đến ngón tay, cũng như bước đến chỗ tuyệt đối ấy rồi thì cần gì những danh từ ấy? Có lẽ Sư quá mê đắm trong Phật giáo mà cái tư tưởng của Sư phải bị câu thúc, bị bế tắc như thế chăng?

Trang 35 Sư nói: “Vì lòng dương đi Đế thích thân đặc độ già tức hiệu Đế thích thân nhi vi thuyết pháp. Dương đi Ti khư thân đặc độ già tức hiện Ti khư thân nhu vi thuyết pháp. Dương đi nữ nhơn thân đặc độ già tức hiện nữ nhơn nhi vi thuyết pháp”.

Nếu Sư nhìn nhận câu ấy thì Sư phải nhìn nhận các vị giáo chủ, Sư không được chấp cố thương xót hết thấy quần sinh Phật thuyết pháp có “thiệt” mà cũng có “quyền” cho thuốc tùy theo chứng bệnh”, Sư đã biết vậy sao Sư không biết các đấng Giáo chủ vì thương xót cả quần sinh mà thuyết pháp, thuyết pháp tùy theo thính giả mà thuyết pháp cũng như kê chữa bệnh phải tùy theo chứng bệnh vậy? Chính Phật cũng có nói rằng:

Những chỗ vật vụng, Sư không được tự thị, tự đắc cho Phật giáo là phương pháp cứu khổ tuyệt đỉnh được. Có lẽ các tôn giáo khác cũng có thể giúp cho chúng sinh thực hành được Phật pháp.

Chúng sinh là đám học sinh mà Niết Bàn là chốn trường thi, hết cả học sinh không thể học chung tại một nơi học đường mà kẻ thì học ở trường tư, kẻ thì học ở trường công nhưng đến kỳ thi thì phải quy hiệp về một chỗ.

Tôi biện luận có hơi dông dài làm cho Sư phải nhọc công đọc, xin Sư miễn thứ cho, vậy về khoản thứ hai này đến đây là dứt, còn ngoài ra bao nhiêu những điều biện luận của Sư về Phật Pháp thì đều xác đáng cả, tuy Sư để hờ hững đôi chỗ chớ đối với những sách bàn về triết lý nhà Phật ở nước ta hiện thời thì quyển *Phật giáo vấn đáp* cũng có giá trị lắm vậy.

Hoàng Tâm

(CL số 2407, ngày 9.7.1932)

PHÊ BÌNH SÁCH PHẬT NHƯNG PHẢI ĐỦ TƯ CÁCH PHÊ BÌNH

Kính đáp cùng ông Hoàng Tâm!

II

Xã hội loài người chớ phải giống nhện dâu, kiếp này sang kiếp kia, cũng cứ giăng lưới một kiểu mãi, mà không biết cải lương, mà không biết tiến bộ?

Bài tiếp theo ngày 25.6, ông nói: “Xin Sư hãy đừng cách mạng văn tự làm chi, vì văn tự không khi nào ai dám cách mạng - ý tôi muốn nói những cái tên riêng xưa, nay những người mình hiểu Phật lý thì đều đọc một kiểu như nhau, còn Sư lại đọc khác đi, có phải là Sư muốn cách mạng văn tự không?”

“Không khi nào ai dám cách mạng văn tự”, nói như ông vậy, tự ông cho ông không hơn gì giống nhện, rồi ông cũng cho cả loài người trên trái đất này đều là giống nhện hết, phải không? Thưa ông?

Ông đừng lục đục mãi trong vòng “hiện tại” chớ! Phải ngộ ngoáy lại cái “đã qua” phải xét tới cái “chưa đến”. Ngó lại cái “đã qua” thì thấy bây giờ loài người không còn nằm nội ở hang nữa, không còn ăn lông uống máu nữa, không còn sùng bái thú vật nữa, không còn chế độ tù trưởng nữa; xét tới cái “chưa đến” thì sẽ thấy thế giới đại đồng, tôn giáo tiêu diệt, không còn giai cấp giới vực gì nữa. Ông có chịu tin như vậy không? Nếu không tin, thì cũng như kẻ ở vào thời đại còn nằm nội ở hang không tin có lâu đài cung điện như ngày nay vậy thôi. Cái đó cũng không lạ gì.

Thứ chữ Tàu bây giờ, khác hẳn với thứ chữ tượng hình hồi đời thượng cổ; thứ chữ quốc ngữ chúng ta đương viết bây giờ, không giống như thứ chữ hồi phát minh. Nước Tàu đương dùng văn bạch thoại, nước ta bỏ hẳn chữ Nôm. Cái đó có phải là cách mạng văn tự không? - Thưa ông.

Văn tự là biểu hiện của tiếng nói, tiếng nói còn có thể cách mạng được, huống chi văn tự? Nước Tàu đất rộng người đông cứ phân tranh với nhau mãi, người trí thức họ biết rằng tiếng nói chẳng đồng cũng là một nguyên nhân trong đó, nên đã đề xướng và thực hành cho ngữ ngôn thống nhất, ông có nghe thấy gì không?

Ấn Độ trên một trăm năm rồi mà chưa thoát ly được vòng nô lệ, các nước trên thế giới cứ xâu xé với nhau mãi, tiếng nói chẳng đồng cũng là một nguyên nhân rất lớn trong đó. Như vậy ngữ ngôn văn tự có nên cách mạng hay không?

Thế giới ngữ (espéranto) tuy bây giờ chưa được thông dụng nhưng tôi tin sau này nó sẽ thế cho hết cả tiếng nói của các nước. Nếu có ai nói rằng cái tin của tôi như vậy là điên cuồng vô lý, thì tôi xin hỏi: Một số ít biết thế giới ngữ thay mặt cho một nước để giao thiệp với các nước, thì có khác nào cách hạn chế tuyển cử, làm sao gọi là công bằng được? Nếu cho rằng cách phổ thông tuyển cử mới là công bằng, thì tôi xin nói: Mọi người đều dùng thế giới ngữ mới mong đại đồng được.

Chẳng cần nói dông dài làm chi, nếu trên thế giới đồng một thứ tiếng, một thứ chữ, thì không mất ngày giờ học thứ chữ này với thứ chữ khác, khỏi mất công dịch thứ tiếng kia ra thứ tiếng kia, mà chính tôi cùng ông cũng khỏi cãi lầy như vậy nữa. Như vậy ngữ ngôn văn tự có nên cách mạng hay không?

----- kiểm duyệt -----

Điều nói mà nghe, chớ tôi có cách mạng văn tự gì đâu. Siddhar thừa ông đọc là Tất đạt da Kapilavastu ông đọc là Giả tỹ la, Benares ông đọc là Ba nại la, Kantaka ông đọc là Kiên trác v.v... đó chính ông là chánh phạm trong vụ cách mạng văn tự đó, sao lại chốt đi mà phao phản cho người ta? Nhưng không sao đâu tôi đã làm thầy kiện cãi thí giùm cho ông rồi đấy!

Ông nói: “Những cái tên riêng xưa nay những người mình hiểu Phật lý thì đều đọc một kiểu như nhau”.

Hai chữ “xưa nay” xin ông sửa lại là “hồi xưa”. Nếu ông nói “xưa nay”, là ông khinh thị hết thầy người học Tây đều không hiểu Phật lý. Hay là ông nói người học Tây cũng hiểu Phật lý, thì sao ông dám nói đều đọc một kiểu như nhau là: Tất đại đa, Già dĩ la v.v...?

Xem báo Tàu, nếu đọc theo điệu quốc âm, thì mấy tên riêng như Cầu Ông Lãnh phải đọc là Cựu ngữ luân, nhà in Xưa Nay phải đọc là Xá Nãi, đọc như vậy ông nghe có chướng tai không? Nếu nghe chướng tai, thì sao ông lại biểu: Montesquieu phải đọc là Mạnh đức tư Cưu, Rousseau phải đọc là Lư Thoa, Napoleon phải đọc là Nã phá luân, New York phải đọc là Nựu ước?

Phần đông anh em trong làng văn, theo tôi hiểu, không phải quá thiên như ông Nguyễn Duy Thanh (?), cũng không phải quá hủ như ông vậy đâu, mà ông kéo vào đặng lấy thanh thế!

Bài trước, ngày 18.6, ông nói: “Xưa nay các nhà thâm hiểu Phật giáo đều là người xem sách Phật bằng Hán văn cho nên những tên như Siddhartha đọc là Tất đại đa, thì ai cũng dễ nghe mà Sư lại đọc Si đất ta như tên Kapilavastu thường đọc Già tỹ la, Sư lại đọc Ca bi là v.v... làm cho lạ tai độc giả quá”.

Tội nghiệp chưa! ông mấy lăm tuổi mà đã lẩn lộ rồi! Nếu may ra mà ông chưa điếc thì xin nghe:

“Đã lâu rồi, không còn trường dạy chữ Hán nữa, hiện bây giờ hết thấy học sinh đều học chữ Tây: Siddhartha mà đọc là Già tĩ la thì làm cho họ chướng tai mắt!” Ông nghe có được rõ không?

Nói cho phải, lâu nay đọc sái đã quen rồi mà bây giờ sửa lại đọc cho trúng tiếng Phật, mới nghe cũng lạ tai thật. Nhưng thưa ông, trông trái, để ngừa bệnh trái giống, tiêm thuốc dạng phòng chừa; thiên thời, thì sao cho khỏi lạ tai với cái tục còn tống ôn tống gió! Vậy mà lần lần hết lạ tai, bởi họ biết rằng muốn khỏi chết bậy thì phải tiêm thuốc, phải trông trái mới nhằm; cũng như người muốn học Phật họ sẽ hiểu rằng phải đọc như vậy mới trúng tiếng Phật, thì cái “lạ” ấy cũng chưa lạ mấy. Cái này chữ Hán đọc theo điệu Quốc âm mà lại đọc sái nhong: Ca bì la lại đọc Già tĩ la, Lam bì ni lại đọc lâm tử ni, Thích ca lại đọc Thích già, không biết đời nào kiếp nào cho hết lạ tai cái “lạ” đó mới thật là “lạ” chớ!

Thiện Chiếu

(CL số 2408, ngày 11.7.1932)

PHÊ BÌNH SÁCH PHẬT NHUNG PHẢI ĐỦ TƯ CÁCH PHÊ BÌNH

Kính đáp cùng ông Hoàng Tâm!

III

Bài trước, tôi biện bác như vậy, có lẽ độc giả đã hiểu tôi

chủ trương như thế nào rồi, đáng lẽ không cần cất nghĩa nữa làm chi, những sẵn dịp nói, cũng nên nói luôn thể.

Phần nhiều người học Tây, chỉ có xem qua sách Phật bằng chữ Tây, đều đồng thanh mà lên án cho sách Phật của Tàu là “sai lầm” hết.

Không sai lầm, sao mà hết thấy chùa Phật của người mình xưa nay vẫn học theo Tàu, lại không giống như trong sách Phật của Ấn Độ mà người Tây họ đã dịch ra đó?

Rồi họ tẩy chay ngầm!

Không! cái sai lầm ấy, ta phải có gan mà nhìn nhận rằng: tại ta, học Tàu cũng như học Tây, chỉ biết bắt chước cái xấu, cái dở của người, mà không biết tìm đọc cái hay cái tốt của người.

Theo tôi hiểu, các sách Tây ở Ấn Độ, trừ những sách nói thuần túy về Phật giáo cũng chưa ắt đã hoàn toàn phong phú hơn sách Phật của Tàu. Một anh thợ khéo, nếu vì chút mục ở bìa (vỏ) mà bỏ nguyên khúc gỗ, thì còn thất bại nào bằng!

Nhưng trước kia, Tàu là trung tâm Phật giáo học của các nước Viễn Đông, mà ta đương ở trong vòng học nhờ viết mượn dẫu có sai lầm, có trại bệ, thì cũng dung chế đi được. Ngày nay thế giới giao thông, ta đã có một thứ chữ độc lập mà lại còn để cho sai lầm, cho trại bệ, cái tội ấy, mới cãi chối làm sao đây?

Bởi vậy, tôi chủ trương rằng: Hễ ai có đọc mật chú, phải qua Ấn Độ mà học lại Chân Ngôn tông, chớ đừng đọc A di đà bà dạ, đa tha dà đa dạ nữa; ai có nói đến tên người, xứ nói Si đất ta, Bê na rét, mà đừng nói Tất đại đa, Ba hại la nữa. Vì đọc như vậy thì thật xa lắm.

Đến đây, có lẽ độc giả đã đọc qua bài phê bình, sẽ đồng ý với ông Hoàng Tâm mà bắt ngật tôi rằng: “ừ nếu Sư đã chủ

trương như vậy, những tên riêng phải đọc cho đúng tiếng Phạn, vậy thì phải đọc một kiểu như nhau, sao có một số tên khác Sư lại dịch theo kiểu khác, làm cho tăng chúng phải điên đầu với quyển sách của Sư đó. Hay là đạo này cái tâm hồn của Sư cũng bị làn sóng thế giới hữu hình kích thích mà Sư phải trải qua cơn khủng hoảng chẳng?”

Bài “Phê bình” tiếp theo ngày 25.6, ông Hoàng Tâm đã trích mục những “tên riêng” mà Sư đảo ngược cách đọc theo kiểu khác đây này: “Những tên như Sakyamuni sao Sư không đọc Sa ky mu ni mà Sư lại đọc Thích ca Mâu ni (tr 26 hg 19), như tên Rajagriha sao Sư không đọc Ra da gờ ri ha mà nhà Sư lại đọc Vương xá thành (tr 8 hg chót), như tên Bôdhiaaltva sao Sư không đọc Bô đi xách va Sư lại đọc Bồ tát (tr 27 hg 24) như tên Tripita kas sao Sư không đọc Tờ ri bi ta ka; mà sư lại đọc Tam Tạng (tr 28 hg 13).”

Khoan xin đọc giả khoan nghe tiếng “mở” của ông Hoàng Tâm trong lúc còn “mê mộng” mà buộc tội cho tôi, thì tội nghiệp lắm đa!

Nếu không phải “mở” sao Bôdhisattva và Tripitakas là hai cái “tên chung” mà ông lại gọi đại là “tên riêng? Không phải “mở” sao trong sách, trang 8 tôi đã viết rõ rằng: “Ra gia ra gờ ri ha hay là “Vương Xá thành” ổng chỉ thấy thấp thố, nửa đoạn sau mà bỏ hết nửa đoạn trước của người ta? Không phải “mở” thì sao trong sách, trang 28, hàng 13 tôi viết là “Ba tàng” (ấy là tôi dịch chữ Tripittakas), ổng lại đọc ra là “Tam Tạng”?

Ông Hoàng Tâm! Hãy thức dậy cho tỉnh táo, rửa sạch sẽ đi, rồi sẽ nói chuyện cùng nhau, cũng không muộn gì mà!

Thưa ông, nếu không phải ông “mở” thì quyển PGVĐ của tôi ở trong tay ông cầm để phê bình đó, có lẽ bị con “mọt sách” nó đã đục mất bậy đi rồi chẳng!

Dầu sao đi nữa, trong sách tôi viết “Ba tàng” mà ông đọc ra “Tam Tạng”, “Ra gia gờ ri ha hay là Vương Xá thành”, cái đó ông chịu trách nhiệm, chớ không quan hệ gì đến quyển sách của tôi hết. Song, chỉ có hai tên: Sakyaminu sao tôi đọc Thích ca Mâu ni, Bôdhisattva sao tôi đọc là Bồ tát là tôi phải cắt nghĩa mà thôi.

Sakyaminu là tên riêng (nom propre), đáng lẽ phải đọc là Sa ky a mi nu. Nhưng chữ Sa kay nếu đọc mau thì nghe như Sát ca (bởi vậy ở mục Từ khảo, tôi có giải thêm: hoặc đọc “Sát da?” hay “Sát ca”? nữa).

Vậy thì, Sát ca với Thích Ca, Mâu Ni với Mu ni cũng như Rút Sô với Rousseau, Đát vanh với Darwin, tuy không được đúng đắn, nhưng không phải trại xa quá như Tất đạt đa với Siddhartha, Ba nại La với Béneres, Lư Thoa với Rousseau, Đạt nhĩ Văn với Darwin vậy?

Vả lại, chính sách Phật ở Ấn Độ mà giọng đọc cũng không đồng nhất: như tiếng Sanscrit đọc “Nirvâna” (Tàu dịch là Niết Bàn), tiếng Pali lại đọc “Nibbana” (nên Tàu dịch là Nê hoàn hoặc Nê bạn); tiếng Sanscrit đọc “Bhikku” (Tàu dịch là Tỷ khưu), còn tiếng Pa li lại đọc “Bhikson” (nên Tàu đọc lại dịch là Bí sô, Bí xu) v.v...

Bởi lẽ ấy tôi để yên là Thích ca Mâu ni mà không sửa lại là Sakidamuni. Tuy không được đúng đắn với tiếng Sakyamuni, nhưng cũng không phải trại xa lắm, thì có gì đâu là quái lạ, là điên đầu!

Ừ, mà sao hai chữ Thích Ca ở trang 26, tôi cũng có chừa thêm “Si ki da” nữa kia mà.

Còn Bồ tát là một cái “tên chung”: Tiếng Sanscrit đọc là “Bôdhisat” (thấy ở quyển Gotama le Boud dhi, xuất bản ở

hiệu Payot, Paris, 106, Bd Germain). Vậy thì “Bôdhisat” (Bô đi sát) tiếng Phạn, mà ta đọc ra Bô Tát có khác nào tiếng Pháp như Savonta đọc là Xà bông, Caporal mà đọc ra Cặp rằng, Enuticpreneur mà đọc ra Tấp bơ nửa đầu?

Những tiếng Xà bông, cặp rằng và Tấp bơ nửa, tiếng Pháp đã nhập tịch tiếng ta được; cứ gì Bô tát, tiếng Phạn, lại bỏ đi mà không cho nhập tịch tiếng ta?

Bởi vậy, cho nên tôi cứ để yên là “Bô tát”, Bô tát là một cái tên chung để chỉ người nào dẫu còn thân phàm, nhưng lòng đã tỉnh ngộ. Tiếng Bô tát cũng như tiếng Xà bông là một vật thông dụng, xứ nào cũng có. Nhưng nói với người Pháp, xà bông phải nói Savon, cặp rằng phải nói caporal, Tấp bơ nửa phải nói entrepreneur; nói với người Ấn Độ, Bô Tát phải nói Bôdhisat hay Bôdhisatlva. Bởi vậy, mục Từ khảo, tôi đã giải: “Bô tát tiếng Phạn là Bô đi sát hoa, theo chữ Tàu ta đọc là Bô đề tát đả, nhưng nói tắt là Bô Tát”.

Đó tôi cắt nghĩa như vậy, ông còn cho là “dịch tên lộn xộn” nữa thôi?

Nhưng, tôi phải nói thêm cho ông biết: Buộc tội như vậy là quá nghiêm khắc, mà cũng không hợp thời.

Một cái Tùng thư rất có giá trị ở Huế, trong quyển “Kinh tế học”: Paris dịch là Ba si, Berlin dịch là Béc lanh, vậy mà cũng không khỏi có chỗ lại theo Tàu, Ecosse dịch là Tô cách lan, Prusse dịch là Phổ tổ Sĩ, các báo quốc ngữ ở Nam Kỳ, kỹ thuật cuộc chính biến ở Xiêm, mới 27, 28 Juin gì đây, tại Bangkok mà tờ báo thì nói Vọng Các, tờ khác lại nói Băng Cốc, có tờ báo cũng trong một bài kỹ thuật mà trên thì nói Vọng Các, dưới thì nói là Ban Cốc!

Cái “lộn xộn” ấy, ông buộc tội cho ai? cho Tùng thư? cho tờ báo? Hay là buộc tội cho cái xã hội hết Tàu tới Tây,

đương ở trong cái thời kỳ vừa bỏ cũ thay mới, là một cái xã hội còn lộn xộn?

Thiện Chiếu

(CL số 2409, ngày 12.7.1932)

PHÊ BÌNH SÁCH PHẬT NHƯNG PHẢI ĐỦ TƯ CÁCH PHÊ BÌNH

Kính đáp cùng ông Hoàng Tâm!

IV

Tôn giáo tiêu diệt! Tôn giáo tiêu diệt! Phải lắm mà!

Làm sao cho lòng người chia rẽ không biết thương nhau, là bởi cái họa tôn giáo, làm cho loài người cứ di truyền mãi cái tính nô lệ. Cũng bởi cái họa tôn giáo. Tôn giáo là nguồn gốc hết thấy các thứ “bất bình” trên xã hội. Tôn giáo là mối giặc thù to lớn hơn hết của loài người. Tôn giáo là một thứ thuốc độc vô hình, cho nên nó hại hơn hết các thứ thuốc độc khác. Nếu ta không lo sớm trừ cho tôn giáo tiêu diệt thì nhân loại bao giờ mới hết thống khổ thế giới bao giờ được đại đồng.

Trước kia, tôi đã tỏ sơ cái ý kiến ấy trên báo ĐNN một lần rồi. Ngày nay nhờ ông Hoàng Tâm phê bình sách PGVĐ của tôi mà được đem cái vấn đề trọng hệ này ra cùng các nhà hảo tâm thảo luận để giải quyết thật là may mắn lắm.

Các ý kiến tôi thế nào, sẽ tỏ ra trong lời biện luận về khoản “Luận thuyết mâu thuẫn” của Hoàng Tâm dưới đây. Vậy xin các nhà thức giả, ai có lòng muốn tháo cũi sổ lồng cho nhân loại chúng ta, nên mau sung vào đội quân “vô thần

nghĩa dũng” cho có thực lực, mới trừ diệt được cái họa tôn giáo, chớ nên khinh thường mà bỏ qua cơ hội ít có này.

Xưa nay người đạo Phật ở nước ta, tưởng rằng Tây phương là cõi thật, cũng như tín đồ của Nhất thần Giáo tin có Thiên đường vậy. Cho đến gần đây, các nhà viết sách truyền bá “Tịnh độ tôn” (đọc cho đúng là: Tịnh thổ tông) cũng chỉ nói về “sự” mà không biết minh về “lý” làm cho cái thuyết Tây phương mâu thuẫn với nghĩa Niết bàn, không có mâu thuẫn gì cả. Dứt vọng niệm một cách gián tiếp là Tây phương, dứt vọng niệm một cách trực tiếp là Niết bàn.

Dầu gián tiếp hay trực tiếp, cũng chỉ là dứt vọng niệm, thì có mâu thuẫn gì đâu? Cho nên tôi mới nói: “Tây phương là Niết bàn, Niết bàn là Tây phương”.

Ông Hoàng vớ lấy câu ấy, tưởng là “chặn họng” tôi được rồi, lên nước! Không dè lát nữa đây, ông sẽ giật mình, chừng ấy mới hay là “mộng”.

ĐNN, bài phê bình tiếp theo, ngày 25.6, ông nói lớn tiếng dữ: “Đã nói rằng Niết bàn là Tây phương, Tây phương là Niết Bàn thì người ta cũng có thể nói Thiên đường là Niết Bàn, hay vì Thiên đường hay Tây phương mà diệt tận lòng tha dục ích kỷ để tìm đường đi về cõi không sống không chết, không vui không khổ”.

Tôi xin thật tình cảm ơn ông. Ông Hoàng Tâm! Đã mấy năm rồi, tôi cứ nghĩ mãi mà không ra. Nay nhờ cái lý thuyết “mối mề” ấy, tôi mới ngộ được là lẽ nhiệm màu: “Gia Tô là Khổng Tử, Khổng Tử là Thích Ca, Thích Ca là Lý Thái Bạch, Lý Thái Bạch là Thái Thượng Lão quân, Thái Thượng Lão Quân là Quan Âm Bồ tát, Quan Âm là Quan đế, Táo quân. Miễn sao chúng sinh vì Gia tô, hay vì Khổng Tử, hay vì Thích Ca, hay vì Lý Thái Bạch, hay vì Thái Thượng Lão Quân, hay

vì Quan Âm Bồ tát, hay vì ..., vào đây thì có đủ thứ! huyền diệu vô cùng!

Tôi tuy ít học, song cũng chút biết cái nghĩa “hỗ trợ”, nay nhờ ơn điểm đạo cho, nữ nào thấy cái “lầm” không chỉ để cho người thức giả họ đem ba chữ “ốc xà bần” mà tặng ông?

Thưa ông, ông được nói theo tôi: Tây phương là Niết Bàn, Niết Bàn là Tây phương. Cũng như nói: bọt là nước, nước là bọt; có hại gì đâu? Song ông không được nói Thiên đường là Tây phương lại càng không được nói Thiên đường là Niết Bàn.

Tại sao? Tại hai cái giáo nghĩa khác hẳn nhau lắm. Một đảng thì giai cấp, một đảng thì bình đẳng. Một đảng thì bị người thưởng phạt, một đảng thì mê ngộ tự do. Một đảng thì phục tùng dưới chúa, một đảng thì sáng suốt bằng Phật. Nếu ông nói Thiên đường là Tây phương, Thiên đường là Niết Bàn, thì cũng như ông nói Quân chủ chuyên chế là Quân chủ lập hiến, Quân chủ chuyên chế là Dân chủ cộng hoà. Chúng tôi xin thú thật rằng trí phàm không sao hiểu được cái lẽ huyền bí ấy!

Ông lại khéo nói giả ngộ thì thôi: “Sư nói, hễ kẻ nào tin có, Thiên đường đều là nương theo cảnh cả, vậy tôi cũng có thể nói, những kẻ nào tin có Tây phương, Niết Bàn cũng đều nương theo cảnh vậy. Rồi Sư mới tính sao với tôi đây?”

Cái đó dễ tính mà! Miễn ông chịu khó tính xong giùm: Chuyên chế khác với Lập hiến, Chuyên chế lại còn khác xa với Cộng hoà; thì tôi xin đáp liền: Nguyên học Phật cứ giác ngộ ở làng, không nương theo cảnh nào hết. Bởi trong sách PGVD trang 36 tôi đã nói: “Đến đó cũng không có Tây phương, mà cũng không Niết Bàn!” Có phải như bọn kiếp kiếp đời đời cứ gục đầu ở dưới quyền thưởng phạt của người ta đâu, mà ông gọi: cũng là “Nương theo cảnh”.

Tôi nói “Kẻ trí vì Niết Bàn mà niệm Phật, kẻ ngu về Tây phương mà niệm Phật” ông bắt câu ấy mà nói rằng: “Nếu kẻ trí vì Niết bàn mà niệm Phật, thì kẻ ngu vì Thiên đường mà tưởng Trời, tưởng cho đến khi nào hết vọng tâm thì Niết Bàn là Thiên đường, Thiên đường là Niết Bàn, không có chỗ nào trái cũ, nói như thế cũng được vậy, nói thế rồi Sư mới tính sao với người ta?

Thiện Chiếu

(CL số 2410, ngày 13.7.1932)

PHÊ BÌNH SÁCH PHẬT NHƯNG PHẢI ĐỦ TƯ CÁCH PHÊ BÌNH

Kính đáp cùng ông Hoàng Tâm!

IV (tiếp theo)

Thưa ông: Tôi chịu! Họ đã quên cái óc “nô lệ” rồi, Cộng hoà họ coi cũng như chuyên chế, thì còn tính với họ làm chi!

Nhưng, nói chơi vậy thôi, chứ nữ nào để cho họ trầm luân trong biển khổ. “Còn một người chưa thành Phật, thì ta cũng chưa chịu thành Phật” câu ấy chúng tôi không bao giờ quên được. Quên không được nữ nào có biết mà làm thình?

Lòng, Phật và chúng sinh tên có ba mà là một. Lòng sáng suốt là Phật, lòng mê muội là chúng sinh. Nếu hết mê muội thì cũng không còn cái tên sáng suốt, cho nên mới gọi là một, mới gọi là bình đẳng.

Sáng suốt là thế nào? Sáng suốt nghĩa là đã hiểu rõ cảnh “có” không bền, vô thường biến đổi, nên lòng không dính cảnh

thì cảnh tốt đến không vì đó mà vui mừng, như vậy cảnh xấu đến không vì đó mà vui mừng, như vậy cảnh xấu đến có gì đâu mà thống khổ? Cho nên mới sống không ham chết sợ được. Đến cái chỗ lòng không sinh diệt ấy, kêu là “tất” hay là “Niết Bàn”. Niết bàn không phải là cảnh. Niết Bàn là cái tên chỉ “sự yên tĩnh” trong lòng. Lòng sáng suốt thì được yên tĩnh cho nên gọi là Phật nhập Niết Bàn.

Còn mê muội? Mê muội nghĩa là chưa rõ được cái lý nghĩa là chưa rõ được cái lý “vô thường”, tưởng cái “có” là có mãi, là hằng còn, chấp “ta”, chấp “cảnh”. Cảnh đến thì ta vui mừng hơn hở, cảnh nghịch đến thì ta đau đớn buồn đau, bởi vậy mới ham sống sợ chết. Lòng còn sinh diệt đổi thay ấy, kêu là sinh tự luân hồi. Cho nên ai còn lòng ấy thì gọi là chúng sinh ở trong vòng sinh tử.

Muốn tể độ chúng sinh (người còn đương mê muội) ra khỏi vòng sinh tử, thì Phật (người đã sáng suốt trước) phải làm sao? Chỉ ngay chỗ cứu cánh: Lý “Niết Bàn” Nghĩa là biểu họ “tất lòng” đừng dính theo cảnh. Nhưng, người còn mê muội quá, không tự chủ được nghĩa là tự do không “tất lòng” được, nhà Phật có lòng từ bi đành để như vậy sao?

Không, có cảnh ở Tây phương là một cảnh không còn sống chết, không còn thống khổ như cõi này. Nếu ai muốn về đó thì phải niệm Phật. Nhưng niệm cho đến “nhất tâm bất loạn” khi chết đâu có thấy Phật cũng không được màng, thì mới được sinh về cõi ấy. Thấy Phật không màng, thấy chết còn gì mà sợ. Vậy thì kẻ niệm Phật cầu về Tây phương có phải như kẻ ham thưởng sợ phạt, cầu về Thiên đường đâu mà bảo Thiên đường là Tây phương được? Huống chi Niết bàn, nghĩa là tự mình dứt vọng tâm không cần Tây phương, không cần niệm Phật cũng được.

Vậy xin hỏi ông, hết thấy tín đồ của Nhất thần giáo ở thế gian này, có ai là người đã không cần thương Chúa mà tự mình diệt vọng tâm không? Nếu có, thì ắt không phải là tín đồ của Nhất thần giáo nữa.

Vậy thì sao ông nói Thiên đường là Niết Bàn. Bướng quá!

Tây phương chẳng qua là phương tiện, hay là giả thiết. Niết bàn mới phải là cứu cánh. Tây phương như bọt nước. Cho nên Phật giáo đâu có bỏ cái giả thiết, song vẫn còn cái cứu cánh, ví như bọt nước có tan, cũng còn biển nước vậy. Chớ lên Nhất thần giáo nếu bỏ cái giả thuyết Thiên đường cũng như bọt xà bông thổi giữa hư không, tan rồi thì không còn gì hết. Vậy ông còn nói Thiên đường là Tây phương, Thiên đường là Niết Bàn nữa thôi?

Trong sách, trang 35 tôi nói: “Vì lòng thương xót hết thấy quần sinh, Phật thuyết pháp có “thiệt” mà cũng có “quyền” cho thuốc tùy theo chứng bệnh. Ông ví câu ấy mà dạy lại tôi rằng: “Sư đã biết vậy, sao Sư không biết các đấng Giáo chủ vì thương xót cả quần sinh mà thuyết pháp, Thuyết pháp tùy theo thính giả, mà thuyết pháp cũng như kẻ chữa bệnh phải tùy theo chứng bệnh vậy?”

Thưa ông: tôi biết rồi. Nhưng theo ông nói, các đấng giáo chủ đã vì thương xót cả quần sinh mà thuyết pháp, vậy nay quần chúng đã giác ngộ rồi, không cần các cái giả thuyết ấy nữa, cũng như đã hết bệnh rồi, thì cần thuốc nữa làm chi.

Vậy từ đây, xin ai là người thay mặt cho các đấng giáo chủ, hãy dẹp hết cái thuyết Thiên đường, Địa ngục, Tây phương, Phật quốc ấy đi, và phải dẹp cho sạch hết các hình thức tôn giáo, đốt giùm luôn cái tượng “một mắt” và thủ tiêu

hai chữ “Giáo chủ” đi vì ai cũng như ai, còn gì mà phân chia giai cấp?

Nếu không nghe, thì quần chúng sẽ trừ diệt mà mang xấu đa.

Thưa ông, như vậy thì còn gì đâu mà ông phải mắc công báo là: “Luận thuyết mâu thuẫn” nữa, hả ông!

Thiện Chiếu

(CL, số 2410, ngày 13.7.1932)

PHÊ BÌNH SÁCH PHẬT NHUNG PHẢI ĐỦ TƯ CÁCH PHÊ BÌNH

Kính đáp cùng ông Hoàng Tâm!

V

Hai khoản “dịch tên lộn xộn” và “luận thuyết mâu thuẫn” của ông buộc tội cho tôi, trong mấy bài trước, tôi giải đáp như vậy, theo tôi, thì cũng là đủ lẽ rồi, lý ứng khởi nói gì thêm nữa trong bài này, là một bài tôi muốn nói “chuyện riêng” với ông. “Chuyện riêng” nghĩa là một chuyện không còn quan hệ gì đến quyển PGVĐ của tôi nữa.

Nhưng, bởi ông đăng bài I của tôi trả lời cho ông trong báo *DNN* ngày 2.7.1932, ông có “chú giải” đôi chỗ để cãi lại trong đó, nên tôi phải có ít lời nói thêm:

Trong bài phê bình, ông bảo “dịch kinh phải chú trọng ở tiếng Phạn” rồi cách dưới đó không mấy hàng, ông lại bảo rằng tôi “đọc chữ không đúng” Nhưng xem suốt hai bài phê

bình, tôi không thấy ông dạy phải đọc thế nào mới đúng; chỉ thấy ông bảo đọc như “xưa nay” (theo kiểu ông nói): Giả tí la, Ba nại la, vân vân. Vậy thì ai cũng phải hiểu như tôi rằng trong đó có cái hàm ý (sous entente) là phải đọc như “xưa nay” vậy, mới đúng tiếng Phạn. Như vậy ông còn “chú giải” mà chối rằng “tôi đâu có nói” mới đúng tiếng Phạn” làm chi?

Hay là ông nói: Không, cái đó là tôi bảo theo chữ Tàu mà đọc ra điệu quốc âm vậy thôi. Thế thì nó lại mâu thuẫn với lời “chú giải” của ông: “ý tôi muốn dịch sách Phật chẳng những chỉ lấy sách Tàu (sách Bắc tông) mà cần phải do sách Nam tin, cần phải do sách bằng tiếng Phạn mà dịch H.T” đi còn gì! Bởi hai quyển sách Tây mà tôi lấy tài liệu đều là sách Nam mô, nghĩa là hai quyển sách ấy do kinh sách chép bằng tiếng Pali mà viết ra.

Thôi, đến đây là hết, không còn cãi lấy gì về trong quyển P.G.V.Đ nữa, dưới đây tôi lại xin cãi về vấn đề khác, là những vấn đề ở ngoài giới thuyết phê bình, bởi ông mà ra.

Đ.N.N ngày 18.6, trong bài phê bình, ông nói: “Quyển PHTY thì sư Thiện Chiếu dịch ở sách Tàu, Sư dịch không đúng từng chữ nguyên văn, xê xít nguyên văn v.v...”

Ông Phan Khôi đã chỉ trích rành rẽ rồi, nên nay Sư ra quyển PGVĐ Sư không còn lấy sách Tàu dịch ra nữa, có lẽ Sư “sợ” để chân lằm vào đầu đường cũ mà bị Phan Tiên sinh chỉ trích lần thứ hai chẳng? Cho nên nay Sư “bỏ quách” sách Tàu đi.

Cái gì “sợ” mà “Bỏ quách”? Ông Phan Khôi còn đó, tôi còn đây, thì ông chịu khó hỏi lại đi, hay lục lấy sổ “Thần Chung” từ tháng 1 đến tháng 2 năm 1930 coi lại cũng được; coi tôi đã chịu phục cái khoản “theo đúng rừng chữ của nguyên văn” đó chưa? Nhưng cũ lắm rồi!

Một nhà Học giả, hi sinh vì lẽ thật, có phải anh ăn trộm đâu mà sợ chúng bắt? Huống chi, một quyển sách mà nói bậy viết càn, có hại cho xã hội, chẳng luận dịch ở sách Tàu, rút ở sách Tây, hay tự trong óc mình đem ra đi nữa, trên thế gian này, cũng không phải chỉ một mình ông Phan Khôi biết phê bình mà thôi.

Quyển PGVĐ vấn đáp chữ Tàu, tôi thấy lộn xộn và tầm thường quá, nên mới lấy tài liệu trong hai quyển sách của *Pleotl* và *Lombhadra*, có phải sợ an mà trốn nữa.

Ông không tin? Thì cứ lật ngay bài “Kính cáo độc giả” trong sách PGVĐ mà xem lại đi, ông sẽ thấy tôi sắp xuất bản *Pháp Cú Lăng nghiêm*, *Phật giáo vô thân luận* vân vân toàn những sách Tàu là sách Tàu, rồi ông mới hết tưởng lầm rằng người ta cũng “sợ ma” như mình, hết nói bướng Tàu mà không dịch nữa!

Ông trích chữ tôi “tự phụ” rằng trên đất Việt Nam này không ai thông đạo Phật bằng mình, và “lợi dụng” lòng người đương xu hướng về Phật giáo, nên “nôn” viết sách.

Họ đứng ngoài hàng rào mà thấy được việc trong nhà của người ta, thật cũng là tài chớ!

Năm 1927, ông Nguyễn Mục Tiên có viết một bài “*Nên chấn hưng Phật giáo nước nhà*” đăng ở ĐPTB, lời lẽ thông thiết, trưng cầu ý kiến các nhà hữu tâm giúp vào việc trùng hưng Phật pháp, vậy mà có thấy ai đâu?

Ai là người mẫn thế ưu thời, cao tăng đại đức? Toàn cõi Việt Nam, lặng tiếng im hơi, không thấy nói năng gì hết! Đến đến nỗi ngoài thì thuyết tà ứng dậy, trong thì sách Phật ra càn, Phật giáo suy đồi, đến thế là cực điểm. Nhưng trong lúc bấy giờ, không ai ra sức phò trì cũng còn kiếm cố mà đổ thừa được.

Đến nay, nghe oai vệ thay cái tên NKNCPHH, trang nghiêm thay cái cơ quan ngôn luận “Từ Bi Âm”! Nhân tài sẵn đó, diễn đàn có đây. Thế mà “ba câu hỏi” của *TNDB* không thấy trả lời; quyển *Tôn giáo* của ông Nguyễn An Ninh không nghe biện giải. Khác nào nhà hoang chết chủ, vắng trước quạnh sau, hay là như câu tục ngữ: “Có họng ăn mà không có họng nói” đó. Ông thấy chưa?

Chỉ thấy lịch sử ông Thích Ca trong tạp chí, họ chép theo sách bịa đặt hoang đường, đặng giục lòng mê tín; kỳ nào cũng thấy in hình “quan lớn” để loè đám ngu dân, ông có thấy cái mặt nạ hai chữ “nghiên cứu” đó không?

Nghiên cứu là họ nghiên cứu ông Phật rằng “bạc” họ chê Phật Xi măn còn xấu mà! Ông thấy chưa? Vậy mà tôi viết sách nói một cách thật thà, ông lại cho là tự phụ; hẹp lượng chi lắm ông!

Huống chi trước kia quyển PHTY hồi ấy ra tiền mà xuất bản, bây giờ quyển PGVĐ cũng ông chùa Tam Bản ở Rạch Giá ấn hành, tôi có gì đâu mà bảo là “lợi dụng”? Dẫu cho tôi có xuất bản mà thu lời (chưa chắc), miễn sách gỡ được cái hại mê tín của người ta, thì cũng là chính đáng mà.

Ông nói: “Sư không được tự thị, tự đắc cho Phật giáo là phương pháp cứu khổ tuyệt đích được”. Có lẽ các tôn giáo khác cũng có thể giúp cho chúng sinh thực hành được Phật pháp vậy?

Đâu? Tôn giáo nào đâu? Ngày nay Phật pháp thực hành cái chủ nghĩa “bình đẳng bác ái” cho cả nhân loại trên toàn thế giới đây. Vậy hết thấy các tôn giáo mà ông nói giúp cho chúng sinh thực hành được Phật pháp đó, phải dẹp hết thánh thất, nhà thờ, bỏ mình đốt tượng, trong óc cũng đừng còn mơ

màng đến Thượng đế, Ngọc Hoàng, Thiên đường, địa ngục gì hết; cũng như Phật pháp sẽ dỡ chùa đẹp tượng, trong lòng không còn tưởng niệm Tây phương, Tịnh thổ, Bồ tát, Phật đà gì hết vậy?

Để cho chúng sinh tự họ sáng suốt trong lòng mà thôi, hết giai cấp, giới vực, đảng phái như vậy mới là Bình đẳng bác ái.

Vậy tôi xin hỏi: hết thấy các tôn giáo trên thế gian này, có ai thiệt thanh như vậy không. Phải trả lời cho cần kíp.

Nếu ai này làm thình hết, thì ông phải cho phép tôi tự thị, tự đắc rằng: Trên thế gian này, chỉ có Phật giáo là phương pháp cứu khổ tuyệt đỉnh mà thôi.

Hay là ông nói: Trên đời này không thấy người đạo Phật nào nói ngang như vậy. Thì tôi không cần xin phép ông nữa, mà lại còn tự thị, tự đắc rằng trên thế gian này chỉ có một mình tôi hiểu đạo Phật!

Tôi nói vậy, rồi ông mới làm sao tôi?

Thiện Chiếu

(CL số 2412, ngày 14.7.1932)

PHÊ BÌNH SÁCH PHẬT NHƯNG PHẢI ĐỦ TƯ CÁCH PHÊ BÌNH

Kính đáp cùng ông Hoàng Tâm!

VI

Thôi! còn cãi gì nữa? Việc chung cũng trọn, việc riêng cũng rồi, tôi có cãi gì nữa đâu!

Song, trước khi bắt tay nhau mà từ biệt, sao cho khỏi tắc dạ bồi hồi. Vì biết có dịp nào may mắn được gặp nhau nữa mà tỏ hết tấm lòng này chăng?

Bởi lòng ngu si dốt nát của tôi, đọc văn có đôi chỗ không hiểu, nhất là văn của ông, nên mới bịn rịn mà hỏi với ít lời, có lẽ nào ông đành lòng bước ngang, không dừng lại ít phút đồng hồ mà chỉ bảo?

1. Đuốc Nhà Nam trong bài phê bình ngày 18.6, ông nói: “chỉ thấy phô bày trước mắt nhà thức giả một cái chế độ tăng già hết sức xấu xa, nhà “thức giả” càng trông thấy lại càng xa Phật giáo, duy có đôi nhà “học vấn uyên nguyên” vì thời thế phải thất vọng mà bước chân vào nhà Phật tìm cái thú an nhà đó thôi”.

Người thức giả nghĩa là người hiểu biết, còn nhà học vấn uyên nguyên là người học rộng. Theo như lời ông nói thì, người thức giả xa đạo Phật, còn nhà học vấn uyên nguyên lại vào đạo Phật. Vậy thì, xin hỏi ông, nhà thức giả chẳng là khác với nhà học vấn uyên nguyên? nói vậy thì được hiểu biết không phải là cần học rộng, mà gì hết? Nếu ông nói có học rộng (thấy nghe cũng đều gọi là học rộng?) thì mới có hiểu biết, thì xin hỏi ông, sao ông nói người thức giả xa đạo Phật, mà người học vấn uyên nguyên lại vào đạo Phật?

2. Ông nói: “Xem như ông Thái Hư Pháp sư là một nhà sư trứ danh bên Tàu, rất có công trong việc nghiên cứu Phật học, thế mà chỉ vì sư không chú trọng ở nơi tiếng Phạn, cho nên có kẻ cho sách của sư có đôi điều sai xiềng”.

Vậy xin hỏi ông: Sách của Thái Hư Pháp sư, quyển sách nào có chỗ sai xiềng? Mà quyển sách ấy, hiệu gì? Xuất bản ở nhà in nào? chỗ sai xiềng ấy ở vào trang nào? Và cái kẻ cho

sách của Thái Hư Pháp sư là có điều sai xiềng đó, ở đâu? Tên họ là gì? Bởi chúng tôi có nhiều quyển sách của Thái Hư, nên quyết tìm cho ra sự thật. Và ông thấy trong sách nói, hay nghe người ta nói, mà ông được biết rằng ông Thái Hư không chủ trọng ở tiếng Phạn? Sách ấy hiệu chi? Người ấy tên gì?

3. Người viết chữ còn sai, sai nhiều, có thể là Corarecsteur ở nhà in được không? Nếu được, thì xin hỏi ông: Nhà in nào lại dùng người một cách quái lạ như vậy (Lạc đề!).

Ba câu hỏi ấy, xin ông chớ bỏ qua mà không trả lời cho tôi. nếu ông không nghĩ tình, thì thôi, cái đó cũng không dám ép.

Vậy mới biết cầm “cây viết” là khó, mà cầm cây viết phê bình lại càng khó. Ban Siêu nước Tàu, có lẽ thấy rõ chỗ ấy, mới quăng viết mà đầu quân chãng? Nhưng sau khi chính phục được các nước phương Tây, làm vẻ vang cho Tổ quốc, như vậy có gì là đáng chê!

Xã hội ta, không cần cái chính sách xâm lược ấy, nhưng cần có nhiều người như Ban Siêu, đặng cải tạo cái thế giới bất bình này. Ông Hoàng Tâm sau khi đọc bài “Nghề làm văn cần phải học không?” của ông Thứ Khanh viết trong phụ trương văn chương Trung Lập, rồi không biết ông có đủ can đảm mà bắt chước như Ban Siêu vậy chãng?

Thiện Chiếu

(CL, số 2413, ngày 15.7.1932)

NÓI CHUYỆN CUỐN TÔN GIÁO CỦA NGUYỄN AN NINH

I

Đọc cuốn *Tôn Giáo* lối một tháng nay, tôi vẫn muốn đề chút ít ý kiến đối với sách ấy. Hiện nay đương nghiên cứu triết lý và tôn giáo, nhất là tôn giáo nhà Phật, nên có thể viết ít bài nói về cuốn sách của ông Nguyễn An Ninh.

Tác giả cuốn sách đã từng sinh hoạt bên Âu châu, từng lăn lộn trong đám lao động Âu châu, từng đọc sách các nhà triết lý Âu châu, nay viết sách tôn giáo, thế nào tài liệu cũng được nhiều nhưng mà *tác giả đứng về địa vị Âu châu mà bình phẩm Á châu, tôn giáo Á châu*, thật cái địa vị ấy không thể nào vững.

Đành rằng quyển *Tôn Giáo* không có chỗ đứng trong trí của các nhà thức giả nước ta, chớ đối với số bình dân nó có ảnh hưởng, nó hợp với lòng ham mộ của nhiều người, nhưng cái ảnh hưởng ấy và sự hợp ấy có hại nhiều hơn là lợi.

1. Trong Bài đầu ông nói rằng trong thời kỳ kinh tế, chiến tranh mà bàn tôn giáo, chắc sao cũng có người lấy làm lạ. Ông tả sơ sự khốn khổ trong trường kinh tế, sự thua nhục nhã cả kẻ yếu, ông bàn đây là quyết trừ cái nạn tôn giáo; nên cực chẳng đã phải bàn. Ông ơi, tôi không cần phải lấy nhiều lý mà trả lại, tôi xin ông hãy xét đến lời bàn của một nhà giáo sư Nhật Bản dưới đây là đủ chứng bao giờ phương Đông cũng nhờ ảnh hưởng thuần thực của tôn giáo luôn: “Giả như người ta trục xuất tinh thần nhà Phật ra khỏi nước Nhật thì cái văn minh tốt đẹp nó sẽ kém đi hết hai phần ba đó”.

Tôi nói tôn giáo đây là tôn giáo khoan hồng, tân tiến, rất thích hợp với sự tiến bộ của dân tộc, chớ không phải tôn giáo gắt gao với chế độ hẹp hòi.

2. Kế bài Di đoạn của ông đại ý nói rằng con người ta sống trong vòng sợ, chẳng những sợ đồng loại lẫn cướp sát hại mà còn sợ biết bao là tai vạ, bởi cái sợ đó con người mới dâng nạp đồ vật cho kẻ mạnh và cúng tế cho những tai nạn mà họ cho là có thần, và bởi cái sợ đó họ mới quỳ lạy trước kẻ mạnh; sau lưng kẻ mạnh, thú dữ họ cũng cung kính và họ phục tùng các vị thần. Ông kết luận bài ấy nói rằng dân ngu có sợ nên bọn xảo mới lợi dụng sự dị đoan của họ trong tôn giáo, nên họ không có tiến bước được, và ở trong vòng dị đoan họ không có mở mang được.

Tôi nhìn nhận cái luận của ông đó là đúng một phần đích đáng. Thật vậy, nếu dân mà có cái học thưởng thức, biết những nguyên nhân sự rủi về vật chất thì họ đâu có quá mê hèn với thói dị đoan, mỗi ngày khởi tốn bao nhiêu những đồ lễ, lời vái, và trí thức được thông thả, để mà tiến bước với các dân tộc. Chính có một ít thứ tôn giáo lợi dụng lòng dị đoan của người ta, một số ít thầy tu nương nhờ đó mà được mập béo, yên thân. Nhưng tôi xin nói rằng tự bình dân lập ra các sự tin tưởng sợ sệt cúng tế, lâu đời thành ra tục lệ dị đoan, tự họ trối lạy họ vậy. Trong khi họ không có dịp học hỏi, trong khi người ta không bắt họ học cho phổ thông được, dầu người ta có đánh đổ tục ấy cũng không dễ gì.

Và nếu họ hiểu khá, bớt dị đoan thì tôn giáo (Lahoi, Ledao, Le Dharma) làm cho họ tiến hoá mau, tiến hoá mãi đến cực điểm những việc công chính, những đức lành của họ hiệp với trí tuệ của họ đánh ngã những lề lối và chế độ thấp hèn, làm cho họ Giác ngộ, thì chẳng là giúp cho họ đó sao?

Ông thấy cái ảnh tượng của tôn giáo, mà ông không thấy cái thật cao quý đâu.

3. Còn đến Trời ông cũng do theo sự sợ của dân mà luận rằng họ tin có trời và bao giờ họ cũng ân cần cúng tế trời, nhiều dân tộc đều thờ Trời và tôn kính Ngài là Đấng lập nên vạn vật, nguồn gốc vạn vật và biết ơn Ngài. Cái ý ông là hiểu không có Trời, ông cho người ta tin lầm cũng như trước kia họ tin lầm là mặt trời quay chung quanh trái đất, và ông cũng muốn hiểu theo đạo Phật mà nhận không có trời.

Ông than phiền về những tôn giáo khác nói sự thưởng, phạt, sự tư vị của Trời với nhiều lý luận không có ăn nhau. Tôi xin sao lại một câu của ông: “Mà hạng mình đây là hạng ít học, mình đọc đến những sách nghiên cứu về vấn đề sinh hoá trong vũ trụ, mình cũng thích lắm nữa”. Ông đã tự nhận rằng ít học (mình chúng ta, trong đó có tôi nghĩa là ông) mà ông luận đến vấn đề Trời thì làm sao cái luận của ông đứng vững được? Không thật chắc về cái trí thức của mình mà nói đến sự có trời hay không có trời thì không được đâu. Tôi không từng cầu nguyện với Trời, nhưng tôi thấy ai thờ Trời, kính Trời, cúng Trời tôi không chê họ.

Không nhìn rằng có trời hay không có trời, tôi thấy sự thờ phụng khá rồi. Tôi cũng không kích bác người Âu châu về sự tin cuộc thưởng phạt của trời, vì tôi cho rằng đối với họ cái luân lý ấy là tốt rồi, vì họ không biết nổi đạo Phật, cái chí họ vừa với đạo Thiên Chúa thì sự thờ trời của họ nông, chí họ làm việc đứng đắn và ngăn cản họ làm việc tệ. Còn hiểu theo đạo Phật thì khác. Phật nói không có trời, không phải trời sắp sẵn sự phúc cho kẻ này, sự họa cho kẻ khác, nhưng Phật nói mà người ta nhìn nhận là vì một đàng khác.

Ngài dạy rằng có một cái luật huyền bí, công bình, vững vàng đời đời kiếp kiếp nó quản trị vũ trụ, các trái cầu (tức các hành tinh) và vạn vật, cái luật đó nó làm cho các trái cầu xoay vần mà không đụng nhau, cái luật ấy nó làm cho con chim tha mồi về ổ cho con, vân vân. Cái luật ấy nó đi chung với một cái luật khác tạm kêu là Nghiệp, cái này trả sự khổ cho đũa ác, sự vui cho người ngay. Cái Luật kia tạm gọi là Pháp, không biết tư vị ai, chớ có khẩn cầu nó mà làm gì, chớ có vái van thần thánh mà vô ích.

Ông Ninh ơi, trong lúc mà ông còn lầm thì khoan nói đến việc Trời! Trong lúc mà ông còn lầm, ông còn lộn về cái việc “dễ” thì chớ sang đến việc “khó”. (còn nữa)

Đoàn Trung Còn

(CL số 2416, ngày 21.7.1932)

NÓI CHUYỆN CUỐN TÔN GIÁO CỦA NGUYỄN AN NINH

II

4. Trong bài Thiện ác tôi thấy ông càng không nhìn là có trời, nhất là có trời theo đạo Gia tô, vì nếu có trời thì sao lại ông trời còn ác nghiệt, để giống mạnh ăn hại giống yếu mãi, để cho giặc giã hại sinh mạng con người mãi. Ông rất ó ông trời độc ác của đạo Gia tô muốn giam cầm người trong chỗ ngu dốt, chiều lụy; ông rất buồn mà thấy nhiều vua chúa, dùng lý thuyết đạo ấy mà làm phương chính trị. Ông rất phản kháng với cái số định của trời, với cái sự trời bắt giống người phải dền tội mãi mãi. Và ông cũng không vui vì thấy lúc sau này

đạo Phật cập theo thuyết “nhân quả” và “luân hồi”. Không tin rằng có đời sau, ông muốn khuyên người mưu cầu sự hạnh phúc ngay đời này, sắp đặt đâu đó có trật tự để không cần lo gì đến Thiên đường, địa ngục.

Đó là chưa vào đề thiện ác, bây giờ về thiện ác thì ông dạy rằng các dân tộc đều cho hễ sự nào lợi cho mình là phải, bất lợi cho mình là quấy. Ông lại không bằng lòng vì thấy tôn giáo hằng khuyên quên mình để làm phải cho người, và phải hành xác thịt, vì càng mau chết càng vui. Ông bảo rằng các hạng người ấy là đau thần kinh. Ông muốn cho con người phải sốt sắng mà sửa đổi cái thế giới này, chớ không nên thấy nó xấu mà ngoảnh mặt niêm kinh và ngược lên thiên đàng. Bảo rằng có hai thứ luân lý, thứ của kẻ mạnh và thứ của kẻ yếu với sự thật và thiện ác cũng đổi đời, ông quyết không thêm khoanh tay gục mặt, ép xác, niêm kinh.

Ông luận bài thiện ác tuồng như là đích xác, và có lẽ lắm người sẽ hoan nghênh ý kiến của ông. Trong rõ ra, tôi thấy ông cũng là có công phu suy nghĩ nhiều lắm, nhưng mà thế nào ông cũng còn là *vô minh* (biết bao người có học cũng là vô minh). Trước hết tôi xin đồng ý với ông về chỗ bất công của cái tôn giáo Gia Tô. Thật có lắm nhà trí thức Âu châu lúc nhỏ từng sinh hoạt dưới quyền giáo hội Gia Tô. Nhưng đến khi họ suy nghĩ ra thấy ông Trời thiện ác của đạo ấy, họ bèn bất bình lắm, bèn đâm ra làm hạng người theo chủ nghĩa vật chất (*matéwaliotes*). Tôi thương hại cho hạng người này lắm.

Còn có vài hạng nữa cũng là bất phục sự sắp đặt của đức Chúa Trời, hoặc là đau khổ mà không được tôn giáo Gia Tô an ủi cho một cách đúng đắn, vì các thầy cứ bảo rằng: “ấy là Chúa muốn như vậy, các anh có thương Chúa thì hãy chịu khổ đi rồi chúa sẽ ban phước cho”. Mấy hạng này càng thêm tức

bực, nhưng sau khi đó họ được có duyên mà gặp chân lý Phật giải rành nạn khổ của họ: “các anh thọ khổ là tại các anh đó không có trời, không có cha mẹ, anh em nào làm hại các anh hết. Vì trước kia, hoặc năm ngoái, năm năm trước, mười năm trước, hay là lâu hơn nữa các anh đã gieo sự khổ đó rồi, trồng quả nào hái quả nấy”.

Còn về phần nhiều vua chúa lợi dụng tôn giáo Gia tô để làm phương chánh trị thật là có như vậy. Bởi các nguyên nhân này nên trong cõi Á châu ta mấy nhà nền nếp và biết đời không theo đạo Gia tô. Và tôi nghĩ lại chuyện mấy ông cha lên xứ Mường, Mọi mà bảo thổ dân xưng tội thì tôi buồn cười: Họ có làm gì tội đâu mà phải xưng! Ta có thể phản kháng với cái số định của trời, theo như ông. Nhưng bao giờ ta hiểu triết lý đạo Phật, đạo Lão với các tôn giáo Ấn Độ thì cái lòng phản kháng ta nó nguội đi, vì chính cái đó bên Phật và các tôn giáo Ấn Độ gọi là tương tự nhau là *Nghiệp* (Karma).

Còn Lão thì gọi là *Mạng*, mà cái số định của trời nó cũng giống như vậy, nhưng nó thấp hơn một chút là cho vừa với tâm trí người phương Tây. Vả lại mỗi người đều có thể phá cái nghiệp của mình. Giá như mình cứ ăn ở tội tệt mãi thì cái nghiệp, cái mạng hay cái số định nó cứ làm chìm mình, còn mình cố sức mà tiến thủ, mà theo nẻo phải thì mình thắng được chớ sao!

Ông nói rằng về sau đạo Phật cập theo thuyết *quả báo* và *luân hồi* ông không vui mà thấy như vậy. Chỗ này tôi thấy ông chưa hiểu đạo Phật, dẫu rằng ông có khảo cứu chút đỉnh rồi.

Đoàn Trung Còn

(CL, số 2417, ngày 22.7.1932)

NÓI CHUYỆN CUỐN TÔN GIÁO CỦA NGUYỄN AN NINH

III

Hai thuyết quả báo và luân hồi hiệp với linh hồn là ba cái nền tảng của đạo Phật. Đức Thích Ca hiểu và nhận nó từ khi giác ngộ dưới cội Bồ đề, và ngài hằng giảng hai cái thuyết ấy với tín đồ, chớ không phải là các sư bày đặt ra về sau đâu.

Không tin có đời trước và đời sau, thật là vô minh lắm vậy. Khoa học đã nhận sự chuyển kiếp, cho đến phái vật chất cũng không dám đánh đổ nó. Nếu không có sự đầu thai thời không bao giờ có văn minh tiến bộ được. Chính khoa học Âu châu dạy rằng trong trời đất có ba loài (règnes) đá, cây và thú. Đá tiến lên cây, cây tiến lên thú và người.

Có thể gắng sức mà mưu sự hạnh phúc ngay đời này, vừa không công kích cái thuyết luân hồi tiến hoá vậy. Và ngay trong lý nhà Phật, luân hồi làm người cần hơn hết, là quý hơn hết, chính có làm người người ta mới giác ngộ, thông thái hoàn toàn. Ông bảo không cần cầu thiên đường, vái lạy, mà phải phấn đấu luôn luôn chính trong Phật pháp cũng có dạy như vậy, các nhà cao học bên Phật không thèm mong về cõi thượng thiên, và các hạng ấy cũng không bao giờ vái lạy ai, vì họ cứ tiến thủ, họ không làm lếu vậy. Nhưng đối với phàm phu tục tử, ta không nên cản họ, vì trí họ thấp yếu, có theo ta nổi đâu.

Họ cần phải nương theo cái ngọn đèn sáng, và nhiều khi không thắng nổi tình dục và lắm lúc đã phạm tình dục, họ bèn nguyện vái và tụng niệm để tránh đi hoặc là không còn tái phạm. Đoạn trước ông đã có nói con rắn kia có cái sức mạnh

làm cho con sóc chạy lẫn vào miệng nó, thì mấy nhà thông thái trong sạch há không có sức mạnh mà làm cho bài văn họ cảm hoá nhân sanh và giải cứu cho nhân sanh khỏi lầm lỗi? Phật cũng dạy người theo trung đạo (Juste milieu) chứ không dặn người hành xác, lại càng chê những hạng lêu lổng chơi bời. Con người ta sinh hoạt trung bình cũng là thông minh sáng suốt rồi đợi gì hành xác. Và tôi chắc ông chưa hiểu chỗ cao thượng của mấy người hành xác.

Nói cho chính cái trung đạo của Phật, đã ném về cái ý kiến hành xác của kẻ thế rồi. Con người ta bớt lần sự xa xỉ, bớt lần cuộc chơi, cũng bớt như vậy thì cái trí càng thông thả, minh mẫn. Trái với triết lý phương Đông, người phương Tây trí thức đều muốn cho cuộc sinh hoạt lo được sung sướng sang trọng, thì họ mới thông thả mà giúp đời. Bởi vậy mấy nhà thông thái phương Tây đâu có bao giờ hơn được các nhà thông thái phương Đông. Luận về luân lý, sự thiện ác tôi thấy ông hiểu cái đối đích chứ chưa hiểu cái tuyệt đích, chính cũng có hai thứ chân lý, thứ tuyệt đích (absolu) và thứ đối đích (relatif) thiện ác cũng như vậy. Kẻ nào chưa hiểu đối đích thì mong gì hiểu tới tuyệt đích.

Cái đối đích thời cứ đối thay, biến cải mãi, chỗ này là phải, là thiện mà đến chỗ cao hơn thì thành quấy, thành ác. Cũng như dân nan di, ăn thịt người, mình cho họ là ác, mà đối với họ là phải còn người thường ăn thịt thú họ cho là phải mà mấy nhà hiền lành cho họ là ác, về họ giết hại chúng sanh. Nhưng đứng về phương diện tuyệt đích thì không có ác, chỉ có thiện không mà thôi, song là cái thiện hạng thấp, hạng vừa vừa, hạng chót. Con người ta không phải làm nô lệ cho công chúng, cho tập tục, mà tùy theo lý, tùy theo sự tiến hoá, sự ích lợi cho nhiều người mà xét ra cái phải. Theo mấy lời này,

chắc ông cần phải cầm rằng, hai cái luân lý, một cái của Chính có một cái luân lý một cái luân lý thuần đẹp nhưng chỗ thì chưa đẹp gì mấy, chỗ khác thì đẹp, chỗ khác nữa lại đẹp cực điểm.

5. Đả kích bác và đánh đổ tôn giáo với thuyết luân hồi quả báo, thế nào ông chẳng nhận luôn là không có *linh hồn*. Xin ông hiểu cho rằng người phương Tây và người phương Đông đều hiểu linh hồn khác nhau: người phương Tây, nhất là tín đồ đạo Gia tô cho rằng mỗi người có một cái linh hồn riêng nhau, ai làm phải thì linh hồn người ấy được hưởng sự sung sướng ở thiên đường, ai làm quấy thì linh hồn sẽ bị hành phạt ở địa ngục. Người phương Đông, nhất là tín đồ đạo Phật hiểu khác hơn: mỗi người đều có linh hồn giống và đồng tính hết, linh hồn gốc là linh quang sáng suốt thông minh, nhưng đương lúc trải qua các kiếp tiến hoá, thì thì nó dơ dáy, khi thì nó khá hơn, tiến hoá lần lần mãi cho đến chừng nào trong sạch hoàn toàn thì nó sẽ nhập một với linh quang chung cùng vậy.

Chứ không phải mỗi người đều có một cái linh hồn không tiêu diệt như ông nói đâu.

Vả lại ông không mấy hiểu cái thuyết “vô ngã” của đạo Phật tuy nói rằng không chớ là có đó. Vì không có là đứng về phương diện tuyệt đích mà, chớ về phương diện đối đích thì có. Cũng như hể lấy về lý tuyệt đích thì không có linh hồn, mà lấy về lý đối đích thì ai (phần nhiều các dân tộc phương Đông) bảo là chẳng có linh hồn, linh hồn tiến hoá đến nẻo đẹp, nẻo lành, nẻo cao? Ông dặn người ta coi thuyết vô ngã của Phật Thích Ca nói chuyện với vua Alexandre nước Hy Lạp.

Đoàn Trung Còn

(CL, số 2418, ngày 23.7.1932)

NÓI CHUYỆN CUỐN TÔN GIÁO CỦA NGUYỄN AN NINH

V

Tuy là cái trật nhỏ, nhưng tôi phải cải chính giùm, ấy là đức Nagasena (Na tiên tì kheo) một vị La hán hồi thế kỷ thứ J.C chớ Phật Thích Ca thì ba bốn trăm năm trước lặn. Lại tuy cái thuyết con người khi đầu thai, linh hồn trở lại làm thú vật, nghe mơ hồ một chút, chớ không phải thật là vô lý. Vì trước kia nhiều vị nhờ lòng trong sạch, thẳng được tình dục và nhờ trí tuệ nên không có cái gì che án con mắt Ngài được, các ngài thấy mọi vật ở thế gian và mọi vật trong chốn thời gian nữa, các Ngài mới thấy có những *tiền kiếp* của người, thấy có kẻ đội lốt thú vật, mà cũng có kẻ vượt nấc thang xã hội mà làm vua chúa nữa.

Và những kẻ mà ông nói chán ngán với đạo, ra đi kiếm vợ, kiếm con, cùng sinh hoạt với sự thoả thích về vật chất ở thế gian, chính những kẻ ấy tuy cái lòng thời có mộ, mà cái nợ vẫn nặng trĩu, các sự thiếu đủ chưa trả, dễ gì thoát thân cho đặng? Mới biết những nhà tôn giáo, nhất là mấy nhà sư bên Phật là bậc tiến hoá cao rồi, cuộc đời đã trải, nợ nần không thiếu cho nhiều, nên các ngài mau chân bước tới nẻo hoa.

Bây giờ tôi xin phê bình tóm tắt và đại lược mấy bài sau của ông: *Lập tôn giáo, Vì sao tôn giáo thịnh, Bài chót*. Có thể nói rằng ông thức tỉnh bình dân bằng nhiều cái sáng kiến, nhưng tôi phải giữ lời rằng đối với tôn giáo - tôn giáo lý thuyết cực đẹp (religion idéale), ông là người vô minh, xem những điều luận của ông mạnh mẽ, tôi nhớ lại Jean Mar quès Rivière! Tác giả cuốn *à l'ombre des monasi ères thibé tains*,

ông ấy nói rằng chính ông ấy có nhiều cái bằng cấp lớn ở Thái tây, mà khi ấy ông ấy vào chùa Tây Tạng, ông ấy thấy mình và bao nhiêu những nhà thông thái bên phương Tây đều là trẻ con, và bao nhiêu sự tầm rỗ phát minh mà người Tây học trí học hỏi, ổng thấy trong kinh cổ các nhà chùa.

Bây giờ tôi nói ông chưa tin, một ngày nọ ông dòm lại cuốn Tôn giáo ông sẽ lấy làm hối hận lắm, ông sẽ lấy làm tiếc vì đã công kích trong khi ông chưa thật hiểu tôn giáo. Bây giờ ông sẽ như Vasichandhu (Thế Thân Bồ tát) hồi ngài thấy mình những lầm mà công kích Đại thừa, chừng ấy Đại thừa là minh mông cao thượng, Tiểu thừa là chật hẹp thấp thỏi, ngài toan lấy sậy bén mà cắt lưỡi mình, cái lưỡi đã từng đánh đổ thuyết cao siêu.

Lại vì ông học mà ông không yêu, nhất là học Phật một lúc mà không yêu đạo Phật nên ông không thấy sự bát ngát thơm lành, ông cứ ngại sự này, ngại sự kia, sợ mấy điều lợi dụng.

Tôi cho rằng Nha A dục (A Dục hay A So Ka) không phải lợi dụng đạo Phật, vua ấy là người thông minh, biết rằng ảnh hưởng đạo Phật cho dân quý lắm, quý hơn đạo Bà la môn nên vua hằng khuyến thiện. Duy ngại vua A Dục không thật mộ đạo Phật nên giết ngàn người như giết cỏ, ấy là ông lầm, lầm về lịch sử đó. Vua A Dục giết người là trước khi ông quy y kia, trước khi ông dưỡng tâm theo đường từ bi của Phật. Và như một chính phủ nào có cần đến ảnh hưởng tôn giáo mà tự dân, ảnh hưởng tốt thì là quý chớ có gì mà ông phải lo? Ta nên biết cho rằng nhiều khi chính phủ trị dân không hay, không bình bằng tôn giáo. Giá như tôn giáo mà cho dân được sự bình yên, tiến bộ, hiền lành, muôn nhà vui vẻ an lạc thì sao lại trách tôn giáo bị lợi dụng.

Một đoạn này làm cho biết rằng sự ngờ của ông còn vụng thật: “Nếu cả thầy đều giữ theo lời dạy của Phật nói, bỏ cả việc thế gian, cho đến việc ăn cũng không nghĩ đến, thì ngày nay cả thế giới này đều đã đoạt được mục đích của Phật. Cho nên đạo Phật nay còn sống trên thế gian cũng là nhờ nhân loại không thể thực hành đạo Phật”. Tôi đã từng nghe những người sống trong vòng tiền bạc lo như ông về chỗ này. Cuộc sinh hoạt theo Phật đúng hơn hết là làm tăng, mà không phải mọi người làm tăng được, vì làm tăng (nói theo kinh) cũng như làm quan lớn, phải khỏi nhiều sự trở ngại mới được. Lại nữa, làm tăng mà phạm giới thì bị trục xuất ra khỏi giáo hội.

Ông biết cho rằng xuất gia là cảnh của người hữu duyên lắm vậy, nếu xuất gia mà trong sạch thì Niết Bàn, cảnh thanh bạch minh mẫn hoàn toàn không còn xa gì mấy. Chớ có phải quy y Phật Pháp là được các bậc ấy vậy đâu, mà các sư đại thừa vui lòng mở đạo cho thiện nam tín nữ để họ theo phong hoá cũng như tín đồ đạo Gia tô. Còn mấy nhà sư thì có khác nào mấy nhà tu đạo Gia tô, nhưng cao hơn là nhờ không mong về thiên đường. Vậy tuy không có duyên làm tăng, thì khéo mà mau đến cõi tuệ, người ta cũng có thể đạt hạnh kiểm khá khá theo phong hoá nhà Phật, như vậy là tiến bộ đó.

Sau hết tôi thưa với ông rằng nước ta mà bỏ tôn giáo thì không thể nào được. Một nước đã từng thuần lương nhờ tôn giáo, may có hấp thụ văn minh Âu Mỹ và cải cách theo Âu Mỹ thì có thể cải cách tôn giáo từ lý thuyết, trật tự cho đến các hình thức vậy. Nhất là tôn giáo nhà Phật từ bi hỉ xả, để mà theo sự tiến bộ kiêm thời. Mấy vị anh hùng nước Nhật nhờ tinh thần tôn giáo mà giữ danh tiếng anh hùng ở hoàn cầu, dân Nhật chịu ảnh hưởng thơm lành còn tôn giáo tô điểm cho nên họ càng sắc xảo, ôn hoà, thuần thực.

Ít nữa mình mẫn lắm mới có thể bỏ tôn giáo, vì nó như một chiếc thuyền, người qua đến mé lành không cần thuyền nữa. Nhưng chính ông chưa thật là mẫn - ông vẫn còn lằm thì binh dân sao lại không nương nhờ ở tôn giáo, sao lại không ngồi thuyền tôn giáo để đến mé lành.

Nhưng có thể nói rằng nước ta không cần tôn giáo Gia tô, vì cõi này từng dầm nhấm bởi chân lý cao siêu, với siêu hình học (métaphesique) của các ông hiền Ấn Độ, của Phật, của Lão Tử, thì còn trở lại với đạo lý Gia tô mà làm gì?

Đoàn Trung Còn

(CL, số 2419, ngày 25.7.1932)

LOẠT BÀI TRANH LUẬN CỦA THIÊN CHIẾU

Kính đáp cùng ông Cư sĩ Hiền Huệ (LTTV 13.7.1932)

COI AI LÀ TÀ THUYẾT!

“Ai nói ta có thuyết pháp tức là mắng ta”

(Thích ca Mâu ni)

I

Phật thuyết pháp 45 năm, chuyên trị có một chứng bệnh “chấp trước”, vì “chấp trước” là nguồn gốc thống khổ của người đời. Phật tùy cái bệnh “chấp ta chấp cách” mà cho thứ thuốc pháp “vô ngã vô thường”. Tùy bệnh “có” mà cho thuốc “chẳng không chẳng có”. Bệnh có nhiều chứng, thì thuốc phải có nhiều phương, mà cũng đều trị lành được cái bệnh “chấp trước”.

Nhưng vì hiểu thấu tâm lý của người đời, Phật còn lo xa nữa, lo có kẻ lầm tưởng thứ thuốc của mình uống là trị được hết các chứng bệnh ở thế gian, lo có người hiểu sai rằng thứ pháp của mình nghe là hợp hết căn cơ của quần chúng, lo có kẻ cố thuốc mà thêm đau, lo có người chấp pháp mà bị trói, cho nên Phật mới nói một cách tự nhiên rằng: “Ta không có thuyết pháp đa! Nếu ai nói ta có thuyết pháp tức là máng ta”.

Ai nấy có hiểu Phật nói cái gì không? Thì Phật bảo chúng ta đừng còn một mảy may chấp trước nào, mới thật là hoàn toàn giải thoát.

Thích ca Mâu ni! Thích ca Mâu ni! Dầu ai họ có cười tôi là người chưa được tự chủ, mặc họ, tôi cũng xin cúi đầu mà nhìn nhận Ngài là một đấng Từ Phụ, một vị đạo sư, một nhà triết học, một nhà tâm lý học, đại từ đại bi, đại thánh đại trí, hoàn toàn tuyệt ở thế gian này.

Phải chi hết thấy chúng sinh hiểu được cái diệu lý của Ngài, thì có đâu “chấp ta” “chấp pháp” mà xâu xé tranh giành, làm cho càng thêm thống khổ. Đau đớn thay!

Phải chi họ muốn hiểu Phật pháp thế nào thì hiểu, ai cấm? Họ muốn bơi xuống mà rước một ít người qua lại rạch Cốc, rạch Bần gì thì rước, ai cản? ấy là quyền riêng của họ mà. Cái này họ lại đèo bè, rủ thiên hạ tấp chay mấy chiếc tàu chạy từ Đại Tây Dương qua Thái Bình Dương, chẳng luận ở đâu, cũng bảo cứ bơi xuống của mình, ấy mới có sinh giặc!

Ông Hiền Huệ, ông có lòng bênh vực Phật pháp, thật tôi hết sức kính trọng và vui mừng. Nhưng tôi xin khuyên ông một điều, là trước hết phải tập ăn nói cho ngay thật, đừng rửa sạch cái nhục từ hồi nào đến bây giờ người ta cứ nói “ăn mặn nói ngay, ăn chay nói vạy” đó đi đã. Nếu cái “nói vạy” là cái “di

truyền” ông không thể bỏ đi được, thì thôi, xin ông đừng ép buộc người ta.

Tôi cứ theo sự thật, chép ở trang 21, trong sách PGVD của tôi, rằng Phật có ăn thịt heo rừng của Cuy-n đa dâng cho. Nói thật, ông bảo sao không chịu căn cứ ở kinh Đại Niết bàn của Tàu

Thưa ông, tôi không tin kinh nào hết. Có tin, cũng không phải tin trọn cả bộ. Kinh nào nói thật hơn, lời nào nói đúng lý, tôi tin, chẳng luận của Nam tông hay Bắc tông.

Rất đôi hồi ông A nan còn hiện tại, cách Phật chưa bao xa, nguyên bài kệ kinh *Pháp Cú*: “Nếu người sống trăm tuổi, không tỏ pháp “sinh diệt”, chẳng bằng sống một ngày, mà được hiểu rõ đó”. Vậy mà đã có người đọc sai đi rồi: “Nếu người sống trăm tuổi, không thấy bạc già nước, chẳng bằng sống một ngày, mà được ngó thấy đó!”.

Huống chi cách Phật lâu đời, trải qua nhiều nước, kinh nào cũng tin bưng theo càn, lời nào cũng cho là lời Phật, không biết suy xét lọc lựa, thì có khác nào bưng chén thuốc độc mà tự sát một cách vô ý.

Ông bảo: “Đại phạm nghiên cứu kinh Phật, thì phải lấy thực sự học thức của mình, đem các thứ kinh ra mà khảo cứu cho thật kỹ, phân chia tà chính giả chân; ấy là *dĩ kinh chứng kinh* (lấy kinh này làm chứng cho kinh kia) rồi mới dám làm sách phô trương ra cho muôn người tụng đọc”.

Vậy! Thì tôi đã “dĩ kinh chứng kinh”, sao ông không chịu lấy lý trí mà suy xét? Tôi cũng biết trước rằng sẽ có một số người, cho kinh Tàu là đúng hết, nên tôi không dẫn chứng ở quyển Gatama Le Bouddha, mà lại dẫn chứng ở kinh A hàm, kinh Tàu, trong Đại Tạng.

Xin ông chịu khó dở quyển trung, trong sách “Lương Nhậm Công Cận Trứ Đệ Nhất tập” là một quyển sách chuyên khảo về Phật học, ông sẽ thấy Lương Khải Siêu tiên sinh lấy con mắt nhà làm sử, dùng phương pháp khoa học, khảo cứu một cách tường tận, ở trang 290, ông chỉ những lẽ gì mà người thật muốn nghiên cứu Phật học phải nghiên cứu kinh A hàm mà đối chứng với quyển sách của Soubhadra, là một quyển sách do kinh điển Pali mà viết ra, tưởng cũng không phải là “vô giá trị”.

Tôi đã biết rồi, biết ông Phật của người ta hiểu, khác với ông Phật của tôi hiểu; biết cái người ta cứ mà mình không kiêng, thế nào cũng sẽ bị chúng mắng! Bởi vậy, trước khi trích lấy đoạn ấy, lo viện đủ lẽ, mà ngừa trước đón sau rồi. Vậy mà cũng không tránh khỏi với kẻ điếc không sợ súng!

Trang 21, tôi đã chú giải rằng: “Quả thiệt Phật có ăn thịt heo rừng quay” sao? Nhưng trong kinh Trường A hàm (Dirg agamas) thì nói Phật ăn nấm cây chiên đàn (candana) của Cuynda mà thọ bệnh rồi vào Niết Bàn: “... Lại có nấu nấm cây chiên đàn là một món ăn rất quý dâng cho Phật, Phật bảo Châu Na (Cuynda)¹ chớ dọn “nấm cho các thầy Bí xu², Châu Na vâng lời Phật dạy mà không dám dọn cho các thầy Bí xu”.

Tôi thấy kinh Trường A hàm nói như vậy, nên đặt ra mấy câu hỏi như vậy: “Nếu thiệt là “nấm cây chiên đàn”, sao Phật không cho Châu Na dọn cho các thầy Bí xu? Hay là nấm ấy có độc mà Phật không cho dọn các thầy Bí xu ăn? Nếu quả

1. Cuynda: Cunda còn phiên là: Thuần Đàm Chuẩn Đà, Chu Na, Châu na có nghĩa là Diệu Nghĩa là con của vị thợ rèn ở thành Câu thi la, đức Phata đã nhận sự cúng dàng sau cùng của ông này.

2. Bí xu: bhiksu tức Bật sô, Bỉ khâu, Tỉ khiêu, Tỉ khâu, Khất sĩ, Phá phiên nào...: chỉ người nam xuất gia nhập đạo Phật thụ Cụ túc giới.

nấm ấy có độc, ăn vào có hại đến mạng người, thì sao gọi là món ăn rất quý? Sao Châu Na lại đem món này mà dâng cho Phật?

Thiện Chiếu

(CL số 2422, ngày 23.7.1932)

COI AI LÀ TÀ THUYẾT!

“Ai nói ta có thuyết pháp tức là mắng ta”

(Thích ca Mâu ni)

II

Bao nhiêu đó, tôi còn sợ chưa đủ lẽ, lại nói thêm rằng: “Huống chi Đê hoa đát sau khi làm hại Phật không được, bèn tự xưng là Đại sư và chê “Tám đường chính” (Bát chính đạo) của Phật không phải là chân đạo, mà “năm phép” của ông ta lập ra mới phải là chân đạo: “50 trọn đời không ăn cá, thịt, muối, sữa”.

Rồi tôi lại đặt ra một câu hỏi: Nếu năm phép ấy không khác với Phật pháp, thì sau Đê hoa đát ta gọi là chân đạo mà chê “tám đường chính” của Phật không phải chân đạo?”

Ông Hiền Huệ, ông muốn bác đoạn sách tôi chép đó là tà thuyết, thì trước phải trả lời mấy câu hỏi ấy cho xuôi đã.

Tôi dám chắc rằng không bao giờ ông trả lời được. Có được chẳng qua ông nói bướng rằng: Cái đó tại Phật Đà da xá (Buddhayasas) dịch giả kinh Trường A hàm thêm vào đoạn ấy! Nếu vậy, thì người ta cũng có thể nói: “Nếu kinh Niết Bàn

không có đoạn ấy, chắc là dịch giả bỏ bớt” rồi ông mới làm sao?

Nhưng, không ai được quyền gì mà nói rằng Phật Đà đã xá thêm vào đoạn ấy. Nếu quả là “thêm vào”, sao không nói trắng ra, mà lại nói trớ là “nắm cây chiêu đàn”? Có gì đâu lạ! Chẳng qua dịch giả đã khổ tâm về chỗ đó: Nếu nói trắng ra, sợ e hạng tầm thường bằng con mắt thịt của họ, rồi dẫu đạo lý có cao thượng cho mấy, họ cũng không thèm nghe; còn nếu bỏ bớt đoạn ấy đi, thì làm mất “sự thật”, cho nên cực chẳng đã phải “nói trớ” vậy thôi.

Thưa ông, tôi xin nhắc lại với ông một lần nữa: Nếu ông muốn bác đoạn sách tôi chép đó là tà thuyết, thì trước hết ông phải trả lời cho xuôi mấy câu hỏi trong sách của tôi đã.

Ông nói: “Nếu sư cho chắc rằng Phật có ăn thịt, sao sư chưa ngã măn cho rồi, còn chờ chứng nào, là vì Phật kia còn ăn thịt, huống chi là đệ tử Phật còn phạm giới nổi gì”.

Tôi chờ đến chứng nào đã được thành Phật... Nhưng, thưa ông, nếu tôi có lòng chờ cho thành Phật đặng ngã măn, thì không biết đời nào kiếp nào mà thành Phật được. Bởi vì cố ăn quá!

Ở nước nào thì tôi không biết, chớ trong cõi Việt Nam này, tin đồn ai nấy hình như họ còn nhớ lời Phật dạy Cuyn đa: “Người phải đem chôn hết món thịt dư này, vì không phải các thầy Sa ma na, các thầy Bồ ra măn, loại trời, loại người được dùng, chỉ có Phật dùng là khỏi hại mà thôi”, cho nên mấy thầy Sa ma na có ghé nhà họ, lỡ bữa, họ sợ mắc nhân mạng, có dám dọn măn đâu ông!

Mà hiện bây giờ tôi chưa thành Phật, ông bảo tôi sao không ngã măn cho rồi, bộ ông muốn giết tôi sao?

Vậy cho ai nấy sáng con mắt: Ông Hiến Huệ là người biết ăn chay niệm Phật đa!

Tôi cũng nghĩ mà cười thâm: Sao ông Huệ Năng chính mình luộc rau trong trách thịt, mà người đạo Phật ai nấy đều sùng bái ông là vị tổ thứ sáu của Thiên tông nước Tàu, lạ thay!

Ông nói: “Còn nói Phật ăn thịt đặng, tặng đồ ăn không đặng, thì thiệt là vô lý”.

----- Sở kiểm duyệt bỏ một đoạn dài -----

Thôi rồi còn chi! Người xưng mình là người đạo Phật, ra bênh vực đạo Phật, mà chính mình lại không biết Phật là gì, Phật pháp là gì, tôi có ngờ đâu! Phải chi tôi có “nước mắt thừa”, cũng nhân công ra mà khóc, khóc mấy chỗ đã chấn hưng Phật giáo, khóc mấy người đã lo chấn hưng Phật giáo!

Phật là người đã sáng suốt trong lòng, không đổi thay theo hoàn cảnh. Cho nên, món ăn thì dở hay ngon cũng không tưởng, thân thể thì đau hay mạnh cũng như thường, không gì làm cho thống khổ được.

Còn tặng đồ là những kẻ mới đương tu, lòng thưa thoát cảnh: A nan vào nhà của kỹ nữ mà mê hồn, Ca Diếp nghe đàn của nhạc thần phải dạy múa, Xá Lợi Phất nghe Phật nói mình ăn đồ bất tịnh thì nổi sân, Mục Kiền Liên bị bọn Phạm chí gia hình mà đau nhất. Thưa ông, vậy thì Phật bảo Cuyn đa đừng dọn “món thịt” cho các thầy Bí xu, há phải là vô lý?

Phật là một nhà giáo dục, lấy lẽ phải mà khuyên dạy học trò, chớ phải như một ông dùng cường quyền mà cấm, mà phạt... đâu, ông lại đem so sánh với Phật? Mà trong bộ Thập tụng luật, quyển 37, Phật cho các thầy Bí xu ăn ba món “thịt sạch” kia kìa (1. Không thấy giết; 2. Không nghe giết; 3.

Không nghi rằng người ta giết cho mình ăn). Ông không tin? Thì ở Trà Vinh sẵn có Đại Tạng đó, chịu khó dỡ mà xem đi.

Hay là ông lại chê luật của Tiểu thừa? Thì ông dỡ kinh Đại thừa ra xem, sẽ thấy kinh Niết Bàn quyển 4, có nói: “Ca Diếp Bồ tát lại bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Vì sao ngài không cho ăn thịt?” “Ăn thịt thì dứt giống đại bi” (Nghĩa là không thương hết chúng sinh) - “Vậy sao trước kia ngài cho các thầy Tỷ khưu (Bí xu) ăn ba món thịt sạch?”

Ông thấy chưa? Từ khi Phật thành đạo cho đến khi gần Niết bàn 45 năm, các thầy Bí xu, Phật không bảo ăn chay lúc nào hết!

Hay là ông không tin luật Tiểu thừa, mà cũng không tin kinh Đại thừa nữa, thì thôi, ông không phải người đạo Phật, xin đừng can thiệp đến sách vở của chúng tôi!

Nếu ông tin là có, các thầy Bí xu vẫn ăn thịt từ hồi Phật mới thuyết pháp cho đến khi Phật nhập Niết Bàn, thì, tôi lại xin hỏi ông: Sao ông dám chắc rằng Phật không ăn thịt?

Ông có hiểu nghĩa hai chữ “Bí xu” là gì không? Nếu ông trả lời: Bí xu nghĩa là “người xin ăn” thì tôi xin nói: Nếu các thầy Bí xu có “ăn thịt” thì Phật phải có “ăn thịt” vì Phật cũng là “Bí xu” vậy. Ông lại quên sao? Thì trong kinh Kim Cương, đêm nào ông cũng tụng, trong ấy có nói: “Khi bấy giờ, đức Thế Tôn, đến giờ ăn”.

Cũng như các thầy Bí xu khác, Phật là một thầy Bí xu tuổi cao đức trọng trong hội Tăng già (sangha) cũng bưng bát xin ăn, duy có lòng được hoàn toàn sáng suốt, rồi ra khai sáng cho đời, nên kêu là Phật, chớ có gì đâu lạ.

Hay là ông tôn trọng Phật thái quá rồi bàn chữa như thế này: Các thầy Bí xu tuy có ăn thịt, song Phật vẫn ăn chay? Nếu thật vậy, là ông rử người ta mắng Phật là ích kỷ! Sao

Phật cho các thầy Bí xu ăn thịt cho bị hại, còn Phật lại ăn chay cho được thoát khổ một mình? Ông có nghĩa đến chỗ đó không? Ông thường tụng kinh Kim Cương thì phải nhớ: “N hư Lai là người nói thật, nói chắc, không nói dối, không nói lạ lùng”. Vậy ông muốn biết Phật, muốn thành Phật, thì phải chừa cái tật nói dối, phải cắn răng mà nói thật đi.

Thiện Chiếu

(CL số 2424, ngày 30.7.1932)

Kính đáp cùng ông Cư sĩ Hiễn Huệ

(LTTV ngày 13.7.1932)

COI AI LÀ TÀ THUYẾT!

III

Ta tìm trong kinh luận, tra ở địa lý, cứ theo lịch sử, khi thấy Phật còn lại thế, chưa biết hành cái chữ nghĩa “văn chay”.

Nhưng sau khi Phật Niết Bàn, trong Giáo hội mới chia ra Thượng toạ bộ, Đại chúng bộ hay là Tiểu thừa, Đại thừa, nên mới phát hiện cái vấn đề ăn mặn ăn chay, Phải Tiểu thừa là phải bảo thủ, cứ dùng “ba món thịt sạch”, như giáo hội ở Tích Lan, Xiêm La, Cao Mên, Miến Điện đến nay cũng chưa biết cái “ăn chay” là gì, chỉ có phái Đại thừa, suy cái lời Phật dạy Cuynda phát huy cái nghĩa “từ bi bất sát”, mới có cái lệ “ăn chay”. Vả lại, như Trung Quốc, Việt Nam, Cao Ly, Nhật Bản không có cái lệ “ăn xin” thì làm sao tìm tại chùa cho có “ba món thịt sạch”?

Không lo giải thoát, cứ cấp nhất trong cái vòng ăn mặn ăn chay. Họ tưởng cái ăn chay là chân tu, là từ bi đúng đắn rồi, có dè dàu, ta mặc áo lụa, ở nhà ngói, đi xe hơi có nhiều người vì bệnh khổ, vì cơ bản, vì bị đè nén mà tự sát quyền sinh, mỗi năm ta đóng góp một số tiền, tưởng là đã làm tròn bổn phận, có biết đâu chính mình vô ý mà sấm thêm vũ khí giết người. Như vậy ta tuy không ăn thịt thú vật, nhưng ăn thịt người một cách gián tiếp vậy. Tôi không biết mấy người chấp ăn chay là từ bi đúng đắn đó có xét đến chỗ đấy không ?

Ông nói: “đức Phật thường lấy lòng từ bi, bác ái tế độ quần sinh. Ngài lập ra 250 giới luật” để dạy răn môn đồ đương thời và hậu thế, có lý nào ngài phạm nhằm điều luật thứ nhất hay sao?

Ông lầm rồi! Phật chính mình không giết, không xúi ai giết, cũng không thấy ai giết con heo rừng ấy mà vui mừng. Vậy cái giới “sát sinh” không khép vào ở khoản này được. Thôi, bãi nại đi, đừng để người thuộc luật bác đơn mà mang xấu!

Nhưng ông cũng chớ nên hiểu lầm rằng giới luật của Phật pháp cũng như tín điều (dogmes) của các tôn giáo khác, giới luật chẳng qua là một cái phương tiện mượn để đến chỗ cứu cánh là “trí tuệ” mà thôi. Tôi tuy không là nhà luật sư chuyên môn, nhưng cũng hiểu được đại khái.

Mục đích cứu cánh của Phật pháp là: Độ hết quần sinh, đồng lên cõi sáng suốt. Nhưng trước khi ta chưa mở Trí tuệ thì lòng ta cứ loạn động không yên, đổi thay luôn hoàn cảnh, thấy cảnh khổ thì chán chê, thấy cảnh vui thì ham muốn, vậy thì đâu dám dâm thuyên ra mà cứu vớt những kẻ đương lặn hụp ở giữa chốn ba đào, ra tay tháo cũi cho đám còn bị bao lung

trong địa ngục? bởi vậy cho nên mới mượn cái phương tiện “giới luật” cho yên tĩnh trong ông, đặt đến cái mục đích “trí tuệ” vậy.

----- Sở kiểm duyệt bỏ -----

Ông chớ nghe nói mà giật mình! Tôi vẫn nói thật. Thôi bây giờ cho tạm cái “ta” là cô. Thôi bây giờ nên tạm cho cái “ta” là có, Nhưng ta lìa vũ trụ thì không có mà vũ trụ lìa ta cũng tồn tại (exister) được.

----- Sở kiểm duyệt bỏ một đoạn -----

Ông vẫn chứng ở kinh Đại bát Niết Bàn: “ta xem cả thầy chúng sinh như con ta là La Hầu La chẳng khác” rồi ông nói thêm: “phải nói như vậy, sao sư cho rằng Phật ăn thịt chúng sinh. Hay sư cho con heo là loài thú chẳng phải là chúng sinh sao?”

Câu kinh ấy, đáng lẽ ông đừng đăng nên mặt báo gia mặt muôn người mà chỉ nói nhỏ một mình tôi nghe mà thôi. Vì tôi đã biết Phật, cho nên tôi tin bằng lời. Nếu người không tin, có biết chuyện Nhạc Dương Tử, không khỏi họ nói Phật có ăn thịt, rồi ông mới làm sao? Vì chính miệng ông khai ra, cho người ta đủ bằng cứ mà buộc tội đó!

Trong sách tôi, lời đáp câu hỏi 82 : “Vì Phật có dặn bảo các thầy Bí xu rằng chớ nên từ chối một vật gì của người có bụng tốt dâng cho” Ông ấy câu ấy mà nạt tôi rằng: Bạch sư Thiện Chiếu, Sư là đệ tử của Phật, phải y theo giáo lý của Phật mà tu hành. Chí như có người phụ nữ kia hình dung yếu diệu, cốt cách phương phi, thấy sư tu hành theo hạnh Phật cô ấy động lòng cung kính muốn dâng thân ngọc cho sư đặt phục thị sư như cô Ma Đăng Già thuở nọ.

“Không biết lúc đó sư có phân biệt lời đó là nói theo chuyện, chớ chẳng phải là điều nhất định thì ôi thôi, biết bao là khoái lạc cho sư.”

Tôi có mấy lẽ trả lời dưới đây vậy ông muốn nhận lẽ nào cũng được.

1) Nếu người đã chán cái khổ gia đình mà đi tu không ai đại gì lại liếm nước miếng của mình đã nhỏ.

2) Nếu người chưa trải mùi đời, xuất gia mới chưa hiểu đạo, ruổi gặp cái “ca”, như vậy tôi tưởng nghiệp ai gây người nấy chịu có mắc mớ gì mình?

3) Nếu người nào còn thấy người phụ nữ là hình dung yếu điệu, là cốt cách phương phi thì họ cho khoái lạc là phải.

Nếu như vậy, dẫu “trời đánh” họ cũng chẳng buồn, có biết gì Phật nói theo chuyện cùng chẳng theo chuyện!

4) Nếu người hiểu lý vô thường đã có tuệ nhãn thì cái mà thiên hạ cung tụng là “ngôi sao”, trái lại, người ta xem như ngọn đèn leo lét ở giữa gió: mắt mờ tai điếc, tóc bạc da nhăn một bà già mang lột phấn son mà gạt người phạm tục! đã hết hy vọng rồi, còn gì mà khoái lạc?

5) Cưu ma la thập pháp sư có gan mà nhận lãnh mười người kỹ sư của chúa Diêu Tần ban cho, cái đó cũng là thường. Nhưng không hiểu sao ngài biết được đời sau không ai chê kinh điển của ngài dịch thuật, ấy mới lạ thay!

Chính ông Hiễn Huệ là người hay chấp nhứt mà mỗi đêm tụng kinh Kim Cương trước hết cũng đọc: “Diêu Tần Tam tạng pháp sư Cưu ma la thập dịch” tỏ lòng biết ơn cung kính.

Thiện Chiếu

(CL số 2425, ngày 1.8.1932)

COI AI LÀ TÀ THUYẾT!

“Ai nói ta có thuyết pháp tức là mắng ta”
(Thích ca Mâu ni)

IV

Ông nói: “Sự dịch sách không chịu tra cứu, để biên càn dịch lủng, dám nói Thuần đà là tên thợ rèn làm thịt heo rừng quay mà đái Phật, thiệt là vô lý quá. Ông Thuần đà là một vị Bồ tát, đâu phải tên thợ rèn”.

Thật tôi nói không sai! Bây giờ ông đã lòi cái chân tướng là tín đồ của Bà la môn giáo rồi! Nếu người đạo Phật, sao còn cái óc giai cấp? Sao không hiểu cái nghĩa “hết thấy chúng sinh đều thành Phật được” của Phật pháp?

“Thợ rèn” là cái tên chỉ “nghề nghiệp để nuôi sống”, còn “Bồ tát” là cái tên chỉ “người còn thân phàm mà đã được sáng suốt trong lòng”. Thế thì cái thân “thợ rèn” cũng được cái lòng “Bồ tát” như ai vậy chớ!

Giả sử như có người hỏi ông: “Phần đông nhân loại ở cái xã hội hiện tại này, đều là hạng nghèo khổ, đem mồ hôi mà đổi lấy bát cơm, có nhiều nghề còn bị cực khổ, bị đày đoạ hơn cái nghề thợ rèn nữa”. Mà theo như ông nói: “Thuần đà là một vị Bồ tát, đâu phải tên thợ rèn” ấy là ông muốn nói nghề thợ rèn là nghề hèn hạ, đâu được làm đến bậc Bồ tát. Hạng nghèo khổ chúng tôi đã không được cái hân hạnh làm Bồ tát, không được làm Bồ tát, thì không thoát được cảnh khổ. Vậy sao nghe nói đạo Phật là đạo cứu khổ cho hạng giàu sang quyền thế? Nhưng hạng ấy họ có khổ gì đâu!”

Người ta hỏi như vậy rồi ông mới trả lời làm sao? Nếu ông cũng nói như tôi: Bồ tát là người còn thân phàm mà lòng đã được sáng suốt. Cái sáng suốt đã ở trong lòng, mà không phải ở nơi nghề nghiệp, vậy sao tôi nói Thuần đà là người thợ rèn mà ông lại cho là vô lý?

Ông còn chưa thêm rằng: “Thuần đà là con ông thợ khéo (Xảo công chi tử) chữ Pháp dịch là Orfèvre”.

Orfèvre nghĩa là người làm và bán đồ bằng vàng và bằng bạc, ta kêu là người thợ bạc.

Ông Hiến Huệ, ông cải chính như vậy, rõ ra ông còn sai lầm nhiều quá; làm người chưa trọn, vậy mà dám lên mặt dạy đời!

Sự sống của nhân loại hằng ngày, ăn và mặc, đều nhờ ở nơi nghề nông cả. Nhưng, nếu không nghề thợ rèn giúp cho khí cụ thì mấy nông phu cũng phải bó tay mà chịu phép. Cái nhu yếu của nhân sinh, mà lại cho là hèn theo nghề làm “Xa xỉ phẩm” có khác nào như bảo: Thà nhịn đói mà sắm vàng!

Nghề nghiệp không phải là cái “di truyền”. Tục ngữ có câu: “Cha làm thầy, con bán sách” sao ông dám chắc cha thợ bạc thì con cũng thợ bạc?

Cha con ai cũng có cái nghiệp riêng nấy, và cái nghiệp không phải là một vật hằng còn. Theo như lời ông, thì thật ông chưa thông lý nhân quả, cũng không hiểu nghĩa vô thường, vậy mà cũng xưng mình là đệ tử Phật!

Ông nói: “Trong sách của Sư trang số 22 và 13, Sư dịch nói sau bữa ăn Phật đi về thành Cu si na ga na, giữa đường Phật thọ bệnh nặng đến nỗi phải nằm dưới góc đại thọ bên đường cứ biểu A nan kiếm cho miếng nước giải khát.

Ôi, thật là tà thuyết!

Phật có 1250 đệ tử hộ giá phò trì. Có lý nào Ngài đau cho đến đổ nằm dưới gốc cây bên đường và khao khát như thế. Vậy chứ 1250 đệ tử của ngài đi đâu?

Thưa ông: Đi làm “biểu tình”. Nếu không phải, vậy chờ kéo đi đâu rần rần rộ rộ cho đến một ngàn hai trăm năm chục người lận.

Nhưng cái đó là theo ông đa.

Còn theo tôi, thì khi Phật vào thành Bi xá li (Vaisali), quý phi của vua Tần bà ta la (Bimbisâra) cúng vườn Am la (Âmrapali) cho Phật. Vườn ấy gần Trúc lâm (Veluvana). Gặp mùa mưa, Phật muốn hợp tăng chúng ở lại đó ba tháng. Song rủi nhằm năm cơ cấn, ở đông quá, cơm đâu mà ăn? Nếu tính mỗi ngày ăn một bữa (ăn Ngọ), hai người ăn một lít, thì 1250 người, mỗi ngày ăn gần sáu bao gạo chỉ xanh! Bởi vậy, Phật giải tán hết, chỉ để ông A nan ở lại đó với Phật mà thôi. Mãn mùa mưa, một số ít đệ tử về viếng Phật, rồi cũng đi qua thành Câu thi na kiệt (Kou sinagara). Ông chịu khó đỡ kinh Du Hành trong Trường A hàm ra xem, chờ dừng mắng xức tôi là đặt điều nói láo đa.

Ừa mà mùa nắng thì người ta chia nhau đi truyền giáo các nơi, chờ phải ở đâu cũng có chùa có sãi như bây giờ vậy sao mà cứ quây quần một chỗ?

Mà dẫu đệ tử theo Phật có đông đi nữa, không phải bưng nước sẵn mà đứng hầu bên Phật hoài, và cũng không phải đau thế cho Phật được.

Ông phải biết, từ Ba xa li (vai sa li) đến Câu thí na kiệt (Kou sinagara) không phải gần như từ Chợ Lớn xuống Trà Vinh vậy. Và hồi ấy, trước Gia Tô đến năm thế kỷ, ông tưởng đã có tàu Nguyễn Văn Kiệu, có hăng xe Lợi Đồng, có nhà

thương, có tiệm nước, có autobus, có trạm way như bây giờ vậy sao? Nếu có thì ông A nan cũng biết nóng lòng, kêu xe location chở Phật về nhà ngủ Nam Huê, và mời bác sĩ đến chích thuốc rồi, có đâu để Phật nằm dưới gốc đại thụ, khát nước có đâu tôi chép y theo sách xưa người ta, cho bị ông mắng là tà thuyết!

Ông dịch một đoạn kinh Niết Bàn, đại khái trong ấy nói rằng Phật đau lưng, cả mình nhức mỏi. Nhưng Phật làm bộ đau cho chúng sinh biết hữu thân, hữu khổ, hữu tình, hữu loại vậy thôi, chớ không phải là Phật đau thiệt. Rồi ông nói sách của tôi chép Phật đau nặng nằm dưới gốc cây là sách ngoại đạo.

Thưa ông, sao ông không dẫn quyển sách “Đạo Phật Thích Ca” của ai đó nói rằng Phật đã tiêu sinh việc tử, đâu có chết như người thường, ngày nay còn lên Tây Tạng, Phật đông như đám “công cấy” luôn thể! Lại nói đau mà không phải đau thiệt làm chi, cho người ta thấy cái “láo”?

Chúng sinh nào mà đại đột một cách lạ lùng như vậy? Có thân không biết có khổ, có sống không biết có chết, để đợi người ta làm bộ đau cho mình coi, rồi mới biết hữu thân hữu khổ, hữu hình hữu loại!

Phật cũng đất, nước, gió, lửa, tinh, huyết, giả hợp như ai, thì cũng phải già, phải đau, phải chết như ai vậy. Nhưng đau nhiều mà “trong lòng cũng vẫn yên vui bình tĩnh” như ở trang 23, trong sách P.G.V.Đ của tôi nói, thật, mà bị chê là ngoại đạo, cũng chẳng hề chi; nội đạo mà nói không ngay ấy mới đáng xấu hổ!

Thiện Chiếu

(CL số 2427, ngày 2.8.1932)

COI AI LÀ TÀ THUYẾT!

“Ai nói ta có thuyết pháp tức là mắng ta”

(Thích ca Mâu ni)

V

Ông Hiến Huệ chỉ trích quyển sách PGVĐ của tôi rằng nhiều chỗ tà thuyết, nhưng theo trong hai bài của ông đăng ở *LTTV* thì, tóm lại có ba khoản 1) Nói Phật ăn thịt heo rừng của Cuyn đa dăng cho là tà thuyết; 2) Nói Cuyn đa là người thợ rèn là tà thuyết; 3) Nói Phật đau nằm nghỉ dưới gốc đại thụ bên đường là tà thuyết.

Trong mấy bài trước, tôi giải đáp như vậy chắc độc giả phân biệt được chính hay tà rồi, và ông Hiến Huệ cũng không còn viện lẽ gì mà chối cãi được nữa. Song cuối bài của ông lại còn dẫn chứng ở kinh Đại Bát Niết Bàn nói rằng người dọn thịt mời Phật tên là Đại cát sư, nói rằng Thuần đà, vậy tôi phải cắt nghĩa thêm về khoản ấy.

Ông Hiến Huệ dịch một đoạn ở phần Tuỳ hỉ rằng: “Tại Vương Xá thành có tên Đại Cát Sư làm thịt loài vật mà cúng dường đức Phật và các tăng đồ, người ấy hết lòng năn nỉ cầu xin đức Phật nhận dùng, song đức Thế tôn không dùng lễ đó mà lại nói rằng: Ta từ thuở nay chưa từng ăn thịt những loài vật bao giờ, là vì ta xem cả thấy chúng sinh như con ta chẳng khác”.

Thưa ông, đoạn kinh ấy, theo tôi, thì chắc hẳn phải Đại thừa thêm vào. Bởi vì Phật đã nói với Đại cát sư rằng: “Ta từ thuở nay chưa từng ăn thịt những loài vật bao giờ”, ấy đủ biết trong kinh nói Phật đã ăn chay từ hồi mới xuất gia, hoặc trước khi chưa xuất gia kia lặn. Mà Phật lại thường ở Trúc Viên

(Veluvana) tại Vương Xá thành, nhiều lần thuyết pháp. Vậy theo như lời ông dẫn chứng, thì Đại cát sư cũng là người ở Vương Xá thành, sao không biết Phật và tặng chúng ăn chay, lại làm thịt loài vật mà cúng dường?

Hay là ông nói: Đại cát sư chưa đến Trúc viên mà nghe pháp, chưa biết Phật, chưa gặp tặng chúng lần nào, nên không biết Phật và tặng chúng ăn chay?

Ừa, lạ chưa? Đã chưa từng quen biết, sao lại làm thịt loài vật mà cúng dường?

Hay là ông nói: Tuy chưa quen biết, song cũng nghe người ta nói. Nếu người ta nói, thì Phật và tặng chúng ăn chay, người ta cũng nói luôn chớ. Có đâu để cho Đại cát sư giết đến mười con heo, nếu không, thì cũng năm con bò (ấy là theo số đệ tử Phật theo hộ giá phò trì đến 1250 người của ông nói) rồi năn nỉ cầu xin cách mấy, Phật và tặng chúng cũng không dùng?

Thưa ông, ông còn đem kinh ra làm chứng nữa thôi? Ông phải biết, ấy chẳng qua phái Đại thừa thêm vào, để cho vững cái thuyết “ăn chay” của họ mà thôi.

Bây giờ xin nói đến việc “giữ bản quyền”.

Ông hỏi tôi vì sao lại trước bìa sách, dưới câu chữ nhỏ “PGVĐ” lại đề ba chữ “Giữ bản quyền” làm chi vậy? Nếu sách ấy chưa đúng, in ra nhiều, sợ tin đồ thêm mê muội thì đừng in. Còn đã đúng, sao không thả bản quyền, cho những người giàu lòng từ thiện giúp sức, in ra truyền bá cho nhiều? ấy là còn lòng ích kỷ, muốn giữ bán mà làm giàu.

Thưa ông, tôi là người học Phật, thì phải bắt chước theo Phật chứ sao? Bởi Phật cũng có “giữ bản quyền” vậy. Nhưng không phải Phật sợ lý thuyết chưa đúng, cũng không phải Phật muốn làm giàu, giữ bản quyền chẳng qua sợ người sau thêm bớt, làm cho giáo nghĩa của Ngài thất thiệt vậy thôi.

Nếu không giữ bản quyền, sao Phật nói “ai nói ta có thuyết pháp tức là mắng ta?” Bởi Phật thuyết pháp, chỉ nói bằng miệng, chớ không viết bằng văn, và hồi ấy chưa có cái luật “bản quyền sở hữu” như bây giờ, thì làm sao có ba chữ “giữ bản quyền” ở trước bìa sách được? Cho nên buộc phải nói một câu vắn tắt vậy thôi.

Đã nói như vậy, mà ai còn “chấp pháp” cho bị buộc ràng thêm bớt cho bị chúng mắng là “nói dối” thì chịu lấy, chớ không quan hệ gì đến Phật hết.

Còn tôi, thì giấy mực rành rành, tên tuổi nhan nhản, nếu không “giữ bản quyền”, rủi có người hiểu như ông, cho chõ “nói ngay” trong sách là tà thuyết, thêm bớt tự do, sau này người ta mắng là sách đặt điều nói láo, rồi ai vô chịu trách nhiệm cho tôi?

Phải chi mắng tron cũng còn khá, họ đã chê là sách bịa đặt hoang đường, sao cho khỏi xé quăng giở rác, như vậy chẳng uổng cái công lao nghiên cứu của mình lắm ư?

Những sách có cái tính chất nghiên cứu, không phải như ngôn tình tiểu thuyết mà có nhiều người ưa. Ông là một nhà chuyên môn về thương mại, há không biết, nếu tôi có cái bụng “kiếm tiền”, mà đi vụng tính như vậy sao?

Còn ai là nhà từ thiện đâu? Nếu đồng ý kiến, đồng tôn chỉ như tôi, thì cứ việc in ra mà truyền bá¹.

Thiện Chiếu

(CL số 2427, ngày 3.8.1932)

1. Cải chánh – Bài I, cái bệnh chấp ta chấp cách xin sửa lại là “chấp cách”. Tùy bệnh mà cho thuốc “không”. Tùy bệnh “không” mà cho thuốc (nhà in bỏ sót câu ấy).

Cũng bảo cứ bơi xuống, xin sửa lại “đi xuống”.

Nói thật, ông bảo là tà thuyết (nhà in bỏ sót)

Bài III, mà vũ trụ lia ta, ta cũng tồn tại được, xin sửa lại: cũng không tồn tại được.

CÙNG CÁC SƯ Ở NKNCPHH HAY TẠP CHÍ TỪ BI ÂM

Chúng tôi chẳng may mà sinh nhằm đời mạt pháp, cách Phật quá xa, gia dĩ lại chướng sâu nghiệp nặng, lấp khoá lúc đầu; nếu không khéo mà một phen mất thân này rồi trăm kiếp ngàn đời mà e cũng không thể gì mà trở lại đặng (nhất thân nhân thân, vạn kiếp nan phục) bởi vậy chúng tôi đã lấm phen suy cùng nghĩ tận - Muốn mưu hạnh phúc cho tinh thần ở tương lai mà ngoài sự tìm thầy học đạo ra thì tưởng không có một phương pháp nào là hay hơn nữa. - Nhưng khốn nạn thay! Muốn học đạo lại là dễ gì! Một nước Việt Nam giá hơn hai mươi triệu con người mà kể ra không biết bao nhiêu thứ đạo, làm cho cái óc thanh niên non nớt của chúng tôi phải phân vân không biết đâu là chính, đâu là tà, đạo nào có ích, đạo nào có hại để hòng có xa lánh, hoặc tin theo, nhưng cũng may!

Trong lúc đang bị làn sóng tôn giáo đang âm âm nổi dậy tứ phương; họ bày đặt ra đủ mưu này chước họ để toan dôi sọ chúng tôi thì vừa nghe được một tiếng chuông chân lý rang rảng bên tai; ấy tức là Hội NKNCPH đã thành lập, tạp chí Từ Bi Âm đã ra đời.- Vào đầu tiên đã thấy các sư tuyên bố lên những lời rất quý báu và lớn lao như là “kêu tỉnh người mê muội dìu dắt kẻ lạc đường” những là “CHPG, vun gốc Bồ đề v.v...” vậy thì chúng tôi đây dại gì mà không mau mau bận áo tay rộng mà hoan nghênh những tiếng chân lý của các sư đã tuyên bố để hầu có giúp ích cho mình trong lúc đang mắc vào hoàn cảnh ảo mộng mơ màng này ư...?

Vả lại! một tờ tạp chí của nhà Phật ra đời chẳng những các sư bán hai cắc rưỡi một cuốn mà dẫu hai đồng rưỡi một

cuốn, nếu chúng tôi có thể kiếm ra tiền cũng nên mua mà xem mà học.

Chắc các sư cũng dư biết rằng ở một thời kỳ khốn bách đảng đảng hai năm nay; phần nhiều người cơm không có ăn, áo không có mà mặc, nhà không có ở đã chiếm một số bảy tám chục phần trăm; lo làm sao cho cái thân sống này lay lắt qua một buổi hiện thời cũng đã là khốn đốn lắm rồi, còn được mấy ai thư thái mà nghĩ đến tinh thần, đạo đức, tôn giáo mà đọc sách xem kinh. Thế mà chúng tôi cũng ráng kiếm cho ra tiền để mua Từ Bi Âm của các sư. Cũng tưởng rằng: may ra có thể giúp ích cho tinh thần chúng tôi ở tương lai sau này; ấy đủ biết rằng chúng tôi quá hâm mộ triết lý của Phật lắm chớ.

Thế mà sự hy vọng của chúng ta hiện nay hình như đã thất vọng rồi! mà sự thất vọng của chúng tôi đây cũng ngại ngùng gì mà không nói được là lỗi tại các sư, là vì các sư đã võ ngược mà nhận lấy trách nhiệm “đạo sư” “kêu tỉnh người mê muội dìu dắt kẻ lạc đường” mà!

Từ Bi Âm xuất bản đã được hai mươi số, nghĩa là thiếu hai tháng thì đầy một năm. Thế mà chẳng thấy sự chỉ bảo cho chúng tôi là người muốn học Phật thì phải theo những chương trình gì hay bắt đầu phải học những món gì cần thiết, rồi lần lần phải học những món gì. Đến lúc học Phật đã được rồi thì phải theo những cái quy tắc nào mà hành đạo - Cũng chẳng thấy các sư bày tỏ cho một cái thuyết gì chính đáng và thích hợp với các trào lưu khoa học kiện thời để cho chúng tôi dễ tin dễ hiểu.

Trái lại cái sự cứ dần ra những chuyện đời xưa đâu mấy trăm kiếp trước và dần ra những chuyện ảo mộng mơ màng đâu đâu, để giúp thêm thế lực cho những cái thuyết “nhồi sọ” mà lâu nay chúng tôi vẫn khả ố.

Một cuốn sách của nhà Phật mà chúng tôi càng xem càng mờ mắt rồi trí thêm, không một chút gì bổ ích, thì có khác chi mấy cuốn sách “nhồi sọ” của tôn giáo mà người ta sắp đầy ra mấy cửa hàng bán sách ở chợ mới Sài Gòn đâu! - Như thế thì sự thất vọng của chúng tôi không há không phải là lỗi tại sư? Nếu các sư đối với chúng tôi một cách thờ ơ lêu lổng để chúng tôi phải lầm lạc về đường tà, thì chúng tôi nhất định phải kiện với đức Thích Ca để Ngài thu cà sa bình bát của các sư lại, rồi chừng đó xem các sư sẽ lấy gì mà lên dáng “đạo sư” với chúng tôi cho biết. Gia dĩ các sư còn bịa ra những chuyện thị phi nhảm nhí mà làm cho rộn mắt xót tai chúng tôi nữa kia.

Như trong Từ Bi Âm quyển thứ 20 ra ngày 15.10 có đăng một bài nhan đề là “chuyện vui” đại khái trong bài ấy nói một ông Yết ma tên là Thiện Ý vì nói có một câu Từ Bi Âm dịch sai gì đó rồi bị một nàng con gái tên là Diệu Anh nào đó phản đối cho một cách rất xỉ nhục v.v... Đây là kể sơ qua một chuyện chớ có nhiều chuyện như vậy tưởng không nói ra làm chi cho choáng mắt và rát tai độc giả.

Đáng lẽ, đã là người đồng đạo thì đâu có sự gì lầm lỗi tưởng phải nên đóng cửa mà bàn bạc với nhau mới đúng với nghĩa. “Tăng dĩ lục hoà” chớ không nên đem phô diễn trước mắt chúng tôi làm chi, vì chúng tôi đã chán những sự thị phi tạt đổ ở đời lắm rồi! Vả lại chúng tôi mà sở dĩ đọc Từ Bi Âm là cần hiểu triết lý của Phật chớ đâu phải cầu nghe những chuyện thị phi của các sư xoi mói nhau.

Hoà Khương

(CL số 2500, ngày 27.10.1932)

Muốn CHPG thì nên bỏ những chuyện “nhảm”

CÙNG CÁC SƯ Ở NKNCPHH HAY TẠP CHÍ TỪ BI ÂM

(tiếp theo)

Huống chi đến đây là những chuyện vô lý nghĩa, vô đạo vì như thế, tưởng các sư lại càng đừng nên đăng vô tạp chí mà làm mất cái danh nghĩa ba chữ “Từ Bi Âm” mới phải. Có điều muốn nói thật tình rằng: chẳng qua cũng mượn cố nói xấu người ta để làm “quảng cáo” cho mình luôn thế thì được. Lãi “nếp” của con nhà buôn thì ai lại chẳng biết?... nếu nói rằng “chuyện vui” thì thiết tưởng ở giữa thế gian này lại hiếm chi chuyện vui cho công chúng thưởng thức, lại phải cần đến các sư bịa chuyện “dòi trong xương dòi ra” rồi chẳng những đã trái với câu “chúng trùng hữu thất nghi, đương ẩn các đương thiện của Phật tổ đã dạy lại bị quần chúng chê rằng “Gà một nhà bôi mặt đá nhau” nữa.

Xin thú thật, chúng tôi rất khâm phục cái cử chỉ “ba lẳng nhăng” ấy. Nhưng thôi! Nói thì nói mà nghe cho vui vậy. Chớ việc đó là việc riêng của các sư; chúng tôi không hơi đâu mà đi làm “Thầy kiện” không công rồi không khéo người ta lại mắng cho là đồ “thèo lẻo” bị người ta mắng nhiếc xỉ nhục. Không những một ông Yết ma ấy mà mười ông Yết ma khác, thì các sư khác cũng phải chung chịu một số kiếp với họ, chớ chúng tôi đây tuyệt nhiên không can thiệp, là vì tương với đậu hũ chớ không phải thịt với muối vừng.

Đây chỉ nói tiếp câu chuyện của chúng tôi kéo lạc mất !

Hết thấy các phương diện ở xã hội hiện thời đều chú trọng về sự thực tế của khoa học mà làm gốc; vậy các sư

muốn chấn hưng Phật giáo hay muốn cho giáo lý của Phật được phổ cập trong nhân gian thì tốt hơn các sư gạn lọc những cái tinh hoa thuần túy của Phật tham trước làm sao cho hợp thời, may ra một ngày kia mới mong thấy được cái tia sáng của Phật chói lọi trên trái đất này và cũng có thể giúp ích thêm một phần tiến hoá cho dân tộc trong nhân gian. Bằng như các sư cứ chấp nhất theo kinh điển trong tam tạng mà dịch hoài hết cuốn này sang cuốn kia thì không những khó cho tôi muốn tìm chân lý mà e lại trở ngại thêm cho con đường tiến hoá là khác (vì sách Phật bằng chữ Tàu không chắc đúng hết ý thuyết của Phật).

Nhân trí ngày nay không phải như nhân trí hồi thế kỷ XVII, XVIII về trước đâu mà hồng bảo người ta “cúng Phật rồi Phật ban phúc” và “quỳ trước bàn Phật mà sám hối thì sẽ tiêu tội”.

Chấn hưng! chấn hưng! Các sư ra hô hào chấn hưng Phật giáo đi gần chót một năm trời. Song đâu vẫn ở đấy chẳng thấy thêm một vẻ gì lạc quan trong Phật giới, cũng chẳng thấy cải cách được một chế độ chi mới mẻ trong tăng già, như thế thì “chấn” cái gì? “hưng” ở đâu? miệng thì la ó “vun gốc Bồ đề” nhưng không biết có đúng sự thật ấy chăng? hay nhân danh để ngoài mà tự kỳ trung thì lo vun phân tưới nước cho mấy bôm bôm và bảng lô!

Còn gốc Bồ đề ở đâu cũng chẳng thấy, ai trông nó ra hồi nào cũng chẳng biết, và vì nguyên nhân gì mà nó phải khô héo mà bây giờ muốn “vun” nở thì phải dùng phương pháp gì cũng chẳng hay, rồi bắt chước như ai đó (...) mà nói rằng: “Hòn núi Tu Di ở trên tầng thế giới thứ ba ngàn lẻ ba”.

Chà! NKNCPHH và tạp chí “Từ Bi Âm” - một cơ quan của Phật giáo mới nghe qua thiếu điều muốn đặt bàn hương án

mà cung hỷ. Nhưng xét kỹ lại chỗ hành vi thì chẳng có một mảnh may gì đáng cho công chúng chú ý cả. Rất đổi có mấy “câu hỏi” của ông Trương Dương Từ đăng ở phụ trương báo Sài Thành kỳ trước, tuyệt nhiên chẳng thấy một bác “Đạo sư” nào thốt ra một lời hoặc giả vì cái thế lực ngân tiền nó đè nén các sư một cách quá ngọt, sở dĩ các sư không đủ hơi mà bàn việc công lý?

Nếu vậy thì chúng tôi cũng mượn câu của ông Tân Việt ở báo *Công Luận* kỳ trước mà nói rằng: *vai mang bị bạc lè kè/ nói quấy nói quá cũng nghe âm âm* đa các sư! thật nghĩ cũng thất thế cho cái huy hiệu NKNCPH nhiều lắm các sư nghĩ!

Nếu ở đời này có một bạn thức giả, biết mẫn thế xu thời; biết Phật pháp có quan hệ đến quốc gia, có ảnh hưởng với xã hội thì chẳng nói! Bằng rặt những phường lợi dụng những bọn gian hùng cứ đem Phật Pháp mà làm món hàng bán dạo để mưu sinh cho mình, thì họa là ông Thích Ca phải tái thế một lần nữa may ra mới khôi phục nền giáo lý của Ngài lại, chớ chúng tôi đây chẳng qua cũng là một bọn tín ngưỡng dẫu có kêu gào đến rát cổ, than thở đến đến hết hơi e cũng phải thừa!

Cứ theo chính nghĩa của nhà Phật thì ngài không hề biểu mình làm sự mê tín bao giờ. Trái lại ngài chỉ dạy rằng nếu chúng sinh muốn muốn khỏi khổ đặng vui thì duy tự mình nghiệm cứu lấy con đường sáng suốt. Nghĩa là phải làm thế nào cho dứt sạch cái “vọng tâm” thì “chân tâm” sẽ chói lợi. Lúc bấy giờ không cần ỷ lại một đấng thiêng liêng nào có thể tác oai tác phúc cho mình cả. Cũng không một vật gì ở trần cảnh có thể buộc ràng, xua đuổi ô nhiễm mình được, ấy tức là khỏi khổ đặng vui chớ gì! Bấy nhiêu đó cũng đủ chứng rằng đạo Phật là mê tín cùng không.

Cái trách nhiệm “hoằng pháp lợi sinh”. Cái chức trách đại biểu cho Phật là đều do ở các sư; Lẽ ra các sư nên đem thuần chính giáo Phật mà đổi lại cái “mê tín” cho chúng tôi đã lầm tiêm nhiễm theo phong tục hay tiền bối lâu nay mới phải.

Nhưng không! Cái này các sư còn lại chan chát thêm những sự “mê tín” cho chúng tôi thì có! Kìa! ai không tin thì cứ dở cuốn *Từ Bi Âm* thứ 19 ra ngày 1.10 mà xem; cũng một bài như bài nói trên: Nghĩa là cũng “chuyên vui” mà kỳ thiết thì rõ ràng là một bài cổ động “ngâm” về việc cúng bái, da dĩa lại tỏ ý cạnh tranh ố nhân thắng kỷ mới khó vui chớ!

Thật vậy! Nếu có một người nào đương mắc chứng bệnh “lười ươi” mà biểu họ xem thử mấy bài ấy chắc họ cũng chán thêm thì có, chớ không thể nào cười được chút đỉnh gọi là, cho khỏi cô phụ hai chữ “chuyên vui”.

Thật ngời mà thương cho những người quá mê muội, cứ đau đầu mà tạo nghiệp trọn đời, muốn hại ai thì thay tên đổi dạng man trá đủ điều; thật là tàn nhẫn, thật là vô lương tâm. Vậy rồi cái kết quả tương lai của họ nó sẽ ra sao không biết!

Thấy những chuyện bất bình như thế, các sư là bậc cao tăng đại đức chắc cũng không thể nào không động môi “từ tâm” chắc lười mà than câu: chúng sinh cương cường nay đều nan phục. Mỡ! nãy giờ mắng nói tào lao mà toan quên câu chuyện của mình.

Thưa các sư! trải một thời gian ngót hai ngàn năm Phật giáo truyền sang nước ta đến nay mới có một cơ quan truyền bá giáo nghĩa của Phật cho nhân loại quần sinh, vậy các sư hãy quên mình vì tiền đồ hãy thực hành cái công tâm mà vun gốc Bồ đề làm sao cho thật xum xuê tươi tốt để cho chúng sinh nương bóng với cùng! Nếu chẳng được vậy, trái lại các sư

cứ thi hành các chính sách “cà rỗng” để nuôi lớn cái “xú bi nan” thì dầu có tránh đi đường nào cũng không khỏi cái câu thành ngữ của công chúng dị nghị rằng: Hữu danh vô thực đa các sư!

Mong rằng: các sư không nở bỏ qua bài này thì chúng tôi sẽ được hầu chuyện thêm nữa.

Hòa Khương

Thay mặt những người tín ngưỡng Phật giáo
(CL số 2500, ngày 27.10.1932)

Loạt bài của Vân Hà Khách (Huế)

ĐỐI VỚI VẤN ĐỀ BIỆN CHÍNH QUYỂN SÁCH “PHẬT GIÁO VẤN ĐÁP”

Đôi lời thương xót cùng sư Liên Tôn ở Từ Bi Âm

I

Trào lưu của thế giới mỗi ngày mỗi dồn tới. Các bước đường tiến hoá của nhân loại lôi kéo xô ùa tất cả chế độ kinh tế, chính trị, văn hoá thay đổi cho thích hợp với hoàn cảnh và thời cơ mới mưu sinh được. Trong khoảng không gian và thời gian đó bất kỳ là sự vật gì mà không biến đổi tất không thể nào tồn tại được.

Xin nhập đề. Đạo Phật lưu truyền dưới thế kỷ 20 này tất cũng không khỏi bị cái luật kia chi phối.

Trong khi sự khủng hoảng về kinh tế nó bức xúc con người ta đến nỗi bao nhiêu hành vi, tư tưởng không ra ngoài

vòng “kiếm ăn”; trong khi những cái mâu thuẫn trong xã hội và giữa thế giới nó bức xúc con người ta đến nỗi bao nhiêu hành vi tư tưởng không ra ngoài vòng “giết nhau”.

Trong khi những sự phát minh về khoa học nó xô đuổi tất cả những mê tín của loài người như một tuồng ác mộng thì có đạo Phật mà các ngài cho là một đạo chân chính, là một đạo thoát khổ đó, các ngài phải cải cách lại thế nào, phải chỉnh đốn lại thế nào mới mong nó có thể sống còn giữa cái thời đại này. Trái lại thì nó chỉ hoá ra một cái mê tín mà người ta ngày nay vì kinh tế khủng hoảng vì chiến tranh (nội và ngoại) vì chân lý khoa học mà không thể tin được nữa.

Như thế rồi thì đạo Phật cũng như tất cả các sự vật khác trong xã hội vì tính chất “bất thích nghi” mà chìm trong cái bể không gian và thời gian của lịch sử không thể nào hoàn sinh lại được.

Chính vì quan niệm ấy mà những người nhiệt tâm với đạo Phật khắp Đông Tây lo chấn chỉnh, hoán cải lại cho thích hợp với phong trào. Tình hình ấy cũng có may mắn hiển hiện ở nước ta. Quyển “PGVĐ” của sư Thiện Chiếu ra đời chính vì lẽ đó.

Khi biên tập quyển sách này (cách 2 năm về trước) tôi từng được gặp sư Thiện Chiếu và được xem cả bản thảo, vẫn lấy làm mừng rằng trong sự mê mông của tín đồ ngày nay đã có một tiếng chuông cảnh tỉnh. Dầu về phương diện khảo cứu có sơ lược nhưng có tính chất phổ thông thường thức rất quý hoá. Người thức giả trong nước chắc cũng đồng ý như tôi (xem *Tân thiếu niên* báo số 28).

Tình cờ tôi đọc *Từ Bi Âm* số 18 có bài biện chính của sư Liên Tôn mà làm cho tôi ngạc nhiên. Chưa nói phần lý luận ra

sao, chỉ xem thể văn thì ai cũng phải công nhận là rất bất nhã. Tôi tin rằng những văn biện thuyết ngoài những tính chất xác thực, cương quyết, hào hùng v.v... lại phải còn có tính chất tao nhã nữa mới có giá trị. Trái lại giọng văn thoá mạ, khất khe là tuyệt vô giá trị và ảnh hưởng.

Đối với những cuộc biện thuyết về chủ nghĩa mà những cuộc biện thuyết ấy lại do những nhà tu hành đương trách thì cái tính chất trên này lại càng phải có lắm.

Hãy nói đến lý luận của bản phê bình.

Nhân khi tôi cầm bút viết bài thương xót thì may gặp một người bạn tu hành (ông V.Đ) định viết một vài giải đáp tường tất cho sư Liên Tôn nên tôi định rút phạm vi của bài tôi lại dưới những điều sau này.

Vân Hà Khách (Huế)
(CL số 2505, ngày 4.11.1932)

II

1. Sư Liên Tôn hiểu lầm khoa học và lịch sử

Sư Thiện Chiếu nói: “nghiên cứu Phật pháp phải lấy phương pháp thực nghiệm của khoa học làm căn bản, lấy sự thực trên lịch sử làm chứng cứ, thì mới phát huy đặng nghĩa mầu trong sách Phật”.

Sư Liên Tôn bác lẽ đó mà cho rằng: “Khoa học cũng tựa hồ làm một vật không ý nghĩa, không mục đích và cũng không giá trị, vậy thì có ích gì cho cái kế sanh tồn của nhân quần đâu?(sic).

Lịch sử chẳng qua là chép những sự tích và công hạnh của Phật để cho người hậu học làm gương và để kỷ niệm “mà

thôi"! Cho nên nói lấy phương pháp khoa học và lịch sử mà giải thích pháp lý là vô ý nghĩa."

Ai đọc qua đoạn này cũng phải thấy cái mâu kiến của sư Liên Tôn đối với khoa học và lịch sử thật đến cùng cực. Chẳng những vậy mà lại giống như không hiểu câu của sư Thiện Chiếu nữa.

a) Phản đối khoa học - Kết án khoa học, cho khoa học là vô giá trị, không ích cho kế sinh tồn của nhân quần, muốn lôi kéo nhân quần thoát ly khoa học để trở lại cái thời đại hỗn mang, thật là một cái quan niệm cực kỳ quái gở. Hiện nay vì bao nhiêu cái mâu thuẫn trong loài người - giai cấp, quốc gia - thuộc địa đã đến cùng cực nên sinh ra lắm cái trạng thái thảm khốc thương tâm; một phái người vì không thấy rõ cái nguyên nhân của những cái tấn thảm kịch ấy (hoặc không muốn thấy) mà đành nhắm mắt quy tội cho khoa học, thóa mạ khoa học, bài trừ khoa học, thật mâu ngộ quá lẽ.

Khoa học là một cái lợi khí để tiến vãn nhân loại thoát ly cái sức đàn áp của tự nhiên (đói lạnh, bệnh tật v.v...) mà lên cõi hạnh phúc, thủ thái, sống bằng một cách có ý thức. Sở dĩ ngày nay khoa học có một bộ phận (xin ông Liên Tôn nhớ cho rằng chỉ một bộ phận mà thôi) hoá nguy hiểm cho dân sinh, cái ấy không thể quy tội cho khoa học được, mà chính là giai cấp nào nắm quyền cái khoa học ấy. Đúc tàu là để giao thông bốn bể, để cho tiện chở anh em một nhà, chớ ai bảo ông đem súng đại bác làm chi!

Bao giờ những cái mâu thuẫn trong loài người mà giải quyết xong thì bộ phận khoa học nguy hiểm kia tự nhiên mà tiêu diệt. Bao nhiêu khoa học sẽ chuyên chú về con đường mưu hạnh phúc cho người ta.

Thôi nói chừng ấy cũng đủ, khoa học không cần phải mượn tôi làm trạng sư, nó có cái chân lý tất nhiên của nó, như hai với hai là bốn, không thể ai chối cãi được, ngoài cái hạng người đã kể trên kia, mà trong ấy không may lại có mặt ông Liên Tôn nữa.

b) Nhận lầm lịch sử - Ông Liên Tôn cho lịch sử Phật chỉ là cái sự tích cá nhân của Phật mà thôi.

Lầm quá. Nói đến lịch sử của một ông giáo chủ tất không thể lìa cái học thuyết, cái giáo lý của ông từ khi phát sinh cho đến nay, trải qua những thời đại nào? ở những địa điểm nào? Biến thể dịch hình ra sao? ảnh hưởng trong xã hội nhân quần ra thế nào? v.v... Như thế mới gọi là lịch sử và phương pháp xét lịch sử cần phải căn cứ vậy.

c) Không hiểu câu nói của Thiện Chiếu - Ông Liên Tôn hiểu lầm khoa học, hiểu lầm lịch sử, lại không hiểu luôn câu của ông Thiện Chiếu nữa.

Nói rằng: Nghiên cứu Phật giáo phải lấy phương pháp khoa học và lịch sử mà chứng cứ, nào có phải là lấy vật lý học, hoá học, sinh lý học v.v... mà chứng cứ đâu; cũng không phải chỉ lấy sự tích cá nhân của Phật mà giải thuyết đâu, chính là lấy phương pháp lý luận khoa học và lịch sử cá nhân cùng lịch sử về giáo lý của Phật trải mấy thời đại mà chứng cứ mới phát huy được nghĩa mầu của Phật. Lý luận khoa học: Nghĩa là một cái thể lý luận có căn cứ vào phương pháp phân tích và quy nạp, phải có lý do thực tế và có thể thực nghiệm được, chứng cứ phải minh bạch, thí dụ phải hiển nhiên.

Cái nền lý luận có căn cứ vào sự thật như vậy, mới giác ngộ người ta được. Trái lại là lý luận trừu tượng, huyền ảo, mộng tưởng, u u minh minh chỉ có thể cảm dỗ được những cái

não hủ lậu hay lãng mạn mà thôi, chớ phần đông quần chúng thời không thể nhận thức được.

Giải thuyết lý Phật có căn cứ vào phương pháp ở trên mới có thể làm cho người ta tin được, chớ đem những tà thuyết thần quái chỉ ảnh hưởng được ở trong cái xã hội tối hủ mà thôi, người đời nay không tin được.

Vân Hà Khách

(CLsố 2506, ngày 7.11.1932)

III

2. Ông Liên Tôn giải lầm Phật pháp đối với vấn đề xã hội

Sư Thiện Chiếu nói: “Phật đù dất chúng sinh thoát khỏi nẻo luân hồi cũng như nhân loại bị thống khổ về giai cấp bất bình đẳng mà có kẻ xướng ra chủ nghĩa đại đồng để đem nhân loại lên địa vị bình đẳng” Ông Liên Tôn bác cái thí dụ ấy mà cho rằng giai cấp bất bình trong xã hội mà nhân loại bị thống khổ đây là tại chỗ tạo nghiệp đời trước của nhân loại khác nhau nên quả báo đời này phải có sai biệt chớ phải là tại xã hội làm cho bất bình đâu mà người đem lên địa vị bình đẳng”.

Đối với thí dụ của ông Thiện Chiếu tôi không cần bàn đúng hay sai, vì đã là thí dụ thì tùy cái sở kiến của mỗi người, miễn là đừng phá bỡng cái lập đề của mình xướng ra thì thôi.

Tôi chỉ bàn câu phê bình của ông sai, sai cả giáo lý của Phật.

Tôi nghĩ rằng bất kỳ người nào có một chút thường thức về xã hội học và kinh tế và chắc đọc câu ông không thể không kinh hoàng cho cái gan “bạo nói” của ông.

Đối với vấn đề rất phiền phức này nó có quan hệ đến xã hội và kinh tế học tôi không muốn trưng dẫn ra cả một lý thuyết (nguyên nhân phát sinh ra cả một giai cấp ấy ngày nay và bước đường tương lai của chế độ xã hội có giai cấp) tôi chỉ hãm lại chỉ mấy cái mâu thuẫn quái gở trong cái luận điệu của ông. Ông nói giai cấp bất bình là tại chỗ tạo nghiệp đời trước của nhân loại khác nhau. Tôi xin hỏi tạo nghiệp về đời nào? tạo nghiệp bằng cách nào? Khác nhau là khác bằng cách gì? tạo nghiệp ấy là một cá nhân hay là một quần chúng? Ông nói: nên bây giờ phải chịu quả báo, tôi xin hỏi quả báo ấy đến bao giờ mới hết? Hay là chịu mãi hay sao? Ông nói: không phải xã hội làm cho bất bình, tôi xin hỏi ai gây ra cái bất bình ấy? Ai nghiệp? Ông trả lời “nhân loại đời trước”.

Tôi xin hỏi: nhân loại đời trước có họp thành xã hội không? Ông nói: người không đem người lên địa vị bình đẳng được. Tôi xin hỏi: vậy ai đem lên? Hay là suốt đời chịu cái trạng huống bất bình để trả cái nghiệp chướng cho đời trước phải không?

Tôi hỏi ông là ví thử tôi dịch địa vào ông vào ông tôi mà cũng luống cuống mà khó trả lời, vì cái luận điệu của ông bông lông quá, lời thôi quá đầy cả mâu thuẫn mà thất ngộ thì ai mà hiểu nổi.

Ông nói: “hễ hy sinh chừng nào thì càng tạo nghiệp chừng nấy, tạo nghiệp chừng nào thì càng thọ báo chừng nấy chớ không hết khổ đặng như với người chết đuối ngoài biển vô ích mà hại thân”. Tôi đọc đoạn này mà toát cả mồ hôi, ô hay ông nói thế thì đạo Phật, cái đạo thoát khổ của các ông thì công dụng của nó là thế nào? Dầu ông cho thiên hạ có kẻ hy sinh thì chỉ tạo nghiệp chớ không cứu vớt được ai cả, như vớt người ngoài biển, vậy chớ còn của các ông thì tính sao?

Hay là cũng chấp tay mà nhìn người ta chết chìm à! Thôi ông quên câu: “Ngã bất nhập địa ngục, thù nhập địa ngục” của Phật dạy rồi!

Tôi bấy lâu thân thể phiêu linh, phong trần dầu dãi, có chút cảm tình với Phật giáo nhưng chưa có cơ hội nghiên cứu cho tường tất vẫn lấy làm tiếc. Nay đọc bài biện chính của ông mà phát sinh ra cái tư tưởng sau này: Đạo Phật đương ở một cái giai đoạn tiêu trầm, cần phục hưng lại, những bài phê bình về giáo lý của Phật rất tốt, để phát huy cái lẽ sáng của đấng Chí tôn, nhưng dầu có phê bình hay giải thuyết cũng phải nên lưu ý đôi chút về vấn đề học vấn và xã hội với chớ.

Nay tự tiện viết những cái ý tưởng quái gở như vậy chẳng những không ích gì cho Phật giáo mà lại nguy hiểm thêm chẳng khác nào, nhà muốn xiêu các ông xô luôn cho nó đổ, thật thương tâm quá! Bài ông còn nhiều chỗ sai nhưng tôi muốn để cho người bạn tôi là VD và những nhà thiện hữu, trí thức cùng sư Thiện Chiếu giải đáp cùng ông một cách chân chính. Tôi chỉ chú ý hai lẽ ở trên mà thôi. Có kẻ nói: Bài biện chính của ông chỉ có tính chất “gà ghét nhau tiếng gáy” tôi không tin, vì đạo Phật đương suy đồi, người thành tâm cần phải chỉnh đốn lại, sao lại phát sinh cái quái trạng như vậy, huống hồ đạo Phật lại là một đạo “từ bi hỷ xả” nữa kia mà.

Vân Hà Khách

(CL số 2509, ngày 9.11.1932)

Loạt bài của Thiện Chiếu

Nước Brésil (Braxin) ở châu Mỹ, vì cà phê dư dùng, nên phải đổ xuống biển đến 12 triệu bao; rượu ở Hongarie không

biết làm gì cho hết, đến nỗi đem dùng tắt lửa; chí như các “lò giấy” ở hoàn cầu, có lẽ cũng bởi “sinh sản quá độ” (Surproduction) nên ông Liên Tôn nhớ đến câu “Dư giấy làm chi chẳng vẽ voi” rồi động mỗi từ tâm, mới viết ra bài “Biện chánh quyển sách Phật giáo vấn đáp” của tôi, để cứu cái nạn “thất nghiệp” đây chăng? Nếu độc giả không tin như lời tôi nói, thì tôi cũng không tin rằng không lẽ ông Liên Tôn đường đường một vị chủ bút của Hội NKNCPH lại tầm thường đến nỗi đọc một quyển sách phổ thông như quyển PGVĐ mà không hiểu gì hết.

Thì xin độc giả cứ đọc lời “Biện” của ông Liên Tôn và lời “Bác” của tôi dưới đây, rồi tùy ý, trong hai lẽ vừa nói ở trên, độc giả muốn tin lẽ nào cũng được.

Biện chánh

Quyển sách “Phật giáo vấn đáp” của sư Thiện Chiếu

Huyền diệu thay cái danh của sư Thiện Chiếu biên tập! Nghiêm nghị thay quyển sách PGVĐ ra đời, viết khô biển nước, nói cạn nguồn lời, vẽ cọp không thành, theo nhông học nói; tưởng vấn đáp làm sao dặng tỉnh ngộ cho quần sinh, chớ vấn đáp như thế thì thêm mê lầm cho chúng kiến. Vậy thì người biên tập có đắc tội với Phật hay không?

Sư Thiện Chiếu ôi! Tôi là một người đệ tử của Phật, có học Phật, xem thấy nhiều chỗ sai lầm trong quyển sách PGVĐ của sư xuất bản, mà nếu tôi làm tỉnh thì sao gọi là học Phật; nên bất đắc dĩ mới biện chánh dặng cho công chúng rõ thấy chỗ kiến giải của sư ra thế nào, kéo để lầm lạc mà phụ phần cái công tham cứu của nhân quần.

1. Biện chánh về chỗ dịch nghĩa không nhằm

Trong trang 25, hàng 15, chữ “tịch” mà cất nghĩa là “hoá” - Vả chữ “tịch” nghĩa là vẩn lặn chính nơi cái bản thể chân như hết lúc tùy duyên huờn lại bất biến, nên gọi là “tịch”. Còn chữ “hoá” nghĩa là biến hoá, tiêu hoá, mà biến hoá, tức là vô thường, tiêu hoá tức là đoạn diệt, có lẽ nào lấy nghĩa vô thường và đoạn diệt mà nói qua nghĩa bất biến đặng sao?

Tịch (hay là viên tịch, hoặc tịch diệt) là chữ Tàu dịch nghĩa, tiếng Niết bàn (Nirvana) của Ấn Độ. Theo tiếng ta, nghĩa là tắt mát: Tắt mát cái vọng tâm, không còn sinh diệt. Cái vọng tâm (nhân) đã không sinh diệt, thì không còn chịu cái thân (quả) sống chết nữa. Người tu hành đắc đạo chết kêu là “tịch” hay là: vào Niết Bàn, là chỉ người ấy đã khỏi sinh tử luân hồi (Hiển thánh mạng chung vi viên tịch, tức nhập ư Niết bàn, vị ly sanh tử chi khổ nhi ngôn chi - *Phật học Đại từ điển*).

Người tu hành đắc đạo chết kêu là “tịch” (tiếng riêng của nhà Phật), cũng như vua chết kêu là “băng”, chư hầu chết kêu là “oản”, đại phu chết kêu là “tốt”, học trò chết kêu là “bất lộc”, thứ dân chết kêu là “tử”, con nít chết kêu là “thương”.

Dẫu kêu tiếng gì đi nữa, nếu đã tắt hơi rồi, thì hết thấy thân ấy, vua hay dân, chúng sinh hay Phật, ai cũng không còn tri giác cử động gì nữa.

Thưa ông chủ bút Từ Bi Âm nếu ông đã nhận rằng Phật Thích ca Mâu ni ở trong bụng Ma da phu nhân mà ra, thì ông không thể chối rằng cái ứng thân của Phật Thích ca Mâu ni là trường sinh bất tử được. Nếu ông đã nhận cái ứng thân của (đất, nước, gió, lửa, tinh, huyết) của Phật cũng phải chết như ai, thì đoạn lịch sử Phật trong sách PGVĐ khi Phật chết tôi

viết là “tịch” mà chưa thêm chữ “hoá” (hoá nghĩa là chết) cho người ta dễ hiểu, nhưng cũng không mất nghĩa, là từ này về sau Phật đã khỏi vòng sinh tử luân hồi rồi (bởi tôi đã nói là tịch), tưởng không còn gì rõ ràng hơn nữa.

Hay là ông nói: Phật tịch là tịch, tịch là bất biến, không phải chết, không phải tắt nghỉ như người ta? Hèn gì lịch sử Phật trong Từ Bi Âm ông chẳng thêu thùa bịa đặt thành ra một thứ quái vật để gạt gẫm quần sinh!

“Trong trang 28, hàng 8, chữ “kinh tạng” mà sư nói là gồm có các bài giảng về luân lý mà thôi - Vả chữ “kinh” nghĩa là kế lý chân thường của Phật và hiệp cơ chúng sinh, còn chữ “tạng” nghĩa là bao dung chứa để, nếu nói tóm tắt lại thì chứa đủ các giáo pháp “kế lý hiệp cơ” mới đúng. Chớ như sư nói gồm có các bài giảng về luân lý, vậy chẳng là tánh lý và triết lý trong kinh không nói đến hay sao?

Dẫu ông có tuệ nhãn đi nữa, còn con “mắt thịt” ở đâu mà không thấy lời “chú giải” ở dưới?

Trước “Lời Tựa” tôi đã nói sách PGVĐ lấy tài liệu trong quyển Le Bouddhisme (catéchisme) của Olcott. Mà sách ấy, Olcott do theo kinh điển Nam tông (Tiểu thừa). Bởi vậy tôi mới trích khoản “Tiểu thừa Tam tạng” trong Phật học Đại từ điển mà chú giải rõ ràng: “Bốn bộ kinh A hàm là Kinh tạng v.v...”. Kinh A hàm chẳng qua Phật nói “Tứ diệu đế” (Bốn lẽ thiệt) mà thôi, cũng không có gì là triết lý.

Thiện Chiếu

(CL số 2512, ngày 16.11.1932)

BÁC LỜI BIỆN CHÁNH CỦA ÔNG LIÊN TÔN

I

Trong trang 46, hàng 23, chữ “Phật pháp” mà sư cắt nghĩa ra bằng tiếng “công lý”. Và chữ “Phật pháp” là giáo nghĩa gồm đủ các lẽ tỉnh ngộ mình và tỉnh ngộ người, ở trong còn hàm nhiều lý cao sâu mâu nhiệm, tưởng lại ngôn luận không thể bàn cho cùng, bút mực không thể giải cho xiết, mà sư lại lấy hai chữ “công lý” của thế pháp mà vu oan cho “Phật pháp” - Chỗ kiến giải của sư như vậy mà bảo làm sao không dễ trả lời và không dễ làm sách cho đặng?

Vả chẳng “công lý” của thế pháp chẳng qua là nói cái lý công bằng thuộc về phương diện nhất định cạn cợt hẹp hòi đó thôi; chớ như chữ “Phật pháp” thì có hiển, có mật, có quyền, có thật, có tiện, có đơn, có tang, có thông, có biệt, có viên, thuộc về phương diện không nhất định. Vì không nhất định nên toàn thể rộng lớn, ứng dụng không lường. Kinh Hoa Nghiêm nói rằng: “Trương Phật giáo võng, căng pháp giới hải, lột thiên ngư trí “Niết Bàn ngạn” nghĩa là bủa trương lưới Phật pháp giáp cả biển pháp giới, gạn bắt cá nhân thiên, để lên bờ Niết Bàn.

Vậy mà sư nói “Phật pháp” là tiếng “công lý” tức là phương diện “nhất định” hẹp hòi mà sánh với phương diện “bất định” rộng lớn, có phải là trái hẳn hay không?

Hai chữ “công lý” ông nói của Thế pháp là ông lầm. Nếu Thế pháp có công lý, thì kẻ gian ác không được thưởng, người ngay thẳng không bị phạt. Nhưng trên thế gian này, bọn giết người cướp của, ngày nào cũng nghe có lời tán dương, cung tụng, cũng thấy có kẻ ra cúi vô luân, còn hạng người

quyết ra tay tháo cũi sổ lồng, lại phải nát cửa tan nhà, khổ thân thiệt mạng. Như vậy, thế pháp có gì là công lý?

Chỉ có Phật pháp mới thật là công lý. Chẳng những cái thuyết Nghiệp báo được nói là công lý, toàn cả Phật pháp cũng được nói là công lý. Vì Phật pháp đủ các phương thuốc, hợp cả cho mọi người, tế độ không chừa ai hết, như một đám mưa, rưới khắp cỏ cây, lớn nhỏ xấu tốt gì cũng đều được thấm nhuần vậy. Như thế mới nói được là công lý (đạo lý công bình) chớ.

Ông đã biết nói Phật pháp có hiển, mật, biệt, viên, thiệt, quyền, đốn, tiệm nhưng tiếc vì còn có cái óc “nô lệ phục tùng” nên không thấy cái chân tướng của hai chữ “công lý”, mới bảo tôi vu oan cho Phật, nghĩ cũng thương hại thay!

Trong trang 47, hàng 9, câu chữ “tự giác giác tha” nghĩa là cầu sáng cho mình và khai sáng cho đời mới là trúng - Vả chăng chữ “tự giác” nghĩa là biết tánh thể mình vẫn thanh tịnh, trí tuệ mình vẫn sáng suốt, không động diệu, không sinh diệt, dựng nên cả thấy các pháp mà không một mảy trần, nên gọi là “tự giác” - Còn đem chỗ tỏ biết của mình mà tỏ biết cho chúng sinh, khiến đều tỉnh giấc mộng hồn, dứt vọng mê hoặc nên gọi là “giác tha”.

Thế mà sư lấy câu “cầu sáng cho mình và khai sáng cho đời” mà làm nghĩa bốn chữ “tu thân bác ái” thì sao cho phải; vì chữ “tu” nghĩa là tu tập thuộc về công phu, chữ “thân” nghĩa là sắc thân ở trong sinh diệt.

Còn chữ “giác” nghĩa là đã tỉnh ngộ rồi, chữ “tu” nghĩa là tu tính chân thường, mà sư lấy nghĩa “công phu” sánh với nghĩa “tỉnh ngộ”, nghĩa “sinh diệt” sánh với nghĩa “chân thường” thiệt là sai hẳn.

Chí như chữ “giác tha” nghĩa là thức tỉnh cả chúng sinh trong pháp giới, do nơi lòng từ bi trong tính hải thanh tịnh mà lưu bố ra, thể lượng rộng lớn không biết mấy. Còn chữ “bác ái” nghĩa là thương rộng hay là thương nhiều, mà chỗ rộng và chỗ nhiều ấy cũng còn cuộc trong số lượng thường tình hữu hạn, chưa phải là vô lượng vô biên.

Huống chí cái thương ấy còn ở trong nghiệp thức, dấu cho thương đến bậc nào, thì chúng sinh cũng không có phần gì ra khỏi vòng sinh tử, đâu phải như nghĩa “giác tha” kia mà chúng sinh đặng nhờ phần tỉnh ngộ, thoát ải luân hồi, mà sánh với chữ “giác tha” thì có phải là sai hẳn hay không?

Lạ chưa! Câu chữ Hán “tự giác giác tha” tôi cắt nghĩa là vì đó, ông đỡ quyển PGVĐ đọc lại một lần nữa, rồi phải bỏ ba chữ “mới là trúng” của ông đi. Vì ông đã đồng ý với tôi “tự giác” và “giác tha” là “khai sáng cho đời” kia mà.

Mà lạ nhất là ông đã nhận rằng “tự giác” là “câu sáng cho mình” sao ông còn giải “tự giác” ra một nghĩa khác nữa? Cái gì “biết tính thể mình vẫn thanh tịnh v.v... nên gọi là tự giác”? Nếu “đã biết” thì không cần “câu sáng”. Bởi “chưa biết” mới “câu sáng” chớ. Té ra ông Tú tài, Hoà thượng, Chủ bút của NKNCPHH chưa hiểu cái định nghĩa hai chữ “tự giác”?

Cái tội “chưa hiểu” của ông Chủ bút còn có thể dung chế đi được, chớ như cái tội “vọng ngữ” của ông Hoà thượng, cố tâm vọng ngữ đặng làm giảm cái danh dự của người ta, vọng ngữ đặng vùi lấp lẽ phải, thì chẳng những mất cái địa vị làm người hướng đạo mà thôi.

Hai chữ “tự giác” (câu sáng cho mình) trong sách PGVĐ Hoà thượng Liên Tôn bỏ bớt chữ “tự” chỉ để chữ ‘giác’ rồi cắt

nghĩa là “đã tỉnh ngộ rồi” đặng bác chữ “tu thân” của tôi, há không phải là “vọng ngữ”?

Lời “Biện chánh” của ông Liên Tôn về khoản này vì “chưa hiểu”, vì “vọng ngữ” không còn cái giá trị cho tôi biện giải, song vì độc giả nên mới biện giải cho rõ câu “tu thân bác ái” có trái với nghĩa “tự giác giác tha” (câu sáng cho mình và khai sáng cho đời) hay không vậy thôi.

Thiện Chiếu

(CL số 2513, ngày 17.11.1932)

CHÙA HUNG LONG TỪ ĐÂY KHÔNG CÒN GIẢNG KINH NỮA

Theo thuyết “nhân quả” của nhà Phật, thì họa phúc đều là tự mình gây ra, không cần phải cầu khẩn cúng bái ai hết, cao thượng hơn thuyết “thưởng phạt” của Nhất thần giáo biết bao nhiêu! Thế mà các chùa Phật trên đất Việt này lại làm sai hẳn giáo lý của Phật, thờ nhiều tượng Thần nhảm nhí, bày những sự cúng quàng xiên, đem loài người trở lại chỗ u mê đại dốt.

Sư Thiện Chiếu ở chùa Hưng Long bởi ông chủ hội Võ Văn Sáng rước về đến nay, dẹp tượng Thần bỏ cúng lễ, mỗi tháng rằm, mồng một và bốn ngày chủ nhật chỉ có giảng kinh thuyết pháp mà thôi.

Trước khi về chùa, sư Thiện Chiếu đã giao ước rằng nếu trong sáu tháng mà không cải được cái tục mê tín dị đoan thì Sư sẽ trả chùa lại.

Một tháng trước đây, bốn hội chùa ấy yêu cầu Sư thờ phụng cúng kính lại như trước. Họ nói rằng cái tục của ông bà

để lại, dầu ai có cười là mê tín và hao tổn tiền bạc bao nhiêu họ cũng vui lòng mà chịu; chỉ có một mình ông chủ hội Võ Văn Sáng là biểu đồng tình với Sư Thiện Chiếu, nên không kéo nổi phần đông. Bởi vậy, sư Thiện Chiếu nhất định hết tháng này dời đi nơi khác.

Nhưng thiện nam tín nữ không phải bỏ hội ấy, đến chùa nghe sư Thiện Chiếu giảng kinh đều công nhận là chính đáng, họ thề sẽ hết lòng lo có chỗ để cho Sư đạt đến mục đích.

Nguyễn Văn Thiện

(CL số 2514, ngày 18.11.1932)

BÁC LỜI BIỆN CHÁNH CỦA ÔNG LIÊN TÔN

II

Đáng lẽ lời đáp câu hỏi 149 trong sách PGVD của tôi nói ngay là “tự giác giác tha”, song không muốn làm cho “lạ tai” đọc giả quyển sách *Le Bouddhisme (catéchisme)* của Olcott về câu “Culture person nelle et Amour universe!” nên mới dịch là “tu thân và bác ái” trong sách Phật của Tây tức là “tự giác giác tha” trong sách Phật của Tàu vậy.

Chữ “tu thân” ông Liên Tôn cắt nghĩa từng chữ một, theo kiểu học trò mới học “vở son”, “tử con”, “viết, rằng”, “bất, chằng”, “giả, đũa”... bảo sao không trái với nghĩa chữ “tự giác” cho được?

Tu thân nghĩa là do cái công phu “cách vật”, “trí tri”, “thành ý” “chánh tâm” rồi đem thân thực hành cho đến nơi đến chốn (Tu thân - Do cách trí thành chánh chi công, vi tiền hình tận tánh chi sự - *Từ Nguyên*).

Tự giác? Giác có hai nghĩa: giác sát và giác ngộ. Giác sát nghĩa là xét biết các lòng phiền não (tham, sân, si), không để cho nó làm hại, cũng như biết có kẻ trộm rình nhà, thì không bao giờ chùng vào khuôn cửa được.

Còn giác ngộ nghĩa là hiểu biết sự lý muôn pháp trong vũ trụ một cách rõ ràng, cũng như ngủ mê thức dậy, thấy mọi sự mọi vật một cách phân minh vậy. (Giác hữu giác sát giác ngộ chi nhị nghĩa. Giác sát phiền não sử bất vi hại, như thế nhưn chi trái tri giác tri vi tặc giả, cố vân giác sát. Giác tri chư pháp chi sự lý nhi liễu liễu phân minh, như thụy mộng chi ngộ, vị chi giác ngộ - PHẬT Đ).

Đó, ông Liên Tôn! Nếu ông không tin, thì cứ dở *Từ Nguyên* ra tra chữ “tu thân” mà dở *PHẬT Đ* ra tra chữ “giác” coi có phải người ta giải nghĩa như vậy không?

Muốn “tu thân” thì phải “chính tâm thành ý”, “cách vật trí tri”; muốn “tự giác” thì phải “giác sát” “giác ngộ”. Mà chính tâm thành ý tức là sát, cách vật trí tri tức là giác ngộ. Nếu ông còn chưa hiểu, thì xin nghe lời cắt nghĩa dưới đây:

Nếu thân còn giận hờn, còn e sợ, còn ham muốn, còn lo buồn, thì tâm không được chánh. (Sở vị tu thân tại chính kỳ tâm giả: Thân hữu sở phẫn trí tắc bất đắc kỳ chính, hữu sở khủng cụ tắc bất đắc kỳ chính, hữu sở hiếu - nhạo tắc đắc kỳ chính, hữu sở ưu hoạn tắc bất đắc kỳ chính). Muốn “chính tâm” thì phải dứt hết các lòng ấy. Như thế há chẳng phải là “giác sát”?

Trí tri nghĩa là suy cái “biết” ra cho đến cùng cực. Cách vật nghĩa là suốt tột cái lẽ sự vật một cách hoàn toàn viên mãn (Cùng chí sự vật chi lý, dục kỳ cực xứ vô bất đao - *Từ Nguyên*). Như thế, há chẳng phải là “giác ngộ”?

Vậy thì “tu thân” và “tự giác” trái nhau với con nít còn học vỡ son, chớ không phải trái nhau với cái học của người lớn mà.

Còn chữ “Bác ái” mà cắt nghĩa là “thương nhiều hay thương rộng ở trong vòng hữu hạn thương tình” mới thật là “lạ” chớ! Ngày nay đã có sách chú giải rõ ràng, không phải mấy anh hủ nho tự ý muốn nói thế nào thì nói được đâu.

Lòng yêu hết mọi người mọi vật gọi là “Bác ái” (Vô sở bất ái vị chi bác ái - *Từ nguyên*).

Theo thường tình, kẻ chỉ biết yêu mình chưa chắc yêu hết một nhà, kẻ yêu một nhà chưa chắc yêu trọn một nước, kẻ yêu một nước chưa chắc yêu cả thế giới, kẻ chỉ yêu loài người chưa chắc yêu hết muôn vật. Vậy thì cái lòng yêu hết mọi người mọi vật, tức là lòng bác ái đó, không được nói là hữu hạn thương tình. Tại sao mới có được cái lòng bác ái ấy? Là nhờ bởi chính cái tâm, thành cái ý, suy cái “biết” ra đến cùng cực, suốt tột các lẽ sự vật một cách hoàn toàn viên mãn, tức là phải giác sát, giác ngộ, chớ không phải chỉ nói suông mà có được.

Kẻ chỉ yêu mình còn biết lo cho thân thân khỏi điều thống khổ, hưởng sự yên vui; huống kẻ đã chính tâm, thành ý, cách vật, trí tri (giác sát giác ngộ) mà có được cái lòng “bác ái” ấy, há không biết lo cho toàn cả mọi người mọi vật thoát khổ được vui hay sao? Kẻ yêu cái mình nhỏ nhen bé tí chỉ lo cái hạnh phúc nhân tiền hữu hạn, còn kẻ có lòng bác ái vô hạn bao la, há không biết mưu cho toàn thể cái chân phúc vô cùng vô tận hay sao? Như thế, thì cái chữ “bác ái” và “giác tha” chỉ có trái nhau với cái óc “nô lệ văn tự” của bọn hủ nho mà thôi.

Thiện Chiếu

(CL số 2515, ngày 19.11.1932)

BÁC LỜI BIỆN CHÁNH CỦA ÔNG LIÊN TÔN

III

Ở trang 47, hàng 20, sư nói rằng: Không ham mê vật chất cũng không ép xác hãm mình, mới phải con đường “trung đạo”.

Ôi! Chữ “trung đạo” (Madhyama) gồm bốn nghĩa sau này:

1. Đối với bệnh chấp thường chấp đoạn của người học đạo mà nói ra nghĩa “trung đạo” nên gọi là “đối thiên trung”.

2. Vì người học đạo có bệnh chấp thường chấp đoạn nên chẳng thành nghĩa trung đạo, nếu bệnh thiên chấp ấy hết rồi, thì nghĩa “trung đạo” mới rõ, nên gọi là “tận thiên trung”.

3. Đối với bệnh chấp thường chấp đoạn của người học đạo nên mới nói ra nghĩa “trung” chớ như bệnh chấp hết rồi, thì nghĩa “trung” cũng chẳng thành lập. Thì cứ như có hai tên thì mới chỉ tại khoảng giữa làm chính giữa, bằng như hai bên không có thì chỉ chỗ nào làm chính giữa cho đặng, vì vậy nên gọi là “tuyệt đại trung”.

4. Lấy “có” với “không” làm giả, “chẳng có chẳng không” như vậy mà nói là “có không” thì cái “có không” ấy thành ra tên giả, nên gọi là “thành giả trùng”

Chữ “trung đạo” đã giải nghĩa rõ ràng như vậy, mà sư lấy nghĩa “không ham mê vật chất và không ép xác hãm mình mà gọi là “trung đạo” có phải là sai hay không? Huống chi cái nghĩa “trung đạo” của sư luận đó, là nói không ham như người kia, không khổ như người nọ mà đứng về cái địa vị khoảng giữa thì cái địa vị ấy có ích lợi gì, mà đã nhằm vào hàng ngũ

nào mà gọi là “trung đạo”. Thì như nói: người kia ham ăn, người nọ nhịn đói, mà ta đây cũng không ham cũng không nhịn, cứ đói đâu ăn đó, thì lại khác gì hơn ai mà khoe rằng mình phải. Nếu như cái địa vị trung đạo làm dễ như lời sư nói làm vậy, thì cả trong thế giới, tưởng lại ai ai cũng là người trung đạo chớ có phải gì một mình sư đâu?

Miệng nói “trung đạo” mà không hiểu nghĩa “trung đạo” là gì, chỉ nhai bã xác bề ngoài rồi trở lại chê người ta là nói sai, không biết ai chính là kẻ theo nhông học nói!

Ông Liên Tôn! Trung đạo cũng không phải chỉ có bốn nghĩa ông dẫn ra đó mà thôi. Pháp tướng tông lấy “Duy thức” làm trung đạo, Tam Luận tông lấy “Bác bát” làm trung đạo, Thiên Thai tông lấy “Thực tướng” làm trung đạo, Hoa Nghiêm tông lấy “Pháp giới” làm trung đạo. Xem thế thì cái tiếng “trung đạo” không phải một tiếng ở trong cái phạm vi chật hẹp nhất định, và chẳng những Phật pháp được dùng hai chữ trung đạo, mà Thế pháp người ta cũng dùng được vậy chớ, song miễn dùng cho đúng với cái “ca” của nó mà thôi.

Chính bốn cái nghĩa “trung đạo” của ông dẫn ra đó, mỗi cái cũng phải tùy theo cái “ca” của nó vậy. Như cái “đối thiên trung” là cái trung đạo để phá cái chấp “đoạn thường” không được dùng vào cái “ca” của “tuyệt đại trung đạo” v.v... Bởi vậy người ta mới dùng chữ “đối thiên”, chữ “tận thiên”, chữ “tuyệt đại”, chữ “thành giả” đặng chỉ từng cái “ca” của nó. Bằng không, thì cần gì phải lập những danh từ ấy cho rợn ràng?

Vậy ông có hiểu hai chữ “trung đạo” trong sách PGVD của tôi nó ở vào cái “ca” nào không? Nếu chưa hiểu mà dám bảo là sai, thật ông bướng quá! Nếu không phải bướng, thì té ra ông chưa biết đọc sách nữa sao?

Phải đọc lại cho kỹ, coi có phải hai chữ “trung đạo” đó nó ở vào lời đáp câu hỏi 150 “Lần thứ nhất Phật thuyết pháp cho năm thầy Bí xu ở vườn Lộc Dã” hay không?

Coi có phải nó ở vào cái ca “khổ hạnh thái quá” của bọn Bà la môn mà Phật đã kinh nghiệm sáu năm, sau ăn uống lại mới đắc đạo hay không?

Nếu ông chưa thuộc lịch sử Phật, thì hãy xem một đoạn trong sách *PHĐC* trang 51, mà tôi lược dịch dưới đây:

Khi Phật đi về Ba la nại, đến chỗ năm thầy khổ hạnh ở. Họ định không thềm nghênh tiếp Phật. Nhưng khi Phật đến họ bất giác đều đứng dậy làm lễ một cách cung kính. Tuy nhiên, Phật đã hiểu cái sơ tâm của họ là thế nào, nên để lời quở trách. Họ thú thật rằng: vì bởi ngu si, không có trí tuệ, thấy Như Lai trước kia khổ hạnh sáu năm, cả ngày chỉ ăn một hột thóc, hột mè (vừng), sau ăn uống lại, tưởng như thế là không đắc đạo.

Phật bảo rằng: Các người chớ lấy cái trí hẹp hòi nhỏ mọn mà độ rằng ta bỏ cách khổ hạnh ấy là không đắc đạo. Nếu thân hình để cho khổ cực thì lòng phải náo loạn, còn để cho sung sướng thì lòng lại đắm mê. Vậy nếu bỏ được cái sướng và cái cực mà làm theo trung đạo thì lòng được vắng lặng vững vàng, và mới có thể làm theo “Tám con đường chính” (Đoạn này trong sách *ADPGS*) trang 12, Phật bảo 5 thầy khổ hạnh rằng: Người xuất gia có hai điều chướng ngại: Một là lòng cứ đắm theo con đường vật dục mà không lìa, thì không giải thoát được; hai là không biết “suy nghĩ chính” mà cứ ép xác hãm mình, thì cũng không bao giờ giải thoát được).

Không ép xác hãm mình, mà cũng không đắm theo con đường vật dục, mới phải là “trung đạo” siêng năng tu tập sẽ đến được Niết Bàn, Hai quyển *PHĐC* và *ADPGS* đều dẫn

chứng ở kinh Trung A hàm và kinh Phương Quảng đại trang nghiêm.

Đó, ông Liên Tôn! Ông đã thấy cái “ca” hai chữ “trung đạo” trong sách PGVD của tôi chưa? Còn dám bảo là “nói sai” nữa hết? Mà ông phải biết hai chữ “trung đạo” ấy, chính miệng của Phật Thích Ca nói với năm thầy khổ hạnh (hay là ngũ Tỉ khưu), tôi chẳng qua là kể thuật lại vậy thôi.

Thiện Chiếu

(CL số 2516, ngày 21.11.1932)

BÁC LỜI BIỆN CHÁNH CỦA ÔNG LIÊN TÔN

IV

Ông Liên Tôn! Tôi xin hỏi nhỏ ông một điều: Cái người nhờ ông Giáo chủ mình mà no cơm ấm áo, nhờ giáo nghĩa ông Giáo chủ mình mà mỗi tháng lãnh được vài chục bạc lương, vì “hiềm riêng” với người đồng đạo, rồi trở lại mắng ông Giáo chủ của mình là “nói sai”, không biết nên sắp họ vào hạng nào trên xã hội và phải trừng phạt họ bằng cách nào xứng đáng, thưa ông?

Trong trang 59 hàng 2, chữ “ái” mà sự giải nghĩa là lòng tham sống. Chữ “ái” chính là nghĩa yêu mến hay là ưa muốn, tức như vợ con, tiền của, nhà cửa, ruộng vườn, công danh, lợi lộc, vàng ngọc châu báu, chẳng có món gì là không phải món yêu muốn cho đến sự thông thả vì nói rằng ái nhân, ưa sự thanh vắng thì nói rằng ái tịnh, ưa con gái thì nói rằng ái sắc, ưa làm thơ thì nói rằng ái ngâm, ưa sự đàn thì nói rằng ái cầm, ưa uống rượu thì nói rằng ái tửu, ưa sự ngủ thì nói rằng ái

miên, ưa sự học thì nói rằng ái độc, ưa sự thưởng ngoạn trăng gió thì nói rằng ái phong nguyệt, ưa sự dạo chơi non nước thì nói rằng ái sơn thủy.

Cũng có kẻ phong lưu sung sướng muốn sống cho lâu thì nói rằng ái sinh, có người cực khổ khốn nạn muốn chết cho rảnh thì nói rằng ái tử, có người nhàm thế sự mà đi tu thì nói rằng ái giải thoát, có kẻ muốn trường sinh mà học đạo thì nói rằng ái thần tiên. Nếu suy ra việc gì mà lòng yêu muốn thì đều thuộc về nghĩa chữ “ái” cả.

Nhưng mà sư chi nói chữ “ái” nghĩa là tham sống mà thôi, như vậy có phải là lấy chỗ kiến giải hẹp hòi của sư mà làm cho mất hết chỗ hoạt dụng rộng lớn của chữ, thì oan ức lắm. Huống chi sư lại nói nữa rằng: “Khi nào lòng tham sống dứt rồi thì kiếp luân hồi “phải mãn”. Nói như sư vậy chẳng là mấy kẻ cực khổ mà tham chết hay là muốn cho đời khen mà tham làm những sự liều chết đó, đều thoát khỏi luân hồi hết được hay sao”?

Đến nay tôi mới biết có người chưa biết đọc sách mà cũng có bằng Tốt nghiệp Sư phạm, cũng được bổ làm Giáo sư, cũng được làm Hoà thượng, Chủ bút thực trên thế gian này có nhiều cái hiện tượng lạ!

Cái đó tiếng Phạn kêu là Tăng ba (Tanha), Tàu dịch là “ái” tức là cái lòng tham sống, lời đáp câu hỏi 891, trong sách PGVD của tôi như vậy, thật là rõ ràng dễ hiểu. Cái lòng tham sống, câu ấy là giải nghĩa chữ “tăng ha” của Ấn Độ, chớ không phải giải nghĩa chữ “ái” của Tàu. Nhưng tôi còn muốn cho người ta biết rằng chữ “tăng ha” ấy, sách Phật của Tàu dịch là gì nữa, nên tôi mới thêm: Tàu dịch là “ái”. Nhưng biết đọc sách, nếu có hỏi thì hỏi tại sao biết chữ “tăng ha” của Ấn Độ mà Tàu dịch là “ái”, chớ không bao giờ ai hỏi lạ đời rằng

sao chữ “ái” mà giải là “lòng tham sống” như ông Liên Tôn vậy.

Chữ Tanha (tiếng Pali) và chữ Trishna (tiếng Sanskrit) cũng đồng nghĩa là “lòng tham sống”. Nếu không nói Tanha thì nói Trishna cũng được.

Theo tự điển “Rhéa” giải chữ “Trishua” là “Désir de vivre”, còn “Tanba” là “La soif de vivre; le désir de la vie physique, cause des renaissances”.

Nếu ông Liên Tôn không biết chữ Pháp, thì dở PHẬT Đ ra xem chữ “ái” trong sách Phật gia triết học thông luận, trang 159, coi có phải người ta chưa thâm hiểu Phạm là “Trishna” hay không?

Tanha hay Trishna nghĩa là “lòng tham sống” mà Tàu dịch là “ái” đó, có đúng hay không, nó cũng không quan hệ gì đến quyển sách của tôi hết, đáng lẽ không cần nói nữa làm chi cho rộn, song thấy ông thánh Liên Tôn của Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học mới phát minh cái thuyết “ái tử” rất mới mẻ, nên tôi có đôi lời cho độc giả thấy rõ cái tài lạ của Thánh vậy thôi.

Chữ “ái” chính nghĩa là “Yêu” là “ham mến”. Thế mà ông Liên Tôn lại nói: “Có người vì cực khổ, khốn nạn muốn chết cho rảnh thì nói rằng ái tử”.

Cái cần dùng hoặc ưa thích thì mới “yêu”, mới “ham mến” được chứ. Cái này vì cực khổ khốn nạn, không còn thể sống được nữa, bất đắc dĩ, buộc phải muốn huỷ mình mà chết, cái chết ấy là cái chết bất đắc dĩ, mà nói được là “yêu” là “ham mến”, vậy không phải cái “thuyết mới” của ông Thánh chứ gì? Bởi trên thế gian này, từ xưa đến nay, chưa có nói được như vậy bao giờ!

Và chữ “Tanha” mà Tàu dịch là “ái”, không phải là sai. Theo như kinh Viên giác nói: “ái là cội gốc Luân hồi” (Luân hồi ái vi căn bản), so với (Le désir de la vie physique, cause, des, renaissances, nghĩa chữ “Tanha” thì có khác gì với nhau đâu. Có khác, là bởi chỉ biết cái nghĩa thông thường của chữ “ái” mà chưa biết cái nghĩa thuộc về danh từ triết học của nó vậy thôi.

Ông Liên Tôn lại cho cái câu “Khi nào lòng tham sống dứt rồi thì kiếp luân hồi phải mãn” của tôi là sai. Vậy xin khuyên ông đọc lại cho kỹ câu: “Bởi cái lòng tham sống mới gây ra Cát ma hay Nghiệp, bởi cái sức của Nghiệp mới có luân hồi tái sinh trong nhiều kiếp nhiều đời” trong lời đáp ấy, và đọc câu “luân hồi ái vi căn bản” trong kinh Viên giác, rồi ông sẽ hối hận rằng vì không thấy được toàn thể nên mới nói hình con voi như cái chổi!

Thiện Chiếu

(CL số 2518, ngày 23.11.1932)

BÁC LỜI BIỆN CHÁNH CỦA ÔNG LIÊN TÔN

V

Trong chương III, về bài từ khảo, ở sau chót hết, chữ *Bồ đề tát đã* mà sư giải nghĩa là một người đã tỉnh ngộ sáng suốt thì phải rồi. Song sư lại nói sẽ mãn kiếp chúng sinh mà đặng thành Phật, câu ấy thật là không đúng, bởi vì giác ngộ, gọi là Phật, Bồ tát còn mê mộng gọi là chúng sinh. Vậy thì Bồ tát đã đứng về cái địa vị giác ngộ, còn có cái gì nghĩa là chúng sanh mà sư nói rằng mãn kiếp chúng sanh sẽ đặng thành Phật.

Huống chi sạch vọng thì trở lại chân, hết mê thì hườn lại giác, tức là nghĩa thành Phật, chớ có lẽ đâu mãi kiếp này rồi qua kiếp khác mà đặng thành Phật như lời sư nói đó.

Dẫu cho sư biết cái lý “Bồ tát hãy còn vi tế vô minh, tức là còn phần vi tế chúng sinh” thì có hại gì mà không nói là chúng sinh. Nếu nói được như vậy, thì phải nói là nghiệp chúng sinh chớ nói là kiếp chúng sinh sao đặng. Vậy mà sư có biết rằng dốt trong một câu một chữ mà làm sai đến mấy vạn trùng dương đó hay không?

Ông Liên Tôn cho Phật, cũng là Bồ tát, mà Bồ tát cũng là Phật, chớ không có sai biệt gì cả. Vì ông nói: “Giác ngộ là Phật, là Bồ tát; Bồ tát đã đứng về cái địa vị giác ngộ, thì không còn cái gì là nghĩa chúng sinh”.

Thưa ông, nếu không còn cái nghĩa chúng sinh, ấy là cái bậc đã hết mê muội, đã sáng suốt hoàn toàn, tức là Phật kia.

Còn Bồ tát là cái bậc vừa cầu sáng lấy mình, vừa khai sáng cho đời, đương ở giữa chúng sinh và Phật, chưa được sáng suốt hoàn toàn như Phật, nên mới gọi là Bồ tát. Bởi chữ Bồ tát (nói đủ là Bồ đề tát đã - Bodhi sattva) do chữ “Bồ đề” (sáng suốt tỉnh ngộ) và chữ “tát đã” (chúng sinh hữu tình) hai chữ hợp lại (nghĩa là người chúng sinh sáng suốt tỉnh ngộ). Nếu đã không còn chúng sinh nghĩa là thật hoàn toàn sáng suốt, thì bỏ chữ “tát đã” (sattva) chỉ còn chữ “Bồ đề” (Bodhi) nhưng sửa đọc là “Phật đà” (Bouddha).

Bồ đề nghĩa là sáng suốt, mà Phật đà là người sáng suốt vậy.

Cái ngày nào mà chữ “Bồ đề” (Bodhi) không còn chữ “tát đã” (sattva) dính theo sau nữa, thì mới được nói là không còn cái nghĩa chúng sinh chớ. Cái “kiếp” là tiếng chỉ “thời

gian”. Cái ngày nào mà hết mê muội, tức là mãn kiếp chúng sinh chớ gì đó? Cái tiếng để chỉ thời gian mà bảo phải nói là “nghiệp” thưa ông: Không biết ai dốt?

Một người ra lãnh cái trách nhiệm tuyên truyền Phật pháp mà không hiểu nghĩa thế nào là Phật, thế nào là Bồ tát, than ôi! Phật pháp!

2. Biện chánh chỗ thí dụ không đúng

Trong trang 34 hàng 20, Sư nói rằng “Niết bàn” nếu dịch theo tiếng, thì là “tắt”, cũng như gió thổi tắt lửa; tắt là tắt cái vọng tâm, không còn trì trệ theo giả tướng nữa mà trở lại cái bản thể chân tâm.

Cứ như lời dụ hồn hàm của sư đó, thì lại càng mờ cho chúng kiến nữa, là sở dĩ sao? Bởi vì theo ý Sư nói: gió thổi tắt lửa, là tắt cái “vọng tâm”, là Sư lấy lửa mà dụ vọng tâm; còn lấy gió dụ với cái gì mà không thấy Sư nói; chẳng lẽ lửa thì bị gió tắt, còn vọng tâm thì tự nhiên tắt đặng hay sao.

Sư lại nói rằng khi vọng tâm tắt rồi thì trở lại cái bản thể chân tâm, còn khi lửa tắt rồi thì trở lại cái gì mà không thấy sư chỉ cho rõ? Có phải là “pháp” cùng “dụ” sai hẳn với nhau không?

Ấy bởi một là ông không biết đọc sách, hai là ông bỏ hết một câu. Như vậy là người không có tư cách mà đòi “biện chánh” nổi gì?

Niết Bàn nếu dịch theo tiếng thì nghĩa là “tắt” cũng như gió thổi tắt lửa, ấy là hai câu thuộc về đoạn trên.

Bởi chữ “tắt” có nhiều tiếng đồng âm: Hoặc tắt thuộc về “vấn tắt”, hoặc “nói tắt”, hoặc “đi tắt” hoặc “tóm tắt” v.v... sợ e người ta lầm lộn, nên tôi mới nói câu “cũng như gió thổi tắt lửa”, để giải nghĩa chữ “tắt” của Niết bàn”, tức là chữ tắt “tắt lửa” (éteindre le feu) vậy.

Câu “giải nghĩa” thuộc về đoạn trên mà ông lại bảo là lời “thí dụ” ở đoạn dưới, như vậy há chẳng phải là không biết đọc sách?

“Tất là tất cái vọng tâm, không trì trệ theo giả tướng nữa, mà trở lại cái bản thể chơn tâm”, tôi chưa dứt câu ở chỗ đó, còn một câu nữa: “Cũng như phá tan bọt nước mà trở lại cái biển nước mênh mông vô hạn vậy”. Sao ông bỏ dấu ấy của người ta rồi bảo là thí dụ hồn hằm? Cái thủ đoạn ấy, hèn lắm, ông!

Thiện Chiếu

(CL số 2519, ngày 24.11.1932)

BÁC LỜI BIỆN CHÁNH CỦA ÔNG LIÊN TÔN

VI

Trong trang thứ 6, hàng 3, Sư nói rằng Phật bỏ ngôi, bỏ nước, bỏ tất cả cung điện vợ con, thiết là một mảnh gương “hi sinh” hiếm có.

Ôi! Phật bỏ ngôi, bỏ nước, bỏ tất cả mà đi tu, là cầu thành đạo Bồ đề, đặng để nữa đem chỗ tỉnh ngộ của mình mà tỉnh ngộ cho chúng sinh, chớ phải Phật đi liều chết đâu mà Sư gọi là “hy sinh”.

Thử xem lúc Phật sáu năm khổ hạnh, ngày ăn hột mè hột thóc, da bọc lấy xương, rồi sai Ngài biết sự, thành đạo không phải tại hăm xác mà đặng, nên Ngài mới thọ thực trở lại. Vậy thì Ngài đã không hăm xác, há có lẽ “hi sinh” như Sư nói đó hay sao?

Vả lại trong kinh *Phạm Võng*, Phật nói rằng: “Phật tu trong lúc làm hạnh đầu đà, nhất thiết những quốc độ nào ác và mấy chỗ có sư tử hổ lang, thủy hoả phong nạn, giặc kiếp rắn độc, tất cả những nơi hiểm nạn đều không đặt vào!! Như vậy Phật đã lấy sự hiểm nạn mà dạy người xa lánh, há có lẽ tự làm gương “hy sinh” cho người bắt chước hay sao?

Hi sinh có nghĩa rộng, không phải chỉ có nghĩa hẹp là “liều chết” như chữ “quyên sinh” vậy.

Tôi xin ông tú tài sư phạm đỡ *Từ Nguyên* ra xem, coi có phải liều bỏ tài sản, danh dự cũng được nói là “hy sinh” nữa hay không? Vả chữ “hy sinh” là hàm có cái ý nghĩ “vì người” như vua Thang tự hy sinh mà cầu cho khỏi hạn hán vậy.

Chữ “hy sinh” tôi dùng đó là chỉ Thái tử Si đát ta (Siddharrtha) liều bỏ ngôi, nước, vợ con, lâu đài cung điện v.v... mà không có cái nghĩa “liều chết”, xin ông ráng hiểu như vậy giùm chút. Nếu không thể hiểu, thì để kiếp sau ông sẽ hiểu cũng được, bây giờ ai hiểu mặc ai!

Ông lại nói trong kinh *Phạm Võng* Phật bảo người nên xa lánh sự hiểm nạn, Phật không làm gương “hy sinh” cho ai hết. Vậy xin ông đọc cái kệ 16, với “vị lợi đảo thuyết” ở Tâm địa Bồ tát phẩm hạ, trong kinh *Phạm Võng*, (cũng kinh *Phạm Võng*) tôi trích dịch dưới đây:

“Nếu thấy kẻ Bồ tát mới học đạo, từ đường xa trăm ngàn dặm đến tìm kinh, luật Đại thừa, phải theo pháp vì họ nói các cách khổ hạnh: như đốt mình, đốt cánh tay, đốt ngón tay đặt cúng dường các Phật. Nếu không làm khổ hạnh ấy, thì không phải hạng Bồ tát xuất gia.

Và phải bỏ thân mình, tay chân đặt cho hùm, sói, sư tử đói và quỷ đói ăn” (Kiến hậu tân học bồ tát, hữu tòng bách lý, thiên lý lai cầu đại thừa kinh luật, ứng như pháp vị thuyết nhưt

thiết khổ hạnh: Nhược thiên thân, thiên tí, chỉ cúng dường chư Phật, phi xuất gia bồ tát. Nãi chí ngã hổ, lang, sư tử, nhất thiết ngã quý, tất ưng xả thân nhục thủ túc nhi chúng dường chi).

Đó, ông Liên Tôn! Trong kinh Phạm Võng, Phật bảo người ta hy sinh đó ông!

Nếu Phật giáo không có cái gương “hy sinh” theo như lời ông nói, thì cái tiếng “Từ bi” là cái tiếng để “Gạt người lấy của” hả ông?

Thiện Chiếu

(CL số 2520, ngày 25.11.1932)

BỨC THƠ CỦA PHẬT HỌC HỘI Ở HUẾ

Thưa ngài!

Đạo Phật xứ ta từ mô mô cũng có mà tấm lòng tín ngưỡng của ta trải đã lâu đời. Chùa đó, tượng đó, bia đó tức là dấu tích tôn chỉ đạo Phật nhà ta đó mà lại là cái tiêu biểu công đức của các đấng hiền xưa thánh trước nhà ta đó nữa vậy.

Tuy bây giờ không làng nào làng không có chùa, không núi nào núi không có am thờ Phật, nhưng xét cho kỹ thờ giáo pháp truyền môn hồi xưa hưởng ứng muôn phần, nay e không còn được một. Lãnh đạm đã lạ lùng! Vì sao? Hết người mộ đạo chăng? Thưa không, không phải. Tín đồ Phật tử hiện thời có chiều đông đúc hơn xưa, nhưng giáo pháp hiện thời suy vi đi đó là vì bởi cố này:

Người xưa mộ đạo, ta chí tâm tìm thầy học đạo, sùng đạo mà nền móng Phật giáo ngày một vững vàng; đến nay

cũng là mộ đạo như ai, song mộ đạo chỉ mộ xuông ngoài cửa miệng. Một câu kinh đồ thềm học, một pháp tu đồ thềm nghe, biếng học nhác nghe đã cố nhiên lại cũng chẳng thềm phí lấy đôi chút công dư của lảng khuyển anh em giúp bà con tu học gọi là công hạnh một tí tí ti, ngõ hầu ngày sau dắt nhau ra khỏi tam đồ, lên miền Cực lạc.

Dám trách, trách ai giác tính chưa thông, Phật làm nữ đoan, những xung xãng trên trường danh lợi, kia lão lam cổ sự đành phú cho ngọn lửa vô minh cùng là các sư giữ chùa quét lá... mặt dầu mất... mặt dầu còn...

Ôi! thầy đó, trò đó, lớp mất, mất đã rồi, lớp còn, còn biết nương cậy vào đâu mà truyền kinh, mà thọ giáo, mà soi đèn trí tuệ chỉ nẻo luân hồi, thăm nước thanh lương rửa lòng tham nhuế.

Thưa ngài, sự tình nông nổi... trông thấy đau lòng... bởi vậy cho nên chúng tôi đây, một là niệm đức từ bi của các ngài Tiên triết, hai là thể lòng nguyện vọng của các anh em, họp nhau lập một cơ quan này gọi là Phật học hội. Mục đích cốt để duy trì đạo tâm, bảo tồn Phật giáo nước nhà. Nay đã mong ơn chính phủ ra nghị định chuẩn cho, chúng tôi xin gửi kính Ngài một bản điều lệ và quy tắc của Hội, có quan Khâm sứ Trung kỳ tứ khán. Trước để Ngài xem cho rõ công trình sau mong Ngài phát nguyện Bồ đề tán dương cho Phật học hội; may ra ngày sau thành tựu công đức có ngài.

Vậy mới là đồng tâm, đồng chí, đồng khí tương cầu.

Nam mô A di đà Phật

Phật học hội

(CL số 2521, ngày 26.11.1932)

BÁC LỜI BIỆN CHÁNH CỦA ÔNG LIÊN TÔN

VII

Trong trang 27, hàng 8, sư nói rằng Phật vì lòng từ bi bác ái ra đời mà giảng dạy và dìu dắt chúng sinh cho thoát khỏi nẻo luân hồi, không khác như nhân loại trên thế giới này bị thống khổ vì xã hội giai cấp bất bình, cho nên có kẻ xướng ra cái chủ nghĩa đại đồng, đem nhân loại lên địa vị bình đẳng.

Cứ như lời dụ ấy thiệt là không nhầm, vì Phật ra đời mà dạy người biết rằng sự khổ báo đời này là do sự tạo nghiệp đời trước.

Nếu muốn thoát khỏi kiếp luân hồi về sau, thì đời này đừng tạo nghiệp nữa, đó là phương pháp của Phật dạy người như vậy. Còn như mà xướng ra cái chủ nghĩa đại đồng đem nhân loại lên địa vị bình đẳng như sư nói đó, thì chắc là không thể nào làm được, là sở dĩ sao? Bởi vì cái giai cấp bất bình trong xã hội mà nhân loại bị thống khổ đó, là vì tại chỗ tạo nghiệp đời trước của nhân loại khác nhau, nên quả báo đời này phải có sai biệt, chớ phải là tại xã hội làm cho bất bình đâu mà người đem lên địa vị bình đẳng được.

Phật nói nghĩa bình đẳng là nói tính linh bình đẳng, chớ không phải nói nghiệp báo bình đẳng; nếu người không hiểu luật nhân quả, muốn đem cái chủ nghĩa hy sinh mà xưng rằng cứu khổ cho loài người, hễ hy sinh chừng nào thì càng tạo nghiệp chừng nấy, tạo nghiệp chừng nào thì càng thọ báo chừng nấy; chớ không khi nào hết khổ đặng cả. Thí dụ như có người đem thân mà nhảy xuống biển đặng vớt những kẻ bị chìm, thì chẳng những vớt không được ai hết, mà mình lại bị chết nữa. Vậy thì có ích lợi gì cho đời mà sư đem những hạng

người ấy mà thí dụ cùng Phật; có phải là chẳng chính đáng hay không?

Tại sao có Phật ra đời? Vì chúng sinh mê muội (ông Liên Tôn bỏ hết một đoạn) mới có Phật ra đời, cũng như bởi xã hội bất bình, mới có kẻ xướng lên cái chủ nghĩa đại đồng. Ấy là tôi muốn nói: Nếu ai nấy đều sáng suốt hết, thì đâu có cái tên Phật, thí dụ như xã hội không có giai cấp, thì đâu có cái tên bình đẳng? Bởi có chúng sinh mới có Phật, có giai cấp mới có bình đẳng chớ. Bấy nhiêu đó cũng đủ trả lời cho ông rồi, không cần phải cắt nghĩa nữa. Song thấy ông giải “Nghịch báo nhân quả” bằng một cách hữu hạn hẹp hòi, hoang đường vô lý, trừ những kẻ ngu khờ, đầy cái óc phức tùng nô lệ, còn người có kiến thức, có kinh nghiệm, không bao giờ đem lọt vào tai, như vậy có hại cho Phật pháp không vừa, nên tôi phải có vài lời biện giải.

Cái câu: “Sự khổ - báo đời này là do sự tạo nghiệp đời trước” chính là câu sáo của bọn yên phận tội đời, và của đám nô tì trung thành với bọn tối đại gian ác, đem ra cho thiên hạ ngủ, đặng để thi hành cái thủ đoạn cướp bóc vậy thôi. Trong hai hạng ấy, không biết ông Liên Tôn thuộc về hạng nào? Ông Liên Tôn nói được câu ấy, cho nên không ngại ngừng gì mà không dám nói: “nhân loại không thể nào bình đẳng được”. Than ôi! Cái thuyết “nghịch báo” của Phật, là một phương pháp cứu khổ cho đời, vì cái bọn ngu khờ không hiểu, bị cái đám bất lương lợi dụng, mà trở lại làm khổ cho đời, đáng thương mà cũng đáng giận thay!

Cái nghĩa “Nghịch báo” không phải hẹp hòi nê chấp như vậy đâu, ông Liên Tôn! Nghiệp có: Thuận hiện nghiệp (quả báo nhân tiền), Thuận sinh hiệp (quả báo cách một đời), Thuận bản nghiệp (quả báo cách hai đời trở lên). Định nghiệp

(quả báo chắc phải chịu và có thời kỳ nhất định). Bất định nghiệp (quả báo không chắc chịu, cũng không thời kỳ nhất định), Hữu lậu nghiệp (quả báo vui, khổ trong vòng sinh tử luân hồi), Vô lậu nghiệp (nghiệp quả Niết Bàn giải thoát), Biệt nghiệp (nghiệp riêng của từng người), Cộng nghiệp (nghiệp chung của toàn thể: Quốc gia, thế giới). Cái nghĩa “Nghiệp báo” rộng rãi bao la như vậy, mới giải đáp được các vấn đề khó khăn trên xã hội chứ.

Cái câu của ông Liên Tôn, chẳng qua nói về Biệt nghiệp và Thuận sinh nghiệp, nhưng cũng chưa hết cái ý nghĩa của nó.

Nghiệp bởi tập quán mà ra, chớ không phải tự nhiên vốn có, cho nên dầu nghiệp nặng đến đâu đi nữa, cũng có thể cải tạo được. Ngày nay ta ở cái gia đình nghèo khổ, cái đoàn thể yếu hèn, tuy nói rằng bởi nghiệp xấu ở kiếp trước mà ra, nhưng ta biết siêng năng, mạo hiểm, tiến thủ, thì cũng sẽ được kết quả tốt như ai vậy chớ. Công nghiệp xấu, thì biệt nghiệp cũng phải xấu. Ngày nay ta biết hi sinh Biệt nghiệp để mưu hạnh phúc cho công nghiệp, ai còn cái óc yên phận tôi đòi thì ta chùi rửa cho sạch, ai còn cái óc ngồi không góp của thì ta trừ diệt cho tiêu, như vậy xã hội sau này do đâu mà còn cái quả “bất bình” được?

Cái người đã nói rằng hy sinh là người không còn ham vui, ham sống, sợ khổ, sợ chết nữa đâu, xin ông Liên Tôn chớ nhát người ta bằng cái câu: “Hễ hi sinh thì càng tạo nghiệp, càng thọ báo”, vô ích lắm ông!

Hợp nhiều người mới thành xã hội, chết người nọ cũng còn người kia, cũng như tế bào biến đổi mà thân thể vẫn còn vậy. Ông Liên Tôn há chẳng thấy người ta đã xô ngã cái chính thể quân chủ chuyên chế rồi sao, mà ông thí dụ cũng như vậy

xuống biển thì phải bị chết chìm, chớ không cứu được ai hết? Nếu người ta đem nhân loại ra khỏi vòng quân chủ chuyên chế được, thì người ta cũng phá tan giai cấp, giới vực mà đem nhân loại lên cái địa vị bình đẳng được vậy chớ, ông Liên Tôn.

Thiện Chiếu

(CL số 2521, ngày 26.11.1932)

BÁC LỜI BIỆN CHÁNH CỦA ÔNG LIÊN TÔN

VIII

3. Biện chánh những chỗ lý thuyết không nhằm

Trong trang 2, hàng 22 Sư nói: “Nghiên cứu” là phải lấy phương pháp thực nghiệm của khoa học làm căn bản, lấy sự thật trên lịch sử làm chứng cứ, thì mới có thể phát huy đặng nghĩa mâu trong sách Phật”.

Than ôi! Nếu khoa học quả là căn bản của Phật giáo thì các nước bên Âu châu sao chẳng do đó tu chứng thành Phật, còn phải nghiên cứu Phật giáo làm chi? Bởi vì khoa học chẳng qua là phần nghiệp dụng của pháp thế gian, người Âu châu đã từng dùng hết cái lực tinh thần tư tưởng mà chưa tinh, nên phải nghiên cứu qua Phật giáo để bổ ích cho khoa học, rồi nhờ đó mà tăng quang cái phương pháp của khoa học mà phát đạt cho đến nơi cực điểm.

Từ khoa học tiến hoá đến cực điểm, thì chẳng những cả khí vật bên Âu châu cùng kỳ tuyệt diệu mà thôi, lại làm cho thần giáo đến nỗi linh đình thất sở, mà bao nhiêu triết lý của

nhà triết học cũng lần lần xé tan mà nhập vào khoa học, làm cho triết lý học thỏn mỏn, chỉ vướng lại một mảnh học thuật thuộc về đạo lý “hình nhi thượng” cheo leo còn chút đất dư.

Khi ấy, triết học phải giáng xuống mà làm phụ dụng cho khoa học, ấy là cái trào lưu khoa học thịnh mãn như vậy, đã hết bậc rồi.

Nhưng mà phải biết rằng thành ất còn bại, thịnh ất có suy, mười mấy năm nay, các nước Đông Tây gây ra lăm cuộc chiến tranh, hoặc có người quy tội cho khoa học, hoặc có người biện cho khoa học vẫn không tội, tội tại nơi người dùng lăm khoa học. Song cứu lại cái nguyên nhân dùng lăm khoa học ở tại đâu và bây giờ làm cách nào khỏi dùng lăm đặng cái vấn đề ấy thì khoa học không trả lời đặng, đã không trả lời đặng thì khoa học cũng tợ hồ làm một vật không có ý nghĩa, không mục đích và không giá trị, vậy nên có ích gì cho cái sanh tồn của nhân quần đâu.

Bởi vậy có ông La Tố tiên sinh luận rằng, khoa học là gốc nương theo mê tín mà phát khởi ra, nếu bây giờ bỏ quách mê tín đi thì “tự thân” của khoa học không thể gì hy vọng cái thế lực đứng vững trên địa cầu này cho đặng bền lâu cả.

Ôi! Thần giáo và triết học trước sau đều bị khuẩn với khoa học, mà rốt lại khoa học cũng truồng đầu lộ gót mà bị khuẩn với cái lý thế chung cùng - Vậy thì pháp thế gian đại để sinh diệt như thế, chớ đâu phải là chân thường, mà sư bảo phải nghiên cứu khoa học?

Còn như lịch sử là chẳng qua chép những sự tích và công của Phật đặng để cho người hậu học làm gương và kỷ niệm đó thôi, chớ nghĩa lý mầu nhiệm của Phật đâu phải ở trong đó mà sư bảo phải nghiên cứu lịch sử.

Nếu quả như lời sư nói, phải nghiên cứu khoa học và lịch sử mới phát huy đặng nghĩa mâu của Phật, thì những chư tổ xưa ở bên Ấn Độ và Trung Quốc, đều chưa thấy tới khoa học, thì các ngài ấy do đâu mà chứng ngộ đặng đó. Còn những người sinh đồng thời với Phật biết sự tích rõ ràng hơn đời sau nghiên cứu lịch sử, thì mấy hạng người ấy cũng tỏ đặng hết chỗ nghĩa mâu của Phật hay sao? Thiệt là biết nói theo mà không biết xét, đầu lưỡi khoe miệng mở ra đâu thì đã có hai chữ “khoa học” dính theo đó, mà nhất sinh không thấy nghiên cứu đặng cái gì là khoa học cả. Thiệt là tội thay!

Xin độc giả chịu khó đọc lại cho đủ đoạn ấy trong tựa sách *PGVD* của tôi trích ra dưới đây, rồi sẽ thấy cái tài học của ông Liên Tôn rất hiếm có là dường nào!

Lời Tựa tôi nói: “Phải nghiên cứu Phật học của Tàu, của Nhật, của Ấn Độ, Xiêm La, Tây Tạng và các sách Phật của người Âu Mỹ đã khảo cứu phiên dịch. Nói rằng nghiên cứu là phải lấy phương pháp thực nghiệm của khoa học làm căn bản, lấy sự thật trên lịch sử làm chứng cứ thì mới phát huy được nghĩa mâu trong sách Phật, và mới tránh khỏi những sự hoang đường vô lý của người sau thêm vào, chớ không phải cứ theo sách mà dịch càn rồi cũng xưng là nghiên cứu Phật học!”

Dẫu con nít mới biết đọc quốc ngữ, đọc đoạn ấy, cũng biết rằng tôi bảo lấy phương pháp thực nghiệm của khoa học làm căn bản cho sự nghiên cứu Phật học mới phát huy được nghĩa mâu trong sách Phật; lấy sự thật trên lịch sử làm chứng cứ cho sự nghiên cứu Phật học mới tránh khỏi những sự hoang đường vô lý của người sau thêm vào, chớ không bao giờ hiểu một cách lạ đời như ông Liên Tôn rằng tôi bảo khoa học là căn bản của Phật giáo, rằng tôi bảo phải nghiên cứu khoa học, nghiên cứu lịch sử!

Ông Liên Tôn lại hiểu một cách kỳ quái hơn nữa là hai chữ “lịch sử” mà ông bảo là sự tích Phật!

Nếu nghiên cứu Phật học mà không lấy phương pháp thực nghiệm của khoa học thì không bao giờ thấy “con trùng khởi thân căn”, “hư không vô biên, thế giới vô số”, “một nhiều nước có tám mươi bốn ngàn (84.000) vi trùng” của Phật nói là đúng. Bởi không lấy sự thật trên lịch sử làm chứng cứ, cho nên tạp chí *Từ Bi Âm* mới dịch càn theo những sách bịa đặt hoang đường, thành ra hai chữ “nghiên cứu” không còn giá trị gì cả.

Thiện Chiếu

(CL số 2522, ngày 27.11.1932)

BÁC LỜI BIỆN CHÁNH CỦA ÔNG LIÊN TÔN

IX

Cái Hội Nghiên cứu Phật học Nam Kỳ trong đó hạng lão thành có, hạng thanh niên có, tôi rất khen các Ngài từ bi hơn “tượng gỗ” nữa, từ bi cho đến nỗi rước một người “chưa biết đọc sách quốc ngữ” về làm tai mắt cho mình! Kỳ quái thay cái tiếng từ bi! Lại lòng thay cái tên nghiên cứu!

Trong trang 36, hàng 9, luận về Tịnh độ, mà Sư nói rằng niệm Phật để dứt vọng tâm, chớ không phải như mấy kẻ hiểu lầm rằng niệm Phật thì được Phật rước về Tây phương, rồi họ cố niệm chuỗi này qua chuỗi kia v.v...

Cứ như lời của Sư nói đó, thực là muốn chấp lý mà bỏ sự, muốn bày chỗ kỳ kiến mà trái hẳn ý kinh, không nhằm gì cả.

Sư nói niệm Phật để dứt vọng tâm, thì vọng tâm ở đâu mà dứt?

Vả chẳng vọng tâm với chân tâm không phải hai vật. Chân tâm như vàng, vọng tâm như xuyên; nếu sự dứt vọng tâm, thì chân tâm đâu còn; thí dụ quặng cho hết xuyên đi thì vàng cũng mất, nên ngài Vĩnh Minh nói: “Nếu muốn dứt vọng niệm thì khác nào trị bệnh con mắt mà bỏ luôn “cái trông” đó có phải là hại hay không? Huống chi là cái nghĩa của sự giải đó thì chỉ mới biết một phần ít trong chữ “lý” mà chưa hiểu đặng cho cứu cánh. Nếu đã không cứu cánh đặng nghĩa chữ “lý” thì làm sao hiểu thấu đặng nghĩa chữ “tức”. Nếu mà học Phật không hiểu đặng nghĩa chữ “tức” thì không thể nào thoát cho khỏi cái lốt chúng sinh đặng cả. Như vậy mà Sư đã biết là khó chưa?

Còn như sư lấy sự niệm Phật đặng Phật rước về Tây phương mà cho người hiểu lầm, là lầm làm sao? Vì Phật Di Đà có thế nguyện tiếp dẫn, Phật Thích Ca có kinh sách lưu truyền, nên người ta tin tưởng là chính đáng lắm, chớ có phải lầm đâu?

Nếu theo lời của sư cho sự “tin Phật rước” là lầm, thì “xưa Phật Thích Ca nói trong kinh Di Đà rằng: “Nếu chúng sinh nào giữ niệm danh hiệu của Phật Di Đà một lòng không xao lãng, thì nhĩ ng người ấy đến lúc lâm chung, Phật Di Đà và các Thánh chúng hiện ra trước mặt và tiếp dẫn “những người ấy về nước Ngài”. Câu nói ấy, chẳng là Phật Thích Ca cũng nói lầm hay sao?

Còn Phật Di Đà có lời nguyện thứ mười chín rằng: “nếu chúng sinh trong mười phương phát lòng Bồ đề, tu các công đức, chí tâm phát nguyện muốn sinh về nước ta, mà đến lúc thọ chung, nếu ta và Thành chúng không hiện ra trước mặt mấy người ấy, thì ta không chứng Chính giác”.

Câu nguyện ấy, chẳng là Phật Di Đà cũng nguyện lầm hay sao?

Còn ngài Thế Chí nói trong kinh Lăng Nghiêm rằng: “Gốc chỗ tu nhân của ta, lấy lòng niệm Phật vào bậc vô sinh nhẫn; nay ta ở cõi này, mà rước người niệm Phật về nơi “Tịnh độ”. Câu ấy chẳng là đức Thế Chí cũng nói lầm hay sao?

Những việc sư nói đó là chỗ quyền dẫn, của Phật và Bồ tát chớ không phải thiệt, mà trong kinh có chỗ nào là quyền dẫn đâu? Còn nếu sư nói các ngài không lầm, lầm là tại người, thì người tin theo giáo pháp và thệ nguyện của các ngài, mà làm sao cho là lầm được. Còn dẫn cho sư nói “lý” rằng: Đó là người ỷ lại theo Phật mà không biết đến bốn tâm của mình, thì không thể nào ngoài cái tâm ra mà tìm Phật đặng, sư lấy cái “lý” ấy cho rằng lầm cũng không phải nữa.

Bởi vì tâm như nước, Phật như trăng, hễ nước đứng thì tự nhiên trăng hiện, trăng không tìm nước, mà nước cũng không rước trăng, thì cái lý tâm tịnh Phật hiện có khác gì đâu.

Còn trăng hoà với nước, nước lẫn cùng trăng, không trong không ngoài, không trên không dưới, thì cái lý “tâm Phật dung thông” có khác gì đâu.

Như không hiểu đặng cái lý ấy, mà khởi niệm phân biệt chấp rằng có tâm không Phật thì do một niệm phân biệt ấy sóng thức nổi lên, nguồn chân xao động. Nếu đã xao động thì trăm ngàn món phiền não cấu trọc tức thời lộn đục nước lòng, chẳng những không thấy được trăng và Phật, mà lại tràn lan ra mấy dòng đục lưu, kiến lưu, rồi quây luôn trong bánh xe luân hồi, kiếp kiếp đời đời không khi nào ngớt. Cái hoạ chấp tâm hại như thế mà sư đã biết chưa. Vậy thì một câu nói của sư, sai hẳn cả sự, cả lý, cả giáo nghĩa của Phật, mà lại hại đến tín tâm của người nữa.

Phải như sư thực có lòng nhiệt thành, bác ái, quan niệm đến người đời, muốn rằng những kẻ niệm Phật, trì chú muôn chuỗi kia ngàn chuỗi nọ mà lòng còn tham lam độc ác, thì sư nói như vậy: “Niệm Phật cần phải nhiếp tâm, nếu không nhiếp tâm mà còn trì tụng theo những điều tham sân phiền não, thì đến lúc lâm chung tiếp dẫn”. Nếu sư nói như thế hiệp theo giáo nghĩa của Phật mà làm hàm đủ sự lý nữa.

Ôi! Phật Thích Ca xưa cũng đã biết rằng đời sau chắc có những hạng người không tin như sư vậy, nên Ngài nói rằng: “Ta vì cả thấy thế gian mà nói ra pháp Tịnh độ khó tin này, thiệt là gian nan lắm”. Sư đã hiểu chưa?

Tôi dám tự phụ rằng nếu không hiểu cái lý Tịnh độ như tôi đã viết trong sách PGVD mà lại hiểu như ông Liên Tôn rằng có cõi Phật ở Tây phương thiệt, có Phật đến rước thực, thì Tịnh Độ tông không bao giờ đứng vững được.

Nếu bảo rằng có cõi Phật ở Tây phương thực, vậy tôi xin hỏi: Tây phương nhất định ở đâu? Chắc ông Liên Tôn sẽ trả lời rằng: Tây phương ở hướng mặt trời lặn.

Nhưng mặt trời là một ngôi hằng tinh, không có phải mọc và lặn, chẳng qua trái đất xoay khuất mà thôi. Vậy thì cái hướng mà ban ngày ta gọi là Đông phương (chỗ có mặt trời) đó, tối lại chính nó là Tây phương! Vả lại giáp một năm, trái đất xoay giáp vòng mặt trời một lần, vậy thì cái bầu hư không vô hạn chỗ nào cũng là Tây phương cả.

Nếu giáp vòng chỗ nào cũng là Tây phương, vậy lấy chỗ nào làm Đông phương? Mặt trời là trung tâm (trung tâm của một tinh quần mà thôi) không được bảo có Đông phương, thì làm sao có Tây phương được? Vậy ông Liên Tôn đã mắng tôi là nói sai cả sự, cả lý, cả giáo nghĩa của Phật, thì xin ông phải chỉ rõ chỗ nào là Tây phương cho chúng tôi biết?

Hay là ông nói rằng mặt trời mọc và lặn, chớ không phải trái đất xoay; hướng mặt trời lặn ấy là Tây phương? Nhưng hiện trên thế gian này, chỗ nào cũng có ông Galilê cả.

Hay là ông nói rằng trong kinh nói thế nào thì phải tin như thế? Thì phải bỏ hai chữ “nghiên cứu” đi, rồi sửa lại là: Nam Kỳ Mê tín Phật học Hội.

Thiện Chiếu

(CL số 2525, ngày 1.12.1932)

SƯ THIÊN CHIẾU BỊ HỘI CHÙA HƯNG LONG ĐUỔI ĐI

Sư Thiện Chiếu là một giáo đồ nhà Phật rất nhiệt tâm, với sự nghiệp CHPG ở xứ này, trước đây mấy năm sư cùng đồng chí của sư lo chuyện thập phương. Không biết tại sao sư bị chủ chùa là Trần Nguyên Chấn đuổi đi. Năm ngoái đầu tiên các sư đón bác sĩ Nhật về đái đẳng nơi chùa *Bảo Thông*, Gia Định, nói tính liên lạc với Phật giáo hội nước ngoài để mưu hạnh phúc, xúc đại đồng gì đó lằng xằng, rồi bị người ta đuổi nữa. Bây giờ lại nghe nói chùa *Hưng Long* gần Ngã sáu Chợ lớn lại đuổi sư ra như hai chùa trước.

Chúng tôi cho sự bị đuổi của sư lần này có nhiều lẽ:

Bọn hội viên chùa Hưng Long rình cái cốt Phật Thích Ca và một mớ hình ma tướng quỷ gì để vào trong một số nhà ngói vách ván rồi kêu rằng chùa Phật, mục đích của họ là để đến rằm nguyên cúng thí u minh, cầu phát tài thăng quan, chớ không cần tu học. Không biết vì sao mà sư về ở được chùa đó, chớ thấy nói mấy lần giảng kinh thuyết pháp, tuyệt không có

một con muỗi nào trong hội Hưng Long đến nghe cả; chỉ có le the mấy người trí thức cũ ở Saigon băng bộ đến dự mà thôi. Nghĩ cho nhà của người ta cho mình ở, mà mình không lấy Phật hóa hóa trước chủ nhà, còn bảo đem người khác về hóa trong cái nhà ấy, tưởng cho Thái tử Tất Đạt Đa cũng không làm được thế.

Mấy tháng trời có lăm hội viên chùa Hưng Long không biết mặt sư, mà sư nhất định triệt hết mấy khúc gỗ lạng nhăng trong nhà hội Hưng Long cho kỳ được. Người dân không chịu, sư với đồ đệ phải mượn nhà dọn đi chỗ khác.

Đó là nói về việc sư với chùa. Còn về việc hành đạo thì sư cứ chấp có một việc “pháp thí” chớ không chịu làm công việc “tài thí” “vô úy thí” chút nào. Đương hồi khủng hoảng và thiên tai làm thống khổ cho nhân sinh xứ này như vậy, mà sư cứ giảng kinh, thuyết pháp, và nhất là cãi kinh cãi luật tối ngày với bọn ác tăng cùng cư sĩ lão, làm cho chúng lấy bụng chúng mà nghĩ rằng sư toan đập nồi gạo của chúng rồi vu hãm cho sư một cái tội án giàng trời là “phá hoại” cùng “vô quân”. Vậy mà sư ráng cãi mãi với chúng, quên phứt cái câu “vô cơ khả tùy hà pháp năng thuyết”

Trừ phi sư tự cất lấy chùa mà ở, tưởng cách hành đạo của sư như vậy, có tập vô chùa nào khác nữa, rồi cũng không khỏi chúng đuổi ra!

Chúng tôi rất lấy làm lạ từ khi có mấy cuộc nghĩa quyên cứu giúp nhân dân bị nạn, không thấy sư bố thí đồng nào; không biết tại sư phân bì với lũ ẩn vương nương Phật kia hay là sự nghèo sát đất? Chúng tôi rất ngờ chỗ đó?

Viết tới đây, chúng tôi không thể không tuôn đôi hàng lệ hòa với mực đen mà bi thống cho cái lão. Hòa thượng Thuật ở

Baria! Chính ông là người sinh ở Bình Định, vô Nam ăn mày Phật kể có bạc muôn bạc ỨC, tu học chẳng ra gì, viết một quyển sách thích chữ “Từ” nhiều chỗ bất thông và chiết tự sai (có dịp chúng tôi sẽ lôi ra phê bình).

Từ ngày nhân dân Bồng Sơn là người một tỉnh với Hoà thượng bị nạn lụt bão tới nay, kẻ chết có nhiều năm mồ lấp không kín xác! người sống thì đói rét vất vả đầy hai bên lề đường thiên lý Bồng Sơn! có lẽ ông ấy cũng nghe người ta nói thối tai, thế mà ông có đoái tưởng gì đến cái xứ chôn nhau cắt rốn của mình đâu, cứ mang thân lo làm giàu thêm cho thằng con chơi ác của mình mà thôi.

Hỡi hỡi Thái tử Tất Đạt Đa! đệ tử của người ở xứ Việt Nam này ngày nay nó đã như vậy đó!!

Chúng tôi nói thiệt, đạo này mà sư Thiện Chiếu nếu không chịu thâm kinh vô tử, phấn khởi tinh thần “đại vô úy” theo Bồ tát ba la địch thân đi thực hành làm việc quyên chẩn nạn dân; còn lo chạy ngược chạy xuôi mượn đất chú Hỏa (người Hoa) để cất chùa, thì chắc rằng có cất được chùa, cũng vị tất đã đạt tới hoàng nguyện của mình được dân. Có khi chùa mình cất ra rồi mà không khỏi bị người ta đuổi không cho ở cũng chưa biết chừng. Đến chừng đó chúng tôi mà còn trông thấy thì cũng phải nuốt lệ đầy hông mà đáng kiếp thêm cho nữa, chớ thực không biết tội nghiệp làm sao cho được!

Nam mô tăng!

Lê Dương

(*TLNB* số 6884, ngày 1.12.1932)

BÁC LỜI BIỆN CHÁNH CỦA ÔNG LIÊN TÔN

X

Ông Liên Tôn tin có Phật Di Đà và các thánh đến rước về Tây phương thực, vậy tôi xin hỏi: Đã không có Tây phương, thì Phật và các thánh ấy ở đâu mà đến? Theo như kinh Di Đà nói, thì cõi ấy cũng có ngày, có đêm. Phật thánh ở cõi ấy cũng còn ăn, còn uống. Nếu có ngày, có đêm thì trái đất Tây phương cũng phải xoay như trái đất này; nếu còn ăn, còn uống thì cũng bởi tế bào (cellulen) biến đổi, không khác như người ở cõi này. Vậy thì trái đất bên ấy có ngày cũng phải tan rã như trái đất này, Phật thánh ở cõi ấy có ngày cũng phải chết như người ở cõi này vậy.

Theo như kinh Kim Cương, Phật nói: “Phàm cái gì có hình tướng, đều là giả dối”. Nếu ông Liên Tôn dám cãi câu ấy mà nói rằng: “Tây phương và Phật thánh, tuy có hình tướng, nhưng không phải là giả dối”, thì xin ông đem vật nào bằng còn mãi mãi trong vũ trụ này làm chứng cho chúng tôi xem?

Nếu cõi Tây phương và Phật thánh ở cõi ấy cũng phải tan rã và cũng phải chết, thì cũng không cần chúng tôi về bên ấy mà làm chi!

Theo tôi thì “tâm”, “Phật” và “chúng sinh” tuy có ba mà là một. Lòng sáng suốt là Phật, lòng mê muội là chúng sinh.

Chúng sinh ở cõi này tức là chỉ cái lòng mê muội, Phật ở Tây phương tức là chỉ cái lòng đã sáng suốt. Nếu không còn chúng sinh thì cũng không còn cái tên Phật, Phật tức tâm, ngoài cái lòng sáng suốt ra, không bao giờ tìm ông Phật được. Thế mà ông Liên Tôn dám bảo ngoài lòng có Phật, ông ví cũng như ngoài nước có trăng hể nước đứng thì tự nhiên trăng

hiện. Vậy xin hỏi ông: Đêm mông mọt, nước vẫn đứng mà sao không thấy trăng hiện? Đêm rằm mà nước cứ xao động thì trăng hiện được hay sao? Thế thì cái thuyết “ngoài lòng có Phật” của ông lấy gì làm căn cứ?

Tôi nói lòng là Phật, Phật lã lòng; còn ông lại bảo ngoài lòng có Phật, có cõi Tây phương nữa. Vậy tôi xin hỏi: Cái câu “khởi niệm phân biệt” ông nói tôi chẳng? ông nói ông chẳng?

Theo ông nói: Nếu khởi niệm phân biệt thì phải bị luân hồi kiếp kiếp đời đời. Vậy muốn khởi luân hồi thì đừng phân biệt ngoài lòng có Phật, có cõi Tây phương nữa, phải không ông?

Pháp môn “niệm Phật” là một phương thuốc để trị chứng bệnh “vọng tâm” (tham, sân, phiền não). Theo như ông nói: “Niệm Phật cần phải nhiếp tâm” không khác nào ông nói: “Phương thuốc niệm Phật không trị được chứng vọng tâm” vậy.

Nếu tự tâm ta đã thấu nhiếp được vọng tâm thì cần gì phải niệm Phật? Hay là ông nói: Tuy mình đã thấu nhiếp được vọng tâm, nhưng phải niệm Phật, Phật mới rước về Tây phương? Nếu thế, thì sao ông nói “nước đứng thì tự nhiên trăng hiện”?

Ông nói chân tâm với vọng tâm là một; Nếu thế, thì cũng không cần có “tứ đế”, “lục độ” không cần có “thập nhị nhân duyên”, cũng không cần có “tịnh độ pháp môn” nữa. Nếu thế thì tạp chí *Từ bi âm* chẳng qua là cái cơ quan cho công ty NKNCPH để làm quảng cáo bán giấy mực mà thôi chứ không có ý nghĩa mục đích gì cả!

Nếu vọng tâm với chân tâm là một, thì Phật với chúng sinh chẳng khác, sao ông lại bảo người ta phải niệm Phật cầu về Tây phương?

Ông nói: Nếu dứt vọng tâm, thì chân tâm đâu còn, cũng như trị bệnh con mắt mà bỏ luôn và cái trông vậy. Thưa ông, một nhà chuyên môn trị bệnh con mắt, không ai điên dại bao giờ! Con mắt có bệnh, thì người ta lột bỏ “hột cườm”, “Vảy cá” trên con mắt, chớ có ai lại bỏ luôn cái trông! Ta dứt lòng tham, sân, phiền não, có gì mất cả chân tâm?

Ông bảo rằng tôi chấp lý mà bỏ sự, không nhằm ý kinh.

Thưa ông, tôi nói “niệm Phật để dứt vọng tâm”. Vậy “niệm Phật” không phải “sự” chớ gì đó?

Ông bảo rằng tôi không tin pháp môn Tịnh Độ. Thưa ông, tôi không tin vô lý như ông, nhưng tôi tin rằng bao giờ còn bệnh thì cũng vẫn còn uống thuốc, bao giờ còn vọng tâm thì cũng vẫn còn niệm Phật!

Nếu lời nói có lý, thì ông nói tôi cũng tin; nhưng nếu vô lý, thì dầu Phật Thích Ca còn sống đi nữa, nói tôi cũng không tin!

Huống chi Phật đã tịch rồi, trong Đại tạng có nhiều điều thêm bớt? Vậy thì ông đem Phật Di Đà, ông Thế Chí ra làm chứng cũng không ích gì?

Ông bảo rằng Tịnh Độ tông trong kinh không chỗ nào nói là quyền dẫn, sao tôi lại bảo là quyền? Thưa ông, nếu coi kinh mà không phân biệt được cái nào là “quyền”, cái nào là “thực”, vậy cái óc “suy xét phán đoán” của mình đâu mà cứ làm nô lệ cho kinh điển?

Thiện Chiếu

(CL số 2526, ngày 2.12.1932)

BÁC LỜI BIỆN CHÁNH CỦA ÔNG LIÊN TÔN

XI

Trong trang 58, hàng 11, luận về “linh hồn” thì sư nói rằng “không có linh hồn”; nếu nhận có linh hồn tức ta cho người là một cái bản chất phân cách với các bản chất khác và cũng phân cách với vũ trụ nữa. Cái ý bản chất phân cách ấy ngày nay nhà khoa học cũng cho là sai.

Ôi! Xưa có một người cùng tử tài lực không đủ mưu tồn được cái kế sanh hoạt ở đời, vừa đâu trong lúc phiêu bình lại gặp được nhà có thế lực, rồi ỷ lại ở nơi đó mà làm chỗ thọ dụng, cũng tưởng rằng sự thọ dụng của cậu ta như vậy là đủ, ngoài ra thì không có chút gì để ý suy xét về cái phương thuật tự lập cho vững vàng.

Đến sau nhà có thế lực ấy bị cuộc suy đồi, thì cậu ta lại càng lên đênh tân khổ hơn ngày trước nữa. Thương thay! Thảm thay!

Xét như vậy thì đủ biết những hạng người học Phật không có kiến thức ở nơi tự mình mà nghiên cứu ra, chỉ cứ ỷ lại theo khoa học mà làm chỗ bằng cứ, thì có khác gì người cùng tử mà ỷ lại ở nhà có thế lực nói trên đó đâu.

Cứ như lời của sư nói trong đó, tức là sư chấp cái lý “bản chất”, “phân cách” làm không nhầm, mà cho rằng không có linh hồn thì sao phải, vì cái lý phân cách ấy là phân cách với khí lượng, chứ không phải phân cách với bản thể, thí dụ như: Lò máy điện lớn ở một chỗ, mà nhân có dây điện dẫn đi thành ra mỗi nhà có ngọn đèn riêng khác; nếu lấy cố ngọn đèn nhà này phân cách với ngọn đèn nhà nọ và phân cách với lò máy

điện lớn kia nữa, mà cho rằng không có điện thì tất là không nhằm. Còn như đến khi dây điện đứt rồi, thì bao nhiêu ngọn đèn riêng khác ấy có phải hoàn về lò máy điện lớn hay không, mà làm sao lại gọi là phân cách. Vậy thì cái thuyết phân cách của sư nói đó cũng không trúng nữa.

Phải biết toàn thể của vũ trụ, vạn vật và ta đây nguyên không phải khác nhưng vì nghiệp duyên dặt theo báo quả nên thành ra riêng khác; đến khi nghiệp dứt báo hết, thì hườn lại một cái toàn thể cả, chớ có cái gì làm cho phân cách được nữa đâu, cho nên ông Triệu Công nói: “Trời đất đồng với ta một góc, muôn vật đồng với ta một thể” là nghĩa làm vậy; chớ không phải lấy cớ “bốn chất không phân cách” mà gọi rằng đồng, cũng không phải lấy cớ “bốn chất có phân cách” mà gọi rằng khác, rồi cho là không có linh hồn đâu.

Sư bất tất phải nghiên cứu theo khoa học, cứ lấy chỗ tư tưởng của mình mà quan sát coi, như nói: nếu nhận có linh hồn thì thành ra cái bản chất phân cách, bởi ý phân cách ấy không nhằm, nên cho rằng không có linh hồn. Nói như vậy thì tất cả trong vũ trụ, trời riêng trời, đất riêng đất, vật riêng vật, người riêng người, có cái gì là không phân cách. Nếu đã phân cách, thì cái gì làm toàn thể bao quát, mà cái gì làm phần tử hợp tập, như lời sư nói đó vậy. Nếu đã nói được là bao quát, là hợp tập, thì cái nghĩa “phân cách” không thành; nếu cái nghĩa “phân cách” đã không thành thì cái thuyết “không có linh hồn” của sư đó cũng là chẳng trúng.

Có phải là sư nói ra mà trở lại sai hẳn với cái lý luận của sư hay không?

Chắc là sư cũng có lẽ biết rằng “hồn” tức là “thức” tức là “tính”; bề mê thì gọi là hôn thức, mà ngộ thì gọi là giác

tính. Nếu sư nói rằng người không có linh hồn tức là không có tri giác thì thành một vật minh ngoan; nếu đã thành một vật minh ngoan thì cái sự khôn biết của sư hiện đối với người ta ngày nay đó là cái gì? Thực là nội một cái tâm tính của sư mà sư còn chưa biết, huống chi sự gì nữa mà sư nói cho nhầm đặng.

Cho nên, luận về sư không có linh hồn, vậy chớ cái gì làm cho người ta cảm giác, thì sư nói rằng cái “ái”. Còn luận về sư không có linh hồn, vậy chớ vật thì tái sinh, thì sư nói rằng năm huẩn (ngũ uẩn). Nội trong hai câu nói của sư đó thì những người học Phật xem thấy đã lấy làm gay mắt, còn nghe tới đã lấy làm trái tai rồi.

Vả chẳng sự cảm giác là do nơi “thức tâm” bởi có thức tâm mới sinh ra ái (thương), tắng (ghét), sân (giận), hỷ (mừng), tạo thành nghiệp thiện nghiệp ác, mà thọ lấy quả báo luân hồi trong ba cõi sáu đường; cho nên nói rằng: Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức là vậy đó. Chớ như sư nói rằng “ái” làm cho người cảm giác là lý gì?

Sư Thiện Chiếu

(CL số 2530, ngày 8.12.1932)

KHÔNG PHẢI CHÙA HƯNG LONG MUỐN ĐUỐI SƯ THIỆN CHIẾU

Bốn báo mới tiếp được bức thơ đính chính của ông chủ hội chùa Hưng Long, nên vì một tôn chỉ vô tư mà vội vàng đăng tải.

Lời lẽ của tác giả bức thư này đã rõ rệt như ban ngày. Duy có chỗ vì sao mà phân đông hội viên chùa vẫn công nhận sự cải cách của sư Thiện Chiếu, mà phải vì một số ít người mê muội kia chỉ dẫn, chỗ đó chúng tôi xin thú nhận rằng: không hiểu.

Cholon le 5.12.1932

A Monsiennr Trần Thiên Quý

Tổng lý kiêm chủ bút báo Trung Lập

Kính ông,

Xem quý báo số 6884, ra ngày thứ năm 1.12.1932, có bài tựa là “Sư Thiện Chiếu bị hội chùa Hưng Long đuổi đi là đáng!” có hại đến danh dự bốn hội chúng tôi, và nhất là có hại đến cái vận mạng chùa Hưng Long nữa. Vậy xin ông vui lòng cho chúng tôi đính chính lại mấy hàng dưới đây, vào cột của quý báo đã đăng.

Hội chùa Hưng Long chúng tôi không đuổi sư Thiện Chiếu

Hồi đầu tháng 5 năm nay, tôi hết sức thỉnh đôi ba phen, sư Thiện Chiếu mới chịu về chùa Hưng Long. Sự cải cách, sự thờ phụng cúng kiến chúng tôi cũng vui lòng, và cũng có đi nghe giảng kinh nữa, chỉ có một phần ít, mê muội lắm, họ nài bốn hội nói với sư thờ cúng. Chúng tôi muốn làm cho vui lòng nên yêu cầu sư thờ lại hai bàn thôi. Nhưng sư không bằng lòng, và nói hội phải lo rước thầy đi, kỳ trong hai tháng nữa phải cho có.

Chúng tôi tưởng sư nói vậy thôi, không dè đến rằm tháng mười An Nam, chúng tôi đến nghe giảng kinh, sư cho hay rằng chủ nhật tới, sư dọn đi nơi khác.

Từ ngày sư dọn đi đến nay có 15 ngày rồi, mà chùa cứ khóa cửa lại, không rước thầy nào, để tỏ lòng chúng tôi có chút cảm tình đối với sư Thiện Chiếu.

Lê Văn Sang

Chủ hội chùa *Hưng Long*
Rue de Le Myre de Villerc
(Ngã Sáu) Chợ Lớn
(TLNB số 6891, ngày 9.12.1932)

BÁC LỜI BIỆN CHÁNH CỦA ÔNG LIÊN TÔN

XII

Dẫu cho sư nói rằng “ái” cũng do thức tâm mà phát khởi ra chớ không phải là vật nào khác, thì “ái” chẳng phải một vật phát doan cho sự cảm giác, hướng chi chỗ hoạt dụng của “ái” thuộc về phần thiên năng, chớ không phải về phần toàn năng, tức như xúc cảm lấy những cảnh thương, xót, yêu, muốn, thì “ái” có năng lực đảm đương; chớ như xúc cảm lấy những cảnh oan, cừu, giận, ghét, thì “ái” không thể nào dung thọ cho nổi. Vậy thì “ái” là thiên, “thức tâm” là toàn, mà sư lấy nghĩa thiên làm nghĩa toàn, thì có nhầm gì đâu.

Còn như sư tái sinh thì do nơi “tạng thức”, có năng lực hàm tàng các nghiệp thiện ác đời trước làm cơ quan cho sự tái sinh đời sau; vì vậy cũng nên trong Duy Thức tụng nói rằng: “Khứ hậu lai tiên tác chủ công”, nghĩa là khi chết thì tạng thức đi sau mà khi đầu thai thì nó tới trước, là vậy đó, chớ sư nói rằng “năm uẩn” là lý gì?

Dẫu cho sư nói trong “năm uẩn” đã có thức uẩn rồi, thì câu nói nơi đó hồn hàm quá, ai hiểu cho đặng; vì có thức đi đầu thai mới thành ra sự tái sinh, chớ chẳng lẽ cái sắc uẩn kia cũng đi đầu thai đặng hay sao, mà lại nói chung như vậy; vì như có người ở cái nhà bên này rồi qua ở cái nhà bên kia, cũng phải đội cái nhà theo mà chung cho lọt vào nhà kia hay sao.

Còn dẫu cho sư có nói trọ lại rằng: “Đó là nói thân sau của người, chớ không phải nói về sự đầu thai”, thì câu nói của sư đó lại càng không đúng nữa, là vì có câu hỏi của sư rằng: “Nếu không có linh hồn vậy chớ vật thì tái sinh”, chớ có phải hỏi rằng “thân sau của người ra thế nào” đâu, mà sư lại đem cái thân “ngu xuẩn” mà nói như vậy. Còn như có hỏi thân sau của người thế nào thì ai lại không biết cái thân ngu xuẩn hay sao, mà sư phải đặt lời vấn đáp cho mịt trí như thế.

Huống chi sư lại nói: khi người ta chết thì năm uẩn tan rã ra không có vật gì gọi là linh hồn, câu nói đó mới thiệt là lầm cho chớ. Thuở nay hễ cái vật có hình chất như sắc thân thì khi chết tan rã là phải rồi, chớ cái thức thân có hình chất gì mà cũng cho là tan rã ra được hay sao?

Đó, xin các bạn trí thức học Phật lâu nay, đã thấy rõ chỗ nào trong kinh luận mà nói như vậy hay chưa, và đã thấy ai nói càn như sư Thiện Chiếu vậy chưa?

Ôi! những điều sai lầm trong quyển sách PGVD của sư đã nói trên đó, theo như ý tưởng cốt của sư thì cho là không quan hệ gì, chớ những bậc cự nhân người ngó vào thì lấy làm gay mắt khó chịu mà sanh lòng khinh yếm còn những người kiến thức tầm thường thì lại mấy chỗ sai ấy làm cho lầm lạc.

Sư viết một quyển sách ra, mà kẻ thì khinh yếm người thì lằm lạc như thế, vậy có ích lợi gì cho đời hay không? Chắc không.

Phật giáo không nói “linh hồn mà nói là “thức” (les pouvoirs de la mentalité), sử dĩ muốn phân biệt với cái tiếng “linh hồn chẳng chết” của ngoại đạo. Bởi cái “thức” hay là chủ quan, đối với khách quan mà hiểu biết và phân biệt được ấy, do bởi tập quán mà ra, cho nên không phải hằng còn mãi mãi được.

Theo cái thuyết “Mười hai nhân duyên” của Phật, thì do “vô minh” mà sinh ra “hành”, do “hành” sinh ra “thức” v.v... nếu muốn khỏi luân hồi tái sinh thì phải trừ diệt “vô minh”. Vô minh diệt thì “hành” phải diệt, “hành” diệt thì “thức” phải diệt v.v...

Ông Liên Tôn bảo “hồn” tức là “thức”, tôi không biết ông tin theo Phật chẳng? Hay tin theo ngoại đạo chẳng? Nếu ông tin theo Phật, thì tôi nói không có cái linh hồn chẳng chết, sao ông lại bảo là không nhầm? Nếu ông tin theo ngoại đạo, thì trong vũ trụ có vật nào là vật không biến đổi đâu? Nếu vạn vật đều biến đổi, thì không bao giờ riêng có một cái “bản chất duy nhất” hằng còn mãi mãi gọi là linh hồn được.

Toàn cả vũ trụ đều biến đổi, mà lại riêng có một cái bản chất hằng còn, thì có khác nào như hết thấy người ta đều phải chết duy có một mình ông Liên Tôn là chẳng chết mà thôi. Thật không thể nào hiểu được!

Ông đã biết nói “Trời đất đồng với ta một gốc, muôn vật đồng với ta một thể”, vậy trời đất muôn vật đều phải biến đổi, sao lại có được một vật chẳng chết, gọi là linh hồn? Nếu có cái “linh hồn chẳng chết”, há chẳng phải phân cách với các

bản chất khác, phân cách với vũ trụ vạn vật hay sao? Cái nghĩa “bản chất phân cách” là vậy đó sao ông hiểu một cách điên cuồng kỳ quái?

Thiện Chiếu

(CL số 2531, ngày 9.12.1932)

BÁC LỜI BIỆN CHÁNH CỦA ÔNG LIÊN TÔN

XIII

Câu hỏi và đáp 191, trong sách PGVD của tôi: “Nếu đã nói rằng không có linh hồn, vậy cái gì làm cho người ta cảm giác rằng mình có một cái “ta” hằng còn mãi mãi? Đáp: Cái đó tiếng Phạn kêu là Tăng ha, Tàu dịch là “ái” tức là cái lòng tham sống. Bởi cái lòng tham sống mới gây ra Cát ma hay Nghiệp, bởi cái sức của Nghiệp mới có luân hồi tái sinh trong nhiều kiếp nhiều đời. Nếu Cát ma hết, Tăng ha dứt, thì không còn tái sinh nữa, không còn hình chất, không còn vật gì gọi là linh hồn”.

Có lẽ ai đọc câu hỏi và đáp ấy, cũng đều hiểu rằng tôi nói người ta cảm giác rằng mình có một cái “ta” hằng còn mãi mãi, cái đó không phải là cái “linh hồn chẳng chết”, mà chính nó là Tăng ha (tiếng Phạn), Tàu dịch là “ái”, tức là cái lòng “tham sống” chớ không ai lại hiểu như ông Liên Tôn rằng tôi nói cái “ái” làm cho người ta cảnh giác bao giờ!

Hướng chi chữ “ái” này, Tàu dịch nghĩa tiếng Tăng ha của Ấn Độ là cái nhân “vô minh hiện tại” trong “Mười hai nhân duyên” thuộc về Triết học, không phải nói theo nghĩa thông thường được.

Cái “ái” đã là cái nhân “vô minh hiện tại” thì nó sẽ sinh ra “thức” (một uẩn trong năm uẩn) kiếp sau, nhân quả xoay vần, sao ông chỉ nói “thức” sinh ra “ái” mà thôi?

Có chết đi thì mới có sống lại chớ. Linh hồn đã nói là một vật chẳng chết, nếu có linh hồn, thì không được nói là luân hồi tái sinh. Vì có chết đâu mà bảo rằng sống lại? Vậy cái sống lại đó, không phải là “linh hồn” mà là “năm uẩn” giả hợp. Nói là “năm uẩn giả hợp”, thì không thiên về thường kiến rằng có một vật hằng còn, cũng không thiên về đoạn kiến rằng chết rồi là hết, sao người học Phật lại đại đột cho đến nỗi bảo là trái tai gai mắt?

Ông Liên Tôn nói: “thức uẩn đi đâu thai mới thành ra tái sinh, chớ chẳng phải sắc uẩn đi đâu thai đặng”. Thế là ông tin rằng “thức” là một vật chẳng chết, thức uẩn kiếp này chính là thức uẩn kiếp trước, chớ không phải khác nhau, hèn gì ông chẳng bảo “hồn tức là thức”? Ông không hiểu tinh thần (thức uẩn) cũng biến đổi như vật chất (sắc uẩn), hèn gì ông chẳng bảo tôi nói hồn hàm khó hiểu sao được?

Chẳng những “Năm uẩn” (thân tâm) kiếp này khác hẳn với “Năm uẩn” kiếp trước mà thôi; năm uẩn kiếp này, trong bảy năm, cũng khác hẳn nhau nữa.

Chính ông Liên Tôn hiện nay 51 tuổi, từ diện mạo thân hình (sắc uẩn) cho đến tâm tình tri giác (thọ, tưởng, hành, thức uẩn) chẳng những khác hẳn với lúc 10 tuổi, đương cấp sách vào trường mà thôi, cho đến hồi 31 tuổi thi đậu Tú tài cũng không giống nhau nữa. Tuy nhiên, kiếp trước gây lấy nghiệp nhân thế nào, thì kiếp này phải chịu như thế. Cũng như ông Liên Tôn hồi 10 tuổi, hoặc hồi 31 tuổi tuy hẳn với ông Liên Tôn 51 tuổi bây giờ mặc lòng song không biết trước kia (hồi

10 tuổi hoặc 31 tuổi) ông gây lấy nghiệp nhân thế nào, mà bây giờ ông phải phục tùng dưới quyền người ta tư tưởng và câu văn đều bị kẻ dốt hơn mình họ hạn chế. Cho nên năm uẩn kiếp này tuy khác với năm uẩn kiếp trước nhưng nhân quả có quan hệ ở trong đó. Cũng như cây lúa năm nay không phải cây lúa năm ngoái mọc lại (tái sinh), mà bởi hạt giống vậy. Hạt giống “nghiệp nhân” là sợi dây nối kiếp trước và kiếp sau lại, cho nên năm uẩn tuy không phải một, cũng không phải khác.

Nhưng cái gì đựng chứa các hạt giống nghiệp nhân được còn mà chẳng mất? ấy chính là cái bản thể A lại da (Alaya) thức, vô thí vô chung cùng vô tận. A lại da đựng chứa hết thấy hạt giống các pháp trong vũ trụ, cũng như trái đất đựng chứa hết thấy người, vật, cỏ, cây vậy.

Cây lúa “năm uẩn” năm nay mọc lại (tái sinh) bởi hạt giống “nghiệp nhân” của cây lúa “năm uẩn” năm ngoái, mà không phải quả đất “A lại da” thức đi đầu thai.

Nếu nói A lại da thức đi đầu thai, thì cái A lại da thức ấy có thì, có chung, có cùng có tận, thì làm sao hàm tàng (đặng chứa) được hết thấy hạt giống các pháp?

Câu hỏi 193, trong sách *PGVD* của tôi: “Nếu không có linh hồn vậy chớ vật gì tái sinh?” Đáp: “Năm uẩn giả hợp”. Ông Liên Tôn cho là không đúng, vì ông không hiểu hai chữ “tái sinh” là chỉ “nghiệp nhân không dứt, cho nên mới có cái thân tâm năm uẩn ấy” và ông không hiểu hai chữ “giả hợp” là chỉ “không có cái vật hằng còn hay là linh hồn bất tử đi đầu thai”.

Thiện Chiếu

(CL số 2534, ngày 12.12.1932)

CẢM TƯƠNG ĐỐI VỚI BÀI "BIỆN CHÁNH" CỦA ÔNG LIÊN TÔN TRONG SỐ TỪ BI ÂM 18

Loài đạo tặc vì sao mà ghét bóng nguyệt quang? Vì bóng nguyệt hay soi thấu chân tướng loài giang. Loài ly my vì sao mà ghét gương Võ Đĩnh? Vì Võ Đĩnh hay soi thấu chân tướng loài quý, Xưa nay chính tà thường hay xung đột nhau là vì lẽ ấy. Nhưng cũng nhờ có bóng nguyệt quang, mà đạo tặc bớt đi một ít, nhờ có Võ Đĩnh mà ly my cũng tiêu được phần nhiều. Vậy cho biết tà không địch nổi chính, mà chính lại có cái mãnh lực tuyệt địch hơn, làm cho tà phải tiêu tan không gần được chính nữa.

Tức như đời Xuân - Thu mưa gió mà một ngòi viết hoạch lặn của ông Khổng ra, thời loạn thân tặc tử phải sợ. Đời Chiến quốc tranh hoành, mà ba tác lười ông Mạnh dạy, thời tà thuyết dị đoan phải dẹp.

Người quân tử đã vì đời lo đạo, trước phải giữ đạo mà dạy đời, không phải chấp cái ý kiến riêng của mình mà đem lời bĩ thử. Huống nữa người nay rộng đạo, không phải đạo mà rộng người; yếu tại người chủ trương đó, trái lòng vì đạo hết sức lo đời, nào dinh, nào hữ, nào tiêu, nào trưởng phải lấy đạo làm thủy chung, dầu cho cuộc bể dâu đổi dạng, tranh vân cầu thay hình mà lòng đạo cứ trơ trơ như cũ, thế mới gọi là giữ gìn tôn giáo mà làm tiêu biểu cho đời.

Nước ta từ khi hấp cái phong trào chấn hưng Phật học của đức Thái Hư Hoà thượng ở Trung Hoa truyền sang, thời trong môn phái nhà truyền, ai ai cũng lo chấn chỉnh tôn phong, tuyên dương Phật hóa để cho người tín ngưỡng khỏi lạc nẻo sai đường. Hiềm vì lòng ước ao như thế, mà sức chưa đủ đảm đương, nên chí sự giáo dục chưa được phổ thông.

Mấy lâu nay *Từ Bi Âm* ra đời giảng bày Phật hoá, độc giả hoan nghênh cũng nhiều tuy trong Phật pháp chưa dám chắc là hoàn thiện được cả, nhưng đương trong cái thời tượng giáo tăng di này, cũng khá gọi một vị công thần của nhà Phật mà quyển PGVĐ của sư Thiện Chiếu, đồng thời ra mà thức tỉnh lòng người, chuông mai trông tối dùm giúp công phu, không phải một người thiên hữu của “*Từ Bi Âm*” sao ? Sao mà trong số 18 ông Liên Tôn đem lời chỉ trích thô bỉ lạ lùng vậy. Ôi! chữ đồng tâm chưa gắn được chặt lòng, cơ nội loạn đã dậy lên bên vách, nghĩ mà ngao ngán thay! Vả chẳng tôn giáo nhà Phật thưở nay ai cũng công nhận mộ đạo đường đường chính chính phá mê lại ngộ, bỏ vọng tìm chơn, nên chỉ người trong tôn giáo phải tuân theo lời.

Phật mà dạy biểu cho người, không phải mang mặt nạ mà dối đời, làm chúng được.

Trong quyển “vấn đáp” của sư Thiện Chiếu và bài “Biện chánh” của ông Liên Tôn, dầu hay dầu dở, dầu phải dầu trái thế nào, tự có dư luận trong Nam ngoài Bắc, bĩ nhân không phải cầm ngòi viết chính ngôn, mà giải thích những chỗ sai lầm của ông được, mà học thức và địa vị của sư Thiện Chiếu, độc giả cũng chân hiểu dư rồi, e có lẽ ông chưa phải là một người phẩm bình vào đó. Cứ theo lẽ đồng đạo, thời dẫn cho sư Thiện Chiếu có sai chạy thế nào, ông phải đương diện mà bài bác hoặc viết thơ mà cãi chính, để cùng châm quy nhau lo về tôn giáo mới phải, có đâu lại mang lòng tạt đổ phô trương lên giữa công chúng, làm cho thiên hạ choáng mắt lạ tai, không biết đường nào xu hướng, mà trong bài “Biện chánh” của ông dám chắc đã đúng theo Phật pháp hay chưa?

Này ông Liên Tôn ôi! Một lời nói mà xã hội được cái ảnh hưởng của dân tộc nhờ lấy an toàn, nói không phải là dễ,

huống nữa một lời nói làm mô phạm cho người xét trong cái nghĩa *tam tụ lục hoà*, thời ông không những một người tội trong nhà Phật mà thôi. Lại là một người tội trong vòng danh - giáo nữa, đã mắc tội với tôn giáo thời chức trách của ông đối với “Tứ Bi Âm” thế nào?

Trời đất ôi! cái tục đào hang ở gác bày ra khi họ Hữu Sào chưa ra thời phải, chờ bày ra thời đại nhân văn tiếm trữ, sau khi họ Hữu Sào đã làm nhà rồi thời thiên hạ cho là đại. Thói ăn lông uống huyết nói về trước họ Toại Nhân chưa ra thì được, chớ nói về thời kỳ dân trí tiện khai, sau khi họ Toại Nhân đã đui lửa rồi, thời thiên hạ cho là ngu.

Mà cái thuyết thần quyền kia không phải đem ra mà nói với đời khoa học, triết học rõ rệt này được, phải biết biến thông theo thời, không để bo bo giữ cái óc thủ cựu mà làm con quỷ phá nhà chay.

Đáng lẽ ra Phật pháp trong nước ta bây giờ như tơ như tóc, tuy có xác mà không có hồn, vẫn có danh mà không thiệt, người thức giả biết bao nhiêu ôm lòng đau đớn theo mỗi đạo Linh Sơn, đã là người nhà Phật phải hô hào nhau, cố động nhau dần hoà trong tứ chúng, ai cũng phải nhận lấy một phần trách nhiệm gánh vác đại pháp của đức Như Lai, làm thế nào để dựng cột giữa giòng, nối dây giữa đoạn đem ngọn đèn vô tận soi vào ngõ hẻm hang cùng, dạy biểu người sau cho biết cái chân chính của nhà Phật, mà thiên hạ cũng đồng theo đó, thuận đường tín ngưỡng trước đèn ơn Phật tổ sau hết bốn phận của mình, thế nỏ (không) quý lắm sao?

Người đời biết Phật, rồi mới trọng Tăng nói như ông Võ Thạch Hà thành (tức HT Đình Xuân Lạc - trụ trì chùa Võ Thạch, Hà Nội) là phải:

“Bởi vì người không hiểu Phật pháp nên chi phải cầu đến các ngài tuyên dương” (ở báo Thần Nông); song trước khi tuyên dương, phải bỏ cái ngã kiến, rồi mới dang tay lên trước mặt công chúng tự xưng rằng “tôi là người gánh vác đại pháp của đức Phật Như Lai”, thời Tôn giáo có thể trông cậy được ít nhiều ảnh hưởng, mà ngoài thế pháp cũng nhờ sức điểm hoá của Bồ đề, mong mỗi biết chừng nào !

Ôi! Nhà hầu bổ, một cây chống sao nên, lưới đã rách một tơ vá sao đủ, tôi không phải cảm về ý kiến riêng của ông, nhưng tôi cảm về đường xu hướng của ông không được chánh đại quang minh, sợ có người hiểu lầm, mà phải xướng cuồng như Nguyễn Tích chãng”

Trúc Viên

(CL số 2542, ngày 21.12.1932)

BÁC LỜI BIỆN CHÁNH CỦA ÔNG LIÊN TÔN

XIV

(tiếp theo và hết)

Tôi nói: “Khi người ta chết thì năm uẩn tan rã ra, không có vật gì gọi là linh hồn”. Ông Liên Tôn cho câu nói ấy là lầm. Rồi ông nói: Hễ vật có hình chất như sắc thân, thì khi chết mới tan rã, chớ cái thức thần không có hình chất, làm sao gọi là tan rã được?

Nếu thức thần không có hình chất, sao ông thấy được khi chết nó đi sau, khi đầu thai nó tới trước?

Đối với vật có hình chất mới nói không hình chất, chớ không phải riêng có một vật không hình chất; cũng như đối với

“có” mới nói “không”, chớ chẳng phải riêng có một cái “không” vậy.

Nếu thức thân không có hình chất, theo như ông nói, thì cũng như hư không, hư không chỗ nào cũng như chỗ nấy, không có gì phân biệt được. Nếu không phân biệt được, thì khi tôi cùng ông chết, biết cái nào của tôi và cái nào của ông? Nếu thế, thì tôi không cần làm lành, ông cũng đừng khuyên người ta tu hành, vô ích!

Hay là ông nói: “Hư không tuy không hình chất thấy được, nhưng phân biệt được bởi khí nóng và lạnh”?

Nóng và lạnh không phải là còn hoài không đổi. Hết nóng đến lạnh, hết lạnh đến nóng, không phải tan rã chớ gì đó, ông?

Dẫu *thức uẩn* ông nói là chẳng chết đi nữa, nó đã hợp với tinh huyết của cha mẹ tức là đất, nước, gió, lửa thành ra thân hình, vậy khi nó lìa khỏi xác, không phải là năm uẩn tan rã chớ gì đó, ông?

Hướng chi *thức uẩn*, nếu nói rằng không có tan rã, nghĩa là hằng còn chẳng chết, cớ sao kiếp này ta ăn mặc nói năng, mọi sự mọi vật đều phải kinh nghiệm, phải học tập mới biết? Hay là ông nói khi đi đầu thai ta bị ăn cháo “lú” của bà già ở Âm phủ, theo bức tượng Thập điện của người ta bịa đặt? !

Tôi nói “Năm uẩn” giả hợp rồi tan rã ra, không có cái linh hồn chẳng chết. Ông Liên Tôn lấy làm lạ lắm, nên ông nói rằng không thấy chỗ nào trong kinh luận nói như vậy và không thấy ai nói càn như tôi vậy.

Phải, ông Liên Tôn không thấy là phải! Bởi kinh Cựu Ước và Tân ước không có nói, kinh Phệ Đà (Veda) và kinh

Khả Lan (Koran) đều không nói, Jésus Christ và Mahomet cũng không nói nữa. Nói “Ngủ uẩn”, nói kinh A hàm, kinh Bát Nhã, kinh Lăng Nghiêm, kinh Niết Bàn v.v... và Thành duy thức luận, Câu xá luận, Quảng bách luận, Thích luận, Thành thực luận, Đại trí độ luận v.v... có nói mà thôi.

Chỉ có ông Thích ca Mâu ni, ông Thế Thân, ông Hộ pháp, ông Mã Minh, ông Long Thọ v.v... là có “nói càn” như tôi vậy thôi!

Vậy tôi cũng bắt chước ông Liên Tôn mà cầu xin các bạn trí thức học Phật lâu nay, nếu thấy trong kinh luận của Phật giáo đâu nói “năm uẩn giả hợp” nói “không có ta” (xin xem các phẩm Phá ngã, Thân kiến, Biến kiến v.v... trong các luận kể trên như tôi vậy, thì xin các ngài phải gỡ cái mặt nạ “NKNCPH” đi. Vì cái Hội ấy không phải là Hội Phật học, chính là bọn “Ngoại đạo Thần ngã” mượn cái tên “Phật học” để gạt gẫm tín đồ của Phật giáo đó.

Người ta thấy tôi lâu viết bài trả lời, cho rằng bài của ông Liên Tôn chắc không giá trị gì nên tôi không buồn nói đến. Kỳ thật là bởi tôi nằm bệnh gần hai tháng, không có cái tính tự cao như vậy đâu.

Ông Liên Tôn đã nói vì Phật giáo mà viết bài “Biện chánh quyển sách PGVD của tôi”. Nếu ông Liên Tôn và Bộ biên tập tạp chí Từ Bi Âm đã có lòng tốt ấy, muốn tìm thấy cái nghĩa mầu của Phật pháp.

Chắc các ngài cũng đủ cam đảm trích hết mấy bài của tôi đã đăng ở báo Công Luận mà đăng vào tạp chí Từ Bi Âm. Nếu có lý thì giúp được một phần ít cho người học Phật; bằng vô lý, thì các Ngài cứ biện chính lại, có sao đâu!

“Chúng tôi không bằng lòng đấng, có ước thì đi kiện!” Tôi xin các Ngài đừng nói như vậy đa, bởi tôi không có cái tài như ông Hội trưởng của các Ngài: Tài đi kiện!

Thiện Chiếu

(CL số 2543, ngày 22.12.1932)

Năm 1934

BÀI CHÚC TỪ CỦA CHÁNH HỘI TRƯỞNG HỘI PGBK

(khi tiếp sư tổ Vĩnh Nghiêm ở chùa Quán Sứ,
ngày 23.12.1934 tức 17 tháng Một năm Giáp Tuất)

Bach Tổ và các vị đại đức,

Thưa liệt quý,

Hôm nay tôi được cái hân hạnh tiếp Tổ và các ngài ở chùa này, là vì anh em trong Hội đã có lòng tin cậy, cử tôi làm Hội trưởng Hội Phật giáo. Tôi xin thay mặt cả hàng hội mà chúc mừng Tổ và chư tăng, không quản đường xá xa xôi, về đây để tỏ lòng hợp tác với chúng tôi mà chính đốn một việc rất khó khăn là việc CHPG ở xứ ta ngày nay.

Chúng tôi sở dĩ đứng lên xin chính phủ lập ra Hội Phật giáo này, là không có lòng cạnh tranh với ai, mà cũng không có ý gì muốn làm thiệt hại cho ai cả. Chúng tôi chỉ vì cái lòng tin đạo Phật là đạo rất mầu nhiệm, thấu tới cái cơ huyền bí, và sự biến hóa bất thường của tạo hóa và đem lại cái sáng vô thượng mà phá tan sự mờ tối, nó làm cho chúng sinh phải hôn mê, trầm luân ở chỗ bể khổ. Chúng tôi tin như vậy, và lại biết rằng đạo Phật đã truyền bá sang xứ ta từ đời Hán, Đường, rồi trải qua những quốc triều như Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê đến nay, kể có ngót hai nghìn năm. Biết bao nhiêu những vị cao tăng và những bậc hiền triết đem hết tâm trí chuyên chú làm cho sáng tỏ đạo Phật. Hiện hãy còn những điển cố và những di tích lưu

truyền ở những nơi danh lam thắng cảnh làm cái chứng rất rõ rệt vậy.

Chúng tôi biết thế, mà lại thấy đạo ấy ở xứ ta ngày này có phần mỗi ngày một suy đồi, cái lòng thị dục của dân chúng càng ngày càng bốc mạnh lên, đến nỗi phần nhiều vẫn theo đạo Phật mà không hiểu rõ cái uyên nguyên của đạo Phật là thế nào, để cho sự mê tín che lấp cái Phật tính sáng suốt ở trong lòng người ta. Thành thử sự lễ bái ở chùa chiền của phần nhiều người cũng chỉ là một sự mê hoặc mà thôi, sự tín ngưỡng đã thấp xuống trình độ ấy, thì thường người ta chỉ biết cái hình thức bề ngoài, còn cái tinh thần sâu xa bên trong, thì tiêu tán đi đâu mất cả.

Có người bảo rằng, đạo Phật làm người ta nhu nhược đi, nhưng xét cho kỹ ra, đạo Phật là đạo từ bi bác ái, những trong cái từ bi bác ái ấy có cái sức dũng mãnh tinh tiến, khiến người ta ai có đủ cái tín lực tinh thuần, thì có thể làm cho ta có cái nghị lực rất mạnh mà đi vào con đường tiến thủ cả về đạo đức và mặt vật chất. Xem như ngay trong lịch sử nước nhà, đời Lý, đời Trần, là các đời rất sùng đạo Phật, mà người mình thuở ấy không có điều gì tỏ ra là hèn yếu cả. Lại xem như Nhật Bản bây giờ không mấy người là không theo đạo Phật, thế mà khí thế của họ mạnh mẽ biết dường nào! Xem vậy thì biết đạo Phật đối với cuộc nhân sinh rất có lợi. Người đã biết rõ đạo ấy là người muốn ra sức làm việc, muốn làm điều lành, điều phải để gây nên quả phúc cho mình, và làm cho người, họ cũng muốn noi cái gương đức Quan Âm Tự Tại, ngài phát thế không chịu nhập Nát Bàn để ở cõi trần mà cứu tế muôn chúng. Chư Phật còn không nỡ riêng hưởng cái cảnh thú an lạc tĩnh mịch ở nơi Nát Bàn, còn muốn ra tay tế độ chúng sinh, huống chi chúng ta là người phàm ở trong đám mờ tối, chịu trăm đường

cực khổ, lẽ nào tai nghe thấy tiếng khóc của đồng loại, mắt trông thấy sự lầm than của chúng sinh, mà lại điềm nhiên không động lòng đau xót sao?

Bởi cái lòng đau xót ấy, cho nên chúng tôi rủ nhau lập ra Hội Phật giáo, mong rằng ta gây thành một cái cơ quan để sau này dần dần tìm cách làm cho sáng rõ cái chân lý ra, như vầng mặt trời bị mây mù che tối đi, lại hiện ra vằng vặc trên không, khiến cho muôn loài lại trông thấy ánh sáng vậy.

Đó là cái sở nguyện của chúng tôi. Nhưng cái sở nguyện ấy mà có thành tựu được, là cũng phải nhờ sức của chư Tăng đem lòng thành thực mà giúp chúng tôi. Tăng với Tục đồng tâm hiệp lực, cố sức mở rộng đạo Phật ra, làm thành một tôn giáo có trật tự, có học vấn, khiến cho sự tín ngưỡng của nhân chúng được sở cứ vào chỗ chắc chắn vững vàng. Ai nấy sẽ biết theo con đường dũng mãnh tinh tiến mà bước lên, và đem lòng từ ái mà thi hành ra ở đời, để bớt được nhiều nỗi khổ sở ở cõi trần này.

Việc quan trọng ấy, chúng tôi đã cân nhắc cẩn thận, lại nhờ chính phủ đã thể tình mà cho phép lập Hội, chúng tôi lại mong rằng Tổ và chư Tăng đây là bậc đại đức trong tăng giới, rõ cái bụng mộ đạo của chúng tôi, không lấy việc khó khăn mà từ chối, thể cái lòng Phật, chí công vô tư, mà giúp Hội chúng tôi, cho đạt tới mục đích. Được như thế thì cái công đức của Tổ và chư Tăng đối với Hội Phật giáo này không phải là nhỏ, mà đối với tôn chi đạo Phật lại là chính đáng lắm vậy. Sau này chúng tôi sẽ trình Tổ và chư Tăng những điều lệ của Hội Phật giáo đã được chính phủ duyệt y rồi, và xin thỉnh Tổ cũng chư Tăng vào Hội, rồi cử ra một Ban Đạo sư và mấy viên cố vấn vào Ban Trị sự, theo như điều lệ đã định, để Hội sẽ được tiến hành, khỏi phụ cái lòng mong mỏi của nhiều người.

Phật giáo vạn tuế!

BÀI TRẢ LỜI CỦA SƯ TỔ VINH NGHIÊM

A Di Đà Phật

Thưa cụ Chánh Hội trưởng,

Thưa liệt quý

Kể sơn tăng này từ ngày được y bát chân truyền, chốc đã mấy chục năm có lẽ, chẳng may gặp hồi mạt vận, Phật pháp ngày một suy vi, trong lòng người ta thì cái Phật tính bị mờ tối, kẻ tu hành thì có kẻ mượn tiếng Phật để mưu lợi riêng cho mình nên sơ tăng này chỉ muốn dấu tiếng ở nơi hoang dã một lòng vì đạo, ra công tu luyện để đem cái lực tàn mà cứu độ chúng sinh đang chịu cảnh đọa đầy trong khổ hải được một phần trong muôn phần, ấy là mãn nguyện lắm vậy. Nay thấy cụ Chánh Hội trưởng và liệt quý cùng chung một lòng đau xót vì thế đạo nhân tâm, mà lập ra Hội Phật giáo này, mục đích là trùng hưng Phật pháp, thật là vạn niên nhất kiến.

Hôm vừa rồi, cụ Chánh Hội trưởng và liệt quý đã quá bộ lên văn cảnh và tỏ bày việc lập Hội, tôi đã xin tâm lĩnh. Hôm nay liệt quý lại có cái mỹ ý mời bản đạo về đây, chứng kiến cuộc hội nghị các sơn môn, đã tổ chức cuộc đón rước long trọng, tôi nghĩ mình đức hèn đạo mọn, có đâu ứng với cái chí tình của liệt quý, để khiến cho bao nhiêu người vất vả vì tôi, thật tôi lấy làm cảm động vô cùng và cũng cảm ơn lắm lắm. Nhất là hôm nay, tôi lại thấy quý vị hội viên và các sơn môn cùng các nhà thiện tín đến dự hội trước thuyền môn được đông đúc như thế này, tôi lại càng lấy làm mừng cho cái tiền đồ của cuộc CHPG mà quý Hội theo đuổi từ đây. Khốn nỗi kẻ sơn tăng này, tuổi đã chín mươi dư, thân lại mang cố bệnh, thấy liệt quý là người tại gia mà còn phát tâm nghĩ đến việc mình

huy Phật lý, huống tôi là môn đồ của Phật tổ, không thể khiết nhiên tọa thị, nên nhận lời liệt quý và nể lòng thập phương chẳng quản lực bất tòng tâm mà về đây, một lòng tùy hỷ công đức để cùng các ngài là người ngoại hộ mà hưng phú Phật giáo cho được thịnh vượng, như đời Lý, đời Trần thì thật là việc hy hữu vậy. Và dịp này âu cũng là cơ duyên chỉ đây, nếu bỏ dở chắc chẳng khi nào lại còn thấy trùng lai nữa. Vì vậy kẻ sơn tăng này xin phép cụ Chánh Hội trưởng cùng liệt quý, để ngỏ vài lời cùng các chư Tăng, chẳng quản đường xá xa xôi về họp mặt đông đủ để cùng quý Hội chung lo việc Phật giáo.

Chư tăng! Chư tăng cùng bản đạo là đệ tử Phật, cái trách nhiệm nội bộ để truyền Phật tâm ấn phụng tuyên tam tạng thánh giáo, để lấy làm Phật pháp cương kỷ, nhiều vị bấy lâu vẫn tùy tâm tùy lực riêng mà ra công chống chọi với cái đời ba của đạo Phật trong lúc vận tàn này! Trên có Đại Nam Hoàng đế và chính phủ thể tình cho phép lập thành Hội Phật giáo, trong chư tăng như có vị nào trước đã trót làm sai *tôn chỉ* của đạo Phật, thì kíp nên sửa đổi thân tâm, còn ra thì nên lấy cái nghĩa *lục hòa* của Phật, bỏ hết mọi sự hiềm khích, của tông nọ, phái kia, một lòng sùng bái đức Phật tổ chí tôn, ra công bảo trợ Hội Phật giáo làm được hoàn toàn mọi việc, để Phật lý ngày một xương minh, cho quần sinh được vui vẻ nương nhờ dưới bóng Bồ đề mà thoát khỏi vòng trầm luân khổ ải, ấy là cái bóng sở nguyện của sơn tăng đạo mỏng đức bạc này.

A Di Đà Phật

Kỷ yếu, Hội PGBK số 1

Năm 1935

SỰ HÀNH ĐỘNG CỦA CÁC HỘI PHẬT GIÁO Ở BA KỲ VÀ CÁI HIỆU QUẢ TƯƠNG LAI CỦA CÁC HỘI ẤY

Hiện nay Trung, Nam, Bắc mỗi kỳ đều có một hội Phật giáo hoặc Phật học, tên tuy khác nhau, đều có chung một mục đích là để tuyên truyền đạo Phật. Đã họp đông người lại thành một cái Hội, là cốt lấy sức mạnh để hành động. Nhưng, hình như tệ thường trên cõi đất này, hễ là Hội thì lại lấy sự không hành động làm hay, cho nên các Hội Phật giáo cũng chẳng có hành động gì lắm hơn những Hội thường.

Thành lập trước nhất là Hội Phật giáo ở Nam Kỳ, Hội viên của nó phần nhiều là các viên chức tông sự ở các sở nước. Có thế lực, đáng lẽ làm được nhiều việc lắm, nhưng đó đến giờ, ngoài sự tu bổ chùa Linh Sơn ở Sài Gòn, làm cơ quan của Hội và phát hành tạp chí Từ Bi Âm, chẳng thể được một trò trống gì cho nổi đình nổi đám. Người ta đoán rằng Hội PGNK sẽ cùng sống lâu với Hội Đức trí thể đức và Đảng Lập hiến của xứ ấy, mà cũng sẽ cứ im lặng một mực như nhau!

Thành lập sau hết là Hội PGBK, Hội quán đặt tại chùa Quán Sứ Hà Nội. Hội này mới vừa được phép, mở ra một rước xách, giảng diễn om sòm, nhưng người ta cầm chắc rồi nó cũng sẽ ngủ quên, vì nó phải lậy cái ngủ của Hội Khai trí Tiến đức ở bên cạnh nó!

Sách ebook này dùng để phục vụ đối tượng sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh... và những độc giả chưa có điều kiện mua sách.

Vui lòng không sử dụng file vào mục đích thương mại.

Nếu có khả năng, mời quý độc giả đặt sách giấy để ủng hộ công tác của thư viện.

Chân thành cảm ơn!

THƯ VIỆN HUỆ QUANG

116 Hòa Bình, Hòa Thạnh, Tân Phú, TP. HCM

Website: thuvienhuequang.vn

Hai đầu đã như thế rồi, ở giữa, Hội Phật học của đất Huế chúng tôi cũng phải tẻ ngắt trong năm sáu năm nay. Tạp chí Viên Âm ra đời, kể cho hội ấy được một sự hành động; rồi đến ngày nay, lễ Vía Phật; một sự hành động nữa. Nhưng từ đây về sau, ai dám chắc rằng nó sẽ còn có nhiều sự hành động khác, nó sẽ hoạt bát hơn Hội Quảng trí, lân cận nó!

Phải chi là Hội lập ra cho có, miễn có cái tên để khoa thi với người ngoài thì chẳng nói làm chi. Cái này, đã làm chung lưng đấu cật lại để duy trì phát triển một cái tông giáo mà công việc làm lơ lửng như thế, cho ai cũng phải lấy làm lạ.

Chúng tôi không chuyên tôn một tông giáo nào hết. Chúng tôi không lễ bái đức Phật cũng như không lễ bái đức giáo chủ khác. Tuy vậy, ở trong nước, ai khuynh hướng về tông giáo nào chúng tôi cũng muốn người ta theo làm cho đến nơi đến chốn. Hội Phật giáo lập ra mà lâu lắm mới thấy được một việc hành động cởn con, thật chúng tôi lấy làm đáng tiếc vô cùng.

Sao tín đồ Phật ở xứ ta không làm như bạn đồng đạo của họ ở bên Tàu? Thôi đừng nói tín đồ Phật ở Nhật Bản làm gì, chỉ lấy Tàu làm gương cũng đủ cho người mình xem mà xấu hổ. Bên Tàu ngày nay các Phật giáo hội lập lên cũng hầu khắp các nơi. Họ có những đoàn thầy tu đi bố đạo. Mỗi mùa hè, họ rủ nhau vào trong rừng rậm mà tu hành và giảng đạo, gọi là “Tùng lâm giảng diễn”. Mỗi một lần Dương Cảnh Vô thuyết pháp ở Kim Lăng, có hàng vạn người đến nghe cho tới bọn danh nhân học giả như Chương Bính Lâm, Hồ Thích cũng chen mình trong đám thính giả. Còn Thái Hư Pháp sư thì đi khắp trong nước để liên lạc các giáo hội làm một, lại du lịch các nước Âu Mỹ để tuyên dương cái Phật học của Trung Hoa.

Các Hội Phật giáo xứ ta không làm lớn lối như họ được thì cất nhắc sơ sơ ở nội trong nước, tưởng cũng đủ sức hay có thừa, chứ sao lại ngời mà “nhập định” luôn đi như thế?

Những việc làm ra như lễ Vía Phật hôm nay chẳng qua là việc cổ động, việc quảng cáo, chứ chẳng có ích gì lắm cho cái mục đích tuyên truyền đạo Phật. Việc có ích nhất là *lập trường học dạy đạo và phái người đi giảng đạo*, các Hội ta tưởng chẳng có lẽ nào tránh trút đi hay nạnh bẹ cho ai mà chẳng làm.

Hai việc đó mà chẳng làm, theo chúng tôi, chẳng lấy gì xứng đáng gọi là Hội Phật giáo hay Phật học hết.

Nếu quả các Hội Phật giáo hay Phật học xứ ta thực hành mọi việc được xứng với cái tên của nó, rồi mai sau này sẽ có hiệu quả thế nào, cái xã hội Việt Nam sẽ ra sao; đó cũng là một câu hỏi mà hiện nay có nhiều người đương để ý. Phật giáo thịnh, xã hội Việt Nam sau này sẽ trở nên một xã hội lời biếng, hay nhịn nhục, yên lặng mà không động đậy một tý gì có người lo cho như vậy.

Bởi vậy quan Toàn quyền P. Pasquier ngài đã mất rồi mà, ở xứ này, ngài còn đeo một cái tiếng là nhà chính trị thân hiệu. Vì một tay ngài đã ký tên cho phép đến mấy cái Hội Phật giáo thành lập ở Đông Dương cho đến bên Lào, bên Cao Miên. Riêng về ba kỳ đây, người bảo rằng ngài thấy người Việt Nam hoạt động lắm như từ năm 1926 đến 1932 nên mới làm mê họ bằng Phật giáo để đưa họ vào cái cảnh hư vô tịch diệt. Chúng tôi không phải quan cố Toàn quyền P. Pasquier, chúng tôi đâu biết được dụng ý của ngài; nhưng, dù có ý ấy nữa, chúng tôi tưởng khi Phật giáo thịnh hành cũng chẳng hề có cái hiệu quả như thế, vì chúng tôi có lịch sử để làm chúng.

Nước Ấn Độ nghèo yếu từ hồi nào đến giờ, có người cho là tại nó là đất sản sinh ra Phật giáo. Nhưng, đó là cái Phật giáo của Ấn Độ chẳng, chứ khí đã sang Việt Nam hay Trung Hoa rồi, Phật giáo không có thế đâu.

Phật giáo sang Tàu từ đời Đông Hán mà suốt trong đời ấy quốc gia của nhà Hán rất là cường thịnh, đến nổi Hung Nô ngày trước cứ xâm lăng mãi mà bây giờ phải vào châu. Rồi đến đời Đường Thái Tôn, đời mà đạo Phật thịnh nhất ở Trung Quốc, thì thế nước lại lừng lẫy và vững vàng, tứ di đều thân phục.

Xưa nay bên Tàu, quốc thế có hai lần hèn yếu nhất, bị lũ mọi rợ ở phương Bắc vào đè đầu: lần trước vào thời kỳ Tấn Lục Triều, thì cái kết quả của sự sùng thượng Lão Trang; lần sau vào thời kỳ Tống - Minh, thì là cái kết quả của cuộc vận động Lý học; còn Phật giáo, theo lịch sử chẳng có khi nào gây ra sự hèn yếu cả.

Ở nước ta cũng vậy. Vào thuở nhà Lý nhà Trần, đạo Phật tràn ngập cả nước, chùa chiền khắp nơi, thầy tu làm dân tráng, nhưng nước nhà chưa hề có cái vẻ tích nhược như hồi Lê Trung Hưng hay Nguyễn thống nhất là cái thời đại mà Nho học thịnh hành. Trái lại, nhà Lý, nhà Trần mạnh lắm, dân khí còn hăng lắm, mấy phen giặc Tàu sang, chúng ta đuổi đi như đuổi vịt. Lịch sử là cái chứng mạnh lắm, không ai cãi được, nó đã làm chứng cho Phật giáo không phải là một thứ như thuốc phiện, làm mòn yếu con người. Vậy nên đối với sự tuyên truyền Phật giáo, chúng tôi tuy không hiệp sức với người ta được, chứ bao giờ chúng tôi cũng sẵn lòng mà biểu đồng tình. Chúng tôi chỉ bực mình cái Hội Phật giáo xứ ta cũng như các Hội khác cứ im ỉm mà chẳng chịu làm việc gì hết.

Sau ngày lễ Vía Phật này, Hội Phật học ở Huế lập trường học đi, giảng kinh đi, thử xem!

Phan Khôi

(TA số 21, ngày 10.5.1935)

SƯ THIỆN CHIẾU SAU KHI HOÀN TỤC

Sư Thiện Chiếu vốn là một Tăng đồ vào hạng chân tu trong nước ta ngày nay. Nói như thế có ý bảo rằng thầy tu mà được như sư Thiện Chiếu là ít có lắm.

Thiện Chiếu năm nay chưa đầy 40 tuổi và xuất gia từ lúc 17 tuổi, nhưng đã hoàn tục hai năm nay rồi. Kể cả thời gian sư Thiện Chiếu theo đạo Phật, khổ hạnh và cầu đạo, đâu chừng hai mươi năm.

Sư người Nam Kỳ, học chữ Nho thông lắm, đọc nhiều kinh Phật và lãnh hội được những nghĩa lý trong kinh, không như các thầy tu khác chỉ biết tụng mà thôi. Hồi đương còn làm thầy tu, sư ốm yếu gầy còm lắm; tuy vậy mà có tinh thần rất mạnh, Thiện Chiếu đã từng đi từ Nam Kỳ ra đến Trung, Bắc đạo khắp các chùa, tìm cho được những người đồng chí với mình để toan việc CHPG, mà hình như không tìm được ai thì phải, ấy là việc trong những năm 1924-1925. Bây giờ sư đương còn trẻ lắm.

Thiện Chiếu có nói chuyện với người ta rằng mình có gặp ông Ba La (tức ông Viên Thành) ở Huế trước khi ông ấy tịch đi chừng ba năm. Theo ý Thiện Chiếu thì ông Ba La tuy thật lòng tu hành và có tài thật, nhưng chưa phải là người có thể gánh vác việc đạo được, vì ông ấy là con người có hơi văn nhược quá.

Phẩm bình các thầy tu ở Bắc Kỳ, sư Thiện Chiếu cho rằng chính xứ này có nhiều sư “hổ mang” hơn hết. Nhưng trong đó chẳng phải dứt không có người khá. Có điều những người khá ấy lại thiên về đường tư tưởng cách mạng, hình như họ chỉ lăm le muốn làm giặc.

Đi khắp nước một bận rồi Thiện Chiếu trở về Nam Kỳ vào khoảng năm 1927- 1928 gì đó. Khi ấy ông ta mới bắt đầu xướng cái thuyết chấn hưng Phật giáo.

Theo thuyết của ông ta, đạo Phật ở xứ ta hư đi là từ bọn thầy tu giả dối và hủ bại. Kêu bằng những người chân tu là chỉ biết tụng kinh, ăn chay và cữ sát sinh. Thiện Chiếu nói, đó không phải là Phật giáo. Muốn tìm thấy Phật giáo phải tìm ở trong kinh trong sách. Vậy bây giờ phải giảng kinh, phải thuyết pháp, cho cái chân lý của nhà Phật được rõ ra, ấy là cái bước đầu CHPG.

Ôm cái thuyết ấy theo mình, chùa nào cũng vào, gặp thầy tu nào cũng nói, song không có ai nghe Thiện Chiếu cả. Một điều các nhà sư phản đối ông ta hơn hết, là sự bỏ cúng, bỏ những nhang đèn, sớ điệp, những điều ông ta cho là giả dối. Thiện Chiếu có óc cải cách nên đến đâu bọn thủ cựu cũng không ưa. Rút cục, dù ông ta có chí mà chẳng hề làm gì có ích cho đạo Phật được. Hai năm trước, thành linh thấy Thiện Chiếu tuyên bố hoàn tục, bấy giờ các báo Sài Gòn đều có đăng tin và cho người đến phỏng vấn. Theo ông ta nói, bởi tìm nát sách Phật không thấy cái gì có thể cứu đời được nên ông ta không tu nữa.

Hai năm nay Thiện Chiếu ăn ở như người thường. Có khi thấy ông ta mặc quần áo Tây, cưỡi xe đạp. Thuê nhà ở vào một xóm giữa khoảng đường Sài Gòn và Chợ lớn, Thiện Chiếu làm nghề đẽo guốc bán.

Lâu nay ai cũng biết Thiện Chiếu sau khi hoàn tục rồi thì khuynh hướng về cái thuyết cộng sản lắm. Ông ta nghiên cứu thuyết đó bằng các sách chữ Hán.

Có người nói Thiện Chiếu tuy hoàn tục rồi nhưng có tuyên bố rằng sẽ giữ chủ nghĩa độc thân không lấy vợ.

VT

(Phụ trương báo TA số 21, ngày 10.5.1935)

CẢM TƯỞNG VỀ LỄ SINH NHẬT ĐỨC THÍCH CA

Theo phong tục các nhà chùa khi nào có lễ lạ gì thì đã thấy chè, xôi, cháo, tưng đầy bàn ghế, hướng chi ngày khánh đản đức Thích Ca là giáo chủ đạo Phật, mặc sức cho các ông sư bà vãi mòi gươm trí tuệ gọt bầu gọt bí, chớ đời nào họ chịu đem gươm trí tuệ diệt trừ những tục lệ xấu xa.

Tôi nghe Hội Phật học sắp đặt làm lễ Khánh đản đức Thích Ca thì cũng tưởng công việc hoạt động không ngoài các lối lễ nghi chè xôi cũ rích. Thế mà Hội Phật học trong một lần đầu đã biết cải cách sắp đặt lễ nghi long trọng, có vẻ trang nghiêm mà không xa xỉ, thiệt cũng đáng khen, duy có một điều tiếp rước quan khách chưa được mỹ mãn.

Hội Phật học đứng lên CHPG, nhưng không biết tín đồ đạo Phật đã tỉnh ngộ, bớt mê lầm trong sự lễ bái chưa? Giáo lý nhà Phật thì tôi chưa được hiểu, không biết sao mà nói, tôi chỉ nói về chỗ hành vi cúng kiến mà thôi. Theo câu khẩu đầu của môn đồ đạo Phật là “Phật tức tâm, tâm tức Phật”, vậy ai đã tin đạo Phật cần phải xét tâm trí mình, việc gì lợi kỷ lợi tha thì làm, việc gì ích kỷ hại nhân thì đừng làm, chớ không nên căn cứ vào sự cúng kiến và y lại thần quyền để chuộc tội cầu phúc.

Tôi nói thế, chắc các tín đồ đạo Phật trách tôi vô lễ, nhưng xin khoan vội trách đã. Về việc cúng kiến, thiết bàn Phật, đốt hương, xông trầm, gõ mõ, tụng kinh tôi đã được một ông sư người Trung Hoa giải thích rõ ràng, nghe cũng có lý. Ông nói với tôi: “Ai đã có lòng tin đạo Phật và ra công tu tập thì cũng phải tụng kinh lễ Phật. Lễ Phật tụng kinh tức là tụ tập để cho tâm được thanh tịnh; con mắt thì mắc dòm (nhìn) chữ, miệng thì mắc tụng kinh niệm Phật, mình thì phải ngồi yên lặng, tai thì mắc nghe tiếng tụng kinh, nghe chuông, nghe mõ, ý thì quán tưởng hoặc suy xét lý nghĩa trong kinh, duy có lỗ mũi không có công việc nên bày ra đốt hương xông trầm để cho lỗ mũi không ngửi mùi gì khác. Tín đồ nhờ phương pháp đó, tu tập cả sáu căn (nhãn, nhĩ, tĩ, thiệt, thân, ý) để cho cái tâm khỏi xao động”. Ông sư Trung Hoa nói vậy, nhưng không biết môn đồ đạo Phật ở xứ ta có đồng ý với ông sư Trung Hoa kia không, sao tôi lại thường thấy ...?

Lại một điều, tín đồ đạo Phật từ xưa đến nay căn cứ vào câu kệ “Kính Phật trọng Tăng”, mà không biết họ có hiểu chữ Tăng là gì không? Các thầy đã giữ đủ giới luật nhà Phật mới đáng gọi là Tăng. Chúng ta không nên thấy ông nào mặc cái áo mực, tay cầm chuỗi hạt, hoặc là đắp một bộ y hậu trang nghiêm, đội mũ tỳ lư bệ vệ, đã vội tôn kính, một tiếng gọi là “thầy”, hai tiếng gọi là “ngài”. Chúng ta nên để mắt quan sát cho cẩn thận đừng để mấy chú “Thợ tu”, khi nhỏ hoặc cha mẹ chết sớm, hoặc nghèo khó, hoặc thất vận, đem thân gửi vào chùa đến khi lớn lên học đôi câu khẩu đầu thuyền, như là “Nam mô A di đà Phật” rồi cũng tự nhận là ông Tăng, lợi dụng lòng tin ngưỡng của chúng ta để nuôi cái nhục thân của họ; lại có chú ngọt ngon quỳên tới tiền bạc của chúng ta đem về cưới vợ, sinh con, tạo vườn, cất nhà nữa.

Tiền đây xin có vài lời thành thực ngỏ cùng các ông đã phát tâm tu trì Phật pháp: “Cái chí nguyện độ kỳ độ tha của Tăng bảo đạo Phật thật đáng kính trọng, các ông nên cứ học tập kinh điển, tu tâm trì giới, chứ đừng lo việc gì khác, miễn là các ông thật học thật tu, thì các nhà tín đồ cũng không lẽ bỏ các ông đói rách. Cái thân đã không đói rách thì đủ rồi, chớ không nên mơ cầu ước chạ. Các ông cũng không nên cũng không nên chỉ lo phô trương bề ngoài, mặc áo mực, lằn chuỗi hột, còn Phật pháp thì ...! giới luật thì ...!

Ông nào liệu bề không giữ nổi giới luật thì cứ thật tình bỏ chùa ra buôn bán làm ăn như sư Chánh Huy và sư Thiện Chiếu”. Tôi cũng không phải mê đạo Phật mà cũng không phải phỉ báng đạo Phật. Tôi vẫn nghe khắp cả phương Đông phương Tây, ai cũng cho đạo Phật có triết lý huyền diệu cao thâm, nên tôi muốn khảo cứu, mà tôi cũng đương khảo cứu. Rồi đây, thế tất tôi phải tìm đến các thầy Tăng già, hay là các ông hội viên Phật học, chất vấn đạo lý của nhà Phật ra sao; vậy tôi xin phép trước các ông, khi nào tôi có dịp chất vấn câu gì, thì vui lòng giảng giải cho xác thiết. Xin cảm ơn trước.

Hoành Nam

(TA số 24, ngày 21.5.1935)

THANH NIÊN NĂM 1935

....Từ cái thế giới già cõi để bước qua cái thế giới trẻ trung, thanh niên nước ta đã làm một việc đáng mừng. Là vì chỉ những dân tộc biết vui đời thì mới có một cái tương lai tốt đẹp.

Nhưng biết vui đời, thanh niên ngày nay của ta có đáng hoàn toàn tin cậy không? Người ta thường bảo rằng đừng bi quan quá, song tôi tưởng bi quan lắm lúc cũng là một sự cần.

Một điều rất hiển nhiên là thanh niên nước ta thiếu giáo dục. Hình như họ vào đời một cách ngẫu nhiên; may thì khá, không may thì hỏng. Cũng là một thanh niên, tôi biết rõ ràng một số đông bạn trẻ còn có tính nhu nhược và ỷ lại; một số rất đông còn là tôi mọi của nghề cạo giấy, cái nghề nó giết chết hơn là nuôi sống. Cái cao vọng của phần đông không qua khỏi cái gia tài của cha mẹ, sau khi chết sẽ để lại, hay chỉ chung quanh cái bàn đầy những sổ sách của các công sở. Một sự đáng hổ thẹn cho thanh niên.

Những cái bản tính ấy chưa vứt hết được thì bước qua năm nay, một cái “họa” đáng sợ tràn tới. Tôi muốn chỉ phong trào CHPG hiện nay đương bùng bột khắp ba kỳ. Trong một bài trước đây đăng ở *Tràng An*, tôi đã nói rằng tôn giáo rất trái ngược với tính tình của thanh niên. Hễ thanh niên mà đã bị tôn giáo khuyến dụ được, thì thanh niên ấy không đáng là thanh niên nữa, họ đã từ chí khảng khái, chí quả quyết mà chìm vào cõi nhu nhược.

Tôi lấy làm lạ sao mấy ông có tiếng là yêu nước, có tiếng là hay lo đời, lại đứng ra mà làm cái việc tuyên truyền Phật giáo trong nước ta ngày nay! Có lẽ mấy ông không nghĩ đến cái lẽ đó sao?

Thạch Ngoan

(TA số 40, ngày 16.7.1935)

PHONG TRÀO PHẬT GIÁO PHỤC HUNG

Phong trào này có ba nguyên nhân lớn; lòng tự ty của chủng tộc, lòng khát vọng một cái lý tưởng để theo và hạn kinh khủng hoảng.

Tôi rất thận trọng trong khi cầm bút viết bài này, vì chuyện có liên can đến lòng tin ngưỡng của hàng mấy mươi vạn con người. Trong đó tuy có một số ít những kẻ tin vờ, những phường lợi dụng, nhưng ai cũng phải nhận rằng phần đông vẫn sôi nổi một lòng tin thành thực cùng những hy vọng thiết tha. Mà lòng tin ngưỡng của người ta miễn là thành thực bao giờ cũng đáng kính trọng. Mấy năm gần đây phong trào CHPG nổi lên một cách mau chóng lạ thường. Chẳng mấy chốc ba Hội Phật học ra đời cùng với bốn tờ tạp chí tuyên truyền Phật pháp.

Phái trí thức nước Nam, xưa nay vốn lãnh đạm với tôn giáo, bỗng dưng một số đông đua nhau nghiên cứu giáo lý đạo Phật, đua nhau cắt tóc, ăn chay, niệm Phật; thực là một hiện tượng xã hội rất đáng để ý. Xét cho đúng, trong lòng hâm mộ đạo Phật của trí thức Việt Nam không phải không pha lẫn một tí lòng tự ái tự nhiên của chủng tộc. Người mình, hay nói rộng ra, tất cả các dân tộc yếu hèn châu Á, trong bao nhiêu thế kỷ nhắm mắt bàn việc thiên hạ, tự thánh tự thần, không còn xem ai vào đâu. Bất giác tiếp xúc với người Âu thấy muôn sự gì người ta cũng hơn mình, từ cái thân thể khỏe mạnh, đều đặn của người ta cho đến tàu bay, tàu lặn cùng những học thuyết uyên thâm, những công nghiệp vĩ đại.

Trên lý thuyết, trí khôn mình không kịp người ta; nhúng tay vào việc làm, mình khờ khạo không bằng người ta; thậm chí có lấy sức vũ phu đấu với nhau, mình cũng yếu không địch

nổi người ta. Nhìn trước nhìn sau người mình không còn thấy một ưu điểm nào hết, không còn biết vin vào đâu để tự an ủi lấy một vài phần.

Thì may sao có đạo Phật, người mình xem sách Tây thấy Tây họ cũng nghiên cứu đạo Phật cùng với nhiều tôn giáo, nhiều học thuyết khác. Mình có thì giờ đâu mà so sánh, mà chọn lựa các tôn giáo, các học thuyết. Triết lý đạo Phật sách Tây có nói đến, hơn nữa một vài nhà trí thức phương Tây muốn lập dị lại còn khen triết lý đạo Phật là uyên thâm nữa. Thế đủ rồi. Đủ cho làng trí thức Việt Nam vin lấy đạo Phật như người chết đuối vin lấy tấm gỗ trôi trên mặt nước mà tự nói cùng mình và cùng mọi người: “Ta không đến nỗi hoàn toàn thua kém. Ta cũng có cái hay của ta”. Đạo Phật không phải của ta. Nhưng hơn ngàn năm đạo Phật nhập tịch đất nước này thế cũng đủ cho người mình chiếm làm của sở hữu, có thể đưa khoe với người ta tự an ủi mình để giữ lấy trong muôn một cái lòng tự ái tự trọng nó đương trôi theo giòng nước.

Cho nên nếu bảo rằng phong trào phục hưng Phật giáo có bà con xa gần với tinh thần chủng tộc tự giác và tư tưởng quốc gia mới phôi thai lên, tưởng không xa sự thực mấy.

Gia dĩ người ta phàm có biết suy nghĩ ít nhiều không thể sống một cuộc đời bông lông kéo dài theo ngày tháng, không mục đích để theo đuổi, không chủ nghĩa để phụng thờ. Sống như thế chẳng bao lâu người ta sẽ thấy chán đời, chán mình, khinh mình. Phần thiêng liêng trong tâm linh người ta buộc người ta phải vượt mình ra ngoài những sự nhỏ nhen, tầm thường hằng ngày. Cuộc đời cần phải có ý nghĩa, cần phải hiến cho một lý tưởng cao rộng hơn cái phạm vi chật hẹp của một đời, một người. Mà trí thức Việt Nam hiện nay số đông không biết theo lý tưởng gì, không có lý tưởng gì mà theo. Chủ

nghĩa gia tộc hẹp hòi quá không đủ cho người ta nữa. Chủ nghĩa quốc gia, chủ nghĩa xã hội thì có hai điều không tiện theo: *Côn Lôn đó, Lao Bảo đó*, những cái tên ghê sợ ấy, những hình ảnh khủng khiếp ấy... các bạn hiểu.

Đi lại chỉ có tụng kinh niệm Phật là tiện hơn cả. Đã tránh được những sự lôi thôi với nhà cầm quyền, những sự lôi thôi ấy chẳng vui gì; mà vẫn có thể tự hào là có một cái lý tưởng đã từng được cổ kim Đông Tây công nhận. Người có ít nhiều Tây học, không thềm nói tự do, bình đẳng, dân chủ mà đi theo đạo Phật lại được tiếng là không nhắm mắt theo liều văn hóa Âu Tây. Trong những lúc nhàn rỗi, không biết làm gì, quyển kinh câu kệ giúp họ qua ngày tháng một cách thanh thoi. Kể ra cũng là một cách tiêu khiển vô tội, so với tài bàn, tổ tôm, thuốc phiện hay rượu thì hơn. Hơn ở chỗ tín đồ nhà Phật thấy đầy đủ trong tinh thần, thấy mình cũng có nhiệm vụ, có hành động, thấy mình không đến nỗi vô dụng với đời.

Trở lên là nói hạng trí thức. Nhưng nếu chỉ có hạng trí thức thì sự hâm mộ đạo Phật không thành được phong trào. Đạo Phật cũng như hết thấy các tôn giáo đều tìm số đông tín đồ trong quần chúng. Mà quần chúng thì ở đâu cũng vậy và bao giờ cũng vậy đi theo đạo chỉ vì một lẽ: theo đạo để mua lấy một cái hạnh phúc dưới đời này không tìm thấy. Lẽ này là quan trọng hơn cả. Bản tính người ta vốn chẳng tin gì những sự mơ hồ không đâu, người ta tin ở những sự thực mắt thấy tai nghe hơn. Nhưng mỗi khi sự thực không đủ cho người ta thỏa mãn, người ta liền mượn những sự mộng tưởng huyền ảo thay vào. Giá thử người ta không bao giờ đói rét, không bao giờ đau ốm, không bao giờ gặp những cảnh thương tâm thì có lẽ không ai theo đạo. Trái lại, càng khổ cực nhiều, càng hay mục kích những tai biến bất kỳ nó vượt ra ngoài sức thao

túng của loài người, người ta lại càng dễ tin ở mọi sức mạnh vô hình.

Xưa nay, dân chài lưới ở các vùng duyên hải thường giàu lòng tin hơn chỗ khác cũng vì dân chài lưới sống một cuộc đời bấp bênh hơn; ngày ngày gửi mình nơi sóng gió, sống chết không thường. Trên lịch sử những thời đại quần chúng sống trong vòng lo sợ chính là những thời đại tôn giáo thịnh hành. Bên Tây thì hồi Trung cổ là hồi quần chúng luôn luôn bị dày đạp dưới chân ngựa bọn quý tộc phong kiến; bên ta thì đời nhà Trần là đời dù có được một hai sự vẻ vang về quân sự nhưng ba lần chống quân với quân Mông Cổ, bốn lần chống quân Chiêm Thành, sự lầm than của nhân dân không sao kể xiết.

Chẳng phải đi tìm chứng cứ xa xôi ngay như gần đây cũng chỉ từ trong nước có những sự khó khăn về kinh tế về chính trị kế tiếp nhau không thôi, sự hâm mộ đạo Phật mới thành phong trào tràn khắp trong nước. Những việc đổ máu ngoài Bắc chưa xong tiếp đến các cuộc biểu tình ở Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi và Nam Kỳ, bao nhiêu người chết, bao nhiêu người bị tội tù. Cha khóc con, vợ khóc chồng nước mắt chưa ráo thì lại phải lo sự sống vật chất ngày một éo le. Nào gió bão, nào nước lụt, rồi buôn bán thua lỗ, trăm công nghìn nghề đều đình trệ. Những nhà giàu có hàng ngàn mẫu ruộng, trong tay tư bản trên mấy chục muôn nhất đán đều lung lay. Những gia tài cơ sở vững chãi tưởng chừng không có sức gì di dịch được nhất đán đều bị lôi cuốn trong làn sóng khủng hoảng. Cái hạnh phúc chắc chắn nhất trên đời này, cái hạnh phúc do tiền tài trao cho người ta, người ta không thể tin được nữa? Kinh dính việc này việc khác mà làm gì? cần lao mà làm gì? Bao nhiêu người cần lao, bao nhiêu người chân lấm tay

bùn làm ăn cần mẫn khôn ngoan vẫn không kiếm đủ ngày hai bữa cơm, mua vài manh áo, vẫn không bảo đảm được ngày mai! Ngày mai! Ai còn biết ngày mai sẽ đưa tới những tai nạn gì?

Người ta không ai dám tin ở ngày mai, người ta không dám tin ở trí khôn, ở sức khỏe của người ta cùng những sự làm ăn bình thường từ trước đến giờ nó vẫn đưa đến cho người ta một cái hạnh phúc tầm thường mà chắc chắn. Người ta chỉ tin ở sự may rủi. Người ta đi tìm hạnh phúc trong sự may rủi. Niết bàn và mọi sự sung sướng ở kiếp sau đều là sự may rủi, may thì có, rủi thì không. Người ta thấp hương, người ta tụng kinh cũng như người ta mua vé xổ số, may trúng số mười vạn, không may không trúng cũng chẳng sao. Thực ra, thấp hương với tụng kinh mà mong vào Niết Bàn nào có chắc gì hơn mua một vé số số mong trúng số mười vạn! Nhưng kiếp này rồi còn kiếp sau, xổ số này còn xổ số sau.

Phật giáo được hâm mộ và cuộc xô Đông Dương được hoan nghênh cùng do một nguyên nhân và trong đạo Trời cũng như trong cuộc xô Đông Dương, luật luân hồi là một luật vô cùng tận.

Hoài Thanh

(TA số 43, ngày 26.7.1935)

PHONG TRÀO PHỤC HƯNG PHẬT GIÁO

II

Đối với phong trào này, thái độ của thanh niên ta nên như thế nào?

Bạn đọc xem bài trước nói về nguyên nhân của phong trào phục hưng Phật giáo cũng có thể đoán qua thái độ của chúng tôi đối với phong trào này thế nào, tuy rằng trong lúc xét cội gốc một phong trào, chúng tôi hết sức giữ trung lập, chỉ cốt tìm chân lý và không hề phụ thêm lời bài xích hay phê bình. Chúng tôi không phải tín đồ đạo Phật, nhưng đối với lòng tín ngưỡng của bao nhiêu người, chúng tôi rất kính cẩn và không muốn xâm phạm đến một cách trái lẽ.

Trong các bạn, chắc có nhiều người biết chuyện *Hồn bóm mơ tiên* của Khái Hưng. Trong chuyện *Hồn bóm mơ tiên*, Khái Hưng đã khéo lấy bóng hoàng hôn trên đồi sắp cùng mùi hương tiếng mõ nhuốm cảnh chùa đầy một vẻ nên thơ. Ai xem *Hồn bóm mơ tiên* mà không lưu luyến không say sưa vì cảnh chùa? Nhưng càng mẩn cảnh chùa, người ta càng giận đạo lý nhà chùa đã lạnh lùng ngăn đón hạnh phúc của đôi lứa thiếu niên, Lan và Ngọc nhân danh một cái đạo lý khô khan và trái với sự sống, một đôi trai gái trẻ trung, ngây thơ, yêu nhau đến cực điểm phải dần lòng đoạn tuyệt với bao nhiêu cái vui nồng nàn của ái tình và của cuộc đời hoạt động.

Hồn bóm mơ tiên chỉ nêu ra một sự trái lẽ. Trong đạo Phật còn bao nhiêu sự trái lẽ nữa, trái với lẽ sống.

Một điều cần phải nói rõ; chúng tôi không bình phẩm giáo lý đạo Phật, chúng tôi chỉ nói cái đạo Phật giữa đời, đạo Phật của các nhà tu và của các cư sĩ đã thực hành xưa nay mà thôi. Chúng tôi không đứng về phương diện siêu hình học, chúng tôi chỉ đứng về phương diện xã hội. Cái thuyết siêu hình của đạo Phật hoặc là một thuyết đúng với chân lý cũng nên. Nhưng đúng hay không đúng, chúng tôi không cần biết. Chúng tôi chỉ biết cái đạo Phật có người tin, có người theo. Một đạo lý dẫu hay mà chưa hề có ai tin theo

thì đối với xã hội cũng như không có. Không có, không cần nói đến.

Chắc có người sẽ bẻ chúng tôi: “ấy, chính vì người đời mê muội không hiểu rõ giáo lý, nên nay cần phải chấn hưng nền đạo, cần phải chấn chỉnh nền đạo, cần phải tìm cho ra chân tướng của đạo để thức tỉnh mọi người”. Cái công việc này, cái ước vọng này mới đẹp đẽ làm sao! Nhưng than ôi, chỉ là ước vọng hão! Phật tổ, cũng như thói thường các vị sáng lập ra tôn giáo, nói rất nhiều mà rất mơ hồ. Câu này giải nghĩa ra thế này, đến câu khác lại có thể giải nghĩa ra một cách khác hẳn, không còn biết đường nào mà theo. Bây giờ muốn nghiên cứu bao nhiêu pho kinh để tìm lấy một tia sáng chân lý thực là chuyện mò kim dưới đáy bể. Huống gì chưa chắc đáy biển đã có kim. Giá đạo Phật đúng với chân lý, đạo Phật có thể cứu đời được, chắc không phải chờ đến ngày nay. Một tôn giáo xuất hiện ra đã hơn hai ngàn năm trăm năm, mà đến nay loài người chưa hiểu giáo lý ra thế nào! Một tôn giáo tự nhận cái trọng trách cứu đời mà sau hai ngàn năm trăm năm người đời còn phải kỳ cục tìm xem người xưa nói những gì! Nếu loài người có chịu khó chờ đạo Phật cứu, thì e cũng không có thì giờ mà chờ. Quả địa cầu sẽ tan mất rồi, mặt trời sẽ lạnh mất rồi, trước khi tin đồ nhà Phật phát huy ra giáo lý.

Sự thực, cuộc đời như một con sông, vẫn lặng lẽ đi theo con đường của nó từ xưa đến nay, không có lý thuyết nào ngăn đón được, không có sức gì lay chuyển được. Những luật chi phối cuộc đời là những luật bất di bất dịch, không có vì một lẽ gì mà thay đổi. Lý thuyết nào trái với các luật ấy nhất thiết sẽ bị xô đổ cùng với bao nhiêu người tựa vào nó.

Chúng tôi tin rằng chân lý không có ở trong ba pho sách nát đời thượng cổ. Chân lý ở trước mắt ta, chung quanh mình

ta, ở trong cuộc đời thực tế phong ba rộ rịp, sán lạn, huy hoàng, trong những kỳ công của khoa học, những sự nghiệp bất hủ, những nỗi vui sướng cùng những nỗi đau thương của loài người, từ khi có loài người. Trong thế giới hữu sắc, hữu hình và hữu tình vậy. Chúng tôi sống trong thế giới này một cuộc đời nồng nàn mà say sưa. Rồi một ngày kia thế giới có tan ra, chúng tôi sẽ thản nhiên đi vào chốn hư vô, không phàn nàn, không nhớ tiếc. Vũ trụ này cùng với loài người và mọi loài nếu chỉ làm một vì sao băng sáng lòa trong đêm tối rồi vụt biến đi không trở lại cũng đủ rồi. Chúng tôi không muốn hi vọng hơn nữa.

Cho nên chúng tôi không muốn mất công tìm giáo lý và bình phẩm giáo lý trong khi bình phẩm đạo Phật là một hiện tượng xã hội. Đối với chúng tôi, chỉ có cái đạo Phật thực hành người đời vẫn tin vẫn theo xưa nay là có mà thôi. Đã phân tách ra đạo Phật trong lý thuyết của Phật tổ cùng đạo Phật thực hành của người đời và dẹp cái đạo Phật thứ nhất về một bên, chúng tôi không còn ngần ngại gì mà không quả quyết nói rằng đạo Phật thứ hai này có nhiều điều trái với sự sống. Một chứng cứ chắc chắn cho lời nói của chúng tôi là nếu khắp cả các dân tộc tự nhiên đua nhau theo đạo Phật, đua nhau theo một cách triệt để, nghĩa là vào chùa đi tu thì loài người trong một thời gian rất ngắn sẽ lên cõi Nát bàn hết, hay nói cho rõ ra, sẽ chết đói hết, chẳng còn ai sống nữa để đi tu. Một hôm chúng tôi nghe một tín đồ chân thành của đạo Phật than vãn: “Người đời thực điên cuồng, tham danh chuộng lợi mà làm gì? ăn ngon mặc đẹp làm gì? Lên chùa mà ở, rau muối nấu sòng thế cũng xong”. Người ấy có ngờ đâu rằng chín mươi phần trăm người đời bây giờ đến rau muống cũng không có mà ăn, nấu sòng cũng không có mà mặc. Nếu cứ kéo nhau lên chùa

mà đủ ăn đủ mặc thì ai còn muốn bôn ba làm gì, chẳng qua ... buộc người ta, thúc dục người ta.

Chúng tôi nhắc lại chuyện này để chứng rằng những người họ quên mình trong kinh kệ thực đã đặt mình ra ngoài cuộc đời, đối với đời có một quan niệm rất lầm lạc. Họ sống trong vòng mộng tưởng đầu đầu, cái sự thực chung quanh mình họ, họ không biết đến. Một đạo giáo không nhìn nhận những sự thực giữa đời, những luật phép chi phối sự tiến hóa của loài người thì làm sao có thể cứu người đời được?

Đó mới là một nhược điểm. Còn một nhược điểm nữa cũng quan hệ. Cái căn bản đạo Phật là hai chữ *giác ngộ*. Trong hai điều biết và làm, tín đồ nhà Phật đặt cái biết lên trên. Đành rằng có vô số câu trong kinh kệ khuyên người ta làm những điều đã biết; nhưng cứ khéo khéo một tý muốn bắt người xưa nói gì lại không được. Nếu không mất công tìm kiếm trong kinh kệ lời thôi, ta chỉ bằng vào cái đạo Phật thực hành thì rõ ràng cái mục đích của tín đồ nhà Phật là hiểu biết giác ngộ vậy. Ngồi xếp chân vòng tròn tay lần tràng hạt để suy nghĩ những lẽ đầu đầu về trời đất, về luân hồi, đó là công việc hằng ngày của họ. Họ chỉ cốt trau dồi phần trí thức. Nhưng trí thức người ta cũng như một bông hoa, mà mọi sự thực ở đời là đám đất để trồng hoa. Hoa lia đất hoa héo, trí thức của tín đồ nhà Phật xa cuộc đời thực tế nên chỉ có những hiểu biết khô khan cùng những điều suy nghĩ vơ vẩn không bao giờ giúp họ làm nên việc gì.

Vả họ cũng có muốn làm việc gì đâu. Cái thế giới hình sắc đối với họ là một thế giới huyền tưởng. Họ không ứng lưu dấu vết của họ trên thế giới này. Cái gốc của mọi sự hành động ở đời là lòng tham muốn. Họ tìm cách để diệt lòng tham muốn, cho dầu lòng ham muốn chính đáng cũng vậy. Trong

lúc đạo Gia Tô tổ chức một giáo hội vững vàng; sai người truyền đạo khắp nơi; nhúng tay vào hầu hết mọi việc giữa xã hội, đạo Phật cứ đời đời tĩnh tọa vô vi. Chúng tôi không lấy làm lạ sao đạo Phật đã được Á Đông sùng thượng: nó đã là đạo của những dân tộc lười.

Sống ở thời đại này, thanh niên nước ta không thể lười được nữa, không thể đứng mãi trên mấy tầng mây khoan tay đứng nhìn những cơn phong ba dữ dội đương rung động cả hoàn cầu. Chúng ta phải dấn mình vào nơi sóng gió, cùng vui buồn, cùng lo sợ, cùng đau khổ với mọi người. Một dân tộc thờ chủ nghĩa vô vi ở thời đại này thực là đưa mình vào cõi chết và chủ nghĩa vô vi là chủ nghĩa tự sát vậy.

Chúng tôi viết bài này cốt nhắc nhở riêng các bạn thanh niên. Chúng tôi không muốn khuyên những người có tuổi mà bao nhiêu sự đau khổ ở đời đã đưa đến cửa Phật. Những người ấy xã hội nên để cho họ yên. Họ trở về với đời không ích gì cho đời mà thêm khổ họ. Cứ để họ trông nom các ngôi chùa, giữ lại cho khách viếng chùa, cái thi vị bóng hoàng hôn trên đồi vắng cùng tiếng mõ mùi hương trong giây phút có thể làm người ta quên những sự mệt nhọc của cuộc đời huyên náo thế cũng là một điều hay.

Hoài Thanh

(TA số 44, ngày 30.7.1935)

MỤC ĐÍCH HỘI PHẬT GIÁO

Nam mô, A Di Đà Phật,

Thưa các cô, bác, anh em, chị em giáo hữu.

Hôm nay là ngày đản đức Phật Thích Ca, là một ngày kỷ niệm rất long trọng trong Phật giáo. Hội Phật giáo chúng ta cũng định lấy ngày này cùng với ngày 17 tháng Một là ngày vía đức Phật A Di Đà, vừa là ngày Hội ta thành lập, làm hai ngày lễ lớn của Hội ta hàng năm.

Nhân cái dịp các cô, bác, anh em, chị em giáo hữu hôm nay về dự lễ đông đủ như thế này, tôi xin nói hầu các ngài nghe, cái mục đích lập Hội Phật giáo chúng ta. Đoạn đầu câu chuyện, tôi xin nói về cái công dụng Phật giáo đối với nhân sinh to lớn là thế nào. Đoạn giữa tôi xin nói về cái tình hình Phật giáo nước ta hiện thời cần phải chấn chỉnh lại như thế nào. Đoạn cuối, tôi xin nói đến cái mục đích và những công việc định tiến hành của Hội Phật giáo chúng ta ra thế nào.

..... Kể ra đạo Phật truyền bá vào nước ta cũng đã có đến ngót hai ngàn năm nay. Ngay từ lúc Đinh, Lê lập quốc, lúc ấy cũng đã có những bậc cao Tăng thực học như ông Khuông Việt, ông Pháp Thuận giúp vua giúp nước, tì ích rất nhiều; từ đấy quốc vận ngày một lên, trình độ quốc dân một ngày một tiến, biết đâu chẳng nhờ có cái công dụng Phật giáo ở trong đó một phần to. Sau đến Lý, Trần, Lê là lúc nước ta phát đạt thịnh vượng hơn cả thì chính cũng là lúc đạo Phật thịnh hành trong nước; lúc ấy có những bậc hoàng đế cũng làm Tăng, Hoàng hậu cũng làm Ni, chùa Phật khắp kể chợ nhà quê đâu đâu cũng có. Không may Phật giáo lưu hành trong nước ta, càng sau càng tệ, chỉ trọng về sự lễ bái mà nhãng mất sự tu hành; chùa chiền chỉ là chỗ dâng hương cầu phúc, thành ra đến nỗi giáo lý đạo Phật càng ngày càng tối tăm, nhân vật trong tăng đồ càng ngày càng kém cỏi; đến nỗi có nhiều người ngày ngày đi chùa, ngày ngày lễ Phật, thành tâm mộ Phật, mà ngoài sự mong cầu về đường họa, phúc, báo,

ứng một cách vô lý, giá có hỏi đến giáo lý của Phật, đến những phép lành, những cấm giới của Phật, thì ít người hiểu thấu. Cứ cái tình hình Phật giáo hiện thời ở nước ta như thế, mà không chấn hưng lại, thì e có ngày tiêu diệt, dân mình nước mình cũng chẳng trông nhờ về cái công dụng Phật giáo bổ ích cho chút nào nữa cả.

Chúng tôi nghĩ thế, nên mới cùng anh em, chị em giáo hữu lập ra Hội Phật giáo này. Mục đích là cốt để chấn hưng lại cái nền Phật giáo ở nước nhà, khuyên nhủ nhau cố hiểu lấy đạo Phật cho rành, làm lấy đạo Phật cho đúng, để độ lấy mình và độ cho người.

Những công việc trong Hội chúng ta dự định tiến hành, có mấy việc là quan trọng hơn nhất, tôi xin lược kể hầu các ngài nghe để mong các ngài cùng công nhận, cùng tán thành, cùng để lòng toan liệu.

Lập ra một Ban chuyên coi việc nghiên cứu và giảng diễn về đạo Phật. Bây giờ hãy bắt đầu làm một quyển nhật tụng đặt tên là *Phật giáo nhật tụng* có các bài lễ niệm, và mỗi tháng in một *tập Kỷ yếu* để kính tống hội viên, rồi sau sẽ ấn hành những báo, chí, kinh, sách, đem cái giáo lý rất hay rất tốt, rất trung chính, rất mẫu nhiệm này của Phật tổ mà diễn đạt ra một cách rất rõ ràng giản quát, để người theo Phật có nơi chuẩn đích, mà khỏi đi lạc lối sai đường.

Làm một ngôi chùa Hội. Bây giờ hãy trùng tu ngôi chùa Quán Sứ để có chỗ cho giáo đồ lễ bái và đủ nơi nhóm họp các công việc Hội Trung ương, rồi sau sẽ chọn một nơi phong cảnh danh thắng nhất trong Bắc Kỳ, dựng một ngôi chùa thật là rộng rãi mông mênh, cao lớn, đồ sộ, tráng lệ, nguy nga, gọi là Trung ương Phật tự. Vì Phật giáo là một tôn giáo vốn có đã lâu đời ở nước ta mà chúng ta tin chắc rằng Phật giáo sẽ có

một cái ảnh hưởng rất tốt cho dân mình nước mình về sau, lẽ tất nhiên là phải có một ngôi Phật tự xứng đáng như thế, để làm nơi chiêm ngưỡng cho cả giáo đồ toàn quốc và nếu cái hình ảnh một tôn giáo rộng lớn thiêng liêng, dù có hao công tốn của, chúng ta cũng chớ ngần ngại.

Lập ra một Ban Hộ niệm, chuyên giữ việc giúp đỡ cho hội viên nào đau ốm mà chẳng may gặp cảnh nhà đơn chiếc, và đi đưa đám siêu độ vong linh cho hội viên nào hết kiếp từ trần. bây giờ hãy bắt đầu lập một ban làm việc ở nơi Hội Trung ương, rồi sau hễ các chi hội nơi nào thành lập sẽ cũng đều lập ra mỗi chi hội có một ban ấy.

4. Mở Chư tăng học viện. Bây giờ hãy tạm mở ra một lớp học ở chùa Bồ Đề dạy các tiểu, trước học cũng đã khá, Hội đã cất một vị sư và một vị cư sĩ ăn lương của Hội đương dạy, rồi về sau sẽ mở dần ra các Học viện, lựa lấy những người nhỏ tuổi thông tuấn mà cha mẹ tình nguyện cho học đạo làm sư, đào luyện cho có đủ học thức, đủ trí tuệ, đủ đức hạnh để đi truyền giáo giảng đạo ở các chùa.

5. Tổ chức lại Hội Tăng già cho có kỷ luật, có trật tự, có thống hệ. Ở Trung ương có một vị Tăng thống trưởng - quản hết thảy mọi công việc trong Hội Tăng già.

Ở các chùa các nơi quy lại bao nhiêu chùa cúng trong tỉnh vào làm một xứ, mỗi xứ có một vị sư cụ trưởng - quản công việc trong xứ đó. Vị Tăng thống có mấy vị Thượng tọa giúp sức người, trông coi về những việc dụng nhân hành chính, sổ sách thu chi, lại có mấy vị hành Tăng giúp sức người đi kiểm sát các chùa các nơi, giám đốc truất trác các sư dưới. Các sư các chùa đều do vị Tăng thống ở Trung ương cất cử, đều phải chịu mệnh lệnh dưới luật của vị Tăng thống và theo dưới quyền các vị hành tăng đi kiểm sát cùng vị sư cụ ở xứ mình.

6. Tổ chức các giáo đồ thành hẳn một giáo hội, giáo đồ trong cùng một thôn xã hay cùng một phường phố, ghép lại thành từng giáo khu, mỗi khu đặt một người khu trưởng và một người phó khu trưởng để thi hành qui luật của Trung ương và đôn đốc việc tu hành cho những giáo đồ trong khu ấy. Phàm ai đã vào Hội, thì vợ con cháu chắt đều phải qua một lần tới chùa Hội làm lễ quy y, và ghi tên tuổi vào sổ giáo đồ trong khu mình ở, phải mỗi ngày mỗi niệm Phật tụng kinh Nhật tụng, phải ít ra mỗi tháng hai ngày sóc vọng, tới chùa Hội làm lễ sám hối và nghe thuyết pháp giảng kinh, đối với qui luật Hội với sự tu hành, phải tuân theo khu trưởng trong khu mình truyền bảo.

7. Ngoài ra còn có những việc từ thiện cứu tế như bệnh viện, học đường, nghĩa địa, nhà tế bần, nhà dục anh, nhà hộ sinh, nhà dưỡng lão v.v... sau sẽ tùy tiện chỗ nào liệu tài lực của Hội có thể làm được đến đâu, thì cũng làm cả. Ấy những công việc của Hội chúng ta dự định tiến hành như thế đấy. Bây giờ tôi xin có một câu cùng các ngài đồng thanh phát nguyện trước Phật đài rằng: “Lạy đức Phật tổ pháp lực vô cùng; người rọi đèn trí tuệ để soi tâm, soi trí cho chúng tôi, người giương buồm đại giác để mở đường mở lối cho chúng tôi giữ trọn được năm điều giới của người, tu trọn được sáu phép lành của người. Về công việc Hội, cũng xin người ban cho cái sức quảng đại thần thông, hun nhóm cái nhiệt thành của chúng tôi đừng có nguội, phấn dương cái nghị lực của chúng tôi đừng có sờn, bài trừ được mọi nỗi khó khăn mà về thành quả phúc, sung sướng nhường nào, hi vọng biết bao!

Năm mô A Di Đà Phật

Dương Bá Trạc
(KY số 1, tháng 5.1935)

VÌ SAO MÀ HỘI PHẬT GIÁO BẮC KỲ SÁNG LẬP? VÌ SAO MÀ BÁO ĐUỐC TUỆ RA ĐỜI?

Loài người phải có ăn mới sống, cũng phải có tôn giáo mới sống được hoàn toàn. Cái sinh mệnh nhục thể sống về ăn, mà cái sinh mệnh tinh thần về tôn giáo.

Người ta với sự khổ vì lửa cơ đốt ruột thì cơm gạo có thể tắt được liền, với sự khổ vì dao lạnh cắt da thì vải lụa có thể lành ngay hẳn, nhưng còn với sự khổ cứ bản khoắn bứt dứt thâu ngày suốt tháng về nỗi sống không mục đích, chết không y qui thì trừ tôn giáo ra còn có cái gì vỗ về yên ủi được.

Ấy là nói riêng từng người một; lại đến cái chỗ người ta quần cư tự xử với nhau trong một xã hội, một quốc gia, tất phải cùng nhau thân ái, cùng nhau hòa thuận, cùng nhau giúp đỡ, có nhân nghĩa lễ tín đối đãi cùng nhau thì xã hội mới khỏi tan tành, quốc gia mới khỏi rời rã. chính trị pháp luật chỉ có thể ngăn cản điều ác của người ta ở nơi thanh thiên bạch nhật, mà khó sao cấm chấp được ở nơi ám thất u phòng. Giáo dục chỉ có thể đào luyện người ta về đường kỹ thuật tài năng mà khó sao hun đúc được về đường tâm tư đức hạnh. Từ xưa đến nay, từ Đông qua Tây, đâu đâu cũng nhờ tôn giáo mà người ta mới hạn chế được những điều tham dục, gìn giữ được những điều luân lý, mới tổ chức nên được cái quốc gia, cái xã hội có tính nghị, có kỷ luật, có trật tự, có sự yên ổn vững bền.

Nếu thế giới loài người còn chưa đến được cái thời kỳ dân trí hết thảy khai thông, dân đức hết thảy cao thượng, người ta còn chưa phải ai ai cũng đều là đại thánh đại triết, ai ai cũng cứ đức y nhân như thánh Khổng Tử, cũng từ bi hỷ xả như Phật Thích Ca thì còn phải cần tôn giáo mãi.

Tôn giáo đối với loài người quan hệ như thế; mà mỗi một dân tộc thường lại có một tôn giáo riêng. Hình như vì thủy thổ, vì khí hậu, vì sự biến thiên trên lịch sử, cái tính tình phong tục của từng dân tộc có cái chỗ đặc biệt với các dân tộc khác nó ưa chịu một cái tôn giáo nào thích hợp với nó hơn, thì khi có cái tôn giáo ấy sáng lập ra hay truyền bá tới, người ta theo như nước chảy, cứ một ngày một bành trướng một liên chặt thêm.

Có lẽ Phật giáo chính là cái tôn giáo thích hợp với dân tộc mình, nên tự hơn một nghìn năm trước, chỉ có một vị cao tăng Ấn Độ bước chân đến đất Bắc Kỳ mình, một vị nâu sồng lam lũ, lưu lạc tha phương, chẳng phải có của tiền thế lực gì, duy có cái đạo pháp đem truyền bảo vào trong tai mắt mới lạ của một dân khác nước khác nòi mà có người theo, có người tin, rồi từ đấy về sau Phật giáo lưu hành trong xứ mình cứ càng ngày càng lan rộng. Cho đến các đời Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê, Nguyễn, chùa chiền khắp trong nước, tăng ni kể hàng muôn; chẳng những dân thường mà cả đến vua chúa vương hầu cũng nhiều người xuất gia đầu Phật; chẳng những người vô học, mà cả đến danh nhân kiệt sĩ cũng nhiều người thế phát đi tu. Cứ xem truyện Trúc Lâm Tam Tổ và những liệt truyện cao tăng trong quốc sử mình, lại bất kỳ đến nơi nào cũng thấy ngay có một cảnh chùa rộng rãi thanh u cùng mấy ngôi tháp nguy nga đột ngột thì đủ biết Phật giáo ở nước mình đã trải qua một thời kỳ toàn thịnh và thật là phổ cập ở chốn dân gian.

Mà ngẫm lại, cái ảnh hưởng Phật giáo nước mình quá sâu xa rộng lớn thật: chính đương lúc đời Lý, đời Trần là lúc Phật giáo đại thịnh thì văn trị võ công của mình lúc ấy thật là hiển hách, quốc vận mình lúc ấy cũng thật là sương long vững chãi, quốc dân mình lúc ấy thật là vui vẻ thái bình. Những bậc

minh quân lương tướng như vua Lý Thái Tổ, vua Trần Nhân Tông, ông Tô Hiến Thành, ông Trần Quốc Tuấn v.v... đều là người có thâm đắc Phật học cả. Cho đến luân lý phong tục trong dân phần nhiều cũng gốc từ Phật giáo mà gây dựng được nên, duy trì được vững, những tiếng nghiệp báo luân hồi, thiện ác nhân quả luôn luôn ở cửa miệng ông già, bà lão, chị thợ cấy, anh trai cày. Thường thấy có kẻ đầu trộm đuôi cướp, gạt đầu lương thiện mà cũng còn biết hồi tâm hướng đạo, ăn hiền ở lành lại để mong chuộc cái tội ác đã trót phạm từ xưa. Thật cái công dụng Phật giáo đối với dân tộc mình, quan hệ không phải là nhỏ vậy.

Chẳng may cho dân tộc mình, tự Lê trở về sau, triều đình đặt ra khoa cử để thủ sĩ, chỉ chuyên trọng về một mặt ký tụng từ chương. Những người thông minh tài tuấn muốn chiếm được một địa vị cao sang trong xã hội, đều phải vùi đầu cắm cổ vào con đường cử nghiệp, chẳng ai còn có thì giờ tâm lực lý hội đến cái giáo lý tinh diệu mà những thánh quân hiền thần danh nhân kiệt mình đời trước đã xiển phát tuyên dương; ngọn đuốc tuệ của đức Như Lai không thấy chói rọi ở góc trời Nam như trước nữa. Tuy Phật giáo vẫn là một tôn giáo thích hợp với dân tộc mình mà là một tôn giáo tối cổ ở nước mình, chùa chiền vẫn còn khắp trong nước, tăng ni vẫn còn kể hàng muôn, thiện nam tín nữ trong dân cũng vẫn còn ngày ngày đi chùa, ngày ngày niệm Phật, mà giáo lý Phật ít có người thông hiểu, kinh điển Phật ít có người diễn giải, người ta ít biết được đường sáng mà đi, thấy được đường tối mà tránh. Đến nỗi đạo đức ngày càng suy đồi, phong tục ngày càng điêu bạc, những cái thảm họa tương nghi, tương kỵ, tương khí, tương biển, tương khuynh tương loát, tương tàn tương tặc, gia đình nghiêng ngửa, xã hội đảo điên, xảy ra hàng ngày, ai cũng phải tởm, phải ghê,

phải kinh, phải khiếp. Hội Phật giáo chính vì muốn xiển dương đạo Phật để cứu vớt cái nguy cơ ấy mà sáng lập nên, nhóm họp nhau ở dưới bóng mây từ cả bên tăng ni bên thiện tín; khuyên nhủ nhau, đốc trách nhau hiểu đạo Phật cho rành, làm đạo Phật cho đúng để tự độ mà độ người; liên lạc với các Hội Phật giáo Trung, Nam Kỳ, cùng giốc một lòng, trông một đạo vào cái sự nghiệp CHPG. ấy cái mục đích hội Phật giáo Bắc Kỳ là thế.

Nay phải có cái phương châm nhất định mà đi cho tới cái mục đích của mình. Như trên đã nói, cái mục đích Hội là cốt khuyên nhủ nhau, đốc trách nhau hiểu đạo Phật cho rành, làm đạo Phật cho đúng để tự độ mà độ người. Vậy làm thế nào mà hiểu được đạo cho rành, làm được đạo cho đúng bây giờ? Lẽ tất nhiên là phải tìm ở trong những kinh điển về Phật giáo mà xiển phát tuyên dương ra. Nhưng các kinh điển về Phật giáo sâu như bể, rậm như rừng, không phải dễ dàng mà linh ngộ được. Vả những kinh điển ấy vốn là chữ Phạn mà dịch ra chữ Nho; bây giờ chữ Nho ngày càng ít người học, ít người thông thì làm sao mà nghiên cứu những kinh điển về Phật giáo bằng chữ Nho được. Báo Đuốc Tuệ chính là ứng phó với sự nhu cầu đó.

Báo Đuốc Tuệ sẽ đem những kinh điển về Phật giáo mà dần dần giảng diễn, dịch thuật hết ra quốc ngữ một cách rất là minh bạch tỏ tường.

Chúng ta sẽ được nhờ ngọn Đuốc Tuệ của đức Như Lai, dẫn lối mở đường cho chúng ta bỏ tà qui chính, bỏ ác làm lành, bỏ khổ tới vui, bỏ tội tới phúc.

Bến mê man mác, có đuốc tuệ thì bờ giác không xa.

Bể khổ mênh mông, có đuốc tuệ thì bè từ khỏi lạc.

Hỡi anh em chị em tín đồ nhà Phật ta ơi!

Ai muốn gây thiện nghiệp để cầu thiện báo về sau, nên chăm xem Đuốc Tuệ.

Ai muốn thoát ra vòng phiền não, tìm tới chỗ yên vui, nên chăm xem Đuốc Tuệ.

Ai muốn tiêu trừ oan nghiệp, hưởng thụ phúc duyên, nên chăm xem Đuốc Tuệ.

Mình chăm xem Đuốc Tuệ lại khuyên rủ người chăm xem Đuốc Tuệ, như thế tức là tự giác giác tha.

Có một ngày kia ngọn đuốc tuệ quang minh rực rỡ, chiếu khắp gần xa, soi tâm mở trí cho cả mười mấy triệu quốc dân tín đồ nhà Phật chúng ta hóa ngu ra minh, hóa tham ra thanh, hóa dữ ra lành, hóa yếu ra mạnh, hóa lười biếng ra kiên nhẫn, hóa thoái khiếp ra tinh tiến thì thật là cái hạnh phúc hằng hà sa số cho dân mình nước mình vậy.

Dương Bá Trạc

(ĐT số 1, ngày 10.12.1935)

LỄ KẾT HÔN TRƯỚC CỦA PHẬT

Người ta ở đời mà sở dĩ đáng quý hơn vật loại là vì biết chế ra lễ văn để làm tôn trọng vẻ vang cho cái sống của mình. tức như lấy vợ lấy chồng có lễ hôn. Người ta trong một đời duy có lễ hôn là quan thiết đến bản thân hơn cả. Vậy đối với lễ ấy, ta há nên coi làm nhỏ mọn mà cứ phó mặc cho tập tục cầu thả lưu hành mãi được dự.

Lễ hôn ở Việt Nam ta, xưa nay có hai tiết là, để đến rước dâu phải làm lễ bái yết gia tiên nhà vợ, dâu về tới nhà

chồng phải làm lễ bái yết gia tiên nhà chồng. Đoạn rồi hai vợ chồng cùng nhau làm lễ tế tư hồng.

Lễ bái yết gia tiên hai nhà là theo Nho giáo đối với cái quan niệm gia tộc, phụng tiên tư hiếu, thực là biết ơn, chịu mệnh một cách rất chu đáo. Còn lễ tế tư hồng là theo cái thuyết số mệnh của phái đạo sĩ, cảm ơn vị thiên tiên đã xe duyên cho nên vợ nên chồng. Xét ra nó chỉ như cái cách đem quà biếu người làm mối mà thôi, không có nghĩa lý gì đáng làm giáo hóa.

Lễ tế Tư hồng không đủ giáo hóa thì ta nên bỏ, còn lễ bái yết gia tiên có nghĩa lý thiết thực thì ta nên giữ. Song ngoài cái lễ bái yết gia tiên ra không có lễ gì nữa, thì cái quan niệm kết hôn của người đời chỉ loanh quanh trong cái tư tưởng nối dõi tông đường của một nhà, e không khỏi còn hẹp hòi lắm.

Gần đây, Nhật Bản, nước cùng lễ giáo với ta, người ta đã nghĩ cách bỏ cái khuyết điểm đó của lễ hôn rồi. Lễ hôn ở Nhật Bản bây giờ, sau khi bái yết gia tiên hai nhà rồi người tin thần đạo (thờ các thần trong nước) thì làm lễ kết hôn ở trước Thần cung giống như đình làng của ta. Người tin Phật giáo thì làm lễ kết hôn ở trước cửa điện Phật tức là trong chùa. Làm lễ trước thần cung là để cảm hóa về cái quan niệm quốc gia, làm ở trước điện Phật là để cảm hóa về cái quan niệm xã hội. Khi làm lễ kết hôn ở nơi nào thì người ta đem cái nghĩa luân lý làm người trong bản giáo đã dạy ra thế nào mà giảng bảo cho đôi vợ chồng mới ấy nghe, đôi vợ chồng mới ấy thì khẩn nguyện hoặc tụng niệm Phật và phát thệ xin ăn ở cùng nhau cho trọn đạo một đời.

Người Nhật lấy làm hoan nghênh hai lễ này lắm, mới khởi xướng ngoài mười năm nay, mà nay đã lưu hành khắp

trong nước. Vậy cùng một việc cùng một ý muốn đổi mới, người Nhật đã làm, ta há không nên làm hay sao. Song đình miếu của ta, còn bị cái phạm vi hương ẩm chật hẹp nó bó buộc, chưa tẩy trừ được nhiều hủ tục trong đó, chưa có thể dùng được. Duy có trong chùa là nơi tự do bình đẳng, rất tiện cho người ta.

Nay nhân phong trào Phật giáo đang thịnh, tiện dịp ta hãy nên cử hành lễ kết hôn trước cửa Phật đã. Còn phần nghĩa lý, người Nhật tự có chỗ chứng giải của họ, ta cũng phải tự có chỗ chứng giải của ta, thì việc ta làm tuy sau người ta mà không phải toàn nhiên nhắm mắt theo liêu kê khác.

Việc đem lễ kết hôn vào cửa Phật này tuy là việc mới, nhưng tôi quyết không phải là một việc cưỡng ép gì. Đạo Phật tuy là đạo xuất thế gian, song Phật độ cả hai phái đệ tử là xuất gia và tại gia.

Đối với bên xuất gia, muốn cho được sạch mình thoát lụy để hết sức làm việc đạo, nên Phật cấm tăng ni không cho hôn giá. Còn đối với bên tại gia là người còn phải ở làm việc đời thì Phật để cho họ thuận theo cái tính tự nhiên mà không hề phản đối sự hôn nhân của họ bao giờ. Thế cho nên trong những kinh như Địa Tạng, Báo Ân, Lục Phương lễ và thuyết Tứ Ân v.v... Phật ân cần dạy cho người ta biết những đạo làm cha, làm con, làm vợ, làm chồng, làm người dân phải lo báo ơn đất nước. Coi đó biết Phật không những không phản đối mà Phật còn trau dồi vào cho những điều luân lý bởi hôn nhân mà có.

Nay ta muốn tuyên dương đạo Phật, đợi đến khi gặp những việc đã lỗi đạo làm cha, làm con, làm vợ, làm chồng, làm người dân rồi mới dạy thì quá muộn mất rồi, chi bằng nhân cái dịp đôi lứa thiếu niên mới hợp ước cùng nhau lo làm

những nghĩa vụ đó, đối trước cửa Phật, mà dậy sớm đi cho họ, chả càng thấm thía hơn dư.

Vả tục ta thường hễ đôi vợ chồng nào chê nhau thì đem vào chùa làm lễ cưới lại. Cưới lại chỉ là một kế phương tiện mà còn làm được, thì lễ cưới chính thức này là dịp thực hành giáo hóa sao không làm được. Cho nên tôi nói việc làm lễ kết hôn trước điện Phật, thực là một dịp giảng đạo rất hay.

Đồ Nam Tử

(ĐT số 4, ngày 31.12.1935)

LỄ KẾT HÔN TRƯỚC CỦA PHẬT, NGHI THỨC

(tiếp theo)

Lễ này mà làm liền vào với ngày nghênh hôn thì mới phải phép, nếu vì cố gì không kịp thì sẽ để đến ngày hôm sau.

Sau khi dâu đã về làm lễ bái yết gia tiên nhà chồng rồi thì ra chùa làm lễ kết hôn. Lễ kết hôn này châm chước lễ qui mà làm. Cha mẹ nhà trai hoặc nhà gái đã nhờ nhà chùa sửa soạn cho từ trước, có một vị tăng Thượng tọa làm giới sư và vài người đạo tràng giúp lễ. Lễ cúng thì hương hoa, trai phẩm như thường. Mỗi nghi tiết đạo tràng phải thông xướng.

Khi mới vào trước điện Phật, trước tiên đạo tràng vào ngồi hai bên tả hữu nơi tòa ngồi của giới sư. Còn giới sư và tín chủ đều theo thứ tự đứng ngồi đối diện thị lập hai bên trước điện Phật

Đạo tràng cử Phật nhạc và thỉnh chuông rồi lần lượt xướng “Giới sư tỳ vị”, “Tân lang tân phụ các tỳ vị”, “Lưỡng gia phụ mẫu cùng mỗi nhân các tỳ vị”, “Tân khách thân thuộc hộ niệm giả các tỳ vị”

Mọi người ngồi yên vị rồi, giới sư đạo tràng cử nhạc cúng Phật một tuần, đọc một đoạn tấu văn.

Tấu văn đứng tên hai bên cha mẹ làm chủ hôn. Đạo tràng một người xướng “Lưỡng gia chủ hôn các bình thân đọc tấu văn”. Một người đạo tràng đọc tấu văn:

Phục dĩ:

Ba nghìn trong thế giới, chúng sinh sinh dục, còn dai dẳng với thời gian.

Một nguyện đại từ bi, chư Phật độ trì, cũng miên man cho tận kiếp.

Nên mới,

Mở đường phương tiện,

Rộng lối tu hành.

Chùa cũng tu mà nhà cũng là tu, phân hai giới đức;

Tăng được độ thì tục cũng được độ, chúng một tâm thành.

Cho nên, hiếu mẹ cha, ơn đất nước, Đạo Tứ ân đã dạy bảo đủ luân thường;

Chồng kính ái, vợ thuận tùy, Lễ Lục phương càng ân cần về gia đạo.

Vậy biết:

Tuy phép Phật là phép rộng, từng bao la ra khắp cõi hư không;

Mà đạo Phật là đạo trung, vốn thực hành ngay ở đời hiện thế;

Đệ tử chúng tôi, chủ hôn bên nhà trai là.... ở làng...., vợ là... có con trai là, và chủ hôn bên nhà gái

là ... ở làng..., vợ là, có con gái là, nay
hai con chúng tôi nhờ có duyên lành, kết nên đôi
bạn.

Đẹp duyên cầm sắt, được ngày lành, chúng tôi đã cho
làm lễ vu qui.

Tỏ dạ keo sơn, trước cửa Phật, đôi trẻ lại tuyên lời
phát thệ.

Phục nguyên:

Nam mô, Sa bà Giáo chủ, Bản sư Thích ca Mâu ni
Phật Kim liên tọa hạ.

Nam mô, Thập phương Tam thế Nhất thiết Chư Phật,
Kim liên tọa hạ.

Nam mô, Hải hội Bồ tát, Ma ha tát thanh liên tọa hạ.

Đều soi xét tới,

Cùng chứng minh cho,

Cho chúng được,

Nấy nở lòng nhân,

Tin theo đạo chính,

Làm phúc làm thiện,

Yêu nhau khuyên nhau,

Sáu phương kính thờ, gây dựng gia đình hạnh phúc.

Bốn ân trọn vẹn, báo đền xã hội công ơn.

Một giải đồng tâm, bể Đông tát chung cho cạn,

Trăm năm giai lão, phương Tây ngày khác cùng về.

Đệ tử chúng tôi, vì con cầu nguyện;

Dám xin chư Phật rủ lòng chứng tri.

Năm... tháng... ngày... Đệ tử đảnh thành tâm cẩn tấu.

Đọc tấu văn xong, đạo tràng xướng “Tân lang, tân phụ các bình thân đọc phát thệ từ.” Thệ từ đã viết sẵn, hai người cùng ký tên. Nếu tân phụ không biết chữ thì điểm chỉ, Tân lang tuyên đọc phát thệ từ:

Năm... tháng... ngày ...

Hai chúng tôi là Trần Văn...., bao nhiêu tuổi...., ở đâu, và Nguyễn Thị.... bao nhiêu tuổi...., ở đâu vì nhờ có duyên lành, hai chúng tôi được biết nhau, đã đều tự ý thỏa thuận, cùng nhau kết hợp làm đôi vợ chồng, đã được mệnh hai bên cha mẹ chúng tôi cho làm lễ thành hôn. nay hai chúng tôi cùng nhau xin phát thệ trước cửa Phật, xin yêu nhau kính nhau, ăn ở cùng nhau cho trọn một đời. Xin Phật chứng giám cho.

Nay cần thệ

Chồng mỗ ký, vợ mỗ ký

Phát thệ xong cùng vái Phật và ngồi xuống, Giới sư lui ra tòa ngồi ghế giảng ở mé đông để giảng thuyết, Giới sư nói mỗi câu thì Tân lang, Tân phụ phải “dạ” theo, hoặc niệm “A di đà Phật”.

Giới sư - cậu (tên), mợ (tên) nay đã đối trước cửa Phật phát thệ cùng nhau làm vợ chồng, thì phải tuân lời Phật dạy mà ăn ở cùng nhau cho trọn đạo ở đời. Muốn thế trước phải xin qui Phật cho được làm đệ tử Phật. (Giới sư đọc lời: nguyện qui” cho hai vợ chồng mới đọc theo ba lần. Còn hai bài dưới không phải đọc theo)

“Tôi xin qui Phật, xin theo lời Phật dạy, cho trọn đạo ở đời”

Giới sư - Cậu... mợ... phải nhớ đạo Tứ ân, lo mà đền báo:

Tứ ân là bốn ngôi có ân đức lớn với mình;
Một là ơn cha mẹ sinh thành ra mình.
Hai là ơn đất nước cung cấp cho mình.
Ba là ơn Phật Thánh giáo hóa cho mình.
Bốn là ơn chúng sinh, xã hội giúp đỡ cho mình.

Giới sư - Cậu... mợ..., trong kinh Thiện sinh cũng gọi là kinh Lễ sáu phương, Phật dạy cho cậu thiện sinh về sáu điều luân lý, và nhiều đức hay nết tốt để giữ gìn gia đạo của người tại gia. Đây tôi trích lấy đoạn nói về luân lý vợ chồng giảng cho cậu mợ nghe mà nhớ lấy, ghi lòng tạc dạ chớ quên.

Phật dạy rằng:

“chồng kính nể vợ, có năm điều: một là lấy lễ nghĩa mà đãi nhau, hai là không lúc nào kém vẻ uy nghi, ba là đồ ăn thức mặc tùy sức mà sắm sửa cho vợ, bốn là cho vợ được sắm sửa theo thời, năm là giao phó cả việc nhà cho vợ”.

Vợ cũng lấy năm việc mà cung kính đối với chồng: một là dậy thì dậy sớm trước chồng; hai là ngủ thì đi ngủ sau chồng, ba là nói cho ôn hòa, bốn là kính thuận, năm là đón chiều ý chồng” A di đà Phật.

Đạo tràng xưng “Phật tiền kết hôn lễ thánh” Giới sư trở về bản tọa lễ tạ Phật. Tân lang, tân phụ và mọi người đều lễ tạ Phật.

Đoạn mọi người lại đứng ra hai bên như trước. Tân lang bưng tráp trầu đi mời Giới sư và cảm ơn, rồi lần lượt đến mọi người về hàng bên nhà gái; Tân phụ thì bưng tráp trầu đi mời và cảm ơn mọi người về hàng bên nhà trai. Lễ tất.

Đồ Nam Tử

(ĐT số 5, ngày 7.1.1936)

Năm 1936

CHẤN HUNG PHẬT GIÁO LÀ SỰ RẤT CẦN THIẾT

(Bài diễn văn của ông Phạm Tài Luyện đọc tại chùa Văn, Hải Phòng)

1. Nói về Phật giáo là một tôn giáo tối cổ ở nước ta

Phật giáo là một tôn giáo rất màu nhiệm, cao siêu, phát sinh từ nước Ấn Độ, Giáo chủ là đức Thích Ca Mâu Ni. Phật giáo truyền vào nước ta kể đã lâu đời, trải Đinh, Lý, Trần, Lê đến ngày nay, đạo giáo vẫn chói lọi. Tuy tín ngưỡng có nhạt nồng nên có khi long khí ô. Nhưng còn có dấu hiệu đủ làm chứng cho ta được nhận rõ Phật giáo là một tôn giáo tối cổ của nước ta. Kia: từ thành thị đến thôn quê đều san sát những ngôi chùa đồ sộ và phần nhiều là cũ kỹ đủ chứng thực nước ta đã lâu đời theo Phật giáo. Quốc dân đối với Phật giáo, khi nói đến ngày thì nói: ngày giời ngày Phật, khi nói đến đất thì nói: đất nhà Phật. Khi nói đến con cái thì nói: con giời con Phật, khi tả một người hiền hậu thì nói: Hiền như Bụt. Cái quan niệm đối với đối với Phật giáo rất là mật thiết. Những thời đại nào mà dân giàu nước mạnh, trên thuận dưới hòa, toàn là những thời đại Phật giáo hưng thịnh cả.

Những ngôi chùa đồ sộ cũ kỹ kia, tuy là cái dấu hiệu để chỉ cho ta biết Phật giáo là một tôn giáo tối cổ ở nước ta, nhưng chẳng qua cũng chỉ là cái hình thức của Phật giáo đấy thôi. Cái hình thức ấy, trải mấy nghìn năm, tổ phụ ta xây đắp

gây dựng để lại cho ta, ta còn chẳng nỗ hũy hoại đi mà nhiều khi lại còn tu bổ trang hoàng cho thêm vẻ rực rỡ.

Về hình thức Phật giáo còn chẳng nỗ hũy hoại đi như thế huống chi về tinh thần Phật giáo mà chịu để suy đồi thì sao cho đáng! Đó là một nhẽ phải nên chấn hưng Phật giáo.

Nói đến hai chữ chấn hưng xin các ngài nên tế nhận: “chấn” nghĩa là đánh động, “hưng” nghĩa là dất dậy, cũng ví như đánh thức một người ngủ say mà dất cho dậy. Phật giáo tuy là một tôn giáo tối cổ, nhưng xét cho kỹ thì bấy lâu nay đối với nhân tâm phong tục ở xã hội ta hình như không có ảnh hưởng gì cả. Vậy thì CHPG là một công đức lớn lao cho toàn thể Quốc dân ta ngày nay. Một tòa cổ tích danh lam kia trải bao thỏ lặn, ác tà, ma dẫu năng dãi, nay ta cùng nhau xây chùa dựng tháp, tô tượng, đúc chuông, một phen trang hoàng lại, mà cái nền đồ sộ cũ kỹ xưa kia của ta, lại trông thấy cái quang cảnh rất là lộng lẫy, và oai nghiêm, khiến cho hết thảy chúng sinh được tỉnh ngộ mà dốc lòng tín ngưỡng, một đạo quy uy, dễ khỏi lầm đường lạc nẻo thì cái hạnh phúc lớn lao biết là nhường nào!

2. Nói về nhẽ vì muốn bảo tồn Nho giáo nên phải CHPG

Chẳng nói thì ai cũng công nhận rằng, nước ta thành một nước văn hiến ở cõi Á Đông này: ở trong nhà: cha ra cha, con ra con, chồng ra chồng, vợ ra vợ, anh ra anh, em ra em; ra đến xã hội thời bề nào bậc ấy rất có tôn ti trật tự. Có luân thường đạo lý, lễ giáo, phong tục, không đến nổi hỗn độn như những dân tộc dã man là nhờ có Nho giáo. Người cấp sách đi học được nhờ công dụng Nho giáo đã đành, dẫu người không được học nhưng vẫn có ảnh hưởng Nho giáo. Cái tinh thần Nho giáo thấm thía vào óc quốc dân ta vừa tốt lại vừa sâu. Tuy nhờ có

Nho giáo nhưng chính thực cũng ẩn ngụ có Phật giáo vào đấy. Vì rằng Nho giáo nói về đạo xử thế nghĩa là chỉ nói về trong vòng sinh tử ở cõi đời, mà Phật giáo thì nói về đạo xuất thế là nói ra ngoài vòng sinh tử. Tôn chỉ tuy có khác nhau nhưng giáo lý vẫn là một, nghĩa là đều chẳng ngoại khuyên điều hay, răn tránh điều dở. Hiện có nhiều vị đã từng ra công khảo cứu so sánh tường tận, phô bày trên diễn đàn và đăng trên báo chí, tôi đây cũng không cần phải nhắc lại làm chi nữa. Chỉ nên nhận rằng: giáo lý nhà Phật cũng giống giáo lý nhà Nho, trong Nho giáo phần nhiều ngụ có Phật giáo. Phật giáo còn tức là Nho giáo còn, vậy muốn bảo tồn Nho giáo phải nên CHPG.

Nói đến đây, chắc cũng có người hỏi: “Sao không chấn hưng ngay Nho giáo có được không?”

Xin đáp rằng: “Nho giáo cố nhiên là quý, nhưng phạm vi sùng bái Nho giáo có phần hẹp hơn Phật giáo: chốn dân gian, trong một tổng hay mấy làng mới có được một ngôi văn từ để thờ đức tiên thánh Nho giáo, chi bằng, mỗi làng đã có sẵn một hay vài ba ngôi chùa để thờ Phật; mà văn kỳ chỉ là một chỗ để chiêm bái, trong một năm có hai kỳ của một số ít các vị quan thân hào trưởng mà thôi, chi bằng chùa một nơi hết thầy đàn ông đàn bà, người nhớn, trẻ con, từ bậc phú quý phong lưu cho đến người bần tiện lam lũ, ai ai cũng đều được sùng bái, ít ra trong một tháng là hai ngày tuần. Phạm vi sùng bái được rộng thì sự truyền bá đạo giáo mới dễ phổ cập. Vậy thì CHPG là một sự rất thích hợp cho xã hội ta ngày nay. Vả lại CHPG tức là bảo tồn Nho giáo (các nhẽ tôi đã kể trên).

Có nhiều bậc có lòng với nhân tâm thế đạo, thường phàn nàn rằng: “bây giờ chỉ được một số ít người hấp thụ đức văn minh mới, hay là chịu ảnh hưởng của một giáo lý nào thì còn khá, còn phần nhiều dân gian, phong hóa ngày một suy đồi,

nhân tâm ngày một điêu bạc, chứa chất đầy những bầu tham, sân, si, cơ hồ mất cả lễ, nghĩa, liêm, xỉ.”

Câu ấy thật là đúng, nhưng xét cho kỹ thì cái nguyên nhân cũng bởi Nho giáo suy đồi. Hầu hết những câu như là: “thế cũng học đòi sách thánh hiền” hay là “Ta chớ nên xằng bậy sợ mang tiếng con nhà thi thư gia giáo” v.v... là những câu rất tầm thường mà cũng có bổ ích về thời đại Nho giáo thịnh hành, thì nay những câu ấy hình như không còn có thế lực gì trong nền giáo dục nữa. Nho giáo đã suy đồi thì bạn đòi với Nho giáo tức là Phật giáo tránh sao cho khỏi một ngày mờ ám đi. Tai đã chẳng nghe được những câu chính tâm tu thân của thánh hiền, rồi cũng quên mất cả nghĩa “minh tâm kiến tính” của Phật tổ.

Bây giờ muốn văn hồi nhân tâm phong tục phải làm thế nào? Trông vào gia đình giáo dục dư? Nhưng cái phạm vi gia đình giáo dục rất hẹp hòi. Trông vào học đường giáo dục dư? Cái phạm vi học đường giáo dục tuy có rộng hơn một chút nhưng đối với toàn thể quốc dân thì chưa thấm vào đâu.

Muốn gây lấy hoàn cảnh mỹ mãn, giáo dục phổ cập thời nay thời tất phải nương vào tôn giáo. Vậy sự CHPG ngày nay chẳng là cần lắm ru?

Nói đến đây, chắc có nhiều bậc thiên trọng về đường học thuật đồng thanh phản đối, cho rằng đương lúc khoa học thịnh hành mà còn cứ loay hoay trong vòng tôn giáo thì cũng khí gàn, vả lại viện vào câu “học vấn ngày tiến thời tôn giáo ngày suy” của các nhà luận thuyết Đông Tây gần đây thường nói để làm đoán án, không phải là không có lý nhưng nghĩ cho kỹ thì câu ấy chỉ những người có học vấn tối cao, tư tưởng siêu việt ra ngoài vòng vũ trụ, tài năng bổ cứu được tạo hóa thì mới dám bàn tới, còn những người học vấn tầm thường hay là

không được học hành gì cả mà là số đông người trong xã hội như những dân chân lấm tay bùn, đầu tắt mặt tối ở xã hội ta ngày nay, mà muốn cho tinh thần khỏi hăm vào vòng hắc ám, chả nương vào tôn giáo thì nương vào đâu!

3. Nói về lòng tín ngưỡng bên tại gia không chính đáng có trở ngại cho sự tu hành bên xuất gia

Gần đây có nhiều vị phàn nàn rằng: “các vị xuất gia tu hành, bậc chân tu tưởng cũng không ít, mà bậc không chân tu có lẽ lại phần nhiều, chân tu thì lấy tinh thần làm cao thượng, bề trong cốt xây đắp công duyên, không chân tu thì lấy hình thức làm lợi dụng. Nhưng ai chân ai ngụy, trong cõi Sa bà ai dễ biết ai? Xét ra chỉ vì đạo giáo không có nơi chủ trì, tăng, ni gần hầu mất nền thống hệ, cho nên “đất vua, chùa làng, phong cảnh bụt” đến nay gần thành một câu phổ thông ở cửa miệng, khiến cho những bậc đại đức chân tu cũng phải phàn nàn, ngậm ngùi, đồng lòng, lo âu những sự lung lay trong nền đạo thống vậy”. Lời xét đoán ấy không phải là không xác đáng, nhưng xét cho thật kỹ, thì lại có một nguyên nhân lớn nữa, là tại lòng tín ngưỡng của bên tại gia không chính đáng. Có lắm người ham chuộng những sự lễ bái, trái hẳn với tôn chỉ Phật. lòng tín ngưỡng sai với chính tín, gây nên cái hoàn cảnh mê tin. Khiến cho các vị xuất gia chưa hết thấy là các vị Bồ tát được cả thì tránh sao cho khỏi bị làn sóng mê xô đẩy mà khỏi mắc vào cái chỗ sai lầm. Chỗ sai lầm ấy chẳng những thiệt hại cho chúng sinh mà lại làm cho thương danh tổn vọng đến nền tôn giáo nữa.

Cũng vì lòng đã sai với chính tín nên chẳng biết coi những vị đại đức chân tu là những bậc đã dốc chí tu hành thay mặt Phật mà tuyên minh giáo chỉ để phổ độ cho chúng sinh,

lại coi các vị ấy như là các ông thầy cúng khác thay mặt mình để cầu Phật chứng minh. Vì thế nên trong Tăng giới một đôi khi cũng có vị xuất chúng để làm gương cho đời, nhưng vàng thau trộn lẫn, trong, đục ai hay, nhất là những bậc thượng lu trí thức không ai để mắt tới, sư bảo sư phải, ai biết cho sư, cho nên dầu những bậc ấy có giàu lòng từ bi hỷ xả muốn thực hành sự pháp thí để phổ độ cho chúng sinh, nhưng tráp kim cương cũng đành khóa lại, đành chịu tiếng “giữ bụt ăn oản”, như thế thời chúng sinh còn mong víu vào đâu mà lên được con đường chính giác.

Ấy sự tín ngưỡng sai lầm có hại như thế. Mà xét ra tín ngưỡng sở dĩ sai lầm cũng lại không thấu hiểu chính lý trong kinh Phật, mà sở dĩ không thấu hiểu chính lý thì cũng tại Phật giáo chưa được xưng minh.

Vậy nay, muốn cho khỏi sai mất chính tín thì phải CHPG, nghĩa là Phật giáo có chấn hưng thì tôn chỉ Phật ngày mới rõ rệt ra, ai nấy mới biết con đường chính mà theo.

(Còn nữa)

(ĐT số 14, ngày 17.3.1936)

BÀI DIỄN VĂN CỦA CHÁNH HỘI TRƯỞNG NGUYỄN NĂNG QUỐC

Thưa các ngài

Bach tổ Thuyền Gia Pháp Chủ

Đạo Phật là một đạo rất cổ ở nước Nam. Từ đời Hán, Đường, khi nước ta còn là một tỉnh của nước Tàu, đạo ấy đã truyền ra khắp mọi nơi. Đến thế kỷ thứ 10 trở đi, người mình

biệt lập ra thành nước, trải qua Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê cho đến nay, đạo ấy càng ngày càng lan rộng ra, cho nên ngày nay, từ chỗ thành thị cho đến thôn quê, không đâu là không có chùa thờ Phật.

Đạo Phật sở dĩ được rộng ra như thế là vì cái chủ nghĩa hòa bình, lấy từ bi bác ái mà khuyên người làm điều lành tránh điều dữ, để gây ra cuộc nhân sinh rất thuần hậu. Đạo ấy vốn không bao giờ có hề can thiệp đến việc chính trị trong nước, thế mà về đường tinh thần lại có cái ảnh hưởng rất lớn đối với tính tình và phong tục của người trong nước. Bởi vậy, cho nên chúng tôi muốn tìm cách mà duy trì lấy đạo ấy, nhất là lúc đang giao thời mới, cũ xung đột, lòng người ly tán, chưa biết lấy gì làm chuẩn đích cho sự sinh tồn, thì đạo ấy chính là môn thuốc cứu đời rất hay. Huống chi trong giáo lý nhà Phật, lại còn có nhiều điều, không những là không trái với ý nghĩa tân học mà lại có thể bổ ích cho sự tiến hóa của nhân loại nữa.

Song, xét ra tại sao đạo Phật truyền ra thì rất rộng, mà thế lực rất yếu, và sự hành vi trong xã hội không thấy có gì là giá trị? Nguyên do là bởi cái cách tổ chức của đạo ấy có mấy chỗ khuyết điểm. Một là đạo Phật xưa kia chỉ lấy nghĩa lý mà truyền bá ra, chứ không nghĩ đến cách lập thành thế lực để thực hành cái tôn chỉ của đạo. Hai là trong các tôn phái của đạo Phật không có thống hệ duy nhất. Bởi hai cái lẽ ấy cho nên ngay lúc đạo đang hưng thịnh, cũng không kiến thiết được việc gì về đường thực tế. Xem như hiện thời bây giờ, đạo Phật ở nước Nam thuộc về phái Đại thặng, mà cái tôn chỉ của phái ấy là chủ ở việc “tự giác giác tha”, nghĩa là tự mình sáng biết ra, mà độ cho mình, và làm cho người sáng biết ra, mà độ cho người, thế mà phần nhiều những người xuất gia tu hành làm tăng làm ni, lại là những người phải truyền bá cái tôn chỉ ấy,

mà lại chỉ lo tụng niệm để cầu riêng cho mình, chứ không lo được sự độ cho người. Đó chẳng qua là vì cái hoàn cảnh eo hẹp, bắt buộc phải như thế. Dù ai có lòng muốn làm những việc độ người, nhưng vì thế lực chưa đủ, để thi dụng những điều sở nguyện của mình, thành ra phải bó tay đành chịu độc thiện kỳ thân vậy.

Vì thế mà đối với những sự thực tế ở trong xã hội, không kiến thiết được việc thật có ích lợi cho nhân quần.

Một vài người ở lẻ loi, không làm được việc gì lại thấy trong tăng lữ không kết lập thành đoàn thể, ai ở chùa nào chỉ chăm lo làm thế nào cho đủ sự chi dụng trong chùa ấy, còn thì ngoài sự cúng lễ chay đàn ra không liên lạc gì với chùa khác nữa. Theo thói thường trong tăng lữ, khi một vị sư dạy được nhiều môn đệ thì chùa của vị sư ấy là chốn tổ, các môn đệ đều lấy chùa làm sơn môn. Những người tu hành ở một sơn môn, đã đi được dăm ba khóa Hạ, thuộc được ít nhiều luật giới, biết đủ kinh kệ và lễ lối cúng lễ, ấy thế là lên bậc sư ông, có thể đi coi riêng một chùa, hễ khi nào làng khuyết sư, người làng đến nhờ sư tổ ở sơn môn ấy cất cho một sư về ở, thì sư tổ cho vị sư ông đi, - bởi thế ở Bắc Kỳ có đến chừng bốn trăm sơn môn; mà mỗi sơn môn có một qui củ riêng, và việc sơn môn nào thì việc sơn môn ấy biết, các sơn môn khác không can thiệp gì đến, dù ở sơn môn này có ai làm điều gì trái ngược, trừ ông sư Tổ sơn môn mình, mà không nói gì thì không ai ngăn đoán được. Vậy nên trong đám tăng lữ không có kỷ luật thống nhất, không ai đứng chủ trương cả toàn thể, lo việc tiến hành của tôn giáo, hay nghĩ đến việc học hành của tín đồ và làm việc lợi ích cho xã hội. Thành thử đạo Phật thì rất hay, mà sự thực tế ở đời không thấy có gì là việc nhiều ích cho đời.

Chúng tôi thấy đạo Phật suy đồi, trong thuyên gia không có ai là chủ, các sơn môn không có kỷ cương thống nhất và lại thấy bạn đồng bào tín đồ nhà Phật thì chỉ khuynh hướng về mặt hình thức, mà sao nhãng mất tinh thần, cái đạo tâm chân chính xem chừng tiêu ma đi đâu mất cả, chỉ thấy những sự mê tín nhảm nhí, cho nên chúng tôi muốn vãn hồi cái tinh thần của Phật giáo, để duy trì lấy thế đạo nhân tâm, lại nhờ các vị tăng sớt sảng về đường cứu thế, cùng với chúng tôi đồng tâm hiệp lực lo chỉnh đốn tăng già cho có kỷ cương, có trật tự, rồi tìm cách phát minh cái đạo lý của Phật ra, khiến cho người đời biết rõ chỗ sáng mà đi tới, thấy rõ chỗ tối mà tránh xa, và rủ nhau làm việc từ thiện. ấy cái mục đích của chúng tôi chỉ cốt có bấy nhiêu thôi.

Nay nhờ ơn chính phủ xét rõ cái lòng thành thực của chúng tôi, lấy cái lượng quảng đại mà đối với sự tin tưởng tự do của nhân chúng, cho chúng tôi được phép thành lập hội Phật giáo này, đến hôm nay là được hơn một năm - hiện bây giờ trong hội có hơn hai nghìn vừa Tăng vừa Ni và có hơn một vạn hội viên, ai nấy đều sớt sảng làm việc cho chóng đạt tới mục đích của Hội - ở bên Tăng, thì các sư đã họp nhau ra qui tắc để chỉnh đốn trật tự trong Tăng già, bầu một Ban Trị sự trông coi việc thi hành những qui tắc ấy, và đã suy tôn một vị cao tăng, có đủ giới hạnh và đức vọng lên làm TGPC, là cụ Tổ Vĩnh Nghiêm ở đây, mà hôm nay cả Tăng và tục họp nhau đông đủ, công nhận cái địa vị thiêng liêng ấy.

Bẩm quan Thống sứ

Thưa các liệt quý

Các ngài có lòng hạ cố, đến dự cái lễ này, làm cho thêm vẻ tôn nghiêm, thực là quý hóa vô cùng - chúng tôi xin có lời trân trọng cảm tạ các ngài.

Bẩm cụ tổ Thuyền Gia Pháp Chủ.

Ngày hôm nay là ngày rực rỡ vẻ vang cho Phật giáo ở Bắc Kỳ. Tổ là một bậc có đức vọng trong tăng giới, xuất gia tu hành từ thuở còn thanh niên, trong non tám mươi năm chỉ một niềm trì giới tu đạo, không bao giờ sao nhãng cái tôn chỉ tự giác giác tha của nhà Phật - cho nên bất kỳ lúc nào hễ có việc công đức là Tổ hết lòng giúp đỡ, không hề có từ nan.

Nay Tổ đã chín mươi năm tuổi, thân thể già yếu, mà trí tuệ vẫn minh mẫn. Tổ thấy bụng chúng tôi làm chính đáng, Tổ đem những điều đạo lý của Phật, chỉ bảo cho chúng tôi biết đường mà noi theo. Vậy chúng tôi xin cầu nguyện cho Tổ được trường thọ lâu năm nữa để đem đuốc tuệ mà soi sáng cho chúng tôi trong khi chúng tôi cố sức làm việc chấn hưng Phật giáo này.

Kính trình cụ lớn Thiếu bảo, Hội trưởng Hội PHTK

Chúng tôi xin cảm ơn cụ lớn và các ngài hội viên Tăng, tục trong Ban Trị sự Hội PHTK, đã chẳng ngại đường xá xa xôi di ngọc đến dự lễ này, chúng tôi lấy làm hân hạnh vô cùng. Hai hội chúng ta cùng theo một tôn chỉ nhà Phật, cùng một mục đích là “Tự giác giác tha”. Chúng tôi mong từ nay chúng ta đồng tâm hiệp lực lo việc CHPG sao cho đến được mục đích ấy, thì hạnh phúc cho tiền đồ tôn giáo chúng ta đó vậy.

Nam mô bản sư Thích ca Mâu ni Phật.

BÀI CHÚC TỪ CỦA HÒA THƯỢNG HUẾ

Kính bạch cụ Pháp chủ

Kính trình cụ Hội trưởng.

Kính thưa chư sơn đại đức

Nhân nay quý Hội có lễ long trọng, suy tôn cụ Tổ Vĩnh Nghiêm lên vị TGPC, có cho mời Hội TKPH chúng tôi ra dự lễ. Hội chúng tôi có ủy cụ Chánh Hội trưởng và chúng tôi thay mặt Hội ra dự lễ này.

Chúng tôi thấy quý Hội lựa hai chữ Pháp chủ mà suy tôn cụ Tổ Vĩnh Nghiêm, rõ thấy cái mục đích của quý hội rất là chính đáng, mà lại có cái ý nghĩa sâu xa. Chúng tôi thiết nghĩ rằng: Phật pháp gặp lúc mặt vận, thế mà còn có người ra gánh vác chính pháp của Như Lai như vậy thực là một sự may mắn!

Trong khi đức Thích Ca nhập diệt, Ngài có thụ lý phú chúc cho hai phái đệ tử; về xuất gia thì duy trì Phật pháp, còn phái tại gia thì hộ trì Phật pháp; Giáo pháp Ngài từ khi lưu truyền sang nước ta, các đấng tiền nhân cũng muốn đem chân lý mà lưu bố, song chỉ e không hợp thời cơ, nên các ngài quyền nghi mượn hình thức làm bước đầu, để dẫn tiến người bước dần lên chỗ quang minh chính đại.

Về đời Lý, Trần thì Phật pháp có chiều hưng thịnh; từ ấy đến nay mỗi ngày mỗi xuống, thế đạo suy vi, nhân tâm bất cố; chỉ chuộng theo hình thức, bỏ mất hẳn chân lý của Phật pháp.

Nay trong quý Hội phát tâm quy ngưỡng Tam bảo mà suy tôn cụ Pháp chủ; bốn ý của các ngài muốn đem Phật pháp mà văn hồi nhân tâm thế đạo, chúng tôi thật lấy làm cảm mộ vô cùng!

Vậy trước xin chúc cụ Pháp chủ Bảo thân cụ dữ thiên đồng thọ, mà tuyên truyền Phật pháp; và chúc quý Hội các ngài kiên cố Bồ đề, vĩnh bất thoái chuyển.

Còn về phần riêng tôi, thì xin mừng cụ bốn chữ “Ư pháp tự tại”.

Nam mô A di đà Phật!

Trung Kỳ Phật Học Hội,
Chứng minh đại đạo sư *Thích Giác Tiên*

BÀI ĐÁP TỪ CỦA CỤ TỔ VĨNH NGHIÊM

Nam mô A di đà Phật!

Thưa các ngài,

Từ khi bần tăng xuất gia đầu Phật cho đến bây giờ, một lòng vì đạo, những mong thiệu long Phật pháp để cứu độ quần mê. Song le, gặp phải thời kỳ mạt pháp, đạo Phật khó nổi chấn hưng, nên tôi đành phận ở nơi rừng núi, tu theo các Tổ để mong giải thoát cái thân giả dối này, tưởng rằng không may lại hóa may; tôi không nghĩ đến đâu lại gặp đạo Phật hưng thịnh như thế nào; khắp Bắc Trung Nam ba kỳ đâu đâu cũng nghe tiếng CHPG.

Xét ra sở dĩ việc CHPG được mau chóng như thế là nhờ cái giáo lý nhiệm mầu của đức Thế Tôn, và cái Phật tính vẫn ở trong tâm chúng ta cả.

Tôi lại nhận ra rằng việc CHPG ở Bắc Kỳ sở dĩ được mau chóng như thế là nhờ quan Toàn quyền, quan thống sứ Bắc Kỳ và cụ Chánh Hội trưởng Hội Phật giáo cùng các liệt quý hội viên đã hết lòng tán trợ.

Hồi mới đây, chư tăng cùng các hội viên trong Hội có cho tôi biết rằng: Hội sẽ suy tôn một vị TGPC và dâng chức ấy áo mũ cùng ấn tín để thống lĩnh kỷ cương trật tự trong PGBK, cho trong tăng giới, ngoài tín đồ có qui mô thể thống. Mà chức ấy hội định suy tôn cho tôi. Tôi nghe dứt lời lấy làm

cảm động, vì các ngài hết lòng tin đạo Phật, tìm đến một người già nua tuổi tác, giới sơ đức bậc như tôi mà giao cho cái trách nhiệm lớn lao như thế, cái địa vị tôn trọng như thế, thực là khó nghĩ. Vì tôi tu hành mong giải thoát trần duyên, còn mong đâu những cái chức sang quyền trọng. Mà tôi chắc những vị đã xuất gia đầu Phật cũng đều nghĩ như tôi cả. Song nếu chúng tôi không nhận chức ấy thời cô phụ tấm lòng của các ngài đã vì đạo mà tặng cho. Kinh quyền đôi lẽ, vạn bất đắc dĩ, tôi phải tạm nhận chức ấy để chờ cho đến khi hội tìm được người xứng đáng hơn tôi.

Vậy khi tôi đã nhận chức TGPC Bắc Kỳ, tôi xin phát nguyện rằng: các ngài đều đã tự xưng là Phật tử, dù xuất gia hay tại gia ai ai cũng một lòng niệm Phật mà giữ đủ cái bổn phận của mình về đạo thời thực là một cái nền tảng chắc chắn vững bền cho Hội Phật giáo, sau nữa khỏi phụ lòng tán trợ của nhà nước, các quan.

Thưa các ngài,

Tôi xem trong năm vừa qua, Hội PGBK tiến được một bước lên con đường CHPG, nhưng theo ngu ý tôi thời sự tiến bộ ấy mới là hình thức đó thôi. Còn về chỗ cốt yếu của đạo Phật là ở nơi xiển dương giáo lý, tế độ chúng sinh; ngày nào mà hội chưa đạt tới cái mục đích ấy thời chúng tôi cũng còn không khỏi tự thẹn với cái chức TGPC mà Hội đã tặng cho.

Nam mô A di đà Phật!

(ĐT số 15, ngày 24.3.1936)

THƯ CỦA HỘI PHẬT HỌC TRUNG KỲ

Hue, le 18.01.1936

Kính gửi cụ Thiên Gia Pháp Chủ Hội Phật giáo Bắc Kỳ

Kính gửi ông Nguyễn Năng Quốc, Chánh Hội trưởng Hội PGBK

Nam mô A di đà Phật!

Ngài Chứng minh đạo sư, cụ Hội trưởng và các đại biểu của Hội chúng tôi đã về đến Huế, nhờ Phật đều đặn bình yên cả. Hội chúng tôi nghe tường thuật lễ suy tôn ngài TGPC, rất phục cách xếp đặt của các ngài và mừng Phật giáo đồ ngày nay đối với nhau đã có tình đoàn thể.

Đạo Phật có chúng xuất gia và chúng tại gia. Chúng tại gia mắc việc gia đình khó bề chuyên tâm học đạo, phần nhiều chỉ có thể quy kính Tam bảo, nghiên cứu chánh lý mà thôi. duy có chúng xuất gia, một lòng vì đạo, đã đủ thì giờ tham học lại đủ thời giờ tu tập, mới có thể trụ trì Phật pháp, khỏi bị trần duyên ràng buộc. Vậy chúng xuất gia rất có quan hệ với Phật giáo tương lai và phong trào CHPG cần phải lấy các bậc tăng gì có học thức, có giới hạnh làm trung tâm mới được.

Các ngài hiện nay suy tôn Ngài Vĩnh Nghiêm làm vị Pháp chủ chính là nêu cái trung tâm điểm của cái trung tâm kia vậy.

Đạo Phật có sự, có lý, lý phải khế hiệp, sự lý phải viên dung mới gọi là chánh pháp được. Nay các ngài đã tôn vị Pháp chủ, chúng tôi trông mong các ngài bạch cùng Ngài Pháp chủ lập những lớp học để đào tạo các ông thầy tương lai thì về sau mới có người trong tăng già đứng lên gánh vác công việc hoàng pháp, làm thầy hướng đạo cho tất cả tín đồ, và cái chân tướng của tăng bảo đạo Phật mới có ngày thực hiện.

Nhân dịp năm mới, chúng tôi một lòng thành kính bái chúc Ngài Pháp chủ: “*Thiếu bệnh thiếu nã, chúng sinh dị độ*” và kính chúc các ngài trong Hội Phật giáo: “*thâm nhập kinh tạng, trí tuệ như hải*”

Phó hội trưởng, Lê Đình Thám

CHẤN HUNG PHẬT GIÁO LÀ SỰ RẤT CẦN THIẾT (tiếp theo)

Nhân dịp nói chuyện về mê tín làm sai mất chính tín, tôi lại sức nhớ đến các thứ đồ mã thường bày la liệt ở trước cửa Phật, mà xét trong kinh Phật không thấy nói đến bao giờ. Chỉ thấy trong sách (*Tục ngôn cảnh giáo*) chép như sau này: “về đời nhà Tùy bên Tàu vào khoảng thế kỷ thứ 6 có tên gọi là Vương Luân, nghĩ cách chế ra các thứ vàng bạc bằng giấy để lợi dụng người mua. Khi ban đầu thời những người có tính hiếu kỳ ganh nhau mua hết. Anh chàng được dịp đất hàng, chế ra rất nhiều để mong tiêu thụ. Nào ngờ sự phát tài kia chỉ là tạm thời, chớ không phải vĩnh viễn, nên mới nghĩ một cách bí mật: cùng người đồng chí tổ chức xong xuôi, rồi anh giả làm người qua đời mà quan tài vẫn để chờ ngày tống táng. Trong khi thân bằng cố hữu gần xa đến đưa đám, đã thấy có mùi hôi hám trong thi thể xông ra làm nhiều người không chịu nổi phải lánh xa. Hay đâu cái khó chịu kia là xác một con vật gì chết, mà bọn kia dụng tình ngấm dấm ở nơi tang gia từ bao giờ. Rồi một người bạn thân của Luân đem những vàng mã đến trước linh cữu Luân tế, mà đốt đi ngay trước mắt công chúng, tuyên bố bài văn tế, đại ý: “Lúc bình sinh, anh là một nhà chế tạo đã phát minh ra nghề hoa man, tức là thứ vàng minh kim đây, mà

người trần gian đây không ai biết thưởng thức. Nay anh bỏ thế gian này, tôi xin đốt đi hồn anh có linh thiêng thì nhận lấy mà tiêu dùng nơi âm phủ.....”. Thời bỗng chốc trong ván thấy lục xúc như có ý kêu cứu. Kịp mở tấm ván ra, Vương Luân sống lại mà thuật ngay nguyên nhân sự nhận được vàng mã kia mới được tái sinh về dương thế, rồi cảm tạ ơn giới bề của bạn đã cứu mình”. vì cách tổ chức bí mật của bọn kia đã lợi dụng làm quảng cáo như thế nên cái làn sóng mê tín đã lan khắp ra mặt bể trầm luân, trái mấy thế kỷ, có nhẽ Vương Luân đã phải theo còn nghiệp chướng qua bao nhiêu kiếp luân hồi mà luồng khói Minh kim vẫn còn mờ mịt trên con đường sùng bái mà chưa tan.

Vậy sự dùng vàng mã, ta nên tin hay không nên tin, xin lấy óc giác ngộ dưới ánh sáng đức tuệ của đức Phật tổ Như Lai mà nhận kỹ.

4. Nói về việc diễn giảng là một cơ quan hệ trọng trong việc chấn hưng Phật giáo

Công việc CHPG, kể cũng nhiều mối: nào là phải dựng một ngôi chùa Hội quán tôn nghiêm lộng lẫy để cho công chúng chiêm ngưỡng; nào là phiên dịch kinh sách để tuyên truyền giáo lý; nào là sửa đổi lại cách phụng sự chiêm bái cho hợp với kinh chỉ Phật; nào là lập trường tăng học để đào luyện chư tăng; nào là sửa định tăng quy cho các vị xuất gia có quy tắc mà theo; nào là tôn một vị TGPC để các sơn môn có thống hệ; nào là lập bệnh viện và nhà tế bần để thực hành việc bố thí; nào là xuất bản báo chí để truyền bá Phật học. Ngoài các việc ấy ra thời việc diễn giảng cũng là một cơ quan hệ trọng trong việc CHPG. Vì việc tu hành, bên xuất gia thời không phải nói nữa, còn về bên tại gia thời thật là một sự rất khó, vì

còn nhiều hệ lụy. Bởi thế nên mới có câu: “Thứ nhất là tu tại gia, thứ nhì tu chợ, thứ ba tu chùa”. Đọc đến câu này, các ngài đừng vội tưởng có ý phân biệt tu chùa không bằng tu nhà đâu. Chính ý câu này là nói ở nhà còn có nhiều hệ lụy khó tu thứ nhất, ở chợ tuy bớt hệ lụy hơn ở nhà, nhưng cũng còn hệ lụy nên khó tu thứ nhì, duy ở chùa, không hệ lụy thì thời dễ tu hơn cả. Tại gia khó tu, lòng người dễ sinh nản.

Nếu không có cách gì để cổ động đến luôn thì dần dần cũng trở nhắc đi mất. Mỗi tháng hai kỳ diễn giảng này tức là cái cơ quan nhắc cho mọi người phải để ý đến nhờ Phật dậy mà dốc chí tu hành. Vẫn biết rằng một bài diễn giảng đọc trong non một giờ hay hơn một giờ, cũng như gió thoảng ngoài tai vậy, mà dù các thính giả có để ý nghe chẳng nữa, thời cũng chẳng qua chỉ như ném một miếng ở trong một vạc thịt ngon mà thôi, chắc chả được bổ ích mấy. Nhưng chính nhân đó rồi những bậc có tâm với đạo giáo, về nhà tự ngẫm nghĩ, tự tìm xét lấy những chính lý ở trong kinh Phật, hoặc nguyên bằng chữ Hán, hoặc đã phiên dịch ra chữ quốc ngữ để mà tu tỉnh tâm thân, thời lo gì mà chẳng lên được con đường giác ngộ. nhân tiện đây, tôi lại có một thiển kiến đối với hai ngày tuần là ngày (sóc) ngày (vọng) của ta mà hết thấy từ thành thị cho đến hương thôn đình, chùa, miếu mạo đâu đâu cũng thấy hương hoa chiêm bái. Nghĩ cho kỹ thời có lẽ tiền nhân ta cũng nhân những ngày đó bày ra lễ bái để nhắc cho người ta khỏi nhãng mất cái lòng tín ngưỡng thần, Phật, tự khắc là phải ăn hiền ở lành, không dám nghĩ bậy làm càn để còn mong cho được phúc. Vậy tiền nhân ta tuy chưa có lệ diễn giảng trong một tháng hai kỳ nhưng cũng đã có ngụ có ý diễn giảng vào đấy.

Hội CHPG ta ngày nay lập ra lệ diễn giảng này cũng ám hợp với ý tốt của tiền nhân mà lại làm cho thêm rõ rệt hơn ra - vậy ta là Phật tử, ta là giòng dõi tiền nhân, ta không quên được mỗi tháng hai ngày tuần thời ta không nên lãnh đạm đối với việc diễn giảng này. Ấy cái mục đích của việc diễn giảng là thế, cái nguyện vọng đối với việc diễn giảng là thế.

Còn theo như câu: “tự giác giác tha” nghĩa là mình biết rồi lại đem dạy cho người khác biết ở trong kinh Phật là một sự bố thí bằng lời nói, đối với bậc cao minh, tôi không dám nói, chứ chính tôi đây tự nghĩ chúng sinh là chúng sinh, tôi cũng là chúng sinh, đâu có dám đương lấy cái thiên chức cao siêu ấy. Tôi chỉ là một người thể theo cái ý tốt của tiền nhân thay mặt anh em giáo hữu mà góp một phần cởn con trong sự nhắc cho chúng sinh đừng quên cái lòng tín ngưỡng Phật tổ đầy thôi. Xin các ngài cũng nên cùng tôi cùng thể theo cái ý của tiền nhân mà đừng để cho sự diễn giảng này thành ra lãnh đạm, quý hóa biết là nhường nào!

5. Nói về một vài ý tưởng đối với CHPG và ích lợi của việc CHPG

Thưa các ngài, các ngài đã đồng tình mà cho việc CHPG là một việc rất cần thiết ngày nay, thời xin những vị có chức trách về tôn giáo, bất cứ nơi nào đều dốc sức một lòng, chẳng những bên tăng, bên tục, nên hồi tâm hướng đạo để hợp tác, mà tăng, ni ở các sơn môn cũng kíp nên hồi ngộ, cùng một tôn giáo thời thống nhất qui y, không nên chia rẽ nhau.

Lấy tôn giáo làm danh dự, chứ đừng lấy danh dự làm tôn giáo. Phàm người đã biết lấy tôn giáo làm danh dự là người hiểu thấu tôn giáo một cách siêu việt, mà tham, sân, si về

phần cá nhân không cần phải so sánh chi hết, mới có thể cộng hòa để chấn hưng tôn giáo được.

Bên xuất gia, bên tại gia, hai phái đã biết dung hòa, hết thấy không thấy lợi quyền mà phân ly, hết thấy chỉ lấy công đức mà hòa hợp thời tức là đạo bác ái bình đẳng của đức Như Lai đã giải thoát cho tâm hồn chúng ta được ra khỏi cái vòng phiền não ở trong bể khổ vậy.

Phụng sự và chiêm bái, hết thấy chỉ lấy tôn giáo làm tín ngưỡng, hết thấy không mê tín về dị đoan, thời tức là đạo quang minh quảng đại của đức Như Lai đã điểm hóa cho tinh thần chúng ta được thoát ly ra khỏi sông mê vậy.

Có người nói: “CHPG cần về tinh thần không cần về hình thức”. Phải biết rằng: phàm sự phải có đủ tinh thần và hình thức, có hình thức mà không tinh thần, cố nhiên không được, mà có tinh thần không hình thức, lại cũng không xong. Nếu chỉ nói hai chữ tinh thần xuông thôi, mà không có hình thức gì để truyền bá tinh thần thì có khác gì câu chuyện như sau này: “một ông già đời xưa của cũng lắm, con cũng nhiều, sự sung sướng ở đời nghĩ chẳng thiếu thứ gì, chỉ những ước một sự trường sinh bất lão. Thấy nói cứ niệm tên các đấng Phật được nhiều lần thời sống lâu không chết, nên ông theo đường phương tiện chỉ niệm Phật hàng ngày mấy trăm biến, mấy nghìn biến, nhưng mà không làm được một chút công duyên chi hết thì có ích gì đâu.”

Vậy hình thức có chấn chỉnh thời tinh thần mới nhân đầy mà chấn hưng, Phật giáo đã chấn hưng thời tất luân lý ngày một sáng tỏ, phong tục ngày thêm tốt đẹp.

*Độ sinh nhờ đức cao dày,
Ra tay tế độ với người trầm luân.*

Nam mô A di đà Phật!

(ĐT số 15, ngày 24.3.1936)

CHẤN HƯNG PHẬT GIÁO

(Bài diễn giảng của Nông Sơn Nguyễn Can Mộng tại chùa Quán Sứ
ngày 15 tháng 3 âm lịch 1936)

Thưa các giáo hữu.

Hội chúng ta đây là Hội CHPG. Hội thì phải có tôn chỉ. Hai chữ chấn hưng tức là tôn chỉ của Hội ta đó.

Nay tôi xin nói:

Ý nghĩa chấn hưng;

Nguyên do chấn hưng;

Chủ nghĩa chấn hưng;

Và công việc chấn hưng.

1. Ý nghĩa chấn hưng là thế nào?

Hai chữ chấn hưng ghĩa là thức dậy, làm cho chấn động cái suy nhược, hưng khởi cái đời đường. Có suy đồi mới phải chấn hưng, thịnh phải có lúc suy, là lẽ tự nhiên của tạo hóa; suy mà chuyển ra thịnh là sức văn hồi của nhân công. Kinh Phật nói rằng: “Hữu quá khứ, hữu hiện tại, hữu vị lai, tam thế cải” nghĩa là có đời đã qua, có đời hiện tại, có đời chưa tới, ba đời biến đổi, mà thịnh suy hiện ra. Kinh lại nói rằng: “Liễu tri tam thế sự, phương bất bị tam thế chuyển, nhi năng chuyển tam thế hĩ”, nghĩa là mình suốt việc ba đời, mới không bị ba đời chuyển mình, mà có thể xoay chuyển được ba đời. Ý nghĩa sâu xa, thật là phương châm cho Hội chúng ta đây.

Tôi xin kể lịch sử Phật giáo truyền sang nước ta từ bao giờ; trải qua bao thời kỳ, lúc nào thịnh, lúc nào suy, mới có thể rõ được.

a. Thời kỳ phôi thai

Đang khi Bắc thuộc, Phật giáo truyền sang cũng đồng thời với Nho giáo; cụ Sĩ Nhiếp dạy ta chữ Nho, thì cụ Vinitaruysi (tức Tỳ ni đa lưu chi) cũng sang truyền đạo Phật. Hiện bây giờ còn nền cũ là chùa *Tứ Pháp* ở phủ Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Tiếp sau có cụ Vô Ngôn Thông sang giảng kinh ở chùa *Kiến Sơ*, làng Phù Đổng cũng tỉnh ấy. Khi mới truyền giáo chắc phải dựa vào Nho giáo, vì kinh kệ Phật giáo cũng bằng chữ Nho cả, do các pho sách mà các sư Tàu đã dịch ra. Phái truyền sang ta là phái Đại thặng; cái nguyên nhân khi mới truyền sang, chẳng khác gì khi đem cây Bồ đề trồng vào đất Việt ta, bao nhiêu công bón tưới mới được rườm rà tươi tốt. Đến đời Đường đô hộ, đã có mấy vị cao tăng sang giảng kinh cho vua Đường, như Cụ Vô Ngại Thượng nhân, Cụ Phụng Định Pháp sư và Cụ Duy Đàm Pháp sư. Xem như các ông thi nhân nhà Đường có thơ tiễn tặng các Cụ, mà tôi dịch ra đây.

- Ông Thẩm Thuyên Kỳ yết Cụ Vô Ngại Thượng nhân ở Cửu Chân thơ rằng:

*“Phật sinh ra cõi Tây thiên,
Chia mình mà hóa sang miền Nhật Nam”*

Ông Dương Cự Nguyên tiễn Cụ Phụng Định Pháp sư về An Nam rằng:

*“Quấy kinh từ biệt cửa giới,
Hương hoa nhẹ bước ra khơi trở về”*

Ông Giả Đào tặng Cụ Duy Đàm Pháp sư rằng:

*“Giảng kinh trong điện nhà vua,
Hoa quanh sập ngự hương đưa ngạt ngào”*

Đến đời ngũ Đại thì có Cụ Lư Hành ở Lĩnh Nam, tức là Huệ Năng Lục tổ, Cụ có câu rằng:

*“Bồ đề nào phải cây gì,
Gương trong trong suốt, có chi là đài.
Đã không chút vật bản lai,
Bởi đâu mà có trần ai bám vào.”*

Xem thế mới biết rằng các vị cao tăng ấy đã có danh tiếng trong thời bấy giờ, chắc có nhiều đồ đệ cũng giỏi, mà tín đồ cũng đông. Các Cụ chỉ tận tâm hành giáo, chứ chưa phải chán hưng.

b. Thời kỳ toàn thịnh

Đời nhà Đinh, nước ta đã độc lập, có cụ Ngô Chân Lưu là vị cao tăng, mà phụng mệnh ra tiếp sứ Tàu, giữ địa vị trọng yếu như thế; Cụ Lý Khánh Chi, Cụ Vạn Hạnh cũng có danh tiếng thời bấy giờ. Sang đời Lý, nhà vua tôn sùng, quốc dân xu hướng; tháp chùa khắp cả dân gian, đặt hội giảng kệ ở chùa Phật Tích, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, nay còn di tích. Cao tăng thì có các cụ Từ Đạo Hạnh, Nguyễn Minh Không đứng vào địa vị quốc sư, tới nay vẫn nghìn thu hương hỏa. Sang đến đời Trần thì Phật giáo càng thịnh lắm, quốc vương đại thân cũng đều Phật xuất gia, mà từng lâm thống nhất. Xem như Trúc Lâm Tam Tổ, thì vua Trần Nhân Tôn là đệ nhất Tổ, Cụ Pháp Loa là đệ nhị Tổ, Cụ Huyền Quang Trạng nguyên là đệ tam Tổ, lại có mở khoa thi tam giáo, đem Phật giáo cùng với Nho giáo thịnh hành, mà bổ dụng nhân tài, toàn dân tộc là tín đồ Phật giáo hết thấy. Phật học xương minh nhất là đời ấy, cũng là do quốc vương đại thân đã tận tâm hộ pháp, chi nổi phải chán hưng.

c. Thời kỳ trung suy

Sang đến đời nhà Lê thì Phật giáo đã có cơ vi mang, ít thấy vị cao tăng có tiếng. Từ đời Lê Trang Tôn trở xuống, tín đồ ngày một kém đi, đến ngày nay thì Bắc Kỳ ta sụt đến một phần tư, điều đó không nói thì các ngài cũng đã rõ. Ta thử xét từ đời Lê cho tới bản triều, chỉ nghe thấy nói có Cụ Hương Hải thiền sư là xuất gia mà khảo cứu Phật pháp, Cụ Thượng Nguyễn Đăng Giai tại gia mà tôn sùng Phật pháp, ngoài ra chả có mấy ai, cửa đại giác của thiên vạn ức triệu chúng sinh, mà thành ra một cảnh thê lương quách tịch. *Tùng lâm chẳng có, tăng thống cũng không*, cũng là vì cái hoàn cảnh, cái thời thế suy nên vậy. Tự trung có một đôi cụ học thức cao siêu, mà cũng sinh lòng chán nản. Thôi thì kệ kinh câu cũ thuộc lòng, hương đèn việc cũ trai phòng quen tay; thôi thì tựa mình được chốn am mây, tuổi này gửi với cỏ cây cũng vừa, trong lúc lãng di, dù muốn tinh tiến cũng chẳng được. Bởi đó đạo lý Phật giáo ngày một mờ tối, phẩm giá chư Tăng ngày một kém đi, mà lòng tín ngưỡng của người ta ngày một phai nhạt, chùa nhà mà nỡ để không thiêng. Huống chi đời vật chất đang xô đẩy người ta, trách nào đối với đạo chân chính cao siêu mà chẳng đem lòng lãnh đạm. Phật giáo đang lúc suy đồi như thế chính là lúc phải chấn hưng.

2. Nguyên do chấn hưng là vì sao?

Phật giáo suy thì nhân tâm thế đạo cũng suy, mà phong hóa cũng suy; vì Phật giáo có quan hệ cho thế đạo nhân tâm, có giúp ích cho nhà giáo dục và nhà chính trị.

Nhà giáo dục đem học thuyết dạy được những người có tư chất tốt, có lòng hiếu học, có tính cần học mà thôi, chứ những kẻ hôn muội, lười biếng hay là ngoan ngân, dạy sao cho thấu. Phật giáo thì không kể hạng người nào, cũng có thể thụ

giáo được ít nhiều. Hễ bước chân đến cửa từ bi, nghe tiếng chuông cảnh tỉnh, hốt nhiên niệm khởi mà lòng thiện nảy ra, hình như có tia sáng đuốc tuệ mở cho một đường khai giác vậy,

Nhà chính trị đem pháp luật trị đời, chỉ có thể trừng phạt được những kẻ gian ác, đã làm ra tội trạng, có chứng cứ rõ ràng, chứ không có thể trừng phạt được những kẻ gian ác mà chưa làm ra việc, hoặc có việc gian ác không ai biết. Phật giáo thì trừng phạt một cách rất linh, theo lý thuyết luân hồi, đã có tòa án vô hình như vua Diêm Vương ở Âm phủ, tưởng tượng ra nào địa ngục, nào vạc dầu, thì ai cũng phải rùng mình sớn gáy. Hình như có mắt tuệ vẫn soi xét bên mình, điều nào thiện, điều nào ác đã biên chép lấy, không sao dấu được. Cứ như cửa miệng người ta vẫn nói, cãi cha mẹ phải tội, khinh người già phải tội, đánh trẻ con phải tội, ăn gian nói dối phải tội; tội là sẽ chịu tội ở cửa Diêm Vương. Lại như những câu làm phúc mách bảo người ngu dốt, làm phúc cứu người hoạn nạn, làm phúc bố thí cho người nghèo, nghĩa làm điều lành để cầu Tam bảo ban phúc cho. Lại có câu “đi với Phật mặc áo cà sa, đi với ma mặc áo giấy”. Cà sa là biểu hiện từ bi, đến cửa Phật tự nhiên tiêu tục tự. Xem thế thì người trong xã hội này có bao nhiêu người mà ta gọi là người tốt, có lẽ quá nửa là những người cầu phúc, người sợ tội, người mộ đạo từ bi, cái ảnh hưởng của tôn giáo, có hiệu lực lắm thay. Cho nên trải qua bao nhiêu triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê cho tới bản triều, vốn lấy Nho giáo làm quốc giáo, mà Phật giáo vẫn thịnh hành, triều đình dùng Nho học, dân gian giảng Nho học, mà làng nào cũng có chùa để tuần rằm tụng kinh niệm Phật. Có lẽ Nho giáo với Phật giáo tương vi biểu lý, tương vi hô ứng, mà đem đạo cứu đời. Nho giáo phòng phạm nhân tâm ở nơi sự thực,

Phật giáo phòng phạm nhân tâm ở chỗ hư vô. Trải mấy nghìn năm nay, trong gia đình, ngoài xã hội, nhờ đó mà nền phong hóa vẫn được vững vàng, tuy Phật giáo đốn suy đã mấy trăm năm nay, nhưng Nho giáo vẫn công hành, thì còn dựa lẫn vào nhau được.

Đến bây giờ vì phong hội đổi thay, nhà nước không đặt khoa thi chữ Nho nữa; dân gian không học chữ Nho nữa; chữ Nho đã không biết, thì những câu cách ngôn của thánh hiền dạy trong kinh truyện, rõ ràng là ý ngọc lời vàng, mà mờ mịt những mực đen giấy trắng! Thương ôi! Thánh đạo trần vu, còn lấy gì mà phòng phạm nhân tâm, chắc vào đâu để duy trì nền phong hóa...Chỉ dựa vào Phật giáo, chắc vào lòng tín ngưỡng mà thôi. Nhưng khốn vì Phật giáo ngày nay cũng chẳng còn thế lực gì. Đương lúc lớp đời ba đổ dôn này, đạo đức đã kém, lòng tín ngưỡng cũng suy. Tha hồ cho giặc tư dục tràn ra không thể ngăn cấm được. Tranh nhau quyền lợi, đua nhau sắc dục, lừa dối lẫn nhau, làm hại lẫn nhau, quá đến nỗi xóa hết cả cương thường, khinh bỏ hết cả lễ nghĩa. Đáng than thở lắm thay! Những người có huyết tính quan tâm đến thế đạo, mà trông thấy những điều chướng mắt, nghe những điều trái tai, ai là chẳng chau mày nghiến răng, lác đầu lè lưỡi, có lẽ cũng chịu bó tay đứng nhìn cho cái nhà phong hóa đổ xuống hay sao. Phải khổ tâm tìm lấy cách gì, may ra có thể duy trì được chút nào chăng. Ngộ hữu duyên tác Phật sự, việc chấn hưng này tức là một cái nhân duyên.

Cụ Chánh hội trưởng, nhân lúc thoái hưu, tháng ngày còn rộng, đứng ra gánh lấy trách nhiệm, chiêu tập mấy người đồng chí, là những người cùng một ý kiến, cùng mối thương tâm, cùng xúm tay vào mà tổ chức lên Hội. Đó là nguyên do chấn hưng.

3. Chủ nghĩa chấn hưng để làm gì?

- Duy trì phong hóa;
- Tuyên dương nhân đạo;
- Tham khảo khoa học;
- Dưỡng thành nghị lực cho đồng bào.

a. Chấn hưng Phật giáo cốt để duy trì phong hóa

Duy trì phong hóa tức là bảo tồn Nho giáo, vì Nho giáo với Phật giáo đạo lý đại lược giống nhau. Tâm pháp của Nho giáo tức là tâm ấn của Phật giáo.

Nho giáo nói: xuất tính chi vi đạo. Phật giáo nói: Kiến tính thành Phật.

Nho giáo có 5 thường (ngũ thường) mà Phật giáo cũng không sót:

- Từ bi bác ái* tức là *Nhân*;
- Phương tiện* tức là *Nghĩa*;
- Luật nghi, ngũ giới* tức là *Lễ*;
- Trí tuệ, chính giác* tức là *Trí*;
- Tín vi đạo nguyên* tức là *Tín*.

Trong kinh Phật còn có nhiều câu hợp với tinh thần Nho giáo, đây xin nói đại lược mà thôi.

Kinh Phật giảng minh được, thì tinh thần Nho giáo vẫn còn. Trước kia Phật giáo dựa vào Nho giáo để truyền bá, thì nay Nho giáo lại dựa vào Phật giáo để bảo tồn, cũng là một nhân quả. Nho giáo mà bảo tồn được, thì lúc phong hóa suy đồi này cũng có thể vẫn hồi được đôi chút.

b. Chấn hưng Phật giáo cốt để tuyên dương nhân đạo

Đời nay các nước văn minh đều xưng minh nhân đạo, là nói loài người phải yêu quý bênh vực lẫn nhau, mà đức Phật

Như Lai sở dĩ xuất gia chính vì nhân đạo. Phật thương chúng sinh như con, coi nhân ngã như một, tấm lòng từ bi bác ái ấy, chẳng nói nhiều thì ai cũng biết là lòng nhân đạo chí cực! Muốn trọng nhân đạo thì kinh Phật không thể nào không giảng minh.

c. Chấn hưng Phật giáo cốt để tham khảo khoa học

Đời mới này đang trọng khoa học, mà có lẽ kinh Phật phát minh ra khoa học trước tiên.

Bây giờ ta mới biết xét khí hóa học, mà sách Phật đã nói đất nước gió lửa là bốn vật to nhất thế giới.

Bây giờ ta mới biết thế giới là những hạt nhỏ tụ lại thành ra, mà sách Phật đã nói vi trần thành thế giới.

Bây giờ ta mới biết trái đất là hình tròn, mà sách Phật đã nói đất như quả úm la ma.

Bây giờ ta mới biết quả đất có 5 đại châu, kể cả châu Úc là linh tinh hải đảo, mà sách Phật đã nói đất có bốn đại bộ châu.

Bây giờ ta mới biết ngoài thế giới này còn có nhiều thế giới khác mà sách Phật đã nói Tam thiên thế giới, đại thiên thế giới.

Bây giờ ta mới biết trong nước có nhiều vi trùng, mà sách Phật đã nói, Phật xem trong một thìa nước có mười vạn tám nghìn con vi trùng.

Phật sinh ra trước ta non ba nghìn năm, nào có phải đi quanh địa cầu, nào có phải dùng kính hiển vi, mà con mắt tuệ soi xét đến như thế.

Kinh nói rằng: tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức, đem lục thức mà quan sát lục trần thì vật lý nào mà không quán triệt. Huống chi Phật nhãn là một bậc thần thông; có lẽ Phật

học là tị tử của khoa học. Muốn biết uyên nguyên của khoa học thì phải giảng Phật kinh.

d. CHPG cốt để dưỡng thành nghị lực cho đồng bào

Vì đời người là một kiếp khổ, có nghị lực mới có thể sống ở đời mà làm việc đời. Tôi xin dẫn mấy câu trong *Cung oán ngâm khúc* thì biết đời người khổ như thế nào. Thật đúng như lời Phật đã dạy:

*Một đời kể thiên ma bách triết;
Hình thì còn bụng chết đôi nau;
Thảo nào khi mới chôn rau;
Đã mang tiếng khóc bưng đầu mà ra,
Khóc vì nỗi thiết tha sự thế;
Ai bày trò bãi bể nương dâu,
Trắng răng đến thuở bạc đầu,
Tử sinh kinh cụ làm nau mấy lần,
Cuộc thành bại hồ cần mái tóc,
Lớp cùng thông như súc buồng gan,
Bệnh trần nhiều nỗi gian nan;
Lửa cơ đốt ruột, dao hàn cắt da;
Gót danh lợi bùn pha sắc ám;
Mặt phong trần nắng râm màu nâu;
Nghĩ cơn trần thế mà đau,
Bọt trong bể khổ bèo đầu bến mê.”*

Đói khổ, rét khổ, đau ốm khổ, hoạn nạn khổ, lo nghĩ khổ, buồn rầu khổ, cầu không được mà thất vọng khổ.

Chỉ vì lẽ đó mà người ta sinh ra chán đời, chán đời vì không chịu nổi cái khổ, không có nghị lực làm tiêu diệt cái khổ, thành ra từng xảy có những tai nạn khinh sinh, chính vì lỗi không biết tụng kinh Phật. Thương thay! Phật học đã dạy ta

phải có nhẫn nhục độ, tự mình chịu khổ hạnh, luyện tính nhẫn nại quen đi, không thấy khổ nữa, thì tự nhiên thấy sung sướng nhẹ nhàng, mà lúc nào cũng hoan hỉ, hình như sông trong thế giới cực lạc vậy. Bởi nghị lực ấy mà làm ra bao nhiêu sự nghiệp lớn lao.

Bốn điều tôi đã nói đó là chủ nghĩa chấn hưng đó.

Công việc chấn hưng phải thế nào?

Công việc chấn hưng phải theo tôn chỉ mà tiến hành. Có người lại cho bọn chúng ta rủ nhau đi tu, có người nói chúng ta phải giết người ta vào đường mê tín, nói thế là nhầm! Cứ như lẽ tôi đã nói ở trên, vì gia đình, vì xã hội, vì nhân loại mà hăng hái làm việc. Về bên chân đế, xin nhường chư tăng trì giới giảng kinh, mà bên thế đế, chúng ta chỉ cần giữ sao cho vững lòng tin ngưỡng thì công việc chấn hưng phải tổ chức cho được hoàn toàn.

Tôi hãy xin nói công việc mà Hội chúng ta đã làm, đều có ý nghĩa:

Sở dĩ lấy chùa Quán Sứ này làm Hội quán, vì ngôi chùa này là ngôi chùa cổ có tiếng trong lịch sử, mà ở giữa nơi thủ phủ Bắc Kỳ. Riêng chốn phồn hoa mà riêng phần tĩnh mịch, thực tiện cho thiện tín hành hương.

Sở dĩ đặt Ban Diễn giảng, cốt để giảng minh đạo lý cho người nghe, biên dịch kinh sách cho người xem, thì đạo mới quang minh, không đến nỗi mờ tối.

Sở dĩ đặt Ban Hộ niệm, cốt để tỏ cảm tình với người bệnh tử mà rõ nghĩa từ bi.

Sở dĩ làm ra huy hiệu tòa sen, phòng khi xa lạ gặp nhau, biết là người cùng đạo, mà tỏ tình liên lạc.

Sở dĩ đặt ra báo Đuốc Tuệ cốt để làm cơ quan cho Hội mà soi đường chính giác cho người theo.

Sở dĩ suy tôn cụ TGPC, là để pháp tôn quy nhất, mà chính danh chư tăng.

Sở dĩ đi khánh thành các chi hội, là tỏ lòng hoan hỉ với chúng giác ở mọi nơi.

Những công việc đã làm rồi ấy, đã đủ trách nhiệm chúng ta chưa. Tôi không dám nói là đủ? chúng ta còn phải làm thế nào?

Cổ động cho linh;

Truyền bá cho rộng;

Thi hành cho không chướng ngại;

Để cho nhân tâm thường được cố kết, mà Hội đứng vững lâu dài. Anh em giáo hữu ta ơi!

Đường đất còn dài, gánh vác còn nặng, mà người làm việc có lẽ hãy còn hiếm hoi.

Ngửa mong tam bảo chứng minh, mở tuệ chất cho chúng ta, thêm nghị lực cho chúng ta để cố sức tiến hành cho tới mục đích.

Nam mô A di đà Phật!

(ĐT số 19, ngày 21.4.1936)

PHONG TRÀO CHẤN HUNG PHẬT GIÁO

Gần đây trong Nam ngoài Bắc, đâu đâu cũng thấy nổi lên cái phong trào CHPG. Chỗ này rước tượng Phật đi ngoài phố, chỗ nọ đặt diên đàn để giảng thuyết. Cứ bề ngoài mà xem tưởng tượng như nước Nam mới trở lui về đời Lý đời

Trần, khắp nước đầy những chùa chiền, suốt dân đều làm tăng chúng, từ kẻ chợ cho đến nhà quê, đâu đâu cũng vang lừng những tiếng “Nam Mô”. Giữa cái thế giới hỗn tạp này, nước Nam thành một cõi thần tiên, cử quốc phụng sự ông giáo chủ Đại từ, Đại bi, Cứu khổ, Cứu nạn thấy thấy đều trai giới trong lòng mà niệm Phật Di Đà cả. Tốt đẹp thay. Phàm tôn giáo nào cũng hay cả hướng đạo Phật lại có nghĩa lý cao thâm và truyền sang nước ta đã hai nghìn năm, người ta đã tiêm nhiễm đã sâu, trung gian có hồi suy vi, nghĩa đạo mờ tối, thầy chùa ít học, nay muốn chấn chỉnh cho hưng khởi lên cũng là phải lắm.

Nhưng phải chấn hưng như thế nào cho có hiệu quả? Phải làm thế nào cho cái phong trào ấy có ý nghĩa sâu xa, chứ không phải là một sự a dua ồn ào mà thôi! Lại phải suy đi nghĩ lại cho kỹ mà tự hỏi cái tôn chỉ của đạo Phật có thích hợp với thời đại hoạt động cạnh tranh này không?

Không biết những nhà chủ trương phong trào CHPG này có suy đi nghĩ tới như vậy hay không, chứ xét ra phần đông người theo cũng chỉ là thấy ồn ào vui, vui mà theo đó thôi, vị tất đã nghĩ xa nghĩ gần chi. Dân An Nam mình tuy đã có một cái lịch sử lâu dài tới hai ngàn năm, mà xét cái tâm lý vẫn nông nổi, nhiều khi làm những cử động vô ý thức như con nít ham chơi, thấy người khua chuông gõ mõ, cũng vui chân đi theo như coi đám hội vậy, chứ chẳng biết đầu đuôi bờ bến là đâu cả. Năm trước truy điệu ông Phan Chu Trinh, gần đây làm ma ông Nguyễn Văn Vĩnh, e cái phong trào CHPG cũng chỉ là sự ồn ào nhất thời như cái phong trào trên đó thôi, như vậy thì chẳng cần phải bàn luận làm chi, vì nó nổi lên âm âm trong mấy tuần, mấy tháng, mấy năm, rồi tự nó nguội dần đi, đến không còn tăm tích gì nữa.

Người mình như đang vào lúc ngồi không sinh buồn, tỉnh thoảng cũng muốn cử động một chút, nay hô hào việc này, mai hô hào việc khác, chẳng qua là một cách vận động cho tiêu khiển đó mà thôi, chứ rút cục lại chẳng có ảnh hưởng chi hết. Vì đã trông thấy cái gương trước nhiều, nên đối với cái phong trào CHPG ngày nay, người thức giả không khỏi sinh lòng hoài nghi mà tự hỏi cái phong trào này có kết quả chi không, hay là rút cục cũng thành một chuyện hão huyền như trăm nghìn chuyện từ trước đến giờ.

Đạo Phật là một đạo cao thâm, nếu người mình muốn “tiêu khiển” bằng đạo Phật cũng hay, chắc còn hay hơn “tiêu khiển” bằng cộng sản, cái đó đã cố nhiên rồi. Nhưng nếu chỉ là câu chuyện “tiêu khiển” mà thôi, thì hà tất phải nghị luận làm gì cho phiền. Nếu quả có một cái ngụ ý sâu xa gì, thì phải suy nghĩ cho kỹ, mà đừng nên cử động một cách vô ý thức, sợ người ngoài người ta cười. Đạo Phật đối với quốc dân ta không phải là một đạo mới lạ chi, mà cần phải cổ động một cách om sòm, truyền bá một cách hăng hái, những cách đó vả lại nó cũng trái với tôn chỉ của Phật giáo. Còn đối với quốc gia, đối với xã hội, thì xét cho kỹ có lợi mà cũng có hại. Có lợi là đang lúc phong tục suy vì thói đời khinh bạc, đem giảng một cái đạo đức từ bi bác ái cũng có thể có ích cho nhân dân thế đạo được ít nhiều. Nhưng đời này là đời hoạt động cạnh tranh, mà đạo Phật là đạo vô vi, có trái với khuynh hướng của thời đại, vì tất đã không có hại cho tiền đồ của quốc gia. Các nhà chủ trương cũng phải nghĩ tới điều đó.

Nay xét về phương diện tôn giáo, phương diện triết lý, phương diện cổ văn hóa của Á châu, thì đạo Phật là một đạo rất cao thâm, hợp với cái tinh thần cố hữu của văn minh Đông

Á, trong các đạo giáo trong thiên hạ, là một đạo rất đáng cho chúng ta nghiên cứu lắm.

Nhưng đó là phần việc của số ít người thượng lưu trí thức nên đem các kinh sách trong Tam Tạng mà nghiên ngẫm, khảo sát dịch thuật, cố để lưu truyền và bồi bổ lấy cái tinh thần ấy rất cao thâm, ta không nên để cho mất đi. Nhưng tinh thần ấy không thể đem truyền bá cho công chúng được. Chỉ có thể dạy cho những người tự nguyện tu hành để phụng sự đạo Phật, tức là các giáo sư, các thầy chùa. *CHPG là cốt nhất tu luyện lấy một hạng sa môn cho có học thức, cho lâu thông kinh sách, nghĩa là lập lấy một nhà "đạo viên" như các seminaires bên Gia giáo.* Còn những việc làm chay, siêu độ lễ Phật thì là việc của mấy bà vải quê, không phải việc người thượng lưu trí thức nên làm.

(TA số 135, ngày 26.6.1936)

THANH NIÊN TĂNG CHÚNG ĐỐI VỚI PHẬT HỌC

Cổ nhân có câu rằng: "Người hay làm cho đạo rộng, chứ đạo không hay làm rộng được người". Ngẫm nghĩ câu nói ấy thì biết về tương lai này đạo Phật thịnh hay suy là do ở bạn thanh niên Phật học bây giờ, mà bạn thanh niên sau này nhiều người được thành đạt, để đề trì Phật ấn, tiếp dẫn tổ đảng, lại quan hệ ở những vị cầm quyền chủ giáo. Khoảng tháng hai vừa rồi, Cụ Chánh hội Phật giáo đi dự lễ Nam Giao, có thỉnh cầu mấy cụ Đạo sư đi vào Huế, để xem xét về trường học chư Tăng trong ấy. Sư ông Trí Hải đi về nói hết những quy mô giáo dục trong ấy cho tôi nghe, tôi lấy làm mừng rỡ vô cùng. Chắc rằng Tăng giới trong Trung Kỳ hồi này sẽ đề huề nhau

lên con đường Phật học. Sao Tăng giới ngoài Bắc Kỳ ta không mau mau xếp đặt cho có quy mô giáo dục, đào tạo cho bạn thanh niên, một mai trở nên những tay đồng lương Phật pháp. Nếu cứ chậm trễ thế này mãi, thì càng chấn hưng Phật giáo bao nhiêu lại càng nhục cho đoàn thể tăng giới bấy nhiêu.

Hiện nay phong trào CHPG đã lan khắp cả nước, lòng người xu hướng càng ngày càng đông, mà cái địa vị truyền giáo trong Tăng giới rất là kém cỏi, là do từ trước đến nay có hai điều ngăn trở về đường học vấn. Một là những người mới đi xuất gia, chẳng may gặp phải cảnh chùa nghèo khó, và phải ông thầy ít học, đã không biết đường dạy bảo, lại không tìm thầy cho đệ tử học tập. Chỉ bắt lặn lội ở những việc hèn mạt, dù có dạy bảo đi nữa, cũng chỉ khẩu truyền khẩu ê a trên chày gạo cối lúa, cứ như thế độ mấy năm, thuộc được một vài khóa tụng, là cho lên sư Bác, sư Ông, còn biết đâu là phép tu hành, mà chẳng ngu chẳng độn, chẳng hỏng chẳng hư.

Hai là, cũng nhiều chùa giàu có, ông thầy thông minh, nhưng khổ một nỗi có một đụn lại muốn hai đụn, có một trăm lại muốn hai trăm, chỉ mong tích tụ cho thật nhiều, để tô điểm những cảnh vật chất cho thỏa cái bụng dục riêng của mình. Nếu trước kia những số tiền thóc ấy, mà bớt ra cho thầy tớ đi học, thì bây giờ biết bao nhiêu người tài giỏi. Tôi dám quyết rằng: dầu làm chùa, xây tháp, tô tượng, đúc chuông, to tát đến đâu đi nữa, cũng chỉ là cảnh vật chất mà thôi, nếu không có người đệ tử hiền đức, thì chỉ là cái mồi tranh luận mà thôi.

Cúi mong các ngài cầm quyền độ nhân, thương cho những bạn thanh niên đã bỏ phụ mẫu huynh trưởng, đi xuất gia, để cầu các ngài đào tạo cho biết đường tu tâm luyện tính, lập thân hành đạo. xin các ngài bớt công việc về cảnh vật chất đi, mà bồi thực lấy tinh thần học vấn là thiết yếu hơn.

Nhất là thầy nào tớ ấy giáo huấn cho nhau, nếu không dạy được, phải cho đi tìm thầy khác mà học, đừng để phí thời giờ báu ngọc của bạn thanh niên, vì rằng người còn đương tâm tuổi thơ ấu, chí khí còn đương hăng hái, tính tình còn chưa phóng túng. Ông thầy dễ uốn nắn dạy bảo, mà người học trò cũng rất dễ thông hiểu, cũng như cây tre còn non thì dễ uốn.

Hẳn các ngài cũng đã từng nghe thấy những tiếng than vãn rằng: nếu khi còn nhỏ mà được học, thì bây giờ đâu đến nỗi thế này! Như thế đủ biết bạn thanh niên trong Tăng giới không phải là không mong mỏi về sự giáo dục. Mà những vị sư trưởng phải gánh vác cái trách nhiệm giáo dục đó mới nên. Mong sao cho các Tùng lâm sau này nẩy lên vô số là mầm đạo, kết thành vô số là quả Phật. Những vị Tăng Ni có học hạnh ra làm đại biểu Phật pháp, tuyên dương chính giác, nối thọ mệnh Phật, cho trọn vẹn cái nghĩa vụ người xuất gia.

Mấy lời tâm huyết, một nén hương lòng, xin dâng đến trước thiền phòng, kêu cùng các đại đức mở lượng hải hà, rủ lòng hoan hỉ, đừng cho lời tôi nói là ngang tai, mà nghĩ đến vận mệnh Phật pháp, tiền đồ Tăng Ni, cho cái sự của tôi đương mong mỏi ước ao được chóng xuất hiện thì may quá!

Lại xin nhắn nhủ cùng anh em chị em thanh niên trong Tăng Ni nên biết rằng: con ngựa trông thấy bóng roi thì phải chạy mau, đừng để tới khi thúc dục đến da xương! Thử xem phong trào CHPG một ngày một bành trướng như thế, thì sau này tự cái nghĩa vụ xuất gia nó bắt buộc mình, có thể từ chối được không? Nếu biết không thể từ chối được, thì phải mau mau lấy học vấn làm tính mệnh, ra sức tiến tu, sau này mới có thể đảm đang được cái nghĩa vụ của mình mà khỏi điều tủi hổ vậy.

Sa môn Tố Liên

(ĐT số 29, ngày 30.6.1936)

MỘT VÀI Ý KIẾN VỀ CHẤM HUNG PHẬT GIÁO

Hợp quần làm nên thế lực, là một câu phương ngôn rất quan hệ đến việc hành động của loài người, dù việc tôn giáo cũng không ngoài được cái công lệ ấy. Hội Phật giáo thành lập, góp chí gồm tài của người các giới, làm một cái cơ quan có đủ thế lực để tuyên dương Phật pháp, vì thế mà mới trong vòng hơn một năm, phong trào Phật giáo bành trướng khắp mọi nơi, từ thành thị đến thôn quê, từ Bắc xuống Nam, từ Đông sang Tây, đâu đâu cũng khuynh hướng về việc CHPG, tưởng trong lịch sử tôn giáo nước nhà, chưa có một thời kỳ nào, có đặc sắc như thế; nhưng xét cho kỹ, thì cái hình thức tuy có tiến bộ mau chóng, mà xem ra cái tinh thần (Tăng giới) chưa được mạnh mẽ là bao.

Hội Phật giáo lập ra trước hết để chỉnh đốn Tăng già, mà cái trách nhiệm tuyên dương Phật pháp lại chính ở Tăng già. Tăng già có chỉnh đốn, mới đào tạo được nhân tài có đủ học hành, đủ phương pháp để tuyên truyền giáo lý của Phật, có được như thế mới mong có kết quả tốt tươi.

Vậy cần thiết nhất là phải lo đến việc học của Tăng chúng, mỗi tỉnh cần phải lập một nơi tinh xá để làm học đường chư Tăng.

Hội Phật giáo mới thành lập, tiền quỹ lại phải chi dùng các việc cần thiết cho Hội tiến hành, thế mà đương lúc sơ khai, bàn ngay việc lập các tinh xá, hình như một vấn đề chưa hợp thời. Song việc gì muốn làm thì không cứ trường hợp nào cũng có thể làm được, chỉ bằng ở thập phương Tăng già dũng mãnh, tinh tiến là được mà thôi. Trước khi đem các phương pháp tỏ bày cùng các giáo hữu, tôi hãy nói qua về hiện tình

Tăng già như thế nào, các nguyên nhân làm trở ngại cho sự tiến bộ của Tăng già ra sao?

Một người xuất gia vì hoàn cảnh bó buộc, ngày tháng chỉ lo về việc sinh kế, nào có được mấy thì giờ rảnh để nghiên cứu giáo lý, mỗi năm được vài tháng đi Hạ đi học, phải vận lương riêng đi ăn, nếu gặp hoàn cảnh chùa nghèo túng, thì dù có muốn đi Hạ học, cũng không lấy lương đâu mà học. Vị nào chưa ở chùa thì đi học không có lương, đã có chùa thì phải hoàn cảnh bó buộc như trên, các Tăng Ni phần nhiều đều không ra ngoài phạm vi ấy cả.

Đã giữ một chùa nào, ngoài việc sinh nhai, còn phải hết sức lấy lòng dân, lo sửa sang vào chùa cho tối hảo, lo theo lệ làng cho đầy đủ, được năm ba mẫu ruộng để đèn hương cúng Phật hằng năm, tiền thuế ruộng, tiền sương túc chưa chắc đã thừa thế mà đến kỳ thượng nguyên, hay đồ tổ, cũng phải làm cỗ chay cỗ mặn thết đãi làng, không thì phải xỏ lợn hay xôi gà theo tục, nếu không thì khăn gói giỏ dưa, sư phải tìm phương xa lánh. Lắm nơi sư ăn nhịn để giành được ít nhiều để tu bổ vào chùa thì những Huynh trưởng kỳ hào người này ra tạm, người khác ra vay, nếu không được như ý, họ sẽ tìm trăm phương nghìn kế để bóc lột sư, trục xuất sư đi.

Đã là người xuất gia tu đạo, ngày tháng nương nhờ cửa Phật, nếu nhờ có điều gì thất ý huynh thứ trong làng, bị ra đi, thực là bơ vơ, không chốn nương thân, gặp ghềnh bước thấp bước cao, nào đâu Tịnh độ nào đâu Liên đài!

Than ôi! Phật, Pháp, Tăng là tam bảo trong thế giới. Tăng không được trong, là vì tín đồ ít hiểu nghĩa tam qui, mà cái đó cũng là vì Tăng ít học không biết đem chân lý của Phật trau dồi cho thiện tín.

Ấy sự học vấn quan hệ đến đời tu hành là thế, cho nên ta sớm phải cần lo chỉnh đốn việc học trong Tăng già. Tăng già đã có đủ học lực, đủ đức hạnh thì lo gì nhẽ phải nói chẳng có người nghe, công việc làm chẳng được dễ dàng mau chóng.

Mong rằng: Trên các cụ Đại Đức và thập phương Tăng già, mỗi tỉnh kết tập Tăng giới, kẻ ít người nhiều, hằng sản hằng tâm, tậu một khu đất rộng rãi, dựng trường học, làm bệnh viện, lập nghĩa địa gọi là tinh xá. Tinh xá tùy thuộc quyền chính phủ về việc trị an, song không phải thuộc về một thôn làng nào. Tăng giới sẽ được độc quyền trông nom trong khu vũ ấy và thực hành theo Tôn chỉ chấn hưng, rồi dần dần tậu thêm ruộng đất, để làm lương thực cho chư Tăng về tông học trong học đường sẽ lập Thư viện quyền sách của các nhà trước thuật, của các nhà từ thiện để lấy tài liệu cho Tăng chúng kê cứu như thế mới là tu có sở, học có trường, ốm có bệnh viện, sống có nơi nương tựa, chết lại có chỗ gửi nắm xương tàn khỏi hệ lụy đến ai.

Làm thế thì Tăng già rữ được hết các điều phiền muộn, mà chăm chỉ học hành, mới hầu hết tinh thần đạo Phật. “Trước giác mình, sau đưa chúng sinh tới bờ giác”, ấy là bốn phận Tăng già đầy đủ vậy.

Trong Tăng già có kết tập như thế thì Phật giáo mới chóng xương minh. Sau này việc học có kết quả rục rờ, ta có thể mở thêm lớp dạy con cháu các Thiện tín, mới thực là làm trọn cái bốn phận tự giác giác tha vậy. Mong lắm thay!!!

Hưng Yên Đại lý Tăng
Sa môn Thanh An
(ĐT số 41, ngày 22.9.1936)

Năm 1937

CÔNG VIỆC DUY TRÌ GIÁO VỤ CỦA MỘT CHI HỘI PHẬT GIÁO ĐỊA PHƯƠNG CỐT YẾU LÀ GÌ

Có nhiều người thấy trong hạt Bắc Kỳ mỗi ngày một mở thêm nhiều những CHPG ra, thì lấy làm lo rằng: hiện nay nhân dân đang bị khủng hoảng về kinh tế, mà cứ mở ra nhiều CHPG địa phương như thế rồi lấy gì mà duy trì cho bền vững mà thịnh đạt được?

Bởi vậy ký giả viết bài này để trả lời câu hỏi đó.

Trước khi giải đáp công việc duy trì giáo vụ của một CHPG địa phương phải cần những gì, ký giả hãy xin giải đáp để các ngài biết cái chỗ các ngài lấy làm lo trên ấy, không phải là việc lo cốt yếu. Đối với vấn đề mà các ngài lấy làm lo đó tất là lo: một là lo về khoản kinh phí, hai là lo về công cuộc kiến trúc,

Đang lúc xã hội khốn đốn về cái nạn kinh tế này, nhất là ở nơi thôn quê, mà nói đến sự kinh phí cùng sự kiến trúc thì thật là gian nan lắm. Nhưng mục đích hội CHPG có phải ở chỗ đó đâu.

Nói về khoản kinh phí. phải biết Hội Phật giáo không phải như các hội ăn uống chơi bời khác, Hội Phật giáo chỉ cần liên lạc cái lòng tin ngưỡng của đồng bào lại làm một mối, lấy thanh đạm làm bản lĩnh, lấy đạo lý làm tinh thần, thì có cần gì

những việc hoa hòe, rục rỡ mà phải kinh phí lớn. Hội Phật giáo là cốt thu thập hết thấy những tín đồ đạo Phật tán mạn xa nay làm một giáo hội mới, vô luận người sang kẻ hèn, đều qui lại làm một Hội mà coi nhau làm bình đẳng như ý đức Phật đã dạy, chứ Hội Phật giáo không phải chỉ chọn lấy người trong một giai cấp khá giả như hội khác, thì sự cấp liễm của hội viên trong Hội Phật giáo làm thế nào mà ai ai cũng đóng góp một loại như nhau được. Bởi vậy BQT Trung ương Hội Phật giáo đang hết sức tìm cách giảm sự cấp liễm nhân xuất đi mà tùy vào hăng tâm hăng sản của từng người riêng. Trung ương hội Phật giáo không những mong cho các địa hạt ngày thêm nhiều chi hội, mà mong tới khi một làng to hay một làng nhỏ là một nơi chi hội của Hội Phật giáo, hết thấy nam phụ lão ấu trong cái làng có chi hội ấy, ai là đệ tử của Phật tức là hội viên của hội cả.

Mỗi làng đã sẵn có một ngôi chùa, mỗi chùa đều có điền sản của làng ấy cho nhà chùa đủ đèn hương và chi độ quanh năm rồi. Nhà sư trong chùa là đạo sư của hội, nhân dân trong làng là hội viên của hội, còn làm gì mà tốn kém. Vậy phần kinh phí không cần phải lo cho lắm.

Nói về công cuộc kiến trúc. Phải biết rằng chỉ ở Hanoi, chốn thủ đô là nơi căn bản của toàn thể Hội Phật giáo, nơi hội sở chung của các hội viên Tăng già và tại gia trong một nước. Nơi có quan hệ đến nền văn hóa của một dân tộc, nơi có quan hệ đến sự quan chiêm của người ngoại quốc, thì cần phải có một cái chùa hội sở cho xứng đáng mà thôi. Còn ở các địa phương thì hạt nào, làng nào cũng đã có chùa cả rồi. Trừ phi nơi chùa nào chật hẹp, tồi tàn quá, bất đắc dĩ mới phải chữa. Hay là ở nơi tỉnh hội, chốn thị thành mới phải làm nhà giảng đường bằng ngói, còn ở thôn quê mà chỗ khó trừ đồng tiền thì

cứ làm giảng đường bằng tre lợp gianh, kiểu chông diêm coi cũng nhà lấm. Đến những việc tô tượng đúc chuông và các sự tương¹ khác đều chưa cần cả. Chỉ sửa dọn nơi cảnh chùa cho sạch sẽ phong quang hơn trước là được rồi. Nay công cuộc kiến trúc cũng không cần phải lo đến.

Như vậy công việc duy trì giáo vụ của một CHPG địa phương là cốt yếu những gì?

Thưa rằng: chỉ cốt yếu có ba việc là việc Hộ niệm, việc Diễn giảng và việc Cổ động báo sách của Hội.

1. Việc Hộ niệm

Việc này có hai phần: một là phần lễ bái ở chùa hội sở, hai là phần thăm viếng và tống chung cho hội viên khi quá cố. Về phần lễ bái, ở đâu cũng nên luyện lấy một Ban Đồng sinh lên khóa lễ để thêm làm hoa đàn. Vả lấy cái âm điệu thiên chân thành thực để cảm người ta không gì bằng khóa lễ đó. Còn về phần tống chung, nhất là ở nhà quê không những chiếu lệ một vài vị tăng và vài vị cư sĩ đem cờ phan của Hội đi đưa đám mà thôi, mà phàm những hội viên ở gần nhà tang khi cất đám nên đi đưa cho đông mà niệm Phật cho vong linh siêu thoát. Ta giữ nghiêm không ăn cỗ bàn ở nhà tang nào thì không phiền phí gì cho tang chủ. Việc tống chung này là vừa với cái tình đồng đạo, vừa khích động lòng hiếu cảm của mọi người, dịp cổ động cho Hội rất tốt, các ngài chớ có thị thường.

2. Việc giảng diễn

Trước kia chưa có Hội CHPG thì người ta cũng vẫn đi chùa lễ Phật rồi, nhưng Hội Phật giáo sở dĩ đáng cần đáng quý là ở chỗ giảng diễn mà xưa nay chưa từng có. Sự giảng diễn

1. Sự tương – Hình thức, những việc đặt bày vẽ hữu vi pháp.

mới thực là có ích cho tâm thần giáo hữu. Nếu nhà truyền đạo khéo đem những nghĩa lý có thiết thực đến cuộc hiện tại như *Tứ ân, Lục phương* cùng các điều luân lý đạo đức khác trong đạo Phật mà giảng dụ thì bổ ích cho nền giáo dục vô cùng. Ở các địa phương không cần phải viết bài giảng mới. Chư tăng và cư sĩ cứ trích lấy ở trong kinh sách Phật bằng Hán tự, còn bằng quốc ngữ thì lấy ở báo *Đuốc Tuệ* hoặc sách của Hội ta in ra mà giảng. Giảng nên dùng cả hai lối. Một là cách giảng đọc giảng về bài bằng Hán tự cũng như bài bằng quốc ngữ, bài đã chọn trước, đến khi giảng thì một người tốt tiếng đọc lên, rồi một người giảng. Hết mạch ấy lại đến mạch khác, như thế nghe cũng thú lắm. Khi có bài văn vần, văn biền ngẫu nào hay thì đọc sách bình văn ngâm nga lại càng thêm vui tai. Một lối là cách nói chuyện, người nào có tài biện thuyết thì chọn lấy bài ở trong sách báo của Hội xem cho kỹ rồi lúc nói, cứ nói như nói chuyện thường, và giải thích thêm với việc thực, để người nghe dễ cảm và có ích.

3. Việc cổ động cho báo sách của Hội

Báo *ĐT* là một cái then chốt truyền đạo của Hội Phật ta, là một cái then máy biểu phát ý kiến, công việc của các chi hội. Báo *ĐT* sau này mỗi kỳ sẽ lựa đăng thêm những tin tức lớn trong nước, trong thế giới, những bài về đời để các giáo hữu ở xa chỉ đọc một báo *ĐT*. Ngoài việc đạo ra, cũng rộng thêm kiến văn. Vậy các CHPG địa phương các ngài nên chú ý đến báo *Đuốc Tuệ*, cổ động cho nhiều người đọc báo *Đuốc Tuệ* mà phát đạt tức là sự tuyên dương đạo Phật của Hội ta phát đạt.

Báo *ĐT* là bộ máy chủ não của Hội Phật ta, nay tòa báo đã có nhà máy in, nếu số thu nhập của tờ báo mà thừa chi thì

lại đem của vào đây. Vật liệu ngày thêm phong phú, bài vở chọn thêm tinh tế, việc truyền đạo nhân đó mở mang. Vậy các ngài nên coi sự cố động cho báo *DT* tức là việc ấn tống kinh sách, phúc đức. Đó là ba điều cốt yếu duy trì việc hành đạo ở các chi hội thôn quê, dù một nơi sinh hoạt eo hẹp cũng có thể làm được. Ngoài ra còn có một việc cần mà nghĩa vụ Hội Phật giáo ta phải làm là việc cứu tế. Việc cứu tế tức là việc bố thí của Bồ tát đạo. Song việc cứu tế của Hội Phật giáo ta buổi ban đầu này còn là một khoản lâm thời khuyến hóa chứ chưa phải là một khoản thường bị. Nghĩa là mỗi khi trong hạt chỗ chi hội có xảy ra sự tai nạn hoặc ở hạt khác xứ khác mà có lệnh Trung ương cho phép thì chi hội đứng ra khuyến hóa mà cấp giúp cho kẻ bị tai nạn ít nhiều gọi là tỏ chút lòng từ bi bác ái, biết thương đồng loại. Tuy thế nhưng việc đã là việc lâm thời thì cũng không phải lo sẵn, và việc là việc khuyến hóa thì thuộc về hằng sản hằng tâm từng người chứ không phải nhất luật thì cũng lấy gì làm khó.

Tóm lại, Hội CHPG ta chính là vì trông thấy những cuộc khủng hoảng hiện tại của xã hội ta mà lập ra. Có phải hiện nay xã hội ta không những khủng hoảng về kinh tế mà còn khủng hoảng cả về tinh thần nữa không? Khủng hoảng về tinh thần là việc giáo hóa suy đồi, tâm thần nhân dân không nơi y chỉ, nên gặp cái nạn kinh tế khủng hoảng này, không biết đối phó, phấn đấu ra thế nào, mà sự sinh hoạt của quần chúng càng thêm khốn đốn. Bởi vậy Hội Phật giáo mong đem những nghĩa lý của đạo Phật là siêng năng, kiệm ước, thành thực, tinh tiến, chất phác, chay tịnh, thương người xót vật, cứu độ lẫn cho nhau, để cảm hóa cho người ta có đủ những cái nội lực ấy mà tiến lên con đường sinh sống đời nay, cùng nhau cứu vớt mọi cái khổ về tâm thần, về thể xác trong bể khổ hiện tại,

mà cầu phúc báo ở đời sau. Kể ra mục đích của Hội còn nhiều, kiến thiết còn nhiều, nhưng đó thuộc về Trung ương và toàn thể của Hội. Còn ở các CHPG, công việc duy trì, cốt hãy giữ lấy ba việc trên đây trước đã.

ĐNT

(ĐT số 56, ngày 1.3.1937)

PHẬT GIÁO Ở PHỦ TỪ SƠN

1. Hiện trạng Phật giáo ở phủ Từ Sơn

Phủ Từ Sơn ta là một phủ Nho học thịnh hơn các hạt khác trong tỉnh Bắc Ninh, mà Phật giáo cũng đều thịnh đã tới mấy nghìn năm nay, xem như hiện nay nhà nước thôi thi cử Nho đã vài mươi năm mà phủ ta những người có tên bảng Cử nhân, bảng Tú tài còn được ngót 30 ông. Lại còn những những người học thông mà không đỗ thì nhiều lắm, điều đó đủ làm chứng rằng phủ ta là nơi Hán học thịnh. Từ khi giáo Thiên chúa truyền bá sang Đông Dương này thì người nước ta tín ngưỡng cũng nhiều, thế mà cả phủ Từ ta ngót trăm làng, mấy vạn xuất đinh mà chỉ có phần ít người làng Cẩm Giàng và phần ít người làng Thạc Quả, Hạ Dương là theo giáo Thiên chúa mà thôi, còn toàn theo giáo Phật cả, điều đó đủ làm chứng rằng: phủ ta giáo Phật cũng rất thịnh. Đạo Nho và đạo Thích hai đạo thịnh hành mà không sinh ra điều gì xung đột nhau cả, là vì giáo lý của đức Khổng Tử và giáo lý của đức Thích Ca cũng giống nhau, thí dụ như đức Khổng Tử dạy rằng: “Tích thiện chi gia tất hữu dư khương; tích bất thiện chi gia tất hữu dư ương” nghĩa là những nhà tích thiện tất có phúc về sau;

những nhà tích ác tất có vạ về sau. Cũng như đức Phật tổ dạy rằng: “Thiện hữu, thiện báo, ác hữu ác báo”. Lại xem như những giáo điều của Phật kể trên này thì đối với luân lý giáo Nho không khác gì mấy, vì thế cho nên Giáo - Nho, Giáo - Phật vẫn dung hòa với nhau mà thịnh hành ở xã hội xứ ta. Hiện nay thì Giáo - Nho cũng suy mà Giáo - Phật cũng suy, vậy nên ở xã hội ta thường xảy ra những sự quả liêm tiếu sỉ thương luân bại lý, hàng ngày trông thấy, điều đó chúng tôi nói ra cũng lấy làm xấu hổ, nhưng thực không thể nào chối được. Thầy Mạnh Tử có dạy rằng: “dật cư vô giáo cận cầm thú” nghĩa là loài người no cơm ấm áo không có giáo lý gì thì không hơn gì cầm thú.

Bây giờ chữ Nho ở nước ta một ngày một hết thế mà muốn duy trì lấy nền đạo đức phong tục cho xã hội thì trông nhờ vào Phật giáo mà thôi, chính cũng vì những lẽ ấy mà các cụ mới lập lên Hội CHPG.

Một giáo nào mà được thịnh, tuy bởi xã hội sùng bái, quốc vương đại thần giúp sức, nhưng cốt tử nhất phải có những bậc truyền giáo tốt mới thịnh hành được, vậy thì bậc truyền giáo ở trong đạo Phật là ai bây giờ? Tức là Tăng Ni.

Hiện nay những Tăng, Ni ở phủ ta ít lắm, cả phủ hạt có hơn một trăm chùa mà chỉ có một nửa là có Tăng, Ni trụ trì, còn thì đều là pháp môn giữ chùa cả; mà trong số Tăng, Ni hiện có bây giờ tôi cũng không dám chắc rằng đã đều là những hạng biết thấu kinh kệ, giữ đúng giới luật, tỳ trung cũng có phần ít những bậc chân tu, còn phần nhiều là tùy duyên giữ lấy một chùa làm chỗ nương thân mà thôi, chứ nào đã thấy có ai phát ra được những thế nguyện to tát như các đức Tổ ngày xưa để mở mang Phật giáo được rộng lớn ra đâu, như thế thì trách nào Phật giáo không suy.

2. Tương lai Phật giáo đối với thế giới này như thế nào?

Giáo lý của đức Phật chúng ta là một giáo lý rất hoàn toàn, rất cao thượng, làm cho loài người được hạnh phúc hòa bình, không gì bằng giáo lý của Ngài. Hãy xem như nước Đại Pháp là một nước giáo dục rất văn minh mà có ba điều là câu “Phổ thông giáo dục cho quốc dân rằng: “Engalité, Libertes, Fraternites”.

Nghĩa là phải bình đẳng, phải tự do, phải bác ái, thế mà giáo lý của Phật thì hoàn toàn đủ cả ba điều ấy, Phật dạy rằng: “nhất thiết chúng sinh cù hữu Phật tính” nghĩa là hết thảy chúng sinh đều có tính tốt như Phật. Vậy thì tinh thần bình đẳng biết là nhường nào! Phật lại dạy rằng: “Vô quái vô ngại, đại tự tại” nghĩa là không vướng víu gì không ngăn trở gì rất thung dung nhàn hạ, thế thì tinh thần tự do biết nhường nào! Phật lại dạy rằng: không những loài người nên bố thí lẫn cho nhau, mà cả đến đối với loài cầm thú hữu tình cũng nên thương nó, cho nên đã đặt ra luật Không sát sinh, mà trong giới luật Sa di lại cắt nghĩa về mục ý phục, cấm dùng áo cừ, áo tơ mà ngài cắt nghĩa rằng: áo cừ phải dùng da con thú, áo tơ phải dùng ruột con tằm, vì thế cho nên không nõ dùng, thế thì tinh thần bác ái biết là nhường nào! Vì giáo Phật hoàn toàn cao thượng như thế, cho nên hiện bây giờ người Âu châu, Mỹ châu đi tu đạo Phật càng ngày càng nhiều, mà ở nước nhà thì Trung Kỳ, Bắc Kỳ đều có Hội CHPG cả, mà tôi dám chắc rằng từ rày trở đi, thì giáo Phật càng ngày càng thịnh là vì cái thế giới vật chất hiện bây giờ cạnh tranh nhau quá, tàn sát nhau rất thảm khốc. Thế nào cũng có một ngày lòng người hối họa, thì tự nhiên đạo Phật tràn khắp hoàn cầu, vì chỉ đạo lý của Phật là mới có thể cứu được cái vạ vật chất cạnh tranh mà thôi.

3. Giáo hữu chúng ta đây nên sửa sang như thế nào?

Người ta đã có thân thì cần phải nuôi thân cho được sống, mà sự nuôi thân cho được sống vừa cần có vật chất vừa cần có tinh thần. Vật chất để nuôi thân là gì? Là cần có cơm áo thì thân thể mới khỏi đói rét. Tinh thần để nuôi thân là gì? Là cần có đạo đức thì tâm hồn mới được khoan khoái; thế mà tôi xét kỹ ra thì những người chết về phần tinh thần lại nhiều hơn là số người chết về vật chất.

Thí dụ: năm thì mười họa chúng ta mới nghe thấy có một người bị chết đói hoặc chết rét. Còn những kẻ vì tức giận mà chết, vì lo buồn mà chết, vì mê đắm mà chết thì hàng ngày báo trượng đăng luôn mãi, lại còn những vụ chiến tranh đem nhau ra chiến trường giết nhau hàng trăm vạn, những người chết ấy có phải vì đói rét mà chết đâu, chẳng qua chỉ vì lòng tham, lòng sân, lòng si mà hại cho mình và hại cho người, như thế thì có phải những người chết phí mệnh về đường tinh thần lại nhiều hơn là những người chết phí mệnh về đường vật chất hay không?

Chúng ta ai cũng có gia tộc, ai cũng có xã hội, đã sinh ra ở đời cần phải giao thiệp với mọi người, không thể tránh đi đâu được. Nếu mọi người trong gia tộc, trong xã hội của mình cần phải giao thiệp với họ luôn luôn, mà ai ai cũng không có nhân nghĩa đạo đức gì đối đãi với nhau, cha không biết thương con, con không biết hiếu với cha mẹ, anh em không hòa thuận nhau, giúp đỡ nhau, tranh cướp nhau, thế thì tuy sống ở đời không khác gì như một mình đứng trong đám hổ lang ma quỷ, thì sống như thế còn vui thú gì. Vì loài người ta rất khôn rất khéo, nếu không có lòng đạo đức để đối đãi với nhau, thì loài người thực còn độc ác hơn là hùm beo rắn rết.

Vậy nên bên tại gia chúng ta bây giờ cần phải tôn tín giáo lý của đức Phật, trước là sửa lấy mình ta, sau là cảm hóa lấy gia đình xã hội của chúng ta, xã hội ta, gia đình ta có đạo đức tốt thì chúng ta mới được hưởng cái hạnh phúc hòa bình.

Về bên xuất gia cũng nên dũng mãnh tinh tiến, học tập kinh kệ, giữ đúng giới luật để mà tự giác giác tha theo như lời Phật tổ đã dạy. Hiện nay bên Trung ương đã có Ban Khảo cứu để phiên dịch “Tam tạng” ra quốc văn, Trung Kỳ cũng đã có Hội Phật giáo, phiên dịch các Phật thuyết ra quốc văn như báo “Viên Âm” v.v... Nam Kỳ cũng đã có những người tín ngưỡng đạo Phật mà dịch các Phật thuyết ra quốc văn, như ông Đoàn Trung Còn, xuất bản cũng đã nhiều sách về Phật thuyết thì giáo lý đức Phật từ nay trở đi làm cho người ta dễ hiểu hơn trước nhiều lắm. Vậy các giáo hữu ta cần nhất là các sơn môn bây giờ phải đào tạo lấy bậc thiếu niên Tăng Ni cho đủ tư cách truyền tuyên Phật giáo sau này. Hiện nay bên Trung ương Hanoi và tỉnh bộ Bắc Ninh nhà đã có ban dạy Tăng Ni, kết quả rất tốt, ai học đến đâu hiểu đến đấy, tôi dám chắc sau này trong bọn thiếu niên Tăng Ni ấy sẽ xuất hiện ra được một vài người đạo đức cao tăng. Vậy, tôi tưởng các Tăng Ni hiện ở đây ai cũng nên tùy duyên, tùy lực mà kén chọn lấy đồ đệ thiếu niên, người nào thông minh thì cấp học phí cho người ta lên trường tỉnh học tập để sau này họ đủ tư cách một người tu hành để họ tuyên truyền Phật giáo và giữ lấy sơn môn của các ngài. Nếu các ngài xuất gia, không nhân dịp tốt này mà sửa đổi lại cho được chỉnh tề, để theo đuổi mục đích CHPG của quốc dân, thì hiện nay cả nước ta Phật giáo hội đang tiến hành, chẳng những một trong nước ta mà Phật giáo cả thế giới cũng một ngày bành trướng thịnh đại, thì không biết sau này các ngài sẽ tự xử mình vào bậc nào cho yên.

Vậy tôi kính khuyên các Giáo hữu cả bên Tăng bên Tục ta phải đồng tâm cố kết lấy nhau để cùng làm việc CHPG thì xã hội chúng ta sau này sẽ được hoan hỷ vô lượng. Mà chính Hội phủ ta từ ngày nay trở đi chúng ta phải khuyến bảo nhau tùy duyên tùy lực mà thực hành các việc cứu tế cho xã hội được phần nào hay phần ấy, chứ nếu cứ làm lễ Khánh thành rồi không làm một việc gì cho xã hội, để mà theo giáo lý của đức Phật tổ thì cũng không cần gì có CHPG phủ Từ Sơn nữa.

Mà chúng ta cũng đừng ngại rằng: từ trước đến giờ chúng ta không theo đuổi giáo lý của Phật tổ, bây giờ mới tu tập, sợ rằng công bất bổ quá. Tôi nhớ Phật điển có chép truyện: đức Phật tổ ta một khi đi thuyết pháp, trong đám thính giả có một người chuyên môn đi làm đồ tể, nghe Ngài thuyết pháp sinh lòng hối ngộ, vứt dao bầu đi, lập tức thành Phật. Vậy thì chúng ta bây giờ cố khuyên nhủ nhau, làm việc phúc đức, cũng không muộn gì.

Nay nhân ngày khánh thành chi hội phủ ta, chúng tôi ngu hèn, lạm được các ngài có lòng yêu, cử lên làm đại lý, tôi rất lấy làm cảm động xin bày tỏ mấy lời thiển kiến, chất chính cùng các giáo hữu bên Tăng, bên Tục phủ ta.

Nhân tiện tôi xin thay mặt phủ hạt Từ Sơn cảm ơn các quan đại thần thay mặt chính phủ bảo hộ, đã cho chúng ta được phép lập Hội, và xin cảm ơn các bậc đại thần, các quan đương lộ, cùng các giáo hữu đã có lòng vì đạo mà đến chứng minh việc lễ khánh thành ngày hôm nay.

A di đà Phật

Trịnh Xuân Nham

(ĐT số 58, ngày 1.4.1937)

LỜI THAN PHIỀN CỦA NI CÔ TÂM NGUYỆT

Thế tính chân như đâu có phân ra nam nữ, chẳng qua chỉ vì một niệm sai lầm từ hồi vô thủy mới phải mang thân tứ đại, tùy theo tội phúc nghiệp duyên, biến đổi hình hài sai khác, loanh quanh trong vòng lục đạo, chen chúc cùng nhau đời đời kiếp kiếp, may nhờ còn chút căn lành từ trước, được làm thân người, song tủi vì nổi sinh ra thân phận liễu bồ, ở vào địa vị hèn kém, theo thói tục đàn bà Nam ít người được học, cho nên kiến thức hẹp hòi, tài năng chẳng đủ, mới bị nhiều người hắt hủi khinh bỉ, nếu đợc theo đòi việc học, thời thả ra chưa chắc ai đã kém ai. Thật là nghĩ đến thân bao nhiêu lại càng ngậm ngùi cho thân bấy nhiêu, nghĩ đời bao nhiêu lại cũng chán ngán cho đời từng ấy. Vì thế mà quyết lòng rũ sạch hồng trần, hôm mai nương bóng Bồ đề, tiêu dao cửa Phật, những mong giải thoát nghiệp duyên. Nhưng từ khi bước chân tới cửa thiền già, lại thấy nhiều điều bó buộc, bên Tăng giới hã y còn kha khá, nhất phái nữ Ni lại phải ngậm đắng nuốt cay, chịu không biết bao nhiêu điều uất ức. Tiếng gọi là chùa mà công việc làm ăn cũng chẳng khác chi tại gia mấy tý, phải làm đầu tắt mặt tối, ngày nào cũng như ngày nào nên chỉ có cái danh cái hình là người xuất gia, mà có ai hỏi thế nào là Phật pháp, là tu hành, thật ít người trả lời đúng đợc. Thậm chí có vị trả lời Phật pháp là Phật pháp chứ là gì “còn tu hành là cốt sửa sang vườn trồng hành cho tốt để bán lấy tiền tiêu”.

Xin các ngài hã y nghĩ thử xem câu trả lời ấy có quý hóa không? người xuất gia là sư, sư là sư thầy, thầy của ai? Của tín đồ Phật giáo, mà sư không hiểu giáo lý của Phật, không hiểu nghĩa tu hành thì còn lấy gì mà dạy bảo cho người đời đợc? còn lấy gì mà gọi là Tăng bảo đợc! ấy cái tệ hại của Tăng Ni

về sự ít học như thế, không những khổ riêng cho mình, mà lại nhục cả đoàn thể, đến tôn giáo nữa, gần đây Hội Phật giáo thành lập, trong điều lệ Hội có nói mở trường Phật học để đào tạo lấy nhân tài mà duy trì Phật pháp, lợi ích quần sinh, mới nghe đã tấp tểnh mừng thầm chắc rồi sẽ có nơi học tập. Lại thấy nói Hội mở trường Phật học vào đầu tháng một Annam năm Bính Tý (1936) để cho các sư học, thì hình như người bị đói đã lâu nay nghe thấy tiếng gọi bưng cơm, chắc mắt thế nào cũng qua cơn đói khổ, nào ngờ ngòi đầu phát cuối, ngòi giữ phát hai bên, hễ đến phần mình là hết, đói vẫn hoàn đói, không biết than thở cùng ai, đành bạo viết bài này. Mong rằng các vị có lòng nghĩ đến Phật pháp, nghĩ đến đoàn thể, ra tay mở mang trí thức cho đàn hậu tiến, không nên thiên vị bên nào, khinh thường Ni giới chúng tôi, chắc các ngài còn nhớ bà Long nữ cô Linh Chiếu khi xưa, cùng bao nhiêu người bên nữ giới tu hành đặc đạo.

Ngay hiện nay trong báo giới của Phật giới vẫn thường thấy nói Ni cô đi thuyết pháp, và bài các Ni cô đăng trong các tạp chí Phật học, như Ni cô Diệu Không, cô Huệ Tâm chẳng hạn, xét thế đủ biết là nếu Ni mà được học tập như Tăng Ni thì có kém gì cho lắm?

Nói về đường tài chính, ngay trong các vị Ni và các bà giúp tiền vào trường Phật học cũng nhiều, chứ không chỉ bên tăng giới mà thôi.

Tôi nói thế không phải tôi ghen ghét tạt đổ chi đâu, những điều tôi thổ lộ ra đây chính là tôi mong rằng, trường Phật học về bên Ni giới mau mau mở cửa để chị em nữ Ni niên thiếu có nơi học hành, có thầy dạy bảo mong một ngày kia cũng xin đương vai gánh vác Phật pháp tuyên dương giáo hóa cho nhân dân, cho khỏi phụ chí hướng xuất gia đầu Phật.

Lại xin mong rằng: các chị em trong Ni giới thiếu niên mau mau bạch lại vị nghiệp sư nên hợp sức cùng nhau mở trường Phật học để chị em ta có nơi ăn học, chứ không nên bắc nước chờ gạo người, chư tăng còn lo việc bên tăng, chắc đến khi thừa thời giờ, dư tài chính các ngài mới nghĩ đến chúng ta, e đến ngày chị em chúng mình dung giảng thì trường Phật học của Ni giới mới mở cửa cũng nên. Nếu bây giờ các vị Thượng tọa bên Ni hiệp sức cùng nhau, nhờ bên Tăng giúp đỡ phương pháp, thì trường học của chúng ta dựng thành dễ như giở bàn tay, lại chắc có nhiều người giúp đỡ, về phần các bà lại được nhiều hơn nữa.

Vậy các chị em nghĩ sao??? Về phần em, em xin thấp nén hương cầu khẩn mong sao công việc chóng thành thì thật là quý hóa.

Sa di ni **Tâm Nguyệt**
(ĐT số 60, ngày 1.5.1937)

MỤC ĐÍCH CHẤN HUNG PHẬT GIÁO

(Bài diễn thuyết tại Hội quán CHPG Hải Dương)

Xem cái tình hình Phật giáo mấy năm trở về trước, tuy mỗi làng có một ngọn chùa, nhưng các nơi thờ Phật chỉ tin rằng làm chùa để đi lễ cầu phúc, mời chư sư ở chùa, để thay mặt thấp hương cầu phúc cho mình, chớ không biết ngôi chùa và các tượng Phật, Bồ tát chỉ là cái gương đạo đức luân lý để mình soi, mà chư sư chỉ là người ở đấy để giữ cái gương ấy, những khi thiện tín ra chùa, thì đem giáo lý tinh túy ra chỉ dẫn cho người ta theo đó mà thực hành, thời tự nhiên không cầu phúc mà được phúc. Đấy mới là chân lý thờ Phật. Nếu làng

nào có chùa thờ Phật, cũng biết cái mục đích ấy thì thế đạo việc gì đến nỗi suy vi.

Cũng may, hồi này có các bậc trí thức cùng nhau tận tâm cứu vãn, khắp cả ba kỳ đều đem giáo lý của đạo Phật ra mà tuyên truyền thay cho Nho giáo.

Nay cứ xem những làng có hội quán diễn giảng, cùng những làng không có, từ già trẻ trai gái, những cách ngôn ngữ hành động, đã hơn kém nhau nhiều, mới biết sự giảng đạo có cảm hóa nhân chúng về phần đạo đức luân lý, nhanh chóng như thế, cho nên lòng người xu hướng về đạo Phật ngày càng thêm đông.

Tuy nhiên, Phật giáo đã được long thịnh như thế, nhưng trong hàng Phật tử chớ vội cho là đã mãn túc. Hiện nay ngoài còn có kẻ chờ cơ hội mình suy yếu để họ bài trừ, lại có một phần đông âm phá ở trong nữa. Cái nông nổi ấy chúng ta cũng nên thống tâm tậ thủ mà lo phương pháp duy trì.

Cổ nhân có nói: “ở yên nghĩ nguy, ở thịnh nghĩ suy”. Nhân cơ hội này, phải nên phấn phát tinh thần mà khuông phù chính giáo, người có pháp thì lấy pháp thí, người có tài thì lấy tài thí, có lực thì lấy lực thí. Nếu Phật tử ai ai cũng đối với Phật pháp dũng mãnh tinh tiến như thế, thì mới đảm nhận được cái cơ nghiệp của Phật tổ Như Lai, mà thực hành được như nhời đại sư lao công vừa nói ở trên.

Phương phép duy trì có mấy điều thiết yếu như sau này:

1. Sùng thượng đạo đức

Cái bốn phận người ta ai cũng phải nên trau dồi đạo đức làm đầu, mà bên phái Phật tử, thì đạo đức là cái nguyên tố sinh thành giới thân, tuệ mệnh của mình, lại là một thứ pháp khí hóa độ nhân chúng, nếu muốn cho nhân chúng đầy đủ tám

lòng tín ngưỡng, thì Phật tử trước phải giữ gìn đạo đức. Xem những bậc cổ thánh tiên hiền, ngài nào xuất xứ cũng ung dung ở trên con đường đạo đức mới lập thành sự nghiệp, để cho nhân loại nhờ đấy mà bắt chước. Phương chi các Phật tử chủ ý để kể Phật tổ thọ mệnh, hoàng hóa chính pháp, há lại chẳng lấy đạo đức làm tiêu chuẩn mà được dư!

2. Giáo huấn tăng già

Phật pháp mà không chấn chỉnh, là tại tăng già thiếu học. Nay Phật giáo mở trường Phật học trong cả ba kỳ là chỉ cốt ở chỗ chỉnh đốn thuyên lâm, thiệu long Phật chủng. Thế mà còn có người nói: Các vị học thì được ích cho các vị, chứ ta được gì mà phải tư cấp? Ôi! những người nói như thế, sao không biết hỏi: trong tăng giới hồi trước, làm sao mà nay chùa này, bị dân trục xuất, mai chùa kia, bị phiền nhiễu đến chốn nha môn, lại còn những việc thậm tệ không thể giải bày ra đây được nữa.

Xét phân nguyên do của các người bị trong trường hợp ấy, phần nhiều là không biết lấy giới luật mà trị thân, lấy đạo đức của Phật tổ mà đào luyện tính tình. Nói là xuất gia, nhưng kỳ thực không có chút đỉnh tính cách người chân tu, thì những sự nhục nhằn ấy là tự mình vờ đến, chứ chẳng phải tự đâu? Thí dụ như trong mình khí lực suy yếu, thì tà phong từ ngoài cảm nhiễm mà hóa ra bệnh tật. Lại như các vật trước tự mục nát rồi sau mới sinh các giống trùng mọt. Xem thế thì đủ biết sự giáo dục cho tăng già lại càng cần cấp lắm.

Nhưng trong Phật học lại càng thâm vọng ở các vị cầm quyền giáo dục hiện thời, phải tính cách giáo dục làm sao cho hậu bối chóng khai thông tiến hóa, làm sao cho hậu bối đều có cái tư tưởng phấn phát tinh tiến cầu đạo, và cái tư tưởng học để sau mà hoàng pháp lợi sinh, chứ không nên dạy cho những

cái tư tưởng lánh đời bỏ chúng, mà cô phụ những tấm lòng hy vọng của đoàn thể giáo hội, và bỏ cả cái tôn chỉ Tự giác, giác tha; Tự lợi, lợi tha của Phật tổ, thì học cũng không có bổ ích gì cho xã hội Phật giáo. Như ngu ý tôi thiết tưởng, trong Phật học ngày nay, là cốt đem cái chân lý trong pháp môn, có bổ ích cho thời đại, cái gì đáng cải cách thì nên cải cách, cái gì đáng xiển phát thì nên xiển phát, như thế thì tiền đồ học thức của tăng già mới chóng được thành đạt.

3. Chăm chỉ giới hạnh

Có giới thì mới sinh định, có định thì mới phát tuệ, ba điều ấy tức là cái trình tự nhất định của Phật tử tu hành, nên trong Phật học gọi là “Tam vô lậu học”, nghĩa là Phật tử không được bỏ sót ba điều tu học ấy. Trong kinh Hoa Nghiêm nói: Người mà giữ gìn được giáo pháp trọn vẹn, thì nhân quả của mình ở trong tam bảo chẳng dứt mất. Giáo pháp ấy là gì? Tức là Kinh, Luật, Luận. Học Kinh là học Định, học Luật là học Giới, học Luận là học Tuệ. Người Phật tử có hoàn toàn được công phu ấy thì mới hoằng dương được giáo lý, tức nhân quả của mình chẳng dứt ở trong ngôi tam bảo, mà lại làm cho thêm long thịnh nữa.

Luật Tứ phận nói: “Luật tạng ấy là thọ mệnh của Phật pháp, Luật tạng còn thì Phật pháp cũng còn”.

Xem như thế đủ hiểu người Phật tử mà giữ gìn được Giới luật, thì Phật pháp cũng ngay ở thân người ấy. Nếu Phật tử mà không có giới luật, thì lấy gì khiến cho mọi người kính phục? Đành rằng trong kinh có nói: “Kính phục chẳng lấy làm mừng, phỉ báng chẳng lấy làm giận”. Nhưng cứ lấy tình thế hiện tại mà nói, người ta đã không kính phục thì cũng không được nghe giáo pháp mà cảm hóa; nếu muốn khiến cho mọi người đều cảm hóa Phật pháp thì toàn thể Phật tử trước hết phải giữ gìn

giới luật cho thuần khiết, tinh nghiêm. Xem đây thì đủ thấy giới luật là căn bản duy trì Phật pháp. Giới học đã đầy đủ, thì tự nhiên tâm địa thuần hóa, những khi mình động, tĩnh, ngữ, mặc, đều không thấy căn trần rối loạn, như thế tức là Định.

Đã có Định học thì tự nhiên trong tâm, lộng lẫy như hư không, chẳng có cái gì bầu bám vương vít nữa, vật đến thì hay đặt tên, việc lại hay biện lý, như thế tức là Tuệ.

Nhưng nói từ thấp đến cao, các Phật tử muốn hiểu rõ cùng ba tạng giáo lý, chư Phật diệu đạo, thì phải học tập cho có từng thứ mới đến đợc. Phương chi lại mong cầu duy trì đạo đức, hoằng dương giáo lý, bỏ giới, định, tuệ ra thì lấy gì làm căn bản? vả lại Phật tổ lập ra tôn giáo là chú trọng ở “Giới” cùng “Hành”. Giải, tất dùng Tuệ; Hành tất phải dùng Giới, Định; thì đủ lấy dung thông cả Hành, Giải, và hiểu thấu cùng chân lý. Lại có sách nói: “Giới là thân Phật, Định là tâm Phật, Tuệ là nhời Phật”. Ba cái ấy là căn bản của Phật tử, nếu thiếu một không thể đợc.

4. Truyền bá giáo lý

Đã là Phật tử, chỉ muốn nối giới Phật pháp, thì phải phát tinh thần, đem Phật pháp ra mà khai hóa: vì rằng tôn giáo Phật, cốt lấy độ nhân làm tôn chỉ, nếu là Phật tử mà không có chí lớn như thế, tức là phải tội bỏ mất tôn chỉ tự giác giác tha của Phật. Vậy muốn xã hội đều đợc cảm hóa, thì các cơ quan truyền bá ra sao?

1) Mỗi chi hội nên đặt ra một Ban Khảo cứu tuyên truyền, để đi tới các làng mà diễn giảng, và các hội quán phải mở ra trường Phật học để huấn luyện cho các người xuất gia thanh niên, cùng đồng nam đồng nữ. Nhưng trong cơ quan giáo huấn, các giáo sư phải đem hết cái tư tưởng học thức của mình

đã thâm đăc ở trong giáo lý, diễn dịch ra cho giản dị tinh tường để cho các học sinh dễ hiểu. Lại thêm những khoa học như tâm lý, vật lý, thiên văn, địa dư, v.v... để hàng ngày dạy thêm vào với Phật học.

2) Các trường hương học ở các làng cũng nên yêu cầu với các thầy giáo mỗi ngày bớt ra ít chút thời giờ, diễn giảng thêm các báo chí nhà Phật.

3) Các hàng sách trong toàn quốc, cũng nên khuyến họ trần thiết các kinh sách Phật giáo, cho được tiện các độc giả xem mua. Như thế tức là hoàn toàn về các phương diện truyền bá, xã hội bất nhật cũng hóa ra một xã hội thuần lương từ thiện, bấy giờ ai là chẳng quy y Phật giáo, ai là chẳng tín ngưỡng tu trì, thì có lo chi Phật giáo chẳng long thịnh, trong nước chẳng hòa bình!

Từ trên đây, tôi bày tỏ ra các điều để cống hiến các ngài, tôi trộm tưởng. Cũng là mấy món cần thiết để duy trì Phật giáo; nhưng cổ kim lại bất luận việc gì, có phương pháp lại cũng phải có người hay, thì mới có thành hiệu. Vậy thì, hiện nay ai đã là tín đồ nhà Phật, bất luận xuất gia cùng tại gia, đều phải chung vai đấu sức, mà thực hành các điều đã nói ở trên. Nhất là thanh niên Phật tử trong Phật học, lại càng nên tinh tiến với cái trách nhiệm này nhiều lắm, lại giám mong các bậc lão thành tiền bối, đem cái sở tín, sở nguyện, sở hành ra mà dẫn dụ người sau, để cho Phật giáo giới thiếu niên trông đỏ mà cảm hóa. Sau này phiền não hóa ra an lạc, mê đồ hóa ra giác ngộ, mà cực lạc ở ngay miền quốc độ này thì hạnh phúc biết bao!

Sa môn **Tố Liên**
(ĐT số 69, ngày 15.9.1937)

Năm 1938

VÌ SAO MÀ PHẢI CHẤN HUNG PHẬT GIÁO

(Bài giảng ngày lễ khánh thành chi hội xã Bảo Lộc, Sơn Tây 20.2.1938)

Có nhiều người chưa đọc kinh Phật, chưa hiểu thấu giáo lý đạo Phật, chỉ thấy ở trong chùa có nhiều nghi tiết lễ bái cầu cúng, cho là mê tín, lại thấy nói cấm hết sự khoái lạc của người ta, như là cấm ăn thịt uống rượu, thuốc phiện, giăng gió, chơi bời xa xỉ, v.v... đều là trái ngược với chỗ sở hiểu của người ta, cho nên bảo đạo Phật là đạo chán đời, là đạo tiêu cực, không thích hợp với đời văn minh tiến hóa, có thể nói đạo Phật là đạo ngăn trở sự tiến hóa của người đời, ru ngủ đời là khác nữa. Ôi! Những người lấy cái ý kiến nhỏ hẹp của mình mà phê phán một đạo từ bi quảng đại khắp thế giới từ xưa đến nay có bao nhiêu người sùng bái, há chẳng phải nhầm lẫn dư? Có biết đâu đạo Phật chính là một đạo tích cực, là đạo thương đời chứ không phải là đạo chán đời, Giáo lý của đạo Phật có đủ tinh thần từ bi trí tuệ, bình đẳng bác ái, dũng mãnh tinh tiến, nhẫn nhục hỷ xả, tự giác giác tha, tự lợi lợi tha, hoàn toàn dạy cho người ta ở đời cần phải thương yêu nhau cứu giúp lẫn nhau, xả thân làm việc nghĩa dù có thiệt đến tính mạng tài sản cũng cho là vô thường cả, lại dạy cho người ta biết rằng cái thân người ta đây nó chỉ là cái thân giả hợp chỉ trong mấy mươi năm là có ngày tan nát mất khó lòng mà kiếm đâu ra được, nên lúc khỏe mạnh cần phải tinh tiến dũng mãnh làm việc

thiện giúp ích cho nhân quần, cho xã hội cho chúng sinh, chứ Phật và các vị Bồ tát các vị thánh hiền xa nay cũng đều nhờ cái thân này mà làm nên cả. Vậy người ta ai đã có thân cần phải tu thân sao cho khỏi phí mất thân đi, muốn tu thân cần phải tu thân sao cho khỏi phí mất thân đi, muốn tu thân cần phải bỏ những điều thị dục đi, chứ những cái sắc thanh danh lợi giả dối ở đời nó chỉ là tí mật dính ở lưỡi dao sắc nếu đưa trẻ liếm vào là bị đứt lưỡi ngay. Vì thế nên Phật răn cấm người ta không nên ham mê về đường thị dục, cần nên cố gắng về điều trung hiếu tiết nghĩa đạo đức thì cái tinh thần được khoan khoái đời đời, chứ có ham mê về sắc dục cũng chỉ như một người khát nước uống thuốc độc, nó khỏi khát tí ngoài cổ, vào trong người rồi nó sẽ phát ra không biết bao nhiêu chứng bệnh rất gớm ghê, khi đã bị mê hoảng rồi không biết, cứ tưởng mình là hay là phải chứ các vị Phật thánh là người đã giác ngộ hiểu thấu rồi trông thấy những trường hợp ấy các ngài lấy làm thương xót lắm, vì thế mà phải lập nên giáo pháp để khua tỉnh cho người sống say chết ngủ trong trường mê mộng chứ có phải là bảo người ta bỏ sự tiến hóa và ru ngủ người đời đâu, chỉ tiếc rằng xưa nay ít người hiểu thấu và làm theo đúng được giáo lý của Phật dạy nên không mấy người được hưởng cái thú vị ngon lành của đạo Phật, cũng như có cỗ ngon mà không ai được ăn thì biết thế nào được mùi ngon của nó. Còn như những nghi tiết cúng lễ cho là phiền phức, mê tín, thì lại là nhầm lẫn, phàm người ở đời ai ai cũng cần phải có lễ độ mới hiểu rõ ra là người tử tế, có lễ tất phải có nghi tiết, cái nghi tiết đó mà cho là mê tín thì không phải lắm vậy như tế đức Khổng Tử, tế đền Hùng Vương cũng là đặt vòng hoa kỷ niệm các bậc trung thần nghĩa sĩ, đấy cũng là có nghi tiết, vậy cũng cho là mê tín hay sao, huống chi Phật là một vị giáo chủ

lập nên giáo pháp dạy cho người biết đường tu tỉnh biết thương yêu nhau biết kính trọng nhau, cũng là mở mang trí tuệ để biết rõ tội phúc nhân quả luân hồi nghiệp báo thiện ác thế giới nếu theo đúng được giáo lý của ngài thì thế giới sẽ được hòa bình nhân loại mà theo đúng được giáo lý của ngài thì nhân loại sẽ được sung sướng vui vẻ, vì các lẽ đó mà mình kính trọng lễ bái ngài chứ ngài có bắt mình lễ bái đâu, chính ngài nào quyền cao chức trọng làm đến vua, giàu có đến cả nước thế mà ngài còn tự bỏ để đi tu tìm đạo chân chính để dạy bảo người đời, chứ ngài có cầu chi sự lễ bái của người ta, người ta cúng lễ tức là soi cái gương sáng suốt của ngài, mà làm theo rồi mình cũng sẽ được ung dung giải thoát như ngài. Vì ngài vẫn thường nói là hết thấy chúng sinh đều có đủ đức tính trí tuệ tu hành thành Phật cả, chỉ tiếc rằng chúng sinh không chịu làm đó thôi, xét thế thì đạo Phật bình đẳng biết chừng nào.

Nói đến đây dân tộc ta hiện nay phong hóa suy đồi đến bậc nào rồi nhân tâm rối loạn đến bậc nào rồi, nhân loại thống khổ biết chừng nào rồi, con giết cha, vợ giết chồng cưỡng thường rối loạn, bao nhiêu người cơm không có ăn, áo không có mặc, việc không có làm, sống một cách cheo leo khổ sở, như cây không rễ, như bọt nước cánh bèo, tha hồ trôi dạt không biết bám vào đâu, đó là khổ về hình thức, còn khổ về tinh thần, nói ngay trong một làng hiện nay có bao nhiêu trẻ nheo nhóc nghịch bản nghịch thủ, để sau ôm lấy cái ngu cái dốt để cho người đê đầu đê cổ, làm tội tở người không xong, nào có được mấy đứa được học hành gì đâu, nếu không học thì còn biết chi là luân thường đạo lý, một làng như thế suy ra một tổng một huyện một tỉnh một xứ như thế thì biết bao nhiêu trẻ em nheo nhóc chơ vợ, không nơi học tập không người dạy dỗ, một dân tộc như thế thời sau này còn mong gì sự

tiến hóa, vậy thì cái khổ về phần xác còn khá hơn khổ về tinh thần.

Về đường giáo dục thì chính phủ cũng đã khai hóa, song khổ về nổi số người thì nhiều mà sức dạy có hạn, trong một làng ít ra cũng có tới 3, 4 trăm đứa trẻ mà trường hương sư chỉ thu được 5,7 chục một trăm là cố, vậy thì sự giáo dục sao mà phổ cập được. Vì thế mà phải CHPG để đem giáo lý của Phật dạy khai hóa cho nhân dân nên Hội có lập ra Ban Khảo cứu để khảo cứu về giáo lý của Phật dạy, phiên dịch ra quốc ngữ, in thành kinh sách và báo Đuốc Tuệ để cho các tín đồ Phật giáo hiểu thấu giáo lý của đạo Phật, biết rõ đường tà nẻo chính mà theo.

Ban Diễn giảng mỗi tháng 2 kỳ rằm và mồng một, khắp các chùa đâu đấy đều cũng giảng kinh thuyết pháp cho công chúng nghe để biết giáo lý của đạo Phật cho khỏi phụ lòng là tín đồ đạo Phật mà không biết thế nào là Phật, lập ra Ban Hộ niệm để trông nom tụng niệm lễ bài cầu nguyện cho những khi yếu đau hoạn nạn, và có người nào về châu Phật thì tụng kinh niệm Phật cầu nguyện cho nhau được siêu sinh tịnh độ. Lập ra trường Phật học để cho Tăng Ni học tập sau này có nhiều người tài giỏi thông hiểu kinh luật ra nà hoàng pháp lợi sinh, hội lại cần làm các việc từ thiện, nếu không may ở đâu gặp sự tai biến bất thường hội cần phải lo nghĩ tìm phương giúp đỡ, sau nữa những các chùa ở các nơi nếu đâu bị tàn phá hoặc đổ nát mà cúng vào hội, hội sẽ tùy theo tài lực của hội mà lo tu bổ giữ gìn cho được tử tế, nếu sau này có nhiều vị tăng ni học thành đạt thì các chùa các dân làng đâu muốn mở trường học cho các con em học kinh sách Phật thì Hội sẽ cử đi cho. Hiện nay đâu đấy sẽ cần dạy lấy Ban Đồng ấu để biết lễ bái tụng niệm, cho các trẻ em tiêm nhiễm được giáo lý của

Phật, sau này sẽ thành người con hiếu thảo trong giúp ích gia đình, ngoài giúp ích cho xã hội là quý.

Các chùa dần dần đều nên lập thành cái thư viện chứa các kinh sách báo chí nói về đạo Phật để cho mọi người xem, các chùa là chốn công nên sửa sang cho trang nghiêm ngoài nên có vườn hoa vườn cảnh để cúng lễ để thưởng ngoạn chung. Vậy thì chùa tức là nơi để thờ mà lại là trước học dạy kinh cho tín đồ, là thư viện là công viên của cả làng. Như thế há chẳng phải là văn minh lắm dư.

Nay muốn cho chóng đạt tới mục đích của Hội nhiều người hiểu tôn chỉ đạo Phật, xin mong rằng các quý chi hội, các ngài hội viên, vui lòng sốt sắng vì đạo, nên khuyến hóa cổ động cho nhiều người vào hội, nhiều người đọc sách đọc báo của Hội đã ấn hành, suy cử lấy các vị thanh niên Tăng ni ra trường học của hội học, giúp đỡ tài chính cho trường Phật học để thừa sức mà khoáng trương về sự học, sau này mới học có nhiều nhân tài để hoằng pháp lợi sinh mà văn hồi nhân tâm thế đạo, cùng chung hưởng hạnh phúc hòa bình, ấy là công đức của ngài vô lượng vô biên đó vậy.

Sa môn **Trí Hải**
(ĐT số 80, ngày 1.3.1938)

VÌ SAO MÀ HỘI PHẬT GIÁO BẮC KỲ CẦN PHẢI CHỈNH ĐỐN MỞ MANG CÁC TRƯỜNG THUYỀN HỌC

Hiện nay tín đồ nhà Phật ở các địa phương, đương mong mỗi chư Tăng đem giáo lý của Phật tổ diễn giảng cho nghe, cũng tựa như người đương đói khát mong mỗi có người đem cơm nước cho ăn uống. Thế mà về phương diện giảng đạo,

khai trí cho tín đồ một nước như các đồ đệ của các cụ Thọ, phần già nua thì ở vào địa vị lão giả an chi, còn phần Trung niên, Thiếu niên thì còn ít ỏi lắm.

Vả Phật pháp mới xương minh. Nếu không thì Phật pháp tất phải suy, mà Phật pháp suy thì Tăng già nhục. Tăng già nhục thì đạo phải diệt, đạo diệt tất Tăng vong! Ai là người có con mắt đạt quan cái thời đại ngày nay, cũng nhận rõ rằng: bất cứ quốc gia cùng thuyền gia, hàng thiếu niên có theo luật tiến hóa để làm lợi ích cho mình và cho đời thì mới ở vào địa vị tôn quý, bằng không theo luật tiến hóa thì tất phải ở vào địa vị hạ liệt. Hội PGBK bốn ý muốn nâng cao trình độ tôn quý cho chư Tăng mà khai hóa cho tín đồ, nên cần phải hết sức chỉnh đốn mở mang các thuyền học, thỉnh cầu các cụ Thọ có đức vọng và học lực về Trung ương để chủ trương các việc giáo tập. Dám mong các ngài có lòng về đạo, đọc bài này xong nên hết sức tuyên bố cho Tăng già biết, mà tiến bộ lên trường học Trung ương thì thật là công đức vô lượng. Chúng tôi xin lược kể các trường học ở Trung ương hiện thời.

1. Đến mồng 10 tháng tư âm lịch này khai trường sư phạm ở chùa Quán Sứ theo như chương trình đã đăng ở báo Đuốc Tuệ số 55, xin chư Thượng tọa xem kỹ báo rồi phát tâm lên học chứ không phải phiên đến địa phương công cử.

2. Trường Đại học vẫn nguyên ở chùa Sở (Phúc Khánh);

3. Mở thêm trường Đại học, Trung học và Tiểu học ở chùa Bồ Đề, hiện đã có đông số học sinh vào học trường này, hoặc địa phương công cử, hoặc thầy công cử, Trung ương cũng nhận cả; nhưng người vào học phải đủ tư cách như trong báo Đuốc Tuệ số 50 và số 74 thì Trung ương mới nhận;

4. Mở thêm trường Trung học và Tiểu học về Ban Ni học ở chùa Bát Tháp (Hanoi).

Chư Tăng Ni học trong bốn trường này Hội xin cung cấp hết thảy mọi khoản để có vị an thân học đạo. Còn vị nào học một vài khóa hay một vài năm thì phải chịu lấy học phí. Như thế sự học vẫn mới được phổ thông mà nền tài chính mới được vững vàng. Xin Quý Ngài chứng minh cho.

Nay kính đạt

Bắc Kỳ Phật học Trị sự ban
(ĐT số 83, ngày 15.4.1938)

TRUNG CẦU Ý KIẾN VỀ VẤN ĐỀ CẢI CÁCH TRONG PHẬT GIÁO

Đạo Phật là đạo lấy phương pháp tùy duyên phương tiện để thực hành tinh thần cứu thế. Tức là cái tinh thần bình đẳng, từ bi, khai ngộ. Cho nên đạo Phật rất không dong cái thái mê chấp.

Vì thế trong 49 năm thuyết pháp dạy đời, đức Phật tổ Ngài đều tùy duyên của chúng sinh mà dùng mọi phép phương tiện để giáo hóa. Như những thời kỳ giảng giáo, những khi đi khuyến hóa cùng những sự độ nhật hằng ngày, lúc nào việc gì cũng tùy cơ ứng phó, không có nhất định cái gì. Mà chỉ nhất định là chỗ tinh thần giáo lý: Bình đẳng, từ bi, khai ngộ mà thôi.

Cũng vì thế, trong giáo hội đạo Phật, từ quy củ giáo học cho đến nơi tự viện, những nghi thức tượng pháp, lễ cúng, cùng những sự sinh hoạt của tăng chúng, đều do các Tổ sư tùy thời cơ, quốc độ mà chế tác ra sau khi Phật tổ thị diệt rồi cả. Thí dụ một sự cho dễ hiểu, như pho tượng Kim Cương Hộ pháp

sáng chế ra từ Ấn Độ, là hình một ông tướng quân Ấn Độ, diện mạo, áo mũ đều kiểu Ấn Độ cả. Nhưng sang Trung Quốc bèn tạc theo diện mạo, áo mũ một ông tướng Trung Quốc. Vì có như thế mới cảm được người Đông Độ. Đó chính là một phép phương tiện lợi xảo về sự diễn giáo vậy.

Đã được phương tiện sáng chế ra thì được phương tiện thay đổi lại, là lẽ cố nhiên, phương chi vì phương tiện thời cơ mà sáng chế ra là đã sự cần và sự hay, thì không biết vì phương tiện thời cơ mà đổi lại tức lại là sự dở là sự hại. Phàm phép tắc gì ở đời mà không biết ứng với thời cơ, đều bị đào thải không thể tránh được. Nhà diễn giáo cũng như vậy.

Ngày nay thế giới khai thông, nhân loại tiến hóa. Không những vật chất ganh đua cung cấp cho đời mà văn hóa cũng thi nhau cống hiến cho xã hội, hay lên hèn lụn, đều cậy ở mình. muốn cho Phật giáo nước ta hưng long, cho chỗ tinh thần bình đẳng, từ bi, khai ngộ của Phật tổ nhuần thấm khắp cho đời, trong giáo hội đạo Phật (nói về tất cả những tín đồ đạo Phật trong nước) ta phải một phen cải cách lại mọi sự học hành và nghi thức, cho hợp với cái thời cơ văn minh thế giới ngày nay thì mới cảm hóa được người mà sinh tồn hưng thịnh được.

Do những nhân duyên ấy, tòa báo Đuốc Tuệ chúng tôi mở cuộc trưng cầu ý kiến cải cách trong Phật giáo này, có liệt ra mấy vấn đề sau đây, kính thỉnh thập phương Tăng giới, cư sĩ trong nước, không kể có mua báo Đuốc Tuệ hay không, Ngài nào hữu tâm với tiền đồ đạo Phật nước nhà, ý muốn cải cách về vấn đề gì, xin gửi bài. Bài xin viết ngắn và rõ ràng để tiện đăng báo. Chúng tôi xét bài nào nên đăng xin đăng lần lượt để rộng lấy ý kiến cho các nhà cải cách lựa chọn thi hành.

Công đức vô lượng.

Những vấn đề cần cải cách trong đạo Phật hiện nay:

1. Chương trình giáo dục Tăng ni và nam nữ cư sĩ nên đổi lại thế nào?
2. Nội dung tự viện nên cải như thế nào?
3. Chỗ thờ tự, lễ bái cầu cúng và tượng pháp nên chỉnh đốn thế nào?
4. Phục sức của Tăng ni và lễ phục của cư sĩ nên chế ra như thế nào?
5. Tăng ni có nên ra làm những sinh nghiệp của xã hội không, và nên làm những sinh nghiệp gì?

Đuốc Tuệ

(ĐT số 89, ngày 15.7.1938)

VIỆC KIẾN TẠO MỘT NGÔI CHÙA TRUNG ƯƠNG TỰ VIỆN ĐỐI VỚI NỀN PHẬT PHÁP TƯƠNG LAI CỦA XỨ TA

Chắc các vị đã từng chứng thấy rõ ràng lòng ngưỡng của các dân tộc trên thế giới đối với các nền tôn giáo xưa nay: ngoài sự hy sinh về đường tinh thần không kể, mà đến ngay đường hình thức, cũng chưa từng thấy nước nào chịu bỏ sao nhãng bao giờ.

Thử xem các nước Âu Mỹ đối với tôn giáo của họ, họ khởi tạo ra biết bao nhiêu những ngôi nhà thờ hùng tráng vĩ đại, mà con mắt người mình không thể tưởng tượng có được. Ngay như nhà thờ RHEIMS ở bên Pháp, một cái công trình kiến trúc kể hàng mấy chục năm, phí tổn hàng mấy mươi

triệu, giá ta có nom thấy tất phải ngạc nhiên cho là một sự hãn kiến ở đời. Mà ngay như ở trong xứ ta đây, các đạo giáo khác vừa mới truyền bá vào chừng một thế kỷ nay, cũng đã có nhan nhản những ngôi nhà thờ đồ sộ nguy nga, chắc người trong nước ta ai cũng đều biết cả.

Vả cứ nói ngay về Phật giáo, ở bên Ấn Độ, ở bên Chi Na, Nhật Bản, cho chí những nước bé nhỏ như Xiêm La, Cao Mên ở ngay liền cạnh ta kia, cũng đã có biết bao nhiêu những ngôi chùa lớn lao lộng lẫy, đủ khiến cho người các nước trông thấy mà phải đem lòng kính phục.

Như là bên Nam Vang, có một ngôi chùa bạc ở trong lát toàn bằng một thứ gạch vuông bọc bạc, mặt trên chạm trổ rất đẹp.

Lạ như ngôi chùa Đế Thiên Đế Thích nổi tiếng là to nhất hoàn cầu, người mình cũng đã thường tai nghe mắt thấy xưa nay. Vậy mà riêng một xứ Việt Nam ta đây, mang tiếng là tôn sùng Phật pháp kể đã hơn nghìn năm nay, cái đại đức bác ái từ bi của Phật tổ, cơ hồ đã nhuần thấm vào khắp trong não tủy của hết thảy quốc dân, thế mà xét đến sự tổ chức về đường tinh thần hiện nay đã đành suy kém, rồi lại cả đến đường hình thức cũng chưa từng thấy có một chút gì ra dáng uy nghiêm tôn trọng bằng người. Các vị đàn việt thường hay lui tới lễ bái ở các chùa chiền, chắc cũng đã thừa biết nông nổi và cũng nhiều phen nghĩ mà hổ thẹn với tôn giáo nước ngoài.

Cũng vì những điều đại khuyết hám như thế, cho nên Hội PGBK ngoài việc chấn chỉnh về việc tinh thần, tu luyện, lại phải lưu tâm ngay đến việc kiến tạo ngôi chùa Trung ương tự viện.

Ngôi chùa Trung ương tự viện đương kiến tạo đây tuy không giám ví đâu với các ngôi nhà thờ lớn và các ngôi tự

viện to ở các nước khác. Nhưng trong đó sẽ có đủ các qui mô kiến thiết, có tòa bảo tháp cao to, có chốn giảng đường rộng rãi, có phòng sư ở, có chỗ in kinh, có nơi họp tập làm việc, có chốn chứa khách vãng lai, rồi thì thư viện, Phật đài, không một nơi nào là không chỉnh bị. Các vị đàn việt coi qua tấm họa đồ và các lời chú dẫn ở trên, chắc là cũng hiểu. Sự kinh phí việc kiến tạo này, ít ra cũng phải mười vạn đồng mới xong.

Cứ nói số tiền mười vạn, so với quốc dân ta kể là to thực. Nhưng nếu đem sánh với chi phí của các ngôi nhà thờ lớn và các ngôi tự viện to của các nước khác thì thực chưa thấm vào đâu.

Tuy nhiên một cành cây sao chắt nên rừng, một ngọn nước sao dồn thành biển! Vậy cái công quả từ bi đối với ngôi chùa Trung ương tự viện, há phải riêng một người nào hay một Hội nào có thể đứng lên làm nổi! Ngôi chùa Trung ương tự viện đã không phải một người nào, một Hội nào đứng lên làm nổi thì lẽ tất nhiên nó sẽ là một ngôi nhà thờ Tổ của chung tất cả con cháu nhà Phật trong toàn xứ Bắc Kỳ và nó sẽ tiêu biểu cho nền tôn giáo của xứ Bắc Kỳ đối với sự quan chiêm các người ngoại quốc.

Phật pháp nước Nam ta sau này, thịnh, suy, hưng phế thế nào, ta có thể nom vào công cuộc kiến tạo ngôi chùa Trung ương tự viện ngày nay mà dự đoán được một đôi phần.

Ngọn núi từ bi chót vót, còn trông mong ở những miếng đá bà tâm của các vị đàn việt đắp lên. Dám mong các vị đàn việt chớ đem tấm lòng bĩ thử, riêng tây, mà hãy trông vào một mục đích cao xa cùng góp sức để vê tròn quả phúc thì thật là một điều vinh dự cho nền Phật pháp tương lai không biết kể sao cho xiết.

Một tấm bà tâm, muôn nghìn hạnh phúc, giám xin các vị
đàn việt mở lượng từ bi. Nam mô A di Đà Phật!

Đuốc Tuệ

(ĐT số 89, ngày 15.7.1938)

MỤC LỤC CÁC BÀI BÁO VỀ CHẤM HƯNG PHẬT GIÁO

A. Thực nghiệp dân báo (ra hàng ngày trừ chủ nhật và ngày lễ)

1. *Phật giáo với xã hội Việt Nam*, số 1875 ra ngày 14 + 15 tháng 2 năm 1927;
2. *Ý kiến về CHPG*, Thanh Tú, số 1879 ra ngày 16.2.1927;
3. *Vấn đề CHPG*, Dư Hàng Phúc Âm tự Dương gia, số ra ngày 17 tháng 2 năm 1927;
4. *Mấy nhời bàn về việc CHPG*, An Sơn tự Chân Bảo, số 1954 ra ngày 18.5.1927.

B. Khai Hóa Nhật Báo

1. *Ai bảo nước ta không có quốc giáo*, Nam Hải, số 1637 ra ngày 13.01.1927;
2. *Dư luận: Về việc chấm hưng Phật giáo*; Tỉ khiêu biệt tự Lai, trụ trì chùa Tiên Lữ tục gọi chùa Hang, ở làng An Thái, đồn Đồng Bẩm, huyện Đông Hỷ, Thái Nguyên, số 1640 ra Chủ nhật ngày 16 tháng 01 năm 1927.
3. *Vấn đề tôn giáo ở nước ta*, Nam Hải, số 1643 ra ngày 20.01.1927; Cái đạo quái gở của L - H ở trang 3 cột 4-5; King Lom Beng, VS lai cáo, số 1648, ngày 26.01.1927;
4. *Dư luận: lại việc CHPG*, Tỉ khiêu tự Lai, số 1650, ngày 28.01.1927;
5. *Vấn đề tôn giáo ở nước ta*, Nam Hải, số 1650, ngày 28.01.1927;

6. *Vấn đề CHPG* (chương trình 3 điểm), Tỉ khiêu tự Lai, trụ trì chùa Tiên Lữ, Thái Nguyên, số 1654, ngày 9.2.1927;
7. *Vấn đề CHPG (I. Nói về sự lập ra Phật giáo hội)*, Tỉ khiêu tự Lai, số 1655, ngày 10.2.1927;
8. *Vấn đề tôn giáo ở nước ta*, Nam Hải, số 1656, ngày 11.2.1927;
9. *Vấn đề CHPG (II. Nói về sự lập ra Phật gia công học hội)*, Tỉ khiêu Tự Lai, số 1657, ngày 12.2.1927;
10. *Vấn đề CHPG (III. Nói về sự lập ra Phật học Tu thư xã)*, Tỉ khiêu tự Lai, số 1658, ra 13.2.1927;
11. *Vấn đề CHPG (IV. Nói về việc lập ra giảng đàn)*, Tỉ khiêu tự Lai, số 1659, ngày 15.2.1927;
12. *Vấn đề CHPG (V. Nói về việc lập trường học)*, Tỉ khiêu tự Lai, số 1660, ngày 16.2.1927;
13. *Vấn đề CHPG (VI. Nói về lập Thư viện)*, Tỉ khiêu tự Lai, số 1662, ngày 18.2.1927;
14. *Vấn đề CHPG (VII. Nói về việc lập ra Cuộc Y tế trong các chùa)*, Tỉ khiêu tự Lai, số 1663, ngày 19.2.1927;
15. *Vấn đề CHPG (VIII. Nói về việc lập nhà Bảo cô; IX. Nói về lập ra nhà nuôi kẻ khó; X. Nói về sự dậy nữ công cho con gái thiện tín)*, Tỉ khiêu tự Lai, số 1664, ngày 20.2.1927;
16. *Về chấn hưng Phật giáo*, Bất Tài Tử, số 1670, ngày 27.2.1927;
17. *Hội chùa Tiên Lữ, Thái Nguyên*, Sa đi lai cáo, số 1673, ngày 3.3.1927;
18. *Vấn đề CHPG, trả lời thư của ông Phục Bộ - một Phật tử Nhật Bản ở Việt Nam 10 năm*, Tỉ khiêu tự Lai, số 1688, ngày 20.3.1927.

19. *Kiến An: Chấn hưng Phật giáo (thư Thiện Chiếu gửi sư cụ chùa Phương Lãng, Thủy Nguyên, Kiến An và lời của Pháp tăng Tâm Nhạ trụ trì chùa Phương Lãng), số 1733, ngày 6.8.1927;*
20. *Lại bàn về việc CHPG, Tâm Nhạ, số 1733, ngày 6.8.1927;*
Tin Kiến An CHPG, số 1734, ngày 7.8.1927;
21. *Câu chuyện nhà sư, số 1739, ngày 13.8.1927;*
22. *Tin Thái Bình CHPG, số 1748, ngày 25.8.1927;*
23. *Chấn hưng Phật giáo, Tỉ khiêu Thanh Vinh, chùa Tứ Kỳ, Hà Đông, số 1760, ngày 8.9.1927.*

C. Đông Pháp Thời Báo

1. *Nên Chấn hưng Phật giáo ở nước nhà, Nguyễn Mục Tiên, số 529, ngày 5.01.1927;*
2. *Cũng là chuyện Cao Đài, Thiệt là mục hạ vô nhơn, Lê Đẩu Ngư, số 531, ngày 10.01.1927;*
3. *Cái vấn đề chấn hưng Phật giáo ở nước nhà, Thiện Chiếu, Linh Sơn tự, số 532, ngày 14.01.1927;*
4. *Nhấn nhủ đồng bào trong Nam Kỳ, số 535, ngày 19.01.1927;*
5. *Nên chấn hưng Phật giáo, Thiện Tông, chùa Trường Thạnh, Sài Gòn. Số 538, ngày 26.01.1927;*
6. *Muốn chấn hưng Phật giáo ngày nay nên làm thế nào cho có hiệu quả, Nguyễn Mạnh Bổng tự Mân Châu, số 544, ngày 16.2.1927;*
7. *Muốn chấn hưng Phật giáo ngày nay nên làm thế nào cho có hiệu quả, Nguyễn Mạnh Bổng tự Mân Châu, số 546, ngày 21.2.1927;*

8. *Muốn chấn hưng Phật giáo ngày nay nên làm thế nào cho có hiệu quả*, Nguyễn Mạnh Bổng tự Mân Châu, số 547, ngày 23.2.1927.

D. Bảo Đông Pháp

1. *Phật giáo nên chấn hưng như thế nào*, Tiệm hồng, số 317, 1.2.1927;
2. *Phật giáo có nên chấn hưng không*, Tỷ khiêu tự Lai, chùa Tiên Lữ, Thái Nguyên, số 318 ngày 3.2.1927;
3. *Về chấn hưng Phật giáo*, Pháp tăng tự Tâm Ứng, môn thuộc chùa Dư Hàng, Hải Phòng, số 320 ngày 8.2.1927;
4. *Chấn hưng Phật giáo*, Pháp tăng tự Tâm Ứng, môn thuộc chùa Dư Hàng, Hải Phòng, số 321 ngày 10.2.1927;
5. *Chấn hưng Phật giáo*, Pháp tăng tự Tâm Thái, môn thuộc chùa Dư Hàng, Hải Phòng, số 322 ngày 12.2.1927;
6. *Chấn hưng Phật giáo*, Pháp tăng tự Tâm Ứng, môn thuộc chùa Dư Hàng, Hải Phòng, số 323 ngày 15.2.1927;
7. *Ý kiến người Nhật Bản đối với việc CHPG ở nước Nam*, Phục Bộ, số 324 ngày 17.2.1927;
8. *Chấn hưng Phật giáo*, Bất Tài Tử, số 330 ngày 3.3.1927;
9. *Phổ cáo thập phương về CHPG*, Tỷ khiêu tự Lai, chùa Hang, Thái Nguyên, số 345 ngày 7.4.1927;
10. *Phổ cáo về việc lập đoàn thể CHPG và làm các việc cho công ích*, Nguyễn Đức Thắng, nghị viên Bắc Kỳ, số 345 ngày 7.4.1927;
11. *Tổ chức một nhà tuất bản ở chùa Phương Lãng*, Pháp tăng tự Nguyên Ân, trụ trì chùa Phương Lãng, huyện Thủy Nguyên, tỉnh Kiến An, số 346 ngày 9.4.1927;

12. *Việc lập Phúc đường ở các chùa có quan hệ đến việc CHPG*, Pháp tăng tự Nguyễn Ân, trụ trì chùa Phương Lăng, huyện Thủy Nguyên, tỉnh Kiến An, số 357 ngày 3.5.1927;
13. *Phật giáo có nên chấn hưng không*, Mộng Hoa, số 386 ra ngày 16.7.1927;
14. *Đạo Phật ở nước ta có thể chấn hưng được không*, Mộng Hoa, số 387 ngày 18.7.1927;
15. *Chấn hưng Phật giáo có phải là việc cần kíp không*, Mộng Hoa, số 388 ra ngày 20.7.1927;
16. *Lại bàn về vấn đề CHPG*, Tỷ khiêu Thanh Chuyên, trụ trì chùa Phú Quang, xã Đông Dư (làng Hàng Gỏi) Bắc Ninh, số 404 ra ngày 16.8.1927;
17. *Bàn về vấn đề CHPG*, Thanh Quán, trụ trì chùa Tràng Tín ở con đường Général Raflenel 33, Hà Nội, số 405 ra ngày 18.8.1927;
18. *Việc CHPG ở Trung Kỳ*, Trang Quang Hưng, số 455, ngày 10.4.1928;
19. *Lại bàn về vấn đề CHPG*, Tâm Trọng, thụ Thanh Văn giới, cựu trụ trì chùa Phả Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, số 479, ngày 28.2.1928;
20. *Chấn hưng Phật giáo*, Thanh Quán thượng nhân, trụ trì chùa Trường Tín (ngõ Hàng Chuối), Hà Nội, số 491 ra ngày 27.3.1928;
21. *Chấn hưng Phật giáo: Bàn về việc tô vẽ Phật tượng để thờ*, Thanh Quán thượng nhân, trụ trì chùa Trường Tín (Ngõ Hàng Chuối), Hà Nội, số 492, ngày 29.3.1928;
22. *Chấn hưng Phật giáo: Bàn về việc tô vẽ Phật tượng để thờ*, Thanh Quán thượng nhân, trụ trì chùa Trường Tín (Ngõ Hàng Chuối), Hà Nội, số 495, ngày 5.4.1928;

23. *Chấn hưng Phật giáo: Khảo cứu và bình phẩm về việc phiên dịch Tam tạng*, Thanh Quán thượng nhân, trụ trì chùa Trường Tín (Ngõ Hàng Chuối), Hà Nội, số 496, ngày 7.4.1928.

G. Trung Lập Nhật Báo

1. *Sư Thiện Chiếu bị hội chùa Hưng Long đuổi đi là đúng*, số 6884, ngày 2.12.1930;
2. *Không phải chùa Hưng Long muốn đuổi sư Thiện Chiếu*, số 6891, ra ngày 9.2.1932.

E. Báo Tràng An

1. *Sư Thiện Chiếu sau khi hoàn tục*, VT, số 21, ngày 10.5.1935;
2. *Ý kiến 4 vị đối với ngày vía Phật*, số 21, ngày 10.5.1935;
3. *Sự hành động của các Hội Phật giáo ở ba kỳ*, Phan Khôi, số 21, ngày 10.5.1935;
4. *Cảm tưởng về lễ sinh nhật đức Thích Ca*, Hoàn Nam, số 24, ngày 21.5.1935;
5. *Phong trào CHPG, T.A.*, số 135, ngày 26.6.1936;
6. *Thanh niên năm 1935*, Thạch Ngoan, số 40, ngày 15.7.1935;
7. *Phong trào CHPG*, Hoài Thanh, số 43, ngày 26.7.1935;
8. *Phong trào phục hưng Phật giáo*, Hoài Thanh, số 44, ngày 30.7.1935.

F. Báo Công Luận

1. *Vấn đề chấn hưng Phật giáo (I)*, Lão Tùng, số 1525, ngày 13.7.1929;
2. *Vấn đề chấn hưng Phật giáo (II)*, Lão Tùng, số 1527, ngày 16.7.1929;

3. *Vấn đề chấn hưng Phật giáo (III)*, Lão Tùng, số 1528 ngày 17.7.1929;
4. *Vấn đề chấn hưng Phật giáo (IV)*, Lão Tùng, số 1530 ngày 19.7.1929;
5. *Phê bình sách Phật giáo vấn đáp (I)*, Hoàng Tâm, số 2406, ngày 8.7.1932;
6. *Bức thơ của sư Thiện Chiếu*, Thiện Chiếu, số 2406, ngày 8.7.1923;
7. *Nên phê bình sách Phật nhưng phải đủ tư cách phê bình (I)*, Thiện Chiếu, 2407, ngày 9.7.1932;
8. *Phê bình sách Phật giáo vấn đáp (II)*, Hoàng Tâm, số 2407, ngày 9.7.1932;
9. *Nên phê bình sách Phật nhưng phải đủ tư cách phê bình (II)*, Thiện Chiếu, 2408, ngày 11.7.1932;
10. *Nên phê bình sách Phật nhưng phải đủ tư cách phê bình (III)*, Thiện Chiếu, 2409, ngày 12.7.1932;
11. *Nên phê bình sách Phật nhưng phải đủ tư cách phê bình (IV)*, Thiện Chiếu, 2410, ngày 13.7.1932;
12. *Nên phê bình sách Phật nhưng phải đủ tư cách phê bình (V)*, Thiện Chiếu, 2411, ngày 14.7.1932;
13. *Nên phê bình sách Phật nhưng phải đủ tư cách phê bình (VI)*, Thiện Chiếu, 2413, ngày 15.7.1932;
14. *Nói chuyện tôn giáo của Nguyễn An Ninh (I)*, Đoàn Trung Còn, số 2416 ngày 21.7.1932;
15. *Nói chuyện tôn giáo của Nguyễn An Ninh (II)*, Đoàn Trung Còn, số 2417 ngày 22.7.1932;
16. *Nói chuyện tôn giáo của Nguyễn An Ninh (III)*, Đoàn Trung Còn, số 2418 ngày 23.7.1932;

17. *Nói chuyện tôn giáo của Nguyễn An Ninh (IV)*, Đoàn Trung Còn, số 2419 ngày 25.7.1932;
18. *Coi ai là tà thuyết*, Thiện Chiếu, số 2422, ngày 28.7.1932;
19. *Coi ai là tà thuyết*, Thiện Chiếu, số 2424, ngày 30.7.1932;
20. *Coi ai là tà thuyết*, Thiện Chiếu, số 2425, ngày 1.8.1932;
21. *Coi ai là tà thuyết*, Thiện Chiếu, số 2426, ngày 2.8.1932;
22. *Coi ai là tà thuyết*, Thiện Chiếu, số 2427, ngày 3.8.1932;
23. *Phải bỏ cái bướng đi*, Thiện Chiếu, số 2431, ngày 12.8.1932;
24. *Ông Thiện Chiếu nhớ rờ sau ót rồi sẽ biết ai bướng*, số 2435, ngày 12.8.1932;
25. *Mấy lời trung thực ngộ cùng sư Thiện Chiếu và ông Hiền Huệ*, Thái Không, số 2480, ngày 5.10.1932;
26. *Mấy lời trung thực ngộ cùng sư Thiện Chiếu và ông Hiền Huệ*, Thái Không, số 2481, ngày 6.10.1932;
27. *Mấy lời trung thực ngộ cùng sư Thiện Chiếu và ông Hiền Huệ*, Thái Không, số 2482, ngày 7.10.1932;
28. *Mấy lời trung thực ngộ cùng sư Thiện Chiếu và ông Hiền Huệ*, Thái Không, số 2483, ngày 8.10.1932;
29. *Mấy lời trung thực ngộ cùng sư Thiện Chiếu và ông Hiền Huệ*, Thái Không, số 2484, ngày 10.10.1932;
30. *Cùng các sư ở Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học hội hay tạp chí Từ Bi Âm*, Hòa Khương, số 2500, ngày 27.10.1932;
31. *Cùng các sư ở Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học hội hay tạp chí Từ Bi Âm*, Hòa Khương, số 2502, ngày 29.10.1932;
32. *Đối với vấn đề biện chánh quyền sách Phật học vấn đáp*, Đôi lời thương xét cùng sư Liên Tôn ở Từ Bi Âm, Thiện Chiếu, số 2505, ngày 4.11.1932;

33. *Đối với vấn đề biện chánh quyển sách Phật học vấn đáp, Đôi lời thương xét cùng sư Liên Tôn ở Từ Bi Âm, Thiện Chiếu, số 2506, ngày 4.11.1932;*
34. *Đôi lời thương xét cùng sư Liên Tôn ở Từ Bi Âm, Vân Hà khách, số 2509, ngày 9.11.1932;*
35. *Bác lời biện chánh của ông Liên Tôn (I), Thiện Chiếu, số 2512, ngày 16.11.1932;*
36. *Bác lời biện chánh của ông Liên Tôn (II), Thiện Chiếu, số 2513, ngày 17.11.1932;*
37. *Bác lời biện chánh của ông Liên Tôn (III), Thiện Chiếu, số 2514, ngày 18.11.1932;*
38. *Chùa Hưng Long từ đây không còn giản kinh nữa, Nguyễn Văn Thiện, số 2514, ngày 18.11.1932;*
39. *Đối với vấn đề biện chánh quyển sách Phật học vấn đáp, Đôi lời thương xét cùng sư Liên Tôn ở Từ Bi Âm, Thiện Chiếu, số 2516, ngày 21.11.1932;*
40. *Bác lời biện chánh của Liên Tôn (IV), Thiện Chiếu, số 2518 ngày 23.11.1932;*
41. *Bác lời biện chánh của Liên Tôn (V), Thiện Chiếu, số 2519 ngày 24.11.1932;*
42. *Bác lời biện chánh của Liên Tôn (VI), Thiện Chiếu, số 2520 ngày 25.11.1932;*
43. *Bức thơ của Phật học hội Huế, số 2522, ngày 26.11.1932;*
44. *Bác lời biện chánh của Liên Tôn (VII), Thiện Chiếu, số 2525 ngày 1.12.1932;*
45. *Bác lời biện chánh của Liên Tôn (VIII), Thiện Chiếu, số 2526 ngày 2.12.1932;*
46. *Bác lời biện chánh của Liên Tôn (IX), Thiện Chiếu, số 2530 ngày 8.12.1932;*

47. *Bác lời biện chánh của Liên Tôn (X)*, Thiện Chiếu, số 2531 ngày 9.12.1932;
48. *Bác lời biện chánh của Liên Tôn (XI)*, Thiện Chiếu, số 2534 ngày 12.12.1932;
49. *Bác lời biện chánh của Liên Tôn (XII)*, Thiện Chiếu, số 2543 ngày 22.12.1932;

H. Kỷ Yếu Hội Phật giáo Bắc Kỳ số 1, ra tháng 5 năm 1935

1. *Bài chúc từ của Chánh Hội trưởng Nguyễn Năng Quốc* ngày 23.12.1934;
2. *Bài trả lời của sư tổ Vĩnh Nghiêm;*
3. *Mục đích tôn chỉ Hội Phật giáo*, Dương Bá Trạc.

K. Đuốc Tuệ

1. *Vì sao mà Hội PGBK sáng lập, vì sao mà báo Đuốc Tuệ ra đời*. Dương Bá Trạc số 1, ngày 10.12.1935;
2. *Lễ kết hôn trước cửa Phật*, ĐNT, số 4, ngày 31.12.1935;
3. *Lễ kết hôn trước cửa Phật*, ĐNT, số 5, ngày 7.1.1935;
4. *Diễn văn của ông Nguyễn Năm Quốc*, số 14, ngày 17.3.1935;
5. *Chúc từ của Hòa thượng Huế*, như trên;
6. *Đáp từ của Tổ Vĩnh Nghiêm*, như trên;
7. *Thư của Hội Phật học Trung Kỳ*, như trên;
8. *Chấn hưng Phật giáo là rất cần thiết*, Phạm Tài Luyện, số 14, ngày 17.3.1936;
9. *Chấn hưng Phật giáo là rất cần thiết*, như trên, số 15, ngày 24.3.1935;
10. *Chấn hưng Phật giáo*, Nguyễn Can Mộng, số 19, ngày 21.4.1936;

11. *Thanh niên tăng chúng đối với Phật học*, Sa môn Tố Liên, số 29, ngày 30.6.1936;
12. *Mấy ý kiến về Chấn hưng Phật giáo*, Thanh An, số 41, ngày 22.9.1936;
13. *Công việc duy trì giáo vụ của một chi hội Phật giáo ở địa phương*, ĐNT, số 56, ngày 1.3.1937;
14. *Phật giáo ở phủ Từ Sơn*, Trịnh Xuân Nham, số 58, ngày 1.4.1937;
15. *Lời than phiền của ny cô Tâm Nguyệt*, số 60, ngày 1.5.1937;
16. *Mục đích chấn hưng Phật giáo*, Tố Liên, số 69, ngày 15.9.1937;
17. *Vì sao mà phải chấn hưng Phật giáo*, Trí Hải, số 80, ngày 1.3.1938;
18. *Vì sao mà Hội PGBK cần phải chỉnh đốn mở mang các trường học*, số 83, ngày 15.4.1938;
19. *Trung cầu ý kiến về việc cải cách trong Phật giáo*, số 89, ngày 15.7.1938;
20. *Việc kiến tạo một ngôi chùa Trung ương tự viện*, số 89, ngày 15.7.1938.

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Lời nói đầu	5
Lời giới thiệu	7
Những chữ viết tắt	9
Năm 1927	11
Năm 1928	176
Năm 1929	195
Năm 1932	206
Năm 1934	342
Năm 1935	347
Năm 1936	383
Năm 1937	421
Năm 1938	440
Mục lục các bài báo về Chấn hưng Phật giáo	452

PHONG TRÀO CHẤN HƯNG PHẬT GIÁO

(Tư liệu báo chí Việt Nam từ 1927 - 1938)

Nguyễn Đại Đồng - Ph.D Nguyễn Thị Minh

*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Hà Ngọc Thọ

Biên tập: **Đỗ Thị Quỳnh**

Sửa bản in: **Nguyễn Đại Đồng**

Trình bày bìa: **Ngọc Anh**

Vi tính: **Cẩm Hà**

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Số 4 - lô 11 - Trần Duy Hưng - Hà Nội

ĐT: 04-5566701 - FAX: (04).5566702

Số lượng in: 500 bản; khổ 14,5 x 20,5 cm. Tại Công ty TNHH một thành viên Người Lao động, 131, Cống Quỳnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Số xuất bản: 572-2007/CXB/2-187TG. In xong và nộp lưu chiểu quý 1 năm 2008.

Giá: 50.000 đồng

Sách ebook này dùng để phục vụ đối tượng sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh... và những độc giả chưa có điều kiện mua sách.

Vui lòng không sử dụng file vào mục đích thương mại.

Nếu có khả năng, mời quý độc giả đặt sách giấy để ủng hộ công tác của thư viện.

Chân thành cảm ơn!

THƯ VIỆN HUỆ QUANG

116 Hòa Bình, Hòa Thạnh, Tân Phú, TP. HCM

Website: thuvienhuequang.vn